

BRIAN EYLER

Nguyễn Đình Huỳnh dịch

**NHỮNG NGÀY CUỐI
CỦA DÒNG
MEKONG
HÙNG VĨ**



Những Ngày Cuối Của Dòng Mekong Hùng Vỹ

Brian Eyler

—★—

Nguyễn Đình Huỳnh *dịch*

Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam

Phanbook *phát hành*

—★—

ebook@vctvegroup

—★—

Ebook này chỉ để tham khảo, mua sách giấy để ủng hộ tác giả và dịch giả.

Tác giả

BRIAN EYLER là Giám đốc Chương trình Đông Nam Á của Trung tâm Stimson tại Washington, DC. Ông từng có thời gian quản lý các trung tâm du học ở Bắc Kinh và Côn Minh, Trung Quốc cho IES Abroad và dẫn đầu nhiều chuyến tham quan học tập trên khắp khu vực sông Mekong.

Trong *Những ngày cuối của dòng Mekong hùng vĩ*, Brian Eyler dẫn chúng ta bước vào một chuyến khảo sát Mekong từ thượng đến hạ nguồn, tìm hiểu về những người phụ thuộc vào tài nguyên nơi đây. Thông qua câu chuyện sinh kế của các cộng đồng cư dân chịu tác động bởi chính sách khai thác và tái định hình môi trường dòng sông này, ông đưa ra các giải pháp hợp lý, và cũng cảnh báo nếu những kịch bản tồi tệ không xảy ra...

DANH MỤC BẢN ĐỒ VÀ SỐ LIỆU

Bản đồ lưu vực Mekong

Bản đồ khu vực Zomia

Bản đồ các đập ở tây nam Trung Quốc

Bản đồ Tam Giác Vàng

Bản đồ nước Lào

Bản đồ các đập ở Hạ Mekong

Bản đồ Campuchia

Bản đồ hồ Tonle Sap và bãi bồi sông Mekong

Tác động của biến đổi khí hậu và đập thượng nguồn lên hồ Tonle Sap

Bản đồ sử dụng đất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Sơ đồ tác động xâm nhập mặn và mực nước biển đối với vùng đồng bằng
sông Cửu Long

GIỚI THIỆU

Trường Mekong ở huyện vùng biên Chiang Khong, Thái Lan, gần trung tâm Tam Giác Vàng, cách bờ dòng sông nổi tiếng này chưa đến hai mươi mét. Ngôi trường kiểu nhà sàn hai tầng bằng gỗ tếch được nhóm bảo tồn cộng đồng Rak Chiang Khong xây dựng vào năm 2013. Phòng họp là một không gian mở trên tầng hai của trường, các vị lãnh đạo cộng đồng địa phương thường tụ họp ở đây trên những chiếc chiếu dài, trao đổi quan điểm về cách bảo tồn văn hóa địa phương, quản lý rừng cộng đồng, và bảo vệ các tài nguyên quý giá của sông Mekong. Gian nhà chính của trường dài tầm hai mươi mét, cạnh chiếc lán nhỏ ba vách mặt tiền mở ra sông. Ba buồng chuối xanh chưa chín cắt từ những cây chuối trồng dọc theo rìa mảnh đất của trường treo trên xà ngang cái lán. Một tấm áp phích mua ngoài cửa hàng in hình Quốc vương Thái Lan Bhumibol Adulyadej vừa qua đời được treo trên bức tường phía sau cạnh những tấm áp phích lớn vẽ bằng tay hình Hồ Chí Minh, Che Guevara và Nelson Mandela. Phía dưới là bức tranh vẽ Naga, thần rắn bảo vệ sông Mekong. Trong bức tranh, phần cuối đuôi của Naga bị chặt nát, nhưng đôi mắt vẫn rất sống động.

Đó là một buổi sáng tháng Một trong lành, tôi đang ngồi bên chiếc bàn dã ngoại đặt giữa ngôi trường và con sông cùng với Niwat Roykeaw, trưởng nhóm Rak Chiang Khong và là người am hiểu mọi thứ về dòng Mekong. Người dân địa phương gọi ông là Khru Tee, có nghĩa là thầy hay đạo sư, và Trường Mekong là đạo tràng của ông. Vài ngày trước, Khru Tee đã chỉ cho

tôi thấy cách các cộng đồng địa phương thích nghi với tình hình đang thay đổi. Ông cho biết sản lượng cá đánh bắt ở đây đang sụt giảm và mực nước sông Mekong gần đây dâng cao một cách khó lường vào giữa mùa khô. Cả hai tình huống trên đều liên quan đến các con đập của Trung Quốc, cách Chiang Khong hàng trăm cây số về phía thượng nguồn. Ông có vóc người mảnh khảnh, tóc bạc để dài, buộc thả sau lưng cho thấy phong trào văn hóa đối kháng những năm 1960 ở phương Tây đã lan đến tận Tam Giác Vàng từ hàng chục năm trước. Đặc điểm nổi bật nhất của ông là chiếc răng cửa dài hơi nhô ra ngoài so với những chiếc còn lại. Nhìn kỹ mới thấy đôi mắt của Khru Tee lấp lánh ngọn lửa chứa những câu chuyện về dòng Mekong.

Vào những năm 1960, Khru Tee còn là một cậu bé sống trong căn nhà sàn bằng gỗ phía bên bờ sông của con phố độc nhất ở Chiang Khong. Cậu giúp mẹ chăm sóc khu vườn ven sông trồng đu đủ, ớt, cà tím, và mò cua bắt ốc, tìm kiếm những thứ ngon lành khác trên bờ sông. Cậu nhìn ngư dân ngày ngày mang hàng đồng cá lên chợ. Thỉnh thoảng, người dân trong huyện tụ tập xem cá trê Mekong khổng lồ mới bắt được có khi dài tới 3m và nặng hơn 300kg. Vào những tháng mùa đông mát mẻ, gia đình cậu ngủ trên chiếu trải dưới sàn nhà cạnh đồng lửa, điểm chung của các ngôi nhà ở vùng Tam Giác Vàng và vùng cao Đông Nam Á. Những người lớn tuổi nhất luôn ngủ gần lửa nhất, và Khru Tee thường tranh với anh chị mình ngủ cạnh ông nội cho ấm. Đêm đêm để đỡ Khru Tee ngủ, ông nội kể cho cậu nghe những câu chuyện về Bulaheng khổng lồ, ông lão của sông Mekong, người bảo vệ dòng sông và các vùng đất lân cận. Theo tôi, Bulaheng là nhân vật kiểu như Paul Bunyan, người thợ đốn gỗ khổng lồ trong truyện dân gian Mỹ. Nhưng điểm khác biệt ở đây là thay vì đốn hạ rừng, ông là người canh giữ vùng Tam Giác Vàng, chiến đấu chống lại quỷ dữ và những kẻ xâm phạm. Dấu chân của Bulaheng tạo ra núi và sông khi ông đi qua vùng đất này. Giống như Paul Bunyan nuôi bò Babe the Blue Ox thành một con thú

khổng lồ, Bulaheng đã nuôi cá sông Mekong để chúng luôn dồi dào, to lớn, cung cấp cho những người sống gần sông. Nơi ông nghỉ ngơi, Bulaheng tạo ra vùng đất bằng phẳng và dạy cho người dân sông Mekong cách trồng lúa trên đồng và làm cái đơm để bắt cá.

Năm 2001, Khru Tee cùng với vài người dân Chiang Khong đã chiếm giữ những tảng đá trôi lên trên mặt nước giữa sông Mekong ngay phía bắc Chiang Khong. Vài ngày trước, các kỹ sư từ Trung Quốc chạy tàu cao tốc đến và cài chất nổ vào các tảng đá theo một kế hoạch phát triển nhằm dọn đường cho tàu thuyền buôn bán của Trung Quốc đi xuống hạ nguồn. Người dân địa phương tin rằng những tảng đá là nơi sinh sản theo mùa của loài cá trê Mekong khổng lồ, và nếu không có chúng, những loài đang gặp nguy này sẽ bị tuyệt chủng. Khru Tee và những người bạn của ông đã ngăn chặn thành công đám người Trung Quốc, những người này về sau đã chấp nhận xây dựng công trình cảng ở Chiang Saen, thành phố cách 40km về phía thượng nguồn. Khi Khru Tee kể cho tôi chuyện này, ông nói chính ý chí của Bulaheng đã dẫn dắt những người phản kháng tiến lên.

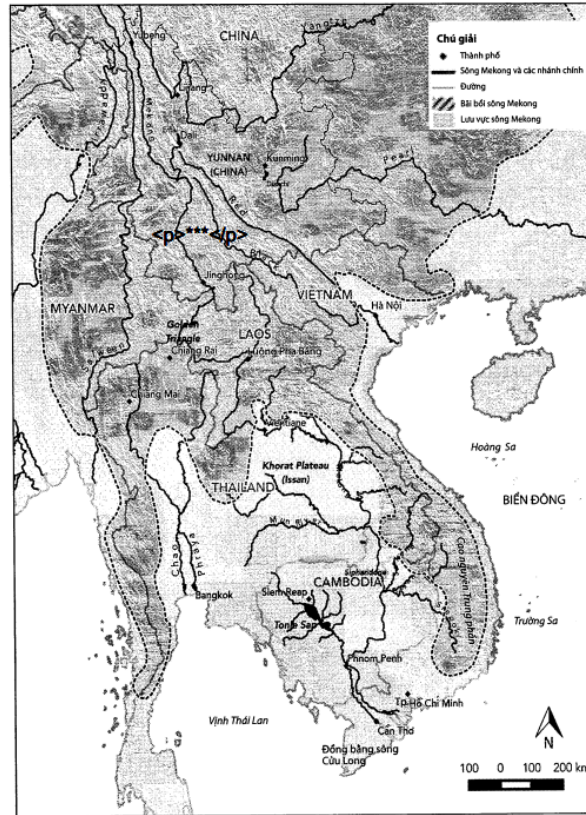
Qua chương trình ở Trường Mekong, Khru Tee cố gắng làm sống lại huyền thoại Bulaheng. “Nếu mọi người biết được huyền thoại này, họ sẽ hiểu vì sao Bulaheng là người bảo vệ hệ sinh thái vùng này. Thông qua Bulaheng, trẻ em sẽ biết được các thành phần của hệ sinh thái phối hợp với nhau như thế nào và hiểu được vị trí của chúng trong hệ sinh thái này”, ông nói. Những năm vừa qua, vào mùa câu cá trê theo truyền thống, nhóm Rak Chiang Khong tổ chức một lễ hội tưởng niệm Bulaheng. Mỗi năm, Khru Tee cùng với trẻ em địa phương dựng hình Bulaheng cao hai tầng diễu hành qua huyện và diễn các vở kịch luân lý theo truyền thuyết Bulaheng.

Trong cuộc trò chuyện, tôi gợi ý trong vở diễn năm nay Bulaheng đung phải con đập trên sông Mekong và đá sập nó. Mất Khru Tee sáng lên. “Bulaheng đá con đập!”, ông nói to, “Hay, chúng tôi sẽ làm thế!” và bắt đầu phổ biến ý tưởng đó cho những người khác ngồi quanh bàn. Tôi nhắc ông Trung Quốc lại đang tập hợp nỗ lực để phá hủy các bãi cạn ngay phía bắc Chiang Khong và khai thông lòng sông để tàu hàng lớn qua lại. Tôi hỏi nhóm ông có chuẩn bị hành động gì không. “Chúng tôi sẽ tiến ra đó lần nữa và ngăn họ lại. Chúng tôi có Bulaheng sau lưng, và nếu Bulaheng đá đập được thì Bulaheng chặn người Trung Quốc được!” Nhưng với những thay đổi nhanh chóng do việc đầu tư xây dựng cầu, đường cao tốc, đập, và siêu thị ở khu Tam Giác Vàng, một số do Trung Quốc xây và một số do nước khác, giữ cho truyền thuyết Bulaheng sống mãi dường như là một nhiệm vụ rất khó khăn.

Sông Mekong dài 4300km và chạy qua hay tạo thành đường biên giới của Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Sông bắt nguồn từ cao nguyên Thanh Hải - Tây Tạng, hơn nửa chiều dài sông chảy qua Trung Quốc. Ở Trung Quốc, người ta gọi là sông Lan Thương. Để tiện cho độc giả, tôi không gọi sông Mekong ở Trung Quốc là sông Lan Thương. Cho đến gần đây, phần lớn người dân Trung Quốc không biết sông Lan Thương và sông Mekong là một, dẫn đến chuyện nhiều người ở Trung Quốc thắc mắc vì sao các nước hạ nguồn lại quá bận tâm đến cách Trung Quốc đối xử với sông Mekong. *Where Have All the Fish Gone* (Cá đi đâu hết rồi), phim tài liệu của nhà báo Đông Nam Á kỳ cựu Tom Fawthrop, cho thấy sự thiếu hiểu biết đó khi ông quay phim một nhà ngoại giao Trung Quốc nói rằng những việc xảy ra trên sông Lan Thương chẳng ảnh hưởng gì đến sông Mekong vì chúng là hai con sông khác nhau. Truyền thông Trung

Quốc khi đưa tin về các sự kiện xuyên biên giới như vụ sát hại tàn bạo 13 thương nhân Trung Quốc vào năm 2011 trên sông Mekong ở Tam Giác Vàng đã cố thay đổi suy nghĩ đó. Nhưng với nhiều người, đó vẫn là hai con sông khác nhau.

Tuy phần sông Mekong chảy qua Trung Quốc rất dài nhưng nó đóng góp chưa đến hai mươi phần trăm lượng nước trong lưu vực sông Mekong. Con sông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng và sau khi vào Vân Nam, nó chảy nhanh qua các hẻm núi sâu, chạy song song với ba con sông lớn của châu Á. Ở Vân Nam, khoảng cách giữa sông Salween, sông Irrawaddy, sông Mekong với dòng chính của con sông dài nhất Trung Quốc - sông Dương Tử, có lúc dưới 120km. Ở phía nam tỉnh Vân Nam, sông Mekong cũng chảy gần sông Hồng, tuyến đường thủy quan trọng nhất Bắc Việt Nam. Ngay sau khi ra khỏi Trung Quốc, dòng sông không có đối thủ cạnh tranh giành nguồn cung cấp nước. Lưu vực của nó lấy nước từ khắp nơi, ngoại trừ phần đông bắc nhỏ bé của Lào, một nửa của Thái Lan và gần như toàn bộ Campuchia. Phía nam Phnom Penh, thủ đô Campuchia, sông Mekong phân thành nhiều nhánh, cấp nước cho hơn 30.000km kênh nhân tạo của đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam Việt Nam.



Bản đồ Lưu vực sông Mekong.

Hơn sáu mươi sáu triệu người sống trong lưu vực sông Mekong. Con số này bao gồm phần lớn dân số Lào và Campuchia, một phần ba của sáu mươi lăm triệu dân Thái Lan, và một phần năm của chín mươi triệu người Việt Nam. Phần sông thuộc Trung Quốc có dân cư thưa thớt trừ Cảnh Hồng, thủ phủ của châu tự trị dân tộc Thái Tây Song Bản Nạp, thành phố lớn thứ ba nằm dọc theo bờ sông có dân số 500.000 người. Xuôi theo dòng sông sẽ thấy phần lớn cư dân gần bờ sông sống trong những ngôi làng và thị trấn nhỏ có vài trăm hay vài ngàn dân. Trung bình một người dân nông thôn trong lưu vực sông Mekong đánh cá, trồng lúa hay hoa màu có thu nhập khoảng 800 đô-la một năm. Thực phẩm của dân ở lưu vực sông Mekong chủ yếu lấy trực tiếp từ dòng sông này hay vùng đất bao quanh, cùng với những thứ bày bán ở chợ địa phương. Chẳng hạn, trung bình một người Campuchia nhận được khoảng 60% lượng protein nhờ ăn cá đánh bắt từ

sông Mekong. Nếu ngồi bè đi dọc chiều dài sông, điều thực ra không thể thực hiện được do các thác nước ở biên giới Lào và Campuchia, các đô thị như thủ đô Viêng Chăn và Phnom Penh là những thứ hiếm hoi nhìn thấy được. Tuy nhiên, các thành phố như Phnom Penh đang bùng nổ thu hút những người mới đến từ các vùng nông thôn do nền kinh tế đô thị phát triển của chúng. Dân số Phnom Penh đã tăng từ 1,3 triệu năm 2008 lên 2 triệu năm 2017. Cũng trong khoảng thời gian đó, dân số Viêng Chăn tăng gần bốn lần từ 208.000 lên gần 800.000.

Tình trạng mật độ dân số tương đối thấp và sự phát triển đô thị rầm rộ nhưng không thường xuyên này không có ở vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam. Khi hành trình giả định của chúng ta xuôi theo dòng sông vào Việt Nam còn chưa đầy hai trăm kilômét sẽ tới biển, dòng sông đang lơ lờ lười biếng bỗng nhộn nhịp thương lái và nông dân. Dân đồng bằng sông Cửu Long vận chuyển hàng hóa bằng sà lan và thuyền đuôi dài đến các chợ nổi nằm ngay giữa sông hay đến các thị trấn và thành phố lớn như Cần Thơ, Long Xuyên, Mỹ Tho. Ở đồng bằng này, những dãy nhà nhỏ một đến hai tầng chạy dài không dứt dọc theo các mạng lưới kênh đào được người Việt và các cường quốc thực dân thất bại trong việc thống trị Việt Nam xây dựng cách đây hơn ba thế kỷ. Mật độ dân số ở đây là 425 người/km², cao hơn năm lần so với mật độ ở phần thượng nguồn lưu vực này. Mãi đến gần đây, ba đặc điểm - sự biệt lập, chu trình thủy văn độc đáo của dòng sông, và cách hai đặc điểm này tương tác với nhau để tạo ra sự đa dạng của dân cư, hệ thực vật, và động vật - đã xác định cách người dân ở đây tương tác với nhau, với dòng sông, và với vùng đất xung quanh. Đầu tiên, dòng sông cắt đôi lục địa Đông Nam Á, tạo ra sự tách biệt giữa các vùng ảnh hưởng của Việt Nam và Thái Lan trước đây. Ngoài Đế quốc Khmer, dòng sông còn đánh dấu biên giới biệt lập của các vương quốc. Ví dụ, một tỉnh đông bắc Thái Lan giáp sông Mekong có tên là Loei, nghĩa là

“ngoài kia”. Đối với người Thái, đó là nơi không người sinh sống hay nơi nền văn minh của nó không thể xâm nhập. Đi lại đường bộ qua lưu vực này lúc nào cũng khó khăn. Nhà thám hiểm người Pháp Henri Mouhot đã ghi nhận vào giữa thế kỷ 19 đi đường bộ từ Sài Gòn đến cố đô Luông Pha Băng cổ xưa ở Bắc Lào còn lâu hơn so với đi đường thủy từ Sài Gòn đến Paris. Sự cô lập của sông Mekong khiến các vương quốc và đế chế lớn của Thái Lan, Việt Nam, và Campuchia thời cận đại hiếm khi mua bán với nhau và thay vào đó mua hàng hóa của các thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ, và Mã Lai đang thống trị các tuyến thương mại đường biển. Chắc chắn đã từng có thương mại đường bộ, và trong lịch sử nó được các thương nhân lui tới tỉnh Vân Nam của Trung Quốc kiểm soát. Địa hình trắc trở và mật độ dân số tương đối thấp khiến cho sức mạnh các vương quốc này hiếm khi vượt quá 100km tính từ thủ đô của chúng. Do địa lý như thế, mãi đến cuối thế kỷ 19, các khái niệm biên giới theo nghĩa hiện đại mới được biết đến, và các quốc gia hình thành từ các vương quốc này không có nhiều di sản quan hệ khu vực. Thực ra, các nước này trong lịch sử đều có quan hệ với các cường quốc xa xôi như Trung Quốc, Liên Xô, và Hoa Kỳ tốt hơn là với nhau. Đối với nhau, các nước này chỉ cướp phá kinh đô của nhau hay bắt giữ và nô dịch người dân các nước lân cận.

Sông Mekong thường đông đúc thuyền bè qua lại, nhưng chỉ đi được từng đoạn, và điều này cũng cố đặc điểm cô lập của nó. Ở đoạn giữa sông, đá nhô và bãi cạn ở gần Tam Giác Vàng cản trở tàu hàng lớn đi qua. Trong hai thập niên vừa qua, giao thương đường sông giữa Trung Quốc và Thái Lan đã cải thiện hơn, nhưng những chỗ khó qua trên đoạn sông dài 180km đòi hỏi kỹ năng của những thuyền trưởng giàu kinh nghiệm nhất. Mực nước ở đây thường xuống rất thấp trong mùa khô - kéo dài từ tháng 11 đến tháng 6 - đến nỗi tàu buôn của Trung Quốc không thể xuất bến. Xa hơn về phía hạ nguồn, một đường đứt gãy tự nhiên cắt ngang dòng sông tại Siphandone

(Bốn Ngàn Đảo) trên biên giới Lào với Campuchia tạo ra một loạt thác nước không thể vượt qua.

Trong lịch sử, khó khăn do những rừng núi cao càng làm tăng tính biệt lập và xa cách của vùng Mekong. Bản đồ địa hình cho thấy phần lớn lục địa Đông Nam Á có độ cao hơn ba trăm mét, và những ngọn núi vùng cao Đông Nam Á là nơi khó vượt qua nhất trên thế giới. Những vương quốc tìm cách mở rộng lãnh thổ qua xâm chiếm hay thương mại đều đuối sức dưới chân núi đồi vùng cao Đông Nam Á và trở thành mục tiêu dễ dàng của các nhóm sắc tộc thiểu số sống trên vùng núi. Trong các cuộc chiến chống Pháp và Mỹ, quân đội Việt Nam và Lào đã lợi dụng độ cao này để tạo lợi thế, ẩn nấp trong rừng rậm và hang động rồi đánh bại các đội quân mạnh nhất thế giới bằng cách sử dụng chiến thuật du kích thay vì giáp mặt kẻ thù trên chiến trường theo lối cũ. Khmer Đỏ, chế độ chính trị sát hại hơn 1 triệu người ở Campuchia từ 1975 đến 1978 đã tồn tại ở vùng núi của Campuchia trong nhiều thập niên sau khi bị người Việt Nam đánh đuổi vào năm 1979. Thậm chí hiện nay, các vùng cao hẻo lánh của lưu vực sông Mekong là các trung tâm sản xuất thuốc phiện vì các nước yếu như Lào và Myanmar không thể triển khai lực lượng an ninh và bài trừ ma túy lên vùng đồi núi để triệt phá. Đồng thời, thuốc phiện là sản phẩm duy nhất bán được giá cao tới mức dân làng hay bọn buôn lậu sẵn sàng gửi nó xuống những con đường mòn nhỏ hẹp ra chợ.

Chu trình thủy văn tự nhiên của dòng sông là đặc điểm quan trọng thứ hai của nó. Từ khi định cư ở lưu vực sông Mekong, người ta đã dựa vào các đợt lũ theo mùa của dòng sông để đưa nước khắp vùng đầu nguồn và đưa phù sa màu mỡ vào các cánh đồng giúp mùa màng bội thu. Không nơi nào sức mạnh hùng hãn của dòng Mekong hiện rõ và tác động lớn hơn vùng hồ Tonle Sap ở miền Trung Campuchia. Vào mùa mưa, nhịp thoát lũ của sông

Mekong khiến nhánh sông chảy ra từ hồ Tonle Sap đảo ngược dòng chảy, đưa nhiều nước trở lại hồ đến nỗi diện tích mặt hồ tăng gần năm lần. Hiện tượng tự nhiên này đã tạo ra Đế quốc Khmer, và vào thế kỷ 10 họ đã bắt đầu lợi dụng chu kỳ lũ lụt hằng năm này để trồng ba vụ lúa một năm, đủ để nuôi sống bộ máy hành chính và quân đội lớn đến nỗi đế chế này bành trướng ra gần như toàn bộ lục địa Đông Nam Á. Kế bên phế tích Angkor Wat gần Xiêm Riệp ngày nay là hai hồ chứa hình chữ nhật khổng lồ được xây dựng vào thời hoàng kim của Đế quốc Khmer, các công trình này trữ nước trong mùa khô để tưới cho những vùng đất trồng trọt của đế quốc. Ngày nay, hệ thống tưới tiêu hiện đại của Campuchia không tinh vi như thời từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 13. Vì thế, nông dân hiện còn phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn nước lũ của sông Mekong và hồ Tonle Sap trong mùa mưa. Xa hơn về phía hạ nguồn là vùng châu thổ của Việt Nam, lũ lụt hằng năm cũng hỗ trợ sinh kế cho 18 triệu người sản xuất 75% sản lượng lúa gạo trên chưa đến 12% đất đai của nước này.

Hai đặc điểm nêu trên của sông Mekong, sự cách biệt và lưu lượng nước mạnh cùng với tài nguyên trong dòng chảy nhờ chu trình thủy văn tự nhiên của nó, đã kết hợp tạo ra đặc điểm thứ ba - độ đa dạng cao, cả về sắc tộc dân cư trong khu vực và hệ động thực vật của nó. Học giả James Scott thuộc Đại học Yale đã miêu tả các miền cao của vùng Mekong là khu vực nung nấu của các nhóm sắc tộc chọn trốn tránh các nền văn minh đồng bằng đang bành trướng như Trung Quốc, Việt Nam, hay Thái Lan. Trong tác phẩm quan trọng năm 2009 *The Art of Not Being Governed* (Nghệ thuật để không bị trị), Scott đặt tên cho vùng cao này của Trung Quốc và Đông Nam Á là Zomia^[1]. Quân đội đồng bằng bạo ngược không thể đưa xe cộ và vũ khí lên đồi núi tấn công những người ẩn náu ở đó. Rừng có nhiều tài nguyên thiên nhiên có thể làm thức ăn và việc giao dịch mua bán giúp duy trì sinh kế và bản sắc của những người này. Điều này giúp cho các nhóm

sắc tộc ở Zomia giao dịch độc lập và bình đẳng với các vương quốc đồng bằng theo điều kiện của họ và phần nào giữ được khoảng cách. Do đó, những người trốn lên vùng tài nguyên thiên nhiên bất tận được tự do lựa chọn những nét đặc sắc văn hóa từ cuộc sống của họ ở đồng bằng trước đây và lấp đầy những chỗ trống còn lại bằng các phong tục và nghi lễ do chính họ nghĩ ra. Ví dụ, tỉnh Vân Nam ở Trung Quốc, nơi sông Mekong chia đôi, là quê hương của 26 trong 56 nhóm sắc tộc được công nhận chính thức và Lào có đến 149 nhóm sắc tộc được đăng ký gồm 8 ngữ hệ khác nhau. Mức độ đa dạng sắc tộc tương tự cũng có ở các vùng cao của Thái Lan, Campuchia, và Myanmar nằm trong hay quanh lưu vực sông Mekong. Zomia, theo định nghĩa là các phần thuộc lục địa Đông Nam Á và Trung Quốc ở độ cao trên 300 mét, là một trong những khu vực đa dạng văn hóa nhất trên thế giới.

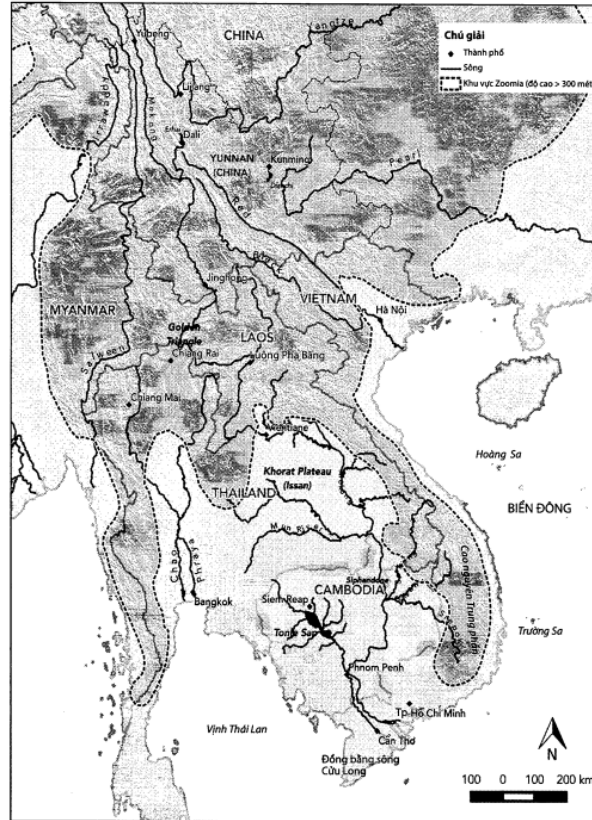
Các nhà nghiên cứu nghề cá trên sông Mekong đã xác định hơn 1.000 loài đặc hữu của con sông này, trong đó có hơn 700 loài di trú^[2]. Chỉ có sông Amazon hơn hẳn sông Mekong về sự đa dạng các loài cá, nhưng sông Amazon dài gần gấp đôi và có vùng đầu nguồn rộng gần mười lần sông Mekong. Không dòng sông nào trên trái đất có nhiều cá di trú hơn sông Mekong. Các con sông nhiệt đới như sông Mekong và sông Amazon thường có nhiệt độ ấm áp, tạo ra nhiều cơ hội hơn cho sự tiến hóa hình thành loài. Nói cách khác, cá ngủ ít hơn và sinh sản thường xuyên hơn, do đó đẩy nhanh chu kỳ tiến hóa. Ở những khu vực bằng phẳng như hồ Tonle Sap, nhịp lũ hằng năm đưa nước tiến sâu vào các đầm lầy và rừng, giúp cá có được nguồn dinh dưỡng gần như không giới hạn. Nguồn dinh dưỡng dồi dào có được nhờ chu kỳ lũ lụt hằng năm tạo điều kiện cho những quần thể cực lớn của nhiều loài cá. Ví dụ, một ngày đánh cá bình thường trên hồ Tonle Sap sẽ thu được hơn 20 loài cá đủ kích cỡ. Một số loài cá tiếp tục lớn chừng nào chúng vẫn còn thứ để ăn, vì thế nguồn thức ăn dồi dào do lũ

sông Mekong mang lại đã tạo ra một số loài cá lớn nhất thế giới như loài cá trê Mekong khổng lồ và loài cá đuối nước ngọt khổng lồ, cũng như các động vật có vú sống dưới sông như loài cá heo nước ngọt. Nguồn cá tự nhiên dồi dào ở sông Mekong khiến nơi đây trở thành ngư trường nước ngọt nội địa lớn nhất thế giới, với sản lượng đánh bắt mỗi năm hơn 2 triệu tấn^[3]. Không có lưu vực sông nào trên thế giới có được sản lượng như thế. So sánh, sản lượng đánh bắt hằng năm của sông Mekong cao hơn 13 lần sản lượng đánh bắt của tất cả các sông và hồ ở Bắc Mỹ - tính cả Ngũ Đại Hồ - cộng lại.

Ngày nay ba đặc điểm quan trọng và phụ thuộc lẫn nhau đó đang thay đổi mạnh mẽ do các quá trình năng động liên quan đến việc hiện đại hóa, công cuộc phát triển kinh tế quốc gia, và sự xuất hiện các cấu trúc khu vực mới thúc đẩy thương mại quốc tế và kết nối khu vực. Các trung tâm quyền lực ở đồng bằng có thể sử dụng công nghệ hiện đại để giành quyền kiểm soát tài nguyên ở vùng cao và tác động mạnh mẽ lên dân cư ở đó với mức độ lớn hơn nhiều so với trước. Nơi từng là vùng xa xôi hẻo lánh giờ nằm trong mạng lưới các dự án đường bộ và đường sắt kết nối với nhau, không chỉ đưa các nước trước đây chia cách gần lại với nhau, mà còn thâm nhập lên các triền núi để khuyến dụ dân chúng, phần lớn còn trẻ và chủ yếu thuộc các sắc tộc thiểu số, đi xuống các thành phố miền xuôi hòa lẫn vào lối sống hiện đại mới nổi.

Các nước dọc sông Mekong hiện đang thao túng khả năng sản xuất của hệ sinh thái sông Mekong bằng cách tận dụng nhịp lũ hằng năm và khai thác cát ở lòng sông. Tất cả các quốc gia sông Mekong đi qua đều tìm cách xây đập trên sông và các sông nhánh. Đập sẽ điều tiết chu trình tự nhiên của dòng sông để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và phân phối nước cho thâm canh trong nông nghiệp. Hiện tại, Trung Quốc vận hành 10

đập trên thượng lưu sông Mekong và thêm 9 đập khác dự kiến hoàn thành trước năm 2030. Lào có kế hoạch xây 9 đập trên dòng chính sông Mekong và dự trù xây hơn 130 đập ở các sông nhánh - tất cả nằm trong mục tiêu trở thành “nguồn điện của Đông Nam Á”. Campuchia sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất từ các đập thượng nguồn, nhưng nước này cũng có kế hoạch xây 2 đập trên dòng chính và một loạt đập trên sông nhánh. Vô số nghiên cứu cho thấy xây đập trên dòng chính của sông Mekong và các nhánh của nó sẽ tác động hủy diệt các loài cá di cư và sinh kế của ngư dân địa phương, nhưng rất ít nhà hoạch định chính sách trong lưu vực quan tâm đến các cảnh báo này. Điều đó khiến ngành đánh bắt cá trong đất liền lớn nhất thế giới ở đây lâm nguy và tiếp đó là an ninh lương thực cho hàng triệu người sống trong phạm vi vài kilomet quanh dòng sông, dựa vào lượng cá đánh bắt được để đáp ứng phần lớn nhu cầu protein của họ. Để xây đập, các công ty xây dựng đã dọn sạch những khu rừng mênh mông và cưỡng bức hàng trăm ngàn người tái định cư. Người ta cho rằng ở Lào, việc di dời dân để xây đập hiện là nguyên nhân hàng đầu của tình trạng di cư trong nước. Họ hầu hết là người sắc tộc thiểu số, và việc tách họ khỏi quê cha đất tổ và các mối quan hệ xã hội của họ sẽ đe dọa hủy hoại kết nối văn hóa từng làm cho văn hóa khu vực này vô cùng đa dạng và độc đáo.



Bản đồ khu vực Zomia.

Điều đó không có nghĩa là hiện đại hóa và liên kết khu vực không mang lại lợi ích cho người dân Mekong. Trước những năm 1990, lịch sử cho thấy khu vực này hiếm khi yên ổn. Đầu những năm 1990, chính phủ các nước Đông Nam Á và Liên Hiệp Quốc đã cùng nhau tìm giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột kéo dài nhiều thập niên ở Campuchia, và việc đó lại trùng hợp với sự tăng tốc mạnh mẽ trong phát triển kinh tế của Trung Quốc. Hai nhân tố đó đã mang lại một thời kỳ tương đối bình yên trên toàn khu vực và nhìn chung đến nay vẫn còn tác dụng. Hiện nay các nước Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar được xếp trong các nước có nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Người dân trung bình^[4] các nước này dưới 25 tuổi. Thái Lan và Trung Quốc, dù khá hơn một chút so với các nước còn lại trong khu vực, hiện đang phải vật lộn với những khó khăn ngày càng tăng khi gia

nhập vào hàng ngũ các nước thu nhập cao. Trong toàn bộ khu vực sông Mekong, người dân trung bình chưa bao giờ khỏe mạnh hơn, có học thức hơn, hay cuộc sống tương đối tốt hơn hiện nay. Nhưng người dân trung bình đó đang chọn lối sống chịu ảnh hưởng từ phương Tây hiện đại và Trung Quốc đang đô thị hóa hơn là từ truyền thống lịch sử và tự nhiên của sông Mekong. Để theo lối sống đó, người ta thường phải chuyển khỏi lưu vực này đến các trung tâm đô thị như Bangkok và Thành phố Hồ Chí Minh, hay thúc đẩy lối sống thời thượng ở các khu vực đô thị của lưu vực như Viêng Chăn và Phnom Penh theo văn hóa tiêu dùng của Bangkok, Thành phố Hồ Chí Minh, Tokyo, New York, hay Bắc Kinh. Trong khi đó, sông Mekong ngày càng nổi kết chặt hơn, bị khai thác nhiều hơn, và ít đa dạng hơn.

Cuốn sách này cho thấy quá trình chuyển đổi, ngay cả với thiện chí tốt nhất, cũng không phải là nhiệm vụ đơn giản, vì đây là trường hợp cố lấp chót vuông vào cái lỗ tròn. Cỗ máy phát triển kinh tế vốn đã mang lại một cuộc sống tương đối hòa bình và ổn định trên khắp vùng đồng bằng và ven biển Đông Nam Á giờ đang bắt đầu xâm nhập vào vùng nội địa và vùng sâu vùng xa của khu vực. Sẽ cần nhiều tài nguyên hơn để giữ cho cỗ máy này hoạt động. Vì sông Mekong và lưu vực của nó được xem là những kho báu chưa được chạm đến, các tài nguyên này đang bị khai thác ngày càng triệt để hơn. Có một nhận thức chung trong giới hoạch định chính sách ở tất cả các nước Mekong là trong quá khứ sông Mekong đã cung cấp rất nhiều tài nguyên nên trong tương lai cũng sẽ tiếp tục như vậy. Tuy nhiên, các hạn chế đang bắt đầu bộc lộ. Các nước ở hạ nguồn thường cáo buộc Bắc Kinh sử dụng các đập trên Thượng Mekong để giữ nước lại. Ủy hội Sông Mekong, thành lập năm 1995 với nhiệm vụ thúc đẩy nghiên cứu khoa học và hợp tác về các nguồn tài nguyên chung của sông này ở Thái Lan, Lào, Campuchia, và Việt Nam, bị cả bên trong lẫn bên ngoài lưu vực xem là một tổ chức thất bại vì không thiết lập được nền tảng tạo thuận lợi cho sự phân phối hài hòa

và công bằng các nguồn tài nguyên của dòng Mekong. Việt Nam và Campuchia tiếp tục phản đối các đập thượng nguồn của Lào, và các nước trong khu vực kịch liệt phản đối Thái Lan khi nước này chuyển hướng lượng nước khổng lồ từ dòng chính sông Mekong cho mục đích tưới tiêu. Như vậy, ngay cả ở cấp chính phủ quốc gia cũng thừa nhận rằng các cách tiếp cận nhằm phát triển lưu vực sông Mekong đang tạo ra những rủi ro trong hiện tại lẫn tương lai.

Cuốn sách này kể về cuộc hành trình xuôi dòng Mekong từ rìa dãy núi Himalayaa ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đến đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Đây là công trình đầu tiên thuộc loại này tìm hiểu bốn chủ đề liên quan với nhau góp phần vào sự thay đổi môi trường và xã hội năng động đang diễn ra ở lưu vực này: quản lý các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa với trọng tâm cụ thể là nước, đầm lầy, rừng; phát triển du lịch; di cư từ nông thôn ra thành thị; và tác động của biến đổi khí hậu. Cuốn sách năm 2000 của Milton Ostern *The Mekong: Turbulent Past, Uncertain Future* (Sông Mekong: Quá khứ bất an, Tương lai bất định) viết về lịch sử của vùng Mekong từ những khu định cư đầu tiên tại Óc Eo được các thương nhân Trung Hoa ghi lại 2.000 năm trước, qua thời Đế quốc Khmer, rồi đến thời kỳ thuộc địa và cuối cùng là tình trạng bạo lực trong thế kỷ 20 khi các cường quốc tiến hành các cuộc chiến tranh đã đưa nước Mỹ can dự vào vùng Mekong. Ở mặt nào đó cuốn sách này tiếp nối cuốn sách của Milton Ostern với nỗi lo về một Trung Quốc đang trỗi dậy sẽ tác động đến các quốc gia cuối dòng Mekong như thế nào. Các tác động môi trường và xã hội của việc bành trướng kinh tế của Trung Quốc vào Hạ Mekong cũng là một chủ đề khác được trình bày trong sách.

Tuy nhiên, sách này không được viết với thành kiến chống Trung Quốc. Tôi đã sống và làm việc ở Trung Quốc trong 15 năm, và tôi hiểu quan điểm

và thế lưỡng nan trong phát triển của Trung Quốc cũng sâu sắc như hiểu quan điểm và thế lưỡng nan của 5 quốc gia Hạ Mekong. Nếu cuốn sách này chống lại điều gì thì đó chính là mô hình phát triển mà Trung Quốc đã sao chép của phương Tây. Mô hình này được xác lập bởi chủ nghĩa tư bản chú trọng đầu tư và tăng trưởng kinh tế vĩ mô, đánh đổi bằng thiệt hại trong việc bảo vệ các cộng đồng và đa dạng sinh học tự nhiên. Xuyên suốt cuốn sách, tôi cho rằng dù mô hình này có thể mang lại những kết quả ấn tượng ở các khu vực đô thị ở đồng bằng như Thượng Hải, Bangkok và Thành phố Hồ Chí Minh, nó có thể không hiệu quả ở các vùng xa, vùng cao, và các vùng ven sông thuộc lưu vực sông Mekong.

Tôi cố gắng tìm hiểu lịch sử và văn hóa địa phương các nơi được nói đến trong sách, chú ý đến thực phẩm và các địa điểm quan trọng làm nổi bật các kho báu độc đáo của sông Mekong, và tìm hiểu những kho báu này đang gặp nguy thế nào. Vì thế, sách này có thể là bạn đồng hành cho lũ khách thích khám phá đi qua lưu vực này. Đồng thời, độc giả am hiểu, học giả hàn lâm, và giới hoạch định chính sách có thể sẽ thấy cuốn sách này hữu ích vì nó vạch trần những rủi ro đối với phương thức phát triển kinh tế hiện nay và thảo luận đường hướng nhằm cải thiện tình hình phát triển và bảo vệ hệ sinh thái cốt lõi của lưu vực sông này.

Ba chương đầu viết về những gì diễn ra ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, và việc nhấn mạnh Trung Quốc trong sách không phải không có mục đích. Xét cho cùng, một nửa chiều dài sông chảy trên đất Trung Quốc nhưng hầu hết các tài liệu hiện có về sông Mekong chỉ tập trung vào các phần lưu vực hạ nguồn bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Quốc là quốc gia chiếm ưu thế trong toàn bộ vùng Mekong, và người dân, giới đầu tư cũng như chính quyền nước này hiện đang thâm nhập sâu vào các quốc gia Hạ Mekong. Chương Một đưa người đọc đến ngôi làng Tây Tạng Vũ Bằng

(Yubeng) hẻo lánh được xem là Shangri-la (thiên đường hạ giới) cuối cùng, và xem xét tác động của du lịch và biến đổi khí hậu lên sinh kế của dân làng Tây Tạng. Chương Hai tìm hiểu các động lực phát triển vĩ mô đối với loạt đập của Trung Quốc ở Thượng Mekong, và lý do dân địa phương cần phải tham gia vào các quá trình từ dưới lên để duy trì sinh kế của họ. Chương Ba đưa người đọc đến cố đô Đại Lý (Dali) và cho thấy các áp lực từ phát triển du lịch và nông nghiệp đã đe dọa khả năng tồn tại của tài nguyên quan trọng nhất của Đại Lý, hồ Nhĩ Hải (Erhai), như thế nào.

Chương Bốn chuyển sang Đông Nam Á, tìm hiểu tại sao người Akha (A Tap) sống trên các đỉnh núi ở Trung Quốc và Đông Nam Á, sau nhiều thế kỷ lẩn tránh sự thống trị của văn hóa vùng xuôi, lại chọn lối sống hiện đang gắn kết họ với các xu hướng đang nổi trên cả nước và toàn cầu. Chương Năm kể câu chuyện lợi lộc kinh doanh của Trung Quốc - hợp pháp lẫn bất hợp pháp - đang thống trị Tam Giác Vàng một thời bất khuất và cách dân địa phương thích nghi với thay đổi. Chính tại đây, chúng tôi gặp lại Khru Tee và tìm hiểu hoạt động bảo tồn văn hóa bản địa của ông. Chương Sáu đi sâu vào nước Lào không có biển và chưa thực sự quan tâm thích đáng nhằm cải thiện cuộc sống của hàng chục ngàn người dân sắc tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi các con đập và các dự án phát triển khác, phần lớn đến từ Trung Quốc. Chương Bảy thảo luận quan điểm tổng thể về toàn vùng Hạ Mekong, cách điều phối phát triển năng lượng tốt hơn và sáng tạo hơn để các kế hoạch hiện có về 180 con đập trên dòng chính và các sông nhánh có thể giảm mạnh và mang lại một kết quả chi phí - lợi ích tốt hơn. Chương Tám tìm hiểu sự hủy diệt hồ Boeung Kak, một nguồn nước quan trọng ở thủ đô Phnom Penh, Campuchia trong bối cảnh phát triển chính trị ở Campuchia suốt nửa thế kỷ qua. Chương Chín nghiên cứu kỹ các quá trình sinh thái quan trọng khiến hồ Tonle Sap của Campuchia trở thành ngư trường nội địa lớn nhất thế giới và khám phá xem các cộng đồng ở đó đối phó với việc

nguồn cá bị suy giảm do đánh bắt quá mức và các con đập thượng nguồn. Cuối cùng, sách kết thúc tại đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam và nghiên cứu các phương án thích nghi trong khu vực sản xuất nông nghiệp lớn nhất của Việt Nam, hiện đang bị kẹp giữa các đập thượng nguồn và biển dâng cao.

Một nguồn cảm hứng chính của sách này là vấn đề lựa chọn cá nhân và cách tác động của các lựa chọn này phá vỡ và có thể sẽ chấm dứt mối quan hệ xã hội và sinh thái vốn đã biến sông Mekong thành một khung cảnh văn hóa sôi động và một nơi phong phú đa dạng sinh học. Một số lựa chọn cá nhân đó cũng bình thường như việc dùng điện thoại thông minh, trong khi những lựa chọn khác, như chọn xây đập chắn một đoạn sông Mekong, có tác động mạnh mẽ hơn nhiều. Rõ ràng người đọc không nên có ấn tượng từ tên sách là sông Mekong đang quần quai chết dần. Tháng 2 năm 2017, Giám đốc điều hành của Ủy hội Sông Mekong, Tiến sĩ Phạm Tuấn Phan đã nhận xét trong một cuộc phỏng vấn “Phát triển thủy điện không giết chết sông Mekong”^[5]. Phát biểu của ông gây ra nhiều tranh cãi. Nếu dòng Mekong là con sông chỉ để sản xuất điện, giao thông đường thủy, và tưới tiêu, thì chắc chắn các con đập sẽ không giết chết sông Mekong. Nhưng dòng Mekong không chỉ là một con sông. Sự hào phóng của dòng sông là điều làm nó vĩ đại, và địa lý cùng với sản vật tự nhiên của nó mang lại những trải nghiệm sống không nơi nào khác trên thế giới có được. Trong bối cảnh đó, không còn nghi ngờ gì nữa, các con đập, các tuyến đường sắt và đường cao tốc mới, và hệ thống mang lại kiểu phát triển mới này cho lưu vực sông Mekong sẽ làm thay đổi hẳn môi trường văn hóa và sự phong phú sinh thái vẫn còn được thấy trong những ngày cuối này của dòng Mekong hùng vĩ, nếu chúng ta không bắt tay hành động trong thời gian tới.

VŨ BĂNG: THIÊN ĐƯỜNG HẠ GIỚI CUỐI CÙNG

Thôn Vũ Băng của người Tây Tạng nằm khuất ở lưng chừng dốc lên ngọn núi thiêng Kawagarbo (Tạp Ngõa Cách Bắc) tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, cách biên giới Tây Tạng chỉ vài kilômét. Năm mươi năm trước, đi từ thị trấn lớn nào gần đó lên Vũ Băng đều phải mất hằng tháng trời cưỡi ngựa. Cách đây hai mươi năm, cách duy nhất để đến được đầu con đường mòn lên Vũ Băng là tự buộc mình và ngựa vào sợi dây giăng ngang sông Mekong và dùng ròng rọc vượt qua hẻm núi sang bên kia sông. Thậm chí ngày nay, đến được Vũ Băng cũng mất hai ngày đường từ Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam, cách đó 500km. Hiện nay đã có cầu để xe chạy sang bờ bên kia của dòng Mekong.

Truyền thuyết địa phương kể Vũ Băng được “phát hiện” bởi các thương nhân buôn bán đường dài dẫn ngựa thồ hàng đi dọc sông Mekong tìm thức ăn. Ở rìa sông, một người đàn ông từ rừng đi ra mời các thương nhân mua lúa mạch. Ở đoạn hẻm núi này, các thương nhân không hay biết có người ở, vì thế người đàn ông của rừng núi kia khiến họ bất ngờ. Khi họ hỏi người đàn ông từ đâu đến, anh ta liền lặn vào núi không một câu trả lời. Lần kế tiếp các thương nhân lại đến hẻm núi, họ gặp một người đàn ông khác cạnh bờ sông mời mua lúa mạch. Lần này họ quyết tìm ra nơi trồng lúa mạch.

Người bán lúa mạch hoàn toàn không biết các thương nhân đã chọc một lỗ trên bao lúa của anh rồi lần theo vết lúa mạch rơi vãi trên núi. Cuối đường mòn, trong một thung lũng chưa từng biết đến được những đỉnh đầy tuyết của núi Kawagarbo bao quanh ba mặt, họ tìm thấy ngôi làng Vũ Băng nhỏ bé. Câu chuyện kết thúc với việc đưa ra lý do dân làng Vũ Băng ít biết về thế giới bên ngoài vì rừng và suối xung quanh cung cấp dồi dào tài nguyên và ngọn núi thiêng liêng bảo vệ sinh kế của họ. Trong thung lũng ẩn khuất này có sẵn tất cả những gì họ cần. Vũ Băng, như nhiều ngôi làng hẻo lánh quanh nó, chắc đã truyền cảm hứng cho James Hilton tô vẽ thiên đường hạ giới trong cuốn tiểu thuyết năm 1933 *The Lost Horizon* (Chân trời đã mất) [6] của ông.

Ngay cả ngày nay, người dân Vũ Băng vẫn thích tách biệt thung lũng ẩn khuất này khỏi thế giới ngoài kia. Tuy nhiên, Vũ Băng giờ cũng là một địa điểm du lịch đang phát triển nhanh dành cho du khách Trung Quốc và nước ngoài muốn trải nghiệm vài ngày ở nơi hẻo lánh xa khỏi những thị trấn du lịch đông nghịt của tỉnh Vân Nam. Sự xa cách và các điểm hành hương thiêng liêng của Vũ Băng thu hút hàng ngàn người mỗi năm. Nhiều người đến đây vì họ không tin được trên đời có một nơi như Vũ Băng, vẫn chưa có đường cho xe chạy vào làng. Khách không còn phải lần theo dấu lúa mạch đi vào Vũ Băng, nhưng để vào được làng cần phải đi bộ theo con đường dốc 9km từ rìa sông Mekong qua một trong những rặng núi thấp của dãy Kawagarbo, chẳng dễ chút nào cho dân thành phố miền xuôi muốn tìm đến thiên đường hạ giới.

Khi bắt đầu hành trình lên Vũ Băng vào một sáng tháng 6 năm 2015, tôi đi cùng khoảng 30 du khách Trung Quốc mặc đồ dã ngoại thời thượng lờ lờ. Các du khách này gây ấn tượng là nếu không ăn mặc đúng điệu thì đừng đi, và tăng trưởng kinh tế cao ở Trung Quốc những năm gần đây đã

giúp ích cho việc mua sắm những bộ cánh dã ngoại đắt tiền. Vài người không leo núi nổi đã ngồi sẵn trên những con la được người Tây Tạng ở đây dắt qua triền núi đi đến Vũ Băng. Ngoài du khách còn có các gia đình Tây Tạng mặc áo choàng len sửa soạn cho chuyến đi lên Vũ Băng theo đường mòn. Họ tụng thần chú Phật giáo Tây Tạng khi quay kinh luân cầm tay. Nhờ họ tôi biết được có một thác nước linh thiêng nằm đâu đó trên dãy núi phía sau Vũ Băng, một điểm dừng chân khi thực hiện nghi lễ *kora*, cuộc đi vòng quanh ngọn núi Kawagarbo của Phật tử hành hương. Vì núi Kawagarbo được xem là một trong những ngọn núi linh thiêng nhất của Phật giáo Tây Tạng, về mặt tâm linh người ở đây xếp núi này cao hơn núi Everest nhiều, Phật tử hành hương sùng kính thực hiện nghi lễ *kora* đi quanh núi Kawagarbo. Những người khỏe mạnh từ khắp nơi trong thế giới Tây Tạng đến đây để thực hiện nghi lễ này.

Đề đi hết một vòng 240km mất trung bình từ 2 đến 3 tuần, dọc đường khách hành hương nghỉ lại ở các nhà nghỉ có phòng và thức ăn khá đơn giản. Trong những năm gần đây, khi Phật giáo Tây Tạng có thêm nhiều tín đồ người Hán, ngày càng có nhiều tín đồ mới muốn thực hiện hành trình gian khổ đi quanh ngọn núi. Quả thực một số người Trung Quốc, có cả vài người châu Âu và người Mỹ tôi gặp trên đường đến Vũ Băng, đang cố hoàn tất trọn vẹn hành trình tâm linh này. Nhiều người hành hương sớm nhận ra việc thực hiện nghi lễ *kora* đi quanh núi năm 2015 tốt lành hơn, vì đó là năm tuổi của ngọn núi này, cứ 12 năm lại đến theo lịch can chi Tây Tạng. Trong thế giới Tây Tạng, tất cả các vật thể vô tri, như núi, cây và hồ, đều có thần linh, tất cả đều phải được thành kính thờ phụng. Núi Kawagarbo là nơi ở thiêng liêng của vị thần chiến binh Tây Tạng cùng tên. Vị thần núi này che chở những người thờ phụng khỏi bệnh tật, bất hạnh, và các tai ương khác. Khách hành hương đi bộ quanh núi sẽ được công đức. Người xúc phạm ngọn núi và tục lệ của nó sẽ bị trừng phạt.

Cao 6.800 mét, đỉnh cao nhất của núi Kawagarbo thấp hơn nhiều so với đỉnh cao nhất trong dãy núi Himalayaa Tây Tạng. Thực ra, nó còn không nằm trong số 100 đỉnh núi cao nhất thế giới, nhưng 6 đỉnh phủ tuyết vĩnh cửu của nó là những đỉnh núi ấn tượng nhất và từ lâu đã hấp dẫn những người đam mê dã ngoại và leo núi. Đầu năm 1991, một nhóm gồm 11 người leo núi Nhật Bản của Đại học Kyoto và 6 người leo núi Trung Quốc đã cố trở thành những người đầu tiên thành công lên đến đỉnh cao nhất của núi Kawagarbo. Bất chấp sự phản đối của các cộng đồng Tây Tạng ở đây cho rằng việc cố chinh phục ngọn núi là hành vi bất kính và không tôn trọng tín ngưỡng địa phương, nhóm leo núi đã quyết thực hiện chuyến đi và không một ai trở về. Vì không bao giờ tìm thấy thi thể của họ, người ta ít biết được chuyện gì đã xảy ra với 17 người này, nhưng dân địa phương tin rằng một trận tuyết lở kỳ lạ đã chôn vùi cả nhóm khi họ từ đỉnh đi xuống vào ngày 3 tháng 1 năm 1991. Kể từ thảm họa đó, một trong những thảm họa lớn nhất trong lịch sử leo núi, không có ai leo lên 6 đỉnh chính của núi này nữa, và vào năm 2001, chính quyền địa phương viện lý do tôn giáo và văn hóa đã cấm triệt việc leo lên các ngọn núi này^[7].

Sau ba giờ vượt dốc qua những khu rừng nguyên sinh bách và đỗ quyên, tôi dừng lại ở một con đèo thoáng nơi hai đỉnh của núi Kawagarbo, đỉnh Thần Nữ Phong vi vu và đỉnh General Peak thoáng đăng, hiện rõ trước mặt. Một người đàn ông trung niên Tây Tạng tự giới thiệu tên là Asheng đi ra từ một túp lều dùng làm điểm dừng chân cho khách bộ hành và những người hành hương. Anh đang cầm một bó cây kế trắng và bảo tôi đó là hoa tuyết liên, một dược liệu quý hiếm chỉ mọc ở những vùng cao và được dân địa phương dùng để chống viêm và chống lão hóa. Asheng cho tôi biết anh là người gốc Vũ Bạng và đã sống cả đời trong thung lũng hẻo lánh đó. Asheng xem thường cuộc sống thành phố, kể lại những trải nghiệm tồi tệ trong các chuyến đi Côn Minh. Ở vùng núi anh có thể tận hưởng cuộc sống

tự do, kiếm sống bằng cách bán hoa tuyết liên có giá trị cao và các thứ quý giá khác của rừng như nấm tùng nhung và đông trùng hạ thảo, tất cả đều bán được giá cao cho thế giới ngoài kia. Kết thúc cuộc trò chuyện năm phút, anh khẳng định anh là người hạnh phúc nhất trên trái đất. Anh khuyên khích tôi từ bỏ những thứ đang làm, chuyển đến Vũ Băng ở để có được tự do thực sự. Tôi nói với anh là tôi cần phải đi tiếp và tự mình chứng kiến.

Con đường mòn chạy từ đèo uốn lượn xuống sườn núi dốc và thung lũng Vũ Băng hiện ra. Mặt trời trên cao chiếu xuống mái dất vàng của ngôi chùa Tây Tạng nép mình trong phần đất bằng phẳng và thấp của làng. Những vách đá dựng đứng khuất trong thảm thực vật tươi tốt quanh thung lũng và xa xa là các cánh đồng lúa mạch ngay lề thẳng lối. Những dòng suối từ các đỉnh núi Kawagarbo tuyết phủ cuộn cuộn chảy tạo nên vực thung lũng sâu trước khi chảy vào một con sông nhỏ chia đôi trung tâm thung lũng này. Những ngôi nhà Tây Tạng hai tầng, hàng rào gỗ bao quanh để nuôi la thồ và các vật nuôi khác, tập trung đông đúc ở cuối làng còn phía trên làng là những ngôi nhà ôm quanh sườn núi dọc theo con đường đất. Một dây cờ cầu nguyện Tây Tạng nhiều màu dài hàng trăm mét mang lại kết nối tâm linh giữa đầu làng và cuối làng. Cờ cầu nguyện thường được treo khắp nơi ở Tây Tạng. Những câu kinh và lời cầu nguyện được in trên những lá cờ nhỏ màu trắng, vàng, đỏ và xanh. Người ta tin rằng khi gió thổi qua những lá cờ cầu nguyện sẽ phù hộ cho khu vực quanh chúng.

Cuối những năm 1990, vài người đam mê dã ngoại từ Nhật Bản, châu Âu và Hoa Kỳ đến đã bắt đầu tìm đường lên Vũ Băng. Hầu hết là du khách ba lô trên hành trình đi Vân Nam và Đông Nam Á với ngân sách eo hẹp. Vào thời điểm đó, phần lớn Vân Nam chưa chính thức mở cửa cho du

khách nước ngoài, nghĩa là các khách sạn và nhà nghỉ không được phép nhận khách nước ngoài. Vì thế những du khách ba lô nước ngoài đầu tiên thường trả tiền cho bất kỳ nhà dân nào ở Vũ Bằng đồng ý cho họ ở lại. Họ muốn tìm một trải nghiệm mộc mạc trong vùng sắc tộc Tây Tạng ở Vân Nam và không trông mong tiện nghi thoải mái. Nhà nghỉ đầu tiên ở Vũ Bằng mở cửa trong hoàn cảnh đó khi một người địa phương tên Ahnazhu bắt đầu đón du khách nước ngoài về nhà anh. Để bắt đầu, anh cung cấp chỗ nghỉ và thức ăn miễn phí cho du khách như khi anh đón những người hành hương đến đây để thực hiện nghi lễ *kora* đi quanh núi Kawagarbo.

Ahnazhu là người duy nhất trong làng nói được tiếng Trung và vì thế là người duy nhất có thể giao tiếp với vài du khách nói được tiếng Trung. Dù trước đây anh học tiếng trong những hoàn cảnh không thuận lợi, khả năng ngôn ngữ sau này lại giúp anh trở thành người có thể lực và giàu nhất làng. Không trường không lớp, Ahnazhu học nói tiếng Trung trong tù do vô tình bắn chết một dân làng khi đi săn trong những ngọn núi quanh làng. Sau khi mãn hạn tù, anh kết hôn với một phụ nữ địa phương và thực hành kỹ năng ngôn ngữ mới học được. Với việc cho khách lưu trú, anh trở thành trụ cột trong gia đình. Đầu những năm 2000, ngoài du khách nước ngoài còn có thêm du khách người Hán. Số khách này thường đến trong ba tuần nghỉ Hoàng Kim Chu là Tết, lễ Lao động, và lễ Quốc khánh, và vì thế nhiều dân địa phương bắt đầu biến nhà họ thành nhà nghỉ. Ahnazhu cũng thế, xây một nhà khách sáu phòng đặt tên là Trekker's Inn. Trong những năm đầu khách còn ít, dân làng thu chưa tới một đô-la cho một đêm lưu trú và chia sẻ tiền thu được với những người khác trong làng theo kiểu tập thể. Dân làng Vũ Bằng luôn chia sẻ nguồn lợi của họ, và trong giai đoạn đầu thu nhập mới từ khách du lịch cũng không ngoại lệ. Ahnazhu điều hành hệ thống phân phối thu nhập, và trong một vài năm, hệ thống này đã hoạt động tốt. Dù không

phải tất cả các gia đình đều tham gia phục vụ du khách, tất cả dân làng Vũ Bảng đều hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

Tuy nhiên, khi ý thức về tài sản cá nhân tăng lên và các hộ gia đình tìm cách tách thu nhập khỏi những người không tham gia dịch vụ lưu trú, dân làng đưa ra hệ thống luân lưu chỉ chi trả cho những gia đình có khách lưu trú. Các hộ tham gia được phân bổ khách và chỉ được nhận khách tiếp khi tất cả các hộ đều đã có khách nghỉ lại. Dân làng cho rằng hệ thống xoay vòng như vậy đã nhiều năm hoạt động hiệu quả trong việc đưa du khách qua núi bằng con la, nên nó cũng hiệu quả trong việc bố trí chỗ nghỉ cho khách. Nhưng số lượng du khách Trung Quốc tăng mạnh, nhất là trong các tuần lễ vàng Hoàng Kim Chu, khiến rất khó điều hành hệ thống xoay vòng. Một số gia đình có nhà lớn chứa được 30 khách, trong khi nhà những người khác chỉ có thể chứa được 10 khách, và một số dân làng kêu ca thời gian và công sức của họ không được chi trả xứng đáng. Vài dân làng có máu kinh doanh nâng cấp nhà của họ. Một số nhà nghỉ tiện nghi hơn những nhà nghỉ khác và có cảnh quan đẹp hơn. Du khách phàn nàn hệ thống xoay vòng buộc họ phải ở những nơi không hấp dẫn nhưng phải trả tiền bằng nơi có cảnh núi non ngoạn mục.

Khi công việc kinh doanh phát triển, dân làng thỏa thuận một hệ thống mới cho phép du khách chọn chỗ ở. Các hộ cạnh nhau hợp lại thành nhóm bốn nhà và thu nhập chung được phân chia đều giữa bốn hộ. Với cách làm này mô hình du lịch dựa vào cộng đồng công bằng có thể tiếp tục duy trì. Nhưng dân làng bắt đầu nói dối nhau về số lượng khách lưu trú ở nhà họ. Mâu thuẫn bùng lên khi hàng xóm chạy qua đếm số khách thuê trọ ở nhà bên. Nghi kỵ và tham lam - theo người kể lại câu chuyện là những thứ trước đây dân làng chưa từng biết tới - khiến hệ thống được thiết kế với ý định tốt nhất đổ vỡ. Hệ thống đó hoàn toàn sụp đổ vào năm 2009 khi một công ty du

lịch nhà nước từ Côn Minh mua quyền phát triển và bảo trì ngôi làng và các điểm thắng cảnh trong thung lũng để bán vé tham quan. Công ty này cũng yêu cầu giá phòng được xác định theo nhu cầu thị trường. Những hộ gia đình có địa điểm đẹp hơn và dịch vụ tốt hơn được trả nhiều hơn. Cạnh tranh giành giật du khách giữa dân làng Vũ Bãng lúc này hết sức sôi nổi.

Vũ Bãng hiện đón trung bình mỗi ngày 100 khách, và trong những ngày lễ lớn, con số đó có thể tăng gấp mười lần. Phần lớn du khách là người Hán. Một nhân tố góp phần vào sự tăng trưởng nhanh chóng khách Hán là thu nhập ở Trung Quốc tăng gấp ba lần trong 20 năm qua. Quan trọng hơn, Phật giáo Tây Tạng ngày càng phổ biến khắp Trung Quốc. Làn sóng tâm linh mới này xuất hiện sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Khác với phần lớn nơi khác trên thế giới, nền kinh tế Trung Quốc vượt qua được cuộc khủng hoảng năm 2008, nhờ một loạt các gói kích thích kinh tế và việc kiểm soát tiền tệ chặt chẽ đã mang lại cho các quan chức chính quyền, doanh nghiệp nhà nước, và các công ty xuất khẩu tư nhân những khoản lợi nhuận trời cho. Trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, một *giới giàu có mới* (nouveau riche) bắt đầu hình thành ở các đô thị Trung Quốc, nhưng tầng lớp giàu có chỉ thực sự xuất hiện sau năm 2008. Ngoài những cái nhất khác, tầng lớp mới giàu lên của Trung Quốc đã trở thành khách tiêu dùng hàng xa xỉ lớn nhất thế giới.

Địa vị xã hội ở Trung Quốc hiện đại được phô trương qua nhãn hiệu các món thời trang xa xỉ người ta mặc và giá cả những chiếc xe người ta lái. Nó cũng được phô trương ở đẳng cấp các mối quan hệ chính trị và xã hội của một người. Việc thăng tiến xã hội không do kiến thức quyết định mà do quen biết ai và khả năng lợi dụng các quan hệ thế lực đó. Khi nói đến tập

quán và sinh hoạt xã hội, người Hán thích các bữa tiệc phung phí, các đám cưới rình rang hàng trăm khách để chứng tỏ địa vị và quyền lực. Một nhà nhân chủng học gọi hiện tượng đó là kiểu cố ý phô trương xã hội nhằm chia tách tầng lớp giàu có với những người nghèo khổ. Có người nghĩ rằng sự quan tâm gần đây đến tôn giáo Tây Tạng ở Trung Quốc là phản ứng chống lại sự thừa mứa vật chất trong thập niên trước, nhưng thực ra nó xuất hiện như là cách thức để phân hóa hơn nữa người giàu với kẻ nghèo.

John Osburg, tác giả của *Anxious Wealth: Money and Morality Among China's New Rich* (Của cải bất an: Tiền bạc và đạo đức trong tầng lớp giàu có mới nổi ở Trung Quốc) đề cập đến hiện tượng mới nảy sinh này trong cuộc phỏng vấn năm 2014 của tờ *New York Times*, “Nếu không thể [làm mình nổi bật] trong đám đông tiêu xài xa hoa, thì anh nên biến đi”^[8]. Đối với nhiều người Hán, việc theo Phật giáo Tây Tạng, mà cốt lõi của nó là yêu cầu tín đồ buông bỏ ý niệm về bản thân và đẳng cấp xã hội, lại bị hiểu sai là cách để học làm sang ở chốn thị thành Trung Quốc. Nhà sử học Jeremiah Jenne, một cư dân Bắc Kinh lâu năm và là người chứng kiến sự phục hưng tâm linh này gọi nổi ám ảnh mới về Phật giáo Tây Tạng đó là một loại “Đông phương luận nội tại”. Ông tin xu hướng đó gần giống với sự tiếp thu văn hóa, tôn giáo, và mỹ học Mỹ bản thổ của người Mỹ nhập cư, như là một việc “chọn lối sống” không tiếp thu lịch sử đau thương giữa người da trắng và người Mỹ bản địa^[9].

Việc chọn lối sống mới này đưa người Hán hành hương đến các tu viện xa xôi ở các vùng Tây Tạng thuộc các tỉnh Thanh Hải, Tứ Xuyên và Vân Nam có những luật lệ tôn giáo thoáng hơn so với Tây Tạng nguyên thủy. Ở đó họ tranh giành sự chú ý của các cao tăng được gọi là “Phật Sống” làm đại diện trần gian của các vị thần quyền năng trong văn hóa Phật giáo. Daniel Smyer Yu, nhà nhân chủng học chuyên về phục hưng tôn giáo thời

hậu Mao ở Trung Quốc, cho rằng người Hán không bị trí tuệ hay sức lôi cuốn của những vị Phật Sống này thu hút, mà vì vị thế của vị Phật cụ thể đã tái sinh trong cơ thể họ - thứ hạng vị Phật càng cao, sức hút xã hội càng lớn^[10]. Để chứng tỏ thân phận, địa vị của mình, các tín đồ người Hán đã nhanh chóng chia sẻ những cuộc gặp gỡ các vị Phật Sống thánh minh cao cả bằng cách đăng hình ảnh và suy nghĩ trên các trang mạng xã hội.

Điều đó không có nghĩa là trong màn thể hiện đó, thực hiện bằng cách kết hợp du lịch với hành hương tôn giáo, Phật giáo Tây Tạng không mang lại tiến bộ tâm linh cho các tín đồ người Hán. Đối với hầu hết người Hán, cũng như đối với hầu hết người phương Tây tự xưng là Phật tử Tây Tạng, việc hành hương này được xem là một trải nghiệm xác nhận và nâng đỡ tinh thần. Osburg cho rằng Phật giáo Trung Quốc trong thời kỳ sau Mao hiện nay bị xem là hủ bại về kinh tế và chính trị. Ông tin rằng người Hán xem Phật giáo Tây Tạng là một trải nghiệm tâm linh cận đại đương nhiên dẫn đến suối nguồn hạnh phúc^[11].

Cần lưu ý rằng nhận thức này được hình thành cùng lúc với sự bành trướng kinh tế và chính trị của nhà nước Trung Quốc vào thế giới Tây Tạng vốn đã làm suy thoái nghiêm trọng xã hội và văn hóa Tây Tạng. Đường trải nhựa và đường sắt giúp người Hán dễ dàng tiếp cận không gian Tây Tạng hơn; do đó, như Smyer Yu nêu, làn sóng mới quan tâm đến Phật giáo Tây Tạng đã đem lại sức sống mới về mặt vật chất và tinh thần cho tôn giáo này và các thiết chế của nó. Do chúng ở gần các khu đô thị Trung Quốc và độ cao tương đối thấp làm giảm nguy cơ về sức khỏe và thuận tiện cho thời gian lưu trú dài hơn, các điểm tôn giáo ở ngoại vi Tây Tạng được quan tâm nhiều nhất. Sự bùng nổ du lịch gần đây của Vũ Bạng là một phần của tình hình đó.

Trước khi đi bộ vào Vũ Bãng, hầu hết du khách nghỉ đêm tại chùa Phi Lai, nằm trên một sườn núi đối diện Kawagarbo. Nếu du khách may mắn đến chùa Phi Lai vào một ngày đẹp trời có thể thoáng thấy đỉnh núi Kawagarbo trong ánh hoàng hôn. Ở đó, du khách có thể trả mức phí cắt cổ 160 nhân dân tệ (25 đô-la) một người để chụp ảnh trên cái bục thẳng hàng với tám bảo tháp Tây Tạng màu trắng, mỗi tháp tượng trưng cho một ngọn núi Tây Tạng linh thiêng nhất, nền ảnh là Kawagarbo. Phần lớn du khách Trung Quốc chọn mua vé, chụp ảnh tự sướng, và đưa ngay ảnh lên tài khoản WeChat hay Weibo của họ - tất cả chỉ để thể hiện.

Khi đã đi bộ vượt núi vào Vũ Bãng, hầu hết du khách ở lại hai đêm và quyết tâm đi thăm các thánh địa lớn của Vũ Bãng. Họ sẽ dành ngày thứ hai thực hiện chuyến đi khứ hồi 8 tiếng đến hồ băng linh thiêng nằm bên dưới đỉnh General uy nghiêm của Kawagarbo. Họ dậy sớm vào ngày thứ ba cho chuyến đi khứ hồi 6 giờ đến thác nước thiêng nổi tiếng, địa điểm hành hương thiêng liêng nhất Vũ Bãng, rồi đi bộ 6 tiếng quay về xe của họ đậu đầu đó dọc theo sông Mekong. Trong ba ngày ở Vũ Bãng, đến thăm các điểm bắt buộc đó là một việc rất cấp rập, nhưng đối với du khách người Hán, trả được nghiệp chương là việc đáng để làm. Thời gian rảnh rỗi giữa các chuyến đi thường được dành cho việc ngâm chân trong nước nóng, trò chuyện với các bạn đồng hành khi ăn để chia sẻ những khám phá trong ngày, rồi đi ngủ sớm. Vài người tìm gặp vị sư trụ trì chùa Vũ Bãng hỏi chuyện. Vào ban ngày, khi du khách và những người hành hương lầm lũi trên những lối mòn vượt núi, dân làng và nhân viên nhà khách hầu như rảnh rỗi quay lại vườn tược và chuẩn bị buổi tối. Nếu không phải là mùa thu hoạch, phần lớn thời gian này được dành để thăm hỏi người trong gia đình và hàng xóm. Hầu hết người dân Tây Tạng tôi đã trò chuyện xem dịch vụ du lịch là phương thức kiếm sống tương đối tầm thường.

Trước khi các đường dây tải điện vượt qua núi non đến Vũ Bằng vào năm 2012, người ta dành thời gian rảnh buổi chiều kiếm củi trên núi. Trong mùa du lịch cao điểm thời đó, hằng ngày mỗi nhà nghỉ trong số 20 nhà cần hơn 100kg củi đốt nồi hơi phục vụ tắm rửa và nấu ăn. Ahnazhu, người trong thập niên đầu tiên của thế kỷ này được chọn phụ trách bảo vệ rừng Vũ Bằng, đã nâng cao nhận thức về việc dùng củi sẽ đe dọa khu rừng xung quanh như thế nào. Khi ngày càng nhiều dân làng lùng sục trên núi để lấy gỗ cây, Ahnazhu nhận thấy nạn săn trộm động vật hoang dã bất hợp pháp tăng lên và đã miễn cưỡng cùng với dân địa phương ngăn chặn tình trạng đó. Anh cảnh báo nếu rừng và động vật hoang dã biến mất, du khách sẽ không còn.

Khi ngành du lịch Vũ Bằng được chuyển cho công ty du lịch nhà nước đóng tại Côn Minh vào năm 2009, kế hoạch ban đầu dẫn điện về làng này còn có thêm một con đường tạo điều kiện cho việc vận chuyển đường bộ. Người dân địa phương phản đối kế hoạch đó, không phải vì con đường sẽ mang lại lượng khách du lịch không thể kiểm soát và đe dọa môi trường nguyên sơ của Vũ Bằng, mà vì dân địa phương đã đầu tư nhiều vào hơn 400 con la kiếm tiền cho các hộ gia đình và giúp tạo việc làm cho những thanh niên khỏe mạnh trong làng. Nếu các con la thất nghiệp, các ông chồng và lũ con trai của Vũ Bằng chắc sẽ phải bỏ làng tìm việc ở các vùng khác của Vân Nam.

Dân làng Vũ Bằng, như nhiều người Tây Tạng, theo chế độ đa phu, một vợ lấy hai chồng hay nhiều hơn. Khi Ahnazhu kết hôn, anh là chồng thứ hai của vợ anh. Trong các xã hội đa phu, phần lớn được thấy ở những vùng khan hiếm tài nguyên và hẻo lánh trên thế giới, người ta vẫn thích con trai vì họ có khả năng sản xuất nuôi sống gia đình và bảo vệ lãnh thổ. Tuy nhiên, một vợ nhiều chồng giải quyết vấn đề có quá nhiều đàn ông chưa có

vợ. Chế độ đa phu cũng kiểm soát quy mô dân số bằng cách khuyến khích việc thôi muốn có con trai nếu đã có con gái đầu lòng. Rốt cuộc, khi người con gái đó trưởng thành, cô ta sẽ lấy nhiều chồng để giúp cho gia đình. Cũng như nhiều tài nguyên chung của Vũ Băng, đất đai và tài sản thường được chia sẻ đồng đều giữa những người chồng. Sự phân phối tài nguyên chung công bằng cùng với chế độ đa phu được cho là điều đã giữ cho Vũ Băng “ẩn kín” trong nhiều năm.

Bây giờ với thị trường tự do đang hoạt động, việc duy trì sự hài hòa đó, đồng thời quản lý nhu cầu ngày càng tăng về tài nguyên phục vụ cho sự bùng nổ du lịch, đòi hỏi đối thoại thường xuyên giữa dân làng, công ty quản lý du lịch, và số người Hán mới đổ đến giờ đang kiểm soát hoạt động lưu trú của làng bằng cách thuê lại các nhà nghỉ của dân địa phương. Nhà nghỉ Trekker's Home nổi tiếng của Ahnazhu hiện được quản lý bởi Hua Jie, chừng bốn mươi tuổi, đã ly hôn, từ bỏ cuộc sống thành thị ven biển Trung Quốc và chuyển đến Vũ Băng sau chuyến du lịch năm 2014. Đeo kính thời trang gọng lớn và mặc đồ bụi bặm, Hua Jie khiến tôi ấn tượng với kiểu cách thời thượng rất giống những phụ nữ lắm tiền nghiện mua sắm hơn là người phụ nữ cố tìm một cuộc sống đơn giản mộc mạc ở Vũ Băng. Cô cho biết dù đã hơn một năm ở Vũ Băng, việc quản lý nhà khách mất công sức nhiều hơn cô nghĩ, nhưng cuộc sống ở làng mang lại trải nghiệm về một cộng đồng gắn bó, thứ cô chưa từng được biết. “Tôi đi một chặng đường dài để tìm sự thanh thản và đã yêu mến chốn này. Chừng nào người ta không đến đây để kiếm tiền, nơi này sẽ tiếp tục tuyệt vời.” Cô nói thêm nếu làm đường, kẻ hưởng lợi duy nhất là lòng tham. “Chính quyền sẽ ập đến, mở đường mở sá, xây cáp treo đón du khách vào và đưa họ lên các sườn núi. Hãy nhìn cáp treo đã hủy hoại tất cả danh lam thắng cảnh ở Trung Quốc như thế nào.”

Năm 2013, Ahbiao, người Hán quê tỉnh Cam Túc hợp đồng thuê dài hạn một trong những nhà nghỉ được mở sớm nhất ở làng và nâng cấp thành một khách sạn nhỏ sang trọng tên là Ẩn tượng Vũ Băng. Khi nói về lượng du khách ngày càng tăng, Ahbiao dẫn ra có bao nhiêu địa điểm du lịch ở vùng tây nam Trung Quốc hiện đang bắt đầu hạn chế lượng du khách trong ngày. “Tại núi tuyết thiêng liêng ở Á Đỉnh, ngay sát ranh giới Tứ Xuyên, ô tô bị giới hạn ở mức mỗi ngày bốn ngàn chiếc để cắt giảm khí thải. Khí thải từ ô tô làm tuyết tan và đó là vấn đề đáng lo ngại. Anh biết đấy, ở Bắc Kinh, Tử Cấm Thành đang giới hạn mỗi ngày tám mươi nghìn du khách để giảm chen chúc.” Tôi đã đến thăm cả hai nơi này nhiều lần và thấy rằng những giới hạn đó quá cao. “Vào năm 2015, vé vào Vũ Băng đã tăng từ 80 lên 230 nhân dân tệ nhằm hạn chế du khách. Nhưng họ vẫn nườm nượp đến”, Ahbiao nhận xét.

Ahbiao cho biết thời anh mới đến làng, du khách không thể tìm ra một tấm nệm xộp êm ái để ngủ. Chuyện đó khiến tôi nhớ lại việc tôi đã ngủ bốn đêm ở Vũ Băng trên chiếc nệm rơm mỏng. Nhà khách của anh hiện có mười bốn phòng đầy đủ tiện nghi, phòng nào cũng nhìn ra đỉnh núi Kawagarbo, giá 280 nhân dân tệ một đêm, gấp bảy lần giá căn phòng tôi đã ở. Tôi nói với Ahbiao về những điều kiện cơ bản tại nhà khách tôi ở, và anh trả lời, “Đó là lý do nhiều dân làng chọn cho người ngoài thuê nhà của họ. Chúng tôi [người Hán] biết cách phục vụ nhu cầu của du khách Trung Quốc, thức ăn họ muốn, và dịch vụ họ cần. Cần một thời gian dài để dân ở đây nắm bắt được điều đó.”

Tôi hỏi liệu số người Hán kinh doanh nhà nghỉ có làm cho du khách ít có cơ hội tiếp xúc với người Tây Tạng ở đây, vì giao du với người Tây Tạng “thuần khiết và vui vẻ”, như người Hán thường nói về người Tây Tạng, là một phần mong muốn trong trải nghiệm chung. Anh cho biết tất cả

nhân viên nhà nghỉ của anh là người Tây Tạng và chủ nhà nghỉ người Tây Tạng tên Arong suốt ngày ở nhà nghỉ chuyện trò với du khách - điều anh không thể làm vì phải quản lý công việc kinh doanh hằng ngày.

Trong thập niên qua, thu nhập tăng lên và việc ngày càng có nhiều người Hán sống và quản lý cơ sở kinh doanh ở Vũ Băng đã làm thay đổi cách dân làng Vũ Băng đối xử với những không gian truyền thống của họ. Điều này rất cuộc đã tác động lên các mối quan hệ xã hội và ý thức thuộc về cộng đồng của dân làng. Một số dân địa phương cho thuê nhà của họ hiện sống trong những căn nhà nhỏ phía sau hay bên cạnh ngôi nhà Tây Tạng to lớn của họ. Những người khác chọn mua căn hộ và mỗi năm sống vài tháng trong thành phố Dịch Khánh gần đó. Một số người làm vậy để gần gũi với con cái họ đang học nội trú ở Dịch Khánh. Số khác mua nhà ở Côn Minh và chỉ trở về Vũ Băng vào các dịp lễ hội lớn và các buổi họp mặt gia đình quan trọng. Gắn kết xã hội ở Vũ Băng đang đổi thay.

Chiều hôm đó, tôi trò chuyện khá lâu với ông Arong. Sau khi biết tôi là người Mỹ, ông lập tức tiết lộ hai người ông ngưỡng mộ nhất là Đức Đạt Lai Lạt Ma và Barack Obama. Ông thậm chí còn cho rằng không ngẫu nhiên mà hai cái tên đó có cùng vần điệu. Arong cũng thắc mắc tại sao mọi người chọn định cư ở các khu vực đô thị lớn và cho biết trong những lần vào thành phố, ông hiếm khi có được giấc ngủ ngon. Rồi ông chỉ vào những đỉnh núi tuyết xung quanh và nói, “Đó là những gì tôi thấy hằng ngày”. Sau đó ông nhìn tôi cười toe toét nói, “Khi tôi nhắm mắt lại, những ngọn núi đó tràn ngập giấc mơ. Tại sao tôi phải chọn sống ở thành phố?”.

Vào ngày thứ ba ở Vũ Băng, tôi lên đường sớm đến thác nước thiêng. Tôi thận trọng xuất phát, vì đêm trước, chủ nhà kể vài câu chuyện cảnh báo việc du khách bị lạc trong núi. Đi theo đường mòn, tôi nhập bọn với một

gia đình Tây Tạng hành hương từ An Đa ở tỉnh Thanh Hải đến để đi vòng quanh núi Kawagarbo. Một đứa bé được dìu trên lưng người đàn ông lớn tuổi nhất, các thành viên trong nhóm sau đó sẽ thay phiên nhau dìu đứa bé lên núi. Chúng tôi đi qua các thác nước nhỏ và thỉnh thoảng dừng lại ở một điểm ngắm cảnh để thêm đá vào các ụ đá hình tháp trên đường do những người hành hương và du khách tạo nên. Theo tập tục người Tây Tạng, dựng các ụ đá bằng cách chát cao những viên đá có bề mặt nhẵn nhằm kết nối với các thần linh ẩn trong các tạo vật thiên nhiên quanh họ. Chúng tôi cũng đi qua những nhóm leo núi Trung Quốc gần như kiệt sức đang trên đường đến thác nước, họ vẫn chưa thích nghi với không khí loãng ở độ cao 3.500 mét. Sau hai giờ, chúng tôi ra khỏi con đường rừng và đi thêm 30 phút trên đường đá dốc để đến thác nước. Luồng nước trắng xóa bắn ra trên vách đá granit màu nâu cao khoảng 100 mét. Vì tôi đến đây vào cuối mùa khô, phần lớn nước biến thành sương mù trước khi chạm đến mặt đất bên dưới.

Thác này được cho là linh thiêng vì một vị thần tên là Bendero sống ở đầu nguồn. Dân địa phương phải liên tục cầu xin Bendero bằng lễ lạt và cầu nguyện. Người ta nói rằng những người hái thảo dược hay đốn cây trong khu vực này luôn bị ốm hay chết ngay sau đó, nhưng những người thờ Bendero thì được che chở. Một vài tuần trước, hai du khách Trung Quốc đã thiệt mạng tại thác khi xảy ra trận tuyết lở do tiếng la hét kéo dài của họ, người Hán thường làm thế ở các công viên công cộng và trên đỉnh núi để làm sạch phổi và giải tỏa căng thẳng, nhưng đó lại là điều cấm kỵ trong thế giới Tây Tạng. Tương tự như nhóm leo núi xấu số Trung - Nhật, dân địa phương cho rằng ngọn núi lại báo thù những người mạo phạm nó.

Bên dưới thác, những lá cờ cầu nguyện đủ màu sắc được giăng trên những tảng đá ướt đẫm. Các đồng tiền giá trị nhỏ nằm trong vách đá như lễ vật dâng cúng ngọn núi. Sau khi hành lễ trước một bảo tháp nhỏ màu trắng,

người hành hương và du khách bước đi theo chiều kim đồng hồ phía dưới thác để hoàn thành nghi thức thanh tẩy. Một số người đi quanh ba vòng, tất cả những người đi dưới thác đều ướt sũng. Du khách Trung Quốc chụp ảnh nhóm lấy thác nước làm nền. Hầu hết mọi người im lặng thành kính đi quanh dòng thác.

Khi xuống tôi đi qua một nhóm thiếu nữ Tây Tạng chuyên rác từ các thùng rác đặt trên đường mòn vào các túi lớn màu xanh lá cây. Hai dân làng đang cầm một tấm biển ghi bằng tiếng Trung “Đội thu gom rác làng Vũ Bạng”. Tôi nghĩ chắc họ phải dọn thường xuyên vì có rất ít thùng rác dọc theo đường mòn, và tôi quan sát thấy không thùng nào đầy tràn ra đường. Những thiếu nữ này cho biết các hộ gia đình hằng năm cùng nhau góp 30.000 nhân dân tệ (khoảng 8.000 đô-la) trả cho việc thu gom rác ba lần trong năm, một khoản hậu hĩ ở một nước có thu nhập bình quân đầu người một năm cũng chỉ chừng ấy. Khoản tiền đó lấy từ thuế đánh vào các nhà nghỉ. Khi sắp đến một trong ba ngày thu gom rác, dân làng rút thăm phân công dọn các đoạn đường mòn - một số chỉ cần dọn rác sau nhà mình, còn những người khác phải kéo những chiếc túi màu xanh lá cây đi xa vài kilomet. Ngoài ra, ba dân làng được công ty du lịch thuê quét đường mòn lên núi mỗi tháng một lần để bảo trì.

Vào giữa thập niên đầu của thế kỷ này, việc thu gom rác rõ ràng không khó khăn lắm, vì một khoản trợ cấp của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên (The Nature Conservancy - TNC) đã thiết lập một hệ thống phân công dân làng dọn sạch từng đoạn đường mòn 50 mét. Tên các gia đình được viết trên thùng rác để phân định trách nhiệm giữ sạch các đoạn đường. Những người giúp quản lý rừng, như Ahnazhu, làm việc cho làng và động viên dân cư tuân thủ hệ thống trách nhiệm phân công cho các gia đình. Dân làng cần chút khích lệ tài chính để giữ cho sườn núi và các đường mòn sạch sẽ, và

tiền của TNC đã được chi dọn 57 tấn rác^[12]. Nhưng khi việc quản lý công viên quốc gia này được chuyển cho công ty có trụ sở tại Côn Minh năm 2009, giá vé lên Vũ Băng tăng gấp đôi lên 80 nhân dân tệ và dân làng nhận được một phần nhỏ tiền bán vé để dọn rác. Dù tiền đã chi nhưng dân làng ngừng thu gom rác. Họ cho rằng công ty quản lý đã thu hết lợi lộc bán vé (và chỉ cung cấp lại rất ít dịch vụ), trách nhiệm dọn dẹp rác thuộc về ban điều hành công ty^[13]. Phải mất đến bốn năm để giải quyết cuộc xung đột đó và những con đường mòn của Vũ Băng trở nên xấu xí và đầy rác do du khách Trung Quốc vốn nổi tiếng toàn cầu về việc không bỏ rác đúng chỗ. Năm 2011, Liu Jianqiang, biên tập viên đóng tại Bắc Kinh của trang mạng về môi trường nhiều ảnh hưởng *ChinaDialogue*, đã lên Vũ Băng và đưa ra lý do vì sao con đường này đầy rác - một quan sát trái ngược với tôi. Dừng ở một trạm nghỉ, anh nhận xét chỉ bước ra khỏi đường mòn vài mét đã thấy “cảnh tượng khủng khiếp”: Các đồng rác đầy ly mì gói, vỏ chai bia, và vỏ đồ hộp^[14]. Dần dần, doanh thu bán vé tăng lên, đến năm 2013 công ty Côn Minh lắp đặt các cặp thùng rác xanh lá cây và xanh dương như những mốc đánh dấu đường mòn. Đồng thời, thuê đánh vào các nhà khách được chi hỗ trợ các đội dọn rác luân phiên.

Wang Bo, nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đại học Wisconsin, đã sống hơn một năm ở Vũ Băng để tìm hiểu cách dân làng thích nghi với các hệ thống quản lý chất thải mới được áp dụng. Anh nói hệ thống tôi đã thấy trên đường từ thác xuống là một cải tiến lớn nhưng cho rằng nếu du khách được thông tin nhiều hơn về cách dân làng đối xử với những ngọn núi thì họ sẽ bớt xả rác trên đường mòn:

Dân làng tin rằng những ngọn núi là những thực thể sống với sông suối đóng vai trò lá phổi và huyết mạch. Làm ô nhiễm những dòng suối sẽ khiến những ngọn núi tổn thương. Du khách

thường giấu vỏ chai dưới những tảng đá dọc theo lòng suối nhưng không biết nước rất mạnh trong mùa mưa và đẩy rác xuống dưới dòng tạo ra những điểm nghẽn hay đẩy rác vào những chỗ người thu gom rác không thể dọn được.

Wang Bo lưu ý rằng nếu du khách tiếp xúc nhiều hơn với những người hành hương, họ sẽ thấy hầu hết những người hành hương mang rác theo chứ không xả^[15].

Dân địa phương cho tôi biết hầu hết rác được la chở đi, nhưng đó là lời nói dối ngây ngô. Trong lần đi bộ qua khu rừng ngay ngoài Vũ Băng Thượng, tôi bắt gặp một nhà kho lớn chồng chất những thùng rác đầy. Sau đó họ thú nhận phần lớn rác thu dọn từ năm 2013 được chứa ở nhà kho đó - la và ngựa thường đột nhập vào nhà kho tìm thức ăn và làm mọi thứ tung tóe lên. Hiện nay một số dân làng thích lắp cáp treo từ rìa sông Mekong vào làng vì nó có thể được dùng để tổng khứ đọng rác thải do ngành du lịch Vũ Băng gây ra. Nhu cầu cần có một lối đi thuận tiện hơn để ra vào làng đang ngày càng cấp bách.

Một cách để rời khỏi Vũ Băng là đi theo con đường dọc dòng suối chính của Vũ Băng thu nước từ tuyết tan và nước mưa ở các thung lũng xung quanh chảy xuyên qua hẻm núi sâu 700 mét trên hành trình ngắn của nó ra sông Mekong. Dòng nước trong vắt chảy xuống từ con suối tan biến trong nước sông Mekong đục ngầu đầy bùn. Vào mùa khô của lưu vực sông Mekong, thường kéo từ tháng 11 đến tháng 5, trung bình hơn 40% lượng nước trong toàn bộ hệ thống đến từ tuyết tan ở Vân Nam, Tứ Xuyên và Tây Tạng - gấp hơn hai lần mùa mưa. Nếu xu hướng nóng lên toàn cầu vẫn tiếp tục, nhiệt độ toàn cầu sẽ tăng 2°C vào năm 2100. Nhưng ở dãy Himalayaa,

việc tăng thêm 2°C có thể xảy ra vào năm 2050. Nếu điều đó xảy ra, các sông băng nhỏ ở Himalaya hầu như sẽ biến mất hoàn toàn và các sông băng khác sẽ ngăn lại rất nhiều. Điều đó có nghĩa là hơn một phần ba các sông băng ở dãy Himalaya, một khu vực có diện tích bằng nước Bỉ, có thể biến mất vào năm 2050. Băng tan sẽ giải phóng một lượng nước khổng lồ trước đó đã đóng băng trong nhiều thiên niên kỷ đổ vào sông Mekong, sông Trường Giang, sông Brahmaputra, sông Ấn và các dòng sông khác bắt nguồn từ dãy Himalaya. Những dòng chảy này sẽ đạt đỉnh giữa năm 2030 và năm 2050, có khả năng kéo theo một thời kỳ thiếu nước đột ngột, không thể đảo ngược nếu nhiệt độ toàn cầu tiếp tục tăng. Nước đã là nguồn tài nguyên khan hiếm ở Trung Quốc và chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực nhanh chóng xây dựng khả năng chống lại các tác động biến đổi khí hậu đang đến. Lý do khiến Trung Quốc hiện đang xây dựng hàng trăm con đập khổng lồ ở đầu nguồn các con sông của dãy Himalaya, có thể đoán biết, là để tạo ra một loạt hồ chứa trữ nước từ băng tan để dùng trong tương lai. Điều đó sẽ cải thiện đáng kể nguồn nước có sẵn ở Trung Quốc, nhưng lại giữ quá nhiều nước không cho chảy xuống các quốc gia hạ nguồn đang đối mặt với tình trạng khan hiếm nước ngày càng tăng.

Barry Baker, chuyên gia về biến đổi khí hậu tại Viện Sinh học Bảo tồn ở Fort Collins, Colorado, là nhà khoa học chính trong dự án nghiên cứu về sự ngăn lại của sông băng Mingyong (Minh Vĩnh) chảy qua đỉnh chính của núi Kawagarbo cách Vũ Băng khoảng 7km về phía thượng nguồn. Dân làng ở đây cảm Baker và nhóm của anh đi trên sông băng hay lấy các mẫu khoan, nhưng các kỹ thuật nhiếp ảnh so sánh sử dụng hình ảnh của nhà thám hiểm người Anh chụp từ lâu so với các bức ảnh gần đây xác định sông băng đã ngăn lại gần 3km kể từ cuối những năm 1800^[16]. Ảnh vệ tinh gần đây cho thấy tốc độ rút ngắn sông băng đang tăng nhanh: 1,2km trong ba kilômét ngăn lại đó xảy ra từ năm 2003.

Một nhân tố góp phần làm tăng tốc độ tan băng ở dãy Himalaya có thể liên quan đến sự tan chảy tăng lên ở các vùng băng vĩnh cửu quanh và bên dưới các sông băng. Vùng băng này có diện tích lớn hơn nhiều lần so với các vùng tuyết phủ quanh năm, và có một lớp đất dày dưới bề mặt luôn đóng băng. Xung quanh dãy Himalaya, sự nóng lên toàn cầu đang khiến độ cao mặt dưới của các vùng băng vĩnh cửu dịch chuyển lên vị trí cao hơn, tạo ra các dải băng vĩnh cửu mỏng hơn giữa lớp tuyết ở các đỉnh núi và vùng ẩm hơn bên dưới. Đồng thời, lớp đất luôn đóng băng mỏng dần. Các hiệu ứng này cùng nhau tạo ra nhiều nhiệt hơn xung quanh những khu vực các sông băng bao bọc, và điều đó khiến băng vĩnh cửu tan chảy mạnh hơn.

Dân làng Vũ Băng biết rõ các sông băng ở Kawagarbo đang ngăn lại. Sông băng ngăn lại là do nhiệt độ toàn cầu tăng lên, không phải do các nhân tố địa phương, nhưng dân làng Vũ Băng gắn kết tâm linh với núi Kawagarbo đến nỗi họ xem chuyện các sông băng ngăn lại là do dân địa phương cầu nguyện không đúng cách, do các du khách bất kính, và lòng tham của cải vật chất toàn cầu tăng lên^[17]. Trưởng làng Vũ Băng trước đây, Zhang Dafu bảo tôi Tết Nguyên Đán, ngày lễ quan trọng cả với người Tây Tạng, gần đây mỗi năm ẩm lên thấy rõ. Ông cũng lưu ý, Vũ Băng không có bão tuyết lớn từ năm 2012 đến năm 2015. “Việc không có tuyết giúp du khách dễ lên đây, nhưng tuyết trên núi đang giảm dần. Anh biết đó, sông băng thường chảy vào hồ băng, vì thế việc thờ phụng hồ cũng tạo ra kết nối với toàn bộ ngọn núi. Giờ thì sông băng đang ngăn lại.”

Dân làng Vũ Băng rất tự hào bảo vệ ngọn núi. Năm 2005, họ đã vận động thành công đuổi một xưởng cưa tai hại ra khỏi ngọn núi. Họ vẫn ra sức nguyên rủa những người tìm cách leo lên núi và thường nói về chuyện nhóm leo núi xấu số đã biến mất vào năm 1991. Dù thấy các sông băng ngăn lại, họ không cho phép các nhà khoa học, Trung Quốc hay nước ngoài,

đặt chân lên các sông băng trên núi để tiếp tục nghiên cứu. Từ góc độ khoa học, do biến đổi khí hậu bắt đầu tác động mạnh hơn lên sinh thái của Kawagarbo, dân làng Vũ Băng và du khách đến đây có thể gặp nguy do sạt lở đất và hạn hán gia tăng. Nhưng với sự kết nối tâm linh sâu sắc như thế với Kawagarbo, có thể nỗi đau khổ do việc tan chảy núi tuyết và sông băng ở ngọn núi gây ra sẽ có nhiều tác động sâu sắc hơn nữa lên tâm lý người dân địa phương. Đối với dân làng, tuyết ít hơn nghĩa là sinh mệnh ngọn núi đang tàn dần, và điều đó khiến họ đau buồn. Về chuyện Arong kể mơ thấy những ngọn núi tuyết, do tuyết trên núi Kawagarbo ít dần trong thế kỷ mới này, có lẽ điều ông mơ thấy, biểu hiện tâm lý của sự kết nối ông với thế giới xung quanh, cùng giấc ngủ của ông, sẽ vĩnh viễn đổi thay.

XÂY ĐẬP TRÊN THƯỢNG MEKONG

Ngay phía nam nơi con suối từ thung lũng Vũ Băng chảy ra đổ vào sông Mekong, dòng sông cắt thẳng qua một loạt hẻm núi hình chữ S dốc đứng. Vài năm trước, con đường đất dọc theo bờ sông phía đông đã được trải nhựa thành một xa lộ mới. Đi lại trên đường chủ yếu là người Tây Tạng chạy xe máy hay lái xe tải tự đổ quá khổ chở khoáng sản và cát từ các mỏ quanh đó. Những ngôi làng Tây Tạng nhỏ chừng 30 hay 40 nóc nhà xây bằng đá, gỗ, và đất trên những khoảnh đất thuận tiện trong hẻm núi. Những lá cờ cầu nguyện nhiều màu nổi các ngôi nhà mái đỏ với ngôi chùa trong làng. Có lúc đầu dây mắt hút trên sườn núi cao. Lưng chừng hẻm núi, bảo tháp màu trắng nhìn xuống những ngôi làng. Những chiếc cầu treo thô sơ, chỉ dành cho người đi bộ hay xe máy, bắc qua con sông. Không phải tất cả làng ở phía đối diện hẻm núi đều có đường đến cầu, và dân ở đó phải đi vài kilômét về phía hạ nguồn đến làng bên cạnh để đến được con đường trải nhựa.

Kiểu nhà cửa đó không có ở phía hạ nguồn cách Vũ Băng 40km trong làng Tỳ Trung có tháp chuông cao bốn tầng của nhà thờ Công giáo, được xây bằng đá lấy ở vùng này theo hình thánh giá chuẩn vào cuối thế kỷ 19 bởi các nhà truyền giáo Pháp đến truyền đạo ở vùng ngoại vi Trung Quốc

và Myanmar. Tám mươi phần trăm trong số 115 gia đình Tây Tạng ở Tỳ Trung là con cháu của nhà thờ này. Vài lần một tuần, phụ nữ sắc tộc Tây Tạng đội khăn choàng đầu rộng màu tím và đàn ông đội mũ cao bồi đến nhà thờ dự thánh lễ do Yao Fei, linh mục Công giáo từ Nội Mông chuyển đến Tỳ Trung vào năm 2008 làm chủ tế. Trước khi thánh lễ bắt đầu, họ xướng lời cầu nguyện bằng tiếng Trung theo giai điệu trầm bổng nổi tiếng của Phật giáo Tây Tạng. Vào Chủ nhật thường có du khách châu Âu xếp hàng sau các dãy ghế ở gian giữa giáo đường. Họ nắm chặt máy ảnh ống kính dài ghi lại cuộc hôn phối hiếm thấy giữa văn hóa Tây Tạng và phương Tây.

Việc cải đạo sang Công giáo của Tỳ Trung cũng biến nơi đây trở thành nơi có ngành sản xuất rượu vang phát triển. Bên ngoài thánh đường, một biển hiệu viết bằng tiếng Trung có dịch tiếng Anh phía dưới ghi, “Một trăm năm công nghệ Pháp, thủ công thuần túy. Vang trắng và đỏ ngậm ủ chuyên nghiệp”. Nho và kỹ thuật làm rượu vang được các nhà truyền giáo Pháp đưa đến, nhưng sự phát triển rượu vang địa phương bắt đầu vào cuối những năm 1990 với sự hồi sinh của một giống nho Rose Honey được phát hiện mọc trên sân nhà thờ. Giống nho này bị xóa sổ bởi một căn bệnh ở Pháp đã làm biến mất nhiều giống nho một thế kỷ trước^[18]. Trước khi vùng tây bắc của tỉnh Vân Nam mở cửa cho người nước ngoài vào những năm 1990, người ta từ lâu nghĩ rằng giống nho này đã mất. Đầu những năm 2000, chính quyền huyện Đức Khâm ở đây đã tiến hành các chương trình hỗ trợ nông nghiệp mang đến các giống nho khác cung cấp cho ngành sản xuất rượu vang đang phát triển ở thiên đường hạ giới này. Hiện nay, phần lớn dân làng bán nho của họ cho thương lái sau mỗi vụ thu hoạch, nhưng một số quyết định tự làm rượu vang đóng chai bán cho các xưởng rượu vang và các nhà nghỉ ở Tỳ Trung.

Một thay đổi không mong muốn đe dọa không chỉ nền kinh tế rượu vang và du lịch địa phương mà còn cả sự hòa hợp tôn giáo độc đáo giữa các tín đồ Công giáo và Phật giáo ở làng đang sắp xảy ra ở Tỳ Trung. Năm 2018, Yén Môn, một cộng đồng ở thượng nguồn lớn hơn Tỳ Trung với trên 200 gia đình, sẽ bị chuyển toàn bộ đến định cư ở Tỳ Trung. Không giống như Tỳ Trung nằm trên một đồng bằng dài, hẹp, và cao 100 mét so với sông Mekong, Yén Môn nằm thấp bên bờ sông. Nó sẽ bị ngập hoàn toàn do hồ chứa của con đập mới Ô Lộng Long cách 12km phía hạ nguồn.

“Chúng tôi lo lắng nhất về sự hòa hợp của làng”, một nhà sản xuất rượu vang địa phương bày tỏ. Tên ông trong sách này đổi thành Tashi do vấn đề di dời và bồi thường đất đai ở Trung Quốc hết sức nhạy cảm. Ông cho tôi biết cuộc sống thường ngày của người Công giáo ở Tỳ Trung vẫn gắn bó sâu sắc với văn hóa Phật giáo Tây Tạng: “Thường các nhà sư Phật giáo vẫn ban phúc lành trong các đám cưới Công giáo, Lễ Giáng sinh và Lễ Phục sinh. Chúng tôi có được sự hòa hợp này sau nhiều thập niên tiếp xúc với những Phật tử láng giềng”. Kết hợp các khía cạnh của các tôn giáo có ảnh hưởng lớn thành một thực hành tôn giáo hợp nhất, đặc biệt những yếu tố từ miền xuôi, là đặc điểm chung của các cộng đồng Zomia vùng cao. Nhưng Tashi lưu ý chỉ vài thị trấn trong huyện Đức Khâm có các Hội Thánh Công giáo. Yén Môn không nằm trong số đó. Ông lo lắng rằng bất chấp di sản sắc tộc chung, việc nhiều tín đồ Phật giáo, chưa từng sống chung với người Công giáo, đến đây sống sẽ làm đảo lộn tinh thần cộng đồng và giao tiếp xã hội. Ông xem cư dân Yén Môn là những người mê tín quá mức và kể chuyện họ bị cuốn vào sự thù hận giáo phái giữa phái Đạt Lai Lạt Ma và phái Shugden, vị thần địa phương che chở các khu vực phía đông nam của thế giới Tây Tạng.

Nơi duy nhất để xây nhà cho dân làng Yên Môn nằm trên đầu cánh đồng lúa của Tỳ Trung, ở khoảng giữa làng và rìa sông. Dân làng Tỳ Trung phản ứng khi biết các đồng lúa của họ sẽ bị xóa sổ. Các ruộng lúa bậc thang, cộng lại rộng hơn bốn hay năm lần ngôi làng, được khai khẩn bên sườn núi vào đầu những năm 1960 để đáp ứng các chỉ tiêu lương thực ngày càng tăng do cuộc Đại Nhảy Vọt của Trung Quốc. Nhiều cụ già vẫn còn nhớ thời gian cực nhọc tạo nên những cánh đồng này, và ngày nay khu ruộng tập thể là nơi quan trọng để giao tiếp xã hội vì việc trồng lúa huy động lao động tập thể của cả làng. Một dân làng quả quyết một vụ lúa có thể nuôi cả làng trong hai năm. Dù ở Trung Quốc những ngày tự cung tự cấp đã qua từ lâu, những dân làng này tin rằng trồng lúa giúp bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập mà các làng khác ở huyện Đức Khâm không thể có được. Tỳ Trung là một trong hai làng duy nhất ở huyện miền núi Đức Khâm có đủ đất đai bằng phẳng để trồng lúa.

Bồi thường đất đai là một vấn đề gây tranh cãi ở Tỳ Trung. Hơn một nửa diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Tỳ Trung sẽ được sử dụng để xây nhà cho dân Yên Môn, hay được phân phối cho những người mới đến canh tác. Khi có tin về việc tái định cư Yên Môn, dân làng Tỳ Trung được trả 30.000 nhân dân tệ cho một *mu* (mẫu = 666,67m²) đất bị lấy cấp cho dân Yên Môn. Tham khảo số liệu bán đất gần đây ở các khu vực khác của huyện Đức Khâm, dân làng Tỳ Trung tin rằng giá trị đất của họ cao hơn 10 lần so với mức đó. Khi tôi đến Tỳ Trung vào năm 2015, mức giá đề nghị của chính quyền địa phương đã lên 100.000 nhân dân tệ một *mu*, nhưng dân Tỳ Trung vẫn không chịu.

Một nhóm cư dân cũ của Tỳ Trung đã chuyển đi nhiều năm trước nhưng vẫn có đất trong làng. Họ thuyết phục những người vẫn sống ở Tỳ Trung chấp nhận đề nghị của chính quyền. Tashi nói với tôi, “Những người từ lâu

bỏ làng vào thành phố không còn sống ở đây đã đồng ý với giá 100.000 nhân dân tệ một *mu*. Chuyện này đối với họ quá dễ vì họ có công ăn việc làm khác và nguồn thu nhập khác, còn đối với chúng tôi, lấy đất là lấy đi nguồn thu nhập chính của chúng tôi.” Một số dân làng sẽ mất toàn bộ đất canh tác của họ. Tashi nói với tôi cũng đáng để tiến hành các chiến thuật trì hoãn vì chính quyền địa phương sẽ lấy 30% tiền đền bù và chỉ chi trả hằng tháng từng khoản nhỏ tiền đền bù đã thỏa thuận trong 15 năm. Với mức đền nghị hiện nay, hằng tháng mỗi *mu* chỉ nhận được 3.000 nhân dân tệ đền bù, ngay cả những người kinh doanh giỏi giang nhất cũng không sống nổi. “Chúng tôi tiếp tục chờ đợi”, Tashi nói, nhưng trông rất thiếu tự tin.

Ngày tôi đi bộ qua Tỳ Trung là ngày cuối cùng của chừng 30 cây óc chó khổng lồ dọc theo con đường duy nhất của làng. Những cây khổng lồ này bị đốn hạ theo một dự án mở rộng đường nhằm triển khai các loại hình giao thông mới sau khi dân Yên Môn chuyển đến. Những chỗ mát mẻ dưới gốc cây là nơi chiều chiều hàng xóm láng giềng gặp gỡ khi đi dạo. Các cây này mỗi năm cũng mang lại 10.000 nhân dân tệ (1.500 đô-la) tiền bán quả óc chó. Các gia đình trên khắp vùng cao Zomia tây nam Trung Quốc trồng cây vào quả óc chó như một nguồn protein và chất béo lành mạnh giá rẻ, và quả óc chó đại được biết có giá cao ở các chợ thành thị Trung Quốc. Giờ đây những đồng thân cây óc chó ở Tỳ Trung đang được nhặt nhanh để làm củi.

Một người cho tôi biết cứ một cây dân làng được nhận 10.000 nhân dân tệ tiền đền bù, nhưng người ta đồn hầu hết dân làng chỉ nhận được 1.000 nhân dân tệ một cây, một phần nhỏ so với thu hoạch một năm. Khi tôi dừng lại dọc theo một bờ kè ven đường có hàng rào phía trên, một phụ nữ địa phương xuất hiện cho tôi biết bà đã mất sạch 100 cây nho vì dự án mở rộng đường. Bà chỉ được bồi thường 40 nhân dân tệ một cây nho, xấp xỉ giá trị một cây nho mang lại trong một năm. Khoản đền bù được công ty xây đập

chi trả đó gửi đi một tín hiệu rõ ràng: Quý vị có một năm để tìm cách bù đắp cho thiệt hại do chúng tôi tạo ra.

Năm 2014, vị trưởng làng Tỳ Trung trước đây họp những dân làng đã đưa đơn khiếu nại việc xây đập Ô Lộng Long và sự tràn ngập dân Yên Môn sắp tới. Tashi đã tham dự cuộc họp đó và cho biết vị trưởng làng rất giận những dân làng ngoan cố đó và nói, “Đất này, nước này, núi này, không phải của quý vị! Đừng ra vẻ như chúng là của quý vị! Đó là đất của nhà nước, và đó là tài nguyên của nhà nước”. Nhưng với dân làng Tỳ Trung đã sống ở thung lũng Mekong nhiều thế kỷ, nhà nước Trung Quốc chỉ mới khẳng định quyền sở hữu đối với các tài nguyên này trong thập niên vừa rồi, vì thế thật dễ hiểu bản sắc của họ được hình thành như thế nào cùng với cảnh quan xung quanh họ. “Làm sao một nhà nước có thể sở hữu một dòng sông? Con sông, giống như vùng đất và những ngọn núi xung quanh chúng tôi, là một phần tạo nên chúng tôi”, Tashi nói.

Các cuộc đấu tranh cư dân Tỳ Trung phải đối mặt cũng rất thường xảy ra với những người bị ảnh hưởng bởi việc phát triển thủy điện ở vùng tây nam Trung Quốc. Ít ra dân Tỳ Trung còn giữ được nhà của họ, không giống như dân Yên Môn, nhưng dân ở cả hai làng đều tỏ ra lo ngại trước những khó khăn trong việc tạo lập ý thức cộng đồng mới. Nếu quá trình đền bù đất đai không giúp cho dân làng có được số tiền bao gồm cả giá trị đất đai và tổn thất thu nhập tương lai, an ninh kinh tế của cộng đồng này sẽ hết sức nguy ngập.

Theo quan điểm của Bắc Kinh, tổn thất an ninh kinh tế của Tỳ Trung và Yên Môn không mấy ảnh hưởng đến kế hoạch tổng thể phát triển quốc gia của Trung Quốc. Xây dựng các dãy đập trên Thượng Mekong, sông Trường Giang và các sông nhánh lớn của nó là sông Đại Độ, sông Mân và sông Nhã

Lung, là cách để cung cấp cho Trung Quốc lượng điện khổng lồ nhằm tăng cường an ninh kinh tế và an ninh năng lượng. Đến năm 2040, nhu cầu năng lượng của Trung Quốc sẽ tăng 90%^[19] buộc ngành sản xuất điện của nước này phải tăng thêm công suất lắp đặt tương đương với công suất của toàn bộ Hoa Kỳ ngoài công suất phát điện hiện tại của nó^[20]. Tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhu cầu duy trì khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu, và một tầng lớp người tiêu dùng ngày càng đông thúc đẩy việc tăng nhu cầu năng lượng này.

Ba thập niên tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đã làm cạn kiệt nguồn tài nguyên năng lượng của Trung Quốc, trong khi các mỏ than, dầu, và khí tự nhiên còn lại ở xa các khu vực có nhu cầu cao. Mỏ dầu đầu tiên của Trung Quốc tại Đại Khánh ở tỉnh Hắc Long Giang hiện đã gần cạn kiệt. Suy giảm sản xuất tại Đại Khánh vào đầu những năm 2000 khiến các công ty khai thác dầu chuyển đến Tân Cương ở biên giới phía tây Trung Quốc. Điều này cũng dẫn đến việc hàng triệu người Hán di cư đến Tân Cương và phần nào dẫn đến căng thẳng sắc tộc không ngừng giữa sắc dân Duy Ngô Nhĩ địa phương và sắc dân Hán hiện đang thống trị. Đầu những năm 1990, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu ròng dầu mỏ^[21], và ngày nay các công ty dầu khí ở nước ngoài của Trung Quốc, vốn nằm trong danh sách những công ty lớn nhất toàn cầu, hoạt động ở mọi ngõ ngách trên thế giới. Trung Quốc hầu như luôn là nhà nhập khẩu ròng khí tự nhiên và hiện phụ thuộc vào mạng lưới đường ống vận chuyển khí đốt và dầu từ các nước láng giềng ở Đông Nam Á và Trung Á. Chi phí cao để tiếp cận và sau đó vận chuyển dầu và khí đốt tự nhiên đến Trung Quốc cho thấy than, thứ Trung Quốc có tương đối nhiều, sẽ tiếp tục chiếm hơn một nửa trong cấu trúc năng lượng của nước này.

Trung Quốc là nước tiêu thụ, sản xuất và nhập khẩu than lớn nhất thế giới^[22], đồng thời là quốc gia gây ô nhiễm và phát thải khí nhà kính nhiều nhất thế giới. Nhận thức được tác động toàn cầu của dấu chân carbon, cũng như đối phó với áp lực giảm thiểu nguy cơ về sức khỏe liên quan đến các đợt ô nhiễm không khí gây tổn thất nghiêm trọng ở các vùng rộng lớn trong nước, Trung Quốc đã cam kết bắt đầu giảm phát thải carbon vào năm 2030. Cam kết đó, được tuyên bố vào năm 2014, đã nhận được sự hoan nghênh toàn cầu và được coi phần nào là động lực thúc đẩy hơn 200 quốc gia cùng ký kết thỏa thuận biến đổi khí hậu Paris năm 2015. Để Trung Quốc bắt đầu giảm phát thải carbon vào năm 2030, phần lớn công suất mới được lắp đặt phải từ năng lượng tái tạo - gồm cả thủy điện - được tạo ra từ bên trong hay gần với biên giới của nước này^[23].

Khai thác tiềm năng thủy điện của các con sông phía tây nam Trung Quốc là một giải pháp quen thuộc, sạch sẽ, và tương đối không đắt đỏ cho vấn đề đó. Các kế hoạch mở rộng thủy điện của Trung Quốc đã được đặt ra từ lâu trước khi việc giảm lượng carbon của nước này trở thành một phần trong chương trình nghị sự quốc gia. Chiến dịch “Đưa điện từ tây sang đông” được hình thành vào những năm 1990 là cách để đưa điện từ các dòng sông phía tây nam Trung Quốc sang phía đông để cấp cho các khu công nghiệp ven biển và các khu vực đô thị của nước này. Đổi lại, các tỉnh nằm xa trong đất liền như Vân Nam, vốn kém phát triển hơn về kinh tế so với các tỉnh ven biển, sẽ có được nguồn thu giúp các tỉnh này thoát khỏi tình trạng “lạc hậu”. Do Vân Nam có rất nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên, một phần của kế hoạch đó cũng hứa hẹn ngăn chặn các ngành công nghiệp gây ô nhiễm khỏi tỉnh này để doanh thu từ du lịch tiếp tục tăng lên. Đến năm 2006, khi dự trữ nhiên liệu hóa thạch trong nước cạn kiệt, Thủ tướng Ôn Gia Bảo cam kết đến năm 2020, 20% năng lượng của Trung Quốc sẽ từ năng lượng tái tạo với thủy điện dẫn đầu.

Các kế hoạch chi tiết nhằm tăng công suất thủy điện theo các kế hoạch hiện có đối với các đập thủy điện trên sông Mekong, sông Nô Giang, sông Trường Giang và các sông nhánh của chúng đã được tiến hành. Ở Thượng Mekong, kế hoạch ban đầu cho 9 đập sản xuất 15 gigawatt điện được tăng hơn gấp đôi lên 20 đập sản xuất 30 gigawatt. Đến năm 2015, công suất thủy điện lắp đặt của Vân Nam đã đạt 50 gigawatt, đủ điện để thắp sáng 5 thành phố có dân số mỗi thành phố khoảng 10 triệu người. So sánh, Hoa Kỳ hiện đứng thứ hai sau Trung Quốc về sản xuất thủy điện, có tổng công suất lắp đặt là 100 gigawatt. Vân Nam, vùng Tứ Xuyên và Tây Tạng lân cận hiện mỗi địa phương có kế hoạch sản xuất 100 gigawatt thủy điện. Trước khi con đập mới nhất được xây dựng, trên 8 triệu cư dân sống ở các thung lũng sông hẻo lánh này, phần lớn là sắc tộc thiểu số, sẽ buộc phải di dời đến các khu định cư ở đồng bằng cách xa quê hương bản quán của họ trên vùng cao. Darrin Magee, chuyên gia thủy điện Vân Nam, mô tả đó là một sự biến đổi các đầu nguồn nước thành các “đầu nguồn điện”, một thuật ngữ do ông đặt ra. Thay vì được đánh giá cao do sử dụng nước cho nhiều lĩnh vực như thủy lợi, du lịch, hay giao thông đường thủy, giới chóp bu Trung Quốc xem các “đầu nguồn điện” này chỉ ở chức năng hẹp là sản xuất điện. Theo lẽ đó, bất chấp người dân sống ở các khu vực đầu nguồn này quý trọng tài nguyên thiên nhiên quanh họ tới đâu, giá trị sản xuất điện sẽ luôn quan trọng hơn nhu cầu của họ.

Địa chất của Vân Nam khiến nó trở thành nơi mơ ước của những kẻ xây đập. Địa hình tỉnh này có chênh lệch độ cao 2.000 mét từ ranh giới miền núi phía bắc với Tây Tạng và Tứ Xuyên xuống vùng Tây Song Bản Nạp nhiệt đới ở phía nam. Ở những nơi có sông, sự giảm độ cao này tạo ra các thung lũng dài, sâu, có ít hay không có các khúc quanh. Vân Nam là nơi có một số hẻm núi sâu nhất thế giới, như hẻm núi Hồ Khiêu Hiệp trên sông Kim Sa, một trong những điểm thu hút khách du lịch nổi tiếng nhất của Vân Nam.

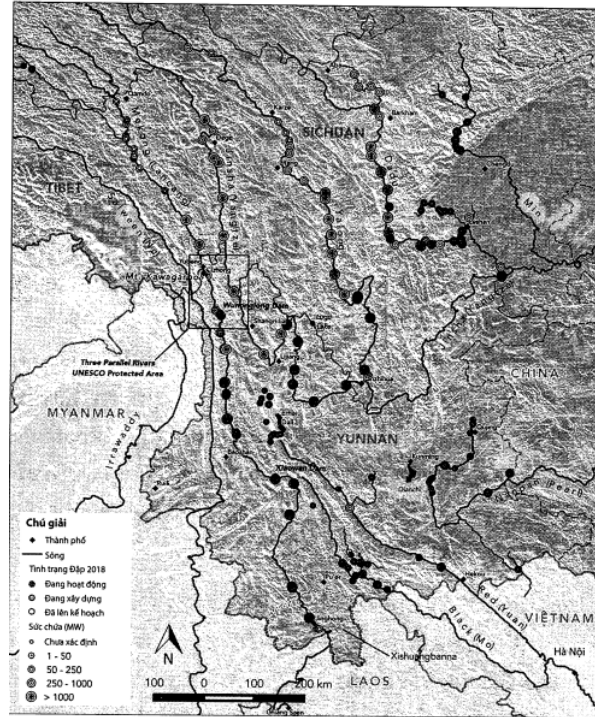
Đối với sông Mekong hay bất kỳ con sông nào ở Vân Nam, hầu hết vị trí nơi thung lũng hẹp lại đều tạo điều kiện lý tưởng để xây đập có tường cao. Chừng nào còn làm được đường đi vào các nơi hẻo lánh của dòng sông và có thể di dời cư dân ở thung lũng của nó, tương đối dễ dàng chuyển những dòng sông chảy tự do này thành một loạt hồ chứa tĩnh nhằm mục đích tăng tối đa khả năng sản xuất điện. Quả thực đây sẽ là số phận của toàn bộ vùng Thượng Mekong ở Trung Quốc, và khi tất cả các con đập trong kế hoạch xây dựng xong, hàng loạt hồ chứa thường trực lúc đó sẽ chứa nước nhiều hơn hai lần vịnh Chesapeake.

Trong mắt nhà nước Trung Hoa, người Zomia vùng cao thường bị gán nhãn là “lạc hậu”, và bị xem không có những phẩm chất văn minh của người Hán đồng bằng. Định kiến này ăn sâu trong nhiều thế kỷ, họ xem những người ở ngoại vi đế chế Trung Hoa xưa là những kẻ man di mọi rợ và là mối đe dọa ở biên cương của nhà nước này. Các chính sách của triều đình và các đợt bành trướng trong nhiều thế kỷ đã cố đồng hóa các dân tộc này theo tập tục văn hóa Trung Hoa. Thông thường, một đế chế càng thành công và tồn tại lâu dài thì càng có nhiều vùng ngoại vi được sáp nhập vào nhà nước Trung Hoa. Những người không chuyển sang môi trường văn hóa xã hội của người Hán văn minh sẽ bị giết hay bị đẩy xa ra vùng biên. Đó là quá trình lịch sử ngay từ đầu đã đưa nhiều người đến vùng cao thuộc Zomia xa xôi.

Vào những năm 1950, các nhà xã hội học Trung Quốc thấm nhuần lý thuyết Mác-xít về tiến hóa xã hội bắt đầu nghiên cứu các vùng cao phía tây nam với mục đích xếp loại các sắc tộc sống ở đó theo các tiêu chí chung của Mác. Một số, như người Wa (Ngõa tộc), bị coi ở mức thấp trong chuỗi tiến hóa xã hội là những người săn bắn hái lượm nguyên thủy, còn những sắc tộc khác trồng lúa nước như người Bạch định cư quanh Đại Lý được đánh

giá là văn minh hơn và do đó được xếp hạng cao hơn. Không sắc tộc nào được xếp hạng cao bằng người Hán đồng bằng với hàng ngàn năm phát triển nông nghiệp và công nghệ. Hệ thống xếp hạng này đã biến người dân vùng Zomia của Trung Quốc từ người man rợ thành các sắc tộc “lạc hậu” cần có các chương trình phát triển của chính quyền Trung Quốc. Vì những người sống trên vùng núi nguyên thủy này có các tập tục cổ xưa tương tự như trong xã hội sơ khai của loài người nên ở một mức độ nào đó, văn hóa và tập quán của họ tương tự văn hóa Hán thời kỳ sơ khai. Điều đó tiếp tục củng cố các lý thuyết Mác-xít về tiến hóa xã hội.

Sau năm 1979 khi chính quyền Trung Quốc khởi xướng chính sách cải cách và mở cửa, phương pháp nâng cao văn minh các sắc tộc vùng sâu vùng xa đã chuyển từ các chương trình xã hội sang các chương trình phát triển kinh tế. Giờ cách tốt nhất để phát triển các sắc tộc lạc hậu là chuyển đổi mô hình kinh tế xã hội của họ sang các nền kinh tế dùng tiền tệ, giúp họ thành những người lao động có hiệu quả, và tái định cư họ gần thị trường quốc gia hơn. Rốt cuộc, lý thuyết phát triển kinh tế thịnh hành lúc bấy giờ cho rằng sớm muộn gì việc tăng thu nhập sẽ kéo những người này ra khỏi núi đồi, đi vào các thị trấn và thành phố miền xuôi. Đây là những sắc tộc kém phát triển sống ở những vùng lạc hậu. Nếu chính quyền hay các cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ để tối ưu hóa tài nguyên của những khu vực kém phát triển này tốt hơn những người sống ở đó, thì không chỉ làm tăng phúc lợi chung của sự phát triển kinh tế Trung Quốc, mà còn tạo cơ hội giúp những người này có cuộc sống tốt hơn ngay cả khi phải tái định cư họ ở những nơi mới cách xa hàng trăm kilômét. Đối với những người Trung Quốc miền xuôi đầy kỳ thị, tái định cư dân vùng cao là ban ơn cho họ.



Bản đồ các đập ở tây nam Trung Quốc

Các công ty xây dựng và vận hành đập chịu trách nhiệm tái định cư và đền bù cho những người bị ảnh hưởng bởi việc xây đập. Các chính quyền huyện theo luật định được ủy quyền giám sát toàn bộ quá trình này. Quá trình đền bù chủ yếu được xác định thông qua thủ tục kế toán đơn giản. Đầu tiên một kế toán lấy bản kiểm kê các tài sản thuộc sở hữu của một hộ gia đình và sau đó chi tiền đền bù. Tiếp theo, nhân viên kế toán đo diện tích đất sản xuất hộ gia đình đang canh tác (vì đối với kế toán nhà nước, canh tác là cách duy nhất để dân nông thôn có được thu nhập) và cung cấp đất tương đồng tại địa điểm tái định cư hay chi tiền mặt với giá trị tương đương. Nhìn chung, quy trình kế toán này hiệu quả ở những vùng đồng bằng vì dân nông thôn miền xuôi sống bằng nghề trồng hoa màu và một số thứ khác. Nhờ có chung các giá trị văn hóa giữa các vùng nông nghiệp đồng bằng và các thành phố Trung Quốc, nên việc thích nghi với cuộc sống ở một nơi mới tương đối dễ dàng. Nhưng trong trường hợp đền bù và hỗ trợ chuyển chỗ ở

cho người dân vùng cao, quy trình kế toán đó hiếm khi cho ra một kết quả công bằng.

Khi nhân viên kế toán đến một làng như Tỳ Trung hay Yên Môn để đánh giá gói đền bù cho một hộ gia đình, anh ta mang theo một loạt các giả định dựa vào nhiều năm sống ở đồng bằng. Chẳng hạn, kế sinh nhai của tay kế toán đó và sinh kế của tất cả bạn bè và đồng nghiệp của anh ta được chi trả hoàn toàn từ tiền lương hằng tháng bằng tiền mặt. Vì anh ta có thể là người đàn ông trụ cột của gia đình, anh ta tìm người đàn ông đứng đầu hộ gia đình vùng cao và hỏi hai câu: “Thu nhập của anh bao nhiêu một tháng, và anh có thể chỉ ra tài sản tạo ra thu nhập đó không?”. Người đàn ông chủ gia đình trả lời mỗi tháng đầu đó chừng 2.000 nhân dân tệ. Còn tài sản, anh ta chỉ vào miếng đất cạnh nhà cũng như bò và lợn sẽ bán ở chợ quê khi chúng lớn. Nhân viên kế toán ghi chép số lượng động vật của gia đình có thể bán được rồi chạy đi đo diện tích khu đất trồng trọt của người này. Tay kế toán làm vài con tính và nhanh chóng đưa ra con số bằng tổng giá trị tài sản và thu nhập trong năm của người này. Rồi anh ta đột ngột bỏ đi không nói gì. Sau khi nghe được một con số thấp đến mức không thể tưởng tượng được, người dân làng đó nghĩ, “Tất cả những gì của tôi chỉ đáng giá chừng đó thôi ư?”. Nhưng công việc ban đầu của tay kế toán đã xong và người này giờ phải mang lấy gánh nặng đấu tranh đòi đền bù công bằng.

Để đạt được kết quả hợp lý hơn cho dân làng vùng cao, người đánh giá nên bổ sung thêm các câu hỏi của mình trong buổi điều tra tiếp theo, “Hằng ngày ông dùng gì không mua ở chợ?” vì câu trả lời ở đây đề cập đến những thứ không lập tức có sẵn xung quanh cộng đồng tái định cư. Người dân đó sẽ gãi đầu và bắt đầu tính toán củi lượm nhặt từ các sườn đồi xung quanh dùng để nấu ăn và sưởi ấm, số lượng cá đánh bắt từ dòng sông phía dưới, các loại rau lá hoang dã hái từ các sườn đồi thêm vào bữa ăn gia đình, rượu

anh ta nấu ở vườn sau, cây dại quanh nhà để nuôi lợn và bò. Danh sách đó sẽ dài ra và người đánh giá sẽ vô đầu bối rối vì anh ta không biết tính giá trị các khoản đó như thế nào. Xét cho cùng, nền kinh tế vùng cao rất xa lạ với anh ta, và hầu hết các sản phẩm đó không thể tìm thấy ở chợ. Hơn nữa, nếu tay kế toán đó nói chuyện với vợ của người dân kia, rất có thể là người thực sự quản lý nguồn lực của gia đình, anh ta sẽ có được một bức tranh thực tế hơn về những gì thực sự được sử dụng để hỗ trợ sinh kế cho gia đình này. Phụ nữ trong các nhóm sắc tộc như Tây Tạng, Lật Túc và Ma Thoa ở tây nam Trung Quốc thường làm việc nhà và quản lý gia đình nhiều hơn. Nhưng tay kế toán không hiểu, vì theo cách nghĩ của anh ta, dứt khoát đàn ông là chủ gia đình ở Trung Quốc.

Địa điểm tái định cư chẳng bao giờ sẵn có những thứ như nước sinh hoạt, thức ăn cho gia súc, rau ráng mọc bên nhà và cá trên sông. Các kiến trúc sư của chính quyền chọn chỗ này không nghĩ về các tài nguyên chung có sẵn miễn phí đó, họ cũng không nghĩ về không gian thực sự được các hộ gia đình sử dụng để duy trì đời sống. Điều đó do các kiến trúc sư của chính quyền sống trong các căn hộ chật hẹp ở thành phố và tất cả hàng hóa thường ngày của họ được mua trong siêu thị hay tiệm tạp hóa. Khi một gia đình chuyển đến ngôi nhà lắp dựng sẵn tại khu tái định cư, người trong nhà sẽ sớm phát hiện tỷ lệ không gian bên trong so với bên ngoài hoàn toàn trái ngược với trước đây. Nhà cũ của họ có phòng nhỏ nhưng sân rộng dùng để phơi hoa màu và nhốt vật nuôi trong chuồng ở xa cuối sân. Trong các cộng đồng tái định cư, dân làng được cấp những ngôi nhà lớn có sân nhỏ. Họ thường kêu ca về việc sống bên trên gia súc của mình có rất ít không gian tương tác xã hội như trước đây với sân ngoài rộng rãi. Một số cộng đồng được tái định cư ở miền xuôi bằng phẳng cách xa ngôi nhà trên núi của họ. Dân làng ở đó phàn nàn về việc không còn được hưởng không khí núi non trong lành và những cảnh quan hùng vĩ góp phần tạo nên bản sắc của họ.

Khi việc xây dựng bắt đầu vào giữa những năm 1980 trên đập Mạn Loan, đập đầu tiên của Trung Quốc ở Thượng Mekong, các quan chức chính quyền hứa hẹn với các cộng đồng làm nông nghiệp hẻo lánh trong khu vực xung quanh về việc làm và sự sung túc. Công ty xây đập, thuộc sở hữu của chính quyền tỉnh, tuyên bố hồ chứa của đập Mạn Loan sẽ hỗ trợ các trại nuôi cá và đưa các đoàn du khách đi du thuyền bên dưới những ngọn đồi bậc thang xanh mướt và những đỉnh núi thấp ở thung lũng Thượng Mekong. Chính quyền địa phương đã đầu tư một cảng phía sau vách đập và thuyết phục một số dân địa phương giàu có mua vài du thuyền lớn phục vụ sự bùng nổ du lịch sắp tới. Cái giá duy nhất phải trả của dân làng này là một nửa các làng trong thung lũng, những làng có đất sản xuất nông nghiệp màu mỡ nhất dọc theo bờ sông, phải di dời 300 mét lên sườn đồi. Điều đó có nghĩa là 3.400 người, hơn một nửa cư dân thung lũng Mạn Loan, bị mất nhà cửa.

Đầu những năm 2000, Tiến sĩ Yu Xiaogang (Vu Hiệu Cương), giám đốc của Green Watershed, một tổ chức phi chính phủ về môi trường ở Côn Minh, đến thăm những ngọn đồi phía trên hồ chứa và phát hiện hầu hết các hộ tái định cư đang sống trong tình trạng nghèo khó. Con đập bắt đầu sản xuất điện vào năm 1993 và gần mười năm sau không có trại nuôi cá nào trong hồ chứa mới và không có du khách nào dùng đến đội thuyền mới toanh giờ đã gỉ sét tại bến cảng Mạn Loan. Ông thấy nhiều dân tái định cư được chủ đập thuê dọn rác trên mặt hồ và rác thải tích tụ sau vách đập - công ăn việc làm mới duy nhất cho dân làng. Năm 2001, Tiến sĩ Yu kết luận dân làng tái định cư đã bị ăn chặn tiền đền bù và gửi báo cáo về phát hiện đáng quan ngại của ông đến các nơi quen biết trong chính quyền Bắc Kinh. Ngay sau đó, thủ tướng sắp mãn nhiệm Chu Dung Cơ ra lệnh đánh giá lại

toàn diện các tác động xã hội và môi trường của dự án đập Mạn Loan, vào thời điểm đó là công trình phô diễn cho việc đầu tư vào các vùng lạc hậu của Trung Quốc. Green Watershed được thuê tiến hành đánh giá này. Thời đó chưa từng có tiền lệ một quan chức chính phủ ở những cấp cao nhất phản hồi kiến nghị của một tổ chức phi chính phủ địa phương. Chỉ vì đó được xem là vấn đề của tỉnh Vân Nam, và chính quyền tỉnh không dễ dàng chấp nhận yêu cầu của một tổ chức cộng đồng nhỏ bé, chẳng tiếng tăm gì.

Để tiến hành đánh giá, Tiến sĩ Yu sử dụng các phương pháp hiện đại xác định và tính giá trị những gì đã bỏ sót trong quy trình ban đầu. Trước đây, dân làng sống dọc bờ sông có thể lấy nước sông để uống và tưới tiêu, hay họ có thể lấy nước từ những con suối nhỏ đổ ra sông. Đánh giá của Tiến sĩ Yu phát hiện ra việc tiếp cận nước sạch kém đi nhiều sau khi tái định cư. Ngoài ra, vùng đất cấp cho dân làng sau quá trình tái định cư kém màu mỡ hơn nhiều so với đất dọc bờ sông, thường được lũ lụt mùa mưa bồi đắp. Sau khi tái định cư, sản lượng nông nghiệp tệ hơn nhiều so với trước, do dân làng không có tiền để mua phân bón giữ cho đồng ruộng của họ tươi tốt. Ông nhận thấy sự thiếu gắn kết xã hội trong các cộng đồng tái định cư và lưu ý đến tỷ lệ mắc bệnh cao ở người già cũng như việc tăng đột biến các vấn đề tâm lý và bạo hành gia đình. Trước đây, dân làng trồng lúa và canh tác tập thể vì các đồng lúa liền nhau. Sống gần nhau đòi hỏi dân làng phải duy trì một hệ thống tưới tiêu chung, cung cấp nước cho tất cả mọi người. Giờ đây, đất được giao cho dân tái định cư rải rác trên các sườn đồi và địa hình khó tưới tiêu. Tiền di dời trả cho dân làng không đủ mua đất bằng phẳng để canh tác. Quan trọng hơn, Tiến sĩ Yu phát hiện ra công ty xây đập không di chuyển các đền thờ và nghĩa địa của làng cũng như không tạo điều kiện cho dân làng xây dựng lại những không gian vốn hết sức quan trọng với đời sống tâm linh của những người dân sắc tộc này. Dân làng cho biết họ không bao giờ được hỏi ý kiến về tầm quan trọng của các đền thờ tôn

giáo của họ. Những địa điểm quan trọng đó đã bị ngập dưới nước và hủy hoại khi con đập bắt đầu hoạt động đầu những năm 1990.

Khi việc tái đánh giá Mạn Loan kết thúc, nhóm của Tiến sĩ Yu kết luận để khôi phục sinh kế của dân tái định cư, cần thêm 13.000 nhân dân tệ (1.800 đô-la) cho mỗi dân làng. Nhóm nghiên cứu xác định công ty xây dựng đập cần cung cấp phương tiện để tưới tiêu, san đất và hỗ trợ kỹ thuật canh tác các loại cây trồng mới. Ngoài ra, việc đánh giá cũng phát hiện nhu cầu xây dựng các không gian xã hội như trường học và chợ. Theo yêu cầu của cuộc điều tra đặc biệt do chính quyền trung ương chỉ đạo, công ty xây dựng đập đã thực hiện các công việc bản đánh giá đưa ra. Kế sinh nhai của những người tái định cư dần dần phục hồi. Ngày nay, chạy xe qua những ngọn đồi dọc theo hồ chứa sẽ thấy những làng này đang phát triển ở mức độ khiêm tốn nhất, rất khó nhận ra sự khác biệt giữa các làng tái định cư và các làng đã ở đó cả 100 năm. Tuy nhiên, những lời hứa khác đã không được thực hiện theo kế hoạch. Toàn bộ hồ chứa với chiều dài 30km có chưa tới 5 trại cá. Ngay cả sau khi xây đường cao tốc có cầu bắc qua Thượng Mekong phía đầu hồ chứa, rất ít du khách dừng lại để tham quan nơi này. Ở hạ nguồn, phía sau vách đập, những chiếc du thuyền khổng lồ tiếp tục han gí và các đồng rác thải tiếp tục đe dọa con đập.

Khi tôi gặp Tiến sĩ Yu lần đầu tiên vào năm 2004, ông đang tìm cách lặp lại chuyện can thiệp thành công tại Mạn Loan vào các dự án tái định cư đang thực hiện và trong tương lai. Các tổ chức nước ngoài nhìn thấy ở Tiến sĩ Yu một chiến binh bảo vệ những người thấp cổ bé họng và đã tài trợ mạnh mẽ cho hoạt động của ông. Văn phòng của ông, lúc đó đặt bên trong Viện Khoa học Xã hội Vân Nam, có đội ngũ chuyên gia và tình nguyện viên đẳng cấp thế giới nhiệt tình tham gia sự nghiệp chính nghĩa này. Hè năm đó, Tiến sĩ Yu bận rộn đến nỗi tôi, một nghiên cứu sinh tầm thường,

chỉ được gặp ông 20 phút. Đầu năm đó, chính phủ Trung Quốc công bố kế hoạch xây một dãy 13 đập công suất 17 gigawatt trên sông Nô Giang chảy song song với sông Mekong bên phía tây của nó. Rìa phía tây của lưu vực sông Nô Giang tạo thành biên giới giữa Vân Nam với Myanmar, và sau khi chảy ra khỏi Vân Nam vào trung tâm các bang Shan và Karen của Myanmar, nó được gọi là sông Salween. Lưu vực sông Nô Giang là nơi sinh sống của một số nhóm sắc tộc, và vì thiên nhiên biệt lập của nó, ở đây có nhiều loài thực vật và động vật đặc hữu hơn bất kỳ lưu vực sông nào ở châu Á, làm cho nó trở thành điểm đa dạng sinh học quan trọng. Con đập nào ở lưu vực này cũng sẽ đe dọa hệ sinh thái lưu vực và việc xây một loạt 13 đập ở Vân Nam sẽ buộc phải di dời 45.000 dân.

Đầu năm 2004, Huadian, công ty nhà nước xây đập Hydrolancang ở Thượng Mekong, đã đến thung lũng Nô Giang quảng bá cái gọi là lợi ích của đập đối với các cộng đồng địa phương. Ngay sau đó, nhóm Tiến sĩ Yu nhanh chóng hành động cảnh tỉnh dân thung lũng Nô Giang. Chiến thuật của ông là chở các nhóm dân làng ở Nô Giang đến đập Mạn Loan dọc theo sông Mekong. Ở đó, ông sắp xếp cho những người dân tái định cư tại Mạn Loan kể về việc sinh kế của họ khôn đốn thế nào vì quá trình di dời. Dân làng Nô Giang tức giận đến nỗi khi biết những lời hứa giả dối của Huadian chỉ là một chiến dịch tuyên truyền, thay vì trở về nhà họ đi tiếp lên Côn Minh - thủ phủ tỉnh, phát động một cuộc biểu tình bất ngờ bên ngoài trụ sở chính quyền. Cuộc biểu tình này một lần nữa thúc đẩy hành động từ cấp cao nhất chính phủ. Vài ngày sau cuộc biểu tình ở Côn Minh, Thủ tướng Ôn Gia Bảo tuyên bố đình chỉ toàn bộ loạt đập cho đến khi có những đánh giá kỹ hơn. Tiến sĩ Yu và nhóm của ông một lần nữa đã chiến thắng. Với hai thành công trên và một công thức đã qua thử thách để thành công trong đấu tranh cho quyền của người dân vùng cao Vân Nam, ông đã được trao các giải thưởng quốc tế. Năm 2006, ông nhận giải thưởng môi trường Goldman,

và năm 2009 ông được trao giải thưởng Ramon Magsaysay, được nhiều người xem tương đương giải Nobel châu Á.

Nhưng việc đình chỉ loạt đập trên sông Nộ Giang năm 2004 đã đánh dấu sự khởi đầu của một trận chiến khó khăn nhiều rủi ro đối với các tổ chức cộng đồng như Green Watershed trong việc đảm bảo quyền lợi và đền bù thỏa đáng cho người dân tái định cư. Các công ty thủy điện như Huadian và Hydrolancang đã cấu kết với các chính quyền tỉnh và huyện ở tây nam Trung Quốc tăng cường chiến thuật đe dọa và ép buộc các cộng đồng địa phương phải nhanh chóng chấp nhận đền bù tái định cư. Khi Tiến sĩ Yu cố gắng đưa ra các đánh giá tác động xã hội và môi trường công bằng, Green Watershed bị cắt hợp đồng thuê văn phòng không được báo trước và tổ chức này bị cấm nhận tài trợ nước ngoài. Sau khi nhận giải thưởng Magsaysay năm 2009, hộ chiếu của Tiến sĩ Yu bị chính quyền tỉnh thu hồi, ngăn ông xuất ngoại.

Các gói kích cầu của chính quyền được đưa ra sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã giúp các công ty xây dựng thủy điện hùng mạnh thuộc sở hữu nhà nước ở Trung Quốc có nhiều tiền và nguồn lực hơn để đảm bảo giấc mơ xây đập của họ không bị gián đoạn. Năm 2012, khi Tiến sĩ Yu và một nhóm nhà môi trường đi vào thung lũng sông Nhã Lung, một nhánh dài của sông Trường Giang, gặp đại diện của hơn 100.000 dân bị đuổi khỏi thung lũng này, họ thấy phần lớn dân làng đang trong tình trạng sợ hãi và sốc do quá trình di dời. Công an địa phương thông báo: những người chống lại việc xây đập sẽ bị pháp luật trừng phạt nghiêm khắc. Không ai nói cho dân làng ở thung lũng Nhã Lung về quyền lợi hợp pháp của họ. Do có nhiều công an xuất hiện, Tiến sĩ Yu và nhóm của ông không thể có được kết quả như khi đàm phán với công ty xây dựng đập hay chính quyền địa phương. Các nỗ lực huy động cộng đồng luôn bị cản trở triệt để.

Kể từ đó, Tiến sĩ Yu chuyển sang các phương cách ít trực diện hơn để tác động đến việc xây dựng thủy điện ở phía tây nam Trung Quốc.

“Vận động để xây thủy điện có sức mạnh gần như vô hạn ở cấp địa phương và nó trở nên quá mạnh ở Bắc Kinh”, Tiến sĩ Yu nói với tôi trong chuyến thăm Côn Minh gần đây. Nhóm lợi ích đặc biệt này có thể dễ dàng tác động đến các quan chức chính phủ cấp cao ở Bắc Kinh và vượt mặt các cơ quan hoạch định chính sách như Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia hay Bộ Sinh thái và Môi trường”. Ông kể với tôi chuyện các nhóm vận động hô hào phát triển năng lượng sạch để hỗ trợ phát triển kinh tế của Trung Quốc đồng thời tạo ra các chiến dịch đưa tin giả cho rằng việc phản đối xây đập là âm mưu của nước ngoài nhằm cản trở sự tiến bộ của Trung Quốc.

Khi sức mạnh của việc vận động xây thủy điện tăng lên, không gian cho các tổ chức như Green Watershed hoạt động ở cấp cộng đồng tại Trung Quốc bị thu hẹp dần. Khi lên nắm quyền vào năm 2012, Tập Cận Bình đã công khai thừa nhận nhu cầu tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào việc giải quyết các vấn đề quốc gia, đặc biệt những vấn đề liên quan đến suy thoái môi trường và sinh kế nông thôn. Tuy nhiên, vào năm 2014, chính quyền của ông đã ban hành luật đăng ký mới hạn chế mạnh mẽ các hoạt động và các kênh tài trợ cho các tổ chức phi chính phủ. Nhưng trong một bước ngoặt đáng ngạc nhiên, năm 2016, chính quyền tỉnh Vân Nam đã công bố lệnh cấm xây đập trên dòng chính sông Nộ Giang và tiết lộ kế hoạch phát triển thung lũng Nộ Giang cho du lịch đại trà^[24]. Rõ ràng chính quyền Bắc Kinh đã lo ngại về trận động đất ở thung lũng Nộ Giang và lệnh cho chính quyền Vân Nam phải thay đổi các kế hoạch xây đập trên sông Nộ Giang. Lưu vực Nộ Giang chảy sát sông Mekong, nhưng cuộc tranh cãi về các quan ngại địa chấn không ngăn được việc xây đập. Nhiều người chỉ

trích việc xây đập đã xem lệnh cấm xây đập trên sông Nô Giang là dấu hiệu cho thấy nhóm vận động xây thủy điện đang thất thế ở Bắc Kinh. Nhưng nếu đúng như thế, lo ngại việc Bắc Kinh thắt chặt quy định về đập thủy điện trong tương lai có thể khiến các công ty xây dựng đập hùng mạnh như Hydrolancang bắt đầu xây các đập đã đề xuất.

Ngày nay, dãy sáu đập khổng lồ trên Thượng Mekong ở Vân Nam đang hoạt động hết công suất. Đập Đại Triều Sơn 1.350 megawatt vận hành năm 2003, một thập niên sau đập Mạn Loan. Sau đó vào năm 2008, con đập ở xa nhất về phía nam ở Cảnh Hồng chỉ cách thủ phủ châu tự trị Tây Song Bản Nạp vài kilomet phía thượng nguồn đi vào hoạt động. Ngay sau khi con đập 1.750 megawatt này vận hành, kênh xả lũ của nó đã hai lần bị hư hại nghiêm trọng do các đợt xả nước mạnh trong mùa mưa. Năm 2011, đập Tiểu Loan 4.200 megawatt bắt đầu hoạt động. Là đập khổng lồ cao 292 mét, Tiểu Loan từng là đập cao thứ hai trên thế giới (tại thời điểm xuất bản sách này^[25] nó đứng thứ ba). Hồ của nó chứa lượng nước tương đương một nửa vịnh Chesapeake. Hai trăm kilomet phía thượng nguồn, đập Công Quả Kiều 900 megawatt vận hành vào năm 2011 và cuối cùng là một đập khổng lồ khác ở Thượng Mekong, đập Nọa Trát Độ có công suất cực lớn 5.800 megawatt bắt đầu dẫn nước vào hồ chứa năm 2014 và không hoạt động hết công suất cho đến 2 năm sau. Hồ chứa Nọa Trát Độ cũng chứa một lượng nước tương đương một nửa vịnh Chesapeake, và hồ chứa của nó dài hơn 100km. Hơn 43.000 dân đã được tái định cư trong thập niên xây dựng Nọa Trát Độ. Phía trên những con đập này, công ty Hydrolancang đã hoàn thành hoặc đang xây dựng thêm 13 đập có công suất tương đối nhỏ hơn so với dãy đập trên Thượng Mekong, nhưng vẫn có thể chứa một lượng nước khổng lồ. Năm 2012, kế hoạch xây đập Guonian nằm dưới chân núi Kawagarbo đã bị hủy vì nó quá gần sông băng Minh Vĩnh.

Việc xây đập trên Thượng Mekong của Trung Quốc vẫn tiếp tục, nhưng mức huy động công suất phát điện của các con đập hiện có trên sông Mekong vẫn còn rất thấp. Tỉnh Vân Nam hiện đang phung phí phần lớn thủy điện của nó do tắc nghẽn trên lưới điện quốc gia của Trung Quốc và nền kinh tế chính trị vẫn chuộng dùng than làm nguồn phát điện chính ở các tỉnh ven biển. Các doanh nghiệp lớn ở Quảng Đông, 22% điện năng của Vân Nam được bán ở đây, thà mua điện từ các nhà máy nhiệt điện ở Quảng Đông còn hơn là từ các đập thủy điện của Vân Nam. Dù gần đây có giảm, than vẫn sẽ chiếm hơn 60% sản lượng điện của Trung Quốc trong những thập niên tới. Điện than sử dụng nhiều lao động hơn các nhà máy thủy điện. Nếu quá nhiều điện từ Vân Nam được truyền đến Quảng Đông, hàng chục ngàn người sẽ thất nghiệp. Hơn nữa, Quảng Đông muốn thu lợi nhiều nhất từ các chính sách mới thúc đẩy các tiêu chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả của chính phủ. Vì thế, khi công suất thủy điện của Vân Nam tăng lên thì nhu cầu năng lượng của Quảng Đông lại đang dần đến mức ổn định.

Điều đó khiến tỉnh Vân Nam lãng phí các lợi ích kinh tế và các con đập mang lại ít lợi ích cho chủ của chúng. Cụ thể, từ 2013 đến 2015, công suất thủy điện bị lãng phí ở tỉnh Vân Nam đã tăng 10 lần. Trong mùa mưa năm 2014, do lưới điện của Trung Quốc không thể tiếp nhận tất cả thủy điện phát từ các con đập ở Vân Nam, các công ty thủy điện như Hydrolancang mỗi ngày mất hơn 100 triệu nhân dân tệ (12 triệu đô-la)^[26]. Năm 2016, các đập ở Vân Nam được cho là đã lãng phí 300 terawatt giờ điện. Trong cùng năm đó, Thái Lan tiêu thụ chỉ nửa số lượng đó. Sự thừa mứa điện năng đang thu hút các khách hàng mới đầu nối trực tiếp vào nguồn điện do những con đập hoạt động kém hiệu quả này tạo ra. Gần đây, các công ty khai thác tiền mã hóa (tiền ảo) đã đặt máy ở Thượng Mekong để tận dụng nguồn điện bản giá rẻ này. Tuy nhiên, quan ngại lớn hơn là sự phá vỡ thỏa thuận đã có hàng chục năm giữa Vân Nam và các tỉnh ven biển giữ cho Vân Nam sạch

và xanh. Giờ đây các ngành công nghiệp nặng đang di chuyển từ các tỉnh ven biển lên Vân Nam để tiếp cận nguồn điện giá rẻ, và các quy định lỏng lẻo ở tỉnh Vân Nam cho phép các ngành này tự do gây ô nhiễm.

Các công ty xây đập ở Trung Quốc, như các công ty dầu khí ngoài khơi của Trung Quốc, là các công ty năng lượng hùng mạnh nhất và giàu có nhất thế giới. Các công ty xây dựng này đang nhanh chóng mở rộng hoạt động ra nước ngoài, được thúc đẩy bởi nhu cầu toàn cầu về năng lượng “xanh” và tiếp cận nguồn tài chính lãi suất thấp từ các ngân hàng do chính phủ Trung Quốc bảo trợ. Do các tác động môi trường và xã hội bất lợi của các con đập lớn, các tổ chức tài chính đa phương như Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á đã hạn chế việc cho vay hỗ trợ đối với các dự án xây đập trên toàn thế giới. Điều đó đã tạo cơ hội cho các tổ chức tài chính Trung Quốc vốn có tiêu chuẩn thấp hơn và thường cho vay nhằm có được sự ủng hộ chính trị, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Sẽ được nêu trong các chương sau, các công ty xây dựng đập Trung Quốc không chỉ là kẻ duy nhất xây đập ở Hạ Mekong, mà còn đứng đầu một nhóm công ty có các dự án đang dần bóp nghẹt hệ sinh thái sông Mekong và buộc hàng trăm nghìn người phải lìa xa quê cha đất tổ.

THUNG LŨNG NHĨ HẢI

Đập Tiểu Loan 4.200 megawatt nằm ở hạ nguồn ngay dưới chỗ hợp dòng của sông Mekong và sông Dạng Ty chảy ra từ hồ Nhĩ Hải của Đại Lý. Năm 1946, một nhóm kỹ sư Mỹ và Trung Quốc đã xây dựng một trong những đập thủy điện đầu tiên của Trung Quốc tại vị trí ở giữa hồ Nhĩ Hải và chỗ hợp lưu của sông Dạng Ty với sông Mekong để phát điện cho thành phố Đại Lý, nhưng con đập đó đã ngưng hoạt động vào cuối thập niên trước, khi hồ chứa khổng lồ của đập Tiểu Loan bắt đầu tích nước. Ngày nay, những cái tên Đại Lý và Nhĩ Hải rất nổi tiếng trong công chúng Trung Quốc vì những địa phương này xuất hiện trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp cực kỳ nổi tiếng của tác giả Hồng Kông Kim Dung cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960^[27]. Nhưng ít người ở Trung Quốc và các nước trong vùng biết hồ Nhĩ Hải thuộc lưu vực sông Mekong.

Trước thế kỷ 20, thung lũng Nhĩ Hải, cũng như phần lớn Vân Nam, bị cô lập với phần còn lại của Trung Quốc. Chỉ có thể đến được đó bằng cách đi qua những con đèo uốn lượn quanh những ngọn núi cao nguy hiểm giúp cư dân thung lũng dễ dàng phòng vệ. Sự cô lập tương đối đó cùng với một đồng bằng màu mỡ menh mông ở bờ tây hồ Nhĩ Hải đã góp phần vào sự phát triển của nhiều vương quốc độc lập đã nhiều lúc không chỉ thách thức sự bành trướng của các hoàng đế Trung Hoa mà ở đỉnh cao, còn tạo điều

kiện cho một vương quốc vươn tầm kiểm soát đến tận Đông Nam Á. Vào thế kỷ thứ 8, các nhóm sắc tộc thống trị sống quanh thung lũng Nhĩ Hải cùng nhau thành lập Vương quốc Nam Chiếu và xây dựng một thành bang gần Đại Lý ngày nay. Thành công của những người dân vùng cao này trong việc hình thành một cấu trúc nhà nước thịnh vượng rõ ràng đã chỉ ra thiếu sót trong lý thuyết của James Scott cho rằng những người Zomia có xu hướng né tránh việc thành lập nhà nước, nhưng chúng ta có thể giả định một nhân tố quan trọng tạo nên thành công của người dân vùng cao là việc họ định cư dọc theo đồng bằng thung lũng Nhĩ Hải để trồng lúa. Điều đó giúp mang lại những vụ mùa bội thu tạo điều kiện cho Nam Chiếu xây dựng nền tảng của một cơ cấu cai trị rộng lớn hơn. Các ghi chép lịch sử từ thời Nam Chiếu rất ít ỏi và khó giải mã, nhưng ghi chép của các vương quốc xung quanh cho thấy vào thế kỷ thứ 9, Nam Chiếu đã mở rộng sâu vào vùng là Myanmar ngày nay, rồi đến tận Lào và Thái Lan. Cuối cùng, Nam Chiếu bành trướng về phía bắc chinh phục Thành Đô, thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên.

Nằm ở ngã tư các tuyến đường giao thương giữa Trung Quốc và Ấn Độ, Nam Chiếu nổi lên như một trung tâm khu vực về nghiên cứu Phật giáo Mật tông, tông phái Phật giáo phức tạp nhất lúc đó. Phật giáo Mật tông có lẽ được truyền bá thông qua các liên minh mang tính giai đoạn với nước láng giềng Tây Tạng, nơi tôn giáo này được phát triển rộng rãi. Vào đầu thế kỷ thứ 10, Nam Chiếu đã mở rộng quá mức và cuối cùng hoàn toàn sụp đổ khi các thành viên chủ chốt của hoàng gia cai trị bị sát hại. Điều đó đã khiến dân chúng lũ lượt di cư ra khỏi thung lũng Nhĩ Hải. Ngày nay, các học giả cho rằng những người sáng lập các vương quốc theo thời gian tạo thành bản sắc dân tộc của Thái Lan, Lào, và Myanmar ngày nay được thành lập bởi những người chạy khỏi thung lũng Nhĩ Hải khi Nam Chiếu sụp đổ.

Khi Nam Chiếu suy tàn, Đoàn Tư Bình, hậu duệ của Nam Chiếu, thành lập Vương quốc Đại Lý vào năm 937, đặt cho vùng này tên gọi vẫn còn đến ngày nay là Đại Lý. Vương quốc Đại Lý chưa bao giờ vươn xa như Nam Chiếu, nhưng sự thống trị của nó trên phần lớn Vân Nam giúp nó phát triển trong ba thế kỷ như một vương quốc độc lập và nổi lên là trung tâm giáo dục Phật giáo hàng đầu của châu Á. Các học giả xa tận Ba Tư và Ấn Độ đã đến tu học tại Sùng Thánh Tự nổi tiếng ở Đại Lý để nghiên cứu Phật giáo Mật tông. Những người hành hương đi từ xa đến thung lũng Nhĩ Hải hành lễ tại các địa điểm kỷ niệm cuộc đời của Đức Phật lịch sử, Tất-đạt-đa Cồ-đàm, dọc theo chiều dài 140km bên bờ hồ này. Ngày nay, ba ngôi chùa Đại Lý xây lại dưới chân Sùng Thánh Tự, cùng với bức tường thành cổ, là những công trình kiến trúc duy nhất thời đó còn lại trong thành phố này. Trong thập niên vừa qua, ngoài Sùng Thánh Tự, cơ quan quản lý du lịch Đại Lý còn phục dựng lại các điểm Phật giáo cổ xưa dọc theo bờ hồ Nhĩ Hải.

Vào thế kỷ 13, quân đội Mông Cổ của Hốt Tất Liệt đánh bại Vương quốc Đại Lý và thành lập một đơn vị hành chính chính thức của Đế quốc Mông Cổ là Vân Nam. Đây là lần đầu tiên tên Vân Nam xuất hiện trên bản đồ. Truyền thuyết nói rằng quân Mông Cổ xâm lược được một tên phản bội dẫn qua con đường bí mật trên núi Thương Sơn và kết liễu Vương quốc Đại Lý. Tuy nhiên, rất có thể vị vua họ Đoàn cuối cùng đã đầu hàng trực tiếp với Kim Trướng Hãn Quốc khi ông được trao chức tỉnh trưởng đầu tiên của Vân Nam.

Người Mông Cổ đầu tiên cai trị Đại Lý là Hoàng tử Hugeshi, một tín đồ Hồi giáo lãnh đạo đội quân ở Đại Lý có binh lính hầu hết tuyển từ các vùng Hồi giáo của Đế quốc Mông Cổ. Sự dịch chuyển nhân khẩu học này đánh dấu việc chuyển đổi từ Phật giáo sang Hồi giáo ở thung lũng Nhĩ Hải. Làn

sống những người nhập cư Hồi giáo bắt đầu thống trị các tuyến thương mại của khu vực này. Tỉnh trưởng Hồi giáo nổi tiếng nhất của Đại Lý là Sayyid Ajall Shams Din-Omar từng đảm nhận nhiều chức vụ khác nhau trong lãnh thổ Ba Tư của Đế quốc Mông Cổ và được cho là sinh ra ở Cairo. Đến năm 1257, Sayyid Ajall chuyển đổi thành công nền kinh tế nông nghiệp của Vân Nam và bắt chước việc là tín đồ Hồi giáo ông đã du nhập các thiết chế giáo dục Nho giáo và thờ phụng của người Hán vào Vân Nam. Học giả Myanmar Thant Myint U trong cuốn sách năm 2011 *Where China Meets India* (Nơi Trung Hoa gặp Ấn Độ) mô tả thời kỳ người Mông Cổ ở Đại Lý là khởi đầu của quá trình hội nhập chậm chạp Đại Lý vào Trung Hoa của người Hán^[28]. Ngày nay, người Hồi giáo Vân Nam tôn kính Sayyid Ajall như người cha lập quốc.

Khi Đế quốc Mông Cổ sụp đổ và triều đình nhà Minh trỗi dậy vào thế kỷ 13, trung tâm kiểm soát chính trị ở Vân Nam chuyển từ Đại Lý về Côn Minh. Tuy nhiên, sự cô lập của nó lần nữa chứng minh Đại Lý là một địa phương gai góc khi vào cuối thế kỷ 19, một thương nhân Hồi giáo ở đây tên là Đỗ Văn Tú lãnh đạo cuộc nổi dậy Vân Nam Hồi Biến chống lại triều đại nhà Thanh mục nát và thành lập một vương quốc Hồi giáo độc lập. Đỗ Văn Tú cai trị yên ổn thung lũng Nhĩ Hải và một vùng rộng lớn của tỉnh Vân Nam trong gần hai thập niên. Khi các nhà thám hiểm Pháp De Lagree và Garnier ngược dòng Mekong trong chuyến thám hiểm thất bại nhằm tìm một tuyến đường sông đi vào Trung Quốc, đến gần cổng thành Đại Lý vào năm 1868, họ thấy mình lạc vào một thủ phủ quốc tế, thương mại nhộn nhịp với bộ máy cai trị hiệu quả.

Cuộc nổi dậy Vân Nam Hồi Biến cuối cùng bị dập tắt khi quân Thanh tấn công Đại Lý vào năm 1872. Lính Anh liên minh với nhà Thanh đánh bại cuộc nổi dậy Thái Bình Thiên Quốc ở miền Trung Trung Hoa đã cùng với

đội quân pháo binh của nhà Thanh vây quanh thành. Đỗ Văn Tú đầu hàng với hy vọng triều đình nhà Thanh sẽ tha cho những người trung thành với ông, nhưng ông phải uống thuốc độc. Quân đội nhà Thanh chặt đầu Đỗ và mang đến Bắc Kinh trong một chum mật ong để chứng minh cuộc nổi loạn đã bị dẹp tan. Sau đó, quân Thanh quay súng vào thành phố và đuổi dân ra khỏi thung lũng. Hàng ngàn người không trốn được đã bị đẩy xuống hồ chết đuối. Thất bại nặng nề của cuộc nổi dậy Vân Nam Hồi Biến và Thái Bình Thiên Quốc quy mô lớn, cùng với một số cuộc nổi loạn nhỏ khác ở miền Nam Trung Quốc trong thế kỷ 19 đã gây ra những làn sóng người di cư tìm nơi ẩn náu sâu hơn trong vùng Zomia. Nhiều người chạy qua các thung lũng sâu của sông Mekong vào bán đảo Đông Nam Á. Những người khác chạy về phía tây đến Myanmar, nơi người Hồi giáo Trung Quốc ngày nay được gọi là người Phan Thái (Panthay). Hiện nay ngôi nhà của Đỗ Văn Tú là một địa điểm nổi tiếng trong tuyến du lịch tham quan Đại Lý Cổ Thành, và tấm biển ở lối vào viết Đỗ Văn Tú là một anh hùng được chính thức công nhận đã chiến đấu chống lại quân Thanh xâm lược vốn là một thách thức ngoại bang đối với nền văn minh Hán. Nhưng tấm biển này xem nhẹ khuynh hướng lịch sử muốn tách khỏi nhà nước Trung Hoa của Đại Lý.

Di sản lịch sử phong phú của Đại Lý, cảnh quan tuyệt đẹp của núi Thương Sơn xanh tươi tạo thành đường biên phía tây của thung lũng Nhĩ Hải, và làn nước trong xanh của hồ Nhĩ Hải hiện mỗi năm thu hút hơn 20 triệu du khách đến Đại Lý Cổ Thành. So với Angkor Wat, được cho là địa điểm thu hút du khách nổi tiếng nhất ở sông Mekong, mỗi năm đón chưa đầy 3 triệu du khách. Ở nhiều mặt, Đại Lý Cổ Thành là điểm đón nhiều du khách nhất trong lưu vực sông Mekong. Tương tự Vũ Bãng, dòng người từ

nơi khác đến đang làm thay đổi bản sắc địa phương và khiến vùng hồ Nhĩ Hải, hồ lớn thứ hai của sông Mekong, lâm nguy.

Năm 1999, khi tôi lần đầu tiên đến thung lũng Nhĩ Hải sau chuyến xe buýt dài 10 giờ từ Côn Minh chạy qua đường núi quanh co, Đại Lý là một thị trấn im lìm chủ yếu đón những người thích rong ruổi xem nơi này là điểm dừng chân cực bắc trong các chuyến du lịch ba lô ở Đông Nam Á. Lúc đó Trung Quốc vẫn bị xếp là một trong những nền kinh tế nghèo nhất thế giới, với GDP bình quân đầu người 800 đô-la, thấp hơn tám lần so với hiện nay, và rất ít người Hán có thời gian, tiền bạc cho một chuyến đi đến tỉnh Vân Nam. Nhiều người Trung Quốc mạo hiểm đến Đại Lý là những nghệ sĩ trẻ muốn lánh khỏi những vùng đang đô thị hóa nhanh chóng ở phía bắc Trung Quốc và tìm nguồn cảm hứng ở vùng đất Đại Lý thần tiên. Trên hết, những tác phẩm của Kim Dung đã miêu tả vùng này tràn ngập những điều ảo diệu và các kỳ quan thiên nhiên. Những người Hán chuyển đến đây sống dựng nên các xưởng nghệ thuật, các quán cà phê và nhà nghỉ nhắm đến một cuộc sống mới bên trong Cổ Thành.

Du lịch không phải là thú giải trí duy nhất trong thị trấn. Cổ Thành có đủ mọi thứ người ta hình dung ở một thị trấn của Vân Nam: trường học, bệnh viện, chợ, sở chỉ huy quân sự địa phương, chùa chiền Phật giáo, thậm chí một nhà thờ Công giáo. Các công ty địa phương khai thác đá cẩm thạch giá trị cao từ núi Thương Sơn và vài hợp tác xã của phụ nữ sản xuất vải nhuộm nghệ thuật. Cả hai sản phẩm này được bán ở các chợ khắp Trung Quốc và các hợp tác xã nhuộm nghệ thuật thường giành được các giải thưởng khu vực và thế giới như là các ví dụ điển hình về doanh nghiệp nhỏ. Kỹ thuật chế tác bạc của Đại Lý cũng nổi tiếng khắp Trung Quốc. Vào cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000, trên những con đường lát đá cuội ở Cổ Thành, người ta vẫn có thể thấy những phụ nữ trung niên người Bạch

mặc đồ trắng với áo ngoài thêu rất công phu, đầu quần khăn đỏ trắng có sợi len đen ở giữa. Họ đang đi chợ về hay ngồi trước quầy hàng của họ bàn tán những tin tức mới nhất của thị trấn. Nhiều người cũng đã lợi dụng tính cách phóng túng của du khách ba lô phương Tây và bắt đầu bán rong cần sa trên phố người nước ngoài “Dương Nhân Nhai”. Khi nhăm nháp cà phê ở quán ngoài trời, chắc chắn một bà già sẽ đến gần và thì thầm “ganja ganja” (cần sa) vào tai khách. Khách đến thăm Vân Nam thời nay sẽ luôn tình cờ gặp một cư dân địa phương đầu đó trên đường nhắc nhở du khách rằng ở Vân Nam “thiên cao, hoàng đế viễn”, và buôn bán cần sa ở đây là dấu hiệu thiếu sự kiểm soát của Bắc Kinh tại vùng biên Trung Quốc. Thời đó, hầu hết đàn ông trung niên và cao tuổi vẫn mặc bộ đồ *zhongshan* (trung sơn) màu xanh thường được gọi là bộ đồ Mao. Kiểu mặc này cũng phổ biến ở hầu hết các địa phương khác của Trung Quốc. Một số thiếu nữ đội mũ hình mặt trăng dẹt bằng sợi trắng có vành thêu - một dải tua gắn bên phải để những người tìm vợ biết họ chưa kết hôn. Những người bán dạo *rushan* (nhũ phiến), đặc sản địa phương làm bằng phô mai chiên giòn quần quanh một cái que, đứng bán ở các ngã tư lớn.

Một trong những kỷ niệm đẹp nhất của tôi về Đại Lý là lần gặp ông He Liyi, một người Đại Lý lớn tuổi biết tiếng Anh và gần đây đã viết xong một cuốn sách bằng tiếng Anh có tựa *Mr. China's Son* nêu chi tiết mối quan hệ của ông với đội Phi Hổ, một nhóm phi công Mỹ đóng khắp miền Đông vùng Raj (Ấn Độ) thuộc Anh và vùng tây nam Trung Quốc trong Thế chiến II^[29]. Cuốn sách cũng nêu chi tiết cách ông và Đại Lý sống sót qua cuộc Cách mạng Văn hóa của Trung Quốc. Sau vài lần xuất bản, cuốn *Mr. China's Son* đã thu hút nhiều du khách nước ngoài đến Đại Lý. Văn hóa đầy cảm hứng của Đại Lý đã thu hút nhà văn và doanh nhân người Mỹ Colin Flahive đến đây vào năm 2002. Dù ông không ở lại lâu và đã quyết định mở quán Salvadors Coffee House rất thành công ở Côn Minh với một nhóm

bạn, Flahive đã hồi tưởng sự quỵên rũ của Đại Lý trong hồi ký *Great Leaps*. Ông viết, “Đại Lý có loại bùa mê khiến bạn muốn mỗi ngày ngồi ở một quán cà phê khác nhau và viết cuốn tiểu thuyết bạn chưa từng có thời gian để bắt đầu. Đó cũng là một nơi đáng ở, mua một con chó, để vài kiểu tóc tết và ngày ngày say sưa bập bùng guitar”^[30].

Vào năm 1999, một chiều tản bộ ngay ngoài cổng phía nam thị trấn cổ, tôi tình cờ thấy một số người lao động trẻ tuổi xếp hàng dài hàng trăm thước trước các quầy hàng thiết kế đơn điệu. Là một sinh viên đang tò mò muốn biết tương lai của Trung Quốc sẽ diễn ra như thế nào trong thế kỷ mới, tôi cứ mong Đại Lý mãi mãi giữ nguyên như thế. Vì hiện rất ít người đến sống ở Đại Lý, tôi hỏi một công nhân các tòa nhà được xây để dùng vào việc gì, chúng chẳng giống chút nào với các công trình kiến trúc đá độc đáo bên trong Cổ Thành. “Có thể là cửa hàng, cũng có thể là nhà nghỉ, hay quán ăn”, anh ta trả lời. Tôi phản bác bằng nhận xét số du khách ít ỏi đến Đại Lý thích ở bên trong tường thành của Cổ Thành, câu trả lời của chàng trai trẻ giống câu trả lời tôi nghe nhiều lần từ hầu hết những người tôi gặp trong thập niên sau đó ở Trung Quốc. “Kinh tế Trung Quốc đang tăng tốc - mọi thứ sẽ thay đổi.”

Năm 1999, tuyến đường sắt từ Côn Minh đến Đại Lý hoàn thành. Đầu những năm 2000, một đường cao tốc mới nối với Côn Minh giảm thời gian 10 tiếng lái xe chuyển đi năm 1999 của tôi xuống còn một nửa. Sự thuận tiện này khiến việc quay lại Đại Lý trở nên dễ dàng. Tôi đã đưa những người bạn thân nhất từ Mỹ qua đến đó, sau đó tôi đưa vợ tương lai của tôi, vài nhóm sinh viên Mỹ, và cuối cùng vào năm 2009, tôi đưa cha mẹ tôi đến Đại Lý trong chuyến đi đầu tiên của họ ra khỏi nước Mỹ. Trong thập niên đó, khi thu nhập tiếp tục tăng, các chuyến thăm của du khách đến Đại Lý thanh bình hằng năm tăng lên nhanh chóng. Năm 2003, Fang Lijun, một

trong những họa sĩ hiện đại nổi tiếng nhất Trung Quốc có tác phẩm hiện bán với giá kỷ lục toàn cầu, mua một mảnh đất nhỏ bên trong rìa tây nam của Đại Lý Cổ Thành. Ở đó, ông xây một xưởng vẽ và nhà nghỉ có phong cách thiết kế kết hợp kiến trúc sắc tộc Bạch cổ xưa với cảm xúc hiện đại, công nghiệp. Ở chính giữa sân là hồ cá koi được che một phần với cấu trúc kính và sàn trong suốt. Phong cách kiến trúc độc đáo táo bạo. Khi lần đầu tiên ở lại đó vào năm 2004, cũng như nhiều người kinh hãi bởi những gì tầng lớp giàu có mới nổi ở Trung Quốc đang làm với tiền bạc của họ, tôi chưa từng thấy bất cứ điều gì giống thế ở Trung Quốc.

Fang thuê một người Bạch địa phương tên Shi Laoshan giúp xây nhà nghỉ và giữ anh ta làm cho mình từ đó đến nay. Về sau, gần như năm nào tôi cũng đến nhà nghỉ này, có gặp Fang Lijun vài lần, nhưng quan trọng hơn là đã thành bạn bè thân thiết với Shi Laoshan hiện đang ở tuổi trung niên. Là dân Đại Lý Cổ Thành chính gốc, sở thích của Shi là hoàn thiện các tư thế nghỉ trưa của mình, vốn kéo dài đến chiều tối. Chợp mắt một chút vào ban ngày trở nên khó khăn với Shi hơn vào khoảng năm 2007, khi các công ty xây dựng bắt đầu đập phá toàn bộ các khu nhà trong Cổ Thành để xây dựng những bản sao các công trình kiến trúc cổ kiểu như Võ Miếu ngay cuối con phố có nhà nghỉ của Fang.

Võ Miếu và nhiều công trình kiến trúc tương tự đã bị phá hủy trong những năm 1960 thời Cách mạng Văn hóa. Nhưng khi du khách có xu hướng muốn trải nghiệm Trung Hoa trước đây, đặc biệt muốn tìm về lịch sử cổ xưa của Đại Lý, các bản sao của Võ Miếu và Sùng Thánh Tự được tái tạo khắp thung lũng này. Ngày nay, những du khách Trung Quốc thường đến Đại Lý không phải là những người muốn nghỉ ngơi trong các quán cà phê và xưởng vẽ, mà muốn được xe buýt đưa đến rồi ngồi trên những chiếc xe dài thường dùng trong sân golf chở quanh Cổ Thành. Hướng dẫn viên du

lich huyền thuyên lịch sử Đại Lý qua loa gắn trên xe. Hay các nhóm du khách được các hướng dẫn viên cầm loa dẫn đi bộ nhanh qua các ngõ hẻm của Đại Lý. Họ ghé thăm các địa điểm như nhà của Đỗ Văn Tú trong vài phút và tạo dáng chụp ảnh trước khi được dẫn đến địa điểm tiếp theo. Các đền chùa Nam Chiếu được phục dựng ở Đại Lý Cổ Thành và các điểm hành hương Phật giáo quanh hồ đáp ứng nhu cầu du lịch của những du khách đi về trong ngày không nghỉ lại qua đêm. Tuy nhiên, những dòng du khách ồn ào giờ đi ngang qua nhà nghỉ của Fang đã quấy rầy sở thích của Shi cũng như mong muốn thư giãn của khách nghỉ ở đây. Buổi tối âm thanh âm âm từ một dãy 20 hộp đêm trong con hẻm bên cạnh âm ỉ nhạc sống tràn vào các nhà nghỉ. Shi Laoshan nói nhà nghỉ vẫn có rất nhiều khách, nhưng “những người năm nào cũng đến nói rằng cảm xúc tự do trước đây không còn nữa. Có quá nhiều người ở Cổ Thành. Giờ nhiều người chọn trọ ở các nhà nghỉ dọc bờ hồ Nhĩ Hải. Họ muốn một nơi yên tĩnh”.

Ngành du lịch mang lại nhiều nguồn thu nhập mới cho Đại Lý và đã giúp gần như toàn bộ cư dân Đại Lý thoát nghèo. Nhiều người đã rời Cổ Thành, cho những người mới đến như Fang Lijun thuê nhà. Trong chuyến đến Đại Lý gần nhất vào cuối năm 2015, tôi gặp người bạn cũ, Ahzhao, người gốc Đại Lý đã thúc đẩy thành công làn sóng du lịch nơi đây. Ahzhao là người sắc tộc Bạch, và anh bắt đầu làm việc trong ngành du lịch vào năm 2005, bán vé xe buýt và lái cabin cáp treo lên xuống núi ngay phía nam thành cổ. Năm 2009, anh và vợ vay tiền của người thân mua một trong những căn nhà xây bình thường mà tôi đã thấy ngay bên ngoài thành cổ năm 1999. Gia đình anh biến nó thành một nhà nghỉ và nhà hàng hiện nổi tiếng với món xúp làm từ cá chép đánh bắt ở hồ Nhĩ Hải và món chân giò lợn kho tộ nổi tiếng khắp thung lũng Nhĩ Hải. Quy định địa phương yêu cầu anh sơn trắng khu nhà và trang trí phần trên bên ngoài các bức tường với

cảnh Cổ Thành, hồ Nhĩ Hải, và núi Thương Sơn. Tự hào về truyền thống sắc tộc Bạch, Ahzhao cũng đưa kiến trúc Bạch xưa vào trong nhà nghỉ.

Trong chuyến đi đó, tôi và Ahzhao ngồi uống trà trò chuyện về tác động của du lịch đối với Đại Lý. Anh lưu ý nhiều chủ doanh nghiệp từ các tỉnh khác đến kiểm soát phần lớn ngành du lịch Đại Lý chỉ tuân thủ những yêu cầu tối thiểu bảo tồn vẻ ngoài của kiến trúc Bạch. Điều đó làm phai nhạt các giá trị văn hóa bản địa. “Chúng ta không thể tìm ra một nhà hàng Bạch tốt ở Cổ Thành nữa”, anh nhận xét, và tôi hoàn toàn đồng ý. “Mười năm trước, chúng tôi chào đón tất cả những thứ mới mẻ này vì chúng tôi chưa từng nhìn thấy chúng, nhưng giờ chúng tôi cần phải tự hào về di sản và truyền thống của chúng tôi.” Anh than thở về đám nhà hàng lờ mờ, quán xá ồn ào trên đường phố Đại Lý, cùng những dãy cửa hàng bán trống Congo, đồ trang sức linh tinh lẫn lộn các sản phẩm thủ công độc đáo của văn hóa Bạch. Tuy thế, vẫn có thể tìm thấy các thợ bạc và những người bán rong quần áo nhuộm nghệ thuật, đồ mỹ nghệ treo tường, nhưng họ thường bị chìm khuất trong đồng cửa hàng bán đồ lưu niệm rẻ tiền sản xuất tại các xưởng ở tỉnh Quảng Đông xa xôi.

“Nếu chúng tôi đánh mất di sản của mình, Đại Lý sẽ chỉ là nơi nổi tiếng về cảnh quan tuyệt đẹp của nó”, Ahzhao nói. Giống Shi Laoshan, anh kể chuyện nhiều du khách chọn ở tại các nhà nghỉ dọc theo bờ hồ cách Cổ Thành vài kilomet. Anh cho biết một số nhà nghỉ nhìn ra hồ cho thuê phòng với giá cắt cổ. Một số phòng ở phía bên kia hồ có thể nhìn toàn cảnh hồ và núi Thương Sơn tuyệt phủ hiện cho thuê với giá một đêm hơn 3.000 nhân dân tệ (500 đô-la). Anh nói hiện có một dòng du khách thành phố giàu có thường xuyên đặt kín những phòng này.

Trước khi chia tay, Ahzhao nói đến một thách thức khác đối với tương lai của Đại Lý Cổ Thành, một thách thức lớn hơn hết thảy: quản lý nước. “Tháng 3 và tháng 4 nào thành phố cũng hết nước. Anh không thấy chuyện này được đề cập trên mạng, nhưng du khách đến vào mùa xuân thường không được tắm rửa trong nhiều ngày. Tất nhiên họ không ở lại lâu.” Anh cũng nhận xét vì sao mùa xuân Đại Lý ẩm hơn bình thường và thung lũng giờ ít mưa hơn. “Khi không còn tuyết tan từ núi Thương Sơn, và những con suối cạn khô, nước hồ được bơm để tưới cho đồng ruộng ven hồ, nhưng người không dùng được nước đó.” Ahzhao kể khi anh còn nhỏ, các con suối từ Thương Sơn chảy qua Cổ Thành đầy nước quanh năm. Giờ một cơ sở sản xuất nước uống đã đóng chai gần hết nước ở đó để bán tại các chợ vùng này trước khi nước chảy đến Cổ Thành. Ngoài ra, sự phát triển không ngừng khu nhà sang trọng nhìn ra hồ từ phía sườn thấp của núi Thương Sơn đã làm đổi hướng dòng nước trước đây chảy đến Cổ Thành và các khu vực thấp hơn. “Hầu hết khách sạn giờ đào giếng lấy nước ngầm, nhưng nước cũng bắt đầu cạn kiệt. Một vài khách sạn còn có cả tắm hơi! Khi còn nhỏ chúng tôi chưa từng thấy tắm hơi ở Đại Lý”, Ahzhao nói.

Đồng bằng phì nhiêu dài 40km nằm giữa hồ Nhĩ Hải và 18 đỉnh của núi Thương Sơn này có thể nuôi sống một vương quốc cổ, nhưng đáp ứng nhu cầu hiện nay của hàng chục triệu du khách mỗi năm đòi hỏi một lượng lớn phân bón, thuốc trừ sâu và nước. Số du khách này làm phát sinh lượng nước thải cực lớn. Nước thải đó, cùng với phân bón, thuốc trừ sâu và chất thải động vật, tất cả chảy vào hồ, đe dọa hệ sinh thái của hồ Nhĩ Hải. Sau nhiều thập niên ưu tiên giảm nghèo và hàng tỷ nhân dân tị đồ vào các chính sách quản lý nước thất bại, tương lai hồ này hết sức nguy ngập.

Năm 2001, chính quyền Đại Lý nhận thấy họ gặp vấn đề khi phải mất hơn hai năm để chấm dứt tình trạng tảo sinh sôi liên tục. Trong những tháng hè, loài tảo này đe dọa chất lượng nước và đời sống thủy sinh trong hồ. Một thập niên trước tình trạng thâm canh trên đồng bằng phì nhiêu nằm giữa hồ và núi Thương Sơn và việc không xử lý các dòng chảy đến từ các khu vực dân cư xung quanh đã tạo điều kiện cho tảo che phủ hơn một nửa bề mặt hồ. Lượng du khách tăng dần làm vấn đề thêm trầm trọng. Tảo phát triển mạnh trong nước có hàm lượng nitơ và phốt-pho cao, các chất này thường có trong phân bón và nước thải chưa xử lý. Những chất này rất quan trọng để duy trì sự sống ở bất kỳ hồ nào, nhưng khi khối lượng tăng mạnh, một loài tảo có thể lan với tốc độ không thể kiểm soát và che phủ phần lớn vùng nước tù đọng. Rồi tảo ngăn cản ánh sáng mặt trời chiếu xuống đáy hồ, ảnh hưởng đến phát triển thực vật. Tiếp đó, cá và động vật sống ở nơi bị ảnh hưởng sẽ có ít thức ăn. Tảo là loại cây sinh sản nhanh nhưng có tuổi thọ ngắn. Khi tảo chết, quá trình phân rã tiêu thụ một lượng lớn oxy từ vùng nước đọng, lấy đi oxy của hồ và đe dọa khả năng tồn tại hệ sinh thái duy trì sự sống của hồ này. Quá trình này được gọi là phú dưỡng, và nếu không được giám sát, nó có thể giết chết hồ nước.

Các bài học của Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam, cho những người trông coi hồ Nhĩ Hải thấy một hồ nước đã chết hay đang chết sẽ làm giảm lượng du khách đến thăm. Đầu những năm 2000, hồ Điện Trì ở rìa phía nam Côn Minh đã trở nên vô dụng do một loạt loài tảo không kiểm soát được. Những người dân Côn Minh từng lớn lên bơi lội và câu cá dọc theo hồ này, hồ lớn thứ mười một của Trung Quốc trong vùng, giờ không còn tin vào khả năng kiểm soát ô nhiễm hồ của chính quyền thành phố. Ngoài tảo, việc bừa bãi đổ chất thải công nghiệp và rác sinh hoạt vào hồ khiến cho nước hồ Điện Trì không thể dùng được cho cả những mục đích đơn giản nhất. Năm 2003, tất cả các hoạt động câu cá, chèo thuyền và bơi lội trên hồ đều bị cấm

và lệnh cấm đổ tồn tại cho đến ngày nay. Du lịch chỉ là một phần nhỏ trong nền kinh tế địa phương của Côn Minh, và không phải tất cả du khách đến Côn Minh đều thăm hay trân trọng cảnh quan của hồ. Ngược lại, quan chức chính quyền địa phương ở Đại Lý hiểu rằng tương lai du lịch ở đây phụ thuộc vào việc giữ hồ này sạch sẽ.

Trên hồ Nhĩ Hải, các biện pháp cải thiện trước đây nhằm vào việc quản lý và làm sạch nước tại một số điểm ô nhiễm chính dọc theo bờ hồ. Cách thường thấy là xây dựng hạ tầng xử lý nước ở nơi nước chảy vào hồ để lọc lấy các chất ô nhiễm và khôi phục cân bằng dinh dưỡng tự nhiên trong hồ. Chính quyền địa phương đã xây các cơ sở lọc và xử lý nước chảy ra từ Đại Lý Cổ Thành và các cộng đồng đang phát triển nhanh chóng quanh hồ. Ở thượng nguồn phía bắc, chính quyền tạo ra những đầm lầy nhân tạo trồng cây để chúng lọc tự nhiên các chất dinh dưỡng ra khỏi nước và làm chậm tốc độ nước chảy vào hồ. Chính quyền cũng xem xét bắt chước Côn Minh sử dụng lục bình trên hồ để làm giảm các chất ô nhiễm. Lục bình là một loài ngoại lai xâm lấn được thấy trôi nổi trên các hồ và suối khắp thế giới, bộ rễ của chúng có thể tiêu thụ hiệu quả và lấy đi một lượng lớn nitơ và phốt-pho. Tuy nhiên, Đại Lý đã nhanh chóng dẹp bỏ kế hoạch này khi Côn Minh đưa lục bình vào với tốc độ nhanh đến nỗi loại thực vật tái-tạo-nhanh này nhanh chóng sinh sôi phủ kín hồ Điện Trì và cũng tàn phá không kém gì tảo^[31].

Hè 2004 và hè 2005 trôi qua mà không thấy tảo xuất hiện lại trên hồ Nhĩ Hải. Nhưng vào năm 2006, sau một mùa xuân rất ấm, đã bùng phát một loài tảo khác, lần này là tòi tẹ nhất từ trước đến nay, buộc phải đầu tư một loạt hạ tầng khác. Lần này, cách giải quyết cũng lại chi tiền cho hạ tầng bằng cách tăng thêm số lượng nhà máy xử lý nước ven hồ và các đầm lầy nhân tạo để kiểm soát nguồn gây ô nhiễm. Một biện pháp bổ sung loại bỏ tất cả các hoạt động trực tiếp đưa phân bón và chất thải vào hồ. Ngay lập

tức, các ao cá ven hồ và các đồng lúa do các cộng đồng địa phương quản lý đã chuyển thành đầm lầy. Việc chăn thả gia súc dọc theo hồ bị cấm và các ngôi nhà ở vùng quê ven bờ bị dỡ bỏ. Các hộ gia đình được đền bù một ít tiền nhằm giảm bớt khó khăn sinh kế của họ, và nhiều cư dân địa phương đã phải bán hay cho các nhà đầu tư bên ngoài thuê đất.

Những biện pháp đó đã kiểm soát và ngăn chặn bùng phát các loài tảo trong 10 năm qua, và chỉ xảy ra lẻ tẻ ở một vài điểm dọc theo bờ hồ, nhưng vẫn có bằng chứng cho thấy hệ sinh thái của hồ vẫn còn nhiều rủi ro. Giáo sư Zhou Jun thuộc khoa Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên tại Đại học Đại Lý đã nghiên cứu chất lượng nước hồ Nhĩ Hải trong thập niên qua. Trong một chuyến đến bờ Nhĩ Hải, ông nhận thấy đa dạng sinh học các loài cá đang suy giảm ở mức báo động. “Mười năm trước, nước trong vắt đến nỗi nhìn được phần lớn đáy hồ, nhưng bây giờ vì nước chứa đầy các chất ô nhiễm, ánh sáng mặt trời chỉ xuyên qua được chưa đầy hai mét nước”, ông lưu ý. Ông nói tình trạng nước bị vẩn đục đó có nghĩa là phần diện tích đáy hồ có cỏ mọc bị giảm đi. Ngoài ra, có ít cây để hấp thụ và lọc chất dinh dưỡng xả vào hồ. Những cây này cũng chiếm một vị trí quan trọng trong chuỗi thức ăn của hồ. “Chỉ khoảng 10% phần sâu hơn của hồ hiện nay có thể hỗ trợ cho sự sống. Điều này đang làm thay đổi cấu trúc của hồ.” Số liệu lịch sử cho thấy hồ Nhĩ Hải là một trong những ngư trường lớn của Vân Nam, nhưng chất lượng nước kém và sự xuất hiện của các loài ngoại lai xâm hại đã hủy diệt nguồn cá đa dạng của hồ này^[32].

“Đại Lý từng nổi tiếng về những chiếc thuyền buồm đánh cá, và mọi người khắp nơi từ xa đã đến đây để ngắm chúng. Giờ các đội thuyền đánh cá của Đại Lý bị xếp xó suốt năm và chỉ được hoạt động nếu chất lượng nước đạt mức hai. Ngay cả khi đó, họ chỉ được đánh bắt vài tuần trong năm”, Giáo sư Zhou nói. Chất lượng nước ở cấp hai là quy định do chính

phủ Trung Quốc đặt ra. Con số thứ hạng càng lớn chất lượng nước càng tồi tệ. Nước được xếp cấp một có thể dùng trực tiếp để uống không cần xử lý. Cấp độ hai là nước uống được sau xử lý. Cấp độ ba phù hợp cho sử dụng trong nông nghiệp, và cấp độ bốn chỉ phù hợp cho sử dụng công nghiệp. Cấp độ năm bị xem là quá độc hại. Hồ Điền Trì ở Côn Minh trong hai thập niên qua dao động giữa cấp độ bốn và cấp độ năm.

Phát triển kinh tế và bùng nổ du lịch đã tạo ra nhu cầu về các nguồn cung cấp thực phẩm mới, và chính điều này đã đưa thêm những dòng ô nhiễm vào hệ sinh thái hồ này. Trong khi sữa, phô mai và sữa chua đã trở thành một phần quan trọng trong thực đơn thường ngày phổ biến của người tiêu dùng Trung Quốc chỉ trong vòng 10 năm qua, các chế phẩm từ sữa từ lâu đã là một phần trong ẩm thực của các sắc tộc ở Trung Quốc. Điều này đặc biệt rõ ở Tây Tạng, Mông Cổ, Thanh Hải, Tứ Xuyên và tây bắc tỉnh Vân Nam, nơi chăn nuôi trên đồng cỏ là một phần quan trọng của nền kinh tế truyền thống. *Rushan*, món phô mai chiên giòn, và những lát phô mai trắng chiên hay hấp thường được ăn kèm với giấm bông muối địa phương là những phần không thể thiếu trong ẩm thực sắc tộc Bạch. Những đồng cỏ mênh mông ẩn trên đỉnh núi Thương Sơn là nơi từ trước đến nay chăn thả trâu bò và dê. Nhưng sự bùng nổ du lịch của Đại Lý và sự say mê sữa tươi mới xuất hiện của khu vực rộng lớn này đã tập trung ngành sữa vào Đông Xuyên, thị trấn ở rìa phía bắc của hồ. Ở đó, lượng phân tích dồn từ 100.000 con bò sữa Đông Xuyên thải ra tương đương hơn 6,35 triệu kilogam nitơ mỗi năm. Trong những tháng mưa mùa hè, phần lớn lượng nitơ đó bị rửa trôi xuống hồ. Một số phần được bán cho nông dân dưới dạng phân bón để sử dụng trên đồng bằng màu mỡ Nhĩ Hải. Điều đó lại thải các chất dinh dưỡng vào hồ. Cho đến nay, không có cơ hội tiêu thụ nào để vận chuyển thứ phân bón này ra khỏi thung lũng.

Tăng trưởng kinh tế gần đây ở Đông Nam Á và Ấn Độ đã làm tăng vọt giá tỏi, và thung lũng Nhĩ Hải đã đáp ứng nhu cầu tăng lên đó. Trước đây nông dân ở cực bắc Nhĩ Hải chỉ trồng lúa và đậu để ăn, nhưng trong thập niên qua, 90% nông dân ở đó đã trồng tỏi trong thời gian không trồng lúa. Tỏi, trồng để xuất khẩu, đòi hỏi một lượng lớn phân bón hóa học. Nông dân trước đây cảnh giác với lượng hóa chất rải trên đồng của họ vì họ sử dụng những gì họ trồng. Bây giờ thị trường tiêu dùng nằm ngoài tầm mắt của họ, vì thế nông dân có khuynh hướng dùng phân bón ngày càng nhiều.

Điều tương tự cũng xảy ra trong việc sử dụng thuốc trừ sâu. Một chủ nhà hàng địa phương từng cảnh báo tôi không nên ăn sống món cải lông thường được dọn trong món rau trộn của người Bạch vì nông dân ở đây dùng lượng thuốc trừ sâu nhiều hơn mười lần so với khuyến cáo. Việc lạm dụng thuốc trừ sâu, mua rẻ ở các chợ quê, đảm bảo thu hoạch đúng thời vụ và rau nhìn rất hấp dẫn. Điều đó giúp bán được hàng. Khi lái xe hay đạp xe dọc các cánh đồng ven hồ, người ta sẽ luôn thấy vô số nông dân đeo bình thuốc trừ sâu trên lưng phun thuốc trước kỳ thu hoạch. Khi mưa hè đến, phân bón và thuốc trừ sâu dùng quá mức được rửa qua các nhà máy xử lý trang bị nghèo nàn để lọc theo quy trình. Trong những tháng hè đó, màu hồ chuyển sang xanh xám.

Năm 2014 chính quyền Đại Lý đưa ra “Kế hoạch 2333” đặt mục tiêu hồ Nhĩ Hải đạt chất lượng cấp độ hai trong 3 năm bằng cách sử dụng 3 tỷ nhân dân tệ cho 3 dự án chỉ định. Cách làm này chính xác là: Ném tiền để giải quyết vấn đề và tất cả dựa dẫm vào hành động của chính quyền để thay đổi^[33]. Kế hoạch đó sẽ chuyển thêm 20km² thành vùng đất ngập nước, xây các nhà máy xử lý nước thải ở từng làng, và chấm dứt nguồn điểm gây ô nhiễm ở tất cả 117 nguồn nước đổ vào hồ. Sau khi mô tả kế hoạch 2333, Giáo sư Zhou Jun lo rằng những nỗ lực đó có thể chưa đủ. “Những gì chúng

ta cần làm là tập trung khôi phục hệ sinh thái của hồ này, thay đổi suy nghĩ của dân địa phương về các hoạt động nông nghiệp, và không khuyến khích các nhà máy lớn ở thung lũng Nhĩ Hải gian lận. Cải thiện dài hạn có được hay không là do thay đổi hành vi, không phải do chính quyền chi tiền.” Giáo sư Zhou cũng lưu ý rằng việc tăng nhanh số nhà nghỉ ven hồ và tất cả nhà nghỉ đổ 100% nước thải vào hồ gây ra mối đe dọa mới đối với chất lượng nước hồ Nhĩ Hải. Để quan sát tác động của các nhà nghỉ mới ven hồ, ông khuyên tôi ghé thăm Song Lang, một điểm đến du lịch mới ở bên kia hồ đối diện Đại Lý Cổ Thành.

Tôi đã đến Song Lang vào năm 2009 trước khi du lịch thực sự phát triển ở đó. Trong chuyến đi đó, tôi đã cân nhắc mua một trong bốn căn nhà ven hồ mới xây ở Song Lang vừa được chào bán. Đại Lý và núi Thương Sơn đối diện làm nên khung cảnh hoàn hảo cho ngôi nhà nghỉ ở Vân Nam. Tương tự nhà nghỉ của Fang Lijun, nhà này được thiết kế với sự pha trộn giữa phong cách kiến trúc hiện đại và lối kiến trúc của người Bạch, việc kết hợp hai phong cách đó là một xu hướng mới nổi trong thập niên trước. Tôi nhanh chóng quyết định từ bỏ ý định đó vì Song Lang quá xa so với sở thích của tôi, và tôi thực sự lo rằng những người Bắc Kinh xây dựng các căn nhà đó sẽ không thu hồi được khoản đầu tư của họ. Phần nào thu hút khách đến Song Lang năm 2009 là một hòn đảo nhỏ không lớn hơn sân bóng đá, có vài căn nhà truyền thống của người Bạch xây từ nhiều thế kỷ trước. Những nhà gỗ hai tầng này có tường bao quanh ba mặt và nhìn ra khoảng sân lớn. Các ô cửa sổ và đồ cửa bằng gỗ được chạm khắc thủ công trình bày các họa tiết Bạch truyền thống trang trí bên trong các bức tường. Mặt thứ tư sân trong là bức tường trắng và xám, cũng cao hai tầng, làm bằng đá và bê tông. Mặt trong bức tường này được định vị để phản chiếu ánh sáng mặt trời vào nhà và làm ấm nó trong những ngày lạnh. Các chữ

Hán lớn được viết trên bức tường thứ tư của những ngôi nhà có sân trong này giúp tạo ra một không gian tinh tế.

Trên đỉnh hòn đảo nhỏ là hai công trình kiến trúc hiện đại lớn tương phản với các căn nhà Bạch truyền thống. Đây là hai nhà nghỉ của Yang Liping (Dương Lệ Bình), nghệ sĩ múa nổi tiếng nhất Trung Quốc. Yang đã giúp đưa Vân Nam lên bản đồ văn hóa Trung Quốc với điệu múa chim công nổi tiếng của cô trong buổi biểu diễn giữa thập niên 1990 vào dịp Lễ hội Mùa Xuân năm đó của Trung Quốc, sự kiện truyền hình hằng năm không thể bỏ qua. Đối với hầu hết người Hán, điệu múa của Yang biểu thị vị thế của Vân Nam trong câu chuyện xây dựng đất nước Trung Quốc - sự hợp bích nền văn hóa sắc tộc, nữ tính với nền văn hóa Hán thống trị, nam tính. Điệu múa của cô sử dụng chủ đề con công để thể hiện quan niệm thẩm mỹ còn nguyên sơ và lạ lùng, xác định Vân Nam là một tỉnh đa dạng, chưa phát triển ở ngoại vi Trung Quốc. Yang có hai biệt thự, đặt tên Cung Mặt Trời và Cung Mặt Trăng, là những công trình bằng đá cẩm thạch đỏ xây trên bờ đá. Bên trong, qua các cửa sổ từ trần đến sàn có thể nhìn toàn bộ cảnh núi Thương Sơn tuyết phủ bên kia hồ.

Trong những năm qua, sự kết hợp giữa tiếng tăm của Yang Liping, và khung cảnh tuyệt đẹp của Song Lang đã làm bùng nổ lượng du khách đến Song Lang. Năm 2010, Song Lang được mở một lối ra từ đường cao tốc mới chạy dọc bờ đông của Nhĩ Hải nối Côn Minh với Lệ Giang, một địa điểm du lịch quan trọng khác ở đông bắc Đại Lý. Đường cao tốc này hoàn toàn bỏ qua Đại Lý Cổ Thành. Những du khách đến Lệ Giang không có thời gian thăm Đại Lý, đều dừng lại ở Song Lang trong chuyến tham quan đi về trong ngày.

Sau khi phỏng vấn giáo sư Zhou, tôi thuê một chiếc xe máy chạy quanh hồ Nhĩ Hải đến Song Lang. Trước khi chia tay, giáo sư Zhou cảnh báo tôi Song Lang giờ là sản phẩm du lịch tệ nhất của du lịch Vân Nam và dự đoán sự phát triển du lịch quá mức ở Song Lang sẽ sớm đưa đến một kiểu khủng hoảng nào đó ở bờ đông Nhĩ Hải. Khi tôi đến gần Song Lang, xe hơi xếp hàng dài hơn 2km bên ngoài cổng vào thị trấn do thiếu chỗ đậu xe. Những người lái xe nóng nảy ném những ly mì ăn liền ăn dở dọc lề đường. Căn nhà ven hồ tôi định mua sáu năm trước giờ là quán cà phê. Nhà bên cạnh giờ là quán rượu, có vẻ, ít ra theo các dấu hiệu bên ngoài nhà, là một nơi nổi tiếng để tìm tình một đêm, một mối của những du khách người Hán độc thân đến Vân Nam.

Người Hán từ lâu xem phụ nữ Vân Nam là “man rợ” và “lạc hậu”, quan hệ tình dục bừa bãi. Trong các phòng trưng bày nghệ thuật khắp Trung Quốc, các họa sĩ người Hán thường mô tả phụ nữ sắc tộc Đại ở miền Nam Vân Nam, Tây Song Bản Nạp tắm khỏa thân trên sông Mekong. Một ví dụ khác, truyền thống “tẩu hôn” của người Mosuo (Ma Thoa) ở Vân Nam thường được người Hán hiểu là phụ nữ Mosuo đã kết hôn có thể tùy ý quan hệ tình dục ngoài hôn nhân. Lần đầu tiên tôi nghe về “tẩu hôn” là từ một người Bắc Kinh cho tôi biết phụ nữ Mosuo có nhiều chồng và có thể quan hệ với bất kỳ người đàn ông nào họ muốn. Nam du khách Hán giờ lũ lượt đổ đến hồ Lô Cô (Lugu), quê hương truyền thống của người Mosuo, cách Đại Lý 200km về phía đông bắc, tìm kiếm những giây phút tuyệt vời với phụ nữ Mosuo.

Thực tế lại đưa ra một câu chuyện rất khác về “tẩu hôn”. Sắc tộc Mosuo là một xã hội mẫu hệ vốn phát triển tương đối cô lập ở vùng núi dọc ranh giới Vân Nam và Tứ Xuyên. Theo truyền thống tẩu hôn của người Mosuo, người chồng phải đến ở nhà vợ, nhưng tập tục buộc ban ngày anh ta phải về

lại nhà mẹ mình để làm việc nhà. Như ở Vũ Bãng, tập tục này nâng cao vai trò chủ gia đình của phụ nữ và khuyến khích sự cân bằng giới tính của những đứa con. Trước khi có xe máy, sau khi hoàn thành việc nhà của mình, đêm đêm người chồng phải đi bộ đến nhà vợ và sau đó lại đi về nhà mẹ khi trời sáng. Phong tục này được các nhà nhân chủng học Trung Quốc gọi là tẩu hôn. Nhưng theo chuyện kể của người Mosuo, tộc người được “phát hiện” vào thập niên 1980, lan truyền trong văn hóa chính thống Trung Hoa, phong tục tẩu hôn được cho là một phong tục trao cho phụ nữ Mosuo quyền quan hệ tình dục tự do với bất cứ người nào họ thích. Trong các chuyến đến hồ Lô Cô, nam du khách Hán thường mê say vẻ lôi cuốn của phụ nữ Mosuo, nhưng họ không tìm được điều muốn tìm. Để bù đắp, thị trấn du lịch Lệ Giang, không xa hồ Lô Cô, đã tận dụng những mong muốn không được đáp ứng đó và trong thập niên qua đã biến thành thủ đô tình một đêm của Trung Quốc. Đường cao tốc mới từ Côn Minh đến Lệ Giang đã khiến tập tục này thâm nhập vào Song Lang.

Song Lang đã mở rộng gấp bốn hay năm lần diện tích tôi còn nhớ được từ chuyến thăm năm 2009. Khắp xung quanh là mùi *acetone* và keo được sử dụng để xây các nhà nghỉ mới, cái nào cũng cổ cao hơn những cái khác để ngắm Thương Sơn. Tôi hỏi một người chủ cơ sở xây nhà nghỉ bắt đầu khi nào. Anh ta chẳng biết vì chỉ mới từ tỉnh Giang Tô đến vài tháng, nhưng anh ta khoe Song Lang có nhiều nhà nghỉ hơn Đại Lý Cổ Thành, chuyện tôi thấy khó tin. Ở giữa thị trấn, một hàng rào kim loại màu xanh vây quanh miếng đất chứa đồng gạch của ngôi trường làng ba tầng vừa bị đánh sập, sẽ sớm được một khách sạn năm sao thế chỗ. Khu chợ ngoài trời của làng có sàn được chạm khắc và trang trí công phu để tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật và các cuộc họp của thị trấn giờ là không gian công cộng duy nhất còn lại cho dân làng tụ họp. Từng tấc đất của thị trấn này đều bị chiếm

dụng bởi các nhà nghỉ, quán cà phê, nhà hàng và các cửa hàng bán lẻ tiếng tăm.

Khi tôi đến gần cây cầu dành cho người đi bộ qua đảo Song Lang, một người bán vé xuất hiện và bắt tôi mua vé giá 10 nhân dân tệ. Tôi hỏi tiền bán vé có được dùng để bảo vệ đảo này khỏi bị tấn công bởi việc xây nhà khách. Cô ta từ chối cho tôi biết tiền bán vé dùng để làm gì. Trên đảo có các sân trong truyền thống của người Bạch mà tôi nhớ không có ở đâu khác. Chúng cũng bị đập bỏ và các nhà nghỉ thế chỗ, một số cao năm hay sáu tầng. Không có ngoại lệ, tất cả các công trình kiến trúc mới này đổ nước thải trực tiếp vào hồ. Những con đường xuyên qua hòn đảo nhỏ biến thành những con hẻm hẹp không bao giờ nhìn thấy mặt trời. Vì không có chỗ trống, du khách cố kéo hành lý băng qua các công trường xây dựng tạm thời có các công nhân đang hàn các khung cửa sổ lại với nhau. Tôi không tưởng tượng nổi có ai đó muốn trải qua vài giờ ở đây, nói gì đến vài ngày. Khi tôi đi quanh góc một nhà khách xây dở, xi măng ướt từ trên cao rơi xuống đầu và áo của tôi. Tôi nhìn lên những công nhân bất cẩn gây ra tai nạn nhỏ này và hét to để họ cẩn thận hơn. Họ chẳng thừa nhận đã làm hỏng quần áo của tôi, và cũng không một lời xin lỗi. Tôi rửa sạch xi măng tại một nhà tắm công cộng và quyết định quay ngay lại chỗ để xe máy. Trước khi rời đảo, tôi tìm thấy một ngôi nhà cổ có sân trong, nhưng giờ đã chuyển thành bếp của nhà nghỉ bên cạnh. Tôi tự nhủ dứt khoát không bao giờ quay lại Song Lang.

Một số người cho rằng trao tặng Đại Lý danh hiệu Di sản Thế giới của UNESCO có thể là cách để áp dụng bộ tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn nhằm bảo vệ di sản lịch sử Đại Lý Cổ Thành và hệ sinh thái hồ này. Phạm vi danh hiệu Di sản UNESCO này có thể bao trùm cả Song Lang. Nhưng với kinh nghiệm của Lệ Giang Cổ Thành bên cạnh, danh hiệu Di sản Thế giới

UNESCO có thể khiến tình hình tồi tệ hơn. Sau khi giành được danh hiệu Di sản Thế giới vào năm 1997, dòng du khách đến Lệ Giang tăng vọt, và ngày nay thành phố này đón gần 40 triệu du khách một năm, gần gấp đôi số du khách đến Đại Lý. Năm 2007, UNESCO dọa loại Lệ Giang khỏi danh sách các Di sản Thế giới vì tình trạng thương mại hóa quá mức ở đó đã xóa sạch các giá trị giáo dục và lịch sử của văn hóa người Nạp Tây (Naxi) bản địa. Ngày nay với người Hán, Lệ Giang có tiếng là hang ổ bày du khách và là nơi có các quán rượu nhếch nhác, và thành phố này đang phải cố duy trì hình ảnh một trong những điểm du lịch hàng đầu châu Á.

Ở Đại Lý và thung lũng Nhĩ Hải xung quanh, cũng như ở tất cả các nơi khác của Trung Quốc ngày nay, quan chức chính quyền địa phương lãnh đạo kinh tế. Thành công chính trị của họ được đo bằng khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Trong mắt họ, đường sá tốt hơn mang lại nhiều du khách hơn và nhiều du khách hơn làm xuất hiện nhiều nhà nghỉ, nhà hàng và cửa hàng bán lẻ hơn. Chu kỳ tăng trưởng gần như vô tận mang lại các khoản thu thuế khổng lồ cho các địa phương như thung lũng Nhĩ Hải và nhiều cơ hội cho các quan chức tham nhũng và hối lộ. Như thế, tương lai chính trị của quan chức địa phương được đảm bảo chừng nào lượng du khách năm sau tăng hơn năm trước và các quan chức có thể ký thông qua các dự án mang lại thuế và thu nhập như khách sạn và khu phức hợp bất động sản cao cấp.

Để giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế bền vững, các quan chức trong và ngoài vùng lưu vực sông Mekong trên đất Trung Quốc được khuyến khích bổ sung thêm hạ tầng vật chất cho vùng này. Họ được khuyến khích làm việc theo hướng đó thay vì hợp tác với các bên liên quan để xác định nguyên nhân gốc rễ và đưa ra cách tiếp cận chung dựa trên thị trường hay dựa vào cộng đồng nhằm tìm ra các cách giải quyết vấn đề sáng

tạo và hiệu quả. Do thiếu sự phối hợp giữa các biện pháp khuyến khích và thiếu sự tham gia của các tổ chức, cộng đồng tại địa phương trong việc xác định các nhu cầu và giải pháp bền vững nên đã tạo ra một vòng luẩn quẩn ở Trung Quốc vốn đã thoát khỏi tầm kiểm soát và đang tàn phá các hệ sinh thái và cộng đồng địa phương. Không giống các cộng đồng khác ở Hạ Mekong được đề cập ở phần sau sách hành động ở cấp cộng đồng nhằm cải thiện sinh kế và môi trường xung quanh họ, hầu hết các cá nhân ở Vân Nam không có tổ chức đại diện và cơ hội hành động để giải quyết các vấn đề môi trường ảnh hưởng đến họ và cộng đồng xung quanh. Những cá nhân này thụ động trông chờ chính quyền giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường nảy sinh quanh họ. Ngày nay, ngành du lịch Đại Lý và hệ sinh thái hồ Nhĩ Hải hiện đang tiến đến điểm bùng phát, và sớm hay muộn điều đó cũng sẽ dẫn đến một phản ứng khác từ trên xuống của chính quyền địa phương, và cái vòng luẩn quẩn lại tiếp tục.

TỘC AKHA – NGƯỜI ZOMIA HIỆN ĐẠI

Loại thịt phổ biến nhất ở Trung Quốc là thịt lợn, nhưng ngành mỗi ngày đưa 1,5 triệu con lợn ra thị trường này thường dính đến chuyện dịch bệnh và bê bối khiến giá thịt lợn biến động lớn và gây lo ngại về an toàn thực phẩm. Năm 2013, 900 người bị bắt ở miền Bắc Trung Quốc vì tội dùng thịt chuột, cáo, và chồn giả thịt lợn^[34]. Năm 2015, số người bị bắt còn nhiều hơn trong một vụ buôn lậu thịt ở tỉnh Vân Nam sau khi học sinh bị ốm do ăn thịt lợn bị hư. Cuộc điều tra sau đó phát hiện thịt lợn của trường này đã được đông lạnh từ hơn 40 năm trước và nhiễm vi khuẩn E Coli^[35]. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng thịt lợn của Trung Quốc đã mang lại một lợi ích kinh tế bất ngờ cho Nanpenzhong, ngôi làng nhỏ có 130 hộ gia đình ở một đỉnh núi cao trên dòng Mekong trong châu tự trị Tây Song Bản Nạp của Vân Nam. Sau khi con đường nối Nanpenzhong với thung lũng bên dưới được rải nhựa vào năm 2014, Ren San, trưởng làng, bắt đầu nuôi lợn đen “tai nhỏ” bằng thức ăn hữu cơ cây nhà lá vườn và nước từ các con suối quanh nhà. Khi nhu cầu thịt hữu cơ tăng mạnh ở Trung Quốc, anh dần bày cho dân làng cách nuôi lợn, và bây giờ ba ngôi làng lân cận đang làm theo. Một tuần hai lần, một chiếc máy bay vận tải chở lợn mới thịt ở Nanpenzhong bay từ sân bay Tây Song Bản Nạp về phía đông. Ngay sau

đó, thịt lợn được phục vụ tại các nhà hàng cao cấp ở Thượng Hải, Bắc Kinh và Quảng Châu. Giá bán thịt lợn Nanpenzhong cao hơn hai lần giá thịt lợn trung bình ở Trung Quốc, và nhu cầu thịt lợn sạch tăng cao đã khiến làng này, chỉ một thập niên trước bị xếp là một trong những làng nghèo nhất Trung Quốc, ngày càng sung túc.

“Một nửa dân làng giờ có ô tô, nhà nào cũng có một hay hai chiếc xe máy, và một số con cái chúng tôi hiện đang học đại học”, Ren San nói, ông có bụng hơi phệ và một con bướm xăm sài ở tay phải. Ông được bầu làm trưởng làng lần đầu vào năm 1998, và kể từ đó đã đưa trà, cà phê, cao su, và bây giờ là lợn vào nền kinh tế địa phương. Ông học trồng những loại cây hàng hóa này bằng cách tham gia các chương trình đào tạo khuyến nông và phát triển nông nghiệp được tài trợ bởi các cơ quan chính quyền địa phương ở Cảnh Hồng, thủ phủ của Tây Song Bản Nạp. Ren San và toàn bộ 400 dân làng Nanpenzhong thuộc sắc tộc thiểu số Akha, một sắc tộc từng được các nhà nhân chủng học Trung Quốc thời Mao xem là một trong những sắc tộc “nguyên thủy” và “lạc hậu” nhất của Trung Quốc. Hơn 2 triệu người Akha sống trên cao ở vùng núi phía nam Vân Nam, đông Myanmar, và vùng đồi núi phía bắc Thái Lan, Lào và Việt Nam. Nhà nhân chủng học Patricia Pelley cho biết theo quan điểm của dân đồng bằng châu Á “càng cao càng man rợ”^[36], và không ai sống ở nơi cao hơn người Akha.

“Vào những năm 1990, chính quyền Trung Quốc yêu cầu chúng tôi phải làm thẻ căn cước. Tôi đã phải tìm các chữ Trung Quốc hợp với tên mình, vì trước khi có căn cước, tôi chưa bao giờ phải viết tên mình ra. Người Akha chưa từng có chữ viết. Xưa rất xưa chúng tôi cũng có, nhưng một hôm khi chúng tôi đang tìm chỗ mới để định cư, chúng tôi đói và ăn mất chữ viết của mình!”, Ren San vừa nói vừa cười to. Ông tiếp tục kể truyền thuyết xưa kia người Akha đã từng có chữ viết, nhưng khi quê hương trù phú của họ bị

xâm lược, họ buộc phải trốn tránh. Để đỡ đói, họ phải ăn những tấm da trâu trên đó ghi chép chữ viết của họ.

Các phát minh như chữ viết, hệ thống quyền lực phân cấp, và nông nghiệp lúa nước là những thành phần tạo nên những vương quốc thành công, tồn tại lâu dài ở châu Á. Tuy nhiên, đối với người Akha, chính việc thoát khỏi những phát minh đó giúp họ vẫn giữ nguyên vẹn bản sắc cộng đồng của mình, bảo tồn môi trường văn hóa bình đẳng và thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Các nhóm sắc tộc ở các vùng cao của lưu vực sông Mekong như người Akha đã liên tục di cư vừa về phía nam vừa lên sườn núi cao trong nhiều thế kỷ. Khó xác định chính xác từ bao giờ người Akha rời bỏ đồng bằng tiến lên vùng núi đồi. Họ chỉ bắt đầu viết ra lịch sử của mình trong vài thập niên qua bằng cách xây dựng một hệ thống chữ viết mới. Trước, lịch sử người Akha được truyền miệng qua chuyện kể và các bài hát.

Ren San kể cho tôi chuyện dân làng ông đã đến từ phía bắc và cuối cùng định cư gần đỉnh các ngọn núi phía nam Vân Nam. Chúng tôi ngồi trong sân có mái che của trụ sở ba tầng mới xây của làng, nơi đây có bếp làng, văn phòng của ông, văn phòng chi bộ làng, và một vài chỗ để dân làng tụ họp. Trụ sở là một công trình kiến trúc dị thường trong bộ sưu tập nhà truyền thống của sắc tộc Akha. Ông chỉ vào một đỉnh núi ở phía bắc. “Cha tôi kể cho tôi nghe về chuyện chúng tôi đã vượt qua ngọn núi đó vào những năm 1950 như thế nào.” Ông bấm đốt ngón tay, “sau đó làng chuyển đến đằng kia vào những năm 1960. Nhưng rồi hết nước, nên làng chuyển đến đây vào năm 1971”.

Tham khảo những câu chuyện trong truyền thuyết của người Akha với các sự kiện được ghi lại trong biên niên sử của vùng tây nam Trung Quốc, ngày nay các sử gia Akha cho rằng sắc tộc Akha đã từng dựng nên một nền văn minh lúa nước ở vùng đồng bằng Tứ Xuyên. Họ rút cuộc đi về phía nam để định cư quanh Côn Minh hơn 2.000 năm trước. Ren San dẫn lịch sử người Akha cho biết xung đột với các nhóm mới đến từ phía bắc đã đánh bật họ khỏi Côn Minh trong thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, sau đó họ bị đẩy xa hơn về phía nam đến thung lũng sông Hồng. Ở đó, họ thành lập một thành bang tên là Jadae. Để tồn tại, Jadae đã liên minh với vương quốc Nam Chiếu, Đại Lý và bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Một trong những câu chuyện nổi tiếng nhất của người Akha kể về việc mọi thứ bắt đầu sụp đổ như thế nào khi một vị vua Akha hùng mạnh bắt chước các vương quốc xung quanh đánh thuế thần dân của mình. Một nhóm Akha chống đối đã ám sát nhà vua vì sự tham lam của ông ta, và sự kiện này tạo ra tâm lý thù ghét thuế má trong cuộc sống của người Akha. Không có vua, thành bang Jadae trở thành mồi ngon cho quân xâm lược Mông Cổ vào thế kỷ 13 và bị tiêu diệt. Người Akha lần nữa tị nạn về phía nam, đi sâu hơn vào lưu vực sông Mekong. Giờ họ đang trên con đường lưu vong vĩnh viễn. Các nhà nhân chủng học cho rằng việc mở rộng về phía nam của người Đại xảy ra gần như cùng lúc. Người Đại có quân đội mạnh hơn và đẩy người Akha ra tận vùng biên^[37]. Ngày nay người Akha ở vùng núi Tây Song Bản Nạp được bao quanh bởi các làng người Đại nằm dọc theo các nhánh sông Mekong phía dưới. Do họ di cư từ phương Bắc xuống, các yếu tố Đạo giáo và Nho giáo thấm nhuần trong đời sống văn hóa của họ, và họ hầu như không chịu ảnh hưởng của văn hóa Đại và các yếu tố Phật giáo của nước này^[38].

Truyền thuyết ca ngợi nhà nước Jadae là đỉnh cao phát triển chính trị của người Akha và thương tiếc nền văn minh đã mất bằng cách tưởng nhớ văn hóa trồng lúa nước từ lâu không còn nữa của người Akha. Việc trồng và

thờ lúa nằm ở trung tâm hệ thống nghi lễ phức tạp của người Akha, các nghi lễ này được truyền lại qua chuyện kể và các thầy mo vẽ vờ thêm. Những câu chuyện của người Akha cũng cảnh báo việc bị biến thành nô lệ hay bị xâm lược. Nhà nhân chủng học người Hà Lan Leo Alting Von Geusau, sống ở một làng Akha vào cuối đời, đã quan sát cách người Akha giữ bên mình “di sản bại trận” và tự xem họ là một sắc tộc tương đối bất lực phải sống bằng tài xoay xở và tránh xa các trung tâm quyền lực đồng bằng^[39].

Người Akha nổi tiếng với việc đọc thuộc lòng hơn sáu mươi thế hệ con cháu có chung một tổ tiên. Bảng niên đại cuộc di cư lớn của người Akha cũng được đưa vào cây phả hệ khẩu truyền này. Gần đây, nghiên cứu về các bài tụng đọc đó đã giúp các học giả hiện đại nghiên cứu người Akha chấp nối các sự kiện trong truyền thuyết Akha với lịch sử được ghi chép. Ngay sau khi mỗi đứa bé chào đời, một cái tên mới được thêm vào dòng dõi con cháu sau lễ đặt tên. Theo truyền thống, gia đình có trách nhiệm dạy đứa trẻ ghi nhớ dòng họ và những câu chuyện lịch sử Akha, dù điều này đã dần mai một trong những năm gần đây. Một năm mười hai lần, người Akha cúng tổ tiên họ tại bàn thờ trong nhà và sau đó tập hợp lại trong làng để ăn mừng. Những buổi lễ này xác định lịch của người Akha. Chúng cũng hướng dẫn người Akha các hoạt động canh tác như cày ruộng, cấy và gặt để đảm bảo có được năng suất cao. Lịch này chỉ rõ những ngày tốt và ngày xấu. Tiến hành những buổi lễ này đảm bảo tất cả dân làng vẫn luôn tôn kính tổ tiên và đảm bảo họ sẽ tham gia vào các hoạt động tương tự vào cùng những ngày đó trong suốt cả năm. Điều đó giúp duy trì tình đoàn kết trong làng. Phá vỡ lịch trình các buổi lễ là bất kính với tổ tiên, mang lại điều dữ, và làm hỏng các mối quan hệ trong làng.

Những buổi lễ này được thầy mo của làng thực hiện. Các thầy mo sẽ dạy cho con trai họ hay những thanh niên sáng dạ khác cách tiến hành buổi lễ. Trong các buổi lễ phải cúng gà, lợn, hay trâu, và uống rượu ngũ cốc được nấu với nước từ con suối linh thiêng của làng. Khi một người Akha chết, gia đình sẽ mổ tới ba con trâu để thành kính tiễn đưa linh hồn đó về với tổ tiên. Trong thời gian lễ tang 7 ngày, thịt trâu được chia cho tất cả dân làng và dọn lên trong các bữa lễ làng. Từ xưa đến nay, người Akha thường xuyên chuyển chỗ ở, nên nghĩa trang của họ không có bia mộ hay dấu hiệu nhận biết chỗ chôn người chết. Do vậy, khi người Akha chuyển đi, các linh hồn đi cùng với họ. Người Akha tin rằng linh hồn tổ tiên luôn ở quanh họ nên phải thường xuyên thờ cúng.

Một yếu tố khác khiến người Akha liên tục chuyển chỗ ở và đi xa hơn về phía nam là việc tìm các nguồn thức ăn. Họ, giống như nhiều nhóm sắc tộc Zomia chiếm giữ các sườn dốc ở vùng cao tây nam Trung Quốc và lục địa Đông Nam Á, đốt nương phát rẫy để trồng trọt. Cách làm này thường bị gọi một cách xúc phạm là “chặt và đốt” bởi dân đồng bằng vốn luôn tin rằng việc trồng lúa nước của họ ưu việt hơn nhiều. Tuy nhiên đốt nương phát rẫy, giống việc trồng lúa nước ở đồng bằng, là một tập quán đã nhiều thiên niên kỷ nên khi thực hiện bởi một cộng đồng nhỏ vẫn có thể phát triển bền vững và bảo toàn môi trường. Hầu hết dân đồng bằng cho rằng việc đốt nương phát rẫy không ngót tạo ra những sườn núi khô cằn, nhưng điều đó không có cơ sở thực tế. Canh tác đốt nương phát rẫy thường luân phiên sử dụng các mảnh đất cố định để trồng lúa, khoai, hay các loại cây trồng tự cung tự cấp khác. Ở vùng quanh nơi ở của cộng đồng, đất để trồng trọt được chọn theo độ màu mỡ, vị trí, và độ dày thảm thực vật^[40]. Sườn đồi sau đó được dọn sạch cây và bụi rậm rồi đốt để tạo ra phân hữu cơ trước khi trồng trọt. Tùy vào chất lượng của đất trên đồi, nó có thể được sử dụng trong thời gian khoảng từ 2 đến 10 năm trước khi mưa và các loại cây trồng

lấy đi hết chất dinh dưỡng. Khi đã cạn kiệt chất dinh dưỡng, nương rẫy đó được để yên không trồng trọt trong khoảng mười năm để phục hồi và quá trình đó sẽ được lặp lại trên sườn dốc bên cạnh. Cộng đồng càng nhỏ, số nương rẫy canh tác càng ít.

Tập tục này, hiện bị cấm ở Trung Quốc, Ihai Lan và Việt Nam, đã tạo ra những mảnh đất cần cỗi và chẳng vá đụp trên thảm thực vật xanh tươi của những cánh rừng nhiệt đới vùng cao Đông Nam Á. Dân đồng bằng, trước đây và hiện nay, nhanh chóng chú ý đến việc giảm độ che phủ của rừng gây ra tác động môi trường tiêu cực và do đó xem quá trình này là “lạc hậu”. Bất chấp lệnh cấm, một số nhóm sắc tộc vẫn đốt nương phát rẫy ở các sườn núi vùng Zomia. Phần lớn những người chê trách không theo dõi quá trình đó trong một thời gian dài và không nhận ra việc đốt nương phát rẫy chỉ chọn một số mảnh đất cố định. Đồng thời, những dải rừng rộng lớn bao quanh các nơi trồng trọt được giữ nguyên và bảo vệ. Ngược lại, các ruộng lúa và đất đai nông nghiệp ở đồng bằng canh tác đơn canh được mở rộng bằng cách chặt sạch rừng ở vùng đất thấp xung quanh. Dân đồng bằng hiếm khi chỉ trích việc làm này vì nó đáp ứng nhu cầu an ninh lương thực và nhu cầu thị trường của chính họ. Việc chặt sạch rừng đồng bằng để đơn canh làm giảm độ che phủ dẫn đến nhiệt độ tăng lên. Không có hệ thống rễ của rừng giữ đất, các khu vực này dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai như lũ lụt và lở đất. Việc thiếu rừng che phủ gây tổn thất chưa từng có về đa dạng sinh học ở các vùng đồng bằng. Đốt nương phát rẫy, khi được quản lý phù hợp, sẽ duy trì các khu rừng trong vùng xen kẽ với các diện tích trồng trọt. Điều đó hỗ trợ môi trường sống và việc đi lại của những loài thú hoang dã, giữ cho các sườn núi ẩm mát, và ngăn sạt lở đất.

James Scott và các học giả nghiên cứu Zomia khác cho rằng trồng trọt kiểu đốt nương phát rẫy là hoạt động cần thiết giúp dân vùng cao như người

Akha duy trì một bản sắc độc đáo và tách biệt hẳn các cơ chế áp bức của nhà nước vùng xuôi^[41]. Do những vùng cao này trong lịch sử dễ dàng phòng thủ chống lại quân xâm lược đồng bằng, các nhà nước bành trướng trước đây để cho dân vùng cao phát triển tương đối tách biệt. Trên núi không có đường cho xe chạy, và quân lính thực sự không thể mang đủ lương thực trên lưng để duy trì các hoạt động quân sự quan trọng trên vùng cao. Hơn nữa, việc đưa khoai, sắn và gạo xuống các chợ đồng bằng không có ý nghĩa kinh tế vì những hàng hóa giá trị thấp này vận chuyển quá nặng và có giá thấp. Không có người thu thuế ở đồng bằng nào muốn ngược lên đánh thuế nông nghiệp người dân vùng cao. Trồng trọt phát nương đốt rẫy là một “đặc điểm ngăn trở nhà nước” mang lại dư dả lương thực và không để những người miền ngược như người Akha bị bắt làm nô lệ hay bị đánh thuế như những thân dân của triều đình. Hơn nữa, phát rẫy đốt nương, khi kết hợp với các nghi lễ trồng lúa theo lịch của người Akha, thúc đẩy việc tiếp cận cơi mở và bình đẳng đối với các nguồn tài nguyên cơ bản, sở hữu chung đất đai, và các ranh giới mở là các điều kiện vật chất tạo thành nền tảng của chủ nghĩa bình quân của người Akha^[42]. Do đó, địa lý vùng cao, được củng cố bằng việc phát rẫy đốt nương, mang lại một sự cô lập tương đối hay một “lớp bọc kín”, thuật ngữ được nhà nhân chủng học Leo Altung Von Geusau sử dụng^[43].

Thu hoạch từ canh tác nương rẫy thường không đủ để duy trì đời sống, vì vậy những người sống ở vùng cao cũng cần phải vào các khu rừng xung quanh tìm trái cây, săn thú vật, và các thứ khác như nấm và măng để thêm vào bữa ăn của họ. Duy trì sự cân bằng này giữa trồng trọt và săn tìm thức ăn có nghĩa rằng việc bảo vệ rừng là điều tối quan trọng để tồn tại, và theo truyền thống người Akha, điều đó được thực hiện thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các điều cấm kỵ về văn hóa. Văn hóa người Akha mô tả các khu rừng ngoài làng là vùng đất của những linh hồn tự do rong ruổi và

những con vật hoang dã mạnh mẽ do những linh hồn đó làm chủ. Người Akha chỉ có thể tiếp cận không gian đó để săn những loài thú hoang “an toàn” và có nhiều như lợn rừng, hươu và gấu. Chỉ thấy thôi, chưa nói đến chuyện giết, các động vật hoang dã quý hiếm như trâu rừng, báo hay tê giác, là người đó và gia đình anh ta sẽ gặp bất hạnh lớn. Tương tự, cây từ khu rừng cấm không bị đốn hạ vì chúng cũng có linh hồn chiếm hữu. Gỗ xây nhà và làm củi chỉ có thể được thu nhặt từ các rừng cộng đồng gần làng. Các khu rừng cộng đồng đóng vai trò lớp đệm giúp duy trì nguồn tài nguyên có thể sử dụng nằm giữa làng và khu vực cấm bao quanh làng.

Những khu rừng cộng đồng này cũng cung cấp nấm, măng và dược liệu - những sản phẩm có giá trị cao, khối lượng thấp, bán được giá cao ở các chợ vùng xuôi và rất đáng công vất vả đưa xuống núi. Đây là cách người Akha và các sắc tộc Zomia vùng cao khác giữ liên lạc với các vùng đồng bằng. Nếu rừng cộng đồng không được quản lý sẽ không còn những lâm sản giá trị này để duy trì các khoản tiền kiếm được. Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, người Akha ở Tây Song Bản Nạp bắt đầu thu hoạch mây trong những khu rừng này và song song với việc trồng lúa nương, họ trồng thêm thuốc phiện - cả hai sản phẩm đều bán được giá cao ở chợ miền xuôi. Như một cách khoe thu nhập của mình, phụ nữ Akha thường buộc những đồng tiền vào khăn đội đầu truyền thống. Chính mắt tôi đã thấy những đồng tiền cổ hơn 100 năm được phụ nữ Akha đeo như đồ trang sức. James Scott xếp kiểu phụ thuộc của vùng đồng bằng vào các sản phẩm miền ngược có giá trị cao là một loại “vũ khí của kẻ yếu”^[44]. Điều này giúp dân vùng cao tiếp tục duy trì khoảng cách với nhà nước. Ngành thịt lợn hữu cơ, một sản phẩm có giá trị cao/ khối lượng thấp khác, đang phát triển của làng Nanpenzhong là sự mở rộng đầy sáng tạo của quá trình này. Nhưng việc xây dựng đường sá, các căn cứ quân sự vùng cao, và phát triển thị trường đã giúp nhà nước Trung Quốc, và nhiều quốc gia hạ nguồn sông Mekong, dần dần giành lấy

quyền kiểm soát các đỉnh núi từ tay những người đã chiếm giữ chúng nhiều thế kỷ.

Đối với người Akha, những người Hán xâm lấn, có bộ máy chính trị bắt đầu xâm nhập vùng núi này sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập năm 1949, là loại linh hồn tự do lang thang nguy hiểm nhất cư trú ở vùng biên cấm kỵ trong không gian Akha. Vào những năm 1960, trong cuộc Cách mạng Văn hóa của Trung Quốc, các tổ công tác được đưa xuống các làng Akha và cấm đoán các nghi lễ mùa màng truyền thống. Họ buộc dân làng Akha phải đưa bàn thờ tổ tiên ra khỏi nhà mình, cấm mặc trang phục truyền thống, và tiến hành các chiến dịch “Chiến đấu chống dãy núi ma”. Một thập niên trước đó, Mao Trạch Đông đã cấm người Hán thờ cúng tổ tiên để lập ra nhóm trung thành hiến mình cho sự nghiệp xây dựng nhà nước Trung Quốc. Dân làng Akha nhớ đến cuộc Cách mạng Văn hóa nói họ không sợ bị tổ tiên trừng phạt việc phá vỡ truyền thống xưa vì “Chủ tịch Mao Trạch Đông là vị thần quyền năng siêu việt cai quản tất cả các linh hồn”^[45].

Các khu rừng cấm bị tuyên bố là tài sản của nhà nước và các sườn núi bị đốn hạ trơ trụi. Các đội lập bản đồ của Trung Quốc đặt tên các ngọn núi này là khu khai thác tài nguyên, và điều đó xung đột với quan niệm truyền thống về không gian Akha. Trong thời kỳ cải cách sau năm 1979 của Trung Quốc do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, người Akha và các nhóm sắc tộc khác ở Trung Quốc một lần nữa được phép và được khuyến khích tiếp tục mặc trang phục truyền thống và thực hiện các nghi lễ cổ truyền, nhưng việc sử dụng đất vẫn do chính phủ Trung Quốc quyết định.

Cổng làng Nanpenzhong đóng vai trò chốt chặn để ngăn những linh hồn xa lạ bị cấm không được vào làng. Truyền thống người Akha yêu cầu cổng

phải bị tháo dỡ và dựng lại bằng cây mới chặt hằng năm trong một buổi lễ bảo hộ do thầy mo chủ trì. Ở Trung Quốc, tập tục này đã chấm dứt vào năm 1998 do lệnh cấm khai thác gỗ trên toàn quốc vốn cũng đã chấm dứt luôn nạn phát rầy đốt nương. Khi thực hiện chuyến đi 90 phút đầu tiên của mình trên con đường lấy lợi dài 16km đến Nanpengzhong vào năm 2009, tôi dẫn đầu một nhóm sinh viên Mỹ tiến hành vài ngày nghiên cứu thực địa người Akha. Trưởng làng Ren San chào đón chúng tôi tại cổng làng, giờ là một công trình kiên cố làm bằng ống thép. Một biểu ngữ bằng vải đỏ ghi “Chào mừng các sinh viên Âu Mỹ đến Nanpenzhong” căng ngang trên cổng. Nhiều dân làng mặc tuyền y phục Akha xếp hàng hai bên cổng. Họ hát bài chào mừng về sau tôi được biết là kể về câu chuyện di cư từ phương Bắc thời xa xưa của họ. Nhóm của tôi chừng hai mươi người xếp hàng vỗ tay theo bài hát, và mọi người được mời ngồi xuống uống một chén nhỏ rượu ngũ cốc của làng và được thầy mo ban phước. Phần lớn sinh viên sốt sắng tham gia, nhưng vài người e ngại. Những già làng yêu cầu phải có nghi lễ này như là cách xoa dịu những linh hồn mới, xa lạ đang bước vào làng.

Trước đây, những già làng, vốn ít hiểu biết về địa lý thế giới, hỏi Ren San, người sắp xếp chuyến thăm, “những người Âu Mỹ từ đâu đến”. Vì chúng tôi bay đến từ Côn Minh, Ren San chỉ lên trời. Trong nhiều năm, cách giải thích này củng cố ý tưởng rằng nhóm người Mỹ có nhiều màu da, vóc dáng quả thực là những linh hồn từ rất xa đến. Mãi đến khi con đường xi măng làm xong vào năm 2014, Ren San đưa những vị già làng lên xe buýt và chở họ đến bên ngoài sân bay Cảnh Hồng để chứng minh rằng những người Mỹ này là người bằng xương bằng thịt, cũng như họ, chỉ khác là những người Mỹ này đã đi khắp thế giới bằng máy bay.

Một lần khác, vào một tối tháng 10 năm 2014, anh công an của Nanpenzhong, vốn luôn ở bên để đảm bảo an toàn cho nhóm, mời tôi và vài

sinh viên Mỹ tham dự cái anh ta gọi là “bữa tiệc văn hóa Akha đích thực”. Trên đường đi qua làng, một số nam thanh niên của làng đang uống rượu và hát karaoke tại một cửa hàng tiện lợi nhỏ, lôi kéo tôi và các sinh viên đồng thời khấn nài chúng tôi đừng đến chỗ tiệc. “Họ bày trò mê tín! Các anh không nên đi! Nguy hiểm lắm!”, cả bọn khuyên can. Tôi thấy chuyện họ nói rất kỳ quặc. Tôi không biết họ nghiêm túc hay chỉ cố lôi kéo các sinh viên tham gia cuộc vui của họ. Mặc kệ cảnh báo của họ, chúng tôi dứt khoát đi tiếp. Sau khi đi bộ một đoạn ngắn trên đường đất, anh công an dẫn chúng tôi vào một căn nhà có hơn 100 dân làng đang uống rượu và ăn tiệc quanh những chiếc bàn thấp. Là khách mời danh dự, hay có lẽ là những linh hồn xa lạ mạnh mẽ cần phải được xoa dịu, chúng tôi được mời ngồi với những già làng và được họ chúc phúc. Họ buộc những sợi chỉ đen quanh cổ tay chúng tôi, tượng trưng tính kết nối của người Akha và quăn một nhánh lúa nở hoa tím quanh tai trái của chúng tôi. Mọi người ở đó đều trang điểm bông lúa tím. Một cụ quay sang tôi nói, “Anh đến vào thời điểm tốt lành. Lúa đang ra hoa”. Tiệc mừng kéo dài đến bình minh.

Cuộc gặp gỡ với đám thanh niên làng cổ can ngăn chúng tôi tham dự bữa tiệc là chuyện đáng lo vì theo tôi biết, lễ hội lúa trổ bông là một lễ quan trọng trong văn hóa Akha. Dù có thời gian gián đoạn ngắn ngủi do cuộc Cách mạng Văn hóa, người Akha ở làng Nanpenzhong vẫn thực hiện trọn vẹn các nghi lễ liên quan đến lịch trồng trọt và thờ cúng tổ tiên. So với các nhóm sắc tộc khác ở tỉnh Vân Nam, phần lớn di sản sắc tộc của họ dường như vẫn còn quan trọng đối với bản sắc và cuộc sống hằng ngày của các thành viên cộng đồng. Không biết việc từ chối tham gia buổi lễ là vấn đề nổi loạn của giới trẻ hay là sự chối bỏ hiểu biết về văn hóa Akha nhưng ở Trung Quốc, một thay đổi gần đây đã cố tách giới trẻ Akha khỏi văn hóa của họ.

Năm 2013, pháp luật yêu cầu tất cả phụ huynh Akha gửi con cái họ vào các trường nội trú hỗn hợp ở miền xuôi. Nghị định này đã thực sự đưa tất cả trẻ em từ 6 đến 15 tuổi ra khỏi làng từ thứ Hai đến thứ Sáu trong gần như cả năm. Phụ huynh hoan nghênh việc này vì con cái họ được học với các thầy cô tốt hơn và tiếp xúc các công nghệ giáo dục tiên bộ. Các trường lớn hơn xây ở đồng bằng cũng giúp duy trì đội ngũ giáo viên người Hán không muốn sống ở nơi có địa hình khó khăn. Trước đây, trẻ con của làng đi học ở một trường nhỏ đơn sơ, đi đường núi vài kilomet ở cộng đồng kế bên. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, cách duy nhất để thanh niên làng này xem và tham gia vào các hoạt động văn hóa lễ nghi của người Akha, như đám cưới, đám tang, hay lễ cày cấy, là buổi lễ đó phải diễn ra vào cuối tuần. Lịch Akha rất nghiêm ngặt, không có ưu tiên nào cho những ngày cuối tuần. Ren San nói với tôi chuyện con trai ông không thể đọc thuộc lòng gia phả và bây giờ những việc như vậy chỉ vài “thiên tài” của làng làm được. Để chống lại khả năng bị mất tiếp xúc với văn hóa truyền khẩu này, Ren San đã thành lập một bảo tàng nhỏ về văn hóa và kỷ vật của người Akha trong trụ sở của làng, nhưng chỉ có du khách bên ngoài đến thăm bảo tàng, hiếm khi trẻ con trong làng ghé vào.

Việc cấm phát rẫy đốt nương vào năm 1998 và đưa vào các loại cây trồng kinh doanh khác cũng thách thức sự phân phối tài nguyên theo chủ nghĩa bình quân trong làng. Rừng xung quanh Nanpenzhong, trừ một vài vạt rừng lớn chung của cộng đồng, đã bị chặt phá từ lâu và hiện trồng cây cao su. Cao su đã tìm đường lên sườn núi này như một loại cây trồng kinh doanh được ưa chuộng vào đầu những năm 2000 và ngày nay các đồn điền cao su chiếm hơn 20% đất đai của Tây Song Bản Nạp^[46]. Các đợt chia lại đất vào đầu những năm 1980 đã cấp cho mỗi hộ ở Nanpenzhong (và các nơi khác ở Trung Quốc) thửa đất có diện tích được xác định bởi số người trong gia đình. Thủ tục pháp lý này phá vỡ truyền thống xưa nay của người Akha

về việc cùng sở hữu đất đai. Nhà sử học Akha Wang Jianhua cho rằng giới lãnh đạo địa phương cũng đã tận dụng quá trình chia lại đất để chiếm hữu quyền kiểm soát đất trong các khu rừng chung của làng, khiến họ lập tức hưởng lợi lớn hơn những người khác^[47]. Khi nền kinh tế Trung Quốc cất cánh vào đầu những năm 2000, những dân làng có nhiều đất hơn trồng được nhiều cây cao su hơn. Những gia đình nghèo hơn vốn liếng ít hơn phải cho thuê lại đất để có tiền mua cây cao su giống. Đến cuối những năm 2000, tình trạng chênh lệch thu nhập bắt đầu tăng lên ở Nanpenzhong. Một số dân làng có thu nhập cao hơn phá dỡ nhà gỗ và tre của họ và thay bằng nhà bê tông giống như những ngôi nhà họ thấy ở đồng bằng. Số khác mua ô tô để làm ăn thuận tiện hơn.

Ren San nghĩ rằng ngành chăn nuôi lợn hữu cơ ở vùng quê là cách để khắc phục tình trạng bất bình đẳng thu nhập ngày càng tăng ở Nanpenzhong. Trước hết ông sử dụng các quỹ nhà nước để đưa ra một hệ thống cổ đông cây cà phê và trà của làng nhằm phân phối đều số tiền thu được từ những mặt hàng này, miễn là tất cả mọi người đều tham gia chăm sóc các cánh đồng và góp chung sản lượng thu hoạch. Cao su không thể trồng được ở độ cao hơn 800 mét, và khoảng một nửa diện tích đất nông nghiệp của làng cao hơn độ cao đó. Trong thập niên đầu thế kỷ 21, trà và cà phê đã giúp được phần nào, nhưng khi giá cao su đạt đỉnh vào năm 2011, giá trà và cà phê sau đó giảm mạnh đã tác động lớn đến thu nhập của các gia đình. Ren San cố tìm các hình thức tạo thu nhập khác để giúp cho làng ổn định và vượt qua biến động giá cả toàn cầu và đã tìm thấy vũ khí ưa thích của kẻ yếu - lợn hữu cơ.

Ngày nay, biến động thị trường quốc gia và toàn cầu quyết định lợi nhuận và tổn thất kinh tế của dân làng, còn trong những thập niên nông nghiệp đốt nương phát rẫy trước đây thành quả kinh tế của Nanpenzhong

tương đối độc lập với những gì đang xảy ra ở các nơi khác trên thế giới. Thời gian rảnh rỗi nhờ canh tác các loại cây trồng kinh doanh tạo điều kiện cho phụ nữ trong làng tham gia vào các hoạt động cộng đồng lâu đời như may trang phục sắc tộc và nghe đám đàn ông kể chuyện truyền thống Akha. Nanpenzhong hiện đang tổ chức nhiều lễ hội Akha thu hút người Akha tận Thái Lan đến dự để tôn vinh văn hóa Akha. Không có các loại cây trồng kinh doanh, đường sá và xe hơi thì khó có thể tổ chức đều đặn những lễ hội thu hút người Akha khắp nơi đến như thế. Nhưng thời gian rảnh và thu nhập tăng thêm cũng làm nảy sinh nạn cờ bạc và rượu chè. Tôi từng biết đến hậu quả bất hạnh này khi một sáng thức dậy trong làng nghe chuyện một trai làng đã thiệt mạng trong tai nạn giao thông đêm trước, do chạy xe máy lên núi sau một đêm dài say bí tỉ.

Việc phải chấm dứt đốt nương phát rẫy gây ra chi phí sinh thái lớn và cũng làm thay đổi cách người Akha ở Nanpenzhong hiểu và sử dụng những vùng đất quanh họ. Những vùng đất do nhà nước Trung Quốc quản lý, phần lớn được dùng để trồng cao su, giờ vây trọn ngôi làng thay vì những khu rừng cấm được bảo vệ. Rừng ở Tây Song Bản Nạp từng được biết là nơi tạo ra sương mù buổi sáng bằng lăng khắp nơi, giữ cho các vùng nhiệt đới miền xuôi suốt năm mát mẻ. Ngày nay chưa đầy 20% Tây Song Bản Nạp được bao phủ bởi rừng tự nhiên. Các nông trường cao su rộng lớn bị quy tội làm cho Tây Song Bản Nạp khô khốc cằn cỗi. Dân làng Nanpenzhong phải tiếp tục đối phó với thay đổi bên ngoài khi toàn cầu hóa đã đến tận cửa nhà họ. Không còn “lớp bọc kín” Akha trên các đỉnh núi nữa.

Vào cuối tháng 12 năm 2014, tôi gặp một phụ nữ Akha 22 tuổi tên Meepu ở thị trấn vùng cao Mae Salong thuộc tỉnh Chiang Rai Bắc Thái Lan

- không xa các hang động từng diễn ra cuộc giải cứu táo bạo đội bóng đá trẻ vào tháng 6 năm 2018. Cô và những người bạn đang bán trà hữu cơ tại lễ hội năm mới của người Akha ở Mae Salong. Các quầy hàng bán các sản vật nông nghiệp khác như mật ong và rượu được bày quanh một bãi đất bụi bặm cuối góc phía tây của thị trấn. Ở một đầu bãi, nhiều thân cây bị đốn hạ được ghép chụm lại thành cái giá ba chân cao, thanh niên Akha và du khách lần lượt bước lên sợi dây đu có một đầu buộc vào đỉnh cái giá ba chân.

“Đó là cái đu Akha của chúng tôi!”, Meepu nói. “Mọi cộng đồng Akha đều có lễ hội đánh đu hằng năm. Từ khi chúng tôi bắt đầu ăn mừng năm mới, chúng tôi đã có trò đánh đu.” Tôi thấy thanh niên Akha mong được đánh đu ở lễ hội mừng năm mới giống như trẻ em phương Tây mong được mở quà vào ngày Giáng sinh. Nụ cười trên khuôn mặt những người đánh đu xác nhận điều này. Sau này tôi mới biết về một bài hát Akha trân trọng cả “di sản bại trận” và lễ hội đánh đu hằng năm. Lời bài hát cất lên “Khi không còn đất nước của mình nữa, người ta vẫn có thể có cảm giác tự do khi đánh đu giữa trời”^[48].

Meepu không sinh ra ở Mae Salong. Như mọi người Akha ở miền Bắc Thái Lan từ xưa đến nay, cô từ Trung Quốc qua. Trong khi phần lớn trong số chừng 75.000 người Akha ở vùng cao phía bắc Thái Lan di cư đến đó vào thế kỷ 20, Meepu và gia đình cô đến đây vào năm 2004. Trước đó chú của Meepu ở Thái Lan đã liên lạc với gia đình cô và cho cha mẹ Meepu biết cô và hai em có thể được học hành tốt hơn ở Mae Salong. Mẹ cô đang mang thai 8 tháng đưa con thứ tư khi gia đình cô bắt đầu chuyến đi hai ngày qua bang Shan ở miền Đông Myanmar. Buổi sáng họ khởi hành từ làng Mangang tại Tây Song Bản Nạp, ngay trên ngọn núi ở Nanpenzhong, toàn bộ dân làng tập trung đưa tiễn, và già làng chúc phúc cho gia đình. Tại Mae Sai, thị trấn vùng biên với Myanmar, chú của cô xuất trình giấy tờ xác nhận

gia đình cô đã sống trên mảnh đất của ông ở Mae Salong vài năm. Sau khi hồi lộ một ít, gia đình cô được nhập cảnh.

Trước những năm 1950, người Akha và các nhóm sắc tộc vùng cao khác chỉ có thể đi bộ qua biên giới Trung Quốc vào Myanmar, Lào, và Việt Nam. Một số đến tận Thái Lan. Biên giới hẻo lánh của các nước này chỉ có vài trạm kiểm soát. Điều đó khiến hàng hóa và người tương đối tự do đi qua vùng đồi núi Tam Giác Vàng. Trong những thập niên Chiến tranh Lạnh, sự xuất hiện “Bức Màn Tre” đã tách biệt Trung Quốc cộng sản với Miến Điện không liên kết, và Thái Lan do Mỹ hậu thuẫn khiến giao lưu xuyên biên giới khó khăn hơn. Tuy nhiên, biên giới vẫn tương đối dễ qua lại vì Trung Quốc tích cực hỗ trợ các cuộc nổi dậy do phái cộng sản tổ chức ở Thái Lan và Myanmar, và các cuộc cách mạng cộng sản thành công ở Lào và Việt Nam.

Lái xe trên những con đường lộng gió đi Mae Salong có cảm giác như đang đi từ đồng bằng Thái Lan lên tỉnh Vân Nam vùng cao. Trên độ cao 1.000 mét, ngôn ngữ biển báo bên đường đổi từ chữ Thái sang chữ Trung phồn thể. Mae Salong là thị trấn chỉ có một con đường, và con đường đó chạy dài 3km trên một sườn núi cao. Phần lớn các ngôi nhà bên đường là của con cháu những người lính Kuomintang (KMT - Quốc Dân Đảng) Trung Hoa đã chạy khỏi Vân Nam sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949. Các toán lính KMT này lúc đầu trốn sang Miến Điện và cố gắng tiến hành những cuộc phản công do CIA hậu thuẫn đánh vào Vân Nam để chiếm lại đất nước. Để hỗ trợ chính mình, những người KMT lánh nạn buộc những người Trung Hoa khác đã chạy khỏi Vân Nam gia nhập quân đội và biến Tam Giác Vàng thành trung tâm buôn bán thuốc phiện toàn cầu. Đầu những năm 1960, KMT bị trục xuất khỏi Miến Điện và định cư ở vùng đồi núi phía bắc Thái Lan. Mae Salong

là nơi trú ngụ của đội quân lớn nhất của KMT. Đối với người Thái, các lực lượng KMT này đóng vai trò lớp đệm ngăn cái họ cho là mối đe dọa đối với đất nước.

Yang Congguang, người gốc Hoa, là mục sư của một nhà thờ Baptist ở Mae Salong. Gia đình ông chạy khỏi Vân Nam đến Miến Điện vào năm 1958 và cải đạo sang Kitô giáo sau khi định cư tại một làng người Lisu (Lật Túc) yên bình trên những ngọn đồi ngày nay là bang Đông Shan. Vào những năm 1960, vùng biên giới giữa Vân Nam và Đông Nam Á đầy rẫy xung đột, và gia đình này rất ngạc nhiên khi tìm thấy một cộng đồng người sống với chuẩn mực đạo đức cao, không cờ bạc, rượu chè hay hút sách. Tất cả người Lisu trong làng đã cải đạo sang Kitô giáo trong thời kỳ trước chiến tranh. Khi còn là thiếu niên, Yang bị đi lính KMT dù anh ghét chiến tranh. Anh bắt đầu đi lính một vài năm và cuối cùng bỏ trốn. Anh bị truy nã vì tội đào ngũ, KMT đến lục soát gia đình anh nhưng không tìm thấy dấu vết nào của Yang, họ bắn chết cha anh để trừng phạt. Yang tiếp tục đóng giả thương nhân trốn tránh KMT và cuối cùng tìm đường đến một trường dòng ở Bangkok và trở thành mục sư. Đầu những năm 1990, khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, KMT giao nộp vũ khí đổi lấy quyền công dân. Yang và vợ đã xây một nhà thờ chỉ có một phòng ở đầu phía tây Mae Salong. Giáo đoàn của họ phần lớn là người Akha, và vào những ngày trong tuần, vợ chồng anh điều hành một trường học miễn phí dạy tiếng Trung cho những đứa trẻ Akha không quốc tịch, không thể vào học trường dạy bằng tiếng Thái ở đây. Sau một vài năm học tiếng Trung, trẻ em Akha có thể vào học một trường tiểu học dạy hai thứ tiếng Thái - Trung do chính quyền Đài Loan tài trợ. Ở đó chúng có thể học viết và đọc tiếng Thái rồi thi vào một trường trung học Thái Lan và có thể vào đại học.

Hơn mười năm sau, chú của Meepu khuyên cô và các em cô nhập học trường của mục sư Yang để sau này học lên nữa. Khi đến Mae Salong, Meepu và gia đình cô cải đạo sang Kitô giáo, và việc học ở trường của mục sư Yang đã giúp cô sau này tốt nghiệp trung học. Meepu tốt nghiệp ở trường trung học do Hoàng gia Thái Lan tài trợ, cũng ở Mae Salong, khi 20 tuổi, và sau khi tốt nghiệp, cô đứng các lớp tiếng Trung ở trường của mục sư Yang trong ba năm để kiếm tiền trả học phí đại học. Để hỗ trợ cho nguyện vọng vào đại học của cô, thỉnh thoảng nhà thờ lại quyên góp giúp cô có thêm tiền để dành.

“Cha mẹ tôi kiếm chỉ đủ nuôi sáu chị em chúng tôi, họ không thể lo cho tôi vào đại học”, Meepu nói sau khi tôi hỏi tình hình kinh tế hiện tại của gia đình cô. “Tại nhà thờ, tôi gặp những người đến từ khắp nơi trên thế giới khuyên tôi cách theo đuổi ước mơ của mình. Tôi muốn trở thành một giáo sư tiếng Trung.” Cô thừa nhận không mê tiếng Thái, nhưng cô học vì lợi ích của nó. “Tiếng Trung của tôi tốt hơn tiếng Akha. Tôi không hiểu những bài hát Akha các cụ hát.”

Kitô giáo được các nhà truyền đạo Anh và Pháp đưa đến khu vực biên giới vùng cao của Trung Quốc và Đông Nam Á trong thời thuộc địa. Khi các vùng đệm giữa Trung Quốc và Đông Nam Á hình thành vào thế kỷ 20, những sắc tộc vùng cao xem Kitô giáo là cách liên kết họ với thế giới rộng lớn và cũng tạo thành những lãnh thổ riêng biệt tách họ khỏi bạo lực do các phong trào dân tộc, chống thực dân ở miền xuôi gây ra. Trong những ngày đầu của cuộc Chiến tranh Lạnh, những nhà truyền giáo nước ngoài bị cấm ở Miến Điện, Trung Quốc, Việt Nam và cuối cùng là Lào, nhưng khi các nhà truyền giáo bị trục xuất khỏi Zomia thì gốc rễ của họ đã ăn sâu. Các sắc tộc vùng cao như Lisu, Karen, Kachin và lính KMT xuất ngũ đã tiếp nối sứ mệnh truyền giáo. Các nhà truyền giáo ở Thái Lan vẫn thường xuyên hoạt

động và duy trì liên lạc với các nhóm thông qua các trạm vùng cao ở miền Bắc Thái Lan.

Trước những năm 1980, người Akha ở vùng cao Thái Lan và Myanmar mạnh mẽ chống lại việc cải đạo sang Kitô giáo. Việc thay đổi từ trồng lúa nương sang trồng thuốc phiện là biện pháp giữ cho những truyền thống Akha tồn tại. Nhưng khi các nhóm phiến quân như KMT ngày càng bị cô lập, họ yêu cầu những người trồng thuốc phiện như người Akha trả tiền bảo kê nhiều hơn và siết chặt đời sống kinh tế người dân Akha. Điều này có nghĩa là dân Akha kiếm được ít tiền hơn và áp lực đè nặng lên các tài nguyên của làng. Nhà nước Thái Lan, với sự giúp đỡ của hoàng gia, đã xây dựng các chương trình chuyển đổi cây trồng với sự tài trợ của Liên Hiệp Quốc. Các chương trình này cố gắng làm cho dân vùng cao thôi trồng thuốc phiện, nhưng đường sá đi vào quá tệ hại và một thị trường đồng bằng vốn đã nhộn nhịp khiến các chương trình này thất bại. Nguồn lực ít đi, việc hiến tế trâu bò theo truyền thống của người Akha khó có điều kiện thực hiện và bắt đầu bị bỏ dần^[49]. Trồng cây thuốc phiện gây ra tỷ lệ nghiện cao trong thanh niên của làng, và lớp trẻ rời khỏi các làng Akha đi kiếm việc làm ở các đô thị miền xuôi. Nhiều phụ nữ trẻ Akha bị bán làm gái mại dâm, và những ngôi làng Akha từng xa xôi và biệt lập đã phải gánh chịu sự gia tăng các bệnh lây truyền qua đường tình dục khi những người trẻ tuổi về nhà. Ngoài việc mang lại áp lực kiếm sống khiến người Akha bị đẩy khỏi không gian truyền thống của họ, những nhân tố này còn làm đổ vỡ truyền thống. Việc cải đạo sang Kitô giáo mở lối cho người Akha tìm ra hướng đi trong thế giới đang thay đổi và thiết lập lại quy tắc đạo đức theo những cách thức mà văn hóa Akha truyền thống không thể làm.

Cải đạo sang Kitô giáo cũng là con đường mang lại quyền công dân cho người Akha không quốc tịch. Ở Trung Quốc, các nhóm sắc tộc được chào

đón như một thành phần của nhân dân cả nước miễn là họ không gây rắc rối cho nhà nước Trung Quốc với việc xây dựng các phong trào ly khai. Người Hán sống trong các vùng đệm đông đúc các sắc tộc ở các khu vực phía tây khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949. Ở mức độ nào đó, đó cũng là điều xảy ra trong thời vua chúa ngày xưa. Do đó, câu chuyện lập quốc của Trung Quốc bao gồm các nhóm sắc tộc và thành viên các nhóm sắc tộc là công dân của nhà nước này. Thái Lan yêu cầu trung thành với “Quốc gia, Tôn giáo và Nhà vua” hàm ý một lựa chọn duy nhất đối với nước Thái Lan theo đạo Phật. Ý niệm đó là độc nhất và ngầm phân biệt đối xử với các nhóm sắc tộc khác. Ở Thái Lan, người Akha cùng các nhóm khác như Karen, Lahu và Hmong chính thức được xem là các “bộ tộc vùng cao”. Người Thái đồng bằng thường gọi những bộ tộc vùng cao này là “tổ tiên còn sống” - những sắc tộc lạc hậu trên những rặng núi từ đó quốc gia Thái Lan đã phát triển lên sau nhiều thế kỷ. Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, chính quyền Thái đã cấp cho hầu hết người sắc tộc vùng cao tư cách người nước ngoài nhập cư bất hợp pháp. Một số người, như những người KMT đã chiến đấu dập tắt các cuộc nổi dậy của phong trào cộng sản, nhanh chóng được trao tư cách người nước ngoài hợp pháp và được xem xét cấp quyền công dân, nhưng hầu hết người dân các sắc tộc vùng cao vẫn giữ tư cách người nước ngoài bất hợp pháp và bị giới hạn chỉ được sống trên vùng đồi núi. Do đó, việc tránh né các lực lượng an ninh biên giới Thái Lan khét tiếng lợi dụng những người nhập cư bất hợp pháp hay điều hành các đường dây buôn người bất hợp pháp là điều bắt buộc đối với người Akha.

Hiện tại có hơn 17.000 người Akha nộp đơn xin quốc tịch tại quận Mae Fah Luang, thị trấn Mae Salong cũng thuộc quận này. Ngày nay chỉ có 50% người Akha có tư cách pháp lý là cư dân hay công dân. Các tổ chức phi chính phủ địa phương do Thái Lan tài trợ cung cấp một vài trợ giúp cho

những người sắc tộc vùng cao ở Thái Lan xin nhập tịch, nhưng các nhà thờ Kitô giáo - nhiều nhà thờ có quan hệ khu vực và toàn cầu - cung cấp hỗ trợ tài chính ổn định và trợ giúp pháp lý để giúp giáo dân nhận được quyền công dân. Người Akha theo Kitô giáo có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ này. Ngoài ra, cải đạo sang Kitô giáo giúp họ được khám chữa bệnh ở các bệnh viện của hội đoàn tôn giáo và nhận hỗ trợ tài chính cho việc học hành^[50].

Nhiều người Akha sống ở vùng cao Thái Lan thấy có lợi hơn khi khuyến khích con cái họ học tiếng Trung và tiếng Anh thay vì tiếng Thái. Họ giải thích tiếng Trung và tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu mang lại nhiều cơ hội hơn cho việc thăng tiến. Nhà thờ Kitô giáo kết nối toàn cầu là phương tiện giúp có được cơ hội rộng đường tiến bộ hơn. Để minh họa, Meepu cho tôi biết số bạn người Akha cùng lớp của cô ở nhà thờ của mục sư Yang hiện đang làm việc tại Trung Quốc và Hàn Quốc. Cũng trong những chuyến đến Mae Salong trước đây, tôi đã gặp Ashi, một thanh niên Akha tốt nghiệp đứng đầu lớp ở nhà thờ của mục sư Yang. Anh tiếp tục hoàn thành bằng cử nhân tiếng Anh tại một đại học tư ở Chiang Rai và sau đó lấy bằng MBA tại Đại học Thanh Hoa Bắc Kinh. Ashi hiện đang điều hành một công ty khởi nghiệp công nghệ ở Chiang Rai. Gần đây, kế hoạch của Meepu cũng đã gặt hái thành quả. Vào tháng 9 năm 2016, cô nhập học năm thứ nhất một trường đại học công lập ở Chiang Rai.

Tuy nhiên, Kitô giáo cũng đang phân hóa cộng đồng người Akha. Từ những năm 1980, các Kitô hữu cải đạo đã thành lập các cộng đồng nhỏ hơn, riêng biệt ở các làng. Việc đó chia tách không gian xã hội và làm suy yếu chủ nghĩa bình đẳng truyền thống đã từng tỏa khắp văn hóa Akha. Kitô hữu Akha thường coi khinh những người không cải đạo. Li Haiying, học giả nghiên cứu người Akha, đã quan sát cách những người không cải đạo

không còn muốn các Kitô hữu Akha cùng họ làm việc đồng áng vì các Kitô hữu Akha thường khoác lác là họ giờ rất tự do và đời sống tình cảm của họ giờ tốt hẳn lên khi chồng họ không còn uống rượu hay nghiện thuốc^[51]. Kitô hữu Akha kết tội những người Akha không theo đạo là hoang dã, lạc hậu, thờ phụng quỷ dữ. Một số mục sư Kitô giáo buộc những người Akha cải đạo đốt bàn thờ tổ tiên của họ và từ bỏ các nghi lễ vốn tạo nên văn hóa Akha^[52]. Ví dụ, lễ đặt tên truyền thống kết nối tên đứa bé mới sinh với gia phả lâu đời bị cấm. Kitô hữu Akha cũng bị cấm nhờ cậy thầy mo giúp đỡ hay sử dụng cách chữa bệnh cổ truyền. Tập tục những già làng buộc dây may mắn quanh cổ tay dân làng để chứng tỏ sự kết nối của cộng đồng đã được thay bằng cái bắt tay Kitô giáo. Khi tôi hỏi Meepu về văn hóa Akha truyền thống, cô diễn tả nó như thứ gì đó xa lạ với cô khi những cụ già giết gà và khăn vái những hồn ma.

Theo truyền thống, một người Akha được định vị trong một cộng đồng ràng buộc nội bộ bị chi phối bởi tín ngưỡng và các giá trị chung. Việc kết nối với các hệ thống kinh tế và xã hội, như Kitô giáo hay thị trường tư bản, đã dịch chuyển cộng đồng Akha riêng biệt đó sang một hệ thống được kiểm soát hướng ngoại vốn nhấn mạnh thành tựu cá nhân và sự nối kết với các hệ thống được quản lý toàn cầu do chính phủ các nước và các thế lực truyền giáo đưa ra^[53].

Học giả về người Akha Wang Jianhua, sinh ra ở ngôi làng gần làng Nanpenzhong ở Trung Quốc và hiện sống ở Thái Lan, đang lãnh đạo một phong trào toàn Akha nhằm quảng bá và bảo tồn văn hóa Akha. Ông lo rằng lối kể chuyện truyền khẩu cổ truyền của người Akha đang mai một vì giới trẻ không học nói tiếng Akha. “Họ đã bắt đầu nghĩ trước tiên họ là người Miến Điện, người Trung Quốc, người Lào, hay người Thái, và sau đó mới là người Akha.” Ông cho rằng việc Kitô giáo đưa người Akha ra thế

giới là mối đe dọa đối với bản sắc Akha. “Một khi các mối quan hệ với quê hương và tổ tiên không còn, họ sẽ mất bản sắc của mình.”^[54]

Học giả về người Akha Li Haiying đề cập đến câu chuyện một gia đình Kitô hữu có người thân bị bệnh nhưng không được nhờ thầy lang Akha chữa. Mục sư của gia đình nói điều đó sẽ làm hại đức tin của họ. Vì thế gia đình đó đã từ bỏ nhà thờ và quay về với những lễ lối cũ của người Akha. Sau khi nhờ thầy lang Akha chữa, người bệnh đã đỡ dần^[55]. Những chuyện như thế đang giúp phong trào truyền thống mới có được chỗ đứng ở miền Bắc Thái Lan và miền Đông Myanmar và khuyến khích “cải đạo ngược” quay về với truyền thống Akha.

Trong khi những Kitô hữu Akha tuyên bố di sản của họ được bảo tồn với việc nói tiếng Akha và mặc trang phục truyền thống tại các lễ hội, những người theo chủ nghĩa truyền thống mới nói rằng bản sắc Akha không thể tách rời khỏi việc tiến hành các nghi lễ. Chẳng hạn, những người theo chủ nghĩa truyền thống mới chỉ ra nghi lễ tiếp nhận người ngoài đơn giản yêu cầu đặt cho người ngoài này một cái tên Akha trong buổi lễ đặt tên cổ truyền. Người mới đến có thể trở thành người Akha bằng cách gắn kết với dòng dõi tổ tiên rất lâu trước khi anh ta hay cô ta nói lưu loát tiếng Akha. Đối với những người theo chủ nghĩa truyền thống mới, nghi lễ thờ cúng tổ tiên quan trọng hơn quan hệ huyết thống hay khả năng ngôn ngữ. Trọng tâm tranh cãi là vấn đề liệu tôn giáo và văn hóa có thể tách rời hay không.

Sự phục hồi chủ nghĩa truyền thống mới bắt đầu vào năm 2008 với một loạt hội nghị xuyên biên giới nhằm thúc đẩy bản sắc Akha trên khắp vùng cao Trung Quốc và Đông Nam Á. Tầng lớp tinh hoa Akha mới, nhiều người đạt được thành công trong nông nghiệp, giờ đang quảng bá một nền văn hóa toàn Akha. Các giáo sư đại học, doanh nhân, quan chức chính quyền, và

nhân viên các tổ chức phi chính phủ đang ủng hộ một cuộc phục hưng của người Akha. Họ truyền cảm hứng và huấn luyện những già làng, các chuyên gia nghi lễ, họa sĩ và nhạc sĩ. Trong khi truyền thống truyền khẩu vẫn được coi trọng, các nhóm tinh hoa này đồng ý rằng tương lai của văn hóa Akha đang bị đe dọa và do đó phải được ghi lại cho các thế hệ trẻ. Trong thập niên trước, họ đã đồng ý về một hệ thống chữ viết chung và hiện đang quảng bá văn hóa Akha chuẩn. Câu chuyện lịch sử từ thời nhà nước Jadae và vị tổ chung được kể có phần khác nhau trong khắp thế giới Akha. Nhưng sự đồng thuận về các điểm chính được chốt lại đưa vào câu chuyện chính thống đang được viết thành sách và kể bằng hình ảnh nghệ thuật. Những tài liệu này hiện đang được lan truyền trong thế giới Akha thông qua truyền thông xã hội. Thực vậy, Ren San đang trưng bày chúng trong nhà bảo tàng di sản Akha ở Nanpenzhong. Nhiều người cải đạo ngược đang xây dựng các bia mộ có ảnh và thông tin cá nhân. Việc này được quyết định khi họ còn là Kitô hữu và là sự phản kháng chống lại việc không được dựng bia mộ trước đây. Việc thôi theo Kitô giáo cũng dẫn đến sự coi trọng thái quá các vị vua và đáng sáng tạo tối cao ngồi ở trung tâm của thần thoại Akha. Trước đây, người Akha được mô tả là sắc tộc tránh sự phân cấp thứ bậc và không cúi đầu trước bất cứ thế lực nào^[56]. Nhìn chung, các phương pháp này tác dụng trái hẳn các “kỹ thuật tránh xa chính quyền” trước đây đã giữ nền văn hóa này nguyên vẹn, nhưng chúng cũng thể hiện sự linh hoạt của người Akha trong khi thích nghi với xã hội hiện đại vẫn nỗ lực bảo tồn các truyền thống tinh túy.

Học giả Micah Morton chỉ trích phương pháp truyền thống mới. Ông cho rằng một số người Akha đang đưa ra các lý thuyết văn hóa của riêng họ phần nào thách thức và kết hợp các mô hình nổi trội của chủ nghĩa dân tộc và toàn cầu hóa, luôn dựng lại và khẳng định một lối sống riêng biệt của người Akha^[57]. Ông cũng theo dõi cách thức nền văn hóa Akha chuẩn đó

được ủng hộ bởi những người theo chủ nghĩa truyền thống mới chấp nhận ba lần cúng giỗ tổ tiên thay vì mười hai lần. Sự đơn giản hóa nghi lễ Akha này là một cách để truyền thống cạnh tranh với các hệ thống văn hóa khác nhằm giành giật sự quan tâm của người Akha. Vào những năm 1990, để khuyến khích người ta cải đạo ngược, những tập tục như giết trẻ sinh đôi và trục xuất phụ nữ ly dị bị bãi bỏ. Ngoài ra, gánh nặng hiến tế động vật theo nghi lễ Akha cũng giảm đi. Nhà nhân chủng học Deborah Tooker cho rằng việc đơn giản hóa văn hóa Akha được thúc đẩy bởi những người theo chủ nghĩa truyền thống mới chỉ thực hiện các tập tục cổ xưa ở vài việc như sinh, chết và kết hôn, thay vì áp dụng trong mọi việc của cuộc sống hằng ngày^[58]. Nhưng đối với những người theo chủ nghĩa truyền thống mới, việc giảm bớt các lễ lạt Akha cổ xưa tốt hơn việc Kitô hữu Akha từ bỏ toàn bộ truyền thống.

Gần đây tôi đã liên hệ với Ren San để tiếp tục trao đổi và cập nhật về ngành nuôi lợn hữu cơ ở vùng quê Nanpenzhong. Tôi liên lạc với ông thông qua mạng xã hội WeChat của Trung Quốc từ nhà tôi ở Mỹ, và chúng tôi đã nói chuyện trong một giờ qua ứng dụng video của mạng này. Ông dành phần lớn thời gian nói về những nỗ lực gần đây nhằm dạy cho đám trẻ trong làng biết tầm quan trọng của văn hóa Akha. Trong khi chúng tôi trao đổi, ông gửi cho tôi những bức ảnh và một vài bản PDF cho thấy hoạt động của những người theo chủ nghĩa truyền thống mới. Ông cũng gửi video về các cuộc tụ họp gần đây của người Akha, ảnh chụp phả hệ Akha, ảnh chụp chung những người tham dự các hội nghị về người Akha gần đây. Ông hết sức tự hào khi cho tôi biết người Akha ngày nay đang hoạt động xuyên biên giới để bảo tồn văn hóa của họ. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện, tôi nghĩ về sự thâm nhập của các lực lượng nhà nước và thị trường đã giúp tôi giao tiếp với Ren San trên vùng đồi núi kia và tương tác với văn hóa Akha từ bên này quả địa cầu. Giờ tôi có thể hiểu được văn hóa Akha theo những

cách tôi không thể có được trong các chuyến đi đến Nanpenzhong trước đây.

Do việc thực hiện các “hoạt động ngăn trở nhà nước” trước đây, người Akha đã duy trì được mối quan hệ độc lập với các hệ thống thống trị của nhà nước. Với cuộc di dân dài cả thiên niên kỷ qua châu Á, họ đã đưa các khía cạnh văn hóa Trung Hoa vào hệ thống tín ngưỡng của chính họ. Người Akha đã biến “di sản bại trận” của họ thành một bản sắc mạnh mẽ và khi bị đe dọa biến thành nô lệ và đánh thuế, họ vẫn duy trì giao thương với vùng đồng bằng bằng cách bán rẻ các sản vật có giá trị của rừng. Việc này vẫn tiếp diễn đến ngày nay. Các công nghệ và cơ hội xã hội của vùng đồng bằng không còn bị hiểu là thù địch và làm tổn hại xã hội Akha. Thực ra, một số người Akha đang sử dụng các công nghệ đó để thúc đẩy và bảo tồn văn hóa của họ. Sự bền bỉ, khả năng thích nghi và hỗn huyết dường như có sẵn trong khuôn khổ xã hội Akha, và những yếu tố này sẽ giúp văn hóa đó tồn tại dưới dạng thức nào đó. Trong cuộc gọi video của tôi và Ren San, ông nói khả năng hạt nhân của Triều Tiên có thể khiến châu Á rơi vào tình trạng xung đột. Tôi nêu những lo lắng của tôi, nhưng ông quan tâm chuyện khác, ông nói, “Tôi không lo chuyện chiến tranh. Đó là việc của các nước lớn. Chúng tôi là người Akha, và chúng tôi tiếp tục tồn tại. Nếu mọi thứ sụp đổ, chúng tôi sẽ quay lại đốt nương phát rẫy. Chúng tôi vẫn biết cách làm việc đó.”

TAM GIÁC VÀNG ĐANG THAY ĐỔI

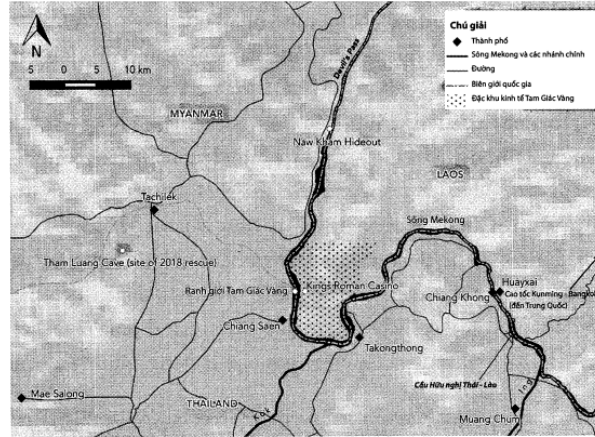
Chuyến đi của tôi đến Hạ Mekong bắt đầu vào năm 2004 trong buổi học cuối của khóa sau đại học về Kinh tế Đông Nam Á tại Đại học California, San Diego. Trong năm phút cuối của lớp, giáo sư Krislert Samphantharak liệt kê một số xu hướng mới nổi ở Đông Nam Á và đề cập đến chuyện giao dịch mua bán giữa Trung Quốc và Thái Lan đang tăng lên trên sông Mekong. Tôi lập tức giơ tay và thắc mắc về nhận xét của ông vì tôi đã đến Cảnh Hồng, Tây Song Bản Nạp vài năm trước và vẫn nhớ đứng trên cây cầu mới bắc qua sông Mekong, không thấy có hoạt động mua bán nào trên sông. Giáo sư và tôi đã có một cuộc trao đổi ngắn sau giờ học, và bốn tháng sau tôi đã có mặt tại cảng sông Mekong lớn của Trung Quốc ở Quan Lũy (Guanlei), lên một tàu hàng đi Tam Giác Vàng.

Một khoản tài trợ nghiên cứu ít ỏi của Đại học California, San Diego (UCSD) giúp tôi theo một nhóm nhà xuất khẩu nông sản và quan chức chính quyền từ Vân Nam xuôi theo dòng sông. Họ muốn biết rau diếp và bông cải của họ đi như thế nào đến Talad Thai, chợ bán buôn lớn nhất của Thái Lan nằm ở phía bắc Bangkok. Trước khi rời Quan Lũy, phu khuân vác suốt đêm chất lên tàu các bao tỏi và táo. Để đến được Chiang Saen, Thái Lan cách 200km phía hạ nguồn, chúng tôi phải rời cảng trước khi trời sáng.

Một bạn đồng hành của tôi mô tả chuyến đi này là hành trình xuyên qua vùng bất kham. Từ Quan Lũy đến Chiang Saen, dòng sông tạo nên biên giới giữa Lào và Myanmar, và những biên giới này được xem là giang sơn của các lãnh chúa và bọn buôn lậu ma túy. Hành trình của chúng tôi đi ngang qua trung tâm Tam Giác Vàng, nơi Thái Lan, Lào và Myanmar tiếp giáp. Trong thế kỷ 20, thuốc phiện sản xuất ở khu vực này được tính giá bằng vàng khiến vùng này có tên đó.

Nhìn chung dòng sông khi chúng tôi xuôi dòng không có gì đặc biệt. Trừ vài ngôi làng dọc theo bờ sông, chúng tôi hầu như không thấy có người. Những người đi cùng ngủ suốt. Thuyền trưởng gọi tôi vào buồng lái trong hai giờ cuối hành trình. Chúng tôi đang đi vào Eo Quỷ, một đoạn dài 20km nơi dòng sông chảy mạnh qua những hẻm núi hẹp bề ngang chưa đầy 100 mét. “Ở Eo Quỷ, chẳng có dấu hiệu nào báo cho anh biết chỗ có đá”, thuyền trưởng hét to cố át tiếng ồn máy tàu. “Vài thuyền đã bị lật ở đoạn này, một số thủy thủ chết đuối ở đây. Tôi biết lộ trình vì tôi được một thuyền trưởng kinh nghiệm huấn luyện trong ba năm trước khi làm thuyền trưởng tàu này. Vài năm nữa thôi chúng tôi sẽ dẹp những khối đá này, như thế hành trình sẽ ít rủi ro hơn.”

Vị thuyền trưởng tài tình lái tàu nhưng đôi lúc cũng tiến sát một số bãi cạn lộ ra giữa dòng. Cuối cùng, hẻm núi mở ra một thung lũng rộng, và dòng sông trở nên rộng hơn và êm ả. “Đó là nơi họ gọi là Tam Giác Vàng”, thuyền trưởng nói khi chỉ một tượng Phật bằng vàng khổng lồ nhìn ra sông. “Thực ra có một tam giác đất hình thành do một sông nhỏ hơn đổ vào sông Mekong. Đó là nơi ba nước gặp nhau”. Một lát sau con tàu của chúng tôi neo đậu dọc bên cảng mới của Chiang Saen, và một hàng thủy thủ Thái Lan và Trung Quốc sắp hàng chuyển hàng hóa từ tàu sang dây xe tải chờ bên đường.



Bản đồ Tam Giác Vàng

Trong thập niên đầu thế kỷ 21, gia tăng thương mại là kết quả của cuộc đàm phán thương mại song phương giảm thuế nhập khẩu đối với một số ít nông sản được mua bán giữa Thái Lan và Trung Quốc. Các mối quan hệ kinh tế tăng lên này phù hợp với mục tiêu chính sách đối ngoại của cả hai nước. Sau hơn sáu thập niên bất ổn ở các khu vực phía bắc, Thái Lan đã tìm cách biến “chiến trường trên thành thị trường”^[59] bằng cách đưa các chương trình phát triển kinh tế do nhà nước tài trợ lên biên giới giáp Trung Quốc, khi đó là một cường quốc mới trỗi dậy, đã thúc đẩy chính sách “láng giềng tốt” bảo đảm với các nước láng giềng rằng tham vọng khu vực của nó thúc đẩy phát triển kinh tế và lợi ích chung. Trung Quốc muốn chứng tỏ cho Đông Nam Á thấy sự trỗi dậy của nước này sẽ không phá vỡ ổn định khu vực. Việc xây dựng lòng tin rất quan trọng vì chưa đầy hai thập niên trước, Bắc Kinh đã cung cấp khí tài quân sự và hỗ trợ kỹ thuật cho các cuộc nổi dậy do cộng sản lãnh đạo ở Đông Nam Á. Để tham gia các nỗ lực này, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đưa ra chương trình Tiểu vùng Mekong Mở rộng (GMS) vào giữa những năm 1990 xây dựng một loạt hành lang kinh tế nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại giữa lục địa Đông Nam Á và Trung Quốc. Chương trình này cung cấp các khoản vay ưu đãi cho các dự án phát triển hạ tầng nhằm nối kết khu vực tốt hơn. Nếu mọi thứ

diễn ra theo đúng kế hoạch, đường cao tốc và đường sắt sẽ đi từ Côn Minh đến Myanmar ở phía tây, Thái Lan và Lào ở phía nam, và Việt Nam ở phía đông. Những tuyến đường này sẽ cắt ngang một số địa hình khó khăn nhất thế giới. Một số tuyến giao thông mới này chạy ra phía tây đến các cảng ở Myanmar và Thái Lan trên Ấn Độ Dương. Đây là một phần trong chiến lược của Trung Quốc nhằm giữ cho việc mua bán hàng hóa thông suốt trong trường hợp Mỹ hay cường quốc hải quân khác phong tỏa Biển Đông hay Eo biển Malacca.

Đường cao tốc Côn Minh - Bangkok là trung tâm của chiến lược này và sẽ tạo điều kiện cho hàng hóa từ Côn Minh đến các chợ Thái Lan trong chưa đầy một ngày. Hoàn thành vào năm 2007, đoạn đường từ Côn Minh đến Cảnh Hồng giảm thời gian đi giữa hai điểm này từ 24 giờ xuống còn 8 giờ. Đường cao tốc R3 dài 180km chia đôi Bắc Lào và nối Tây Song Bản Nạp với tỉnh Chiang Rai ở Thái Lan cũng đã hoàn thành vào năm 2007. Trước khi có đường R3, con đường quá cảnh duy nhất đi được giữa Trung Quốc và Tam Giác Vàng là đường sông và các đường mòn lầy lội vòng qua các ngôi làng vùng cao ở Bắc Lào và Đông Myanmar. Phần lớn các lối đi trên đất liền không thể đi được trong mùa mưa. Trung Quốc, Thái Lan và ADB mỗi bên góp một phần ba tài trợ cho con đường. Chính phủ Lào, thường không đủ khả năng chi trả lương cho nhân viên của mình, không có ngân sách để tham gia vào dự án đường cao tốc đó. Rõ ràng, những người hưởng lợi chính của dự án là Trung Quốc và Thái Lan.

Từ 2004 đến nay, tôi thường quay lại Chiang Saen nhìn phu khuân vác chất hàng lên tàu Trung Quốc về lại Tây Song Bản Nạp. Cả hai chiều, trái cây và rau chiếm phần lớn. Táo và tỏi trồng ở các vùng khí hậu ôn hòa của Vân Nam chiếm phần lớn trong số hàng Trung Quốc bán qua còn Thái Lan vận chuyển chủ yếu các loại trái cây nhiệt đới như chuối, xoài và nhãn - loại

trái cây giống vải thiều được xem là một dược liệu cổ truyền. Thái Lan cũng đưa thịt gà và lợn đông lạnh ngược sông qua Trung Quốc. Một phu khuân vác Trung Quốc từng kể cho tôi chuyện một bầy nhỏ gia súc bị sống trên sông khi tàu vận chuyển chúng gặp rắc rối ở Eo Quỷ. Cảng Chiang Saen được biết cũng là cảng chuyên tải ngược dòng hàng hóa xuất xứ từ các khu vực xa xôi như Thổ Nhĩ Kỳ hay Iran. Một lần, tôi xem thủy thủ khéo léo chuyển 20 chiếc xe thể thao kiểu mới nhất lên một con tàu. Sau đó tôi biết được những chiếc xe đó từ Anh và đang trên đường tìm đến bộ sưu tập cá nhân của một quan chức chính quyền Vân Nam.

Trong một lần ghé cảng năm 2015, một thủy thủ đã làm tôi bất ngờ. “Tôi có thể đưa anh đến một trong những con tàu có các thủy thủ Trung Quốc bị giết. Sau bốn năm, tàu Hua Ping vẫn nằm đó. Không ai sử dụng nó vì chúng tôi sợ ma”, ông Tong nói khi dẫn tôi xuống cầu thang bê tông đến một tàu chở hàng lớn có cửa sổ bị bắn và kính vỡ vẫn nằm trên sàn. Trừ các cửa sổ và máu khô vương vãi, hàng hóa trên tàu trông như thể thủy thủ đoàn vẫn còn đó. Nhưng các bàn chải đánh răng trong cốc thiếc và những chiếc áo sơ mi sờn trong tủ sẽ không bao giờ được chủ chúng dùng đến nữa. Vào ngày 5 tháng 10 năm 2011, những kẻ không rõ danh tính đã lên tàu Hua Ping và Yu Xing 2, cách cảng Chiang Saen 7km về phía thượng nguồn giết chết toàn bộ 13 thủy thủ của hai tàu. Khi chính quyền địa phương lên tàu Hua Ping, chỉ tìm thấy thuyền trưởng. Xác anh ta nằm trên khẩu AK-47, bên cạnh là 900.000 viên methamphetamine sau đó được xác định trị giá hơn 6 triệu đô-la. Trong hai ngày tiếp theo, thi thể của 12 thành viên khác dạt vào bờ. Tất cả đều bị bịt mắt. Một số vết thương cho thấy các thủy thủ đã bị tra tấn trước khi bị giết.

Đây là cuộc tấn công chết chóc và hung bạo nhất đối với người Trung Quốc ở nước ngoài trong thời gian gần đây, và các chi tiết xung quanh tội

ác khủng khiếp này đã khó hiểu ngay từ đầu. Các nhân chứng khai những chiếc tàu cao tốc nhỏ đã đi cùng các tàu chở hàng ra khỏi Eo Quỷ, và khi các tàu chở hàng cập cảng phía nam khu du lịch Tam Giác Vàng, đã xảy ra một cuộc đấu súng và những chiếc tàu cao tốc chạy ngược lên. Tuy nhiên, số khác lại cung cấp thông tin khác hẳn, khẳng định các đặc vụ mặc đồng phục của một đơn vị bài trừ ma túy tỉnh nhuộm Thái Lan đã buộc tàu cập bến. Họ khẳng định tiếng súng vang lên sau khi các đặc vụ lên tàu. Một nhân chứng đứng cạnh một đặc vụ bài trừ ma túy nghe thấy anh ta ra lệnh vứt các thi thể xuống sông vì, “càng ít xác càng tốt”^[60]. Hôm sau, 9 đặc vụ bài trừ ma túy Thái Lan bị bắt không có cáo buộc cụ thể, nhưng động cơ vụ giết người vẫn chưa rõ ràng. Các thủy thủ Trung Quốc buôn lậu ma túy? Hay các đặc vụ bài trừ ma túy đã bỏ methamphetamine vào để các thủy thủ Trung Quốc, những người ngày càng không được hoan nghênh ở Tam Giác Vàng, có vẻ có tội? Và ai đã lái những chiếc tàu cao tốc đi cùng với các tàu hàng đó xuôi dòng?

Trung Quốc đã phản ứng nhanh chóng và bài bản đối với vụ việc. Tất cả hoạt động buôn bán trên sông tạm ngưng và Trung Quốc đã triệu tập cuộc họp bốn bên với các cơ quan an ninh quốc gia Thái Lan, Lào và Myanmar, thu thập thông tin và đưa ra kế hoạch hợp tác nhằm đưa những kẻ giết người ra công lý. Trong quá trình đó, Thái Lan đã chỉ ra một nghi phạm: Naw Kham, trùm ma túy địa phương, đã thống trị miền Đông Myanmar và miền Tây Lào trong hơn một thập niên. Theo ý kiến của Trung Quốc, bốn nước đã nhanh chóng ký một thỏa thuận an ninh chung trước đây chưa từng có, cho phép các lực lượng an ninh Trung Quốc hoạt động tùy ý ở Lào, Myanmar và Thái Lan trong cuộc săn lùng Naw Kham.

Trong nửa sau của thế kỷ 20, việc buôn bán thuốc phiện ở Tam Giác Vàng bị thống trị bởi Khun Sa, lãnh chúa sắc tộc Shan có mạng lưới và lực

lượng an ninh kiểm soát phân lớn bang Shan ở miền Đông Myanmar. Để duy trì quyền lực, Khun Sa được đồn đại có quan hệ chặt chẽ với chính phủ quân sự Myanmar. Học giả về Đông Nam Á Alfred McCoy đã viết trong tác phẩm nổi tiếng của mình, *The Politics of Heroin in Southeast Asia* (Chính trị Heroin ở Đông Nam Á), “Khun Sa là trùm ma túy mạnh nhất thế giới với thị phần trước đây chưa từng có”^[61]. Để dụ Khun Sa rửa tay gác kiếm, năm 1996 quân đội Miến Điện đã đàm phán ngừng bắn đôi lầy ân xá. Việc đó mở đường cho sự trỗi dậy của Naw Kham, một trong những tay chân trung thành nhất của Khun Sa. Naw Kham chỉ huy một trong những đơn vị quân đội phân tán của Khun Sa, và nổi lên như một thủ lĩnh chính kiểm soát các tuyến đường heroin và methamphetamine nối Tam Giác Vàng với Trung Quốc và thế giới. Để bảo vệ mình, ông ta đánh thuế tất cả những người buôn bán ma túy, và để xây dựng lòng trung thành của vùng này, được biết ông ta đã chi số tiền thu được cho các cộng đồng xung quanh cũng như các cơ quan an ninh. Để tăng thêm một lớp bảo vệ, nghe nói ông ta đã dành 30% số tiền thu được cho quân đội Myanmar. Điều này giúp Naw Kham hoạt động trong Tam Giác Vàng tương đối tự do. Nơi ẩn náu chính của hắn ở trên một hòn đảo từ khu du lịch Tam Giác Vàng ngược dòng lên chỉ vài kilomet.

Vào những tháng đầu năm 2012, lưới giăng của Trung Quốc bắt đầu tiến gần Naw Kham. Nhóm điều tra của Trung Quốc đã dần dần bắt được các cộng sự của Naw Kham, và đưa một số người sang hỗ trợ điều tra. Tuy nhiên, mỗi lần lực lượng an ninh Trung Quốc bao vây Naw Kham, hắn đều thoát được trong đường tơ kẽ tóc. Các cơ quan mới do nhà nước Trung Quốc chỉ đạo cung cấp thông tin cập nhật hằng ngày về việc săn lùng tên tội phạm này và khán giả truyền hình Trung Quốc chăm chú theo dõi diễn tiến điều tra từng ngày. Tháng 4 năm 2012, Naw Kham rốt cuộc bị bắt sống trên một chiếc thuyền gần nơi ẩn náu của hắn trên đảo không tốn một viên đạn.

Chính phủ Trung Quốc đã khen thưởng đội bắt giữ Naw Kham. Việc dẫn độ và xét xử hắn tại Côn Minh được phát sóng trên truyền hình nhà nước Trung Quốc nhằm chứng minh một cách thuyết phục với người dân Trung Quốc kẻ giết người trên sông Mekong đã bị xử tội. Thông thường, chính quyền Trung Quốc ngăn cản truyền thông đưa tin quá trình xét xử, thế nên việc truyền hình đưa tin phiên tòa xét xử Naw Kham là chuyện hiếm thấy. Naw Kham bị kết án tử hình. Vụ xử tử hắn bằng cách tiêm thuốc độc được truyền hình trực tiếp vào năm 2013. Ở một nước có số vụ xử tử hàng năm cao nhất, việc truyền hình trực tiếp vụ tử hình này là lần đầu tiên và bị các nhà hoạt động nhân quyền trên toàn thế giới khinh bỉ. Tất cả trừ những khoảnh khắc cuối cùng của Naw Kham đã được chiếu cho khán giả Trung Quốc. Chính đặc vụ bài trừ ma túy Thái Lan bị xét xử vắng mặt và cũng bị kết tội giết người. Tuy vậy, không có mối liên hệ trực tiếp nào giữa các đặc vụ này và Naw Kham. Họ cũng đã biến mất trong hệ thống tư pháp Thái Lan từ đó.

Vụ án đã được khép lại, nhưng nhiều câu hỏi vẫn chưa được trả lời. Phiên tòa chưa nêu được động cơ để Naw Kham tàn nhẫn giết hại 13 thủy thủ Trung Quốc. Naw Kham được biết chưa từng đe dọa các thương nhân địa phương đi thuyền qua Tam Giác Vàng. Thông thường, lực lượng an ninh Myanmar và Lào là mục tiêu quấy rối duy nhất của hắn. Chắc chắn, một người có nhiều thập niên kinh nghiệm lợi dụng và né tránh luật pháp sẽ biết rằng một động thái táo bạo như thế sẽ khiến cơn thịnh nộ của Trung Quốc giáng xuống hắn. Điều này đặc biệt quan trọng đối với Naw Kham vì Trung Quốc ngày càng trở nên quyết đoán hơn trên sân sau của chính hắn. Việc chính quyền Thái Lan xác định Naw Kham là nghi phạm chính có vẻ thuận tiện cho việc không đổ trách nhiệm lên các đặc vụ bài trừ ma túy của Thái Lan và nói chung lên chính phủ Thái Lan. Phần lớn các bằng chứng chống lại Naw Kham là từ lời thú tội của các cộng sự bị bắt của hắn. Rất có

thể những lời thú tội này đã bị ép cung. Hơn nữa, vì Naw Kham không nói tiếng Trung, nên lời khai trước tòa của hắn thường bị dịch sai. Những người thông thạo tiếng Shan của Naw Kham cho biết lời “thú tội” giết người, phát trên truyền hình trước khi phiên tòa bắt đầu, đã bị dịch sai. Họ khẳng định đoạn video ghi chính xác Naw Kham nói hắn chẳng liên quan gì với vụ giết người đó.

Nhà báo Jeff Howe, người đã trình bày chi tiết về các sự kiện nêu trên trong bài viết dài cho tạp chí *Atavist Magazine*, *nêu một giả thuyết khác về người chịu trách nhiệm vụ tàn sát này, và nó liên quan đến sông bạc Kings Romans Casino. Khu giải trí rộng lớn này ở phía bên kia sông hiện trường vụ giết người, phía bắc Chiang Saen^[62]. Howe cho rằng chủ của Kings Romans, một doanh nhân từ miền Bắc Trung Quốc tên là Zhao Wei, đã tham gia vào cuộc chiến giành giật địa bàn với Naw Kham và đã dàn dựng hoàn hảo tội ác đó để loại bỏ vĩnh viễn đối thủ hoặc đã sử dụng ảnh hưởng của hắn để kết tội Naw Kham là nghi phạm chính. Cuộc đấu tranh nhằm kiểm soát buôn bán ma túy ở Tam Giác Vàng được đưa tin nổi bật sáu tháng trước vụ giết người ở sông Mekong. Vào tháng 4 năm 2011, các cộng sự của Naw Kham bắt cóc hơn 20 du khách đi từ Trung Quốc đến Kings Romans bằng thuyền và đòi 830.000 đô-la để thả họ trở về an toàn. Để tránh dư luận xấu, Zhao Wei đã trả khoản tiền chuộc. Các du khách được thả về an toàn. Tháng 9 năm 2011, chỉ vài tuần trước vụ giết người, quân đội Myanmar tấn công nơi ẩn náu của Naw Kham, giết hơn một chục người của hắn. Sau đó, như một đòn trả đũa tức thời, lực lượng an ninh Lào, được cho là thuộc thế lực bảo kê Naw Kham, đã đột kích sông bạc Kings Romans và phát hiện 20 bao tải methamphetamine trị giá 1,6 triệu đô-la. Hai tuần sau, thi thể 13 thủy thủ Trung Quốc dạt vào bờ.

Vào thời điểm xảy ra vụ tàn sát, Zhao Wei và một nhóm các nhà đầu tư không rõ danh tính đã đầu tư hơn 800 triệu đô-la vào Khu kinh tế Tam Giác Vàng rộng 100km². Năm 2007, nhóm đầu tư này giành được quyền kiểm soát hợp đồng thuê khu này 99 năm. Cho đến nay, vụ này giữ kỷ lục về thuê đất lớn nhất ở Lào. Các bản in lòe loẹt quảng cáo khu kinh tế là “khu kết hợp thương mại và du lịch, đầy các khu nghỉ dưỡng sang trọng, spa, sân golf, câu lạc bộ du thuyền, và tham quan bằng trực thăng”. Ngoài ra, các tài liệu quảng cáo cho thấy khu này sẽ có viện điện ảnh, bệnh viện và sân bay quốc tế. Đến nay, điểm thực sự thu hút duy nhất của nó là sông bạc, một tòa nhà bê tông to lớn bên trên là vương miện bằng đèn neon và được các cột kiểu Corinthia hờm hĩnh bao quanh. Vài khách sạn và nhà hàng quanh sông bạc phục vụ khách trọ, hầu hết là người Trung Quốc.

Lần gần đây nhất tôi đến sông bạc Kings Romans là vào năm 2014, sau một ngày dài đi đường bộ trên cao tốc R3 từ Tây Song Bản Nạp. Nhân viên bảo vệ Trung Quốc mặc đồng phục thường thấy ở các khu đô thị của Trung Quốc chạy qua chạy lại bằng xe golf trên mặt bằng kẻ ô của khu kinh tế. Đồng hồ trong khách sạn được đặt theo giờ Trung Quốc, trễ hơn một giờ so với giờ chính thức ở Lào. Sau khi tôi trả tiền phòng bằng nhân dân tệ, nhân viên khách sạn trẻ tuổi đứng sau quầy nói, “Ở đây như ở nhà vậy, nhưng thời tiết tốt hơn”. Cậu ta đến từ tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc. Con đường phía sau sông bạc là các nhà hàng và tiệm massage có các cô gái ăn mặc hở hang mời chào khách của sông bài, phần lớn là nam giới. Một gái mại dâm hét to với nhóm chúng tôi bằng giọng Vân Nam nặng trĩu, “Quay lại massage nhé, người nước ngoài. Chúng tôi có gái Lào và gái Myanmar. Rất nhiều gái từ các nước”. Rõ ràng, cô quên rằng cô cũng đang ở một nước khác. Hướng dẫn viên người Thái đi theo chúng tôi từ Chiang Saen bên kia sông dẫn chúng tôi vào sông bạc.

Cờ bạc và mại dâm là bất hợp pháp ở cả Trung Quốc và Lào, nhưng hợp đồng cho thuê Khu kinh tế Tam Giác Vàng cho phép chủ nó cai quản khu vực này theo luật riêng của họ. Ngoài việc là thiên đường cho buôn bán ma túy và tình dục, khu này còn là chợ trời mua bán động vật hoang dã bất hợp pháp. Hầu hết nhà hàng bán rượu chiết ra từ các hũ ngâm xương hổ được buôn lậu bất hợp pháp vào khu này hay từ hồ nuôi và giết mổ ở đây. Đó là thức uống ưa thích của du khách và các con bạc Trung Quốc, những người theo quan niệm phi khoa học của y học Trung Quốc cho rằng các sản phẩm từ hổ làm tăng lưu thông máu và sinh lực. Trước một số nhà hàng có những cái lồng nhốt trăn sống, gấu con và tê tê sẵn sàng bị giết thịt để phục vụ khách. Tê tê là một loài thú nhỏ có vảy, ăn kiến, và là một trong những loài bị buôn bán nhiều nhất ở châu Á. Người Trung Quốc và Đông Nam Á tin rằng vảy tê tê làm thuốc rất tốt.

Một báo cáo năm 2015 của Cơ quan Điều tra Môi trường vạch trần mức độ buôn bán động vật hoang dã ở Khu kinh tế Tam Giác Vàng. Cuộc điều tra bí mật đã phát hiện các sản phẩm làm từ ngà voi bất hợp pháp, chim mỏ sừng có nguy cơ tuyệt chủng, và da hổ để bán có khắp khu này. Một vườn thú đằng sau sông bạc nhốt 26 con hổ sống và 38 con gấu châu Á. Quản lý vườn thú, một người Trung Quốc, tự nhận là một đồ tể kinh nghiệm đã làm cho các nhà điều tra ấn tượng rằng không có cấm đoán nào trong việc nhốt, nuôi, hay buôn bán động vật hoang dã ở Lào^[63]. Vài tuần sau khi báo cáo đó được công bố, lực lượng an ninh Lào đột kích nơi này tịch thu hàng đóng da hổ, chân gấu đông lạnh và ngà voi. Các nhà hàng trong khu chỉ bị đóng cửa tạm thời.

Báo cáo đó cũng nêu chi tiết cách thức động vật hoang dã bất hợp pháp được xuất nhập Trung Quốc dựa vào mối quan hệ của Zhao Wei với lãnh chúa khét tiếng Lin Mingxian, cũng gốc Trung Quốc và kiểm soát Quân đội

Nhà nước Đông Shan ngay bên kia biên giới đối diện Tây Song Bản Nạp tại thành phố nhỏ Mongla, Myanmar. Năm 2003, chính phủ Trung Quốc đã đóng cửa các sông bạc Mongla, lấy lý do đe dọa an ninh biên giới. Zhao Wei điều hành sông bạc nổi tiếng nhất Mongla, và sau khi bị đóng cửa hẳn đến Tam Giác Vàng tìm cơ hội mới. Báo cáo này cũng khẳng định các tàu chở hàng của Trung Quốc từ lâu đã chở hàng cho Zhao Wei và Lin Mingxian thường xuyên vận chuyển hàng lậu xuôi ngược trên sông. Sau khi Naw Kham bị bắt, Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Myanmar đã thực hiện các cuộc tuần tra chung trên sông nhằm cải thiện việc thực thi pháp luật và trấn áp hoạt động bất hợp pháp. Nếu các khẳng định của Cơ quan Điều tra Môi trường là đúng và các tàu hàng của Trung Quốc thông đồng với các hoạt động bất hợp pháp của Kings Romans thì các cuộc tuần tra chính thức này cũng chỉ để bảo vệ và tạo điều kiện cho việc buôn lậu ma túy, động vật hoang dã, và có thể cả buôn người.

Một ngày sau khi đến sông bạc Kings Romans, tôi từ Lào vượt sông Mekong sang Thái Lan để gặp Varin Sutavong, phó thị trưởng của Chiang Saen, phụ trách du lịch và phát triển kinh tế. Varin chừng hơn sáu mươi, tóc nâu sẫm, bóng mượt chải ngược ra sau, và trong những lần gặp tôi ông luôn mặc một chiếc áo sơ mi để ngoài quần thường thấy ở các quan chức chính quyền tại miền Bắc Thái Lan. Bên dưới phế tích ngôi chùa Phật giáo thế kỷ 11 được làm bằng đá vôi chạm khắc và đá ong tím, ông kể cho tôi một cơ hội kinh doanh. “Zhao Wei muốn xây một cây cầu từ Chiang Saen đến Kings Romans”, Varin nói. “Ông ta sẽ chi trả toàn bộ. Chính phủ Thái Lan không cần phải làm gì cả. Nhưng tôi không chắc cây cầu qua sông Mekong có tốt cho Chiang Saen không.”

Vương quốc Lanna ở miền Bắc Thái Lan khởi đầu ở Chiang Saen vào thế kỷ thứ 9 rồi dời đô đến Chiang Mai 400 năm sau khi các cuộc xâm lược

của quân Mông Cổ gây bất ổn vùng này. Văn hóa Lanna thể hiện qua sự sùng kính đạo Phật, các phong cách kiến trúc độc đáo, thức ăn cay, và nhiều thứ khác. Đó có lẽ là những yếu tố đã khiến Chiang Mai trở thành một trong những điểm du lịch hàng đầu ở Đông Nam Á và là nơi người hưu trí châu Á và châu Âu chọn để ở. Chiang Saen, có dân số 5.000 người, được bao quanh bởi một tường gạch thấp xây dựng cách đây hơn 1.000 năm. Ở đó có di tích của hơn 60 ngôi đền cho thấy các lớp ảnh hưởng của các nền văn hóa Miến Điện, Lào, Ấn Độ, và Trung Quốc xung quanh. Phố cổ của Chiang Saen cũng có thể là một điểm du lịch hàng đầu, nếu không có quá nhiều thành phố khác ở Thái Lan cũng đầy di tích đền chùa và lịch sử phức tạp, nhiều tầng nhiều lớp.

“Sòng bạc Kings Romans là ‘Thành phố Tội lỗi’. Chiang Saen là ‘Thành phố Thánh thiện’”, phó thị trưởng Varin nói khi chỉ tay qua sông. “Chiang Saen là nơi các con bạc có thể đến và cầu xin Đức Phật sau khi họ thua trắng tay. Hay họ có thể đến các đền chùa của chúng tôi trước để cầu may trước khi vượt sông sang Lào. Cây cầu này như loại cầu nối giữa thiên đường ở đây và địa ngục bên kia. Nhưng ai biết được, có thể du khách sẽ không nghỉ lại Chiang Saen”. Trong thập niên qua, hơn 30 nhà nghỉ đã khai trương trong thị trấn, nhưng hầu hết du khách đến thăm Tam Giác Vàng đều đi về trong ngày. Các nhà nghỉ chỉ đông khách vào các ngày lễ lớn của Thái Lan. Lin Sumpatnua, chủ nhà nghỉ Golden Nakara cho tôi biết nhiều du khách Trung Quốc đang đặt phòng ở Chiang Saen. “Họ lái xe từ Côn Minh theo đường cao tốc xuống và ở lại vài ngày. Chúng tôi rất vui đón thêm nhiều du khách Trung Quốc vì điều đó tốt cho việc kinh doanh. Hiện nay, một phần ba khách hàng của tôi là người Trung Quốc”, cô nói. Phó thị trưởng Warin, người dịch giúp tôi cuộc phỏng vấn Lin, xen vào, “Người Trung Quốc thích spa! Có lẽ Chiang Saen sẽ là Thành phố Thánh thiện và Thành phố Spa! Nhưng chính phủ Thái Lan sẽ không chấp thuận cây cầu

qua Kings Romans vì đó chỉ là một cách khác để Trung Quốc chế ngự Thái Lan.” Vào thời điểm xuất bản sách này, cây cầu của Zhao Wei qua Chiang Saen vẫn là một giấc mơ viễn vông, nhưng tàu thuyền hải quân Trung Quốc tiếp tục tuần tra Tam Giác Vàng.

Thị trấn lớn khác trong vùng Tam Giác Vàng ở bờ sông phía Thái Lan là Chiang Khong, gần gấp đôi Chiang Saen, cách 60km phía hạ nguồn. Trong nhiều thế kỷ, Chiang Khong phát triển như một tiền đồn thương mại vùng biên với nước Lào láng giềng. Vì sự hẻo lánh của nó, trước đây ít người đến thị trấn này, vì thế các mối quan hệ cộng đồng chặt chẽ hơn nhiều so với ở Chiang Saen. Năm 2008, đường cao tốc R3 hoàn thành chấm dứt việc phải băng sông qua về giữa Chiang Khong và thị trấn Huayxai của Lào, và có nhiều xe cộ đến Chiang Khong hơn. Sau đó vào tháng 12 năm 2013, một cây cầu do Trung Quốc xây bắc qua sông Mekong khánh thành, kết nối đường R3 với mạng lưới đường sá Thái Lan. Cầu này khánh thành chỉ vài tháng sau khi Tập Cận Bình công bố Sáng kiến Vành đai và Con đường, một loạt dự án phát triển hạ tầng đầy tham vọng triển khai ở nước ngoài và được các ngân hàng phát triển Trung Quốc hỗ trợ mạnh mẽ. Sáng kiến này, thường được các nhà phê bình phương Tây mô tả là Kế hoạch Marshall của Trung Quốc, sẽ kết nối các thị trường Trung Quốc với Đông Nam Á, Trung Á, châu Phi và châu Âu, đồng thời thúc đẩy một loạt thay đổi trong chính sách kinh tế đối ngoại ít tham vọng hơn của Trung Quốc trước đây.

Tuy nhiên, không như Kế hoạch Marshall, Sáng kiến Vành đai và Con đường hỗ trợ các dự án ở nước ngoài bằng cách cho một loạt các dự án phát triển hạ tầng vay, nhiều dự án bị các tổ chức cho vay khác đánh giá là rủi ro. Khi các nước không thể trả nợ, Trung Quốc có quyền tiếp cận các tài sản

một cách miễn phí hay trả phí thấp ở nước ngoài. Đó là trường hợp ở Sri Lanka vào cuối năm 2017 khi chính phủ nước này không thể trả khoản vay xây cảng Hambantota, một dự án thuộc Vành đai và Con đường, Trung Quốc đã ký hợp đồng thuê 99 năm cảng này. Các nhà phân tích Đông Nam Á lo ngại các dự án vay của Trung Quốc sẽ gây khó khăn cho các nước yếu hơn như Lào và Campuchia đang vay nợ Trung Quốc ngày càng nhiều.

Để xem cây cầu đó ảnh hưởng thế nào đến Chiang Khong, tôi gặp Jib, người bạn cũ sở hữu và quản lý quán Bamboo Mexican House nằm trên phố chính của thị trấn. Jib là một trong những người có tính cách sôi nổi ở Chiang Khong. Gần bảy mươi, Jib ăn mặc như thành viên của nhóm nhạc thập niên 1970 Grateful Dead. Ông luôn đội chiếc mũ len, đeo quanh cổ chuỗi hạt thủy tinh xâu bằng sợi dây gai sồn cũ. Ở Thái Lan, hầu hết mọi người thường treo một hay nhiều bức ảnh của cố Quốc vương Thái Lan Bhumibol Adulyadej trong nhà hay văn phòng của họ, nhưng bức ảnh duy nhất về hoàng gia Thái trong nhà hàng của Jib là bức ảnh đen trắng cũ khi vua và hoàng hậu Thái gặp vua Rock 'n' Roll Elvis Presley vào năm 1960.

Jib cảm thấy cây cầu mới ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế du lịch của tỉnh Chiang Khong. “Các nhà nghỉ và nhà hàng ở Chiang Khong thường kín khách trong mùa cao điểm từ tháng 10 đến tháng 2. Giờ chúng chỉ có khách trong vài tuần.” Khi Lào mở cửa cho du khách nước ngoài vào những năm 1980, những du khách ba lô trong chuyến du lịch Đông Dương (phần lớn là người Pháp) đến Chiang Khong đón phà đi Luông Pha Bông, cách 200km về phía hạ nguồn. Nhiều du khách dự kiến sẽ nhanh chóng quá cảnh từ Thái Lan sang Lào, nhưng sau đó họ được biết có thể mất tới một tuần để xin thị thực. Chẳng biết làm gì, các du khách ba lô nghỉ ngơi trong căn nhà gỗ ven sông, trò chuyện với dân địa phương, và tổ chức tiệc tùng. “Họ chỉ đi bộ hay xe máy vào thị trấn và ở lại một tuần. Đó là cơ hội tuyệt

vời cho những người nhanh nhạy nhất. Một người nước ngoài dạy tôi cách làm đồ ăn Mexico. Tôi đã tìm ra cơ hội cho mình. Đây là nơi duy nhất anh có thể kiếm được chiếc bánh burrito trong Tam Giác Vàng”, Jib nói. Nhưng giờ, khi đã có cây cầu và dịch vụ cấp nhanh thị thực Lào tại cửa khẩu cho mọi người, du khách không còn nghỉ qua đêm ở Chiang Khong mà đi thẳng qua sông đến Huay Xai. Jib nhận xét Huay Xai đang bắt đầu phát triển kinh tế, “Khách sạn của họ đang dần tốt lên. Những người ở đó bắt đầu ăn mặc như người Thái. Họ chơi golf và lái Toyota. Âm nhạc của họ cũng đang khác đi. Bên kia sông, người ta từng thổi những giai điệu hết sức mê hoặc, nhưng giờ chỉ nghe thấy nhạc pop sến sẩm.”

Jib, từ Bangkok chuyển đến vào những năm 1980, luôn là một người hâm mộ nhạc rock 'n' roll. Trong những năm qua, những du khách tính tình thất thường cũng đã giới thiệu cho Jib nhạc blues, rock và reggae. Lần đầu tiên, tôi để ý đến quán Bamboo Mexican House khi thấy Jib ôm guitar ngâm nga bản “Redemption Song” của Bob Marley. Và trong chuyến đi năm 2014, sau khi chuyện vãn một hồi về cây cầu, Jib ném cho tôi cây guitar và nói, “Chơi vài bài Wilson Pickett đi!”. Sau vài đoạn của bài “Mustang Sally”, chúng tôi chuyển sang các bài hát của ban nhạc Allman Brothers, thu hút vài du khách du lịch bên đường lắng nghe. “Anh biết không, chính mối quan hệ với du khách nước ngoài đã cho tôi thấy sức mạnh của âm nhạc. Họ cho tôi biết nhạc blues và bây giờ khi công việc kinh doanh quá tệ, thị trấn này trao tặng nhạc blues cho tôi.” Ông nói với tôi điều đó khi tay vẫn bập bùng những hợp âm bản “Our House” của Crosby, Stills, Nash và Young.

Dân địa phương thuộc các cộng đồng tại Tam Giác Vàng ở bờ sông bên Thái Lan bắt đầu cảm nhận tác động sự trỗi dậy của Trung Quốc từ các con đập ở thượng nguồn đã lâu trước khi đường cao tốc, tàu hàng và những cây cầu Trung Quốc xâm lấn vùng này. Như hầu hết các cộng đồng ven sông trong lưu vực Mekong, chợ làng đầy những mẻ cá tươi. Ở thị trấn Chiang Khong vùng Tam Giác Vàng cũng thế, nhưng việc đánh bắt có quy mô nhỏ hơn so với trước. Niwat Roikaew, được môn đồ gọi là Khru Tee - đã được nói đến trong phần giới thiệu của sách này, điều hành tổ chức phi chính phủ địa phương *Rak Chiang Khong*. Tên này có nghĩa là “Yêu Chiang Khong”. Ông cho rằng lượng cá đánh bắt giảm sút là do các con đập thượng nguồn của Trung Quốc. “Khi đập đầu tiên của Trung Quốc tại Mạn Loan bắt đầu tích nước vào năm 1993, mực nước lập tức hạ xuống ở Chiang Khong này, cách xa 600km”, ông nói. Trong 15 năm qua, ông đã quan sát mức sông thay đổi thế nào hằng ngày. “Vào năm 2011, Tiểu Loan, con đập khổng lồ, bắt đầu tích nước. Tôi chưa bao giờ thấy dòng sông xuống thấp như vậy. Anh có thể đi bộ qua sông trong mùa khô. Thay đổi từng ngày khiến cá bắt ỏn. Chúng không sinh sản ở đây nữa hay là chúng đã bỏ đi rồi.”

Nhu cầu điện sản xuất từ các đập nằm ở Thượng Mekong trên đất Trung Quốc lớn nhất vào những tháng hè khi điều hòa không khí ở các tỉnh ven biển Trung Quốc sử dụng nhiều. Do đó, các công ty vận hành đập thường không sản xuất điện trong mùa đông và mùa xuân. Nước bình thường chảy qua các tua-bin hay đập tràn của con đập sẽ được lưu trữ trong các hồ chứa của đập. Nhưng ở lưu vực sông Mekong, những tháng mùa đông và mùa xuân là những tháng khô nhất. Do nước được trữ để dùng về sau tại các đập của Trung Quốc, mực nước sông Mekong xuống thấp một cách bất thường ở hạ nguồn trong 6 tháng mùa khô. Điều này thường khiến đội tàu chở hàng của Trung Quốc mắc cạn tại bến cảng ở Chiang Saen. Nếu một lô hàng lớn đến, thủ lĩnh đội tàu chở hàng có thể yêu cầu mở nước tạm thời ở đập Cảnh

Hồng. Nếu có sự kiện thời tiết mùa khô đột ngột như bão tuyết bất ngờ hay mưa lớn cuối mùa xảy ra ở Vân Nam, đơn vị vận hành đập buộc phải xả bớt nước ở các hồ chứa. Những nhân tố này làm cho năm năm vừa qua thủy văn, các biểu đồ theo dõi thay đổi từng ngày lưu lượng và mực nước sông, trông giống như một biểu đồ chứng khoán thất thường.

Các cộng đồng sống dọc sông Mekong và các sông nhánh của nó luôn trồng các loại hoa màu mùa khô dọc theo bờ sông, tận dụng các chất dinh dưỡng bồi đắp tự nhiên trong mùa mưa. Việc này thường được gọi là trồng trọt sau lũ. Vào tháng 12 năm 2013, sau khi cơn bão tuyết hiếm hoi tấn công tỉnh Vân Nam, mực nước sông ở Chiang Saen đã tăng 3 mét trong vòng 24 tiếng. Các trận lụt bất ngờ này ảnh hưởng đến 8 tỉnh ven sông Mekong của Thái Lan^[64]. Hầu hết các cánh đồng ven sông bị phá hủy vì nước sông dâng lên đột ngột. Chuồng trại dọc theo bờ sông cũng bị cuốn trôi. Thiệt hại chỉ riêng ở Thái Lan đã hàng chục triệu đô-la. Các cơ quan vận hành đập Trung Quốc hiện nay đã bắt đầu chia sẻ thông tin xả nước ở các đập thượng nguồn của họ với chính phủ Thái Lan tại Bangkok, nhưng không có cơ chế nào để chuyển thông tin đó đến các cộng đồng ven sông vốn cần thông tin này kịp thời.

“Trước đây, khi chưa xây dựng con đập này, chúng tôi ăn ngon, sống khỏe và ngủ yên. Chúng tôi mỗi ngày chỉ phải đánh cá một hay hai giờ là đủ để ăn và bán ở chợ”, Polorng Taungsook, trưởng làng Huaileuk, nói trong cuộc họp các trưởng làng tại Trường Mekong của Khru Tee. Trước đây, phần lớn các gia đình trong làng ông đều đánh cá trên sông kiếm sống, và giờ họ đang di cư vào thành phố vì làng không có việc gì làm. Với biến động mực nước sông như thế, loại cỏ sông tên là *klainam* cũng không còn sẵn nữa. *Klainam* là nguồn thức ăn cần thiết cho cá. Bộ rễ lộ ra của nó là nơi trú ẩn và hỗ trợ cá sinh sản. Vào mùa khô, dân địa phương cũng cắt loại

cỏ này phơi khô thành tấm và chiên để ăn với nước chấm cay, nhưng điều đó cũng không còn trong những năm gần đây.

“Dòng sông không còn là sông nữa mà là một loạt hồ chứa”, Khru Tee nói trong cuộc họp ở Trường Mekong. “Chúng ta cần tạo ra các mạng lưới cộng đồng mạnh để ngăn việc xây dựng các con đập trên sông Mekong. Sông Mekong không phải để bán”. Năm 2014, tòa án tối cao của Thái Lan đã đồng ý xem xét bản kiến nghị của nhóm *Rak Chiang Khong* của Khru Tee và một số cộng đồng ven sông khác. Bản kiến nghị nêu chi tiết các tác động của đập Xayaburi của Lào đang được xây cách Chiang Khong 300km phía hạ nguồn. Nó khẳng định rằng doanh nghiệp xây dựng đập, công ty xây dựng Thái Lan CH. Karnchang, đã không tham khảo ý kiến các cộng đồng địa phương trước khi khởi công. Công ty không cung cấp thông tin đầy đủ về tác động của con đập và cũng không đánh giá con đập đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến các cộng đồng ở bên ngoài Lào tại Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Phiên điều trần là một bước đột phá đối với hoạt động xã hội dân sự ở Thái Lan, nhưng nó được lên kế hoạch trước khi tướng Prayuth Chan-Ocha lật đổ Thủ tướng Thái Lan Yingluck Shinawatra trong cuộc đảo chính tháng 5 năm 2014. Một phán quyết tích cực có thể ngăn cản hay tạm dừng việc xây dựng đập của CH. Karnchang, nhưng vào ngày 15 tháng 12 năm 2015, tòa án Thái Lan ra phán quyết công ty xây dựng đập Xayaburi đã tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp. Chính phủ quân sự mới của Thái Lan không muốn làm trở ngại khoản đầu tư hàng tỷ đô-la của Thái Lan vào Lào, nhất là khi khoản đầu tư đó đã thực hiện được 50% tại thời điểm bản kiến nghị được chấp nhận.

Đoạn sông Mekong này từng nổi tiếng với việc đánh bắt theo mùa loài cá trê Mekong khổng lồ. Năm 2005, một nhóm ngư dân Thái Lan đã bắt được con cá trê Mekong khổng lồ nặng 293kg và dài 2,7m^[65]. Cho đến nay

đó là con cá nước ngọt lớn nhất đánh bắt được kể từ khi các kỷ lục đánh cá bắt đầu được ghi nhận. Cá trê Mekong khổng lồ là loài nước ngọt lớn nhất thế giới và được tìm thấy ở hầu hết các nơi sông Mekong chảy đến từ vùng đồng bằng ở Việt Nam đến tỉnh Vân Nam. Người ta biết rất ít về tập quán của cá trê Mekong khổng lồ, nhưng loài này được cho là chủ yếu ở các vực sâu giữa sông Mekong và sinh sản hằng năm quanh các bãi lộ thiên ở thượng nguồn ngay trên Chiang Khong. Kể từ năm 2000, quần thể cá trê Mekong khổng lồ được cho là đã giảm 80% và hiện được xem là một loài cực kỳ nguy cấp. Vào năm 2008, một lệnh cấm đánh bắt cá trê Mekong khổng lồ đã có hiệu lực, và kể từ đó chỉ vài con bị đánh bắt. Các nhà khoa học bảo tồn cá khẳng định chỉ còn lại vài trăm con cá sông khổng lồ này trong tự nhiên.

Để bảo vệ nguồn cá của cộng đồng, người dân Chiang Khong bắt đầu tự mình đảm đương công việc bảo tồn. Hoạt động của họ là một phần của truyền thống tự lực lâu đời ở Tam Giác Vàng và phản ánh thực tế các cộng đồng đã tồn tại và phát triển ở đây trong hàng trăm năm bên ngoài tầm với của nhà nước Thái Lan. Rõ ràng việc đánh bắt quá mức cộng với tác động của các con đập ở thượng nguồn đã đe dọa nguồn cá. Dân số Chiang Khong và các cộng đồng xung quanh đã tăng nhiều trong hai mươi năm qua. Ngoài ra, đường sá tốt hơn nối Chiang Khong với thủ phủ tỉnh Chiang Rai khiến cá sông Mekong hiện nay có thể được bán tại các chợ nội địa. Những áp lực đó dẫn đến việc đánh bắt quá mức. Khru Tee và mạng lưới cộng đồng của ông đã đưa ra các giải pháp của địa phương để bảo vệ nghề cá bằng cách lập các khu bảo tồn cá ở những khu vực được cho là nơi sinh sản của cá. Họ cũng xây ao nuôi các loài cá bản địa để thả ra sông và bán ra thị trường.

Các làng trong mạng lưới cộng đồng đồng ý đặt giới hạn về độ lớn của cá được phép đánh bắt, xác định loại cá nào bị cấm đánh bắt, và thời điểm

bắt đầu và kết thúc mùa đánh bắt cá. Họ cũng thực thi các quy định cấm các hình thức đánh bắt bất hợp pháp như dùng điện hay chất nổ giết cá, các hình thức đánh bắt này rủi thay lại đang phổ biến trên toàn bộ lưu vực sông Mekong. Những người vi phạm phải đối mặt với một loạt hình phạt từ phạt tiền đến việc thông báo cho chính quyền địa phương. Ngoài ra, các trưởng làng thường xuyên gặp gỡ để chia sẻ các phương pháp tốt nhất về bảo tồn cá và thảo luận các thành quả. Mọi việc được thực hiện mà chẳng có hướng dẫn nào từ chính quyền địa phương. Để thành công, Khru Tee cũng phải gửi thông điệp của mình qua sông đến các cộng đồng lân cận ở Lào. “Nếu người Lào sang và đánh bắt cá của chúng tôi, thì bảo tồn chẳng có tác dụng gì”, Khru Tee nói. Ông khẳng định dân làng rớt cuộc đã thấy việc bảo tồn cá, khi được thực hiện đúng đắn, sẽ mang lại rất nhiều cá. “Phải mất nhiều thời gian vì đầu tiên họ nghĩ chúng tôi đang bảo vệ cá và hạn chế họ đánh bắt. Bây giờ việc đánh bắt cá đang ngày càng tốt hơn và sinh kế của dân làng cũng thế.”

Khru Tee và đồng nghiệp của ông tin rằng việc thực hiện các tập quán truyền thống vốn giúp các cộng đồng địa phương thích nghi hay thậm chí đẩy lùi các thế lực hiện đại và toàn cầu hóa là rất cần thiết để giữ cho các cộng đồng nguyên vẹn và bảo vệ hệ sinh thái của sông Mekong. Nhưng cách tiếp cận đó bị xem là cổ hủ và không được tôn trọng rộng rãi ở Thái Lan. Các tập quán truyền thống thường không được ưu tiên và bị các phương pháp nông nghiệp hiện đại du nhập từ phương Tây lấn át. Tuy nhiên, giáo sư Apisom Intralawan, nhà sinh thái học được đào tạo tại Hoa Kỳ, giảng dạy tại Đại học Mae Fah Luang ở Chiang Rai muốn thay đổi định kiến này bằng cách khuyến khích các cộng đồng địa phương trở thành nền tảng cho nghiên cứu. “Dân làng cần phải thực hiện nghiên cứu, chứ không phải các học giả từ xa đến. Mục tiêu là kết hợp kiến thức truyền thống để dân làng có thể tự quản”, ông nói. “Trước đây, giới trí thức và quan chức

chính quyền cho rằng dân làng không có kiến thức để tự quản. Họ tuyên bố dân làng không có kiến thức vì kiến thức là khoa học, và khoa học đến từ phương Tây, chứ không phải từ vùng cao Thái Lan. Nhưng đôi khi ứng dụng khoa học đó không phù hợp với điều kiện của cư dân, và bị phản ứng dữ dội.”

Để hiểu rõ hơn sự kết hợp kiến thức truyền thống với công tác bảo tồn, Khru Tee đưa tôi đến làng Muang Chum nằm trên sông Toánh (Ying), một nhánh sông Mekong ở Tam Giác Vàng. Chúng tôi nhảy lên thùng chiếc xe bán tải Toyota của Panya Prombao, trưởng làng có trình độ đại học của Muang Chum. Panya chừng năm mươi lăm tuổi, kính gọng đen dày và đôi mắt hiệu kỳ đằng sau kính khiến ông giống một giáo sư đại học cẩn trọng. Tuy nhiên, đôi bàn tay chai mòn tiết lộ đời sống làm nông của ông. Trong thập niên qua, ông đã lôi kéo thành công 515 dân làng Muang Chum tham gia các dự án bảo tồn rừng và vùng đầm lầy do cộng đồng tổ chức, tất cả đều nhận được rất ít hỗ trợ của chính quyền địa phương. Khi chúng tôi đến một khu rừng đầm lầy đầy cây được buộc dải băng màu cam cạnh các đồng lúa của làng, tôi đề nghị anh nói về điều đã làm cho việc bảo tồn ở Muang Chum thành công như thế. “Anh đang thấy đấy. Những cây trong khu rừng này được các nhà sư Phật giáo ở đây ban phước lành và những già làng ở Muang Chum tôn kính những cây này. Việc chặt những cây này là điều cấm kỵ.”

Con gái của Panya, đang học đại học ở Bangkok, trải tấm vải dã ngoại, chúng tôi ngồi xuống dùng bữa giữa buổi có bì lợn, xúc xích và rượu tự nấu. Một dân làng lớn tuổi đi cùng chúng tôi lấy dao chặt khúc tre thành vài cái chén và năm đôi đũa. Panya rót cho tôi một ly đầy, và vì đó là ngày 2 tháng 1 năm 2015, nên anh đề nghị chạm ly mừng Năm Mới và chúc sức khỏe tất cả chúng tôi. “Nhiều giáo sư từ Thái Lan và khắp thế giới đến khu

rừng này để tìm hiểu về bảo tồn cộng đồng”, anh nói. Anh và Khru Tee bắt đầu dạy tôi về sự kết hợp không gian cộng đồng, nghi lễ và những già làng. Họ chỉ vào những công trình được xây ở khu rừng đầm lầy: một ngôi chùa Phật giáo, hai nhà lớn có bàn để họp làng, và ở góc xa của khu rừng, một bể bê tông cao sử dụng để hỏa táng thi thể của những dân làng mới mất.

“Không gian này dành cho cộng đồng. Sau khi làm đồng, mọi người đến đây nghỉ ngơi và ăn uống - họ thích đùa giỡn và bàn tán về những tin đồn mới xảy ra”, Khru Tee nói. “Họ không cần mang theo gì nhiều vì rừng đầm lầy giống như một siêu thị có đầy các loại thảo mộc hoang dã, măng ngon, và nhiều thứ khác để ăn”, ông tự hào nói. Khi ông nói xong, người đàn ông lớn tuổi lại từ rừng đi ra với một bắp chuối lớn, màu đỏ. Ông nhanh chóng cắt nó thành món rau trộn ngon lành với nước mắm và đường mang theo trong xe tải. Khru Tee bắt đầu chỉ trích siêu thị Tesco Lotus vừa được khai trương ở Chiang Khong. “Cá tại Tesco Lotus được cắt thành lát và đông lạnh từ các vùng khác của Thái Lan. Một số người tiêu dùng địa phương rất hào hứng với hàng hóa từ khắp nơi trên thế giới đến. Nhưng chúng tôi luôn có mọi thứ chúng tôi cần ở Chiang Khong. Nếu Tesco Lotus là một siêu thị, thì rừng, sông và đầm lầy là siêu thị của chúng tôi!”

Chúng tôi quay lại chiếc xe bán tải và Panya chở chúng tôi đến những không gian cộng đồng khác quanh làng. Chúng tôi đến một lều lớn trông trái là nơi đặt các bếp nướng cá và gà mà Panya cho biết cũng là trung tâm huấn luyện và họp mặt của cộng đồng. Ở lều này, trong một chuyến đi Muang Chum trước đây với các sinh viên Mỹ, tôi đã tham gia vào buổi lễ *baci* có các già làng ban phước lên những sợi chỉ trắng và buộc chúng quanh cổ tay của những người mới đến để chào mừng họ đến làng. Nghi lễ này thể hiện sự kết nối giữa những người mới đến, dân làng, tâm linh và

thiên nhiên. Nghi lễ này được thấy khắp miền Bắc Thái Lan và Lào, tương tự như nghi lễ buộc chỉ đen của người Akha.

Panya còn đưa chúng tôi lên phía trên làng đến những lùm cây rợp bóng mát bên hồ nước nhân tạo của làng cấp nước cho các ruộng lúa ở Muang Chum và chảy qua làng vào đầm lầy rậm rạp phía dưới. “Chúng tôi phải giữ những cây này vì các đôi trẻ ở làng chúng tôi thích đến đây để tâm tình. Không có những cái cây này, dân số của chúng tôi sẽ giảm ngay”, Panya vừa nói vừa cười. Chúng tôi kết thúc ngày hôm đó trên những tảng đá lớn bằng phẳng bên dưới một thác nước phía trên hồ chứa. “Những không gian này không là tài sản của riêng ai. Chúng tôi lấy tài nguyên từ chúng, nhưng vì các không gian thuộc về cộng đồng, những tài nguyên đó vẫn dồi dào. Chúng tôi thường xuyên tổ chức các nghi lễ ở đây, và phải có các già làng nói về tầm quan trọng của nghi lễ. Điều đó khiến mọi người trở lại và hệ sinh thái của chúng tôi nguyên vẹn.”

Sau khi thăm Muang Chum, tôi theo giáo sư Apisom tìm hiểu tại sao việc duy trì không gian cộng đồng là cách tốt nhất để bảo tồn văn hóa và sinh thái. Quan trọng nhất tôi hỏi lý do tại sao “bi kịch của chung”, theo cách nghĩ thường gặp là không gian chung và việc xác định tài sản tư không rõ ràng dẫn đến việc khai thác quá mức tài nguyên và bất hòa xã hội, đã không xảy ra ở Muang Chum. Ông trả lời, “Vì không thể tùy tiện xâm nhập không gian cộng đồng”. Đề cập đến việc cắm ky không được chặt cây, ông nói, “Có những ranh giới theo phong tục và luật lệ xã hội do dân địa phương và lãnh đạo của họ đặt ra. Những luật lệ này không nhất thiết được viết ra. Trong các cộng đồng Tam Giác Vàng này, kết nối giữa cá nhân với thiên nhiên, giữa người sản xuất với người tiêu dùng, rất rõ ràng. Các cá nhân hiểu rằng hành động của họ có thể tác động lên một hệ sinh thái lớn hơn.” Để làm rõ, giáo sư Apisom kể cho tôi lúc ông hỏi cháu gái ông sống ở

Bangkok gạo từ đâu đến. “Nó trả lời ngay, ‘Dễ quá. Siêu thị Tesco Lotus!’”, ông kể. Ông bảo cháu mình rằng cô bé đúng nhưng chỉ đúng một nửa.

Các cộng đồng Tam Giác Vàng khác đã tìm ra cách tiếp cận khác để thích nghi với các điều kiện luôn thay đổi. Tại làng Takongthong, cách Chiang Khong 50km về phía thượng nguồn, Promma Setthasak phát triển một dự án du lịch dựa vào cộng đồng với sự tham gia của phần lớn trong 300 cư dân của làng. Ngoài việc điều hành dự án du lịch này, doanh nhân Promma còn làm nhiều việc khác. Ông là công an của làng, và từ 6 giờ sáng mỗi ngày, ông thông báo tất cả tin tức của vùng Tam Giác Vàng và khắp thế giới qua đài phát thanh FM do ông sở hữu và điều hành. Promma chừng năm mươi lăm tuổi và giống Panya Prombao, ông hưởng ứng nhu cầu bảo vệ nền kinh tế cộng đồng và sinh thái địa phương khi nhìn thấy những tác động tiêu cực của việc quản lý cây hoa màu và giới trẻ lũ lượt rời bỏ làng Takongthong. Cũng như Panya Prombao, kế hoạch hành động của Promma đã tạo ra và duy trì các không gian xã hội chung giữ các cá nhân trong cộng đồng gắn kết với nhau. Sự khác biệt trong cách làm là các hoạt động của Promma có thu lợi.

Một trong những không gian xã hội chung này là trên đồng lúa. Tháng 7 năm 2014, tôi có cơ hội lợi bì bõm trong bùn để cấy lúa với một nhóm sinh viên Mỹ. Sau một khóa học cấp tốc về “Làm thế nào để không phá hoại ruộng đồng của chúng ta” được một phụ nữ địa phương thích giao du chừng hơn sáu mươi tuổi hướng dẫn, chúng tôi mang vợ chồng thắm dài đến đầu gối, đội mũ rơm rộng vành và bắt đầu cẩn thận cấy mạ thành hàng tằm tấp. Một bộ loa xách tay bắt đầu phát nhạc truyền thống với tiếng guitar bập bùng. Đứng trên chỗ đất khô, người hướng dẫn cho chúng tôi cấy lúa bắt đầu ngâm nga hát và vung vẩy tay theo điệu nhạc. Khi bà hát xong một đoạn, chúng tôi thấy đám trai làng đang cấy cùng nhóm hát đáp lại. Đôi lúc,

bài hát nghe như cuộc đua tài giữa cánh đàn ông và người phụ nữ. Giáo sư Apisom, người đã giới thiệu nhóm của chúng tôi với làng Takongthong, nói trò hát đối đáp này đầy chuyện đùa tục tũ đàn ông và phụ nữ thường chọc quê kích cở bộ phận sinh dục của nhau. “Điều đó làm cho công việc tẻ nhạt trở nên thú vị và giúp dân làng thân nhau hơn”, giáo sư Apisom nhận xét.

Các bài hát đối đáp, tục và không tục, là một phần của tập tục cấy lúa xưa đến cả thế kỷ ở miền Bắc Thái Lan và Lào. Tôi lần đầu biết đến tập tục này tại một hội thảo nghiên cứu về Thái Lan ở Đại học Wisconsin-Madison khi một nghiên cứu sinh trẻ cho rằng tập tục hát đối đáp này đã bị xóa bỏ do chủ đất bắt đầu ký hợp đồng cấy lúa với lao động di cư. Dân làng không còn gặp nhau trên đồng. Cô cho biết trường hợp còn tồn tại duy nhất của tập tục này được bảo tồn bởi một nhà viết kịch ở Chiang Mai, Thái Lan và các bài ca hiện nay được biểu diễn phục vụ du khách trong nhà hát. Nói cách khác, cách duy nhất để tiếp cận tập tục này là đi đến bảo tàng vì không còn tìm được nó trong đời thực. Phát hiện ra tập tục này vẫn còn duy trì ở Tam Giác Vàng là một nhắc nhở về cách thức du lịch dựa vào cộng đồng tạo ra cơ hội bảo vệ các tập tục đó. Dù hoạt động của chúng tôi vẫn là một loại biểu diễn được trả tiền, nó đã củng cố các mối quan hệ cộng đồng và tiếp nối một truyền thống lâu đời.

Điểm chính của trải nghiệm du lịch ở làng Takongthong là chương trình lưu trú tại nhà dân với hơn một nửa số gia đình trong làng tham gia. Những du khách ở lại đầu tiên đến làng vào năm 2012 và đến năm 2016, số khách này đã tăng lên hơn 5.000. Hầu hết du khách là người Thái sống ở đô thị muốn thoát khỏi ô nhiễm không khí và giao thông nơi họ ở và về lại với thiên nhiên. Chưa đến 10% khách lưu trú của Takongthong là người nước ngoài, và không giống như các nhà nghỉ của Chiang Saen cách đó chỉ 10km, chưa tới 10 du khách Trung Quốc ở lại trong làng. Promma giám sát

các hoạt động này, nhưng những nỗ lực du lịch dựa vào cộng đồng ở Takongthong do các phụ nữ của làng quyết định rất lớn.

Làng Takongthong tiếp nhận dân tị nạn đến từ Isaan ở đông bắc Thái Lan 40 năm trước. Một số người tị nạn chạy đến Isaan do nội chiến ở Lào rồi định cư ở Tam Giác Vàng. Toàn bộ Isaan nằm trong lưu vực sông Mekong, và phần lớn người dân ở đó có mối quan hệ văn hóa chặt chẽ với người Lào, khiến vùng Tam Giác Vàng thừa dân thành nơi tị nạn. Ở Isaan, dân làng là thợ dệt lành nghề, và nhiều phụ nữ lớn tuổi ở Takongthong vẫn còn nắm được các kỹ năng dệt do mẹ họ dạy cho. Tại Takongthong, họ thành lập một hội thợ dệt nhờ một vài quỹ khởi nghiệp của chính quyền địa phương Promma tiếp cận được. Du khách thường đăng ký các lớp từ một tuần đến một tháng ở Takongthong để học dệt, và các sản phẩm của hội này có thể tìm thấy trong các cửa hàng xa tận Bangkok. Ngoài ra, các phụ nữ còn lập một tiệm spa phục vụ tắm hơi và massage Thái cho du khách. Họ cũng đưa du khách đến những khu vườn ven sông phụ hái trái cây và rau quả. Các hoạt động này được đóng gói thành một chuỗi hoạt động nhằm mục đích quảng bá các giá trị và thực tế địa phương với du khách. Nhưng những người hưởng lợi thường xuyên nhất ở đây chính là dân làng dành cả ngày để dệt, may, vui vẻ phục vụ tắm hơi và massage. Một lần khi tôi đang được massage, một phụ nữ trong làng nói với tôi, “Hạnh phúc không chỉ là có tiền. Chúng tôi có được hạnh phúc, tự hào và tự tin khi cùng nhau làm việc. Khi chúng tôi thấy du khách thích thú công việc mình làm, niềm hạnh phúc lan tỏa”.

Promma hy vọng các nỗ lực này sẽ giúp tăng thu nhập của dân làng và lôi kéo họ ở lại Takongthong, không chuyển đến thành phố Chiang Rai hay các thành thị khác. Ông thậm chí đã nghĩ đến chuyện các sinh viên tốt nghiệp có thể có việc làm trong làng bằng cách chuyển đổi phần lớn nông

nghiệp cộng đồng sang canh tác hữu cơ do hiện nay người tiêu dùng Thái Lan quan tâm hơn đến chất lượng thực phẩm. “Một số con cháu chúng tôi đang chuẩn bị tốt nghiệp nông học, và việc chúng về lại cộng đồng sẽ mở ra những cơ hội dịch vụ khác cho lớp trẻ tốt nghiệp đại học”, Promma nói. Để lôi kéo thêm lớp trẻ trở về, năm 2015, ông nhận 8 triệu baht (250.000 đô-la) từ cơ quan quân sự tỉnh để xây một cơ sở năng lượng mặt trời quy mô cộng đồng 150 kilowatt ngay bên ngoài rìa làng. “Vận hành nhà máy năng lượng mặt trời này cần có kỹ sư và quản lý, vì thế một số con cháu chúng tôi sẽ quay về.” Trước khi chia tay, Promma tiễn tôi với những lời làm tôi sức nhớ mình vẫn còn ở Zomia. “Phần này của thế giới đang thay đổi nhanh hơn chúng ta có thể thấy, và chúng ta phải thích nghi. Điều quan trọng nhất là tạo ra các công cụ để tự mình giải quyết các vấn đề và đừng chờ đợi chính quyền can thiệp”, ông nói.

- KHÔNG GIAN TRANH ĐOẠT

Cố đô Luông Pha Băng ở trung tâm Bắc Lào trên một bán đảo nhỏ nơi sông nhánh Nam Khan gặp sông Mekong. Nó được chính thức quảng bá là “Thành phố được bảo tồn tốt nhất châu Á”, nhưng với dân số khoảng 50.000 người sống trên bán đảo và ở khu vực xung quanh, Luông Pha Băng giống một thị trấn ngái ngủ bên bờ Mekong hơn là một thành phố. Bên dưới những cây dừa của khu phố xưa là các ngôi chùa Phật giáo cổ, nhà gỗ tếp truyền thống của Lào và các biệt thự Pháp tân trang, tất cả cho thấy thị trấn này đã bị lãng quên bởi thời gian và tiến bộ công nghệ hiện đại. Mỗi buổi sáng trước khi mặt trời lên, các nhà sư trẻ mặc áo cà sa màu vàng nghệ đi khát thực. Du khách đứng nhìn nét văn hóa vượt thời gian này được nhắc nhở không chụp ảnh làm xáo động khung cảnh. Nhiều du khách đi thuyền từ Tam Giác Vàng xuôi xuống, số khác bay đến sân bay duy nhất một đường băng của thị trấn.

Luông Pha Băng cũng là khung cảnh mơ ước cho dân địa phương lẫn người nước ngoài sành ăn tìm món bánh sừng bò tuyệt hảo tại Le Banneton, quán cà phê luôn được đánh giá là một trong những tiệm bánh ngon nhất châu Á. Số khác tìm món xôi và gỏi đu đủ thơm ngon nhất Đông Nam Á do một gia đình ở đây bán tại quầy hàng trước nhà họ. Du khách tụ tập hàng

ngày trên đồi Phousi ở trung tâm phố cổ ngắm hoàng hôn trên sông Mekong và những ngọn đồi đầy sương mù dọc bờ sông phía tây. Đã 20 năm kể từ khi được công nhận là Di sản Thế giới UNESCO và là một điểm chính trên con đường du lịch Đông Nam Á, Luông Pha Băng vẫn giữ được nét quyến rũ như một viên ngọc xa cách giữa những cánh rừng nhiệt đới và núi đồi chập chùng Bắc Lào.

Vào dịp Năm Mới 2014, những người bán hàng địa phương dựng quầy có mái che giữa đường phố chính bày bán đồ thủ công truyền thống của Lào tại chợ đêm nổi tiếng của thị trấn. Tối nào cũng thế, họ đặt những con voi nhỏ, các bức tranh nghệ thuật Phật giáo làm trên giấy tự chế, và những món đồ lưu niệm sặc sỡ khác trên tấm bạt. Nhưng tối nay họ bị tiếng còi xe chói tai thô lỗ phá ngang. Một đoàn 10 chiếc xe thể thao đa dụng mang biển số tỉnh Vân Nam Trung Quốc cố băng qua chợ, dù xe cộ bị cấm đi qua. Cảnh sát địa phương nhanh chóng có mặt. Các du khách Trung Quốc, lái xe từ Côn Minh cách 600km về phía bắc đi nghỉ lễ mừng Năm Mới ở Lào, tranh cãi cho rằng họ có quyền chạy xe qua chợ để đến khách sạn. Sau 15 phút tranh luận ồn ào, cảnh sát thuyết phục đoàn xe đi đường vòng đến khách sạn. Tình hình bớt căng thẳng, nhưng chuyện này nhanh chóng lan truyền khắp các cộng đồng vốn rất gắn bó của Lào.

Ở Lào, chuyện trên phù hợp với câu chuyện lan truyền ngày càng rộng về việc “người Trung Quốc thôn tính” Luông Pha Băng và miền Bắc Lào khiến nhiều dân địa phương lo lắng. Trong một thị trấn vốn đã vất vả với một thị trường du lịch đã bão hòa (phần lớn trong 600.000 du khách hằng năm của Luông Pha Băng từ bên ngoài châu Á đến), chủ khách sạn và các công ty du lịch đang tìm cách đáp ứng nhu cầu và tập tính của du khách Trung Quốc. Còn khá mới đối với thị trường du lịch quốc tế nhưng hiện nay lũ lượt ra nước ngoài, du khách Trung Quốc thường đi theo đoàn lớn có

hướng dẫn viên du lịch cầm loa to, và họ thường tránh ẩm thực địa phương và tìm đồ ăn Trung Quốc. Với dân Lào, du khách Trung Quốc nổi tiếng là ồn ào và ngang ngược. Định kiến đó quá cũ - chắc chắn không phải tất cả du khách Trung Quốc đến Lào hay các nước khác đều ồn ào và ngang ngược - nhưng vào năm 2013, chính quyền Trung Quốc đã ban hành các quy định mới nhằm kiểm chế hành vi của công dân họ ở nước ngoài. Trong đó có những điều nhắc nhở về việc không được nằm nơi công cộng, ra ngoài với tóc tai rối bù và mặt mày nhem nhuốc, tháo giày vớ nơi công cộng. Các điều khác là không được khạc nhổ hay nhả kẹo cao su, vứt rác, tiểu tiện hay đại tiện một cách tùy tiện. Cũng không nên ho hay ngoáy mũi nơi công cộng. Năm 2015, chính quyền Trung Quốc đã lập một danh sách đen các công dân hành xử tồi tệ ở nước ngoài nhằm cấm những người trong danh sách không được đi máy bay và xếp hạng tín nhiệm họ. Một số người trong và ngoài nước chỉ trích danh sách đen du khách Trung Quốc xâm phạm quyền tự do cá nhân và áp dụng luật pháp Trung Quốc cả ở bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc. Các quy định mới này thu về đủ kiểu kết quả, và dù tốt hay xấu trong thập niên qua, lượng du khách Trung Quốc ra nước ngoài hằng năm đã tăng 20%.

Chắc chắn, những đồng đô-la du lịch mới toanh mang đến Luông Pha Băng rất được hoan nghênh, nhưng rất khó dự đoán làn sóng du khách tới Luông Pha Băng trong tương lai sẽ lớn tới mức nào, khi nó khá gần với các thị trấn du lịch của Vân Nam vốn thu hút hàng chục triệu du khách Trung Quốc mỗi năm. Nhiều chuyến bay trực tiếp đang kết nối các điểm khởi hành ở Trung Quốc với sân bay quốc tế mới ở Luông Pha Băng, được một công ty Trung Quốc xây dựng và tài trợ. Và nếu mọi thứ diễn ra theo đúng kế hoạch, đến năm 2021, một mạng lưới đường sắt cao tốc sẽ nối Côn Minh với Viên Chăn, và Luông Pha Băng sẽ là một điểm dừng chính trên tuyến mới này.

Lào chỉ có khoảng 10km đường sắt, và các tuyến đường sắt này trước đây phục vụ nhu cầu của người ngoài nhiều hơn là phục vụ chính nước Lào. Một cây cầu đường sắt ngắn đưa hành khách từ đông bắc Thái Lan vào nhà ga gần thủ đô Lào tại Viên Chăn. Tuyến đường sắt khác của Lào, dài chưa tới 6km, bị xuống cấp không thể sử dụng ở gần biên giới nước này với Campuchia. Tuyến đường này có từ cuối thế kỷ 19, thực dân Pháp đã xây nó để kéo các tàu quân sự và tàu hàng đi lên các thác nước tại Siphandone gần biên giới phía nam của Lào. Người Pháp từ lâu đã tìm cách biến sông Mekong thành một tuyến đường thủy, tàu bè xuôi ngược được để kết nối các khu thuộc địa và bảo hộ của nó ở phía nam tại Việt Nam và Campuchia với vùng đất là nước Lào ngày nay.

So với các nước Tây Âu khác, Pháp đã chậm chân trong việc tham gia vào cuộc tranh giành thuộc địa ở châu Á giữa thế kỷ 19, và việc thống trị sông Mekong là phương cách đẩy lùi tham vọng đế quốc của cả người Anh và người Xiêm ở Đông Nam Á. Các lực lượng viễn chinh Pháp trong thế kỷ 19 cũng biết sông Mekong ngược lên Trung Hoa và hình dung dòng sông Mekong có thể đi được từ cửa sông lên thượng nguồn sẽ là ngọn giáo để người Pháp xâm nhập và chiếm miền Nam Trung Hoa làm thuộc địa. Bản đồ sau cùng của họ về dòng sông này vào giữa những năm 1800 tiết lộ khác đi. Họ đã biết về những đoạn sông khó vượt ở Tam Giác Vàng và kết luận rằng sự biệt lập của Vân Nam không bao giờ mang lại cho nước Pháp một chỗ đứng vững chắc trong phần còn lại của Trung Hoa. Tuyến đường sắt tại Siphandone hoạt động hạn chế trong thế kỷ 20 và bị người Nhật chiếm lấy trong Thế chiến II. Khi thực dân Pháp quay lại Lào vào năm 1946, họ từ bỏ tuyến đường sắt này. Tám năm sau, vào năm 1954, chế độ thuộc địa của Pháp tại Đông Dương kết thúc sau khi bị quân đội cách mạng Việt Nam đánh bại thảm hại tại Điện Biên Phủ, và tuyến đường sắt trung chuyển đã bị lãng quên hoàn toàn. Ngày nay, hai đầu máy xe lửa từng được sử dụng để

đưa tàu thuyền từ đầu thấp của đảo Don Khone lên một cảng trên đảo Don Det đang bị gĩ sét dần bên dưới các hàng quán ngoài trời như gợi nhớ quá khứ thuộc địa của Lào và sự ngạo mạn của người Pháp. Hầu như toàn bộ các đường ray khổ hẹp đã bị gỡ sạch và bán cho chợ phế liệu trong vùng.

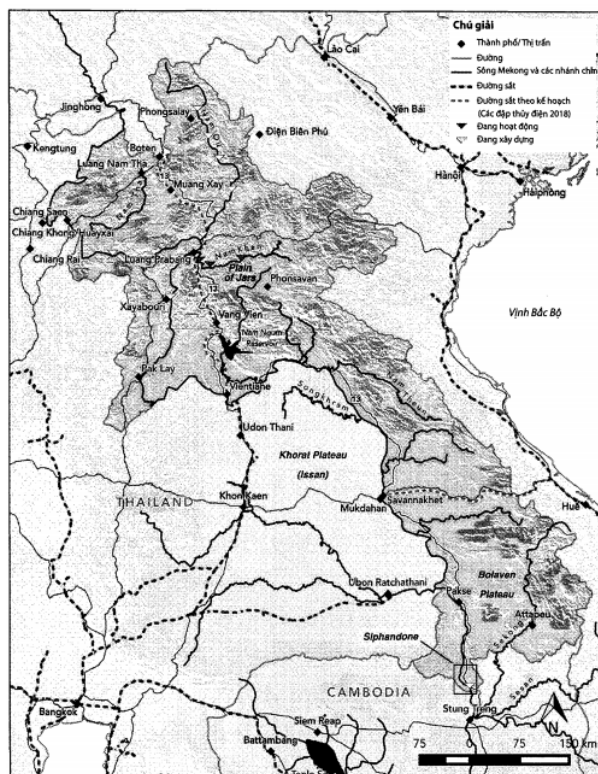
Các kế hoạch đường sắt tại Lào hiện nay của Trung Quốc tham vọng hơn nhiều so với kế hoạch của Pháp. Tháng 1 năm 2017, Thủ tướng Lào mới nhậm chức Thongloun Sisoulith đã động thổ xây dựng tuyến đường sắt 417km mà khi hoàn thành sẽ nối Côn Minh với Viêng Chăn. Đó không phải là lễ khởi công đầu tiên cho dự án nhiều tranh cãi này. Tuyến đường sắt này lần đầu được đề xuất vào năm 2006 bởi chính phủ Trung Quốc vốn xem tuyến đường sắt này là mắt xích còn thiếu để tiếp cận các cảng dọc theo Vịnh Thái Lan và đưa hàng hóa nước này theo đường bộ tới các thị trường ở Malaysia và Singapore. Trở ngại trong các cuộc đàm phán xoay quanh khả năng của Lào chi trả cái giá cắt cổ 6,2 tỷ đô-la của tuyến đường - gần bằng một nửa GDP của Lào trong năm 2016. Kế hoạch xây dựng của dự án này còn là cơn ác mộng kỹ thuật: 154 cây cầu và 76 đường hầm cắt qua các địa hình đồi núi và khó khăn nhất thế giới. Chiều dài tổng cộng của các đường hầm là 196km, gần bằng một nửa toàn bộ chiều dài của tuyến đường. Công nhân và kỹ sư xây dựng chắc chắn sẽ đụng phải bom mìn chưa nổ do máy bay ném bom Mỹ thả xuống trong các thập niên 1960 và 1970. Và vấn đề còn phức tạp hơn nữa, khu vực Bắc Lào có tuyến đường sắt này đi qua cũng bị động đất. Trung bình miền Bắc Lào có 6 trận động đất một năm. Các nhân tố đó gây ra nhiều rủi ro cho khả năng thành công của dự án và, kết hợp với việc phải xây quá nhiều đường hầm, khiến chi phí lên gần 15 triệu đô-la một kilômét.

Ban đầu, Trung Quốc dự kiến chính phủ Lào sẽ vay một khoản vay lớn để chi cho toàn bộ dự án và dùng các nguồn khoáng sản thế chấp khoản

vay. Nếu được thông qua, khoản vay gần bằng toàn bộ GDP hằng năm của Lào và các khoản trả lãi chiếm tới 20% tổng chi tiêu hằng năm của chính phủ. Khoản nợ này sẽ lập tức biến Lào thành một trong 5 quốc gia mắc nợ hàng đầu thế giới. Từ 2012 đến 2015, các bộ và quốc hội của Lào đã tranh luận về lợi ích của dự án. Những người chỉ trích cho rằng Lào chắc chắn sẽ phải dâng nộp gần hết khoáng sản của mình cho Trung Quốc và đưa ra các quan ngại an ninh về khả năng Trung Quốc đưa quân qua biên giới nếu muốn sáp nhập hay chiếm Lào làm thuộc địa. Những người ủng hộ khẳng định Lào phải rũ bỏ tâm lý quốc gia nằm sâu trong lục địa không giáp biển và biến thành tâm lý “nối kết trên bộ” bằng cách khai thác những lợi thế nằm ở ngã tư các tuyến đường chính của Đông Nam Á.

Cuối tháng 12 năm 2015, Phó Thủ tướng Lào Somsavath Lengsavad, gốc Trung Hoa và có liên quan đến phần lớn lợi ích kinh doanh của Trung Quốc tại Lào, đã đưa các cuộc đàm phán dự án đường sắt này đến đích. Việc xây dựng sẽ lập tức bắt đầu. Chính phủ Trung Quốc đã đồng ý chi phần lớn dự án và cấp cho Lào khoản vay 480 triệu đô-la, thế chấp bằng 5 mỏ kali của Lào. Lý do căn bản khiến Trung Quốc nhận lãnh phần lớn rủi ro của dự án là nó có lợi cho hành khách và hàng hóa Trung Quốc nhiều hơn cho Lào. Hai tuần sau, Somsavath Lengsavad, Thủ tướng Choummaly Sayasone và một số thân hữu ủng hộ Trung Quốc buộc phải nghỉ hưu và một chính phủ mới do Thongloun Sisoulith đứng đầu lên nắm quyền. Sau hơn một thập niên ký kết các thỏa thuận của chính phủ Lào, với các nhà đầu tư Trung Quốc chiếm phần lớn nhất, thỏa thuận đường sắt của Somsavath là cọng rơm làm khuyu lưng con lạc đà Trung Quốc ở Lào. Ngay sau khi bị thôi chức, Somsavath Lengsavad sống ẩn dật như tu sĩ trong một ngôi chùa ở Luông Pha Băng quê ông. Tháng 7 năm 2016, một nguồn tin ẩn danh thân cận với Somsavath cho Đài Á Châu Tự do biết là “ông ta muốn được yên ổn tâm trí trong suốt phần đời còn lại sau khi thôi tham gia chính trị”^[66].

Nhiều người Lào tôi hỏi chuyện về ngã rẽ tôn giáo của Somsavath nói ông ta đang ăn năn chuộc tội, còn số khác cho rằng ông ta chỉ nhẫn nại chờ luồng gió chính trị đổi hướng. Hiện nay, người ta hay thấy ông ta trong các phòng họp chính phủ ở Viêng Chăn.



Bản đồ nước Lào

Bản đồ này chỉ thể hiện các đập của Lào được đề cập trong chương này. Chương 7 sẽ có bản đồ đầy đủ các đập trong khu vực.

Tháng 3 năm 2016, một đồng nghiệp người Lào làm việc trong ngành tài chính nói với tôi, “Bắc Lào giờ như một thuộc địa của Trung Quốc. Anh biết câu ‘Sản xuất tại Trung Quốc’? Đúng, mọi thứ ở Bắc Lào ‘Sản xuất bởi Trung Quốc, Sản xuất cho Trung Quốc’. Chúng tôi nghe những câu này hằng ngày trên đường phố Viêng Chăn, nhưng vì chúng tôi là một nước nhỏ, chúng tôi chẳng làm được gì để ngăn chặn”. Thực ra, để xây dựng

tuyến đường sắt xuyên Lào, 50.000 công nhân Trung Quốc đã chuyển sang nước này. Con số đó rất lớn đối với một quốc gia dưới 7 triệu dân. Dân số của các thành phố miền Bắc nước này trung bình chỉ vài chục ngàn.

Ở nhiều thành phố, người Trung Quốc mới đến đã chiếm từ 10 đến 20% dân số^[67]. Phần lớn người di cư là lao động làm việc trên những khu đất chính phủ Lào bán rẻ cho các nhà đầu tư Trung Quốc hay họ thuê của dân địa phương. Họ chịu trách nhiệm về việc chặt hạ hàng loạt rừng nguyên sinh để chuyển thành đồn điền cao su. Ở những vùng trũng thấp, những doanh nhân Trung Quốc di cư đã thành lập các đồn điền lớn trồng các loại cây như chuối, dưa hấu và sắn. Sau khi thu hoạch, những sản vật này được đưa lên phía bắc bán trên thị trường Trung Quốc. Thành công của nền kinh tế nông nghiệp thường được quyết định bởi nhu cầu đối với những sản vật này ở Trung Quốc. Chẳng hạn, cho đến gần đây, phần lớn đất đai trên Khu kinh tế Tam Giác Vàng của Zhao Wei được sử dụng để trồng chuối. Khi mối quan hệ Trung Quốc với Philippines ấm lên dưới thời chính phủ Duterte được bầu gần đây vào năm 2016, chuối nhập khẩu từ Philippines ngay lập tức chiếm chỗ chuối của Lào. Zhao Wei và hầu hết các chủ đồn điền chuyển sang loại cây trồng khác có lợi hơn.

Lao động Trung Quốc đang xây dựng và cải tạo mạng lưới đường bộ từ tỉnh Vân Nam xuống, khai thác các mỏ khoáng sản trữ lượng dồi dào của Lào ở phía bắc, và hỗ trợ xây dựng hơn 40 con đập Trung Quốc đầu tư ở phía bắc Viêng Chăn trên dòng chính và các sông nhánh của sông Mekong. Năm 2017, tôi hỏi kỹ sư trưởng giám sát việc xây dựng 7 con đập do Trung Quốc xây, sở hữu, và vận hành trên sông Nam Ou, một nhánh quan trọng của sông Mekong ở Bắc Lào, tại sao nhiều người Lào địa phương không được thuê xây đập. Ông trả lời gọn gàng, “Lao động Trung Quốc sẵn sàng

làm việc nặng nhọc hơn, và họ đáng tin cậy hơn người Lào nhiều. Thêm nữa, người Lào đòi lương cao hơn”.

Chắc chắn, các ngành nghề dịch vụ như sửa chữa máy móc, nhà trọ, nhà hàng ẩm thực Trung Quốc sẽ theo đám dân di cư vào Lào. Việc thêm các bảng hiệu tiếng Trung khiến giờ các thị trấn Bắc Lào trông chẳng khác gì với các thị trấn ở Vân Nam bên kia biên giới. Sức hút dân Trung Quốc di cư mạnh đến mức những người nhập cư mới không cần học nói tiếng Lào. Khi đến miền Bắc Lào, người nhập cư Trung Quốc có thể giao tiếp trong một hệ thống khép kín với đồng bào của họ. Trong các chuyến đến Lào, tôi thường đi bộ qua chợ ở các thị trấn như Luông Nậm Thà, Huay Xai, Luông Pha Băng và hỏi những người bán hàng Trung Quốc họ định ở lại Lào bao lâu. Hầu hết những người mới đến này đều nói họ gặp khó khăn trong việc thích nghi với văn hóa địa phương, vì vậy có lẽ vài năm nữa họ sẽ về hẳn Trung Quốc sau khi kiếm đủ ở Lào. Số ít, chủ yếu là nam, thích môi trường văn hóa Lào và chọn ở lại lâu dài. Một người đàn ông Trung Quốc từ tỉnh Hồ Nam đã di cư sang Lào vào cuối những năm 1990 để kinh doanh gia súc cho tôi biết ông rất thích văn hóa Lào. Như một người thay đổi đức tin, ông chọn nói tiếng Lào, kết hôn với một phụ nữ Lào và thích đồ ăn Lào. Ông nói, “Cuộc sống ở Lào là *sabai sabai*”. Trong tiếng Lào cũng như tiếng Thái, *sabai* có nghĩa là hạnh phúc và thanh thản. Ông nói tiếp, “Ở Trung Quốc, chúng tôi không có từ nào có nghĩa theo cách nghĩ của người Lào như vậy. Người Trung Quốc chúng tôi không có tính nhẫn nại của người Lào. Chúng tôi đến đây chỉ quan tâm kiếm tiền và cạnh tranh giành giật mọi thứ”.

Trong khi những câu chuyện về sự xâm lấn của Trung Quốc đang ảnh hưởng tới miền Bắc Lào thường nổi bật trên truyền thông khu vực và bị chỉ trích trong và ngoài nước Lào, đi qua các vùng khác của Lào sẽ thấy Việt

Nam và Thái Lan, các nước láng giềng đang nổi lên, cũng đang “ghì dẫu ần” lên không gian văn hóa và sự phát triển kinh tế ở Lào. Các đặc khu kinh tế chế biến xuất khẩu do Thái Lan đầu tư nằm rải rác ở các tỉnh miền Trung Lào. Cao nguyên Bolaven, ở Nam Lào, đầy đồn điền cà phê của Việt Nam. Chạy xe qua thành phố Attapeu, thủ phủ tỉnh phía nam cùng tên, người ta sẽ thấy bảng hiệu cửa hàng bằng tiếng Việt cũng nhiều như bảng hiệu tiếng Lào.

Khi có nhiều nước láng giềng khai thác tài nguyên thiên nhiên dồi dào của Lào và cắt nhỏ nước này để “thống trị kinh tế”, chẳng có gì ngạc nhiên khi quốc hội Lào và giới tinh hoa đang kêu gọi người dân Lào giành lại đất nước và hạn chế việc mất mát tài nguyên bằng cách tăng cường pháp trị. Những tiếng nói này trích dẫn lời kêu gọi của Pathet Lào, lực lượng cách mạng đã giành chiến thắng trước chế độ quân chủ lập hiến Lào do Mỹ hậu thuẫn vào năm 1975 và - có phần oái oăm - ca ngợi các vị vua Lào trong nhiều thế kỷ trước đã thành công chống lại những kẻ xâm lược và không bao giờ quỳ gối. Nhưng điều trớ trêu thực sự lại ở hai mâu thuẫn lịch sử đối với lời kêu gọi này. Thứ nhất, nền độc lập của Lào sẽ không có được nếu không có sự trợ giúp của các lực lượng thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam. Và thứ hai, trong suốt lịch sử, không có ngoại lệ, tất cả các vị vua Lào đều đã quỳ gối trước một hay nhiều vua chúa láng giềng.

Ở nước Lào hiện nay, các sách lịch sử nước này bắt đầu với việc thành lập Vương quốc Lan Xang vào thế kỷ 14. Câu chuyện khởi đầu với vị vua vĩ đại Fa Ngum đã thống nhất miền Bắc Lào và dựng thủ đô tại Luông Pha Băng. Trong triều đại thịnh vượng của mình, vị vua này đã đưa Phật giáo Nguyên thủy về nước và xây dựng nền tảng cho bản sắc văn hóa Lào. Con cháu ông đã thành công biến đổi Luông Pha Băng thành một trung tâm giao thương quan trọng của khu vực, nhưng vào thế kỷ 16, Vương quốc Lan

Xang buộc phải chuyển thủ đô về Viêng Chăn ở phía nam để tránh quân xâm lược Miến Điện. Câu chuyện lịch sử chính thức tiếp tục qua các thời kỳ thịnh vượng và suy tàn, với thành công và thất bại của vương quốc này phụ thuộc vào tài năng của các vị vua. Cuối cùng đến thế kỷ 17, do áp lực bên ngoài, vương quốc chia làm ba: Luông Pha Băng ở phía bắc, Viêng Chăn ở giữa, và Champasak ở phía nam.

Cả Viêng Chăn và Champasak rốt cuộc bị sáp nhập vào Đế quốc Xiêm, nhưng Luông Pha Băng ở phía bắc không bao giờ khuất phục trước quân ngoại xâm. Do đó, theo lịch sử chính thức, ở chừng mực nào đó, nền độc lập của Lào tiếp tục không bị lung lay. Dưới chế độ thực dân Pháp, từ 1860 đến 1953, Viêng Chăn và Champasak được sáp nhập lại vào nước Lào. Cuối cùng, sau nhiều thập niên đấu tranh cách mạng và bạo lực chống lại các thế lực thực dân, Pathet Lào đã giành độc lập cho nước Lào vào năm 1975. Những cuốn sách lịch sử này đã lần theo con đường phát triển đất nước thẳng băng, không đứt gãy của Lào từ thời cổ đại đến nay, nhưng thiếu lời ghi chú nhắc nhở người đọc rằng lịch sử chính thức đó được sáng tác chưa đầy 40 năm trước.

Từ *Laos* lần đầu xuất hiện trong các ngôn ngữ châu Âu vào giữa thế kỷ 16 khi người Bồ Đào Nha sử dụng nó để mô tả tất cả những người sống ở phía bắc của vương quốc Xiêm. Người Lào là những người không phải là người Xiêm và bao gồm những người sống ở các vương quốc quanh Chiang Mai và Chiang Rai ở miền Bắc Thái Lan ngày nay cũng như những người ở Lan Xang. Các bộ tộc Lào, có ngôn ngữ và văn hóa liên quan với người Xiêm nhưng ở quá xa không thể trực tiếp kiểm soát, đã cùng nhau chiếm đóng vùng ngoại vi rộng lớn của Thái Lan gọi là Lào. Do đó, *Laos* là một từ số nhiều tương tự các từ Maldives hay Philippines^[68]. Người Pháp đặt ra chữ “Laos” không hề có ý định phát âm “s” cuối từ. Người Lào phát âm tên

nước họ không có âm “s”, và đó là một thực tế đáng tôn trọng, vì thế chúng ta cũng nên phát âm như vậy.

Phạm vi của các vương quốc như Xiêm và Lan Xang được nhận biết nhưng không được xác định bằng các đường biên chính xác. Các vương quốc này mạnh nhất quanh thủ đô có quân đội và các cơ quan hành chính trú đóng nhưng càng xa thủ đô càng yếu dần. Trong sách vở lịch sử và chính trị, loại vương quốc này được gọi là “nhà nước mandala”, một tập hợp các vòng tròn đồng tâm quyền lực bắt nguồn từ tâm điểm và ảnh hưởng yếu dần ở vùng ngoại vi. Để duy trì khả năng kinh tế và chính trị của nhà nước mandala, các vị vua bắt các vương quốc nhỏ hơn hay các thế lực ở ngoại vi thần phục và triều cống lương thực, phẩm vật và binh lính cho trung tâm để được bảo vệ chống lại ngoại xâm. Đó không phải là một hệ thống của một quốc gia bá chủ áp đặt quyền kiểm soát tối cao lên một không gian có ranh giới rõ ràng, nhưng mệnh lệnh của các quốc gia bá chủ thường tác động lên thành quả chính trị, các truyền thống văn hóa và tôn giáo ở khu vực ngoại vi. Nếu vua của một vương quốc nhỏ hơn không chịu thần phục, triều cống hay nổi dậy chống lại quốc gia bá chủ, thủ đô vương quốc đó sẽ bị xâm lược. Tuy nhiên, một nhà nước mandala thường chồng lấn với một nhà nước hay thậm chí nhiều nhà nước mandala khác, do đó, không có gì lạ khi ở Đông Nam Á vua các nước ngoại vi phải khéo léo triều cống cho nhiều quốc gia bá chủ. Vương quốc Lào cũng không ngoại lệ. Đồng thời, các vương quốc nhỏ hơn như các vương quốc ở Lào duy trì kiểm soát các khu vực xung quanh bằng cách thiết lập các nhà nước mandala nhỏ hơn.

Để minh họa, vào đầu thế kỷ 19, Luông Pha Băng, Viêng Chăn và Champasak đều triều cống vua Xiêm tại Bangkok và hoàng đế Việt Nam tại Huế. Năm 1828, quân đội từ Viêng Chăn do vua Lan Xang Chao Anouvong

lãnh đạo tấn công các đồn lũy của Xiêm bên kia sông Mekong nằm sâu trong Isaan, khu vực được xác định bởi cao nguyên Khorat và rất đông dân cư theo tập tục Lào sinh sống. Trong thập niên trước đó, các thành phố của Lào ở Isaan bắt đầu thể hiện lòng trung thành sâu sắc hơn với Xiêm, và Chao Anouvong không chịu để phần lãnh thổ có dân cư đông đúc nhất này của vương quốc ông rơi vào tay Xiêm. Để chống lại sự xâm lấn của Chao Anouvong, Xiêm đưa quân đến cao nguyên Khorat, đánh bại quân xâm lược Lào. Chao Anouvong trốn sang miền Bắc Lào thúc ép quân Việt tham chiến. Nhưng ông ta sớm bị quân Xiêm bắt và đưa về Bangkok xử tử. Quân Xiêm sau đó đã cướp phá thành phố Viêng Chăn tới mức “chỉ còn cỏ, nước, và thú dữ”^[69]. Để bảo đảm không có các cuộc nổi loạn sau này, phần lớn dân cư các Vương quốc Viêng Chăn và Champasak bị buộc phải dời đi định cư ở cao nguyên Khorat. Mức dân số thấp ở Vương quốc Lào là thách thức cho người Pháp sau đó nhiều thập niên khi thành lập các trung tâm hành chính ở Viêng Chăn và các khu vực khác của nước này.

Khi người Pháp bắt đầu xâm chiếm Đông Dương vào những năm 1860, những nỗ lực của họ chủ yếu tập trung vào việc cai trị trực tiếp các phần thuộc địa Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ của Việt Nam. Người Pháp ngày càng lo lắng về khả năng Đế quốc Anh tiến về Việt Nam từ Miền Điện, nhưng quan ngại trực tiếp hơn đến Đế quốc Xiêm đang bành trướng ngay bên cạnh. Để bảo vệ lợi ích của mình, người Pháp xem Lào là vùng đệm giữa Đông Dương thuộc Pháp và nước Xiêm với sông Mekong đóng vai trò là một đường phân chia ranh giới. Để bảo đảm sự hợp lý về quyền cai trị của Pháp đối với vùng đệm này, người Pháp lập luận họ có quyền lịch sử đối với Vương quốc Lào vì người Lào tiếp tục triều cống hàng năm cho hoàng đế Việt Nam tại Huế, vốn đã là một thần dân của đế quốc Pháp sau khi người Pháp xâm chiếm Việt Nam. Do đó, các vua Lào cũng là thần dân của nước Pháp.

Để lập Lào là vùng đệm, trong nghiên cứu quan trọng của mình *Creating Laos* (Tạo nên nước Lào), học giả Soren Ivarsson đưa ra lập luận là người Pháp đã bịa ra không chỉ ranh giới của nước Lào hiện đại mà còn cách giải thích lịch sử đất nước và bản sắc Lào. Người Pháp đã sử dụng các công cụ xây dựng quốc gia hiện đại tô vẽ một không gian rời rạc và khác biệt về văn hóa thành một không gian thống nhất và có một di sản văn hóa chung. Ivarsson đề cập đến việc vào cuối những năm 1880 người Pháp đã sử dụng công nghệ vẽ bản đồ để vẽ lục địa Đông Nam Á đầu tiên. Sau khi tham khảo ý kiến các quan chức Việt Nam và các vị vua Lào, các nhà vẽ bản đồ Pháp đã đưa ra một bản đồ Đông Dương thuộc Pháp bao gồm tất cả các chư hầu triều cống hoàng đế ở Huế. Bản đồ này bao gồm toàn bộ vùng đất Lào phía đông sông Mekong và cũng bao gồm toàn bộ Isaan và cao nguyên Khorat, nơi dân sắc tộc Lào cư trú. Ivarsson khẳng định, “Khi người Pháp nắm quyền cai trị Lào, chẳng có ý niệm nào về một nước Lào ở những người dân sống trong đường biên giới họ vạch ra. Ngay cả đối với người Pháp, Lào lúc đó chỉ là một thực thể trên bản đồ chứ không phải là một thực thể xã hội hay lịch sử”^[70]. Đáp trả bản đồ của Pháp, người Xiêm đã thuê các nhà vẽ bản đồ người Anh vẽ ra toàn bộ đế chế Xiêm kéo dài vượt sông Mekong qua hết đất Lào, đến tận dãy núi của Việt Nam.

Cuối thế kỷ 19, cả Pháp và Xiêm đều đưa ra tuyên bố như nhau về nước Lào. Vì không có biên giới lịch sử nào tồn tại trước đây, quan điểm về quyền lịch sử của phương Tây thịnh hành lúc đó không thể giải quyết được tranh chấp này. Không có sự đồng thuận ngay cả giữa các nước thực dân châu Âu để giải quyết các tuyên bố chủ quyền chồng chéo. Vì vậy, để có được kết quả, năm 1893, hải quân Pháp phong tỏa sông Chao Phraya tại Bangkok, cắt đứt giao thương toàn cầu với Đế quốc Xiêm. Người Xiêm miễn cưỡng chấp nhận và ký một hiệp ước công nhận quyền của Pháp đối với tất cả các vùng đất phía đông sông Mekong.

Trong năm thập niên tiếp theo, để loại bỏ quan điểm người Lào là thân dân hạ đẳng của Đế quốc Xiêm, giới cai trị Pháp dần dần sáng tác ra nguồn gốc của Lào và bản sắc văn hóa Lào. Người Xiêm từ lâu đã coi người Lào là em và tiếng Lào là một phương ngữ của họ^[71]. Để đưa người Lào lên vị thế một quốc gia ngang hàng với người Xiêm, người Pháp đã tài trợ cho việc viết lịch sử quốc gia Lào, tôn vinh vua Fa Ngum là người đã thống nhất và cai trị một nước Lào hùng mạnh và độc lập, lãnh thổ của nó thật thuận tiện trùng với các đường biên giới lãnh thổ do người Pháp vẽ. Để nhấn mạnh vì sao mọi thứ sụp đổ ở Lào, giới sử học cho rằng sự suy đồi của Vương quốc Lan Xang sau này là do tranh đoạt trong nội bộ và hỗn loạn^[72]. Như vậy, người Pháp khẳng định thành quả thống nhất và cai trị tốt không phải là những giá trị mới do những thế lực thực dân bên ngoài áp đặt mà là những bài học lịch sử người Lào học được trong quá trình phát triển. Tất nhiên, lịch sử chính thức giai đoạn này cũng tôn vinh Pháp là nước mang lại an ninh cho Lào. Người Pháp cũng đưa ra hệ thống chữ viết Lào khác với chữ Xiêm và áp dụng hệ thống chữ viết mới này in sách báo viết về những sự kiện và tin tức khắp nước Lào. Các cuộc hội thảo và tài liệu tranh ảnh ca ngợi công lao của thực dân Pháp và của cả các quan chức hành chính Việt Nam được bổ nhiệm công tác tại Lào. Trong việc tuyên truyền đó, người Thái láng giềng được mô tả nhất quán là phân biệt chủng tộc, khinh người. Ivarrson tin rằng những nỗ lực đó đã thành công trong việc tách không gian Lào khỏi Xiêm, được đổi tên thành Thái Lan vào năm 1938 sau khi bãi bỏ chế độ quân chủ chuyên chế. Trong khi công trình tư tưởng văn hóa và lịch sử thúc đẩy bản sắc Lào được thiết kế để giữ không gian Lào êm ả dưới sự cai trị của Pháp, rốt cuộc lại làm hại người Pháp vì nó khơi dậy các phong trào dân tộc ở Lào, cuối cùng tổng khởi nghĩa những ông chủ Pháp vào năm 1953 và sau đó là người Mỹ vào năm 1975.

Hiện nay, chiến dịch vì một bản sắc Lào chung chỉ mới có chừng một thế kỷ. Người Pháp, người Mỹ và thậm chí cả chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện tại thiếu các nguồn lực để đưa chiến dịch này đến các khu dân cư ở các vùng ngoại vi và trên vùng núi của Lào.

Một kết quả khác của kế hoạch dựng nước của Pháp tại Lào là mối quan hệ chính trị và lịch sử gần gũi với Việt Nam. Người Pháp thiếu nhân lực cai quản Lào và đã sử dụng hàng ngàn người Việt Nam trong lĩnh vực hành chính. Lúc nào cũng thế, chỉ có vài nghìn người Pháp tại Lào. Vì không gian của Lào đã bị tàn mát bởi các cuộc xâm lược của người Xiêm trong các thế kỷ trước, người Pháp khuyến khích hàng ngàn người Việt Nam định cư trên khắp Lào để làm việc ở các đồn điền và phát triển kinh tế. Để minh họa, năm 1937, hồ sơ điều tra dân số của Viêng Chăn, thủ đô hành chính của Lào, cho thấy thành phố này có 12.400 người Việt Nam và chỉ có 9.570 người Lào^[73]. Sau khi người Pháp rời Lào vào đầu những năm 1950, dòng người Việt Nam vào nước này là vấn đề gây lo ngại trong giới tinh hoa Lào. Tuy nhiên, những người Việt Nam ở Lào trước đây đã là đồng minh hàng đầu của lực lượng Pathet Lào thắng cuộc và mối liên kết giữa cả hai chính quyền cộng sản này vẫn bền vững cho đến ngày nay.

Trong thế kỷ 20, người Thái chưa từng từ bỏ việc đòi lại đất Lào “bị mất”. Trong những năm 1920, mạng lưới đường sắt Thái Lan mở rộng lên phía bắc đến Chiang Mai và qua phía tây đến cao nguyên Khorat. Từ các tuyến đường sắt này hình thành các hệ thống đường bộ mới kéo dài đến sông Mekong, tạo điều kiện cho ảnh hưởng thương mại kinh tế và quân sự của Thái Lan lên không gian Lào. Thực dân Pháp rất lo lắng bị mất quyền kiểm soát kinh tế đối với Luông Pha Băng, để đến đó từng phải mất 3 đến 4 tháng ngược dòng từ Sài Gòn nhưng giờ đi từ Bangkok chỉ mất vài tuần. Do nó gần Miến Điện, Xiêm và Trung Quốc, một lãnh sự Pháp từng gọi Luông

Pha Băng là “điểm chiến lược quan trọng nhất ở miền Đông Đông Dương”^[74]. Có quá nhiều tuyến đường mới khiến người Thái dễ dàng xâm nhập Lào, người Pháp đáp trả bằng cách xây quốc lộ 13 nổi tiếng chạy dọc theo sông Mekong và kết nối các thủ đô lịch sử của Lào là Pakse, Viêng Chăn và Luông Pha Băng. Quốc lộ 13 được ca ngợi là đã dứt khoát đưa Lào vào gia đình Đông Dương của Pháp và tách hẳn khỏi Xiêm^[75]. Người Pháp cũng xây dựng một loạt các mạng lưới đường bộ đông - tây nối các thành phố lớn ven biên ở Việt Nam với Lào. Những mạng lưới đường bộ này, hầu như không thể đi được trong mùa mưa, đã được hoàn thành ngay trước khi Thế chiến II bùng nổ. Nhiều thập niên sau, các mạng lưới đường bộ này cũng rất hữu ích cho các lực lượng cách mạng Lào tiếp nhận trang thiết bị và hỗ trợ từ Việt Nam trong cuộc cách mạng của nước này. Đó cũng là đoạn chính của Đường mòn Hồ Chí Minh được Quân đội Nhân dân Việt Nam sử dụng để chuyển đạn dược và binh lính cho các lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Người Pháp xây những con đường này để kiểm chế tham vọng của Thái Lan, trong những thập niên sau đó của thế kỷ 20, những con đường này đã định đoạt các kết quả chiến lược lớn lao hơn với việc giúp miền Bắc Việt Nam đánh bại người Mỹ ở miền Nam.

Tôi tin chiến lược đường sắt qua Lào của Trung Quốc cũng sẽ có tầm quan trọng chiến lược trong thế kỷ 21 và có thể hơn thế nữa. Mục tiêu kết nối Trung Quốc với Thái Lan bằng đường sắt là một mục tiêu dùng để che đậy những điều khác. Vì nếu thực như vậy, tuyến đường sắt này có thể theo tuyến ngắn hơn và rẻ hơn nhiều bằng cách khi đến đất Lào nó đi thẳng tới Chiang Rai và Tam Giác Vàng. Như thế chiều dài của tuyến đường sắt sẽ ngắn hơn 300km và giảm thiểu rất nhiều rủi ro. Tuy nhiên, tuyến đường sắt này kết nối Côn Minh với Luông Pha Băng và sau đó đi tiếp đến Viêng Chăn. Thử hình dung nước Lào hiện đại không phải là một quốc gia dân tộc hùng mạnh, mà là một tập hợp các nhà nước mandala yếu ớt, tuyến đường

sắt này buộc Luông Pha Băng phải quỳ gối trước Trung Quốc. Việc đó ngầm cho thấy sự kiểm soát thương mại của Trung Quốc đối với Luông Pha Băng và các thành phố cũng như tỉnh lân cận ở Bắc Lào. Xây dựng tuyến đường là cơ hội để áp đặt mạnh mẽ hơn văn hóa và các giá trị Trung Quốc lên miền Bắc Lào. Nếu xem tầm quan trọng mang tính lịch sử của Luông Pha Băng như ngã tư của Đông Nam Á, thì việc kiểm soát hậu cần đối với Luông Pha Băng hàm chứa việc tiếp cận một không gian chính trị và kinh tế rộng lớn hơn nhiều ở lục địa Đông Nam Á. Chẳng có gì ngạc nhiên khi đáp lại tham vọng đường sắt của Trung Quốc ở Lào, chính phủ Việt Nam hiện đang ký thỏa thuận xây dựng tuyến đường sắt nối Viên Chăn với các thành phố ven biển của nước này. Các động thái của Việt Nam phản ánh mục tiêu địa chiến lược ngăn chặn một mạng lưới đường sắt thống trị của Trung Quốc xâm nhập sâu hơn vào vùng ảnh hưởng của Việt Nam ở Nam Lào. Như đã xảy ra trong lịch sử, Lào tiếp tục là một khu vực cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc bên ngoài.

Trong công việc hiện tại, khi đến công tác tại khu vực sông Mekong, các đồng nghiệp và tôi thường chạy xe hàng giờ trên những đường núi quanh co để nhìn qua con đập mới xây. Tôi gọi đùa việc này là “du lịch đập”, nhất là sau khi tôi tự mình bắt đầu truy tìm các con đập và hồ chứa khi đi quanh khắp Hoa Kỳ và thế giới với những người trong gia đình. Khi đến các con đập trên sông Mekong và các sông nhánh của nó, nhóm của tôi quan tâm nhất đến việc quan sát các con đập tác động thế nào đến cộng đồng địa phương và môi trường xung quanh. Thường các công ty xây đập sẽ nhấn mạnh việc di dời các cộng đồng được thực hiện tốt hơn thông qua quá trình tái định cư, nhưng ở Lào hiếm có chuyện như vậy.

Vài năm trước, một người bạn ở Côn Minh trở về sau chuyến đi đến Bắc Lào với các bức ảnh chụp những người sắc tộc mặc quần áo sặc sỡ đứng cạnh những con đập lớn đang được xây trên sông Nam Ou, sông nhánh dài 350km của sông Mekong chảy vào dòng chính ở thượng nguồn ngay phía trên Luông Pha Băng. Nam Ou, một trong những sông nhánh dài nhất của sông Mekong, chạy dọc theo những đỉnh núi đá vôi chót vót trong rừng sâu và cắt ngang các tỉnh Phongsaly và Luông Pha Băng. Các đầu nguồn sông này ở trên biên giới với Trung Quốc. Tôi tò mò muốn biết các con đập này, nhưng thông tin tìm được trên mạng rất ít. Vì vậy, khi nhóm của tôi có ngày cuối tuần rảnh rỗi trong chuyến công tác tới Lào vào tháng 2 năm 2016, chúng tôi thuê vài người phiên dịch địa phương và chen chúc lên xe tải tìm xem các con đập. Đi chừng một giờ từ Luông Pha Băng, chúng tôi đến một ngôi làng tái định cư lớn cách một con đập mới hoạt động vài kilômét phía hạ nguồn.

Về ngoài, trong xe nhìn ra, ngôi làng tái định cư có vẻ ngăn nắp, ngay hàng thẳng lối với chừng 100 ngôi nhà khá lớn lợp ngói đỏ. Dân làng đang tắt bật sửa nhà hay đi làm trong khu lân cận. Sau khi chúng tôi đỗ xe, vài dân làng lại gần. Không chào không mời, một phụ nữ trung niên kêu ca mở đầu cuộc trò chuyện. “Chúng tôi khổ lắm! Chúng tôi bị buộc phải chuyển đến đây 18 tháng trước, công ty xây đập đã hứa tài trợ 2 năm cho việc chuyển nhà. Cho đến nay, chúng tôi mới nhận được 6 tháng! Chúng tôi thiếu ăn”. Tôi nhanh chóng hỏi cô ta và những dân làng khác có được giao đất để trồng trọt không. “Không. Không. Công ty chỉ cấp đất dựng nhà và không cấp ruộng trồng lúa. Chúng tôi không có tiền nên chúng tôi phải đi bộ về lại những cánh đồng và khu rừng cũ của chúng tôi gần ngôi làng bị ngập. Chúng tôi già rồi, đi bộ đến đó phải mất vài giờ.”

Dân làng tụ tập xung quanh. Thấy họ đối xử với cô một cách tôn trọng, tôi đoán cô là một lãnh đạo cộng đồng quan trọng. Một người đàn ông khác bên cạnh cô nói thêm, “Đến lúc chúng tôi tới được những cánh đồng cũ, trời đã trưa. Vì vậy chúng tôi chỉ làm chừng một giờ, vì sau đó chúng tôi còn phải về nhà”. Người phiên dịch của chúng tôi nói thêm những dân làng này canh tác kiểu đốt nương phát rẫy, và do chính phủ Lào không công nhận đốt nương phát rẫy là hoạt động sản xuất, việc cấp đất canh tác cho dân làng không phải là một phần của quá trình bồi thường chính thức.

Người phụ nữ nói tiếp, “Nếu chúng tôi muốn trồng lúa hay các loại cây trồng khác quanh làng tái định cư, chúng tôi phải thuê đất từ làng bên cạnh. Vì chúng tôi không có thu nhập, một số dân làng thuê đất nợ đầm đìa. Họ buộc phải bỏ làng ra đi nếu họ không trả được nợ. Ở làng cũ chúng tôi, rất ít người cần phải vay tiền. Giờ đây hơn một nửa dân làng ngập trong nợ nần!”. Đồng nghiệp của tôi hỏi cô các vấn đề sức khỏe, “Ngay sau khi chúng tôi chuyển đến đây, nhiều người già trong làng đã chết. Điều đó không bình thường. Họ tuy già nhưng khỏe mạnh. Và năm trẻ sơ sinh đã chết kể từ khi chuyển đến đây. Điều này cũng hiếm khi xảy ra trong làng chúng tôi. Chúng tôi không thể chăm sóc nhau như trước đây.”

Nhìn kỹ hơn nhà cửa và dân làng, tôi nhận ra tôi chưa từng thấy sự bần cùng như vậy tại Lào, và điều đó hoàn toàn trái ngược với các biệt thự Pháp độc đáo và các ngôi chùa Phật giáo mạ vàng ở Luông Pha Băng thịnh vượng cách đó chỉ vài giờ. Hai ngôi làng bị ngập nước, một làng có đa số là người sắc tộc Khmu và một làng khác gồm nhiều sắc tộc vùng cao Lào, được nhập lại để hình thành ngôi làng tái định cư có hơn 300 dân này. Những ngôi nhà sàn mới xây có diện tích sàn khoảng 60 mét vuông ở trên các mảnh đất rộng 200 mét vuông. Hai túp lều dựng lên đối diện nhau ở rìa của mỗi mảnh đất tạo thành đường biên của khoảnh sân đất nhỏ. Một túp

lều dùng để chứa đồ và cái còn lại là nhà bếp. Tôi đến gần một phụ nữ đang nấu ăn trên bếp giữa sân và hỏi cô nghĩ gì về ngôi nhà mới của mình. “Nhà này lớn hơn nhà ở làng cũ, nhưng ở đó chúng tôi có nhiều đất hơn. Nhìn quanh làng đi, không ai dùng những túp lều nhỏ này. Ở làng cũ của chúng tôi chẳng có gì như thế này”, cô nói khi trở những trái chuối nướng trên lửa. “Nhà cũ của chúng tôi xây bằng gỗ tẻch cứng và không bao giờ bị mục”. Cô chỉ về phía nhà của mình, “Nhìn mới đang ăn vách nhà đi. Người Trung Quốc tìm gỗ rẻ tiền nhất để xây những ngôi nhà này, sau ít năm chúng tôi sẽ phải xây lại”. Khi tôi nói công ty xây đập có thể dùng lại gỗ tẻch từ những ngôi nhà bị tháo dỡ trong ngôi làng bị ngập để xây nhà mới, cô trả lời, “Người Trung Quốc đã lấy những tấm gỗ tẻch từ nhà cũ của chúng tôi và bán chúng ở chợ”.

Ở nông thôn Lào và Thái Lan, các gia đình có những vườn cây giống gia truyền xung quanh nhà họ để trồng ớt, cà chua, đu đủ, cà tím và các loại rau quả khác khiến thức ăn ở đây có hương vị có một không hai. Tuy nhiên, ở làng này, tôi để ý các ngôi nhà được xây dựng hoàn toàn trên những mảnh đất cằn cỗi và nứt nẻ. Không có vườn cây giống gia truyền, và không có cây lớn nào che mát cho làng và làm dịu xung quanh. Tôi hỏi người phụ nữ tại sao lại như thế. “Chúng tôi đã trồng vườn quanh nhà, nhưng giờ chúng chết rồi. Công ty xây đập dùng đất cứng để dựng làng tái định cư. Đất cằn cỗi lắm.” Nhà của cô nằm dọc theo bờ sông, vì vậy chúng tôi đi bộ xuống con dốc ra bờ sông. Cô nói, “Ở làng cũ của chúng tôi, xuống sông rất dễ. Chúng tôi có thể tắm, bơi và nghỉ ngơi trên bờ cát. Giờ chúng tôi câu cá cũng không được vì đoạn sông này là của ngôi làng bên cạnh.”

Nhóm chúng tôi dành vài giờ trò chuyện với dân làng và tìm hiểu tình cảnh nghèo khó của họ. Với bộ máy an ninh chặt chẽ của Lào, chúng tôi rất ngạc nhiên khi họ thật thà kể đủ chuyện cho chúng tôi. Chúng tôi được biết

trong 18 tháng kể từ khi chuyển đến làng này, không ai trong chính quyền địa phương đến làng kiểm tra tình hình. Trước đó, chỉ có những khách bên ngoài từ một tổ chức phi chính phủ nhân quyền quốc tế nổi tiếng đến thăm. Cuối cùng, tất cả chúng tôi cùng ngồi trong nhà của trưởng làng, không khác với những ngôi nhà khác, nghe kế hoạch của ông nhằm cải thiện tình hình ở làng tái định cư này.

“Chúng tôi chẳng làm được gì nhiều”, ông nói. “Khi chúng tôi được tái định cư, tôi thấy một hợp đồng hứa hỗ trợ tài chính 2 năm. Sau đó, công ty xây đập chỉ trả trước cho chúng tôi 6 tháng. Tôi đã đến gặp công ty, những người ở đó nói họ đã trả tiền cho chính quyền tỉnh. Họ đề nghị chúng tôi trình bày với chính quyền tỉnh. Chính quyền phải đảm bảo tiền hỗ trợ được phát cho chúng tôi, nhưng tôi sợ tham nhũng đã cướp mất số tiền đúng ra là của chúng tôi. Chúng tôi không biết chuyện gì đang diễn ra giữa công ty xây đập và chính quyền tỉnh. Tôi định đi Viêng Chăn. Có thể ai đó sẽ chịu lắng nghe tôi.”

Người phụ nữ trung niên chúng tôi đã gặp khi mới đến nói thêm, “Mọi thứ rồi cả lên vì dù có vẻ như chính quyền và công ty đang cố giúp chúng tôi nhưng vẫn không hiệu quả. Mọi người đang bắt đầu bán nhà và đất của họ. Họ dựng những túp lều nhỏ hơn gần làng cũ”. Lộ rõ vẻ tuyệt vọng nhưng cô vẫn nhiệt tình trong suốt chuyến thăm của chúng tôi. Khi cuộc trò chuyện kết thúc, chúng tôi bắt tay với nhiều dân làng và chỉ mong tình hình của họ sẽ tốt lên. Kể từ chuyến thăm đó, tôi đã trao đổi những quan sát của chúng tôi với cả viên kỹ sư trưởng công ty xây đập Trung Quốc, ông ta nói tất cả các nhu cầu tái định cư nên được đáp ứng và mọi vấn đề còn lại cần phải đề đạt lên chính quyền tỉnh. Tôi chưa quay lại làng này để nắm bắt diễn biến và không có cách nào liên lạc với dân làng từ xa. Lúc chúng tôi

rời làng hôm đó, người phụ nữ trung niên nói khi chia tay, “Hãy trở lại. Các anh luôn được chào đón tham quan sự nghèo khó của chúng tôi!”.

Không phải tất cả các làng tái định cư ở Lào đều phải đối mặt với những thách thức như nhau để phục hồi sinh kế bền lâu cho dân làng. Cuộc sống mới của 2.000 dân bị di dời để xây đập Xayaburi khổng lồ trên dòng chính phía nam sông Mekong thường được truyền thông quốc gia và khu vực đưa tin như là một điển hình tích cực về tái định cư. Nhưng đập Xayaburi từ lâu đã bị quốc tế chăm chú theo dõi, trong khi các đập Nam Ou và tác động của chúng hầu như không được biết đến. Sự chú ý quá mức vào đập Xayaburi đảm bảo những kết quả tốt hơn - những kết quả các quan chức chính quyền ở Lào nhanh chóng khoe khoang. Ở Lào và khắp khu vực sông Mekong, người ta có thể thấy rất nhiều chương trình tái định cư mà ở đó, cuộc sống của người dân bị ảnh hưởng tồi tệ hơn nhiều so với trước. Đầu những năm 2000, chính phủ Lào đã đưa ra một loạt chính sách tái định cư do Liên Hiệp Quốc tài trợ để xóa bỏ sản xuất thuốc phiện ở vùng cao. Quá trình này bao gồm việc di chuyển phần lớn người sắc tộc H'mông từ các đỉnh núi xuống giữa sườn núi. Không có thu nhập từ loại cây trồng chính và sau khi bị chuyển đến một môi trường nông nghiệp hoàn toàn lạ lẫm, người H'mông bị di dời như cá ra khỏi nước. Tỷ lệ tử vong ở những ngôi làng này cao gấp bốn lần so với trước khi tái định cư.

Giới quan sát nhanh nhẩu chỉ trích chính phủ Lào về việc thiếu các quy định hay tiêu chuẩn trong quá trình tái định cư thường so sánh sự thiếu luật lệ này với không khí “miền Tây hoang dã”. Tuy nhiên, chuyên gia về Lào Mike Dwyer cho rằng thật sai lầm khi mong chờ luật lệ vì điều đó có nghĩa là chính phủ Lào có khả năng quản lý nhà nước phù hợp và các tiêu chuẩn ở Lào được áp dụng tương đối đồng đều trong một không gian đồng nhất^[76]. Ở Lào, hiệu lực luật lệ được thấy rõ nhất ở những nơi gần các trung tâm

quyền lực và càng về ngoại vi và lên núi càng yếu dần. Cách nghĩ Lào như một nhà nước mandala giúp sáng tỏ hơn khi diễn giải hiệu lực của luật lệ. Kết quả tái định cư rất khác nhau giữa các cộng đồng và thường tốt hơn khi định cư gần các trung tâm quyền lực. Ví dụ, thử xem xét các trường hợp bị coi là sai trái khác, văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã ban hành lệnh cấm xuất khẩu gỗ vào đầu năm 2016, nhưng lệnh cấm này hầu như bị các địa phương lờ đi. Truyền thông Đông Nam Á đưa tin rộng rãi tỉnh trưởng Attapeu tiếp tục cho đốn hạ cây tại các sườn núi ở Nam Lào và bán gỗ quý cho Việt Nam. Phải mất nhiều tháng để các cơ quan cấp quốc gia ở Viêng Chăn bắt giữ tay tỉnh trưởng tệ hại này^[77]. Lào cũng có luật xử nghiêm việc buôn bán động vật hoang dã, nhưng sòng bạc Kings Romans ở vùng ngoại vi phía bắc tiếp tục phát triển mạnh buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã. Những kiểu như thế vẫn tiếp diễn.

Cứ ba người ở Lào thì có một người đủ điều kiện là người Zomia. Thực ra, chính phủ Lào từng chính thức định nghĩa sắc tộc không phải trước tiên là sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hóa, mà là nhóm sắc tộc đó đa số sống tại chỗ nào ở các dãy núi và thung lũng. Người *Lào Lùm*, người Lào ở vùng thấp, chiếm 68% dân số và cư trú ở các thung lũng và đồng bằng nước này. Người Lào trung du, hay *Lào Thong* (22% dân số) sống ở lưng chừng núi, còn người Lào vùng cao, hay *Lào Sùng* sống gần các đỉnh núi. Chẳng có gì ngạc nhiên, người Akha, cũng có mặt ở Lào, được xếp là *Lào Sùng*. Cùng với các nhóm lớn khác như người H mông, người Iu Mien và người Khmu, họ thuộc 150 nhóm sắc tộc sống ở độ cao hơn 300 mét. Giống như những người Zomia khác được nêu trong sách, các sắc tộc này canh tác đốt nương phát rẫy (nhiều người vẫn trồng thuốc phiện), săn hái và buôn bán các lâm sản có giá trị như nấm, da thú và dược liệu với vùng đồng bằng của Lào. Ngày nay, chính quyền Lào muốn gọi các nhóm sắc tộc bằng tên sắc tộc của họ thay vì gộp họ lại với nhau theo vị trí của họ trên sườn núi. Điều đó là do

các khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa giữa các nhóm được gộp lại khá lớn. Tuy nhiên, chính quyền Lào có ít nguồn lực để tiến hành việc đó, vì vậy cách phân loại thành ba sắc tộc vẫn còn phổ biến trong tiếng Lào.

Đối với người Zomia ở Lào, tái định cư đã là một thực tế phải chấp nhận trong năm thập niên qua. Mục đích của tái định cư thể hiện dưới nhiều hình thức từ khi Xiêm bắt đầu thừa giãn dân trong không gian Lào nhiều thế kỷ trước. Vào những năm 1970, chiến tranh du kích giữa Pathet Lào và chính phủ Hoàng gia Lào, một chế độ quân chủ lập hiến sau này được CIA hỗ trợ, thường buộc cả hai bên phải liên minh với các nhóm sắc tộc vùng cao. Trong cuộc xung đột và vào những năm 1980, sau khi phe cộng sản nắm quyền vào năm 1975, các cộng đồng vùng cao không liên minh với Pathet Lào trong những năm chiến tranh buộc phải tái định cư ở các ngôi làng ven đường ở đồng bằng để dễ canh chừng và ngăn chặn họ liên kết với các nhóm thù địch^[78]. Trong những năm 1990, kinh tế Lào bắt đầu phát triển ở chừng mực nào đó, và chính quyền xem sự phát triển của tiểu chủ, nông nghiệp tư nhân là ưu tiên hàng đầu. Do các vùng cao thiếu đất canh tác (ít nhất là trong mắt chính quyền đồng bằng) và vùng đồng bằng có mật độ dân số thấp, chính quyền Lào bắt đầu đưa người vùng cao xuống sống ở các thung lũng vùng thấp tham gia sản xuất nông nghiệp thâm canh.

Cách làm đó có ba mục tiêu. Đầu tiên là mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo của nước này. Điều đó đòi hỏi phải chấm dứt các hoạt động kinh tế không tham gia vào nền kinh tế tiền tệ. Dù nhiều nhóm vùng cao có sẵn các nguồn tài nguyên rừng và lương thực mang lại cho họ một cuộc sống tương đối sung túc, họ vẫn bị xem là “nghèo” vì có thu nhập bằng tiền ít. Chấm dứt lối sống chỉ cần đủ ăn cũng nằm trong mục tiêu thứ hai là đưa các nền văn hóa vùng cao vào vấn đề bản sắc Lào rộng lớn hơn - biến những người Zomia thành người dân của một quốc gia Lào. Mục tiêu cuối cùng, việc xóa bỏ nền

nông nghiệp đốt nương phát rẫy được đặt ra để làm giảm lo ngại của chính phủ Lào là việc đốt nương phát rẫy sẽ phá hoại công cuộc kiến thiết quốc gia và sự phát triển tích cực về dân số của Lào^[79]. Nhưng đến năm 2005, 50% dân số Lào vẫn đốt nương phát rẫy trồng lúa. Những nỗ lực tái định cư đã giúp một số dân vùng cao tiếp cận các tiện nghi hiện đại hơn như trường học và trạm y tế, nhưng nhìn chung nó đã thất bại. Lào thiếu hẳn đất bằng phẳng, màu mỡ để canh tác các loại cây trồng năng suất cao với công nghệ hiện đại. Điều này dẫn đến tình huống nghịch lý được nhà địa lý Đông Nam Á Jonathan Rigg mô tả là tình trạng thiếu đất xảy ra ở quốc gia có mật độ dân số thấp nhất ở châu Á^[80].

Trong thập niên vừa qua, đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc, và sự phát triển kết nối đóng vai trò là các nhân tố thay đổi tình hình nhanh chóng làm giảm mật độ dân cư ở vùng đồi núi của Lào. Các đỉnh núi và thung lũng xa xôi không còn là làng quê hẻo lánh của các sắc tộc, mà là kho báu các tài nguyên thiên nhiên mới được tìm ra như cây gỗ cứng, khoáng sản quý hiếm và các địa điểm xây đập thủy điện, lập đồn điền cao su có thể làm giàu cho các nhà đầu tư nước ngoài và thu thêm thuế mới cho chính phủ Lào. Với lịch sử là khu vực tranh chấp trước đây giữa các lực lượng bên ngoài, việc mở rộng cửa cho nước ngoài lúc này giúp giới chóp bu Lào hưởng lợi từ việc cấp giấy phép và cung cấp quyền khai thác cho các nhà đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, trách nhiệm tái định cư người dân vùng cao đầy khó khăn giờ được chuyển cho nhà đầu tư nước ngoài. Dân tái định cư có thể được đưa vào làm việc tại các đồn điền cao su trên đồi núi. Hay với việc sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón nhập khẩu, số lao động của các đồn điền nông nghiệp rộng lớn ở đồng bằng có thể được sử dụng hiệu quả. Tình thế mới này tạo ra cảnh huyền ảo tái định cư hoàn toàn coi nhẹ và bỏ qua các nhu cầu và tập tục văn hóa của người Zomia ở Lào. Và cũng như ở Trung Quốc, quá trình này đã xóa đi giá trị của canh tác đốt nương phát rẫy

và các cánh rừng do cộng đồng quản lý. Nó cũng đã thay thế giá trị văn hóa quan trọng của các lâm sản trong những khu rừng đó bằng giá trị của các sản phẩm như cao su, khoáng sản, và điện từ các đập thủy điện.

Một quan chức Lào cấp cao từng nói với tôi, “Vấn đề tái định cư liên quan đến các nhóm thiểu số, vì vậy đây thực sự là một vấn đề về người thiểu số”. Trong những ngôi làng tái định cư, việc đi học, tiếp cận truyền hình hay Internet có thể tạo điều kiện cho lối tư duy toàn cầu hóa hơn và đưa những cá nhân trước đây gắn chặt với cộng đồng vùng cao sang một lối sống hiện đại. Nhưng ở cấp độ cá nhân, tái định cư chỉ thành công chừng nào những người tái định cư tích lũy được lợi ích cụ thể cho sinh kế của họ hay của con cái họ. Nếu không, họ có thể sẽ hành động theo kiểu Zomia điển hình và quay về lại những ngọn đồi sẵn tài nguyên. Nhưng việc quay lại có thể khiến họ có nguy cơ xung đột với các công ty bên ngoài hiện đang xem những ngọn đồi là khu vực hoạt động thương mại được cấp phép.

Thực vậy, đó là điều nhóm tôi đã thấy khi đến thăm khu tái định cư Nam Ou và trong chuyến đi sau đó đến một thị trấn tái định cư lớn hơn nhiều dọc theo sông Nam Khan ở phía đông của thành phố Luông Pha Băng. Ở đó, công trình hai con đập do Trung Quốc xây dựng và vận hành đã dồn đẩy đến đây hơn 1.000 dân làng từ hơn 10 nhóm sắc tộc vùng cao. Những điều quan sát được ở làng tái định cư Nam Ou cũng lặp lại ở đây. Các gia đình không có đất canh tác, hỗ trợ tài chính bị treo lại, và dân làng ngày càng ngập trong nợ nần. Tuy nhiên, tại làng này, hầu hết những người trong độ tuổi lao động đã được nhận vào làm việc tại đồn điền dưa hấu của người Trung Quốc gần đó. Tiền lương của họ thấp hơn những người Trung Quốc di cư làm việc cùng họ, và nhiều người phản nản da bị nổi mẩn ngứa do tiếp xúc thuốc trừ sâu. Dân làng cho biết họ không được đào tạo về cách

sử dụng các hóa chất và để ý thấy các công nhân Trung Quốc hằng ngày dùng thuốc phòng ngừa và các biện pháp an toàn khác trước khi đi làm.

Một số người trong thị trấn tái định cư vừa chuyển đến đây vì làng cũ của họ, cách đó 40km, bị ngập trước đó vài tuần. Sau đó, nhóm của tôi chạy xe đến khu bị ngập và thấy một cộng đồng sung túc gồm ba mươi gia đình đang bám lấy sườn núi ngay phía trên chỗ làng cũ. Những người bám trụ này đã dựng những túp lều nhỏ làm từ cỏ và tre, đào một giếng nước dùng chung, và lập một chợ nhỏ ven đường. Trẻ em đang chơi trên những con đường đất vừa đắp, và những ngọn đồi xung quanh tất bật dân làng trồng lúa, chăn cừu, thu hoạch đu đủ và các loại hoa quả khác. Tôi hỏi một người tại sao anh chấp nhận sống trong điều kiện này khi có một ngôi nhà to lớn đang chờ anh gần Luông Pha Băng. Anh ta trả lời, “Tôi đã ở thử tuần trước, nhưng tôi có mọi thứ tôi cần ở đây, ở nhà tôi. Sống ở đây đối với tôi quan trọng hơn là sống trong một ngôi nhà ô nhục xung quanh toàn người lạ. Và không ai được đến đây buộc tôi phải dùng những gì tôi làm. Người Trung Quốc và chính quyền đã kiếm được tiền từ việc tái định cư chúng tôi rồi.”

Chính phủ Lào muốn xây dựng hơn 140 đập trong phần lưu vực sông Mekong ở nước này. Con số xây đập hiện tại có nghĩa việc di dời khỏi các dự án thủy điện đã trở thành động lực chính của việc tái định cư và di dân nội bộ ở Lào. Lúc xuất bản sách này, hơn 50 con đập đã bắt đầu xây dựng. Chỉ có 2 con đập hiện đang được xây trên dòng chính (Xayaburi và Don Sahong) và một đập khác đang chuẩn bị xây tại Pak Beng, các con đập này sẽ làm ngập các vùng cao. Trong mắt nhà nước Lào, sự hấp dẫn của việc xây thủy điện nằm ở chỗ người dân vùng cao sẽ phải xuống khỏi vùng đồi núi tham gia vào thị trường lao động quốc gia. Tái định cư cũng biến người

dân vùng cao thành công dân chân chính của Lào, không còn lang thang hoang dại trên vùng đồi núi. Nhưng hơn thế nữa, đối với chính phủ Lào, xây nhiều con đập là cách duy nhất để chống lại sự tham lam lấn chiếm của các nước lân cận trong khi vẫn giữ được quan hệ tốt với họ.

Các nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và trữ lượng gỗ quý của Lào đều có giới hạn và đang cạn kiệt, và các mặt hàng này cùng với cây trồng nông nghiệp phải phụ thuộc sự biến động giá cả thị trường khu vực và toàn cầu. Lào là một thiên đường du lịch, như Costa Rica và nhiều quốc đảo nhỏ, nơi đây có vô số các kỳ quan danh lam thắng cảnh và trải nghiệm văn hóa độc đáo có thể khiến du lịch trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, thành công du lịch, giống như thu nhập từ hàng hóa, cũng chịu sự biến động của thị trường toàn cầu. Quan trọng hơn, du lịch là một ngành tương đối phi tập trung mang lại lợi ích cho rất nhiều thành phần, nhiều người trong số đó nghèo khổ. Lào là một quốc gia cộng sản hiện đại, cần tập trung của cải vào tay chính quyền để duy trì quyền lực. Du lịch lại bị cho là tác động theo hướng ngược lại.

Nhưng nhu cầu điện, nhất là điện từ các con đập mà giới lãnh đạo Lào tin rằng sẽ tồn tại trong một thế kỷ, đang ngày càng tăng ở các nước ngay cạnh Lào. Chừng nào sông còn nước thì đập còn sản xuất được điện. Các nước láng giềng của Lào đang đô thị hóa nhanh chóng và các nước kém phát triển như Campuchia và Myanmar đang đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng đưa điện về nông thôn trong thập niên tới. Chính quyền Lào từ giữa những năm 1990 đã muốn định vị nước này là “Nguồn điện của Đông Nam Á”, chiến lược mà nhiều người từ lâu mong muốn là vũ khí quyền năng sẽ mang lại cho Lào ngoại tệ mạnh cần có để cuối cùng được xếp vào hàng ngũ các nước hùng mạnh, thống nhất, và về mặt chiến lược bảo vệ mình trước các nước láng giềng. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thực hiện, Lào đang

ở ngã ba đường trong việc trở thành “nhà máy thủy điện” của khu vực này, và các tác động sinh thái từ cơn cuồng loạn xây đập ở hạ nguồn của Lào đang bắt đầu hiện rõ ở Thái Lan, Campuchia và Việt Nam.

XÂY ĐẬP Ở HẠ MEKONG

“**T**ôi suốt đời đánh cá. Đây là cuộc sống của tôi”, Nong nói, việc kiếm sống làm da người đàn ông trung niên này đen sạm xù xì. Anh ngậm điều thuốc trên miệng, nhặt tảo khỏi lưới đánh cá. “Cha tôi là ngư dân, con trai tôi cũng vậy. Nếu có cá trên sông, tôi sẽ đánh bắt cả ngày. Khi tôi còn nhỏ, cha tôi đưa tôi theo thuyền và giờ tôi vẫn đánh cá ở những nơi đó”, anh nói. Nong đi chân trần dọc theo bờ cát nhỏ ngay dưới tiếng ầm ầm của thác Li Phi tại Siphandone ở Nam Lào. Anh và tôi vừa trở về sau chuyến đi đến chân thác kiểm tra lưới và bẫy cá của anh.

Trong hai giờ qua, anh bày cho tôi ít nhất 10 cách bắt cá. Chiếc thuyền hẹp của anh, sức chở bốn người, được lắp vài tấm lưới đeo các vật nặng các cỡ ở mép lưới để sử dụng ở các đoạn khác nhau của dòng sông, tùy thuộc vào lực chảy và độ sâu của nước. Chúng tôi kiểm tra một vài cái đơm ở những chỗ nông nhiều cỏ ven sông. Tại một thác nước cao chưa đầy một mét, Nong ra khỏi thuyền và đi bộ hơn 10 mét dọc theo cây tre được buộc vào một cái đăng cá ngang con kênh. Những ngón chân thon dài của anh như những ngón tay quặp lấy cây tre. Bước trật, anh sẽ rơi xuống dòng nước chảy xiết bên dưới, nhưng sau mấy chục năm luyện tập, động tác giữ thăng bằng đó được thực hiện một cách dễ dàng. “Anh có muốn thử không?”, anh đùa. Tại vài nơi, anh kiểm tra các đơm tre bắt cá khi chúng

boi qua đặng cá nhưng không có con nào. Sau khi quay lại thuyền anh nói, “Tôi dựng đặng cá đó vào tháng 12, cuối mỗi mùa mưa. Để bắt cá, chúng tôi dùng tre trồng ở làng, dây nhập từ Thái Lan, lưới và dây cước từ chợ Nakasang phía bên kia. Mọi người thuộc thế hệ tôi đều biết cách sử dụng dây cước để đan lưới và làm các bẫy này, nhưng không phải tất cả thế hệ con trai tôi đều làm được. Một số rời khỏi làng kiếm việc bên ngoài, hay vào đại học.”

Chuyến đi câu buổi sáng của chúng tôi chẳng được gì nhiều, chúng tôi về lại bờ hồ với vài con cá nhỏ chỉ vừa trảng đáy cái xô đen. “Thường thời điểm này trong năm có nhiều cá, nhưng bây giờ khó tìm ra. Con người cũng đang thay đổi”, anh nói. “Họ ít chân thật hơn, tôi chẳng biết vì sao. Mọi thứ đều thay đổi trong ba, bốn năm qua. Nhiều ngư dân đang sử dụng dụng cụ bất hợp pháp và trộm cá. Họ tham lam và muốn có nhiều hơn. Cha mẹ ngăn con họ không được làm như thế, nhưng bọn trẻ vẫn cứ làm. Các nhà sư trong chùa bảo mọi người nên tử tế hơn. Khi nghe sư dạy họ vái lạy ghi nhận, nhưng rồi quay đi và hành động một cách ích kỷ”. Nong tiếp tục làm sạch lưới của mình cùng với nhóm bốn người bạn anh gặp ở đây hằng ngày. Ban ngày, khi anh và nhóm của mình không đánh cá, họ đánh bài và nhâm nhi cá nướng với những nắm xôi dưới bóng các cây cọ khổng lồ.

Siphandone, tiếng Lào có nghĩa “Bốn Ngàn Đảo”, là một trong những kỳ quan địa chất và danh lam thắng cảnh hùng vĩ của sông Mekong. Một đường đứt gãy lớn đẩy cao đáy sông Mekong cắt ngang dòng chảy và buộc con sông phải tràn qua một mê cung kênh và ghềnh thác rộng 14km. Trên các kênh có vô số đảo, một số đủ lớn để hình thành các thị trấn và số khác nhỏ đến mức chỉ có vài bụi cây và những con chim di trú tìm chỗ làm tổ. Một số đảo nhỏ hơn hoàn toàn ngập trong nước suốt sáu tháng mùa mưa. Thảm thực vật tươi tốt Siphandone và nhiều đảo không có người làm cho

nó trở thành nơi ở lý tưởng của hàng trăm loài chim di trú và bản địa. Tôi thấy một số cây tại Siphandone là lớn nhất và ấn tượng nhất trong toàn lưu vực sông Mekong. Trên những cây cao nhất, bộ rễ 3 mét phôi ra trong mùa khô tạo ra một bộ râu rồi rũ thả theo dòng nước. Những cây cao khác như bị uốn ở lưng, thân chính và thân phụ của chúng đứng thẳng nhưng cành và lá ngã ra song song với mặt sông. Đó là bằng chứng rõ ràng sức mạnh của nhịp lũ sông Mekong, buộc các ngọn cây phải chịu thua dòng chảy dâng cao và mạnh mẽ. Sự tồn tại của cây cũng là minh chứng cho sự kiên cường bẩm sinh của chúng. Trong mùa mưa lũ, nước tràn ra các vùng đầm lầy bên cạnh xóa sạch một phần thảm thực vật của đầm lầy làm chúng thối rữa và cung cấp nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng cho cá và các loài thủy sản khác^[81]. Khi các dòng nước của con sông chảy đến biên giới Lào với Campuchia, đường đứt gãy sụt mạnh 20 mét tạo ra những thác nước ấn tượng nhất châu Á.

Ở Siphandone, từ đảo này qua đảo khác chỉ có thể đi bằng thuyền, và khi lên các hòn đảo có người ở, có thể đi quanh bằng xe máy, xe đạp hay đi bộ vì hầu hết các đảo không có đường rộng cho xe ô tô. Trên thuyền chen chúc dân địa phương, các nhà sư, và đôi khi du khách, đến các đảo này bằng cách đi taxi từ cảng trong đất liền tại Nakasang. Lần đầu tiên đến đảo Don Khone ở Siphandone, tôi suýt làm chiếc xe máy thuê rơi xuống sông khi tôi không thể chạy lên được tấm ván rộng chưa đầy một mét gác lên chiếc phà hẹp. Từ lâu rồi, các hòn đảo là nơi sinh sống của các cộng đồng ngư dân tận dụng các chỗ cạn khác thường, các vùng nước sâu, và thác nước của Siphandone vốn tạo điều kiện cho việc di chuyển của các luồng cá di cư ở hệ thống sông này. Dân địa phương nhớ lại một thời có nhiều cá đến nỗi khi không bán được ở chợ phải vớt ra đồng lúa làm phân bón. Điều đó đã chấm dứt vào những năm 1990, không phải vì không còn cá để đánh bắt, mà vì đường sá tốt hơn mang lại cơ hội cho những người thương lái mua cá

từ Siphandone mang đi bán ở các chợ xa tận Viêng Chăn và ở bên kia biên giới với Thái Lan.

Tìm Siphandone trên Google chắc chắn sẽ thấy những bức ảnh ngư dân địa phương kéo lưới hàng tấn cá trong những cái bẫy dài gọi là *lee* buộc cá chảy xuôi dòng đến một nơi dốc lên. Khi ở trên dốc, cá bị mắc kẹt, không thể quay lại sông. *Lee* được đặt ở phía dưới thác để bắt những con cá di cư bị rơi xuống thác khi chúng đang tìm một kênh thoát để lên thượng nguồn. Kênh chính duy nhất không có thác nước là kênh Hou Sahong tạo thành ranh giới giữa đảo Don Sahong và đảo Don Sadam. Từ khi đường đứt gãy xuất hiện, Hou Sahong là kênh chính duy nhất cho hàng trăm loài cá di cư bị ngăn đường đến thượng nguồn và hạ nguồn của sông này. Kênh hẹp dài 5km này rộng chưa đến 200 mét và sâu vài mét. Và Lào đang xây dựng một con đập trên đó.

Về mặt kỹ thuật, Dự án Thủy điện Don Sahong, con đập 260 megawatt dự kiến hoàn thành vào năm 2020, đang được xây dựng, sở hữu và vận hành bởi Mega First, một công ty Malaysia sản xuất bóng đèn chưa từng xây đập. Nhưng sau khi được cấp phép xây dựng, Mega First đã ký hợp đồng thầu phụ với Sinohydro của Trung Quốc để xây con đập. Do con đập ở vị trí án ngữ chặn cá di cư qua kênh Hou Sahong và vị trí của nó cách biên giới Campuchia chưa đến 2km, dự án Don Sahong đã trở thành dự án gây tranh cãi nhất vùng này. Các nước ở hạ nguồn, cả ủy ban Sông Mekong của Campuchia và của Việt Nam đều lên tiếng phản đối con đập này ngay từ khi nó được đưa ra thảo luận lần đầu vào năm 2009^[82]. Từ đó đến nay, các nhóm xã hội dân sự quốc tế và địa phương ở Campuchia, Việt Nam và Thái Lan đã tổ chức các cuộc vận động và phản đối việc xây đập.

Năm 2014, Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) đã phát động một chiến dịch “Nói không với đập Don Sahong”, nêu tác động tiềm ẩn của đập này lên an ninh lương thực của hàng triệu người vùng sông Mekong. “Hơn một phần tư triệu người trên thế giới đang gửi một thông điệp mạnh mẽ và rõ ràng tới công ty Mega First. Dừng đập Don Sahong hay mang tiếng đầy nhanh sự tuyệt chủng của một loài”, Chhith Samath - cựu giám đốc quốc gia của WWF nói trong một tuyên bố trực tuyến năm 2014. Ông đề cập đến sự tuyệt chủng có thể xảy ra của một đàn cá heo nước ngọt sống trong vực sâu cách vách đập vài trăm mét. Ông nói tiếp, “Đập Don Sahong là một thử nghiệm nguy hiểm và công ty Mega First đang đánh bạc với sinh kế của hàng triệu người”^[83].

Nhà báo kỳ cựu Tom Fawthrop, người đã không ngừng vận động để ngăn chặn các con đập trên sông Mekong qua các phim tài liệu như *Great Gamble on the Mekong* và *Where Have All The Fish Gone?* nói với tôi, “Đập Don Sahong và sắp tới một đập nữa tại Pak Beng đang thúc đẩy quá trình hủy diệt văn hóa và sinh thái. Một trong những con sông lớn trên thế giới, đầy đa dạng sinh học và sự sống đang bị đập chặn thành một luồng nước chết. Dòng chảy tự do của nó sẽ bị hủy hoại, thiếu chất dinh dưỡng và trầm tích. Nghề cá đã suy vi rất đáng lo”.

Tháng 10 năm 2013, chính phủ Lào gửi thông báo về việc xây dựng đập Don Sahong cho Ban Thư ký của Ủy hội Sông Mekong (MRC), tổ chức mà công trạng và thất bại của nó sẽ được đề cập ở phần sau chương này. Thông báo này là một thủ tục pháp lý bắt buộc theo Hiệp định Mekong 1995 được ký kết bởi bốn quốc gia Hạ Mekong (Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam) nhằm thúc đẩy việc sử dụng bền vững các tài nguyên chung của Mekong và giảm căng thẳng xuyên biên giới. Tháng 1 năm 2015 đã đánh dấu sự kết thúc của quá trình 6 tháng tham vấn khu vực được điều phối bởi

MRC, nơi các bên liên quan có thể lên tiếng lo ngại về các tác động của con đập và gửi đề xuất kỹ thuật giảm thiểu những tác động đó. Một trong những kết quả của quá trình này là việc Mega First thừa nhận rủi ro con đập gây ra đối với đa dạng sinh học cá ở sông Mekong. Quá trình tham vấn đã đưa ra một kế hoạch mới đào sâu và mở rộng bảy kênh khác xung quanh Hou Sahong để thúc đẩy tuyến lưu thông tự nhiên của cá thay vì hai kênh đặt ra ban đầu. Chính phủ các nước đã không thể nhất trí về con đập, và vào mùa thu năm 2015, người ta bắt đầu chặn cửa sông Hou Sahong và các nguồn nước bằng các giếng kín rút hết nước để bắt đầu xây dựng đập trên kênh.

Vào tháng 1 năm 2015, tôi đến Don Khone, Don Sahong và đảo Don Sadam cạnh đó, nói chuyện với hơn 50 cư dân từ nhiều làng để biết thêm ý kiến của họ về dự án này. Mặc dù Mega First và chính phủ Lào hứa cải thiện mức sống của người dân địa phương, không một người được phỏng vấn nào lên tiếng ủng hộ con đập. Sai, người lái thuyền đưa du khách đi xem những con cá heo nước ngọt cho tôi biết, “Con đập này sẽ khiến đời sống trở nên khó khăn. Chính quyền đã cấm đánh bắt cá bằng *lee* và bẫy rào để đảm bảo có nhiều cá qua được các kênh mới đào. Vì thế, giờ sinh kế của chúng tôi bị ảnh hưởng. Không một ai trên đảo này có thể sống với chỉ một nghề”. Ông nói tiếp, “Các gia đình đều phải đánh cá, trồng lúa, và làm dịch vụ du lịch để đủ sống. Cá vừa là thức ăn vừa là nguồn thu nhập chính của chúng tôi”. Sai được chia khoảng 30 đô-la một ngày từ nhóm 10 người luân phiên đưa du khách ra xem cá heo. Chừng nào bầy cá heo vẫn còn ở Siphandone, chúng còn mang lại nguồn thu nhập đảm bảo cho những dân làng này, vì chúng là động vật có vú cần có không khí, người ta chắc chắn sẽ thấy được cá heo. Khó kiếm tiền từ du lịch trong mùa mưa vì không có khách, và dòng nước chảy xiết làm khó nhìn thấy cá heo hơn. “Vì thế, chúng tôi đánh cá vào mùa mưa, nhưng con đập sẽ khiến việc đánh bắt cá trở nên khó khăn”, ông nói. Ông kể chuyện vài năm trước một số đại diện

nước ngoài của công ty Mega First mời những người đứng đầu và các nhân vật quan trọng của cộng đồng ở các làng xung quanh đến họp. Ai có mặt đều được phát 42.000 kíp Lào (5 đô-la). “Họ bảo chúng tôi rằng con đập sẽ không gây ra chuyện gì cả, nhưng chúng tôi bỏ về, lòng đầy ưu tư.”

Tôi cũng nói chuyện với Luong Siri, già làng ở Ban Hang Sadam, ngôi làng chạy gần với một kênh tự nhiên đang được mở rộng để cá đi qua dễ dàng hơn. Ông cũng nghi ngờ con đập. “Các kênh mới đó hẹp hơn nhiều so với kênh Hou Sahong. Một số kênh chỉ rộng vài mét. Ngay cả khi cá tìm thấy những kênh đó, tôi lo dân địa phương sẽ đặt bẫy rào giăng ngang kênh và bắt hết cá. Giá cá đang tăng tại các chợ địa phương, và dù Mega First cho biết họ sẽ cử nhân viên bảo vệ canh chừng các kênh này, vẫn sẽ có những sơ hở trong quá trình đó. Dân đánh bắt đi vào ban đêm để bắt cá hay họ sẽ mua chuộc bảo vệ.” Luong Siri rất có kinh nghiệm trong việc bảo vệ và bảo tồn cá. Ông được WWF huấn luyện để quản lý vài khu bảo tồn cá quanh đảo Don Sadam. “Trước khi xây đập này, mối đe dọa lớn nhất đối với nghề cá của chúng tôi là người Campuchia vượt qua biên giới đánh bắt bất hợp pháp trong các ngư trường truyền thống của chúng tôi. Họ sử dụng các phương pháp như đánh thuốc và sốc điện để giết cá”. Tất nhiên các cuộc phỏng vấn của tôi cũng phát hiện ra những trường hợp người Lào địa phương dùng các phương pháp tương tự để giết cá. “Giờ chúng tôi có dân làng đêm ngày tuần tra ngư trường, nhưng làm thế rất tốn kém, và đôi khi nhân viên tuần tra trốn việc.”

Luong Siri đề cập đến chuyện gần đây việc đánh bắt loài cá nổi tiếng nhất của Siphandone, *pa soi*, bị giảm sút. “Vào tháng 10, một mẻ lưới chúng tôi thường bắt được mười đến hai mươi ngàn con *pa soil*”, ông khoe. *Pa soi* thuộc họ cá chép, loài cá nhỏ, màu sáng thường được thấy rất nhiều ở hạ nguồn sông Mekong. Ngư dân bán phần lớn cá *pa soi* họ đánh bắt

được cho các công ty sấy khô và ướp cá để chế biến thành món mắm cá phổ biến nhất ở Lào là *padek*. *Padek* là một nguồn protein chính được sử dụng gần như khắp Lào để ăn với xôi và làm gia vị nấu ăn. Vài năm trước, Luong Siri cũng giám sát việc mở rộng các khu bảo tồn cá bao gồm hồ cá heo nước ngọt. “Cá heo không giống các loài cá khác”, ông nói. “Chúng chỉ sinh ba đến bốn năm một lần. Nếu chúng ta không cải thiện những nỗ lực bảo tồn, chúng sẽ biến mất! Số lượng của chúng đã thấp lắm rồi và thỉnh thoảng lại có một con chết trong lưới ngư dân”. Thật vậy, tại thời điểm xuất bản cuốn sách này, số lượng cá heo ở Siphandone đã giảm xuống còn năm con, một mức rất thấp dưới khả năng bình thường để đàn cá này phát triển mạnh trong tự nhiên. “Chúng tôi lo tiếng ồn của việc xây đập sẽ làm hại những con cá heo hay làm chúng sợ hãi bỏ đi”, ông kết luận.

Để đối phó với những quan ngại của cả trong nước và quốc tế, Bộ Năng lượng và Mỏ Lào đã đưa ra văn bản giải thích “Hỏi và đáp về Dự án Điện Don Sahong” và đăng tải trên trang mạng chính thức của bộ. Bộ Năng lượng và Mỏ là cơ quan chịu trách nhiệm phát triển năng lượng và thủy điện ở Lào^[84]. Không biết các câu hỏi được định hướng này từ đâu ra, nhưng rất thiếu cặn và không dẫn nguồn. Ba câu hỏi và trả lời chính thức của họ được nêu dưới đây.

Hỏi. Đây là những mối đe dọa lớn nhất đối với quần thể cá heo?

Đáp. Những rủi ro thực sự đối với sinh tồn của cá heo ở sông Mekong đã được ghi nhận rõ ràng. Đó là sự náo động của hoạt động du lịch; lưới rê và ngư cụ khác; và tỷ lệ tử vong cao

không giải thích được của cá heo con và chua trưởng thành^[85].

H. Một số người cho rằng DSHPP [Dự án điện Don Sahong] sẽ cắt đứt tuyến đường di cư duy nhất của cá qua thác Khone, gây tổn hại đến an ninh lương thực của hàng triệu người trong khu vực?

Đ. Thực tế là có nhiều kênh khác hỗ trợ cho cá di cư trong mùa khô, và việc nghiên cứu dự án này chỉ ra rằng các kênh khác có thể và sẽ được cải tạo giúp nhiều cá di cư hơn theo hai chiều trong cả hai mùa. Phát biểu về an ninh lương thực của "hàng triệu người" bị đe dọa chỉ là suy đoán và cường điệu được dựng nên để làm công chúng sợ và tranh thủ sự ủng hộ dành cho các nhóm chống xây đập. Các nghiên cứu và điều tra mở rộng xác nhận rằng dự án này sẽ không có tác động lớn nào đến dòng chảy chính của sông Mekong; cũng không ảnh hưởng đến sự di cư của cá hay dòng chảy trầm tích ở bất kỳ mức độ nào có thể làm hại các cộng đồng ở hạ nguồn. Hơn nữa, người dân Lào cũng dựa vào sông Mekong để kiếm sống và chúng tôi dự định nâng cao và cải thiện cuộc sống của họ, của con cái họ, cũng như sự bền vững nghề cá của khu vực này^[86].

H. Ngư dân cho biết lượng cá họ đánh bắt ở trên và dưới thác Khone đã giảm nhiều năm nay. Một con đập trên Hou Sahong sẽ làm cho mọi thứ tồi tệ hơn đối với họ?

Đ. Có nhiều nhân tố đang sau sự suy giảm sản lượng đánh bắt trong mùa khô ở khu vực này. Thứ nhất, do biến đổi khí hậu, mùa khô dài hơn và có ít nước hơn. Thứ hai, ngày càng nhiều người sử dụng nước nhiều hơn trong mùa khô cho thủy lợi, nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp. Do gia tăng dân số, thay đổi trong ngư cụ, bẫy cá lớn hơn, và nhu cầu thị trường việc đánh bắt quá mức diễn ra khắp nơi từ Tonle Sap của Campuchia đến thác Khone. Quá nhiều bẫy cá và không có các quy định hợp lý về môi trường và thực thi bảo tồn, có ít cá

hơn tìm được nguồn thức ăn và nơi sinh sản. Khi những tác động này được khắc phục, cá sẽ quay lại các kênh này.

Văn bản công bố cũng cho rằng đội quản lý đập có thể thực sự cải thiện các nỗ lực bảo tồn cá, khi khẳng định mối đe dọa chính đối với nghề cá Siphandone là đánh bắt quá mức, không phải do đập chặn con kênh. Để chắc chắn, văn bản nêu rõ: “Tuy nhiên, nếu tất cả việc khác thất bại (tăng lượng cá đi qua), chính phủ Lào sẽ yêu cầu công ty xây dựng ngừng hoạt động của đập”. Kết thúc, văn bản nêu:

Chính quyền địa phương và ban quản lý dự án thường xuyên liên lạc với các gia đình về thu nhập và sinh kế của họ. Nhìn chung, người dân Siphandone muốn xúc tiến dự án này. Họ không muốn phải rời đảo đi tìm việc làm. Họ muốn được đào tạo về những nghề mới: lái xe tải và thiết bị hạng nặng, sửa chữa ô tô, nghề mộc, vân vân. Họ muốn nhiều du khách đến đây thăm bằng ô tô và xe buýt để nhìn thấy tương lai chứ không phải quá khứ của Lào.

Ian Baird, phó giáo sư tại Khoa Địa lý của Đại học Wisconsin-Madison đã sống phần lớn đời mình ở Lào và khởi động các nỗ lực bảo tồn cá ở Siphandone vào năm 1993, nói với tôi rằng việc gièm pha nghề đánh bắt cá địa phương đã biến những ngư dân ở đây thành vật tế thần. “Các dụng cụ đánh cá quan trọng nhất của họ, bẫy cánh và bẫy rào đã bị luật thủy sản mới xem là bất hợp pháp. Nhưng chính phủ Lào chỉ bắt đầu thực thi luật này khi công ty đập chi tiền cho chính quyền địa phương triển khai”, ông nói để làm rõ rằng công ty đập Don Sahong chứ không phải chính quyền đứng đằng sau việc giải thích và thực thi luật đó. “Thực ra, lúc đầu công ty đập muốn bồi thường cho ngư dân không thể tiếp tục đánh cá để các con kênh trong khu thác Khone có thể được mở nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của

việc xây đập trên kênh Hou Sahong, kênh quan trọng nhất cho cá di cư trong khu vực thác Khone. Nhưng chính quyền Lào cho rằng điều dân địa phương đang làm là bất hợp pháp, và do đó không cần phải bồi thường cho những người đánh bắt cá bất hợp pháp dù chỉ vài năm trước, chính quyền đã thu thuế hoạt động đánh bắt này, không xem là bất hợp pháp. Vì thế, dân địa phương không nhận được khoản bồi thường nào. Sinh kế của họ đã bị pháp luật coi là bất hợp pháp, và họ không nhận được gì để cơ bản giảm thiểu tác động của con đập”. Hiện tại việc đánh bắt đó đã bị cấm, Baird cho rằng nhiều khả năng cá sẽ đi qua các kênh này, nhưng sự gia tăng đó được đánh đổi bằng sinh kế của dân địa phương. “Những người phụ thuộc nhiều nhất vào nghề cá bị cấm không có các lựa chọn khác, họ không có nhiều đất canh tác. Họ chỉ có khoảnh đất nhỏ và đã theo nghề đánh cá từ rất lâu. Cấm sinh kế chính của người dân như thế mà không đền bù cho họ là rất bất công.”

Tháng 10 năm 2016, tôi trở lại đập Don Sahong, lần này là chuyến làm việc do chính phủ Lào sắp xếp cho tôi và vài đồng nghiệp. Tôi gặp nhóm bảo tồn cá của đập có các thành viên đã tích cực làm việc tại hiện trường trong 10 năm để tiến hành nghiên cứu về hoạt động đánh bắt cá quanh khu vực Siphandone và chuẩn bị các kênh tự nhiên khác cho cá đi qua. Nhóm nghiên cứu này có ngân sách 14 triệu đô-la để theo dõi hoạt động đánh bắt cá của 60 hộ gia đình trong thời gian 10 năm, bắt đầu từ 2009. Điều thú vị là theo kế hoạch, khoản tiền dành cho nghiên cứu cá này sẽ hết sạch vào năm 2019, năm đập Don Sahong sẽ vận hành kinh doanh. Một lãnh đạo nhóm cho tôi biết anh không chắc liệu có tìm được nguồn tài trợ mới để tiếp tục nghiên cứu sau khi con đập hoạt động, thời kỳ quan trọng nhất để nghiên cứu luồng cá di cư.

Nhóm bảo tồn cá rất tin tưởng các kênh mới được đào sâu và mở rộng sẽ tạo thuận lợi cho cá đi qua trong mùa khô. Chúng tôi được đưa đi kiểm tra các kênh mới này và cho xem dữ liệu chứng minh thực sự các loài cá quan trọng được ghi nhận đã đi qua các kênh tự nhiên được cải tạo này, nhất là trong các thời kỳ di cư cao điểm trong tháng 1 và tháng 2. Khi tôi hỏi có bao nhiêu phần trăm cá chắc chắn sẽ đi qua các kênh mới, một trưởng nhóm trả lời, “Chúng tôi không chắc lắm, nhưng chúng tôi đang cố gắng tuân thủ tiêu chuẩn MRC thúc đẩy 95% các loài cá đi qua được để bảo vệ đa dạng sinh học của dòng sông này”. Giờ cá có thể đi qua các kênh, nhưng khi đập mở, nước sẽ bị dẫn thêm vào hồ chứa của đập, làm giảm lượng nước chảy đến các kênh đã cải tạo. Điều đó dẫn đến rủi ro là mực nước ở các tuyến mới quá thấp cá không qua được, vì thế việc trong tương lai chuyện cá di cư lũ lượt trên sông vẫn là chuyện may rủi.

Nhóm bảo tồn cá cũng đưa ra vài sáng kiến có thể áp dụng nhằm ngăn cá bị hại hay chết vì con đập. Chúng tôi được xem một mô hình lưới ngăn cá chui vào cống dẫn nước thẳng đến các tua-bin của đập. Tấm lưới ngăn chặn hiệu quả những con cá lớn hơn 20cm đi qua đập - những con cá này sẽ phải quay lại và tìm lối đi xuôi dòng ở một kênh khác của dòng sông. Dù các phương án như vậy được đưa ra, chẳng có gì đảm bảo chúng sẽ hiệu quả. Do chi phí vận hành và bảo trì tốn kém, công ty Mega First có thể sẽ không dựng tấm lưới vì nó cần phải có hệ thống “cần gạt nước kính xe” rất tốn kém để làm sạch những thứ mắc vào lưới ngăn chặn nước chảy qua các tua-bin của đập. Mọi người chú ý nhiều đến các tua-bin “không làm hại cá” của con đập, các cánh của chúng được vẽ tròn và cách xa nhau để cá không bị thương hay bị giết khi chúng đi qua các cánh quạt đang quay của tua-bin. Điều này có vẻ phi lý vì cá bơi vào cống hẹp sẽ không thể thích ứng với thay đổi đột ngột của áp lực nước. Cá nổi được nhờ túi khí trong bụng

chúng và sự thay đổi áp lực có thể khiến túi khí của cá bị nổ. Điều tương tự cũng xảy ra đối với trứng cá và cá con đi qua các tua-bin.

Nhưng hai điểm vừa nói chỉ đúng với cá bơi xuôi dòng qua các tua-bin đập, và cá bơi xuôi dòng qua vô số kênh tại Siphandone. Vì thế nhìn chung, nếu cá tiếp tục ngược dòng qua các kênh mới được cải tạo trong mùa khô, các biện pháp bảo tồn này có thể hiệu quả. Kết luận này đã được thừa nhận trong các cuộc trao đổi với nhiều người chỉ trích việc phát triển thủy điện Mekong; tuy nhiên, những người chỉ trích này đã nhanh chóng chỉ ra việc cá đi qua thành công ở Don Sahong tạo ra tiền lệ nguy hiểm cho các con đập khác ở sông Mekong. Những người ủng hộ xây đập có thể bị kết quả của Don Sahong khích động. Nhưng sự khác biệt giữa Don Sahong và 180 đập còn lại trên sông Mekong là các đập đó không có điều kiện địa chất giúp tạo ra các tuyến tự nhiên cho cá bơi theo. Tất cả những con đập đó sẽ trải khắp toàn bộ sông Mekong.

Đập Xayaburi thường được ca ngợi là công trình sáng tạo toàn cầu trong công nghệ bảo tồn cá với thang cá dài 7km và bờ cản phù hợp cho cá vượt qua. Thiết kế đập cũng bao gồm một “thang nâng cá” chưa thử nghiệm được cho là sẽ nâng những con cá bằng cách nào đó chui vào buồng thang lên 32 mét và vượt qua tường đập đến hồ chứa phía sau nó. Hầu hết các công nghệ ở đập Xayaburi dựa trên các mô hình ở vùng tây bắc Hoa Kỳ có các thang cá hỗ trợ việc di cư của vài loài cá hồi. Vẫn chưa biết được công nghệ này sẽ hỗ trợ như thế nào cho hàng trăm loài cá có kích cỡ khác nhau di chuyển trên sông Mekong. Ngay cả khi một số loài cá vượt qua được, thông số nào chứng minh thành công? Ở cao điểm mùa di cư, sông Mekong quanh Xayaburi được biết là có tới 30 tấn cá đi qua mỗi giờ. Nước chảy là một tín hiệu thủy văn tự nhiên cho biết cá tiếp tục di cư ngược dòng. Cá bị rơi phía sau tường đập nằm trong hồ chứa sẽ ở trong những bể nước chảy

chậm hay tù đọng và sẽ bị mất tín hiệu đó. Như vậy, nhiều con cá sẽ không hoàn thành toàn bộ quá trình di cư ngược dòng về nơi sinh sản tự nhiên của chúng, làm giảm mạnh tỷ lệ sinh sản thành công.

Xem xét những kết quả không chắc chắn đó trong điều kiện của một dãy đập, chẳng hạn như năm đập chính được dự trù xây phía trên Viêng Chăn ở Bắc Lào, cơ hội bảo tồn cá nhằm duy trì đa dạng sinh học của sông này dường như còn mong manh hơn. Nếu 70% cá di cư ngược dòng có thể vượt qua con đập đầu tiên (một tỷ lệ thành công cao), và rồi 70% số cá đó đã vượt qua con đập tiếp theo, một nửa số cá trên sông đã bị loại bỏ. Đến khi cá vượt qua đập thứ năm, chúng chỉ còn 16%. Với tỷ lệ thành công 50%, chỉ có 3,1% sống sót sau khi chúng vượt qua đập thứ năm. Các tác động cộng dồn của dòng thác khiến hàng tỷ đô-la chi cho công nghệ bảo tồn cá có vẻ như là một sự lãng phí tiền bạc. Tiếp cận khác đi sẽ khiến hạ tầng bảo tồn cá có vẻ không cần thiết, nhưng với tỷ lệ thành công thấp đó, các nguồn lực dành cho các nỗ lực bảo tồn cá không thành công có thể được dùng vào việc duy trì các đoạn sông dài khác của sông Mekong và các sông nhánh của nó, để cá di cư có thể đến được các đoạn dài, không bị chặn của hệ thống sông này. Lối tư duy toàn lưu vực này có thể tập trung vào việc ngăn xây đập ở dòng chính của các sông nhánh quan trọng như sông Sekong, chảy qua Nam Lào và đổ vào sông Mekong ở phía bắc Campuchia. Cho đến nay, Sekong là sông nhánh dài nhất chưa xây đập trong hệ thống sông Mekong, nhưng các công ty thủy điện đang lượn quanh như kèn kèn để tìm cách xây đập trên sông này.

Xây đập ở Hạ Mekong không phải là ý tưởng xuất phát từ vùng này. Năm 1957, khi các kế hoạch của Mỹ cho sự thống trị kinh tế và chính trị ở

lục địa Đông Nam Á bắt đầu, một ủy ban của Liên Hiệp Quốc được thành lập để tìm cơ hội phát triển chung sông Mekong giữa 4 quốc gia Hạ Mekong^[87]. Đối với người Mỹ, một bán đảo Đông Dương thịnh vượng, thống nhất và tăng trưởng kinh tế mạnh nhờ vào thủy điện Mekong là một chiến lược lý tưởng để đẩy lùi các lực lượng từ Trung Quốc vào khu vực. Đó là một biện pháp phòng vệ cổ điển chống lại thuyết domino hiện bị khắp nơi vạch trần đã lôi kéo Mỹ vào một cuộc xung đột dữ dội và kéo dài trong khu vực. Tháng 4 năm 1965, Tổng thống Hoa Kỳ Lyndon Johnson nhận xét trong bài phát biểu tại Đại học Johns Hopkins, “Sông Mekong rộng lớn có thể cung cấp thực phẩm, nước và điện ở một quy mô lớn hơn cả công ty TVA của chúng ta”^[88]. Công ty Tennessee Valley Authority giám sát một dự án thủy điện và quản lý nước quy mô cực lớn do Tổng thống Franklin Roosevelt khởi xướng trong những năm khó khăn nhất của cuộc Đại khủng hoảng nhằm mục đích đưa vùng Appalachia nông thôn ra khỏi cảnh nghèo đói. Tầm nhìn của Johnson mang một tham vọng chiến lược.

Tổng thống Johnson đã chọn David E. Lilienthal, nhà quản trị công người Mỹ nhiều thập niên trước là giám đốc thiết kế và quản lý của Tennessee Valley Authority. Theo Lilienthal, khi đến Đông Nam Á vào năm 1967, ông phải thừa hưởng một đồng hỗn độn. Bất chấp đã chi hàng chục triệu đô-la để xây dựng kế hoạch của Liên Hiệp Quốc trong thập niên trước, ông nhận xét, kế hoạch tổng thể của sông Mekong đối với 14 đập trong lưu vực là “cách làm ‘hết dự án này đến dự án khác’ thường thấy”, thiếu một kế hoạch tổng thể, “lặp lại từ xa bản báo cáo hợp nhất đầy đủ mà TVA đưa ra vào năm 1936”^[89]. Nói cách khác, các con đập không được hình dung theo cách phối hợp để tối đa hóa lợi ích sản xuất điện và tưới tiêu. Cũng không có gì đảm bảo rằng kế hoạch Mekong này thuần hóa dòng sông đủ để ngăn chặn thảm họa thiên nhiên. Tầm nhìn phối hợp của ông sẽ sử dụng khả năng lưu trữ của các đập thượng nguồn để giảm nguy cơ lũ lụt ở hạ nguồn và giải

phóng nước trong mùa khô hay khi bị hạn hán để tưới cho đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ. Như mọi khi, trong mắt giới tinh hoa Hoa Kỳ, miền Nam Việt Nam - đầu cầu của Hoa Kỳ chống lại sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương, sẽ hưởng lợi lớn nhất từ việc lập kế hoạch ngược dòng.

Năm 1967, Lilienthal, giống như nhiều người thuộc giới tinh hoa Mỹ thời đó, rất lạc quan về một chiến thắng cuối cùng của người Mỹ ở Đông Nam Á. Ông so sánh tính phù du của viện trợ và phúc lợi do Mỹ hậu thuẫn ở Đông Nam Á với các cơ hội phát triển kinh tế mạnh mẽ do các con đập tiềm năng của ông mang lại. Nhưng ông đã hiểu lầm động cơ dân tộc và quyết tâm của các lực lượng cách mạng chiến đấu để Đông Dương thoát khỏi ảnh hưởng thực dân. Tầm nhìn của ông cũng ít quan tâm đến sự phong phú tự nhiên của hệ sinh thái dòng sông và cộng đồng lưu vực sông sẽ bị ảnh hưởng thế nào bởi các tác động môi trường do việc xây đập gây ra. Thực vậy, một báo cáo của Liên Hiệp Quốc từ đầu những năm 1970 có tên là “Mekong và Sinh thái” trình bày đầy đủ sự thiếu hiểu biết này. Báo cáo đã nêu, “Sông Mekong vốn có khả năng chịu đựng được thay đổi” nhờ tính đa dạng sinh học của nó. Áp dụng logic đa dạng hóa của kinh tế học vào sinh thái học, báo cáo này nêu tiếp, “tính đa dạng vốn gắn liền với sự ổn định, và do sự phức tạp đó, một sự thật không thể phủ nhận là sự thay đổi môi trường [do các con đập] dường như ít có khả năng gây hại ở lưu vực Hạ Mekong”^[90]. Sự thất bại và rút lui của Mỹ khỏi Đông Nam Á năm 1975 tạm thời làm ngưng tầm nhìn của Hoa Kỳ về việc xây đập ở lưu vực sông Mekong. Những kế hoạch đó nằm yên trong góc kệ đầy bụi ở các văn phòng chính quyền khắp vùng Mekong cho đến đầu những năm 1990, khi cuộc xung đột ở Campuchia rốt cuộc đã được giải quyết. Các quốc gia dọc sông Mekong một lần nữa có thể nghĩ đến sự phát triển các nguồn tài

nguyên Mekong, giờ không có thể lực bên ngoài nào điều khiển quá trình này nữa.

Ngày nay không thiếu các phân tích thẩm định của các chuyên gia chứng minh rõ ràng các con đập trên dòng chính sông Mekong là một ý tưởng tồi. Năm 2010, Trung tâm Quản lý Môi trường Quốc tế (ICEM), một tổ chức tư vấn môi trường do Úc điều hành đóng tại Hà Nội, đã thực hiện một nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược (SEA) do Ủy hội Sông Mekong tài trợ^[91]. Một trong những kết luận rõ ràng nhất của nghiên cứu này khẳng định chưa có đủ thông tin về số lượng và hành vi của các loài cá di cư trên sông. Hơn nữa, nghiên cứu này cho rằng trong năm 2010, mức độ thực tế mà các cộng đồng người trong lưu vực phụ thuộc vào lượng protein có từ việc đánh bắt cá nước ngọt cũng chưa được biết rõ. SEA đã đề nghị cấm việc xây đập trên dòng chính của sông Mekong trong 10 năm để có thể thực hiện thêm nhiều nghiên cứu. Ban Thư ký Ủy hội Sông Mekong đã thông qua khuyến nghị này, nhưng ngay sau đó vào năm 2011, chính phủ Lào đã khởi xướng quá trình tham vấn về đập Xayaburi. Việc xây dựng bắt đầu ở dự án 2 tỷ đô-la này vào tháng 3 năm 2012 và kể từ đó, dự án đã bị trì hoãn nhiều lần khiến chi phí tăng thêm 1,2 tỷ đô-la.

Nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược (SEA) năm 2010 nhấn mạnh độ rủi ro cao liên quan đến việc triển khai quá nhanh việc xây đập ở Hạ Mekong. Vào năm 2011, một nhóm học giả quốc tế và địa phương đã đưa ra cái gọi là “Báo cáo Costanza” tính toán giá trị kinh tế của các tổn thất dự kiến phát sinh trong quá trình xây đập. Ngoài việc đưa ra tình huống không xây đập trên dòng chính, Báo cáo Costanza rất hay vì nó đã tính toán giá trị ròng của nhiều kịch bản có thể xảy ra trong tương lai của các con đập trên dòng chính. Nó nghiên cứu một “tương lai rõ ràng” kết hợp tác động của 30 đập đã hoàn thành hay đang được xây tại thời điểm nghiên cứu, một

kịch bản thứ hai gồm 6 đập trên dòng chính sông Mekong ở Bắc Lào cộng với 30 đập sông nhánh mới ở Lào và Campuchia, và một kịch bản thứ ba bao gồm 11 đập chính cộng với 30 đập mới trên các sông nhánh. Báo cáo Costanza đưa giá trị tính bằng đô-la đối với các tổn thất đánh bắt cá tự nhiên, mất rừng và đầm lầy, tác động lên đa dạng sinh học và các tác động khác. Nó cũng bao gồm các ước tính kinh tế về một số lợi ích các đập mang lại như phòng chống lũ lụt, cơ hội sử dụng các hồ chứa của đập để nuôi cá và nuôi trồng thủy sản, và quan trọng nhất là sản xuất điện. Xuyên suốt ba kịch bản, phân tích của Costanza cho thấy Lào và Thái Lan thu được lợi ích kinh tế, nhưng thiệt hại chung của tất cả bốn quốc gia vùng Mekong vượt xa lợi ích riêng lẻ của Thái Lan và Lào. Ví dụ, trong kịch bản thận trọng hơn với 6 đập mới được xây dựng trên dòng chính sông Mekong, khoản lỗ ròng là 1 tỷ đô-la - về cơ bản trong trò chơi người được kẻ mất này toàn bộ lợi nhuận của Lào và Thái Lan bằng các tổn thất của Campuchia và Việt Nam^[92]. Kết quả ròng của việc xây dựng tất cả 11 đập trên dòng chính cộng với 30 đập trên các sông nhánh của sông Mekong là âm 66 tỷ đô-la.

Maureen Harris, Giám đốc Chương trình Sông ngòi Quốc tế Đông Nam Á, nói với tôi, “Bất chấp số lượng và tác động của các nghiên cứu trước đây, không có đủ nghiên cứu để hiểu được những công trình được lên kế hoạch sẽ làm xáo trộn trầm trọng tới mức nào các hệ thống sinh thái phong phú của sông Mekong cũng như an ninh lương thực và sinh kế hàng triệu người phụ thuộc vào chúng”. Sông ngòi Quốc tế (International Rivers) là một tổ chức phi chính phủ ở tâm điểm của cuộc đấu tranh toàn cầu nhằm bảo vệ các dòng sông và quyền lợi của các cộng đồng sống phụ thuộc vào chúng. Tổ chức này hoạt động với một mạng lưới quốc tế bao gồm những người bị các con đập ảnh hưởng, các tổ chức cơ sở, các nhà môi trường, giới ủng hộ nhân quyền, những người tham gia ngăn chặn các dự án phá hoại sông ngòi và khuyến khích đưa ra các phương án tốt hơn. Nhóm của

Maureen rất tích cực ở vùng Mekong. Trong cuộc trò chuyện của chúng tôi, Maureen chỉ ra rằng một cuộc khủng hoảng khu vực đang xuất hiện: Các cộng đồng ngư dân thông báo sự sụt giảm lớn về số lượng và nguồn cá, các thay đổi về dòng chảy theo mùa và chế độ lũ lụt. Bà nói thêm, “Tác động của nhiều con đập được lũy tích dồn lại, làm tăng áp lực lên sinh thái mong manh và dân cư địa phương ở vùng này. Dù không quá muộn để thay đổi tiến trình, nhưng với mỗi án mới, lưu vực này lại chìm sâu hơn vào một nơi chưa từng được biết đến.”

Lào và Campuchia có kế hoạch xây dựng hơn 180 đập trên các sông nhánh của sông Mekong. Chỉ riêng ở Lào có hơn 50 đập lớn đã hoàn thành hay đang xây dựng tại thời điểm in sách này^[93]. Ở vùng Mekong, lợi ích và tác động của các đập trên dòng chính được nghiên cứu kỹ hơn so với đập ở sông nhánh. Điều này một phần là do thẩm quyền của Ủy hội Sông Mekong chỉ chịu trách nhiệm lập kế hoạch và phân tích các đập trên dòng chính do các tác động xuyên biên giới rõ ràng của chúng. Quy trình bắt buộc của MRC đòi hỏi phải mời các nước hạ nguồn và các nhà quan sát bên ngoài phản biện các đập ở dòng chính. Ở mức độ nào đó, thẩm quyền của MRC khiến việc xây đập trên dòng chính trở nên khó khăn hơn. Điều này phần nào làm cho các chính quyền chuyển sang xây đập trên các sông nhánh của sông Mekong. Nhưng xây đập ở sông nhánh cũng có thể gây ra tác động thảm khốc không kém ở hạ nguồn. Năm 2012, một nhóm học giả do Guy Ziv, chuyên gia về nước của Đại học Leeds dẫn đầu, kết luận rằng việc xây dựng tất cả các đập trên sông nhánh đã được dự trù sẽ gây ra những tác động lên đa dạng sinh học cá và lượng cá ở bãi bồi ven sông tại Campuchia và Việt Nam nghiêm trọng hơn so với các đập trên dòng chính của sông Mekong^[94]. Kết luận của họ nhấn mạnh tầm quan trọng việc bảo vệ môi trường sinh sản của cá vốn chủ yếu nằm ở các sông nhánh của sông Mekong cách rất xa dòng chính. Một nghiên cứu bổ sung của các học giả

Đại học Quốc gia Úc thực hiện vào năm 2012 tìm hiểu nguồn thức ăn protein ở vùng này sẽ bị ảnh hưởng thế nào khi giảm lượng cá đánh bắt vì các con đập. Các tác giả nhận thấy với mười một đập trên dòng chính, người Campuchia sẽ mất tới 60% lượng protein và người Lào mất 24%. Tính thêm các đập sông nhánh, tổng tổn thất ở Lào có thể lên tới 43% và ở Campuchia tới 100% do các tác động lên hồ Tonle Sap^[95].

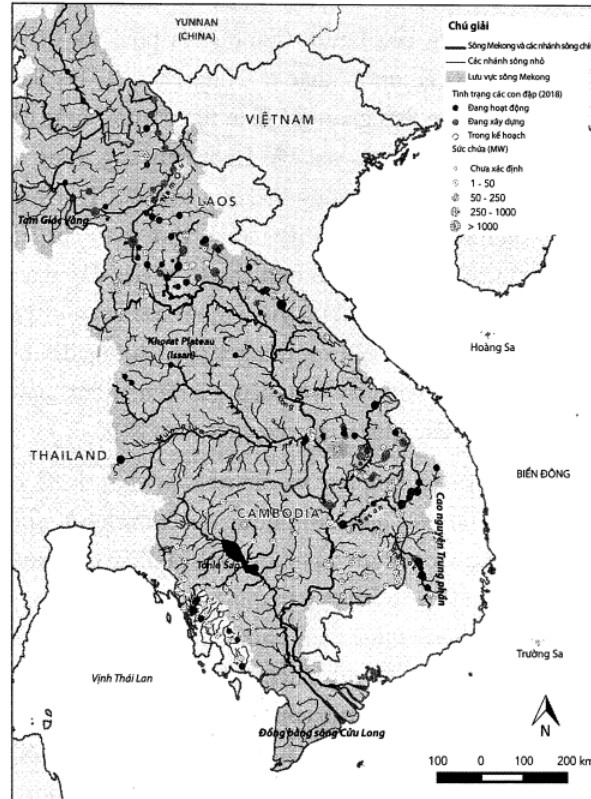
Trong các tài liệu về thủy điện trên sông Mekong, các nghiên cứu này, và nhiều nghiên cứu khác, là kinh điển và luôn được giới quan sát sông Mekong nghiêm túc xem là chuẩn mực. Thật không may, chúng ít được sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách ở các quốc gia Hạ Mekong, những người quyết định nơi đặt các con đập tiếp theo. Richard Cronin, giám đốc đã nghỉ hưu của Dự án Chính sách Mekong (Mekong Policy Project) của trung tâm Stimson Center, từng làm việc với các nhà hoạch định chính sách trong khu vực trong thập niên vừa qua về rủi ro của các con đập đối với hệ sinh thái dòng sông và cộng đồng ở hạ nguồn, kể cho tôi về những nỗ lực của ông khi kết nối với các nhà hoạch định chính sách. “Những nỗ lực riêng của Stimson để ‘thu hẹp khoảng cách’ giữa chính sách với khoa học không hiệu quả trong việc chống lại tác động dồn dập từ nỗi khao khát của các nước như Lào và Campuchia đặt sự phát triển của họ dựa vào việc khai thác nguồn nước để phát triển trong nước và xuất khẩu, và từ các lợi ích kinh tế và tài chính mạnh mẽ”. Ông tiếp tục, “Campuchia tìm cách khai thác các nguồn tài nguyên này để thu lợi nhuận và trong một số trường hợp là để bảo đảm an ninh năng lượng bằng cách cấp phép phát triển các dự án đập theo cái gọi là quan hệ đối tác công tư dài hạn. Do bản chất chuyên chế của hầu hết các chính quyền, tác động của các dự án phá hoại này đối với hệ sinh thái vùng Mekong và công dân ở đó, đặc biệt là các sắc tộc thiểu số, ít được quan tâm.

Sau những năm đó, tôi bắt đầu thông cảm với những người làm công tác quy hoạch nước và năng lượng trong cơ quan chính phủ các nước Lào và Campuchia, vì rốt cuộc họ là những con tốt trong cuộc chơi lớn hơn về lợi ích của giới chóp bu quyết định sự phát triển kinh tế. Sự nghiệp của các quan chức này phụ thuộc vào việc chứng tỏ sự phát triển, thường có nghĩa là xây dựng thêm đập hay nhà máy điện than để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, nhưng rốt cuộc hành động của họ là theo lệnh của người khác. Ở Lào, chính các công ty xây đập trước tiên tiếp cận các cơ quan chính phủ để bắt đầu quá trình xây dựng một con đập. Công ty xây dựng đó gần như chắc chắn là của nước ngoài vì rất ít công ty Lào có nguồn tài chính hay chuyên môn xây đập. Thật vậy, đến nay, hơn 50 công ty từ 10 nước đang xây đập ở Lào^[96].

Một công ty xây dựng thủy điện sẽ không bao giờ có được giấy phép xây đập nếu không có khách hàng thỏa thuận trước sẽ mua điện của con đập, vì vậy rốt cuộc số phận của lưu vực Hạ Mekong được quyết định bởi nhu cầu điện khí hóa của các trung tâm đô thị lớn như Bangkok và Thành phố Hồ Chí Minh. Phần lớn thủy điện của Lào hiện đang được đưa thẳng đến Bangkok với các trung tâm mua sắm khổng lồ như Siam Paragon sử dụng máy điều hòa làm mát *bên ngoài* khuôn viên của họ. Những trung tâm này tiêu thụ năng lượng còn nhiều hơn các tỉnh nhỏ ở ngoại vi Thái Lan^[97]. Chỉ riêng Thái Lan đã cần có dự trữ công suất điện bắt buộc khoảng 40%, nghĩa là tại bất kỳ thời điểm nào, quốc gia này cũng cần phải có nguồn công suất gấp gần một lần rưỡi nhu cầu điện lúc cao điểm. Bề ngoài Thái Lan cho rằng lưu trữ điện cao do sự mất ổn định lưới điện ở ngoại vi. Thực ra, giới chóp bu chính trị ở Thái Lan luôn đảm bảo các công ty năng lượng và các cơ quan kiểm soát chúng nhận được trợ cấp lớn để đầu tư các dự án năng lượng ngoài biên giới Thái Lan. Các công ty Thái Lan xây đập ở nước ngoài được bảo đảm tỷ lệ lợi nhuận trong các dự án ở nước ngoài. Toàn bộ

đập trên sông Mekong sẽ chỉ đáp ứng khoảng 7% tổng nhu cầu điện ở nội địa Đông Nam Á. Tìm ra cách để giảm tỷ lệ dự trữ cao của Thái Lan và đưa ra các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả hơn trong toàn khu vực sông Mekong sẽ dễ dàng dẹp bỏ nhu cầu xây đập trên dòng sông này.

Các nhà hoạch định chính sách năng lượng ở Lào và Campuchia cũng hành động theo các quyết định độc đoán của giới quan chức chớp bu bề trên hưởng lợi về mặt chính trị và cá nhân từ việc xây đập. Đập Don Sahong có ý nghĩa kinh tế rất nhỏ đối với Lào vì vị trí hẻo lánh, không kết nối với lưới điện quốc gia, và lượng xuất khẩu nhỏ sang Campuchia. Nhưng đập Don Sahong từ lâu đã được cho là dự án mang tính cá nhân của một cựu thủ tướng Lào có quê gần Siphandone. Ông muốn có một con đập cấp điện giá rẻ cho các doanh nghiệp mới quanh vùng Siphandone. Hầu hết các giao dịch hạ tầng đều là các hộp đen về chuyện các cá nhân thực sự hưởng lợi bao nhiêu từ việc xây đập, nhưng trong việc mua bê tông, máy móc và nhân công có rất nhiều cơ hội để chuyên tiền vào các tài khoản cá nhân. Phần lớn trong số 300 triệu đô-la chi thêm cho việc bảo tồn cát và hệ thống đẩy trôi trầm tích của đập Xayaburi được cho là rốt cuộc cũng đã nằm trong tay các cá nhân.



Bản đồ các đập ở Hạ Mekong

Đập Hạ Sesan 2 vốn nhiều tranh cãi, chặn hai sông nhánh lớn là Sesan và Srepok, được xây dựng để cải thiện hình ảnh chính trị của Thủ tướng Hun Sen trước cuộc bầu cử quốc gia năm 2018. Do mức độ cung cấp điện thấp và hệ thống truyền tải xây dựng kém cỏi, người Campuchia phải trả tiền điện nhiều hơn dân các nước khác ở Đông Nam Á. Hạ Sesan 2 là cơ hội cho Hun Sen giảm giá điện ngay trước cuộc bầu cử năm 2018, vì vậy ông đã yêu cầu Hydrolancang, công ty xây các đập ở thượng nguồn sông Mekong trên đất Trung Quốc, xây con đập 800 triệu đô-la này trong thời gian chỉ 3 năm. Nghiên cứu của Ziv đề cập ở trên cho thấy việc đập này chặn các sông nhánh chính sẽ làm giảm 9,3% lượng cá di cư của sông Mekong. Do nhu cầu xây dựng 300km đường dây truyền tải từ Phnom Penh đến chỗ con đập, giá điện không giảm sau khi đập này bắt đầu phát điện vào cuối năm 2017.

Nói chung, lưu vực này và các nhà quy hoạch nó bị bắt làm con tin cho một quá trình được quyết định bởi nhu cầu của thị trường ngoài nước và tham vọng cá nhân của giới lãnh đạo chính trị. Điều đó tạo ra một quá trình “hết dự án này đến dự án khác” không được điều phối và có phần hỗn loạn. Từ những chỉ trích của David Lilienthal ở trên có thể thấy rằng phương cách quy hoạch các con đập ở lưu vực sông Mekong trong thế kỷ 21 hiện nay kém được điều phối hơn so với cách Mỹ xây đập thung lũng Tennessee gần một thế kỷ trước. Dựa vào các công ty xây dựng nước ngoài chỉ làm trầm trọng thêm các vấn đề do cách làm “hết dự án này đến dự án khác” tạo ra, vì các công ty xây dựng nước ngoài vận hành đập không có động cơ phối hợp với nhau. Hơn nữa, các thỏa thuận đã ký với các công ty nước ngoài thường trao quyền sở hữu con đập cho công ty nước ngoài vận hành trong thời gian từ 25 đến 30 năm. Thông thường, các công ty vận hành này sẽ có lãi sau 12 hoặc 15 năm, từ khi đập đi vào hoạt động. Đến khi con đập được chuyển cho chính phủ Lào vài thập niên sau, nước Lào chỉ nhận được một phần rất nhỏ tiền bán điện. Vì hầu hết các đập chưa xây nên lợi ích tiền bạc thực sự từ các con đập của Lào sẽ chưa thể có được trước năm 2050. Năm 2015, Apisom Intralawan và nhóm học giả cập nhật Báo cáo Costanza đề cập ở trên để tính toán Lào sẽ thực sự thu được bao nhiêu từ việc xây loạt đập của nước này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi xem xét thiệt hại về đánh bắt cá, trầm tích, vùng đầm lầy, và các tác động xã hội khác, Lào sẽ tạo ra thu nhập ròng chỉ 700 triệu đô-la trong 50 năm từ xuất khẩu thủy điện^[98]. Để chuẩn bị cho việc bàn giao mấy chục năm sau, Lào sẽ cần phải chuẩn bị một đội ngũ lao động lành nghề để quản lý loạt đập sau khi tiếp nhận, cho đến nay việc chuẩn bị một đội ngũ như vậy hầu như không được quan tâm. Cuối cùng, cách làm “hết dự án này đến dự án khác” không có điều phối là nguyên nhân chính gây ra sự chỉ trích từ các chính phủ và cộng đồng ở hạ nguồn vì nó tạo nên các tình huống không lường trước được chắc

chấn sẽ gây ra những hậu quả thảm khốc cho những người bị ảnh hưởng ở hạ nguồn.

Vào tháng 10 năm 2016, nhóm của tôi đưa ra bản báo cáo tập trung vào việc phát triển thủy điện ở Lào, trong đó thảo luận việc vài tháng trước Ủy hội Sông Mekong đã cắt giảm một phần ba quy mô tổ chức so với trước và đóng cửa văn phòng Ban Thư ký Phnom Penh vào năm 2016 cùng nhiều nội dung khác, Ủy hội Sông Mekong (MRC) luôn nhận được tài trợ từ các chính phủ nước ngoài, chủ yếu là từ châu Âu và Úc, và báo cáo của chúng tôi cho rằng chính phủ các nước giảm tài trợ cho MRC vì họ nghĩ MRC là một cơ chế không hiệu quả để quản lý xuyên biên giới^[99]. Với giả định 5 năm tới hầu như sẽ quyết định liệu việc xây đập trên sông Mekong có vượt qua điểm không thể dừng, báo cáo này đề nghị các nước tài trợ tiếp tục giúp đỡ. Vài ngày sau, *Associated Press* đăng một bài báo cũng được đăng trên tờ *New York Times* “Nỗ lực tại Mekong thất bại sau nhiều năm hoang phí tài trợ nước ngoài”. Dẫn báo cáo của chúng tôi, bài báo cáo buộc MRC đã lãng phí 320 triệu đô-la tài trợ nước ngoài trong hai thập niên qua vào “các nghiên cứu không hiệu quả, những chuyến đi lãng phí đến các dòng sông ở Mỹ và châu Âu, và xử lý kém các quy trình pháp lý giúp bảo vệ tài nguyên của dòng sông và hàng triệu người sống trong lưu vực”^[100]. Năm 2016, các nước tài trợ đã cắt giảm hơn 50 triệu đô-la tài trợ cho MRC, đòi hỏi tổ chức này cắt giảm 100 trong số 160 nhân viên, nhiều người là các chuyên gia thủy điện từ các nước tài trợ đó. “Có nguy cơ MRC không được tài trợ sẽ mất thêm ảnh hưởng”, Kurt Morck Jensen, cố vấn chính của cơ quan phát triển Đan Mạch hỗ trợ Mekong nêu trong bài báo của *AP*. “Mặt khác, các nhà tài trợ không nên chăm sóc MRC mãi mãi.” Chính phủ Đan Mạch đã

chi 85 triệu đô-la cho MRC trong hơn hai thập niên trước khi kết thúc tài trợ vào năm 2015^[101].

Ủy hội Sông Mekong được thành lập năm 1995 như một phần của Hiệp định Mekong, thỏa thuận đa phương ký kết bởi Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam cam kết hợp tác tích cực trong việc phát triển bền vững các nguồn tài nguyên của nước sông Mekong. MRC được giám sát bởi một hội đồng gồm các nhà lãnh đạo cao nhất của 4 nước này, nhưng phần lớn công việc tại đây do Ban Thư ký thực hiện. Trước năm 2016, Ban Thư ký được tách ra hai trụ sở ở Viêng Chăn và Phnom Penh. Văn phòng Phnom Penh tập trung vào nghiên cứu thủy sản, và văn phòng Viêng Chăn xử lý tất cả các vấn đề liên quan đến quản lý nước xuyên biên giới. Đứng đầu Ban Thư ký là một giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm đưa ra các nghiên cứu, phân tích và đánh giá kỹ thuật liên quan đến một loạt vấn đề phức tạp như quy hoạch thủy điện, quản lý nghề cá và thủy lợi. Ban này cũng tiến hành phân tích tác động của biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai liên quan hạn hán và lũ lụt. Kết quả được chuyển đến các nước thành viên qua kênh của Ủy ban Quốc gia Sông Mekong đặt tại thủ đô của các nước thành viên và có nhân viên là viên chức nhà nước, chịu trách nhiệm phổ biến kết quả và tư vấn chính sách cho các bộ liên quan ở các nước này. Ủy ban Quốc gia Sông Mekong cũng chuyển dữ liệu và phân tích từ các bộ đó đến Ban Thư ký MRC. Ban Thư ký cũng chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan đến các dự án thủy điện và thủy lợi mới có ảnh hưởng đến dòng chính của sông này.

Vậy đâu là điều bất ổn tại MRC? Một trong những thất vọng lớn đầu tiên xuất hiện ngay sau khi MRC đưa ra nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược SEA 2010 khuyến nghị một lệnh cấm xây đập trên dòng chính trong vòng 10 năm cho đến khi các nghiên cứu kỹ hơn được hoàn thành.

Chính phủ Lào gần như phớt lờ khuyến nghị này, bất chấp phản đối của Campuchia và Việt Nam, và tuyên bố xây đập Xayaburi ngay sau đó. Một cú đánh khác vào uy tín của MRC xảy ra khi chính phủ Lào cho phép tiến hành chuẩn bị mặt bằng tại các địa điểm xây đập ở Xayaburi và Don Sahong, không cần thông qua quy trình tham vấn khu vực bắt buộc theo Hiệp định Mekong. Đối với đập Don Sahong, chính phủ Lào đã tránh quá trình tham vấn bằng cách ngay từ đầu tuyên bố vị trí đập không nằm trên dòng chính sông Mekong, vì nó không trải ngang toàn bộ dòng sông. Cuối cùng, Lào đã thuận theo áp lực khu vực ngày càng tăng và đưa đập Don Sahong qua quy trình tham vấn. Lào chẳng mất gì vì các quốc gia thành viên không có quyền phủ quyết hành động của các nước thành viên khác trong việc xây đập trên dòng sông này. Lào tiếp tục bảo vệ quyền chủ quyền của mình đối với việc xây đập trên sông. MRC đã phải hứng chịu những chỉ trích gay gắt, chế giễu tổ chức này thiếu khả năng ngăn chặn việc xây đập Xayaburi và đập Don Sahong do không đạt được sự đồng thuận của các nước thành viên hạ nguồn.

Một số nước thành viên MRC đã kêu gọi Trung Quốc nhập cuộc với tư cách thành viên chính thức từ khi Hiệp định Mekong được ký kết năm 1995. Trung Quốc chưa bao giờ tham gia, và việc nước này không tham gia đã làm giảm tính hiệu quả của tổ chức này. Bốn nước thành viên đã cùng nhau ra khỏi di sản Ủy hội chung của Liên Hiệp Quốc về phát triển sông Mekong được bắt đầu từ những năm 1950. Nhưng trong lịch sử, Trung Quốc đã tránh tham gia vào các cơ chế đa phương đòi hỏi nước này phải nhân nhượng chủ quyền và mở những cánh cửa đóng kín cho người ngoài. Điều này một phần là phản ứng đối với di sản Trung Quốc bị xâm chiếm bởi các cường quốc phương Tây đã chia cắt nước này thành những khu vực ảnh hưởng và đẩy nó vào một thế kỷ suy thoái. Các nước ở hạ nguồn cũng bị tổn thương vì thời kỳ thuộc địa và những nước yếu hơn như Lào và

Campuchia cần đứng ngang hàng với Thái Lan và Việt Nam. Do đó, Hiệp định Mekong không cho phép một quốc gia Mekong hay một nhóm thành viên phủ quyết hành vi của một nước khác. Do đó, tham gia MRC không đòi hỏi phải từ bỏ quyền chủ quyền. Nhưng lý do thực sự của Trung Quốc trong việc không tham gia MRC thực tế hơn. Với lợi thế địa chất của việc xây đập ở tỉnh Vân Nam, chính quyền Trung Quốc cần duy trì quyền xây đập ở thượng nguồn không chút chậm trễ hay gián đoạn nào do các nước hạ nguồn gây ra. Tham gia MRC chắc chắn sẽ phải chịu những lời chỉ trích từ bên ngoài về các kế hoạch xây đập của Trung Quốc. Khi đập Mạn Loan hoàn thành vào đầu những năm 1990, các cuộc phản đối ở hạ nguồn, đặc biệt từ Việt Nam, bắt đầu tăng lên. Đồng thời, chính quyền Lào hiện nay có động cơ mở lại các kế hoạch xây đập cũ trên sông Mekong. Quan chức Lào nghĩ rằng nếu Trung Quốc xây đập trên sông này thì các nước hạ nguồn cũng xây. Hai nhân tố này cùng nhau thúc đẩy quá trình dẫn đến hiệp định 1995.

Ngoài ra, nếu Trung Quốc là thành viên của MRC, các công ty vận hành đập của họ sẽ có nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu về một loạt vấn đề từ xả nước để sản xuất điện đến các tác động lên nghề cá với MRC. Các nhân viên của MRC cũng được tự do thực hiện các nghiên cứu về tác động của đập và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tuyết trên dãy núi Himalaya tan chảy xuống sông. Dữ liệu này được theo dõi chặt chẽ ở Trung Quốc, phần lớn được xem là bí mật nhà nước. Đầu những năm 2000, Trung Quốc đã đồng ý gửi thông tin cập nhật về mực nước và xả đập cho các nước hạ nguồn trong mùa mưa để cảnh báo lũ lụt, nhưng đến nay rất ít chia sẻ các thông tin khác.

Như đã đề cập ở phần trước của chương này, MRC chỉ có thẩm quyền với các dự án đập và thủy lợi xây trên dòng chính sông Mekong. Điều này tập trung 100% nỗ lực của Ban Thư ký MRC vào các kế hoạch của 11 đập

chính và gần như không phân tích và nghiên cứu tác động của hơn 160 đập dự trù xây ở các sông nhánh của sông Mekong. Những nỗ lực của MRC được chứng minh đã làm trì hoãn việc xây đập trên dòng chính, và các đánh giá kỹ thuật của tổ chức này có thể giúp giảm bớt một số lo lắng của các nước hạ nguồn về các con đập. Vì vậy, sau hơn 2 thập niên, chỉ có 2 đập đã bắt đầu xây dựng trên dòng chính. Chưa đập nào xây xong khi sách này được in. Quá trình xem xét kỹ thuật của MRC đã biến đập Xayaburi thành một đập có kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới về bảo tồn cá và trầm tích. Cũng có thể nói như vậy về việc bảo tồn bổ sung tại đập Don Sahong. Việc bảo tồn có hiệu quả thực sự hay không vẫn còn phải chờ xem. Đồng thời, dãy 7 đập trên sông Nam Ou chưa đầy 100km phía thượng nguồn không có bất cứ thứ gì được xây trong đó giúp dòng cá hay trầm tích đi qua. Tôi hỏi kỹ sư cao cấp của Sinohydro, giám sát thác Nam Ou, tại sao lại như vậy. Ông trả lời, “Chính phủ Lào không yêu cầu chúng tôi xây thang cá hay công xả trầm tích. Đường như chúng không quan trọng đối với chính phủ Lào”.

Bất chấp những lời chỉ trích, tài trợ đổ vào MRC thực sự đã mang lại những việc có ý nghĩa. MRC đã thiết lập một hệ thống cảnh báo lũ hiệu quả cho lưu vực hạ nguồn và là trung tâm xử lý thông tin phân tích biến đổi khí hậu khu vực. Tổ chức này quản lý nhiều trạm nghiên cứu thủy văn tiên tiến trong khu vực. Dữ liệu thu được từ SEA 2010 và các nghiên cứu khác của Ban Thư ký MRC được sử dụng bởi các nhà hoạch định chính sách kỹ thuật cấp quốc gia. Các nghiên cứu của MRC đã chứng minh giá trị của việc đánh bắt cá tự nhiên trên sông này và chúng cũng được sử dụng để xây dựng mô hình kinh tế nhằm thúc đẩy một chiến lược thông minh hơn đối với việc xây đập trên sông Mekong.

Việc cắt giảm mạnh mẽ nguồn tài trợ cho MRC chắc chắn đã xảy ra đột ngột khi các nước tài trợ ngừng hỗ trợ vào năm 2016, nhưng việc chuyển

dẫn nguồn tài trợ cho MRC từ các nhà tài trợ nước ngoài sang chính các nước thành viên luôn là một phần trong tầm nhìn vì sự tiến bộ của MRC. Đã quá lâu Ban Thư ký MRC đều là các nhà thủy văn nước ngoài, các chuyên gia về đập và cá mà giá trị của họ đối với tổ chức này chấm dứt khi hợp đồng ngắn hạn với họ kết thúc. Đó không phải là cách để điều hành một tổ chức có ảnh hưởng và tồn tại lâu dài. Thuê người nước ngoài cũng tốn kém hơn nhiều so với thuê người địa phương. Là một phần của kế hoạch tái cấu trúc và nội vùng hóa MRC, giám sát sông trong quốc gia và các khía cạnh khác của quản lý sông ngòi sẽ được Ban Thư ký MRC ủy quyền cho các cơ quan chính phủ các nước. Hai mươi năm sau Hiệp định Mekong, các quốc gia thành viên giờ có thể cung cấp các nguồn lực và năng lực kỹ thuật giám sát các phần của dòng sông bên trong lãnh thổ của họ. Dù việc họ có chọn đầu tư vào các nguồn lực này hay không là một vấn đề khác.

Giám đốc điều hành MRC Phạm Tuấn Phan nhậm chức vào tháng 1 năm 2016, giám sát việc nội vùng hóa và tái cấu trúc tổ chức này. Là người Việt Nam, ông là giám đốc điều hành đầu tiên của MRC từ một quốc gia thành viên. Phan nói với tôi, MRC thích từ “riparianization” khi đề cập đến nội vùng hóa vì từ này cho thấy việc kiểm soát MRC đang được trả lại cho những người ở lưu vực sông Mekong và nắm rõ tình hình. “Trong 21 năm đầu tiên của Ủy hội Sông Mekong, các giám đốc điều hành đều là người phương Tây. Với dự án thủy điện Xayaburi sắp ra mắt vào năm 2010, việc cử công dân của nước có con sông đi qua nắm quyền điều hành là cần thiết vì Lào quyết tâm khai thác tiềm năng thủy điện để phát triển kinh tế, trong khi đánh giá môi trường chiến lược năm 2010 thực hiện dưới thời Jeremy Bird - giám đốc điều hành người Anh, khuyến nghị trì hoãn các dự án thủy điện trong 10 năm”, Phan cho tôi biết. “Giám đốc điều hành là công dân nước có con sông chảy qua là một cột mốc về quyền sở hữu của các nước

thành viên khi các nước thành viên Mekong thực sự nắm lấy quyền quản lý và phát triển bền vững sông Mekong vào tay họ. Nhưng đã phải mất một thời gian dài để MRC quyết định giờ là lúc thích hợp để thuê giám đốc điều hành là công dân nước có con sông đi qua.”

Phan được mọi người ca ngợi việc quản lý quá trình tham vấn khu vực liên quan đến đập Pak Beng, dự án thứ ba trên dòng chính được chính phủ Lào công bố vào cuối năm 2016 nhưng vẫn chưa bắt đầu xây dựng. Các cuộc tham vấn dự án Pak Beng được đánh giá là minh bạch hơn và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan đầy đủ hơn so với các lần tham vấn trước đây cho đập Xayaburi và đập Don Sahong mà hầu hết các nhà phê bình xem là vờ vịt. Giám đốc điều hành Phan cũng loại bỏ quy trình bỏ phiếu đồng ý/không đồng ý của các nước thành viên đối với các đập riêng lẻ vì không có nước nào có quyền phủ quyết nước khác. Ông đưa ra các quy trình cung cấp cho các nước thành viên vị thế rộng rãi hơn để đề xuất các điều kiện và các thay đổi nên được áp dụng nếu một đập riêng lẻ được xúc tiến và đưa ra một loạt khuyến nghị gửi trực tiếp đến công ty xây dựng dự án và nước chủ nhà. “Các giám đốc điều hành từ các nước ngoài vùng làm việc trước tôi không có cảm giác sở hữu và không hành động dứt khoát. Không có gì đảm bảo các giám đốc điều hành là người của quốc gia có con sông chảy qua trong tương lai sẽ điều hành tổ chức này như tôi. Tôi hy vọng họ sẽ làm tốt hơn. Nhưng các giám đốc điều hành là công dân nước có sông chảy qua rất quan trọng vì chúng tôi hiểu rõ cách hoạt động của các chính phủ sở tại”, Phan kết luận.

Mùa xuân 2017, một nhóm nhà nghiên cứu của Đại học George Washington ở Washington D.C. đã tiến hành nghiên cứu các ý kiến về ảnh hưởng của MRC và tương lai của nó. Họ đã phỏng vấn hơn 50 bên liên quan đã tham gia tích cực cuộc thảo luận rộng lớn về phát triển thủy điện

trên sông Mekong, nhiều người hiện đang làm việc cho Ban Thư ký MRC hay đã từng làm việc ở đó trước đây. Tôi thấy phân tích của họ rất hữu ích khi nghĩ về tương lai của tổ chức này lúc nó trải qua giai đoạn quan trọng tái cấu trúc và nội vùng hóa. Nói chung, nghiên cứu của Đại học George Washington cho thấy những người được phỏng vấn có thể chia thành ba loại: lạc quan, hoài nghi, và bác bỏ^[102].

Những người lạc quan tin rằng MRC đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hợp tác và phối hợp quản lý tài nguyên khu vực. Họ cũng tin rằng MRC đã bị quy trách nhiệm oan uổng về việc các nước thành viên thiếu khả năng hay không sẵn lòng tham gia một cách hiệu quả hơn vào các vấn đề phát triển bền vững - đặc biệt trong điều kiện thẩm quyền của tổ chức này tương đối hẹp. Nhóm này nhìn chung là những người làm việc trực tiếp với MRC, gồm những người trong tổ chức này, và những người đại diện cho các đối tác phát triển gần gũi nhất của MRC. Những người lạc quan nói chung tin rằng quá trình tái cấu trúc sẽ giải quyết được nhiều quan ngại chính và tương lai của tổ chức này sẽ được đảm bảo nếu nó có thể chuyển đổi thành công thành một cơ quan giúp quản lý hiệu quả các nguồn lực ở các quốc gia thành viên.

Những người hoài nghi MRC nghĩ tổ chức này thiếu khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý tài nguyên nước một cách hợp tác và bền vững do thiếu quyền lực chính trị và năng lực thể chế yếu. Họ không tin việc phân cấp MRC sẽ thực sự cải thiện công tác quản lý tài nguyên nước sông Mekong hay mức sống của dân cư các vùng con sông chảy qua. Tuy nhiên, nhìn chung, họ tin rằng lưu vực sông này nên có MRC dù nó không hiệu quả, và họ cho rằng tăng cường thẩm quyền và năng lực tham gia chính trị của MRC sẽ giúp tổ chức này hiệu quả hơn. Nhóm các bên liên quan muốn lôi kéo những đối tác có nhiều kinh nghiệm hơn về chính sách và ngoại

giao vốn xem xét MRC trong bối cảnh quan hệ khu vực rộng lớn hơn. Họ cũng thường xuyên đề cập tính quan trọng của công tác kỹ thuật do MRC thực hiện, và trong một số trường hợp, cho rằng tổ chức này nên tái tập trung nỗ lực vào các lĩnh vực đó, thu thập dữ liệu và tiến hành các phân tích mà những người khác có thể sử dụng để thúc đẩy các nước thành viên hành động. Họ cho rằng nếu không có MRC, các nước sẽ không trao đổi thông tin với nhau và điều đó sẽ dẫn đến sự suy thoái nhanh chóng các nguồn tài nguyên của lưu vực hạ nguồn và rốt cuộc sẽ hủy hoại các mối quan hệ và sự ổn định khu vực.

Những người bác bỏ thì cáo buộc tổ chức này chỉ làm tình hình tồi tệ hơn và xem mục đích hoạt động của MRC là che chắn các nước thành viên khỏi sự chỉ trích vì đã không giải quyết thích đáng các vấn đề phát triển ở Hạ Mekong. Nhóm này bao gồm các bên liên quan có nhiều kinh nghiệm về các vấn đề phát triển trong khu vực này, gồm một số người đã làm việc trực tiếp với MRC. Cho rằng cấu trúc hiện tại của MRC không có tác dụng và không hiệu quả, những người này tin rằng nên giải tán MRC nếu các nước thành viên không sẵn sàng hỗ trợ mạnh mẽ hơn cho sứ mạng của tổ chức này. Khi được hỏi về quá trình nội vùng hóa MRC, những người này luôn cho rằng vấn đề đó mang tính hệ thống, không mang tính cấu trúc và MRC sẽ tiếp tục không hiệu quả trừ khi các nước thành viên cam kết nhường thẩm quyền quyết định thực sự cho tổ chức này. Những người bác bỏ tin rằng các viện nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ khác tốt hơn nên tiến hành các đánh giá kỹ thuật các con đập và các nghiên cứu phân tích quan trọng về tương lai của dòng sông^[103]. Cách duy nhất để thực hiện đề xuất của những người bác bỏ về việc tái cơ cấu nhiệm vụ và quyền hạn của MRC là sửa đổi Hiệp định Mekong 1995. Richard Cronin ở Stimson Center tin rằng sẽ rất nguy hiểm khi định đàm phán lại hay viết lại Hiệp định Mekong 1995. Ông nói với tôi, “Sẽ không bao giờ có một hiệp định 1995

khác. Dù có những hạn chế, nó là thứ duy nhất có được. Tất nhiên, các nước thành viên có thể trao các chức năng của nó cho một cơ chế do Trung Quốc điều hành. Trung Quốc sẽ hoan nghênh điều đó nhưng làm thế sẽ giao tương lai phát triển của dòng sông vào tay Trung Quốc.”

Tại thời điểm quan trọng này của việc tái cấu trúc và nội vùng hóa MRC, không rõ trong các quan điểm trên, lạc quan, hoài nghi hay bác bỏ, quan điểm nào mô tả chính xác tương lai của MRC. Những người quan sát sông Mekong khác tự hỏi liệu Trung Quốc có trỗi dậy thành bá chủ khu vực, và việc Trung Quốc kiểm soát thành công thượng nguồn có thể kéo các nước Hạ Mekong lại gần quỹ đạo của nó tới mức Trung Quốc sẽ bắt đầu chỉ đạo về tương lai phát triển của sông này. Tháng 3 năm 2016, các lãnh đạo cấp cao từ Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam, Lào và Campuchia đến đảo Hải Nam Trung Quốc dự cuộc họp đầu tiên của Cơ chế hợp tác Lan Thương-Mekong (LMC). Cơ chế LMC, được cho là do Thái Lan đưa ra theo gợi ý của Trung Quốc, có thể rốt cuộc đã đưa được Trung Quốc vào bàn đàm phán. Tuy nhiên, dù ban đầu tập trung vào quản lý nước, chính phủ Trung Quốc đã nhanh chóng mở rộng phạm vi của LMC thêm một loạt nhiều vấn đề khác như trao đổi giáo dục, xóa đói giảm nghèo, và phát triển hạ tầng. Trung Quốc đã cung cấp khoản tín dụng 11,5 tỷ đô-la cho các nước hạ nguồn đầu tư các dự án hạ tầng. Tất cả điều đó gọn gàng ăn khớp với tham vọng của Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc. LMC hứa hẹn sẽ thành lập một ban thư ký thúc đẩy nghiên cứu và quản lý nước xuyên biên giới, nhưng cho đến nay hầu hết hoạt động của nó chẳng dính líu gì đến các vấn đề liên quan tới nước. Giống như Sáng kiến Vành đai và Con đường, LMC chủ yếu tập trung vào các cơ hội đầu tư hạ tầng và khuyến dụ các nước trở thành phần quan trọng hơn trong chuỗi cung ứng sản xuất của Trung Quốc.

Kể từ khi thành lập LMC, Trung Quốc đã thiện chí hơn trong việc chia sẻ dữ liệu với các nước hạ nguồn thông qua các kênh bên trong Ủy hội Sông Mekong, một thay đổi đáng chú ý so với trước. Ngoài ra, lần đầu tiên, quan chức từ các nước hạ nguồn được mời tham quan các đập thượng nguồn ở Trung Quốc. Dù quan sát ban đầu cho thấy Trung Quốc cuối cùng cũng đã thay đổi quan điểm tìm cách hợp tác với các nước ở hạ nguồn, nhưng người ta không thể tránh khỏi việc nghĩ rằng thế lực kinh tế đằng sau LMC này sẽ dễ dàng làm lu mờ MRC. Trên thực tế, nhiều người quan sát sông Mekong lo ngại sớm muộn gì LMC cũng sẽ tạo ra một tổ chức để vô hiệu hóa MRC.

Khi khảo sát một lưu vực để phát triển thủy điện, các nhà quy hoạch và kỹ sư đưa ra một danh sách các địa điểm có thể xây dựng đập. Lào có hơn 140 đập trong danh sách của nước này và đã xây dựng hơn một phần ba, danh mục của Campuchia có hơn 40 đập và chỉ 7 đập hiện đang hoạt động. Lịch sử cho chúng ta biết rằng danh sách đập này hiếm khi được xây dựng để khai thác tối đa tiềm năng của nó. Các đập dễ làm nhất và có lợi nhuận cao nhất luôn được xây trước, còn các dự án khó hơn về mặt kỹ thuật và xa hơn từ các trung tâm tiêu thụ điện thường bị bỏ qua. Những khó khăn kỹ thuật có thể nảy sinh do vị trí hẻo lánh của con đập, nhu cầu tái định cư một số lượng lớn người dân bị ảnh hưởng, hay rủi ro môi trường do con đập gây ra thường làm nản lòng các công ty thủy điện ở một số dự án. Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên (Nature Conservancy) ước tính trên toàn cầu khoảng 40 đến 70% các địa điểm xây đập của một lưu vực sông sẽ được xây^[104]. Ví dụ, Hoa Kỳ có hơn 3.000 đập. Hầu hết các đập này được xây trước những năm 1960. Từ những năm 1960, Hoa Kỳ đã ban hành các luật bảo vệ môi trường và quản lý nước cơ bản đã làm quá trình xây dựng thủy điện ở nước

này chậm lại tới đa, dù có vô số địa điểm tiềm năng vẫn có thể xây được. Thủy điện, dù được cho là năng lượng sạch và tái tạo, đã không còn phổ biến ở Mỹ hơn 50 năm trước. Tương tự ở nhiều quốc gia khác, đặc biệt là những nước châu Âu. Hiện nay, Brazil và Ấn Độ đang bắt đầu trì hoãn quá trình xây đập trên những dòng sông của các nước này.

Tháng 2 năm 2016, tôi hỏi một nhà hoạch định năng lượng hàng đầu của Lào chính xác sẽ có bao nhiêu con đập cần được xây dựng để nước này trở thành “Nguồn điện của Đông Nam Á”? Ông không thể trả lời dứt khoát. Ông cũng không thể cho tôi biết Lào cần bao nhiêu thu nhập từ việc xuất khẩu điện qua biên giới để đáp ứng các mục tiêu kinh tế. Đối với một quốc gia đặt ưu tiên phát triển kinh tế hàng đầu là bán thủy điện cho các nước láng giềng, tôi chờ đợi những câu trả lời dứt khoát hơn của ông ta. Bất chấp mọi sự cường điệu và ước mơ trở thành “Nguồn điện của Đông Nam Á”, chính phủ Lào không có kế hoạch cụ thể nào để đạt được mục đích đó. Các cơ quan của nước này không biết đích đến nằm ở đâu, họ chỉ biết họ đang chạy về phía đó. Lỗi suy nghĩ này là triệu chứng của cách làm “hết dự án này đến dự án khác” để xây đập trên sông Mekong, nhưng nó cũng có thể chính là điều ngăn dòng sông này không đạt điểm tới hạn sinh thái của nó.

Bằng chứng do trung tâm Stimson Center công bố cho thấy tốc độ ký kết hợp đồng mới để xây đập ở Lào và Campuchia đang thực sự chậm lại. Xu hướng mới có này đã được xác nhận một cách nhất quán qua các cuộc trò chuyện với các nhà hoạch định năng lượng ở Lào, Campuchia và các công ty xây đập nước ngoài quan tâm đến đầu tư vào Hạ Mekong. Một lãnh đạo cấp cao của Sinohydro tại Campuchia nói với tôi vào tháng 2 năm 2017 rằng ông rời bỏ Lào vì hầu hết các dự án khả thi đã có chủ hết rồi và ông cũng khó tìm được một dự án tốt ở Campuchia. Tháng 11 năm 2016, tôi ở Viêng Chăn vài ngày trao đổi với một giám đốc Trung Quốc thuộc Tập

đoàn Đầu tư Năng lượng Vân Nam, nhóm của ông đã đi quanh Lào trong 3 năm, tìm kiếm một địa điểm xây đập đáng để đầu tư nhưng không có kết quả gì. Ông kể chuyện họ đã bị kẹt trên núi và xe ông bị lũ cuốn trôi khi đi tìm một vị trí tốt để xây đập, nhưng rốt cuộc công ty của ông đã quyết định xây dựng một nhà máy xi măng ở Bắc Lào. Một số công ty xây dựng, đặc biệt là công ty Trung Quốc, đang rời khỏi sông Mekong vì sẽ mất rất lâu để có được lợi nhuận ở Lào và Campuchia so với việc xây đập ở nơi khác trên thế giới. “Một vị trí đập có thể hoàn toàn khả thi thu được lợi nhuận, nhưng Lào đòi chúng tôi phải trả tiền cho các đường truyền tải điện quá tốn kém”, một nhà thầu Trung Quốc cho biết.

Các công ty xây dựng Trung Quốc khác đơn giản không tham gia do thiếu tài chính thực hiện dự án. Sau nhiều thập niên tăng trưởng kinh tế không ổn định, tổng mức nợ của Trung Quốc cao gấp ba lần GDP, và các ngân hàng thương mại của nước này giờ cảnh giác hơn khi cho các dự án rủi ro vay^[105]. Điều này không có nghĩa là tài trợ chính phủ dường như vô tận từ Sáng kiến Vành đai và Con đường hay LMC không thể được dùng để hỗ trợ phát triển thủy điện ở sông Mekong, mà vì Trung Quốc không còn cần phải nhập khẩu điện từ các nước láng giềng, các công ty xây đập của nước này giờ chỉ quan tâm đến việc kiếm lợi nhuận thương mại. Hơn nữa, Ngân hàng Phát triển Châu Á, tổ chức cung cấp các khoản vay lãi suất thấp cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp châu Á, không tài trợ cho các đập mới trong lưu vực sông Mekong vì các rủi ro môi trường và xã hội được công bố rộng rãi. Có thể các quỹ tài trợ cho các đập trong tương lai đang chuyển sang các dạng sản xuất năng lượng ít rủi ro hơn như khí tự nhiên và năng lượng tái tạo không phải thủy điện như năng lượng mặt trời và gió.

Ngoài việc nguồn tài chính giảm sút, một số yếu tố đầu vào quan trọng khác giúp đập mang lại hiệu quả cũng đang cạn kiệt, trong đó quan trọng nhất là nước. Các con đập trên dòng chính của sông Mekong chỉ khả thi nếu có đủ nước trên sông tạo ra đủ điện để bán cho thị trường. Nước không bao giờ là vấn đề trong mùa mưa, nhưng ở lục địa Đông Nam Á, nhu cầu năng lượng cao nhất vào mùa khô khi nhiệt độ cao khiến giá điện tăng do sử dụng máy điều hòa tăng vọt. Trong mùa khô 2016, đợt hạn hán do El Nino gây ra đã gửi tín hiệu báo động đến những người ủng hộ thủy điện trên toàn lưu vực này: Mọi người đang thực sự đi bộ qua sông Mekong ở Viêng Chăn, Lào. Vì các đập trên dòng chính của Lào đều là đập không trữ nước, chúng không thể có nước để hoạt động trong những giai đoạn nhu cầu năng lượng cao^[106]. Biến đổi khí hậu được dự đoán sẽ làm mùa khô kéo dài hơn và các đập thượng nguồn cực lớn của Trung Quốc trước đây trữ lượng nước vô cùng lớn trong các hồ chứa của chúng không còn cấp nước đều đặn cho hạ nguồn trong mùa khô. Không có gì đảm bảo chuyện đó sẽ thay đổi. Vào mùa khô, dòng chảy sông Mekong gần như hoàn toàn phụ thuộc vào tuyết tan chảy từ phần dãy núi Himalaya thuộc Trung Quốc, và phần lớn núi tuyết này được dự báo sẽ tan trong những thập niên tới do nhiệt độ tăng lên.

Việc thiếu nước kinh niên của Trung Quốc khiến nước này tìm mọi cách sử dụng hay lưu trữ từng giọt nước trước khi nó biến mất. Như đã nêu trong chương đầu sách, đó có thể là lý do thực sự khiến Trung Quốc xây 19 đập cực lớn trên thượng nguồn sông Mekong. Nếu các công ty xây dựng và nhà đầu tư nhận ra sẽ không có đủ nước vào mùa khô để quay các tua-bin của các đập ở hạ nguồn vào thời điểm nhu cầu điện cao nhất, họ sẽ nghĩ kỹ hơn về việc đầu tư xây đập trên sông Mekong.

Trên toàn cầu, giá của các năng lượng tái tạo khác như năng lượng mặt trời, gió và sinh khối đang giảm với tốc độ nhanh hơn dự đoán. Courtney

Weatherby, nhà phân tích nghiên cứu ở chương trình Đông Nam Á của Stimson Center cho tôi biết “Từ năm 2009 đến 2014, giá công nghệ năng lượng mặt trời trên toàn cầu đã giảm hơn 80%, và dự kiến những đợt giảm mạnh khác sẽ tiếp tục đến giữa những năm 2020. Điều đó dẫn đến việc không chỉ giá năng lượng tái tạo thấp kỷ lục mà còn là thời kỳ giá điện thấp chưa từng có. Ngay cả khi không có hệ thống dự trữ điện, môi trường chính sách và điều khoản cho vay phù hợp dành cho các nhà đầu tư cũng sẽ giúp năng lượng mặt trời và gió có ưu thế hơn năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch và các dự án thủy điện cũ ở các nước đang phát triển trên khắp thế giới. Các chính sách và điều khoản tài chính thuận lợi này chưa được phổ biến ở các nước Hạ Mekong, nhưng sự quan tâm của các nhà đầu tư đã tăng vọt ngay cả khi không có chính sách chào mời từ Lào và Campuchia, cũng như các chính sách thay đổi thường xuyên của Việt Nam và Thái Lan”. Từ 2017, các dự án sản xuất điện mặt trời và điện gió ở lưu vực Hạ Mekong đã nhiều hơn số dự án xây đập. Chắc chắn hầu hết các dự án năng lượng tái tạo này sẽ được xây ở Thái Lan và Việt Nam - vốn không còn xây đập bên trong biên giới của họ. Nhưng chỉ là vấn đề thời gian trước khi giá năng lượng mặt trời và gió ở Lào và Campuchia bằng với thủy điện.

Cần phải thấy rằng, cho đến khi công nghệ lưu trữ điện được cải thiện, các hình thức sản xuất năng lượng không liên tục này sẽ không tin cậy như thủy điện. Tuy nhiên, một hợp đồng đập lớn được trao hôm nay hầu như sẽ mất 7 năm cho đến khi các tua-bin của nó bắt đầu sản xuất điện. Nhìn vào các xu hướng năng lượng, chắc chắn năng lượng mặt trời, gió và sinh khối sẽ có lãi lớn hơn và dự trữ năng lượng tin cậy hơn so với thủy điện vào năm 2025. Do đó, thủy điện đang nhanh chóng trở thành một công nghệ lỗi thời, trong trung hạn, có khả năng sẽ bị loại khỏi thị trường toàn cầu và ở khu vực sông Mekong cũng thế^[107].

Cả Lào và Campuchia đều có tiềm năng năng lượng mặt trời và gió, và các nguồn năng lượng này cộng lại chiếm hơn một nửa tiềm năng thủy điện của các nước này. Đặc biệt Campuchia, với những vùng đất không màu mỡ, bằng phẳng rộng lớn có thể khai thác tiềm năng sản xuất năng lượng mặt trời và tập trung xuất khẩu năng lượng mặt trời, trở thành vành đai năng lượng mặt trời của khu vực này. Tại một diễn đàn công khai về đập Pak Beng ở Lào, Tiến sĩ Daovong Phonekeo, chánh văn phòng Bộ Năng lượng và Mỏ Lào đã thừa nhận sau năm 2020, một phần xuất khẩu điện của Lào sang Việt Nam sẽ là điện gió và mặt trời. Điều này vừa nói lên sự công nhận tiềm năng năng lượng tái tạo của Lào và việc giảm thủy điện. Với tuyên bố của ông, có lẽ Lào sẽ vẫn là “Nguồn điện của Đông Nam Á” nhưng là nguồn điện đa dạng hơn và ít phụ thuộc hơn vào thủy điện như là động lực tăng trưởng kinh tế. Thực ra vào năm 2017, một nghiên cứu của Đại học California tại Berkeley cho thấy nếu Lào lên kế hoạch sản xuất năng lượng đến năm 2030 bằng cách sử dụng xu hướng giá cả thị trường đối với một loạt phương án sản xuất năng lượng, nước này sẽ phát triển một hỗn hợp năng lượng với hơn 50% năng lượng tái tạo không phải là thủy điện. Hỗn hợp năng lượng này cung cấp nhiều năng lượng như kế hoạch thủy điện công kênh hiện tại và giảm được 2,6 tỷ đô-la! Do đó, không quá muộn để Lào vạch ra một lộ trình mới thay thế để phát triển năng lượng, một lộ trình làm giảm mạnh các tác động xã hội và môi trường tới các nước láng giềng ở hạ nguồn.

Trong bốn năm qua, các đập của Trung Quốc tại tỉnh Vân Nam đã lãng phí hàng chục triệu đô-la mỗi ngày khi quyết định chuyển nước qua đập tràn thay vì qua các tua-bin để sản xuất điện. Xu hướng tương tự đang diễn ra trên các con sông ở tỉnh Tứ Xuyên bên cạnh. Các công ty vận hành và phát triển lưới điện ở Trung Quốc rất muốn tìm thị trường mới bên ngoài Trung Quốc cho nguồn điện này, và các nước Mekong, trừ Lào, là một thị

trường lớn. Điều này mang lại cho Lào cơ hội có được nguồn thu giá trị bằng cách thu phí quá cảnh đối với điện của Trung Quốc khi nó được chuyển sang các thị trường ở Đông Nam Á^[108]. Nhưng các nước ở hạ nguồn, kể cả Lào, đang ngày càng cảnh giác việc phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc. Mua điện từ Trung Quốc có thể làm chậm nhu cầu xây đập và có được khoảng thời gian quý giá chờ giá năng lượng mặt trời và năng lượng gió giảm, nhưng các nước ở hạ nguồn khó có thể dâng tiền cho Trung Quốc vì nước này đã phớt lờ lời kêu gọi gia nhập MRC trong nhiều thập niên. Có lẽ một cách làm cho thỏa thuận này dễ được chấp nhận hơn là Trung Quốc tham gia MRC.

Rõ ràng một con đường bền vững tiến tới tương lai chỉ có thể có được thông qua sự phối hợp chiến lược liên quan đến nhiều nước ở vùng Mekong nhằm khám phá lối đi khác để phát triển năng lượng. Việt Nam có thể dẫn dắt cuộc tìm kiếm đó. Nếu Việt Nam đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của nước này bằng cách đầu tư vào một loạt dự án sản xuất năng lượng lớn ở Lào và Campuchia - một danh mục đầu tư tối đa hóa năng lượng mặt trời, gió, sinh khối và giảm tối đa thủy điện - nước này có thể thương lượng và đảm bảo một tương lai kinh tế và sinh thái tươi sáng hơn cho toàn bộ khu vực. Là quốc gia cuối hạ nguồn, Việt Nam quan tâm nhất đến việc thúc đẩy một kết quả tích cực cho sông Mekong. Tuy nhiên, cho đến nay, phản ứng của Việt Nam là cùng dẫn dắt cuộc phản đối xây đập ở dòng chính thay vì đề xuất các hướng đi mang tính xây dựng tiến tới trước cho Lào hay Campuchia. Việt Nam phải tăng gấp ba công suất tiêu thụ năng lượng cho đến năm 2030, và vì Việt Nam đã khai thác tối đa các con sông của mình với các con đập và nhận thấy năng lượng hạt nhân không được ưa chuộng, để làm điều này, các nhà hoạch định phải chọn cân bằng giữa nhập khẩu điện từ láng giềng hay nhập khẩu than từ nước ngoài. Nhập khẩu quá nhiều than sẽ làm tăng mức độ ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn quy

định và có thể đe dọa sự ổn định chính trị ở Hà Nội, tương tự như chất lượng không khí tệ hại đe dọa Bắc Kinh. Tuy nhiên, việc nhập quá nhiều thủy điện từ các nước láng giềng có thể kết liễu đồng bằng sông Cửu Long, một chủ đề được thảo luận trong chương cuối sách này. Nhưng Việt Nam có thể cân bằng kế hoạch hỗn hợp năng lượng của mình bằng cách giúp các nước láng giềng phát triển sản xuất năng lượng mặt trời, gió và sinh khối, đồng thời nhập khẩu điện từ những nguồn đó thay vì từ các con đập. Đó là giải pháp đôi bên cùng thắng và bảo vệ được hệ sinh thái cốt lõi và điều kiện tự nhiên của dòng sông vì nó sẽ loại bỏ các con đập có tác động mạnh nhất ra khỏi danh sách dự án. Việt Nam có vị trí hết sức đặc biệt trong việc hỗ trợ các nước láng giềng, khiến nước này có được các mối quan hệ thuận lợi để vạch ra một tiến trình mới phát triển năng lượng trên sông Mekong.

PHNOM PENH VÀ HỒ BOEUNG KAK

Khi chảy từ Lào vào Campuchia, sông Mekong chia tay 3.000km thung lũng núi non nó đã tạc khắc nên ở thượng nguồn và biến thành một dòng sông rộng lớn cắt đôi Campuchia. Ở miền Bắc Campuchia, đường chảy uốn lượn của dòng sông tạo ra những dải đất bằng phẳng giữa dòng, một số dài hơn 40km. Rìa sông Mekong có vô số đầm lầy, nhiều đầm được bảo vệ bởi công ước quốc tế Ramsar Convention về bảo tồn đầm lầy. Các hòn đảo và đầm lầy này là môi trường sống của các loài chim di cư đang ngày càng ít đi như loài cò quăm cánh xanh có nguy cơ tuyệt chủng nghiêm trọng, và những đàn cá heo nước ngọt Irrawaddy lớn nhất còn lại được tìm thấy ở những vực sâu gần đó. Những người tị nạn đến sống ở một số hòn đảo vào những năm 1970 để trốn khỏi sự cai trị tàn bạo của chế độ Khmer Đỏ đã giết chết 2 đến 3 triệu người. Với kiểu định cư ở vùng “Zomia sông nước” hẻo lánh giữa dòng sông, những người tị nạn này đã tìm thấy sự an ủi mới ở nơi ngoài tầm kiểm soát của chính quyền tàn ác Pol Pot.

Xuôi dòng, tại Stung Treng, các sông nhánh Sekong, Sesan và Srepok, thường được gọi chung là các con sông 3S, chảy vào sông Mekong. Trong mùa mưa, các dòng sông 3S chảy về phía tây này đầy tràn do mưa lớn ở Việt Nam và các khu vực vùng cao của Lào đổ về lượng nước rất lớn - 20%

của toàn bộ nước trong hệ thống sông Mekong. Phía dưới Stung Treng, cùng với nước của các con sông 3S thêm vào, dòng Mekong hùng vĩ càng rộng lớn thêm. Ở đây, những con đường chạy song song với hai bờ sông Mekong, và dưới bóng những cây cọ, những ngôi nhà sàn, lợp ngói màu cam hay tôn đỏ gỉ sét, nằm dọc bờ sông và ven đường. Những ngôi nhà này cùng nhau tạo thành một dải liên tục các ngôi làng dài hơn 400km đến tận biên giới Việt Nam. Tổng cộng, hơn một phần tư trong 15,75 triệu dân Campuchia sống quanh dòng chính sông Mekong. Một phần tư khác sống dọc bờ sông hay trong các căn nhà nổi trên đỉnh hồ Tonle Sap và các sông nhánh của nó. Tài nguyên của dòng sông, nhiệt độ mát mẻ, và những bãi bồi màu mỡ là thời nam châm thu hút mọi người đến định cư.

Nói chung, khi một dòng sông ngập lũ, nó lắng đọng trầm tích, cát và phù sa ở các chỗ trũng thấp quanh dòng chảy của nó. Điều đó bổ sung dinh dưỡng cho vùng đất đó và tăng độ cao vùng đất xung quanh. Khi chảy đến cửa sông đổ vào biển, dòng sông có nhiều nước và trầm tích hơn và toàn bộ sức mạnh dòng chảy đẩy mọi thứ tới trước. Do vậy, lũ lụt xảy ra gần biển thường mạnh hơn và lắng đọng trầm tích nhiều hơn. Điều đó lại tạo thêm đất liền. Theo thời gian, quá trình này hình thành vùng đất mới lấn ra biển cả, kéo dài dòng chảy của sông. Khi đến gần biển, độ dốc của lòng sông giảm dần, làm chậm tốc độ dòng chảy, và nhiều trầm tích lắng tự nhiên xuống đáy sông. Quá trình này khiến lòng sông cao lên, và sau đó chỉ là vấn đề thời gian, thường là vài trăm năm đến một nghìn năm, dòng sông rời khỏi kênh chính của nó để tìm một đường chảy mới dốc hơn, nhanh hơn ra biển cả. Một kênh mới được tạo ra khi dòng cũ bị từ bỏ. Đôi khi, như trong trường hợp sông Mekong, kênh chảy cũ không hoàn toàn bị từ bỏ và dòng sông sẽ chia thành nhiều kênh gọi là chi lưu (khác với sông nhánh/phụ lưu) đưa nước ra biển. Chồng chất nhiều thiên niên kỷ chu kỳ lũ lụt và việc

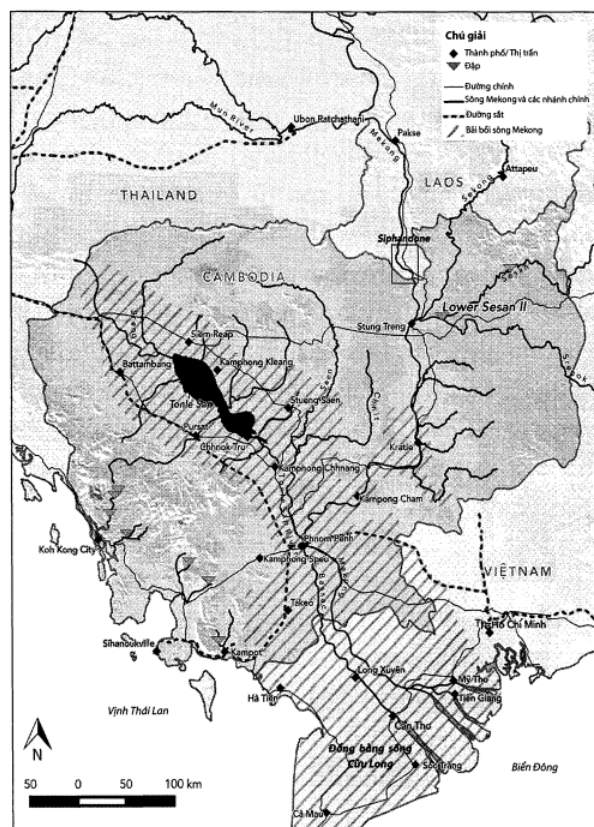
chuyển dòng chảy đưa hệ thống sông xuôi ngược khắp vùng tạo thành một dải đất ngày càng rộng và dài được gọi là vùng châu thổ.

Đồng bằng sông Cửu Long được cho là nằm hoàn toàn trong đất Việt Nam, nhưng quá trình hình thành đồng bằng này thực sự bắt đầu ở Campuchia, ngay phía dưới Stung Treng, rất xa trước khi con sông chảy vào Việt Nam. Hơn 5.000 năm trước, dòng sông này đã góp phần chính tạo điều kiện cho sự phát triển của đế quốc Khmer và nhà nước Campuchia. Khu đô thị lớn nhất Campuchia, thủ đô Phnom Penh, nằm dọc theo sông Mekong nơi hai sông Tonle Sap và Bassac gặp sông Mekong. Điểm hội tụ này, được gọi là chaktomuk hay “bốn mặt” trong tiếng Khmer bản xứ, tạo ra bốn dòng chảy của sông Mekong (Tonle Sap, Bassac, sông Mekong thượng nguồn và sông Mekong hạ nguồn). Người Pháp chiếm Campuchia làm thuộc địa năm 1863, gọi nơi hội tụ này là Quatre Bras - bốn cánh tay - và rất dễ nhìn thấy những cánh tay này trên bản đồ hay tốt hơn là thường ngoạn khi tản bộ dọc lối đi ven sông mới được xây ở trung tâm Phnom Penh. Tonle Sap và Bassac từng nối với nhau tạo thành một hệ thống sông hoàn toàn biệt lập với lưu vực sông Mekong từ các đầu nguồn đến cửa biển. Năm ngàn năm trước, sông Mekong dịch chuyển về phía tây, chia đôi Tonle Sap và Bassac. Sông Mekong không chỉ kết nối với Bassac, biến nó thành chi lưu chính đầu tiên của sông Mekong chảy ra biển, mà còn biến Tonle Sap, từ chỉ chảy một hướng, thành một chi lưu thường được cho là phép lạ của tạo hóa. Trong mùa mưa, sông Tonle Sap đảo ngược dòng chảy và lấy nước từ sông Mekong. Việc đưa nước ngược lên sông Tonle Sap bất ngờ làm cho bãi bồi ven sông Mekong tăng diện tích thêm một phần ba và quan trọng hơn là tạo ra hồ Tonle Sap, hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á. Từ thời điểm này trong lịch sử địa chất sông Mekong về sau, đều đặn mỗi mùa mưa, hồ Tonle Sap bắt đầu mở rộng gấp năm lần diện tích mùa khô của nó.

Lịch sử dưới dạng văn bản của người Khmer xuất hiện lần đầu trong biên niên sử của các triều đại Trung Hoa hơn 1.500 năm trước. Một nhóm thành bang, tập hợp lại và được người Trung Quốc gọi là Phù Nam, vào thế kỷ thứ 7 chuyển thành một nhà nước tập trung hơn gọi là Chân Lạp, triều cống nhà Đường của Trung Hoa ở Tây An ngày nay. Rốt cuộc, những người Khmer đầu tiên sống ven hồ Tonle Sap đã tìm ra cách trữ lại một phần nước hồ mùa mưa để dùng trong mùa khô và tận dụng các đồng bằng màu mỡ sau khi lũ rút để trồng lúa. Dần dần, với những tiến bộ trong kỹ thuật tưới tiêu và trồng lúa, kết hợp nguồn cá phong phú của hồ này, người Chân Lạp đã sản xuất dư thừa lương thực, giúp họ phát triển thành một nền văn minh lớn có quân đội hùng hậu, bộ máy hành chính mạnh, chịu ảnh hưởng của các truyền thống Ấn Độ giáo và Phật giáo, cùng lực lượng nghệ nhân và lao động lành nghề. Năm 802 sau Công nguyên, sự pha trộn sáng tạo này đã hình thành Đế quốc Khmer vào thế kỷ thứ 12, thống trị toàn bộ Campuchia ngày nay, Lào, phần lớn Thái Lan và miền Nam Việt Nam. Đế quốc này được duy trì bởi các công trình cơ sở hạ tầng cực lớn như các hồ chứa khổng lồ, những cây cầu đá kết nối một mạng lưới đường sá rộng lớn, và các công trình tôn giáo đồ sộ. Vào thế kỷ thứ 12, vua Khmer Suryavarman II đã tiến hành xây dựng Angkor Wat, một công trình đền thờ vĩ đại mô phỏng vũ trụ Hindu. Angkor Wat, giống như nhiều cây cầu và hồ chứa của đế quốc, vẫn còn tồn tại đến ngày nay và là khu đền đài tôn giáo lớn nhất thế giới. Vào thời kỳ đỉnh cao, thành phố Angkor có diện tích bằng với Los Angeles ngày nay, nên lúc bấy giờ nó là thành phố lớn nhất thế giới về quy mô diện tích và là nơi cư trú của hơn một triệu dân.

Phần lớn những gì chúng ta biết về thời Đế quốc Khmer được ghi lại bởi một nhà thám hiểm người Trung Quốc tên là Chu Đạt Quan đến Angkor vào cuối thế kỷ 13. Những bức phù điêu trên nhiều quần thể đền thờ bằng đá còn nguyên vẹn hay bị hư hại quanh đền Angkor Wat và khắp lục địa

Đông Nam Á cũng cho biết nhiều về môi trường lịch sử và văn hóa thời đó. Các bức chạm khắc cho thấy một xã hội tôn giáo phức tạp tràn ngập các nghi thức và lễ hội vẫn còn được thấy ở Campuchia ngày nay và truyền cảm hứng cho quốc gia Khmer hiện đại. Hình ảnh cá chạm khắc khắp nơi nhắc nhở người Khmer và du khách nước ngoài về tầm quan trọng của sông Mekong trong việc cung cấp thức ăn tự nhiên cho người Khmer. Sự xuất hiện của những kẻ thù như người Chăm chiếm đóng bờ biển miền Trung ngày nay thuộc Việt Nam và các đồng minh như Trung Hoa cho thấy một hệ thống quan hệ khu vực liên kết với nhau dựa trên chinh phục và triều cống. Ghi chép của Chu Đạt Quan đã xác nhận các mối quan hệ này.



Bản đồ Campuchia

Việc lưu giữ hồ sơ của đế quốc này chấm dứt vào thế kỷ 13, vì vậy ngày nay giới sử học và giới nhân chủng học không biết chắc các nhân tố thực sự

đã khiến Đế quốc Khmer suy tàn. Một số cho rằng theo thời gian, kiến thức kỹ thuật để duy trì hệ thống tưới tiêu phức tạp của đế quốc đã bị thất truyền. Số khác chỉ ra một thời kỳ kéo dài có lượng mưa thấp và hạn hán, một giai đoạn biến đổi khí hậu gay gắt giữa các thế kỷ 13 và 14 rõ ràng đã ảnh hưởng lên sản xuất nông nghiệp và nguồn nước. Một số nhà sử học cho rằng các vị vua và giới tinh hoa đã cạnh tranh xem ai xây được những ngôi đền lớn nhất và công phu nhất, cần có thêm kênh đào để chở những khối đá lớn đến công trường. Dần dần kênh đào quá nhiều và việc xây đền đài quá mức đã gây ra việc tranh giành nguồn nước làm suy yếu Đế quốc Khmer. Đồng thời, thế giới xung quanh Đế quốc Khmer thay đổi nhanh chóng. Những người sau này thành lập nên các Vương quốc Xiêm và Lào ở ngoại vi của Đế quốc Khmer đang lũ lượt “rời bỏ” Trung Hoa. Cuộc xâm lược của người Mông Cổ ở miền Nam Trung Hoa vào thời điểm đó đã gây ra đợt tị nạn lớn cuối cùng của người Thái/Lào. Thương mại hàng hải châu Âu với châu Á phát triển nhanh chóng đã tận dụng các cảng ven biển và hầu như cấu trúc lại một phần nền kinh tế triều cống thuộc Đế quốc Khmer khỏi ảnh hưởng của Angkor nằm sâu trong đất liền. Vương quốc Thái tại Ayutthaya, ở ngay phía bắc Bangkok ngày nay rốt cuộc bắt đầu chống lại người Khmer và cuối cùng đã cướp phá Angkor vào năm 1431, biến những gì còn lại của Đế quốc Khmer thành chư hầu của Ayutthaya. Để tận dụng cơ hội thương mại toàn cầu, giới tinh hoa Khmer còn lại di chuyển xuống Tonle Sap và lập thủ đô mới tại Chaktomuk, đặt tên là Phnom Penh.

Vị trí mới tại Phnom Penh đảm bảo không thủy thủ nào xuôi ngược trên dòng Mekong bị lỗ các cơ hội thương mại với Vương quốc Angkor. Chẳng mấy chốc, các thương nhân Nhật Bản, Mã Lai, và cuối cùng là Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha bắt đầu đến buôn bán với cư dân thành phố này. Mùa mưa dòn nước về điểm “bốn mặt” rồi chảy ra khắp vùng bãi bồi. Điều đó mang lại một lợi thế nông nghiệp vững chắc nuôi sống dân số đang tăng lên của

thành phố. Tuy nhiên các trận lũ không thể đoán trước có thể đã khiến các vị vua Khmer không muốn gắn bó với Phnom Penh như là nơi đặt chính quyền vĩnh viễn. Kinh đô đã chuyển khỏi Phnom Penh đến các thành phố xung quanh một vài lần trước khi nhà vua trở lại thành phố vào năm 1863 với tư cách là người đứng đầu nước Campuchia mới thành lập, được Pháp bảo hộ.

Khi người Pháp đến Phnom Penh vào giữa những năm 1800, bên trong kinh đô, trừ một vài cung điện, hầu hết là hồ và đầm lầy do triều đình Angkor quản lý. Sắc lệnh hoàng gia cấm dân chúng sở hữu đất đai trong thành phố này, vì vậy hầu hết cư dân Phnom Penh sống ở ven sông, dọc theo sông Mekong, Bassac và Tonle Sap, trong nhà sàn làm bằng gỗ, tre và tranh. Những ngôi nhà này nhìn ra những con đê tự nhiên trên bờ sông, và đặt trên những cây cột cắm xuống nước. Người Pháp đã tước bỏ quyền lực của triều đình và cuối cùng cho phép người dân định cư, nhưng điều đó đòi hỏi phải tháo nước khỏi một phần hồ và đầm lầy trong thành phố và chuyển đổi chúng thành đất ở và đất nông nghiệp. Để quản lý dân sắc tộc của thành phố, người Pháp xây các kênh đào và hệ thống thoát nước tách các quận nội thành riêng cho người châu Âu, Trung Quốc, Khmer và Việt Nam. Cư dân thành phố càng đa dạng, không gian thành phố càng đặc sắc hơn. Đến cuối thế kỷ, người Pháp đã xây những đại lộ rộng lớn và một hệ thống đường phố phát xuất từ Wat Phnom, điểm cao nhất và là di tích tôn giáo quan trọng nhất của thành phố. Dần dần người Pháp xây dựng hoàng cung mới, khách sạn, trường học và các cơ quan chính quyền. Nhiều tòa nhà vẫn còn cho đến ngày nay. Sau nhiều thập niên, một nơi trước đây chỉ có thể đi lại bằng thuyền và thường được biết đến với các trận dịch tả nghiêm trọng đã biến thành một cảnh quan đô thị phong cách phương Tây hàng trăm nghìn người có thể sinh sống.

Đến năm 1920, Phnom Penh, giống như nhiều thành phố do Pháp xây dựng ở các nước châu Á thuộc địa của Pháp, thường được gọi là “Hòn ngọc Phương Đông”. Trước Thế chiến II, người Pháp đã tăng gấp đôi quy mô đô thị của Phnom Penh, di chuyển nó về phía nam. Điều đó có nghĩa là lấp thêm nhiều hồ và đầm lầy. Công trình do Pháp xây lớn nhất còn lại của thành phố, Chợ Trung Tâm, bắt đầu hoạt động vào năm 1937. Lúc đó kiến trúc nghệ thuật này được cho là không gian thương mại lớn nhất ở châu Á. Trước năm 1935, chỗ sau này xây chợ là một hồ nước lớn. Quy hoạch đô thị bị đình trệ trong giai đoạn Nhật Bản chiếm đóng Đông Nam Á từ 1941 đến 1945 và kéo dài mãi đến 1953, khi Quốc vương Norodom Sihanouk đàm phán độc lập khỏi Pháp, sau chiến thắng của Đồng minh năm 1945 Campuchia lại lần nữa trở thành thuộc địa của Pháp. Để biến Hòn ngọc Phương Đông thành thành phố tự hào của người Khmer hiện đại, Sihanouk, người đã thoái vị nhường ngôi cho cha để lãnh đạo đất nước với tư cách thủ tướng và nguyên thủ quốc gia, đã bổ nhiệm Vann Molyvann, một kiến trúc sư người Khmer trẻ được đào tạo ở Paris, làm kiến trúc sư nhà nước của Campuchia vào năm 1956.

Từ 1956 đến 1970, giai đoạn được gọi là Thời kỳ Vàng son của Phnom Penh, Vann Molyvann, với sự ủng hộ hoàn toàn của Sihanouk, đã thiết kế và giám sát xây dựng các công trình kiến trúc sáng tạo kết hợp các phong cách kiến trúc hiện đại với các yếu tố văn hóa Khmer. Dọc sông Mekong, ông đã xây dựng Hội trường Chaktomuk có nhiều chóp nhọn và đã giám sát xây dựng Khu Nhà Trắng mang tính biểu tượng, dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đầu tiên ở Đông Nam Á. Các thiết kế của Vann Molyvann là sự kết hợp đầy sáng tạo giữa công năng và hình thức. Ví dụ, các tòa nhà nhiều tầng của trường Ngoại ngữ thuộc Đại học Hoàng gia Phnom Penh được nâng khỏi mặt đất, giống như những ngôi nhà sàn Khmer truyền thống, không khí đi qua bên dưới để làm mát trong tòa nhà và ngăn lũ lụt làm hư

hại phòng học. Virak Ellis-Roeun, kiến trúc sư trẻ người Khmer hướng dẫn chuyên tham quan học hỏi các công trình của Vann Molyvann nói với tôi, “Tôi nghĩ điều khiến tôi ngưỡng mộ kiến trúc của Vann Molyvann là khả năng biến bản sắc Campuchia thành tư tưởng không tưởng hiện đại. Ông không ngại sử dụng các yếu tố truyền thông trong thiết kế của mình. Cách ông kết hợp nước, không khí và ánh sáng tự nhiên trong các tòa nhà bê tông thô ráp cho thấy ông là một kiến trúc sư cực kỳ tài năng”. Giống nhiều công trình được xây dựng ở phương Tây vào những năm 1960, Vann Molyvann đã sử dụng bê tông làm chất liệu trang trí. Naga, rắn thần bảo vệ sông Mekong, bằng bê tông canh giữ cửa vào thư viện trường Đại học Ngoại ngữ, và nhiều Naga dọc theo các tầng hoa sen của Đài Tưởng niệm Độc lập Campuchia, địa điểm dễ nhận ra nhất của thành phố. Khi Vann Molyvann thiết kế Đài Tưởng niệm Độc lập, ông muốn bày tỏ lòng kính trọng đối với phong cách kiến trúc vĩ đại của Đế quốc Khmer.

Trong thời gian tại chức, Vann Molyvann đã tăng gấp đôi diện tích thành phố thời thuộc Pháp, chuẩn bị cho một thành phố tương lai sẽ có 1 triệu dân. Giống người Pháp, tầm nhìn của Molyvann về mở rộng đô thị Phnom Penh đã đẩy nó đi xa hơn về phía nam dọc theo sông Bassac có con đê tự nhiên bảo vệ vùng đất bên cạnh khỏi ngập lụt. Molyvann biết phía bắc thành phố thường bị ngập lụt khi nhịp mùa mưa đẩy nước ngược dòng Tonle Sap. Ông không xây dựng về phía bắc và đã bảo tồn các hồ lớn và đầm lầy ở đó để làm vùng đệm ngăn nước vào thành phố. Trong cuộc trả lời phỏng vấn của tờ *South China Morning Post* năm 2014, Molyvann nói, “Lịch sử của thành phố này là làm việc và chiến đấu chống lại nước”^[109]. Sáng tạo tự hào nhất của ông, sân vận động Olympic quốc gia được xây dựng để tổ chức Thế vận hội Bán đảo Đông Nam Á năm 1963, là một minh chứng cho nỗ lực này. Kiến trúc độc đáo này là một sân vận động ngoài trời chứa được hơn 60.000 khán giả, một đấu trường trong nhà, và một bể bơi

lặn chuẩn Olympic. Sân vận động ở trong khu thấp của thành phố dễ bị ngập lụt. Ellis-Rouen nói với tôi, “Không như nhiều kiến trúc sư châu Âu, Vann Molyvann tôn trọng địa hình của nơi đặt công trình và tránh đổ đất nâng cao mặt bằng công trình”. Quan trọng hơn, sân vận động cần hoạt động trong mùa mưa. Lấy cảm hứng từ đền Angkor Wat được bao quanh bởi con hào rộng, Molyvann đã thiết kế sân vận động với hệ thống hào nước và thoát nước làm cho sân chơi ngoài trời, các công viên xung quanh, và khu vực đỗ xe thoát hết nước chỉ vài phút sau một trận mưa lớn.

Sân vận động Olympic quốc gia vẫn được sử dụng làm địa điểm thi đấu thể thao chính của thành phố, nhất là các giải đấu trong nhà. Các bức tường bên ngoài được thiết kế có các cửa gió cung cấp ánh sáng tự nhiên và gió thoáng cho nhà thi đấu. Khu nhà không có điều hòa này là nơi diễn ra giải bóng rổ quốc gia của Campuchia và đã tổ chức các sự kiện văn hóa lớn như buổi ra mắt phim *First They Killed My Father* của Angelina Jolie ở Campuchia vào tháng 2 năm 2017, chuyển thể từ cuốn sách năm 2000 của Loung Ung, người sống sót sau thảm họa Khmer Đỏ. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các công ty bất động sản từ Đài Loan và Trung Quốc đã xây dựng trên các lô đất xung quanh khu vực này. Vì thế phải san lấp phần lớn hệ thống hào nước của Vann Molyvann và ngày nay các chung cư 20 tầng vây kín sân vận động. Những tòa nhà này giúp xem rõ các sự kiện thể thao nhưng cũng cắt đứt luồng không khí giữ cho nhiệt độ xung quanh khu vực này mát mẻ. Để tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) vào năm 2023, một công ty Trung Quốc sẽ xây một sân vận động mới ở phía bắc thành phố, đặt tương lai công trình sáng tạo chính của Vann Molyvann vào thế bấp bênh. Nhiều kiến trúc khác của Vann Molyvann cũng có số phận tương tự. Vào những năm 2000, Tòa nhà Trắng biểu tượng đã rơi vào tình trạng đổ nát sau khi bị chiếm đóng bởi những người lân chiếm và dân nhập cư. Công trình ban đầu dự định là nhà ở do chính phủ cung cấp

cho dân nghèo thành phố và ở một mức độ nào đó đã đạt được mục đích đó, đã bị đập bỏ vào tháng 8 năm 2017 lấy chỗ xây một chung cư mới.

Ngày nay Phnom Penh là một trong những thành phố phát triển nhanh nhất châu Á. Mỗi lần đến đây tôi lại thấy một đường chân trời khác với các tháp văn phòng, khách sạn, chung cư và sông bạc mới. Năm 2010, thành phố chẳng có nhà nào cao hơn 6 tầng, nhưng trong vòng 7 năm, theo ghi nhận mới nhất của tôi, hơn 100 tòa nhà cao hơn 10 tầng giờ đang vươn lên trời xanh. Các tòa nhà mới nhật nhẽo này đều thiếu vắng nhiệt huyết dân tộc trong phong cách kiến trúc Tân Khmer của Vann Molyvann. Hầu hết các tòa nhà này đều do người Trung Quốc đầu tư và thợ Trung Quốc xây. Nhiều tòa nhà mới có liên quan đến sự chậm lại của thị trường bất động sản Trung Quốc, khiến các công ty xây dựng Trung Quốc ra nước ngoài đầu tư.

Vào tháng 1 năm 2018, nhà báo dũng cảm Chris Horton công bố một bài báo trên tờ *New York Times* về sự bùng nổ bất động sản ở Phnom Penh. Khi nói chuyện với nhà môi giới bất động sản Trung Quốc Chen Jingjing, ông phát hiện hầu hết các căn hộ xa xỉ mới xây được bán cho khách hàng Trung Quốc. Chen nói, “Người mua hầu hết đều là người Trung Quốc. Phần lớn mua để đầu tư, nhưng một số mua để ở vì có công ty hay làm ăn ở đây”^[110].

Nửa thế kỷ trước, Vann Molyvann thiết kế thành phố 1 triệu dân, nhưng hiện nay dân số Phnom Penh đã bị đẩy tới giới hạn 3 triệu người, biến nó thành không gian đô thị lớn nhất trong lưu vực sông Mekong. Thành phố này là thời nam châm thu hút lao động nhập cư làm việc trong ngành may mặc cạnh tranh toàn cầu. Nó cũng là nơi hấp dẫn để định cư đối với giới trẻ Khmer theo học ở các trường mới nổi hay từ nước ngoài về. Nhiều người

trở về từ nước ngoài là thế hệ thứ hai và thứ ba của các gia đình tị nạn sang châu Âu và Hoa Kỳ vào những năm 1970.

Sự phát triển của Campuchia vẫn phụ thuộc vào viện trợ ở nước ngoài và đã đưa nhiều người phương Tây đến đây trong ba thập niên qua để nắm giữ các vị trí quan trọng trong các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi chính phủ. Làn sóng cư dân nước ngoài gần đây nhất đến từ Trung Quốc. Với số lượng hàng chục ngàn, đội quân này đang xác định lại các đường chân trời của thành phố, đầu tư mạnh vào hạ tầng và phát triển thương mại, và rất thú vị, theo riêng tôi, đã tạo ra không gian cho sự phong phú ẩm thực Trung Hoa bên ngoài đại lục, Hồng Kông và Đài Loan. Là một không gian toàn cầu hóa nhanh chóng, nhiều doanh nghiệp ở Phnom Penh ngày nay chọn trang trí vẻ ngoài bằng các bảng hiệu viết tiếng Khmer, tiếng Anh và tiếng Trung Quốc.

Chính quyền thành phố thiếu các nguồn lực và tầm nhìn quy hoạch để đáp ứng nhu cầu cơ sở hạ tầng của sự bùng nổ dân số gần đây. Do đó, ùn tắc giao thông và nhu cầu đi lại tăng lên là một thực tế của sinh hoạt ở Phnom Penh. Trên đường những chiếc tuk-tuk với tài xế đen sạm chạy cạnh những chiếc Porsche SUV và những chiếc xe thể thao Maserati sang trọng của tầng lớp giàu có mới phát lên ở thủ đô. Một lần, khi đang ngồi trong một chiếc taxi Lexus SUV nhập từ Hoa Kỳ, tôi bị kẹt trên Đại lộ Russian Federation do trận mưa lớn bất ngờ. Tôi thấy một người đi xe máy choàng áo mưa cố chạy trong nước ngập sâu cả nửa mét rồi gặp nạn khi sập phải ổ gà dưới nước. Anh ta lầy bẫy trời lên sau vài giây ngã chìm trong nước và ngoan cường tiếp tục đi tới.

Ở Campuchia, hai phần ba dân số dưới 30 tuổi. Những người rùng rình tiền bạc thường tụ tập tại các quán cà phê thời thượng của dân địa phương

nếu Blue Pumpkin hay Brown Café. Các nhà hàng và quán bar quanh chợ Russian Market nổi tiếng ở Phnom Penh được biết luôn chật kín các doanh nhân Khmer lạc quan có phong cách thời trang độc đáo. Các công ty bất động sản thương mại Nhật Bản và Trung Quốc dường như luôn cạnh tranh để xem ai xây được trung tâm mua sắm lớn nhất nước này và nhất nhậ đồng đô-la nhọc nhằn kiếm được của tầng lớp tiêu dùng đang tăng nhanh của Campuchia.

Một trung tâm mua sắm nằm ở rìa một khoảnh đất trống lớn giữa khu phía bắc thành phố đối diện với tòa nhà chính phủ. Bên cạnh trung tâm thương mại, tấm biển lớn màu đỏ ghi “Trung tâm Thành phố Phnom Penh” dẫn vào một mảnh đất trống, chưa xây dựng, đầy cỏ dại và vài con đường trải nhựa dở dang. Thoạt nhìn, bảng hiệu Trung tâm Thành phố có vẻ ghi sai. Trong thời thuộc địa, bãi hoang đầy cát và cỏ này chiếm gần hết thành phố. Giờ đường biên cong của nó do việc mở rộng đô thị xác định. Ngày nay, vẫn còn có người cho rằng chưa đầy một thập niên trước, khu đất căn cỗi này từng là nơi có hồ nước lớn nhất thành phố.

Khu vực trước đây là hồ Boeung Kak cách hồ Tonle Sap khoảng 1km ở phía bắc trung tâm của thành phố, tiếp giáp với Khu Pháp cũ. Nhìn vào các bản thiết kế thời Pháp thuộc và của Vann Molyvann cho thành phố này đều thấy hồ Boeung Kak nằm ở trung tâm thành phố. Những người còn nhớ nó kể về các cây cọ che nắng và nhiệt độ mát mẻ quanh năm làm dịu bớt sức nóng của mạng lưới đường bê tông dày đặc của thành phố. Trên bờ hồ rải rác khách sạn và nhà nghỉ phục vụ ngành du lịch đang phát triển mạnh. Thủ tướng lâu năm của Campuchia, Hun Sen, thỉnh thoảng uống rượu brandy ở nhà hàng ven hồ yêu thích của ông. Tuy nhiên, quan trọng nhất, đó là nơi ở của hơn 4.200 hộ gia đình sống trên bờ hay trên những căn nhà nổi ven hồ.

Nhiều người sống dọc theo hồ đến đó tìm nơi trú ẩn sau khi trải qua những nỗi kinh hoàng của chế độ Khmer Đỏ. Năm 1975, Khmer Đỏ lật đổ chính quyền Lon Nol được Mỹ hỗ trợ. Chế độ mới đã buộc dân ra khỏi thành phố và bỏ hoang nơi đây trong hơn ba năm rưỡi, từ 1975 đến 1978. Dân Phnom Penh, và phần lớn dân Campuchia bị cưỡng chế đưa đến các trại tập trung nông thôn để cải tạo. Những người bị cho là có quan hệ với CIA hay chịu ảnh hưởng của giáo dục hay các giá trị phương Tây bị xử tử không xét xử tại một trong những “cánh đồng chết” của nước này. Hơn một triệu người đã bị xử tử trên những “cánh đồng chết”. Năm 1979, quân đội Việt Nam tiến vào Campuchia và lật đổ Khmer Đỏ. Hai bên bước vào cuộc chiến dân sự đẫm máu kéo dài đến đầu những năm 1990. Trong những năm 1980, bờ hồ Boeung Kak bắt đầu thu hút ngày càng nhiều cư dân. Trong thập niên đầu thế kỷ 21, những người mới đến gần đây là những người bị các công ty phát triển bất động sản ở các khu vực khác của Phnom Penh đuổi khỏi nhà.

Nhìn chung, người dân Boeung Kak luôn sống bên lề, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Họ là những cư dân nghèo nhất thành phố. Hồ cung cấp cho những người sống cạnh nó một không gian cộng đồng mới để họ tiếp cận được các nguồn thực phẩm giá rẻ như cá, cua, ếch, và trồng rau xanh dưới nước bán ở chợ địa phương. Là hồ lớn còn lại cuối cùng, Boeung Kak cũng đóng vai trò quan trọng “lá phổi của thành phố”, tiếp nhận nước mưa trong mùa mưa để thành phố không bị ngập lụt. Hồ này cũng là nơi tự nhiên lọc nước thải để nguồn nước xung quanh không bị ô nhiễm.

Tháng 2 năm 2007, chính quyền thành phố Phnom Penh cho công ty Shukaku, Inc thuê toàn bộ 133 héc-ta của hồ Boeung Kak để xây dựng hồ thành một khu dân cư. Thông báo về thỏa thuận này khiến cộng đồng xung quanh và gần như cả nước hết sức ngạc nhiên. Chỉ vài năm trước, chính

quyền thành phố Phnom Penh tổ chức cuộc thi quảng bá hồ này như một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển đô thị, khẳng định các chức năng sinh thái quan trọng của hồ đối với thành phố. Giờ đây tương lai của hồ và cư dân của nó không còn chắc chắn. Giá của thỏa thuận này được định ở mức 79 triệu đô-la, đó là món hời đối với một bất động sản quan trọng như thế ở trung tâm thành phố. Dù giá thấp, ít có công ty Campuchia ở Phnom Penh đủ sức mua, vì thế người dân địa phương đã đứng khi cho rằng công ty Shukaku, trên danh nghĩa thuộc sở hữu của một thượng nghị sĩ Campuchia nổi tiếng, được các nhà đầu tư nước ngoài chống lưng. Cư dân ven hồ đã sớm tổ chức biểu tình bên ngoài Đại sứ quán Hàn Quốc vì cho rằng Shukaku nghe giống tiếng Hàn. Tuy nhiên, họ sớm phát hiện thỏa thuận này được hỗ trợ bởi một công ty Trung Quốc ở Ordos, thành phố ở Nội Mông. Họ cũng phát hiện ra rằng đây là lần đầu tiên Shukaku tham gia lĩnh vực phát triển bất động sản.

Nhiều người dân có giấy tờ sở hữu đối với bất động sản và những người khác khẳng định quyền sở hữu nhà và đất của họ từ thời Sihanouk đã cấp quyền sở hữu đất cho những người sống ở đó sở hữu nó một cách yên ổn, liên tục và minh bạch trong 5 năm. Nhưng kể từ Sihanouk, đất nước này đã trải qua bốn hệ thống chính quyền có cách xử lý pháp lý riêng đối với quyền sử dụng và sở hữu đất đai.

Sau cuộc đổ bộ của Việt Nam để tiêu diệt quân Khmer Đỏ vào năm 1978, người dân về lại Phnom Penh mới thấy quân Khmer Đỏ đã tiêu hủy hoàn toàn mọi hồ sơ sở hữu đất đai trước đây. Chính quyền xã hội chủ nghĩa mới thành lập đã xem tất cả đất đai là tài sản chung của nhà nước, không được bán hay cho thuê. Hun Sen lên làm thủ tướng lãnh đạo chính phủ này vào năm 1985 khi 33 tuổi. Vào những năm 1980, các gia đình được giao những mảnh đất trên cơ sở xem xét từng trường hợp, nhưng hồ sơ cũ

không được chấp nhận. Hiệp định Hòa bình Paris 1991 đã chấm dứt cuộc nội chiến kéo dài nhiều thập niên giữa chính quyền của Hun Sen được Việt Nam ủng hộ và phe Khmer Đỏ, và mở đường cho một chế độ quân chủ lập hiến được bầu cử dân chủ.

Trong cuộc bầu cử do Liên Hiệp Quốc tổ chức năm 1993, Đảng Nhân dân Campuchia (CPP), thực ra là đảng cũ của Hun Sen đổi tên, đứng thứ hai sau FUNCINPEC, một đảng do Sihanouk thành lập vào đầu những năm 1980. Không bên nào giành được đa số phiếu để thành lập chính phủ. Do đó, một hệ thống đồng thủ tướng được thành lập với quyền lực chia sẻ giữa Hun Sen với người con trai ngoan ngoãn được chỉ định của Sihanouk, hoàng thân Norodom Ranariddh. Sihanouk, trở về Campuchia sau nhiều năm sống lưu vong, và Hun Sen, đều tự coi mình là người kiến thiết và cứu tinh của Campuchia hiện đại ở những thời kỳ khác nhau do Sihanouk lớn hơn Hun Sen ba mươi tuổi. Hai phe không nhượng bộ quyền lực và mỗi phe chỉ huy các bộ của phe mình. Thực ra, hầu hết quan chức chính phủ vẫn trung thành với CPP. Hết lần này đến lần khác, hệ thống này đều dẫn đến bế tắc. Năm 1997, sau ba năm đấu đá chính trị tại quốc hội Campuchia, Hun Sen tận dụng sự hỗn loạn trong khu vực và trong nước do cuộc khủng hoảng tài chính châu Á gây ra để tiến hành thành công cuộc đảo chính do quân đội tổ chức chống lại Ranariddh. CPP đã xử tử hơn 50 sĩ quan trung thành với FUNCINPEC. Sự việc đó đã tước bỏ quyền lực của Sihanouk đối với các kết quả chính trị trong tương lai và củng cố quyền lực tuyệt đối của Hun Sen. Một lần nữa, cuộc chiến giữa các phe phái quân sự lại xuất hiện trên đường phố Phnom Penh và dẫn đến cái chết của hàng trăm binh lính và dân thường mắc kẹt trong cuộc xung đột.

Trước thềm cuộc bầu cử quốc gia năm 2003, Hun Sen, đã ban hành luật đất đai mới đặt nền tảng tốt hơn cho quyền sở hữu đất đai. Luật này đã ngăn

chặn việc thu hồi đất trừ khi vì “lợi ích công cộng và phải bồi thường công bằng và thỏa đáng”^[111]. Người sở hữu có thể nộp đơn xin cấp quyền sở hữu dứt khoát, nhưng quyền sở hữu chỉ được tính cho đất chiếm hữu trước năm 2001. Việc sở hữu đất nhà nước và tài sản chung bị cấm. Đảng CPP của Hun Sen đã giành được 47 phiếu bầu và bị thách thức bởi Sam Rainsy, cựu bộ trưởng tài chính đã chỉ trích Hun Sen và thực hiện một chiến dịch hứa hẹn cải thiện hệ thống phúc lợi Campuchia. Để thành lập chính phủ, Hun Sen lần nữa bắt tay với đảng FUNCINPEC. Sam Rainsy tiếp tục hoạt động chính trị và xây dựng tổ chức đối lập của mình.

Sebastian Strangio cho rằng việc chiếm đất thực sự đã diễn ra khi CPP củng cố được quyền kiểm soát hệ thống chính trị vào giữa năm 2006. Đó là khi một sửa đổi trong hiến pháp cho phép CPP tự mình thành lập chính phủ, thay vì liên minh với FUNCINPEC. Từ đó về sau, CPP hăng hái dẫn đầu các cuộc chiếm đất và việc cấp đất kinh doanh tăng vọt. Chẳng hạn, hợp đồng cho thuê hồ Boeung Kak được ký vào tháng 2 năm 2007. Khi thỏa thuận để cho Shukaku phát triển hồ Boeung Kak được công bố vào năm 2007, một số cư dân của hồ định cư ở đó trước năm 2001 đã nộp đơn xin cấp quyền sở hữu tài sản của họ. Cũng thời điểm đó, Ngân hàng Thế giới thành lập một chương trình mang tên *Chương trình Quản lý và Đăng ký Đất đai*, hỗ trợ cho các cá nhân làm đơn yêu cầu cấp quyền sở hữu đất. Khi biết có thể bị trục xuất, nhiều người trong số 4.200 gia đình vội vã nộp đơn xin cấp quyền sở hữu vào năm 2007 theo chương trình này. Tất cả đơn đã bị bác, không xét xử.

Không chấp nhận thất bại, cư dân tiếp tục đặt câu hỏi về tính hợp pháp của thỏa thuận Shukaku. Cùng các chuyên gia pháp lý trong và ngoài nước, dân địa phương đã chỉ ra một lỗ hổng lớn trong việc cho thuê hồ. Hồ Boeung Kak, như tất cả các sông và hồ ở Campuchia, được định nghĩa là

đất công thuộc nhà nước, về mặt pháp lý không thể cho thuê. Điều đó khiến hợp đồng cho thuê rõ ràng không có giá trị. Luật còn quy định đất nhà nước chỉ có thể được chuyển đổi khi không còn có lợi cho cộng đồng. Đầu năm 2008, chính quyền thành phố giải quyết mâu thuẫn này bằng cách ban hành một nghị định phụ, chuyển hồ từ đất “công của nhà nước” thành đất của “nhà nước nhưng không có giá trị lợi ích chung”. Không những trích dẫn luật này, chính quyền thành phố còn tuyên bố tất cả cư dân ven hồ là cư dân bất hợp pháp, định cư trên tài sản nhà nước. Các chuyên gia pháp lý tiếp tục thông báo cho người dân địa phương các điểm không nhất quán trong hợp đồng cho Shukaku thuê. Chẳng hạn, luật đất đai của Campuchia quy định đất “nhà nước nhưng không có giá trị lợi ích chung” về mặt pháp lý được cho thuê lâu nhất 15 năm. Hợp đồng cho Shukaku thuê có thời hạn 99 năm. Nó cũng xác định rõ người thuê không được phép thay đổi chức năng của khu đất trong việc cung cấp dịch vụ công cộng. Trước năm 2007, quy hoạch tổng thể của thành phố đã chính thức công nhận chức năng công cộng của hồ này là “nơi trữ nước mưa” và “khu sinh thái” quan trọng của thành phố. Nhưng vì Campuchia không có tư pháp độc lập nên những vấn đề pháp lý đúng đắn đó đã không được xem xét.

Trong các cuộc bầu cử toàn quốc tháng 7 năm 2008, Hun Sen đã giành chiến thắng sau khi khéo léo lèo lái cuộc tranh chấp biên giới với Thái Lan về đền Preah Vihear. Đảng Sam Rainsy đã giành được 21% phiếu bầu, ít ghé hơn năm 2003. Cuộc xung đột ở hồ Boeung Kak ít ảnh hưởng đến kết quả bầu cử vì cuộc tranh cãi về tương lai của cư dân ven hồ đến cuối năm đó mới sôi sục. Tháng 8 năm 2008, công ty Shukaku bắt đầu bơm cát từ sông Mekong trung bình 18 giờ một ngày. Cư dân của Boeung Kak biểu tình phản đối bằng cuộc tuần hành lớn ở tòa thị chính vào ngày 1 tháng 9 năm 2008. Họ không chỉ bị trục xuất mà các điều khoản tái định cư của Shukaku buộc các hộ gia đình ven hồ phải chuyển đến những lô đất nhỏ ở

làng tái định cư cách khu trung tâm Phnom Penh 20km. Nếu chuyển đến làng tái định cư, cư dân Boeung Kak không còn thuận tiện đi làm, đi học và chữa bệnh. Hơn nữa, đối với những người có các cơ sở kinh doanh thành công như nhà nghỉ và nhà hàng, một lô đất nhỏ không thể là sự đền bù công bằng.

Dần dần, 500 gia đình đồng ý chuyển đến địa điểm tái định cư. Nhiều người buộc phải chấp nhận vì nhà họ bị ngập trong nước hồ do cát được bơm vào nơi xây khu dân cư. Các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục bất chấp sự đe dọa liên tục của lực lượng bảo vệ Shukaku. Một người phản đối nói, “Tôi không chống lại kế hoạch phát triển của chính quyền, nhưng bất kỳ sự phát triển nào mà người nghèo bị đuổi đi không được bồi thường thích đáng sẽ chỉ làm lợi cho những kẻ quyền thế”^[112].

Chương trình Quản lý và Đăng ký Đất đai của Ngân hàng Thế giới đã tiến hành một cuộc điều tra về tính hợp pháp của hợp đồng cho shukaku thuê và khiếu nại của cư dân Boueng Kak. Các kết quả điều tra có lợi cho cư dân. Nó cho thấy khiếu nại của họ thực sự chính đáng và nhiều người dân có quyền đã được xác lập trước đây đối với đất này. Nhưng điều đó không ngăn cản được Shukaku. Trong năm 2010, hàng ngàn người không chịu di dời bị cắt điện. Nước dâng cao trong phần hồ còn lại làm tăng nguy cơ mắc các bệnh lây lan qua nước. Để đối phó phần nào những phát hiện của Ngân hàng Thế giới, Shukaku thay đổi các điều khoản bồi thường trong hợp đồng. Các cư dân trước đây không đồng ý với gói đền bù có thể chọn giữa việc tái định cư cách đó 20km, khoản bồi thường bằng tiền một lần là 8.500 đô-la hoặc có thể xây nhà của họ trong khu dự án. Nhiều người đã lấy tiền và đến đầu năm 2011, hơn 3.500 gia đình đã được tái định cư hoặc đền bù. Nhưng đối với nhiều người kinh doanh, 8.500 đô-la là khoản bồi thường quá ít ỏi cho cơ sở kinh doanh của họ vốn có thể kiếm được nhiều hơn trong

một vài năm. Phương án xây dựng nhà trong khu dự án có phần hấp dẫn, nhưng Shukaku không nói khi nào được xây và người dân sẽ sống ở đâu trong khi chờ san lấp mặt bằng và xác định vị trí ngôi nhà mới của họ.

Để đối phó, những cư dân không chịu chuyển đi, hầu hết là phụ nữ, đã kiến nghị kế hoạch chung nhau 15ha đất để xây nhà của họ. Dù họ thường xuyên kháng nghị, các yêu cầu đó đã không được tiếp nhận. Tháng 7 năm 2011, buổi lễ động thổ đã chính thức đánh dấu việc xây dựng dự án phát triển hồ Boueng Kak nhưng hơn 500 hộ gia đình vẫn ở trong khu dự án. Trong một nỗ lực giải quyết bế tắc, Ngân hàng Thế giới tuyên bố ngừng lập tức tất cả các khoản cho vay đối với Campuchia. Trong vài ngày, Shukaku đã cấp hơn 12ha đất trong khu dự án cho những cư dân không chịu chuyển đi xây nhà. Tuy nhiên, 10% số hộ gia đình không chịu chuyển đi này được bố trí ngoài khu đất cấp. Nhà họ đã bị đánh dấu để đập bỏ ngay. Như một hình thức phản kháng, một cư dân, một thiếu nữ, đã nhảy xuống sông Mekong tự tử. Vào ngày 19 tháng 4 năm 2012, hồ Boeung Kak được lấp kín và không còn nước nữa.

Khi bị trục xuất, cư dân không được nhặt nhạnh tài sản, còn nhà của họ ngập trong cát và bùn. Nhiều người bị vệ sĩ của Shukaku chĩa súng đe dọa. Một người từ chối các điều khoản tái định cư, Pich Samol, đang bất tỉnh trong bệnh viện khi nhân viên của Shukaku đến cầm tay nhúng ngón tay anh ta vào mực để điểm chỉ vào thỏa thuận đập bỏ nhà anh^[113]. Anh không nhận được đồng đền bù nào cho ngôi nhà của mình. Các cuộc phản đối không dừng dù hồ đã cạn kiệt giọt nước cuối cùng. Vào ngày 22 tháng 5 năm 2012, một nhóm phụ nữ biểu tình, sau này được đặt tên là nhóm Boeung Kak 13 đã bị công an Campuchia truy đuổi và bắt giữ. Họ nhanh chóng bị xét xử và kết án là những người chiếm đóng bất hợp pháp và cản trở công việc của viên chức chính quyền. Người trẻ nhất trong nhóm 25 tuổi

và già nhất 72 tuổi. Tất cả bị kết án tù hai năm rưỡi. Ngay sau khi họ bị tuyên án, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Hillary Clinton đã gặp Bộ trưởng Ngoại giao Campuchia thảo luận việc vi phạm nhân quyền trắng trợn đối với nhóm Boeung Kak 13, và hai tuần sau đó, số phụ nữ này được thả, dù các cáo buộc đối với họ vẫn giữ nguyên.

Khi các cuộc bầu cử toàn quốc năm 2013 đến gần, Sam Rainsy đã cùng với Kem Sokha, lãnh đạo Đảng Nhân quyền Campuchia, thành lập Đảng Cứu Quốc Campuchia (CNRP). Chiến dịch của CNRP cũng cam kết bảo vệ tài nguyên của đất nước khỏi sự xâm lấn của các nước láng giềng. Trong cuộc bầu cử tháng 7, CNRP đã giành được 44,46% phiếu bầu cả nước, khiến CPP mất 22 ghế trong quốc hội. CPP tuyên bố chiến thắng với 48,83% phiếu bầu, nhưng các cơ quan giám sát bầu cử trong nước và quốc tế cùng Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ đã chỉ ra những bất thường trong quá trình bỏ phiếu. Việc kiểm phiếu cuối cùng được công bố bởi Bộ Thông tin. CNRP tổ chức các cuộc biểu tình suốt mùa thu năm 2013. Các cuộc phản đối tiếp diễn trong năm 2014 khi lực lượng an ninh giết chết 3 công nhân may mặc và làm bị thương một số người khác trong một cuộc biểu tình đòi tăng lương tối thiểu cho ngành dệt may. Các cuộc biểu tình đã bị cấm trong 1 tháng. Cuối năm đó, nhiều lãnh đạo CNRP bị bắt giam cho đến khi Sam Rainsy và Hun Sen đạt được thỏa thuận chính trị vào tháng 7 năm 2014, cho phép các chính khách CNRP trúng cử tham gia quốc hội.

Cùng thời gian đó trong năm 2014, sau 7 năm phản đối ôn hòa, bất chấp sự hăm dọa liên tục và nguy cơ bạo lực, 631 hộ gia đình đã nhận được quyền sở hữu đối với đất đai cũ ven hồ của họ. Đối với những người tiếp tục phản đối, chiến thắng của họ vừa ngọt ngào vừa cay đắng, để lại nhiều vết sẹo. Thành công của họ một phần do sự mạnh lên của một đảng đối lập sử dụng cuộc đấu tranh của họ trong cương lĩnh tranh cử, nhưng quan trọng

nhất, thành công này chứng tỏ sức mạnh của các tổ chức xã hội dân sự ở Campuchia trong việc đáp ứng nhu cầu của người dân khi chính quyền không làm được. Các tổ chức pháp lý cung cấp kiến thức và năng lực cho các cá nhân hiểu được các quyền của họ trong khi các tổ chức nhân quyền cung cấp các kỹ năng cho người dân và thúc đẩy các hành động tập thể hiệu quả. Các tổ chức này cũng xây dựng mối quan hệ với các đồng minh quốc tế quan trọng để gia tăng áp lực một cách hiệu quả từ ngoài nước^[114].

Tại làng tái định cư cách Boueng Kak 20km, các thành viên cộng đồng tái định cư cho rằng họ hiện có thu nhập ít hơn nhiều so với trong thành phố, và khó tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và nước. Họ cũng chưa được cấp quyền sở hữu đối với nhà và đất mới của mình. Thất nghiệp ở đó đã tăng gấp đôi kể từ khi di dời. Các triệu chứng trầm cảm và lo âu hiện hiện. Nhiều người trong số này là nạn nhân của chế độ Khmer Đỏ. Cuộc sống, đối với họ, là chuỗi bi kịch không dứt.

Năm 2014, đối tác Trung Quốc của Shukaku rút khỏi hợp đồng thuê vì những lý do không được tiết lộ. Vào tháng 6, tập đoàn HLH, công ty từ Singapore, đã mua 1,3ha từ Shukaku với giá 14,9 triệu đô-la, giúp Shukaku thu lại phần lớn khoản đầu tư của mình chỉ với một hợp đồng cho thuê đất nhỏ. Khu đất này hiện đang được xây dựng thành một khu phức hợp bất động sản sang trọng, còn phần lòng hồ khô còn lại vẫn trông hoang. Hun Sen vẫn thù địch cư dân Boeung Kak. Đầu năm 2018, Tòa án tối cao Campuchia đã giữ nguyên bản án đối với Tep Vanny, một lãnh đạo của Boeung Kak 13, và kết án cô 30 tháng tù.

Chống lại lời khuyên của Vann Molyvann mở rộng thành phố về phía nam để tránh lũ lụt, Phnom Penh tiếp tục mở rộng về khu bị ngập ở phía bắc và tây bắc thành phố. Vào mùa mưa, những đồng cát được bơm lên

hiện rõ trên những cánh đồng ngập nước. Dù thành phố này thiếu một quy hoạch đô thị rõ ràng để phát triển trong tương lai, nhưng người ta biết rằng vùng ngập phía tây bắc sẽ dành để đầu tư nhà ở của các hộ có thu nhập trung bình và thấp. Không có hồ Boueng Kak và các vùng đầm lầy xung quanh Phnom Penh, tác động của một trận lũ lớn đối với thành phố chưa biết thế nào, và thành phố sẽ gặp nguy. Trong cuộc phỏng vấn vào tháng 12 năm 2013, Vann Molyvann, lúc đó đã gần chín mươi tuổi, nói, “Chúng tôi cũng sẽ lấp hồ, nhưng chúng tôi làm điều đó một cách cẩn thận. Những phần còn lại sẽ được dành cho mục đích thu chứa nước lũ. Hun Sen bác bỏ tất cả các kế hoạch đã được thiết kế. Tại sao? Để bán đất”^[115]. Vann Molyvann mất tại nhà riêng ở Xiêm Riệp vào tháng 9 năm 2017, chưa đầy một tháng sau khi Tòa Nhà Trắng mang tính biểu tượng bị đập bỏ.

Tại thời điểm sách này xuất bản, Hun Sen ở tuổi 65 là thủ tướng cầm quyền lâu nhất thế giới. Ông đã công khai nói sẵn sàng lãnh đạo thêm 20 năm nữa, nhưng giới quan sát chính trị Campuchia nghi ngờ ông đang chuẩn bị cho một trong những người con trai được học tập ở phương Tây sớm thế chỗ mình. Hun Sen sẽ không chấp nhận thua một đảng đối lập lớn. Rốt cuộc, ông đang giám sát một mạng lưới bảo trợ rộng lớn, được tạo ra theo thiết kế của ông và điều đó làm cho nền kinh tế nước này hoạt động và đảm bảo một mức độ an ninh cần thiết.

Trong cuộc bầu cử cấp xã tháng 6 năm 2017, CNRP đã hoạt động tốt hơn kỳ vọng, giành được 43% phiếu bầu. Điều này đã giúp các quan chức CNRP lần đầu tiên nắm quyền ở nhiều vùng nông thôn và thành thị của Campuchia. Để trả đũa, vào tháng 8 năm 2017, Kem Sokha bị bắt giữ trong cuộc đột kích vào sáng sớm, bị buộc tội phản quốc và âm mưu cùng Hoa Kỳ lật đổ chính quyền. Ngay sau đó, chính phủ Campuchia buộc tờ báo tiếng Anh nổi tiếng *The Cambodia Daily* đóng cửa sau hơn hai thập niên

hoạt động và đóng cửa tất cả các đài phát thanh và truyền hình độc lập trên cả nước. Chính quyền đưa ra tuyên bố rằng tờ báo nợ thuế nhiều năm. Trước sự bất an, CNRP miễn cưỡng bầu một lãnh đạo mới và vào mùa thu năm 2017, hầu hết các lãnh đạo của CNRP đã ra nước ngoài. Vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, Tòa án Tối cao Campuchia giải tán CNRP với lý do đảng này âm mưu lật đổ chính quyền, đẩy tương lai của nền dân chủ và công cuộc điều hành đất nước của Campuchia vào tình thế không ổn định. Hun Sen tiếp tục thắng cử vào tháng 7 năm 2018.

Sau các cuộc bầu cử năm 2013, Hun Sen cũng đã đưa các nhà lãnh đạo trẻ, học hành ở phương Tây vào vị trí lãnh đạo các bộ giáo dục và môi trường. Nhiều người cho rằng động thái này là cách để thu hút giới trẻ nước này trong các cuộc bầu cử sắp tới.

HỒ TONLE SAP

Sorn Pheakdey, trưởng văn phòng Campuchia của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) và tôi đứng giữa con đường lầy lội ở Chhnok Tru bên hồ Tonle Sap, cách Phnom Penh khoảng 120km về phía thượng nguồn. Đường chạy trên con đê thấp rộng khoảng 10 mét có nước hồ Tonle Sap vây quanh. Ngay phía trước chúng tôi, con đường biến mất trong hồ. Nếu là tháng Tư, cao điểm mùa khô, con đường sẽ dài thêm vài kilomet nữa trước khi ngập trong nước, nhưng lúc này là cuối tháng 11 năm 2017 và hồ Tonle Sap mới chỉ bắt đầu chảy ngược vào sông Mekong vài tuần trước. Pheakdey, chừng ba mươi tuổi, đưa tôi đến Chhnok Tru, nơi hồ Tonle Sap hẹp lại thành sông Tonle Sap, để cho tôi xem vụ thu hoạch cá *trey riel* (cá linh) hằng năm. Anh đã không thất vọng.

Chung quanh chúng tôi là hàng trăm người Khmer địa phương xách theo mớ cá bắt được sáng nay hay đang làm *prahok*, mắm bò hóc. Có thể giữ được nhiều tháng sau khi vụ cá lớn nhất năm kết thúc, mắm bò hóc là loại gia vị chứa protein, được dùng ăn với cơm, cháo hay các thức ăn khác. Bờ hồ là bến cập của những chiếc thuyền dài, hẹp, bằng nhựa nhiệt dẻo nhiều màu sắc, tất cả đều gắn động cơ bên ngoài. Tất cả ngư dân, cả nam lẫn nữ, đều mặc áo sơ mi dài tay và quần dài để chống ánh nắng mặt trời, đỡ liên tục một loạt xô nhựa màu vàng, xanh lá cây và đỏ chứa đầy cá lên

bờ hồ lầy lội. Những xô nhựa, nhìn giống như giỏ nhựa đựng đồ giặt quá khổ, có khe thoát nước. Chúng chứa hàng trăm con cá *trey riel* màu trắng và bạc, không còn sống nhưng rất tươi, dài cỡ 10 đến 15cm. Tôi hỏi Pheakdey vì sao cá có màu sắc khác nhau như thế. Anh nói, “Chúng có nhiều loài khác nhau, nhưng đều thuộc họ chép, loài cá nhiều nhất ở hồ này”. Tôi lập tức nghĩ cá chép ở hồ Tonle Sap được sử dụng để làm *prahok* giống như ở Lào dùng để làm mắm *padek*.

Một người đàn ông da rám nắng gần ba mươi tuổi nhấc xô cá đặt lên cái cân màu xanh lá cây. Người phụ nữ đọc và ghi lại trọng lượng xô cá trong cuốn sổ nhỏ rồi người đàn ông nhấc chiếc xô đặt vào cuối một dãy đôi có 20 xô khác, xô nào cũng đầy cá vừa mới đánh bắt. Pheakdey nói, “Sẽ tắt bật như vậy trong chừng 2 tháng”. Tiếng ồn của các động cơ gắn ngoài xung quanh chúng tôi khiến rất khó nói chuyện. Hầu như tất cả các căn nhà lều loét dọc theo con đường dài hơn 3km này đều tạm bợ. Những túp lều nhỏ ghép bằng gỗ và tôn dùng làm chỗ nghỉ và ngủ trong giai đoạn này của năm vì người dân ở đây bận đến nỗi không thể về nhà. Các quầy hàng tạm bợ bán nước và thực phẩm tươi được che bằng những chiếc dù đỏ và tím.

Các quầy trống khác được che bằng những tấm bạt lớn treo lên che mát cho những người đang làm cá. Mười ba phụ nữ và trẻ em ngồi xôm quanh một đồng cao có hàng nghìn con cá chép. Mỗi người, kể cả trẻ em, nhỏ nhất 7 tuổi, dùng dao moi ruột và làm cá. Cá làm xong được những người phụ nữ gom lại và đưa vào các xô sạch. Khi đông ruột và đầu cá đầy lên, chúng sẽ được dọn đi. Những thứ phẩm đó sẽ được dùng ở các trang trại nuôi cá lóc hay những vật nuôi khác của dân địa phương. Trong tầm mắt, 6 nhóm người đang làm cùng một công việc y hệt nhau. Pheakdey cho tôi biết một số người ở Campuchia chỉ trích việc sử dụng lao động trẻ em chế biến cá và làm mắm *prahok*, nhưng anh cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm

prahok như một sợi dây kết nối, là truyền thống giúp giữ các gia đình và cộng đồng quây quần quanh hồ. Vụ thu hoạch cá chép hằng năm cũng giúp gắn kết phần lớn người dân nước này vì nông dân đến từ các tỉnh xa xôi, có nơi xa tới 200km, trả tiền mặt hay đổi gạo lấy mắm cá *prahok*.

Chúng tôi đi qua một khu có các xô cá đã được làm sạch bằng cách ngâm vài giờ trong nước của hồ Tonle Sap. Sau đó, chúng được vớt ra, ướp muối, để 2 tuần trước khi giã nhuyễn rồi đóng gói, sẵn sàng để dùng hay bán ở chợ địa phương. Ở khắp Campuchia, hơn 70.000 tấn *prahok* được làm ra trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 3 hằng năm và phần lớn từ cá chép bắt được ở hồ này^[116]. Về tiêu thụ cá tươi và *prahok*, người Campuchia tiêu thụ khoảng 75kg cá một năm, nhiều hơn mức tiêu thụ cá bình quân đầu người của hầu hết các nước phát triển. Tuy nhiên, không giống các nước khác, tiêu thụ cá chiếm đến 65-75% lượng thức ăn protein động vật của các hộ gia đình ở Campuchia^[117].

Tôi bước đến chỗ những xô cá đang lên men. Lại gần hơn, mùi hăng nồng khiến tôi khựng lại. Pheakdey cười, “Ở Campuchia, tất cả chúng tôi đều quen với mùi này”. Hai người đàn ông mặc áo cầu thủ bóng đá nâng những chiếc xô *prahok* thành phẩm lên sau sàn moóc gỉ sét vì chớ mắm hay do mưa. Mỗi xô, giờ chứa nhiều cá hơn so với khi chứa cá tươi vào buổi sáng, nặng hơn nhiều và phải có hai người mạnh khỏe nhấc lên. Họ luôn một thanh gỗ qua quai của chiếc xô và nhấc nó lên sàn moóc. Sau 10 phút, sàn chất kín 8 xô chứa khoảng 15.000 con cá. Một người đàn ông khởi động chiếc xe máy kéo cái moóc. Tiến lên trước một chút, cái moóc bị kẹt trong bùn, Pheakdey và tôi đẩy nhẹ, chiếc xe máy tăng tốc chạy đi, rồi biến mất ở chân trời xa.

Người Campuchia nào cũng biết câu tục ngữ “*mean tuek, mean trey*”, hay “ở đâu có nước, ở đó có cá”. Và không nơi nào câu ngạn ngữ này đúng hơn hồ Tonle Sap. Được biết, Tonle Sap là ngư trường nội địa lớn nhất thế giới. Mỗi năm người ta thu hoạch được hơn 500.000 tấn cá từ hồ này^[118]. So sánh, *tất cả* các hồ nước ngọt và sông ở Bắc Mỹ cộng lại cung cấp khoảng 450.000 tấn cá một năm. Trong mùa khô, sông Tonle Sap lấy nước ở hồ này và dẫn vào dòng chính sông Mekong tại chỗ hợp dòng Chaktomuk ở Phnom Penh. Nhưng có một khoảng thời gian ngắn vào mùa mưa hằng năm, thường là vào tháng 6, lực dòng chảy từ Lào và các sông 3S đổ vào dòng chính sông Mekong dữ dội đến nỗi khiến cho sông Tonle Sap đảo dòng. Việc đảo ngược dòng chảy, đẩy một lượng nước lớn vào hồ Tonle Sap, đóng vai trò chính trong phép màu của tự nhiên tạo ra lượng cá cực kỳ to lớn.

Khi mùa mưa đến, hồ từ từ mở rộng hơn 5 lần diện tích mùa khô, tăng từ 2.500km² lên 15.000km². Mực nước của hồ tăng từ sâu trung bình dưới 1 mét lên hơn 9 mét và khối lượng nước tăng hơn 60 lần so với mùa khô. Dòng nước mùa mưa cuốn theo trầm tích giàu chất dinh dưỡng, các chất hữu cơ mục nát, và quan trọng nhất, vô số trứng cá, cá con và cá đã lớn đến từ những nơi sinh sản ở thượng nguồn hệ thống sông Mekong. Khi mặt hồ rộng ra, dòng chảy đưa cá và các chất này vào những vùng mới bị ngập. Sự kết hợp các chất dinh dưỡng trong đất, ánh sáng mặt trời, và dòng nước trong lành đầy rẫy vi sinh vật dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái từ đáy đi lên của chuỗi thức ăn. Tảo và sinh vật phù du sinh sôi nhanh, và do đó quần thể cá cũng phát triển nhanh.

Khi mùa mưa sắp kết thúc vào tháng 11 và mùa khô đến gần, nước ở những vùng ngập lụt rút đi và lực hấp dẫn sẽ đưa nước hồ chảy về lại dòng chính sông Mekong. Cá con di cư ra khỏi hồ Tonle Sap và tìm nơi ẩn náu ở

các vực sâu khắp hệ thống sông Mekong. Những con đã lớn về lại nơi sinh sản ở xa phía thượng nguồn để đẻ trứng và chờ chu kỳ này bắt đầu lại. Lúc cao điểm, cá di cư khỏi hồ có thể hơn 30 tấn một giờ^[119]. Các thác nước tại Siphandone trên dòng chính sông Mekong gần biên giới Lào - Campuchia là một rào cản ngược dòng tự nhiên, chặn cuộc di cư của nhiều loài cá. Một số loài vượt qua các thác nước trong khi những loài khác chọn di chuyển sâu vào các khúc sông thượng nguồn của các con sông 3S. Quá trình tự nhiên này diễn ra nhịp nhàng hằng năm, không sót một nhịp nào kể từ khi sông Mekong kết nối với hồ Tonle Sap cách đây 5 thiên niên kỷ.

Khi tôi lần đầu đến Campuchia nhiều năm trước, tôi đã đến hồ này rất nhiều lần tại nhiều điểm. Nhưng tôi chưa bao giờ đến hồ đúng thời điểm quan sát vụ thu hoạch cá chép hằng năm, đánh dấu sự khởi đầu việc cá di cư ồ ạt từ hồ ra dòng chính. Một ngày trước chuyến đi Chhnok Tru của chúng tôi, Pheakdey và tôi hy vọng được thấy vụ thu hoạch cá chép ở thượng nguồn ngay trên Phnom Penh nơi ngư dân buôn bán có giấy phép cho 14 ngư trường, dân địa phương gọi là *dai*, trải dài trên 30km của sông Tonle Sap. Chúng tôi dừng lại ở một chợ cá ngoài trời dọc bờ sông để xem một ngư trường. Ở giữa sông, ngư dân neo đậu một loạt 10 chiếc thuyền và bè nằm song song với dòng sông, chúng được đặt cách nhau chừng 10 mét và nối chặt bằng tre. Các đầu mở của các tấm lưới lớn được gắn chặt vào những chiếc bè này còn các đầu đóng của lưới được buộc vào các nhà nổi neo đậu khoảng 100 mét xuôi dòng. Ở giữa, các khe lưới mở rộng đón các đàn cá mắc lại do lực dòng chảy. Một hệ thống *dai* có thể kết nối tới 10 lưới ngang dòng sông, nhưng hệ thống này nằm xa nhất phía hạ lưu và chỉ có 5 lưới. Khi lưới đầy, ngư dân đang chờ trong những chiếc thuyền ở phía xuôi dòng kéo cá khỏi nước lên bè được buộc vào nhà nổi.

Trước đó, tôi đã thấy những bức ảnh chụp lưới *dai* kéo từ sông lên chứa hàng tấn cá và hy vọng được tận mắt nhìn thấy nó vào hôm đó. Tôi hỏi một ngư dân địa phương đang đứng trên bờ hôm nay có kéo lưới không. “Anh đến sớm quá”, anh ta nói. “Chúng tôi sẽ kéo lưới lên sau 10 ngày nữa kể từ hôm nay ngay trước khi trăng tròn”. Từ giờ đến lúc đó, các ngư dân canh chừng lưới sẽ vẫn ở trên nhà nổi giữa dòng sông.

Trong ba thập niên qua, nhà địa lý học và chuyên gia thủy sản Mekong Ian Baird đã nghiên cứu sự phức tạp của hệ sinh thái Tonle Sap và phát hiện mối quan hệ giữa hành vi di cư của cá chép và các pha mặt trăng bằng cách quan sát việc đánh bắt cá ở phía bắc Phnom Penh và xung quanh các thác nước ở Siphandone gần biên giới Lào - Campuchia. Ông và hầu hết ngư dân ở những nơi này cho biết hầu hết cá chép được thu hoạch ở các lưới *dai* của Phnom Penh ngay trước khi trăng tròn các tháng 12, tháng 1 và tháng 2, còn sản lượng cá chép đánh bắt cao nhất ở Siphandone là khoảng sau đó 2 tuần, lúc bắt đầu tháng âm lịch mới. Điều đó cho thấy thời gian đi từ Tonle Sap và đến Siphandone liên quan với các pha mặt trăng, và “kiến thức” hành vi này đã được lập trình vào DNA của cá chép. Baird đã phát hiện ra khi sản lượng đánh bắt *dai* ở gần Phnom Penh thấp, thu hoạch cá chép của Lào thường cao ở Siphandone. Ngược lại, khi sản lượng khai thác gần Phnom Penh cao thì thu hoạch ở Siphandone thường thấp.

Baird đã viết trong báo cáo chuyên đề có tên “Nhịp điệu dòng sông” rằng ngư dân khắp thế giới từ lâu tin rằng thời gian đánh cá thành công nhất có liên quan đến các kỳ trăng cụ thể^[120]. Baird cho rằng cuộc di cư của cá chép từ hồ Tonle Sap liên quan với thời kỳ sông Tonle Sap chưa chảy vào sông Mekong mà chảy thẳng ra biển. Các con sông gần biển chịu tác động xâm nhập mặn của thủy triều. Trăng tròn có thủy triều cao nhất và do đó đưa nhiều nước mặn nhất vào hệ thống nước ngọt. Trước khi tụ hội với

sông Mekong, sông Tonle Sap có thể đã bị nhiễm mặn, không phù hợp cho cá nước ngọt. Cá chép di cư vào các nhánh sông nước ngọt và các vùng đầm lầy ngay trước các đợt thủy triều nước mặn lớn nhất sẽ có nhiều cơ hội sống sót. Theo thời gian, sự chọn lọc tự nhiên lập trình việc di chuyển này vào DNA của cá chép. Để chứng minh quan hệ kết nối ban sơ của hồ Tonle Sap với biển, Baird đã thấy được các kiểu di cư của cá chép từ các sông nhánh khác của sông Mekong không liên quan đến các pha mặt trăng và không xảy ra đồng thời với sự di cư từ hồ Tonle Sap.

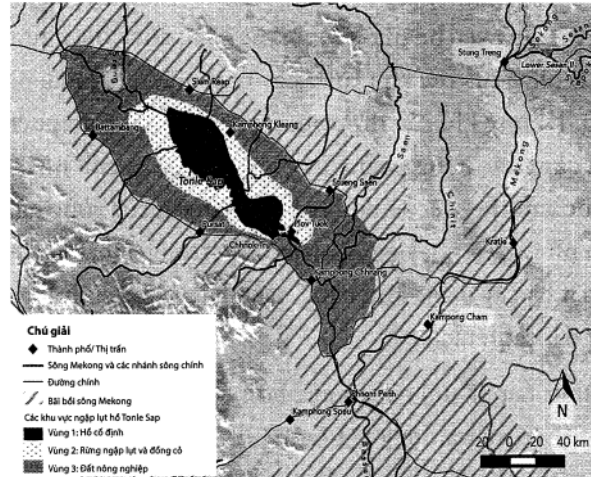
Khi sông Tonle Sap và sông Mekong gặp nhau 5.000 năm trước, những con cá chép thành công này đã có một đường đi mới đến vùng nước ngọt hơn - một tuyến di cư vào thượng nguồn sông Mekong và vào hệ thống sông 3S. Nhưng các thác nước tại Siphandone là trở ngại và là rào cản tự nhiên đối với hành trình ngược dòng của cá chép. Dân địa phương từ lâu đã quan sát thấy hầu hết cá chép cổ bơi ngược dòng qua các thác nước vào ban đêm khi có ít động vật săn mồi, trên cạn và dưới nước, có thể nhìn thấy chúng dưới nước nông. Ban đêm đã trở thành thời gian ưa thích của dân đánh cá địa phương đặt bẫy ở Siphandone. Đêm tối nhất, đầu tháng âm lịch, luôn có được những mẻ lớn nhất. Baird cho rằng các luồng cá đến ngay trước tháng âm lịch và thông tin với nhau ở dưới các vực sâu để không bị thú săn mồi thấy. Khi cá không thấy trăng, chúng bằng cách nào đó sẽ báo hiệu cho nhau đã đến lúc vượt qua^[121]. Và cá chưa thích nghi với sự hiện diện của ngư dân ở cả Tonle Sap và Siphandone cho thấy lượng thu hoạch cá lớn vào đầu mùa khô của con người là một hiện tượng tương đối mới so với hàng ngàn năm nếu không nói là hàng triệu năm di cư của cá. Cá chép về được chốn sinh sản của chúng tìm bạn tình, đẻ trứng, và chờ đợi nước mùa mưa đến đưa chúng về hạ nguồn, nhiều con một lần nữa về lại hồ Tonle Sap.

Để hiểu rõ hơn cách hoạt động của hệ sinh thái phức tạp ở hồ Tonle Sap, có thể chia hồ này thành 3 khu vực là các vòng tròn đồng tâm. Khu vực trong cùng là hồ vĩnh cửu, luôn đầy nước. Tiếp theo là khu vực rừng và các đồng cỏ ngập nước, bị ngập từ 5 đến 8 tháng một năm trong mùa mưa, có nhiều cây và bụi rậm. Cuối cùng, khu vực nông nghiệp là vùng bên ngoài một năm bị ngập chỉ vài ngày. Hình bên dưới cho thấy mối quan hệ và diện tích của các khu vực.

Cho đến nay, khu rừng ngập nước rộng hơn 7.000km² là nơi quan trọng nhất cho nghề cá ở hồ Tonle Sap và sự đa dạng sinh học chung trong hệ sinh thái hồ này - và toàn bộ sông Mekong. Một số cây trong khu rừng ngập cao tới 15 mét và thích nghi để sinh tồn khi thân cây ngập trong 4 đến 6 mét nước suốt 8 tháng. Khi rừng bị ngập, nước tràn vào khiến một số cây và bụi bị thối rữa, đưa chất hữu cơ vào nước. Những con cá đến sớm thấy nước quá độc không sống được vì phản ứng đột ngột của chất hữu cơ làm giảm oxy của nước. Điều này được ghi nhận đã làm cá chết hàng loạt, nhất là khi một cơn bão đẩy cá vào các vùng nông quá sớm trong mùa mưa. Tuy nhiên, dần dần sau vài tuần, hỗn hợp oxy cân bằng và khu rừng ngập trở nên phù hợp để sinh sống. Cá con và cá trưởng thành tìm thấy thức ăn cực kỳ phong phú trong những khu rừng bị ngập lụt. Nhiều trứng trôi vào khu rừng ngập. Ở đây cá lớn lên, kiếm ăn và hình thành những đàn cá có hơn 150 loài rất cuộc cũng rời bỏ khu rừng ngập này. Vào mùa khô, nhiều cá ra khỏi hệ thống hồ trong khi những con khác quay trở lại những chỗ sâu ở khu vực hồ vĩnh cửu.

Các bãi bồi đưa các loại vật chất thường ở trên đất liền vào trong hệ thống của hồ. Các thứ này gồm thực vật thối rữa, cây, bụi cây, cả côn trùng và các sinh vật nhỏ hơn. Lũ lụt làm tăng mạnh các chất dinh dưỡng trong hệ thống của hồ và các sinh vật sống ở trong hệ thống đó, kể cả cá, tận dụng

tối đa món quà này của tự nhiên. Chất dinh dưỡng càng nhiều cá càng phát triển mạnh, và ngư dân bắt được càng nhiều cá. Vì vậy, chừng nào còn có lụt hằng năm thì vẫn còn mối quan hệ trực tiếp giữa chiều cao của lũ và lượng cá trên hồ Tonle Sap^[122]. Lũ sớm và cao cũng đưa nhiều trầm tích vào hồ, không chỉ thúc đẩy sự phát triển của thực vật dưới đáy hồ làm tăng nguồn thức ăn sẵn có cho cá, mà còn làm nhiều vùng đất thêm màu mỡ nhờ trầm tích lắng đọng khi lũ rút. Điều đó giúp phục hồi các khu rừng bị ngập, một chu kỳ vô tận mất mát và bù đắp giờ đang gặp nguy. Ngày nay, khu rừng ngập bao quanh hơn nửa hồ bị suy thoái nghiêm trọng. Trầm tích màu mỡ khiến mọi người chặt phá rừng để trồng hoa màu vào mùa khô. Đồng thời, dân địa phương đốn hạ cây rừng để dựng nhà. Cùng với các hoạt động mua bán, dân địa phương còn chặt cây làm củi và than, bán những cây lớn nhất làm gỗ xây dựng. Chắc chắn, việc sử dụng tài nguyên trong các khu rừng bị ngập lụt của dân địa phương không phải là một hiện tượng mới. Cũng giống các khu rừng khác của sông Mekong, các khu rừng bị ngập ở Tonle Sap có nhiều loại tài nguyên như thảo dược, động vật và gỗ vốn hỗ trợ một phương kế sinh nhai độc đáo. Những người già sống trong các làng ven hồ nhớ về thời các cộng đồng địa phương đã quản lý hiệu quả các khu rừng này như một nguồn tài nguyên chung. Nhưng khi các thị trường phát triển ở Campuchia và giá cá cùng các nông phẩm tăng lên, dân số quanh hồ đã tăng tới mức làm cho việc sử dụng các tài nguyên của rừng ngập trở thành những việc gây nguy hiểm trầm trọng. Nhất là việc liên tục chặt hạ cây ở các khu rừng ngập bảo vệ hệ sinh thái rừng để lấy đất canh tác.



Bản đồ hồ Tonle Sap và bãi bồi sông Mekong

Tonle Sap là nơi cư trú của hơn 800 loài cá, chim, bò sát, động vật có vú và động vật lưỡng cư. Mười bảy loài chim bị đe dọa toàn cầu hay sắp bị đe dọa sống quanh hay di cư hằng năm đến hồ này, và hầu hết tìm được nơi sinh sống trong các khu rừng ngập. Nhờ những nỗ lực bảo tồn, quần thể thủy cầm đang phục hồi, nhưng các loài khác tiếp tục bị đe dọa. Gần đây thôi, hồ vẫn là nơi sinh sống của các quần thể lớn khỉ, rái cá và dơi quạ, nhưng những loài vật này thường bị săn trộm để làm thuốc hay thức ăn. Các tài liệu lịch sử có niên đại từ thời kỳ Angkor Wat cho thấy voi và cá heo Irrawaddy đã sinh sống trên hồ và bờ hồ. Ngày nay không tìm được động vật có vú nào. Những con còn lại của quần thể voi Campuchia đã rút vào những dãy núi ở vùng biên nước này. Quần thể cá heo của hồ đã bị Khmer Đỏ giết sạch để lấy mỡ cá heo nước ngọt làm chất đốt.

Trong thế kỷ 20, thực dân Pháp đã khai thác quá mức khu rừng ngập của hồ qua việc phân lô đất ven hồ để canh tác và không hề ngăn chặn dân địa phương chặt phá rừng lấy củi. Cung cách thuộc địa đó đã định hướng cho việc khai thác hồ trong tương lai. Vào những năm 1970, chế độ Pol Pot phát quang những vùng rừng ngập rộng lớn để áp dụng kỹ thuật đốt nương phát rẫy trong kế hoạch cải cách nông nghiệp mà sau đó bị thất bại thảm

hại, dẫn đến nạn đói khủng khiếp làm chết hàng trăm ngàn người. Sau khi quân đội Việt Nam đánh bại Khmer Đỏ và đưa Hun Sen lên lãnh đạo Campuchia, từ 1985 đến 1993^[123] một nửa khu rừng ngập đã bị chặt sạch để Khmer Đỏ không còn chỗ ẩn nấp^[124]. Ngày nay, nói chung, những gì còn sót lại trong rừng ngập là những khu rừng thứ sinh chủ yếu là cây hoang và bụi rậm. Khi đất canh tác lấn dần các khu vực rừng ngập, các kênh tưới tiêu cung cấp nước trong mùa khô và các con đường đi vào sẽ cản trở chu kỳ lũ lụt tự nhiên và phá vỡ môi trường sống tự nhiên của các rừng ngập còn lại.

Theo Viện Nghiên cứu và Phát triển Thủy sản Nội địa (IFreDI) của Campuchia, hơn 4,5 triệu người, gần bằng một phần ba dân số Campuchia, tham gia trực tiếp vào ngành ngư nghiệp^[125]. Nhưng con số đó không bao gồm những người đánh bắt cá chỉ để sống qua ngày. Biểu mẫu điều tra dân số Campuchia phân xác định phương kế sinh nhai chính chỉ được đánh dấu vào một ô. Đánh cá, trồng trọt và nhiều nghề khác là những mục chỉ được chọn một, chọn nghề này thì không được chọn thêm nghề khác. Nhưng quanh hồ, những người đánh dấu vào ô trồng trọt cũng đánh bắt cá tới một nửa thời gian của họ. Loại trừ những người này làm giảm mạnh số lượng người tham gia đánh bắt cá và sản lượng cá đánh bắt hằng năm. Quan trọng hơn, điều này khiến chính quyền đánh giá rất thấp tỷ lệ protein có được từ việc đánh bắt cá sống qua ngày^[126]. IFreDI hiện báo cáo lượng cá đánh bắt hằng năm của Campuchia nằm trong khoảng từ 570.000 đến 625.000 tấn cá, nhưng con số này có lẽ thấp do số người đánh cá để sống qua ngày, hơn 1 triệu, vẫn chưa được tính vào. Thu nhập hằng năm từ cá bán ở chợ của Campuchia hiện chừng 600 triệu đô-la một năm^[127].

Khoảng 1,2 triệu người sống ở các ngôi làng bên trong hay gần khu vực rừng ngập quanh hồ Tonle Sap. Theo chính quyền, còn có 100.000 người

sống trong các cộng đồng nhà nổi ở trên hồ, dù con số này không tính hàng chục ngàn người sắc tộc Việt có nguồn gốc từ các nhóm tị nạn chạy trốn khỏi miền Nam Việt Nam nhiều thế kỷ trước khi triều đình miền Bắc Việt Nam tiến hành chinh phục miền Nam. Không giống như người Zomia vùng núi, những ngư dân Việt này đã chạy đến giữa vùng sông nước giàu tài nguyên này và lưu động khai thác tài nguyên của nó để tồn tại. Ngày nay, các cộng đồng này thường trang bị các ngư cụ tinh xảo hơn, và nhà nổi giúp họ tiếp cận các chỗ có nhiều cá nhanh hơn.

Hầu hết các hộ gia đình sống trên hồ và quanh hồ đánh cá hằng ngày trong mùa mưa, và một nửa số hộ tiếp tục đánh bắt cá trong mùa khô^[128]. Trung bình một năm những hộ này bắt được hơn 100kg cá. Từ hồ ra mọi hướng, đi càng xa càng có nhiều gia đình làm công ăn lương và sản xuất hoa màu để bán. Các cộng đồng quanh hồ tiếp tục phát triển dù với tốc độ chậm hơn so với các khu đô thị của Campuchia. Hầu hết mọi người không muốn di cư khỏi đây do nguồn tài nguyên phong phú của hồ và rừng ngập. Từ thập niên 1990 đến thập niên đầu thế kỷ 21, số dân sống dọc hồ Tonle Sap tăng ba lần. Ngư dân tăng lên khiến lượng cá đánh bắt hằng năm tăng gấp đôi. Điều đó làm giảm lượng cá đánh bắt trên đầu người, và xu hướng giảm sản lượng đánh bắt trên đầu người vẫn tiếp tục đến ngày nay^[129].

Thực ra, từ những năm 1990, việc đánh bắt không còn dễ dàng khi Hun Sen cấp giấy phép cho các doanh nghiệp đánh bắt thương mại kiểm soát phần lớn việc thu hoạch cá ở hồ Tonle Sap. Việc làm của Hun Sen chia hồ thành 250 ngư trường lớn có thể đánh bắt gần như toàn bộ cá bên trong ngư trường bằng lưới cất. Trong những năm 1990, hầu như 100% quanh bờ hồ là các ngư trường thương mại^[130]. Dân địa phương đánh bắt ở hồ không có giấy phép và không bị đánh thuế, nhưng họ bị loại khỏi các khu vực có

nhieu cá nhất của hồ. Nhiều ngư trường đánh bắt có lực lượng an ninh vũ trang tuần tra.

Nếu hệ sinh thái của Tonle Sap và các tài nguyên mà nó cung cấp được xem là một hàng hóa công cộng quan trọng đối với Campuchia, quy định về hệ thống ngư trường thương mại trong những năm 1990 và những năm đầu thế kỷ 21 có thể kết hợp với các nỗ lực bảo tồn để bảo vệ các loài cá và làm cho cá trong hệ thống của hồ phong phú thêm. Việc cấp hạn mức có thể giới hạn số lượng cá đánh bắt hằng năm. Các quy định về dụng cụ đánh bắt có thể bảo vệ các loài cá quý đang lâm nguy, và việc kiếm tiền bằng cách bán giấy phép đánh cá trị giá hàng triệu đô-la có thể bị chấm dứt để bảo vệ và ngăn chặn mọi người xâm nhập các khu rừng ngập. Nhưng các quy định đó đã không được xem xét, và tiền từ việc bán giấy phép đánh bắt đã lặn mất tăm trong kho bạc của chính quyền dùng cho những mục đích không ai biết. Hơn nữa, mối liên hệ quan trọng giữa các khu rừng ngập và lượng cá dồi dào chưa bao giờ được các cơ quan chức năng làm rõ cho nhiều chủ ngư trường. Mặt khác, các chủ ngư trường có động cơ bảo vệ rừng ngập và ngăn các cộng đồng địa phương và các ngành thương mại chặt hạ chúng. Hối lộ của các chủ ngư trường thương mại vớ được món hời khiến hạn ngạch được giao hoàn toàn không tác dụng. Ngoài ra, các chủ ngư trường có thể dễ dàng tăng diện tích ngư trường của họ bằng cách đút lót.

Với tình trạng điều hành tệ hại như vậy, các ngư trường lớn xưa đuổi ngư dân địa phương càng mạnh hơn. Cuối năm 2000, thay vì ban hành các quy định bảo tồn cá hồ và rừng ngập, Hun Sen cho rằng việc cấp phép để dãi cho các công ty đánh cá là do quan chức địa phương phụ trách quản lý hồ bị mua chuộc. Năm đó, Hun Sen triệu tập tất cả quan chức ngành thủy sản về Phnom Penh khi ông xem xét một loạt các cải cách mới đối với nghề cá. Khi các cơ quan giám sát bị cách ly và ở xa, các chủ ngư trường và dân

địa phương, từ lâu đã bị cấm khai thác các ngư trường quan trọng của hồ, cường loạn đánh bắt. Một báo cáo của Patrick T. Evans, nhà nghiên cứu thuộc Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc cho rằng do việc đánh bắt thả cửa này, hồ Tonle Sap chưa bao giờ bị khai thác kiệt quệ như thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2001^[131].

Cuối cùng, các cơ quan quản lý thủy sản về lại hồ Tonle Sap, và chẳng có gì được thực hiện để thay đổi cách làm của các công ty đánh cá trong thập niên sau đó đã đánh bắt gần sạch cá của hơn 20% hồ này^[132]. Năm 2012, Hun Sen ban hành một sắc lệnh đột ngột và bất ngờ hủy bỏ tất cả hoạt động đánh cá quy mô lớn trên hồ Tonle Sap. Chỉ sau một đêm, các ngư trường đã bị đóng. Bề ngoài Hun Sen biện minh hành động của ông là để giải quyết phàn nàn của dân địa phương về sản lượng đánh bắt giảm và do cần phải giảm xung đột giữa dân địa phương và các công ty thương mại hùng mạnh. Nhưng lệnh của ông được đưa ra một năm trước cuộc bầu cử toàn quốc năm 2013, và Hun Sen đã có “của để dành” nhờ các cuộc vận động dân túy trong thời gian chuẩn bị cho cuộc bầu cử toàn quốc. Ngoài ra, CNRP đã bắt đầu thực hiện một chiến dịch đối lập ấn tượng và liên kết với các tổ chức xã hội dân sự đang thu hút sự quan tâm của các cộng đồng ngư dân địa phương. Cuối năm đó, cơ quan quản lý nghề cá Campuchia đã lấy một phần tư hồ làm các khu bảo tồn cá và phần còn lại là ngư trường đánh bắt chung. Ngư dân địa phương giờ đây có thể tiến hành đánh bắt quy mô nhỏ và bán bất cứ thứ gì ở chợ địa phương. Nhờ chỉ đạo của Hun Sen, đó là một hành động hết sức cần thiết nhằm tìm cách bảo tồn nghề cá ở hồ, nhưng nó được ban hành hầu như chẳng có hướng dẫn. Các biện pháp bảo vệ của chính quyền địa phương chẳng thay đổi được gì vì các quan chức thích ở trong các văn phòng máy lạnh hơn là tuần tra quanh hồ. Với các ngư trường thương mại đã bị dẹp, mùa mưa 2012 mang lại nhiều cá hơn bình thường, khiến hàng ngàn ngư dân mới đổ ra hồ và đánh cá đến tận mùa khô. Ngư

dân đánh bắt được nhiều hơn bao giờ hết, và những bức ảnh đánh bắt các loài quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng lan truyền khắp các trang truyền thông xã hội. Cá đổ nhiều về chợ địa phương khiến giá cá giảm. Trong khi cộng đồng đánh cá hồ Tonle Sap đang tăng được thu nhập trong một thời gian ngắn, Hun Sen tuyên bố chiến thắng đảng CNRP của Sam Rainsy trong cuộc bầu cử toàn quốc tháng 6 năm 2013 với chênh lệch chưa đầy 300.000 phiếu bầu. Nhưng tình hình trên hồ rơi vào hỗn loạn hoàn toàn, lặp lại sự kiện đầu năm 2001. Ngư dân đã sử dụng các kỹ thuật đánh bắt cá bất hợp pháp và cướp bóc các khu vực dành cho bảo tồn rất lâu trước khi chính quyền có thể phân định ranh giới các khu vực.

Kampong Khleang là một làng chài trong khu rừng ngập của hồ Tonle Sap, cách Xiêm Riệp khoảng 50km về phía đông nam. Thị trấn này nằm trên một con sông nhỏ cách hồ vĩnh cửu của Tonle Sap 3,5km và có hơn 30.000 dân, tất cả, không có ngoại lệ, sống trong những ngôi nhà sàn cách mặt đất vài mét. Tôi đến đây lần đầu vào tháng 1 năm 2014 khi vẫn còn rất nhiều nước trong hệ thống hồ này, không lâu sau thời điểm chuyển từ mùa mưa sang mùa khô. Đi xuôi dòng sông bằng tàu cao tốc từ một cảng nhỏ cách 4km ở phía thượng nguồn, rất khó định vị ở Kampong Khleang vì toàn bộ thị trấn chìm trong nước, ngoại lệ duy nhất là mảnh đất khô ráo có ngôi chùa lớn và vài cửa tiệm. Hầu hết các ngôi nhà dài, hình chữ nhật được làm bằng gỗ ván, sơn màu đỏ sẫm, xanh lá cây hoặc trắng, và cao trên mực nước chừng 2 mét. Mái nhà được lợp bằng ngói hay tôn gỉ sét lượn sóng theo chiều ngang để tăng cứng do khoảng cách khá dài. Ở Kampong Khleang, hầu hết nhà đều có mái hiên sau nhìn ra sông và cầu thang dốc làm bằng những thanh gỗ mỏng. Những dãy chậu trồng thảo dược và hoa xếp dài sau hiên. Bên dưới, các bến nhỏ neo đậu thuyền đánh cá, và lợn, gà,

rau được nuôi trồng trên các bè nổi. Dòng sông náo nhiệt thuyền cá qua lại, và tôi thấy một số thuyền chèo chở những người bán hàng đi quanh thị trấn, bán những thứ như chăn, thực phẩm, hay chào mời các thứ khác. Một số chèo thuyền chở gia đình và bạn bè họ từ nhà này sang nhà khác thăm viếng láng giềng, không nô máy để tiết kiệm nhiên liệu. Những mảng lục bình lớn làm tắc nghẽn các kênh đào, và thỉnh thoảng lại có cây xanh ngả bóng mát dọc theo rìa thị trấn. Xuồng cao tốc của chúng tôi chạy qua khoảng trống giữa hai ngôi nhà và cập bến trước ngôi nhà gỗ ván màu đỏ. Đằng sau những ngôi nhà ven sông, tôi thấy một dãy nhà khác làm bằng gỗ ván và tranh lá.

Tôi đến đó để thăm gia đình Bunseun, đồng nghiệp sống ở Xiêm Riệp chuyên tổ chức các chuyến du lịch sinh thái cho du khách nước ngoài. Tôi đã chọn nhà này làm điểm lưu trú và là cơ sở tại Tonle Sap cho sinh viên đại học Mỹ tìm hiểu sinh hoạt trên hồ Tonle Sap và xung quanh. Sau khi lên cầu thang, mẹ của Bunseun cười đón ở hiên trước và mời tôi vào nhà. Trên tường hiên trước treo bức tranh Trung Quốc vẽ những con ngựa đang phi có các chữ Hán “Mã Đáo Thành Công” ở phía trên. Tôi hỏi gia đình bà có phải là người gốc Hoa. Bà trả lời không phải nhưng nói bà thích những thứ liên quan văn hóa Trung Hoa. Bên trong, ngôi nhà có một phòng thoáng dài 20 mét, rộng 6 mét, có vài ngăn phía sau làm nơi ngủ và chứa đồ. Vì Kampong Khleang không có điện lưới, một máy phát diesel cung cấp điện thấp sáng và các đồ điện gồm tivi màn hình phẳng và đầu DVD bên cạnh. Cửa sau mở thẳng với cửa trước khiến không khí mát mẻ tràn ngập căn phòng. Ở tầng dưới, bà và chồng có một cửa hàng tạp hóa nhỏ, và bà cho biết họ suốt ngày trông coi cửa tiệm và ngồi ở hiên trước. Bà kể gia đình từng đón những nhóm đông đến 30 người ngủ lại và hoan nghênh nhóm chúng tôi đến vào cuối năm. Hoàn thành nhiệm vụ được giao của mình, tôi hỏi về các điều kiện an toàn của ngôi nhà. Bà nói, “Anh nhìn xem, không có tấm ván sàn

nào bị đóng chặt, làm thế chúng tôi có thể nhanh chóng tháo ra và cất chúng trên rui nhà khi lụt lớn”.

Bốn tháng sau, vào lúc cao điểm của mùa khô, tôi quay lại cùng với một nhóm sinh viên và thấy một Kampong Khleang khác hẳn. Lần này thay vì nhảy lên thuyền ngược dòng vài kilômét, xe chở chúng tôi đến ngôi chùa giữa thị trấn. Từ tháng 1, nước gần như đã rút hết. Con sông chia đôi thị trấn giờ rộng chưa đầy 30 mét đầy bùn lầy. Chúng tôi băng qua cây cầu tạm và kéo hành lý đi năm phút dọc con đường đầy bụi đến nhà Bunseun. Trước đây tôi không biết có con đường này vì vài tháng trước nó chìm hoàn toàn dưới nước. Chẳng cột nhà sàn nào còn chạm nước. Thực ra, mặt sau của những ngôi nhà ven sông giờ cách mép con sông hẹp hơn 50 mét. Những ngôi nhà nằm trên bờ sông dốc, vì thế giờ tôi có thể thấy các cột chống phía trước nhà ngắn hơn 2 mét so với các cột phía sau nhà. Những chiếc thuyền và bè trước đây được buộc vào bên sau nhà giờ đang nằm cách xa trên sông, buộc vào nhà bằng những sợi dây dài. Sau mỗi nhà đều có một ống nhựa PVC đổ rác và nước thải ra sông. Khoảnh đất bên dưới nhà dùng để chứa thuyền, củi, lưới và bẫy cá. Một ngôi nhà khiến tôi chú ý với hàng ngàn cái bẫy tròn cỡ hộp đựng giày chất thành đống chiếm toàn bộ không gian dưới nhà. Con sông, bốn tháng trước đây thuyền đi lại, nhưng ít bị ùn tắc vì nó rộng hơn 100 mét, giờ chen chúc thuyền đánh cá chậm chạp di chuyển trên mặt nước để không va vào nhau. Các con đường trong thị trấn chất đầy những khúc gỗ, những chiếc thuyền lật ngược chờ sửa chữa, xe máy, vài chiếc ô tô và những đám trẻ con chơi nhảy dây hay các trò chơi quen thuộc ở Kampong Khleang. Tôi hết sức ngạc nhiên trước những thay đổi, khác hẳn thị trấn ngập lụt chỉ mới bốn tháng trước.

Tất cả những người khỏe mạnh ở Kampong Khleang đánh cá trong hồ hay làm những công việc liên quan đến nghề đánh cá. Tôi thường đưa các

nhóm sinh viên đi thuyền ra hồ quan sát các gia đình cần mẫn kéo lưới, phân loại cá hay về nhà sau một ngày quần quật trên hồ. Tôi đặc biệt nhớ chiếc thuyền nhỏ có hai đứa trẻ ngồi trên vui cười, chúng chưa đầy bốn tuổi, vậy chiếc thuyền chở người nước ngoài trong khi cha của chúng ngồi phía trước đang bẻ một đứa bé còn mẹ chúng nỗ máy và điều khiển bánh lái phía sau. Khi nước dâng cao, thuyền từ trung tâm thị trấn chạy ra phần hồ vĩnh cửu mất chưa đến 20 phút. Nhưng vào mùa khô, đi 3km đó có thể mất hơn một giờ, nhất là khi thuyền bị kẹt ở vùng nước nông. Điều đó đã nhiều lần xảy ra với nhóm của tôi và những ngư dân xung quanh khi chúng tôi mạo hiểm đi vào trong hồ vào mùa khô. Để giảm thời gian đi lại, một số cư dân Kampong Khleang chuyển đến các ngôi nhà tạm nhỏ hơn dọc theo hồ để dễ vào các ngư trường hơn. Khi mực nước thấp, các ngư dân này sẽ phải mất từ 3 đến 5 giờ mỗi ngày để lui tới ngư trường kiểm tra lưới của họ.

Lần nào đến Kampong Khleang trong hai năm sau đó vào các thời điểm khác nhau trong năm, chúng tôi đều thức dậy lúc 3 giờ sáng đi kiểm tra lưới ở giữa hồ, kịp ra đến nơi ngay trước khi mặt trời mọc. Trong 6 lần các nhóm đi đánh cá ở Kampong Khleang, chúng tôi kéo được trung bình khoảng 60 con cá thuộc 15 loài. Trong chuyến đi gần nhất vào tháng 4 năm 2015, chúng tôi bắt được ít cá nhất nhưng ghi nhận được 25 loài, từ cá vây tia nhỏ đến cá lóc dài 30cm. Các chuyến đi vào giữa mùa khô được ít cá hơn nhưng lại thấy được các hoạt động kinh tế khác diễn ra quanh làng. Từ hồ đi về nhà khi trời đã sáng, nông dân đang làm việc trên những cánh đồng mênh mông trồng hoa màu. Đây là những khu rừng ngập được chuyển thành đất canh tác và trong mùa mưa sẽ bị ngập hết. Người hướng dẫn địa phương cho biết các cánh đồng trồng đậu xanh, dưa hấu và dưa chuột hay các loại cây trồng có giá cao theo thời vụ. Một sinh viên hỏi người hướng dẫn gia đình ông có canh tác không. Ông trả lời gia đình ông chỉ đánh cá và nông dân ở những cánh đồng này đến từ các nơi sâu trong nội địa đến chứ

không phải từ Kampong Khleang. Rõ ràng những nông dân lưu động này đã đến đây vài năm trước để khai hoang và tiến hành trồng trọt. Một sinh viên khác hỏi tại sao dân thị trấn này không ngăn họ lại. Tôi có thể cảm nhận được người hướng dẫn viên thấy câu hỏi có vẻ kỳ cục. Ông giải thích việc những người mới đến khai khẩn rừng ngập và lấn chiếm vùng quanh Kampong Khleang là điều bình thường.

Trong chuyến đi mới nhất đó, tôi đã trò chuyện với Sok Panha, ngư dân địa phương chừng năm mươi tuổi, đã sống cả đời ở Kampong Khleang, trù thời gian ông ở trong Quân đội Quốc gia Campuchia đánh nhau với Khmer Đỏ. Dòng họ ông đã ở Kampong Khleang từ rất lâu, trong khi nhiều người dân ở Kampong Khleang định cư ở đó sau thời Pol Pot, ông bà của ông là người Kampong Khleang. Tôi nói với ông về chuyện mỗi lần tôi đến, dân thị trấn luôn bận bịu đánh cá, và tôi nêu quan ngại về việc không có những nỗ lực bảo tồn sau khi Hun Sen chấm dứt việc đánh bắt thương mại trên hồ 3 năm trước. “Không cách nào chúng tôi kiếm sống được nếu dùng các phương cách hợp pháp. Tất cả việc đánh bắt anh thấy trên hồ đều dùng lưới và bẫy phạm luật và để đánh bắt, tất cả ngư dân đều phải hối lộ cho cảnh sát địa phương. Nếu anh hối lộ, anh sẽ được báo một ngày trước khi cảnh sát tuần tra để không ra hồ hay giấu lưới đi”. Ông đưa tôi xuống bên dưới nhà và cho tôi xem một cái lưới được xếp gọn thành đống. “Lưới này dài hơn 1km. Nó bất hợp pháp. Tất cả đồ anh thấy đó đều bất hợp pháp, tôi mua chúng ở cửa hàng gần chùa”. Ông nói cách duy nhất ngư dân ở Kampong Khleang có thể cạnh tranh với ngư dân Việt Nam sống ở giữa hồ là sử dụng các loại bẫy bất hợp pháp. “Người Việt Nam có lợi thế vì họ sống trên thuyền và dễ dàng đi đến các ngư trường tốt. Họ có lực và đủ sức chi những khoản hối lộ lớn. Cảnh sát luôn nhắm mắt trước những gì người Việt Nam làm. Tôi rất giận người Việt Nam trên hồ và cảnh sát. Tôi hối lộ cảnh sát, nhưng chúng lúc nào cũng vơi thêm.”

Cuộc trò chuyện của tôi với Panha xác nhận dù đã công bố tăng các nỗ lực bảo tồn cá trên hồ, không ai trong thị trấn tham gia vào các nỗ lực đó và không ai ngăn người dân đánh bắt quá mức hay sử dụng lưới không hợp luật. Ông cho tôi biết, “Chúng tôi bắt cá lớn và cá bé ở hồ. Chúng tôi không quan tâm bắt con gì và bắt bao nhiêu. Chúng tôi biết không nên làm như vậy”.

Dù trong quá khứ, người ta thích đánh bắt các loài cá có giá trị cao như cá trê Mekong khổng lồ và cá hô Mekong khổng lồ vì chúng có giá trị dinh dưỡng cao và bán được giá cao, hồ Tonle Sap chưa bao giờ là một ngư trường đánh bắt có chọn lọc. Dụng cụ đánh bắt được sử dụng quanh hồ, chủ yếu là lưới và bẫy lớn, là bằng chứng cho điều này. Đánh bắt quá mức theo kiểu không phân biệt loài cá nào được đánh bắt, như việc đánh bắt bằng lưới cất ở hồ Tonle Sap, không chỉ ảnh hưởng đến quần thể cá mà còn ảnh hưởng đến sự đa dạng của các loài cá. Cá lớn, có giá trị cao nằm ở đầu của chuỗi thức ăn và thường là loài săn mồi. Tất nhiên chúng có số lượng ít hơn so với cá chúng ăn. Với việc đánh bắt cá bừa bãi, quần thể các loài cá săn mồi lớn và có giá trị cao sẽ giảm nhanh hơn cá có giá trị thấp được xếp thấp hơn trong chuỗi thức ăn.

Kiểu đánh cá này được gọi là “đánh bắt phía dưới chuỗi thức ăn” và rất cuộc dẫn đến việc giảm toàn bộ các loại cá trong hệ thống này. Ít đa dạng hơn, quần thể cá của hồ Tonle Sap chịu đựng kém hơn và kém thích nghi với sự thay đổi. Theo nhiều nguồn tin, lượng cá đánh bắt được trên hồ Tonle Sap đang giảm. Ngày nay, rất hiếm thấy các loài cá lớn và có giá trị nhất như cá trê Mekong khổng lồ và cá hô Mekong khổng lồ. Cá săn mồi có giá trị cao ít hơn có nghĩa là tổng giá trị đánh bắt cá cũng giảm đi. Đánh bắt bừa bãi cũng tác động đến đa dạng sinh học trên đất liền. Khi các loài cá có kích thước trung bình và lớn hơn bị loại khỏi hệ sinh thái, các loài săn mồi

trên cạn như chim, động vật có vú và thằn lằn chuyên ăn những loại cá này cũng mất nguồn thức ăn.

Việc suy giảm sự đa dạng của cá thực sự có thể làm *tăng* quần thể một loài cá nào đó, như cá chép, trong một hệ thống do việc giảm các loài săn mồi tự nhiên. Vì vậy, có thể khi quần thể các loài săn mồi lớn giảm, cá đánh bắt được có thể tăng. Nhưng chủ yếu là tăng các loại cá nhỏ có giá trị dinh dưỡng thấp. Các loài sinh trưởng nhanh thuận lợi hơn các loài sinh trưởng chậm, và hệ sinh thái rút cuộc chuyển sang chế độ chỉ còn một loài phát triển trong đó quá trình chọn lọc có thể làm hại các loài hiện đang chiếm ưu thế và xóa sạch mọi kết quả. Số liệu chính xác đánh bắt cá hằng năm ở Campuchia rất hiếm, nhưng được biết sản lượng cá chép đánh bắt của ngư dân đang tăng lên. Gần đây các ngư dân *dai* ở hồ Tonle Sap cho biết có tới 50% sản lượng đánh bắt của họ là cá chép, đánh dấu một sự tăng trưởng^[133].

Kevin McAnn thuộc Đại học Guelph ở Canada tiến hành một nghiên cứu vào năm 2015 về tác động của việc đánh bắt phía dưới chuỗi thức ăn ở các ngư trường Tonle Sap. Ông cho rằng khi những loài săn mồi lớn bị loại bỏ khỏi hệ thống, hệ sinh thái sẽ mất đi “cộng đồng ổn định” của nó^[134]. Không có những loài săn mồi lớn, sự tồn tại của cộng đồng này dễ bị tổn thương hơn trước những cú sốc liên quan đến thay đổi nhiệt độ và thay đổi trong các dòng chảy do các đập thượng nguồn gây ra. Đánh bắt quá mức không chỉ gây ra rủi ro lớn cho quần thể cá mà còn cho cả các xã hội như xã hội Campuchia, vốn phụ thuộc rất lớn vào cá như một nguồn protein chính. Báo cáo của McAnn gọi việc đánh bắt cá phía dưới chuỗi thức ăn ở Tonle Sap là một vấn đề xã hội và sinh thái. Để hỗ trợ quần thể cá đa dạng Tonle Sap, cần có ngay các biện pháp bảo tồn thông minh.

Sau khi Pheakdey và tôi giúp đẩy sàn xe gổ sét chắt đầy xô đựng *prahok* ra khỏi vũng lầy ở Chhnok Tru, chúng tôi lên xuồng cao tốc chạy đến Tonle Sap. Chúng tôi đi qua chỗ hồ nối với sông Tonle Sap, và chạy về phía tây nơi tôi có thể thấy chỗ thất nổi tiếng của hồ Tonle Sap, ở đó hồ rộng chưa đầy 2km. Phía trước xuồng, cây cối những khu rừng ngập lợ lửng ở chân trời như những ốc đảo xa vắng. Pheakdey và tôi không đội mũ che nắng mặt trời giữa trưa, vì thế anh bảo tôi che đầu bằng *kromma*, chiếc khăn mỏng truyền thống dệt bông có khắp Campuchia. Chúng tôi đang chạy đến Plov Tuok, một xã có sáu làng nổi ở gần bờ bên kia cách Chhnok Tru khoảng 20km^[135]. Teou Sok, xã trưởng Plov Tuok, đi cùng chúng tôi. Năm 2014, Pheakdey và các nhà bảo tồn đã làm việc cùng với các ngư dân địa phương như Sok để thành lập một khu bảo tồn cá ở Plov Tuok. Do nhu cầu cấp thiết cần có các biện pháp bảo tồn mạnh mẽ hơn ở hồ Tonle Sap, tôi rất muốn biết tiến triển của việc đó.

Sau 40 phút trên hồ, chúng tôi chạy vào một làng nổi. Như chuyến đầu tiên đến Kampong Khleang, tôi không thấy mảnh đất khô ráo nào. Những ngôi nhà, cũng hình chữ nhật như những ngôi nhà ở Kampong Khleang nhưng kích thước có phần nhỏ hơn, tất cả có cổng vòm đằng trước hướng ra hồ. Vách ván của chúng được sơn xanh dương sáng hay xanh lục và mái tôn nhà nào cũng gổ sét. Các ngôi nhà được neo buộc với nhau hay buộc vào những cây cao, 2 mét dưới cùng chìm trong hồ. Không như ở Kampong Khleang, không có cột nào chống những ngôi nhà này khi chúng nổi hoàn toàn trên mặt nước. Tính di động linh hoạt của các ngôi nhà nổi khiến người dân địa phương thay đổi được chỗ ở trong năm, di chuyển sâu vào hồ đánh bắt cá vào mùa khô hay đến gần vùng đất khô để trồng trọt. Trong mùa mưa, khu rừng ngập che chắn gió và sóng uy hiếp hồ trong mưa bão. Làng

này có vài trăm nhà và, đúng như dự đoán, chen chúc xuống máy. Hai cô bé chưa đầy 10 tuổi mặc đồng phục học sinh lái chiếc ghe nhỏ ngang qua xuống chúng tôi. Không ai đi cùng và chúng dùng cây sào dài chống ghe đi học. Chúng tôi ghé vào một nhà để đón Chuen Chim, một người lớn tuổi trong làng, và mua một can xăng của vợ ông đang phe phẩy quạt cười chào chúng tôi.

Chim, Sok và Pheakdey muốn cho tôi xem Rừng Ma Plov Tuok, khu rừng già nổi tiếng đối diện làng nổi bên kia đường. Trên đường đi chúng tôi ngang qua một biển báo bằng xi măng đánh dấu khu bảo tồn nhô lên khỏi mặt nước. “Nếu không có dự án IUCN của chúng tôi, Rừng Ma sẽ biến mất”, Pheakdey giải thích khi các nỗ lực của dự án bắt đầu, dân làng xác định Rừng Ma là khu vực văn hóa quan trọng cần được giữ gìn. Chim kéo chiếc xuống vào một vạt cây cao và chỉ vào cái hòm dài đặt ở chẽ chữ Y của cây. Nó được các nhánh nhỏ hơn giữ chặt. Pheakdey nói, “Đó là quan tài của một dân làng. Vào mùa khô, họ chôn người chết ở đây. Nếu ai đó chết vào mùa mưa, quan tài của họ được đặt ở cây cho đến khi nước rút”. Tôi hỏi liệu ở những nơi khác của hồ có còn những mảng rừng nguyên vẹn như thế này. “Anh sẽ tìm thấy một vài nơi như thế quanh hồ”, Pheakdey nói, “nhưng nạn cháy rừng đe dọa khu rừng ngập và việc canh tác hoa màu khiến nông dân muốn chuyển đổi khu rừng ngập thành đất trồng trọt”. Chim bắt đầu nói qua bộ đàm. Pheakdey tiếp tục, “Khu rừng này cũng là môi trường sống quan trọng của khỉ, rái cá, và các động vật có vú khác khó tìm thấy ở các khu khác của hồ.” Chỉ tay về phía Chim anh nói, “Đi thôi. Chim đang gọi hội đồng xã họp với chúng ta”.

Chúng tôi chạy xuống quanh trọn Rừng Ma để cảm nhận diện tích của nó rồi quay lại hồ đi qua cột mốc xi măng khác đánh dấu khu bảo tồn cá của xã. Khu này bảo vệ cho một vực sâu 9 mét trong mùa khô, rõ ràng đây là

vực sâu nhất trong các vực ở hồ Tonle Sap, và có diện tích chừng 25ha. Đây là khu bảo tồn nhỏ nhất trong 3 khu bảo tồn do IUCN thành lập với sự tham gia của cộng đồng địa phương kể từ năm 2014. Pheakdey nhắc tôi về loài cá bạc có giá trị cao chúng tôi ăn tối trước và lưu ý loài cá đó thường được thấy trong vực này. Tôi hỏi người ta có thấy con cá khổng lồ nào ở đây không, và Sok cho tôi xem một bức ảnh kỹ thuật số chụp cá hô Mekong khổng lồ anh bắt được trước đây ở một nơi khác trong hồ và thả vào vực ba tuần trước. “Năm nay tôi đã bắt và thả bốn con cá hô Mekong khổng lồ”, Sok nói, tỏ vẻ tự hào về việc mình làm. “Mực nước năm nay cao hơn gần 2 mét so với bình thường và khi nước nhiều hơn chúng tôi có thể tìm thấy cá lớn nhiều hơn.”

Ai cũng biết nhiều loài cá quay trở lại vực sâu Plov Tuok trong mùa khô. Khi Hun Sen cấm các ngư trường thương mại trên hồ vào năm 2012, dân địa phương và người ngoài đã xuống vực này bắt cá. Năm 2013, ngư dân địa phương nói với một đội nghiên cứu của IUCN họ e rằng phần lớn cá đã bị đánh bắt. Nhóm IUCN biết một nửa số hộ trong xã sống trong nghèo đói. Dù mọi người đều tham gia đánh bắt, nhưng họ thường chỉ thu được 1 đến 2kg cá mỗi ngày^[136]. Dân địa phương cũng lưu ý rằng người ngoài, một nửa là người Việt Nam, đánh cá ở vực vào ban đêm và sử dụng lưới tròn thả sâu trong vực. Những người ngoài địa phương sử dụng sốc điện giết hay làm cá choáng. Những người bên ngoài này đánh được từ 200 đến 500kg cá mỗi đêm. Những chuyện đó xảy ra trong mùa khô và làm cạn kiệt nguồn cá đặc hữu.

IUCN đề nghị thành lập khu bảo tồn cá với điều kiện ngư dân địa phương tự quản lý các hoạt động bảo tồn của mình. Những kẻ gièm pha trong cơ quan quản lý thủy sản địa phương và cộng đồng đều nói nếu để dân làng chịu trách nhiệm, họ sẽ ăn hối lộ của người ngoài còn hơn quan

chức chính quyền và nguồn cá sẽ giảm nhanh hơn^[137]. Nhưng những kẻ gièm pha đó không hiểu được quyền lực pháp lý của một cộng đồng gắn kết vốn có niềm hạnh phúc và sự sống còn phụ thuộc vào việc bảo tồn nghề cá của cộng đồng.

Xuông chúng tôi cập bến ở hội trường xã, một ngôi nhà được sửa lại nổi giữa một làng khác của Plov Tuok, chung quanh là các nhà nổi khác. Tôi bước vào một nhà cạnh hội trường xã có tấm biển lớn màu trắng vẽ logo IUCN, lá cờ sao của Liên minh châu Âu, tổ chức tài trợ cho khu bảo tồn. Bên dưới là dòng chữ “Trạm bảo vệ cá và bảo tồn rừng văn hóa Plov Tuok”. Các thành viên hội đồng xã bắt đầu đến. Do phong tục không được mang giày trong nhà ở Campuchia, họ để giày bên ngoài rồi vào ngồi quanh trên sàn. Pheakdey mời nước, chuối và cảm ơn 7 thành viên hội đồng đã đến họp.

Nhờ họ, tôi biết được do đâu trước đây Plov Tuok là mục tiêu của một số chương trình được các tổ chức và chính phủ nước ngoài tài trợ. Chẳng hạn, Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc đã xây dựng một chương trình cải thiện các vấn đề phụ nữ, sức khỏe giới tính, và giảm bạo lực gia đình. Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Nhật Bản đã mua cho xã một chiếc xuồng, vì vậy trẻ em có thể đi học ở ngoài xã. Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc cũng cố gắng thành lập một ủy ban bảo tồn cá của xã vào năm 2008. Tất cả các dự án này đều thất bại. Một viên chức xã chừng năm mươi lăm tuổi tên là Sen Try nói với tôi, “Những chương trình này đều thiếu sự tham gia với dân làng. Và chỉ tập trung vào cơ sở vật chất - áp phích, xuồng và các trang bị khác. Họ tập trung vào các vấn đề dân làng cho là không quan trọng. Những người nước ngoài chỉ tập trung vào nghiên cứu của họ và sau đó rời bỏ chúng tôi. Do những thất bại đó, khi IUCN xuất hiện, không tránh khỏi một số tranh cãi và miễn cưỡng.”

Tôi hỏi nhóm này họ đã gặp Pheakdey mấy lần trong bốn năm qua. Tất cả bật cười. Một cụ nói to, “Nhiều lắm! Không đếm hết. Cứ khi nào chúng tôi gặp rắc rối, Pheakdey đều ở đây để giúp .

Một cụ khác thêm vào, “Trước khi IUCN đến quản lý Rừng Ma, cá ít dần do bị đánh bắt bất hợp pháp. Đó là trước đây. Nhưng từ khi có khu bảo tồn lại có rất nhiều cá trên sông. Người dân bây giờ rất vui vẻ. Họ muốn bảo vệ cá. Họ vui vì nguồn cá lại dồi dào”.

Pheakdey nói với tôi, “Họ cảm thấy ấm lòng do những việc đã xảy ra. Nhóm chúng tôi thường gặp họ, thăm họ. Việc đó tạo dựng niềm tin và làm tăng ý thức trách nhiệm của họ”.

Ông cụ xen vào, “Từ thành công này chúng tôi sẽ không lùi lại. Nếu chúng tôi không làm gì cả, chúng tôi sẽ không thành công. Nếu chúng tôi làm gì đó, vẫn luôn có trở ngại phía trước”.

Để hiểu những trở ngại đó, tôi hỏi việc không cho người bên ngoài đánh cá trong khu bảo tồn có dễ thực hiện không hay sẽ gây ra xung đột. Ông trả lời, “Lúc đầu chúng tôi rất lo vì chính quyền và cơ quan quản lý ngư nghiệp chẳng giúp gì nhiều. Nhưng chúng tôi nhanh chóng thấy được việc tuần tra khu này rất dễ dàng. Khi thấy những người đánh cá bất hợp pháp, chúng tôi khuyên họ một hay hai lần và bảo họ đừng làm thế nữa. Dần dần họ bắt đầu hiểu. Một số phản đối và số khác kêu gọi bạn bè và những người khác đến đe dọa những người bảo vệ. Chúng tôi tiếp tục trao đổi với họ bằng cách truyền đạt cho họ những gì IUCN đã dạy cho chúng tôi. Cuối cùng họ đã hiểu ra”.

Sen Try, viên chức xã, nói thêm, “Các gia đình ở đây thường đánh cá trong các khu vực quen thuộc năm này qua năm khác. Một khi mọi người

đã hiểu được tác dụng của việc bảo tồn và thấy được lợi ích chung, ngay cả người ngoài cũng tham gia”.

Một người đàn ông khác xen vào, “Chúng tôi chưa bao giờ phạt tiền ai cả. Chúng tôi giữ lại vài người, khuyên bảo họ, và bảo họ đừng quay lại đánh cá ở đây. Chúng tôi yêu cầu họ ký vào biên bản. Những người đã ký giờ không dám quay lại”.

Chim nói thêm, “Đây là quê hương của chúng tôi. Chúng tôi không muốn sống ở đâu khác ngoài làng của mình. Vấn đề là bảo tồn tài nguyên và cải thiện sinh kế của ngư dân. Khi cá ít hơn trước, vài người di cư sang Thái Lan kiếm sống. Nhưng rút cuộc, hóa ra họ chẳng kiếm được bao nhiêu và lại quay về làng”.

Tôi hỏi vì sao cuộc sống ở Plov Tuok lại đáng mơ ước hơn so với thành thị. Chim nói, “Sống ở thành phố cũng không quá khó. Nhưng ở đó, chúng tôi cần tiền ‘ứng trước’. Ở đây chúng tôi có thể sống tốt bằng nghề đánh cá. Chúng tôi chỉ cần một ngôi nhà nhỏ và một chiếc thuyền nhỏ. Đó là lý do tôi thường nói chúng tôi là ngư dân, và chúng tôi phải bảo vệ khu vực này. Nếu không chúng tôi sẽ phải đi lên thượng nguồn, và ở đó chúng tôi sẽ đánh mất các cơ hội ở đây”.

Pheakdey lưu ý, “Nếu ở đây không còn cá, người dân sẽ tay không đi lên thành phố”. Anh cũng nói đến chuyện nhiều dân làng đã vay nợ để trồng trọt mùa khô, và những vụ đánh bắt cá gần đây giúp họ có thêm thu nhập để trả nợ. “Tài trợ bền vững cũng là một rắc rối cho tương lai của việc bảo vệ cá trong xã. Ngân sách chương trình của chúng tôi hỗ trợ chi trả cho những người bảo vệ rừng tuần tra khu bảo tồn, chi cho các cuộc họp và bảo trì cơ sở hạ tầng, nhưng khoản tài trợ này sẽ kết thúc trong năm nay.” Pheakdey nói đến một giải pháp tạm thời. Hội đồng xã trước đây đã đồng ý dành

5.000 đô-la trong ngân sách chương trình để cho vay hạn mức thấp có mức lãi 10% trong 5 năm tới. “Số tiền đó sẽ đủ để hỗ trợ khu vực này trong thời gian trên, nhưng sau đó chúng tôi không biết phải làm gì nữa. Hơn nữa, nếu việc cho vay hạn mức thấp thất bại thì sao? Việc đó không được chính quyền bảo đảm.”

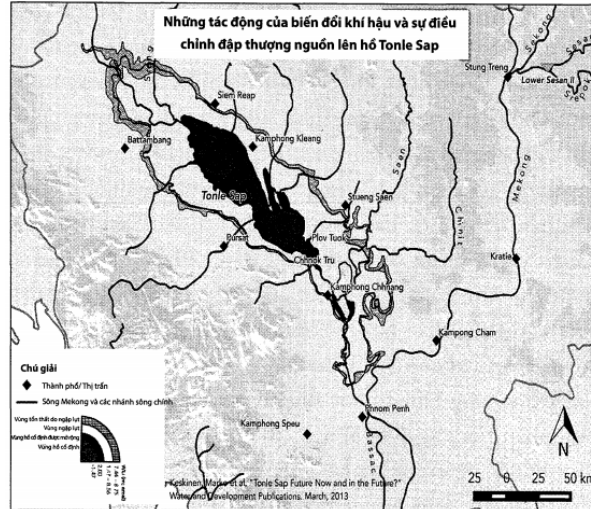
Khi cuộc trò chuyện bắt đầu làm lộ ra những lo ngại về tương lai, tôi có thể cảm nhận sự hào hứng tràn ngập lúc đầu của nhóm đang biến thành nỗi ưu tư. Sok, xã trưởng nói, “Tôi đã nghe trong một số hội thảo tôi có tham dự về kế hoạch xây một con đập ở Sambor. Nếu chuyện đó xảy ra, tôi nghĩ một con đập lớn như thế sẽ ảnh hưởng đến lượng cá còn mạnh hơn việc đánh bắt quá mức”. Như đã đề cập ở phần trước, chỉ với thủy điện Hạ Sesan 2 ở Campuchia, lượng cá từ sông Mekong đến đã bị ảnh hưởng. Lào và Trung Quốc sẽ xây dựng nhiều đập ở thượng nguồn và điều đó sẽ dẫn đến một số tác động nghiêm trọng.

Người phụ nữ duy nhất trong nhóm thêm vào, “Ngay từ đầu tôi đã rất lo về các con đập này. Nếu xây thêm nhiều đập, tôi nghĩ sẽ tác động mạnh mẽ đến cộng đồng. Nguồn cá sẽ cạn kiệt, và điều đó sẽ ảnh hưởng đến nghề cá của chúng ta.”

Cả hai ý kiến không phải không có cơ sở. Khi tôi đang họp với hội đồng xã ở Plov Tuok, hồ chứa phía sau đập Hạ Sesan 2 gần Stung Treng tại ngã ba sông Sesan và Srepok đã đầy nước, chuẩn bị cho việc vận hành vào tháng 1 năm 2018^[138]. Như đã nêu ở phần trước sách này, hệ thống sông nhánh 3S là nơi sinh sản quan trọng của những con cá sống một phần đời ở Tonle Sap, nhưng con đập và các thang cá chưa được kiểm tra của con đập sẽ làm giảm nghiêm trọng khả năng cá tìm đến nơi sinh sản của chúng. Ngay cả trong trường hợp một phần đàn cá vượt qua thang, khi trứng của

chúng bị cuốn từ đầu nguồn vào mùa mưa xuống hạ nguồn, chúng sẽ mất đà và hầu như sẽ bị hư hỏng trong hồ chứa khổng lồ của đập. Rất ít có thể qua được các tua-bin đập hay đập tràn và sau đó tìm ra đường đến hồ.

Các đập thượng nguồn chắc chắn sẽ thay đổi lực chảy của dòng nước vào ra hồ. Các đập siêu lớn của Trung Quốc đã có một số tác động khi chúng tháo nhiều nước hơn trong mùa khô và trữ nước trong mùa mưa. Các kỹ sư Trung Quốc khoe khoang họ đang ban ơn huệ cho hạ nguồn với việc điều tiết nước làm giảm lũ lụt trong mùa mưa và cấp nước cứu trợ hạn hán trong mùa khô. Nhưng việc liên tục điều tiết dòng sông, cùng với việc có thêm nhiều đập ở lưu vực này, sẽ ảnh hưởng to lớn lên chu kỳ lũ lụt của sông Tonle Sap. Các đập thượng nguồn tháo nước vào mùa khô làm tăng mực nước sông và ngăn không cho nước chảy ra khỏi hồ Tonle Sap. Điều đó sẽ làm tăng lượng nước thường xuyên trong hồ. Đổi lại, một phần rừng ngập sẽ bị ngập thường xuyên. Ngoài ra, các đập thượng nguồn sẽ giữ lại nhiều nước hơn trong mùa mưa, làm giảm mực nước trung bình của mùa mưa. Điều đó sẽ làm giảm diện tích của vùng ngập lũ và dịch chuyển ranh giới của khu rừng ngập và bãi cỏ ngập vào gần hồ vĩnh cửu. Cuối cùng, việc thay đổi tình hình ngập lụt theo mùa sẽ không chỉ làm giảm diện tích môi trường sống trong rừng ngập của cá mà còn ảnh hưởng đến các nguồn thức ăn từ thảm thực vật mọc trong rừng ngập. Hơn nữa, khi có ít nước lũ chảy qua toàn bộ sông Mekong, cây và bụi cây bị cuốn từ thượng nguồn vào hồ Tonle Sap sẽ ít đi. Điều đó sẽ dẫn đến việc giảm mạnh các chất dinh dưỡng cung cấp cho chuỗi thức ăn của sông và hồ này^[139].



Tác động của biến đổi khí hậu và đập thượng nguồn lên hồ Tonle Sap.

Một nghiên cứu của nhóm do chuyên gia về nước Marko Keskinen thay mặt chính phủ Campuchia lãnh đạo phát hiện, nếu các tác động của việc xây đập thượng nguồn và biến đổi khí hậu cộng lại, mực nước mùa khô ở hồ Tonle Sap sẽ tăng lên từ 0,5 đến 0,9 mét. Điều đó có thể làm tăng gấp đôi hay gần gấp ba lượng nước của hồ trong mùa khô. Lượng nước bổ sung này sẽ làm tăng diện tích thường xuyên của hồ lên từ 18 đến 31%. Trong mùa mưa, việc giảm nước lũ vào hồ Tonle Sap sẽ làm giảm bãi bồi xuống còn 75% diện tích hiện tại. Mô hình của Keskinen cho thấy rằng do chênh lệch độ cao, các tác động sẽ ảnh hưởng không giống nhau lên các khu vực khác nhau. Bãi bồi phía tây bắc sẽ giảm lớn nhất khoảng 77% bãi bồi còn các khu vực miền núi quanh chỗ thắt của hồ sẽ ít bị ảnh hưởng hơn^[140].

Keskinen ngạc nhiên khi thấy ảnh hưởng của biến đổi khí hậu không tác động lớn đến diện tích hồ dù biến đổi khí hậu được dự đoán sẽ làm mùa mưa ngắn lại. Tuy nhiên, mưa dữ dội hơn và bão thường xuyên hơn do biến đổi khí hậu gây ra sẽ có tác động đáng kể đến các cộng đồng. Các khu rừng ngập đóng vai trò là lớp đệm bảo vệ các khu vực nội địa trước các cơn bão và nước chảy xiết trên hồ. Đó là lý do tại sao các cộng đồng nhà nổi đóng

bên trong khu rừng ngập buộc chặt nhà cửa của họ vào cây trong mùa mưa. Vì ngày càng có nhiều các sự cố thời tiết khắc nghiệt do biến đổi khí hậu và suy giảm rừng ngập gây ra, các cộng đồng sống trên các nhà nổi và các vùng đất nội địa trồng hoa màu càng dễ bị tổn thương hơn^[141]. Ngư dân tại Plov Tuok nói với tôi họ quan sát thấy số trận bão trên vùng hồ tăng lên, và các cuộc điều tra hộ gia đình thực hiện vào năm 2011 đối với các cộng đồng quanh hồ và bên trong khu rừng ngập cũng xác nhận họ đã hiểu biết nhiều hơn về biến đổi thời tiết^[142].

Có thể mô hình hóa việc giảm diện tích rừng, nhưng điều đó sẽ tác động thế nào đến quần thể cá trong hồ? Thông tin về chuỗi thức ăn trên hồ ít đến nỗi các kết quả này rất khó dự đoán. Mối quan hệ giữa các chất dinh dưỡng và năng lượng từ các khu rừng ngập và trầm tích phong phú của hệ thống sông Mekong với bữa ăn của người Campuchia vẫn đang được nghiên cứu. Trầm tích giàu chất dinh dưỡng được đưa vào hồ Tonle Sap trong mùa mưa nằm ở đáy của chuỗi thức ăn. Cây cỏ định trầm tích ở rễ của chúng và hút chất dinh dưỡng. Trong mùa khô, ánh sáng mặt trời xuyên qua nước hồ Tonle Sap và nước sông Mekong, và điều đó giúp tảo và các loại thực vật cố định trầm tích phát triển. Cá và động vật ăn các loại thực vật này, thực vật phù du, thực vật cực nhỏ lơ lửng trong hồ và sông. Mực nước sông tăng lên trong mùa khô, ở đập cũng thế, sẽ làm giảm lượng ánh sáng chiếu xuống đáy sông và làm giảm lượng thực vật và sinh vật phù du.

Các nhà nghiên cứu Chouly Ou và Kirk O. Winemiller đã phát hiện ra các sinh vật giàu chất dinh dưỡng có trong nước hồ như sinh vật phù du và tảo là những thứ quan trọng nhất trong việc hỗ trợ quần thể cá trong mùa khô, trong khi việc phân hủy thực vật cạnh hồ và trong các khu rừng ngập là quan trọng nhất trong mùa mưa^[143]. Không có trầm tích màu mỡ chảy vào sông và hồ, những cây này sẽ không thể phát triển mạnh và do đó, chất

đinh dưỡng và năng lượng của chúng không thể đi ngược lên phía trên chuỗi thức ăn. Quan trọng hơn, 70% trầm tích trong hồ Tonle Sap đến từ dòng chính sông Mekong^[144]. Vì các đập ngăn chặn trầm tích đến các dòng sông ở hạ nguồn, điều đó khiến cho việc duy trì kết nối sông giữa dòng chính sông Mekong với bãi bồi Tonle Sap cực kỳ quan trọng. Việc thiếu trầm tích không chỉ làm giảm sự phát triển của thực vật trong hệ thống sông Mekong mà còn làm giảm tỷ lệ sống sót của trứng cá chuyển đến hồ theo dòng chính. Lượng trầm tích cao làm tăng sức nổi của nước sông và giúp trứng nổi. Không có trầm tích, trứng và các sinh vật nhỏ khác trong nước sông sẽ chìm xuống đáy và chết.

Các đập trên Thượng Mekong ở Trung Quốc ước tính giữ lại ít nhất 50% lượng trầm tích của sông này^[145]. Nói đơn giản, vùng núi Vân Nam và Tây Tạng ít người sinh sống, cao hơn, dốc hơn so với các nước ở hạ nguồn và khi trời mưa, nhiều sườn núi bị xói mòn trôi vào sông Mekong. Những ngọn núi này về mặt địa chất cũng giàu khoáng sản. Tuy nhiên, không có con đập nào ở Thượng Mekong trên đất Trung Quốc phù hợp với cơ chế xả trôi trầm tích, vì vậy phần lớn trầm tích đó đã bị loại bỏ khỏi hệ thống sông Mekong. Các con đập đã được xây dựng ở Hạ Mekong như Hạ Sesan 2 và Xayaburi cũng sẽ có tác động liên tục lên dòng trầm tích ở sông Mekong. Đập Xayaburi được lắp các cửa xả trầm tích hiện đại, nhưng các chuyên gia ước tính các cửa đó cần phải mở phần lớn thời gian trong mùa mưa giúp lượng trầm tích đi qua lớn như dòng trầm tích tự nhiên. Việc mở các cửa trầm tích sẽ làm giảm lượng nước qua các tua-bin đập. Mở cửa càng lâu, điện do đập sản xuất càng ít. Cơ quan vận hành đập không muốn mở các cổng này. Càng xây thêm đập, vấn đề này càng thêm rắc rối, và đập càng gần hồ Tonle Sap, tác động tổng thể càng tệ hại.

Đập Sambor 2.600 megawatt sẽ là đập xa nhất phía hạ nguồn trên dòng chính sông Mekong. Nếu được xây, nó sẽ chặn gần 100% lượng trầm tích đến từ thượng nguồn sông Mekong và hệ thống sông 3S. Để giữ lại nhiều trầm tích và nước như thế, các kỹ sư ước tính chiều dài của con đập hơn 8km. Đập Sambor hiện đang nằm trong kế hoạch phát triển năng lượng của Campuchia, nhưng dự án này bị nhiều người trong lẫn ngoài chính phủ phê phán do những rủi ro nó gây ra cho hồ Tonle Sap. Nếu được xây, đập Sambor sẽ là chiếc đinh cuối cùng đóng lên chiếc quan tài chôn cất sông Mekong.

Một nghiên cứu do Ủy hội Sông Mekong đưa ra năm 2010 cho biết việc tạo ra sản lượng sơ cấp các chất dinh dưỡng của hồ, tức là các động vật và thực vật siêu nhỏ tạo thành đáy chuỗi thức ăn của hồ, sẽ giảm 50% khi có 11 đập chính và một số đập sông nhánh. Các nghiên cứu tương tự cho thấy biến đổi khí hậu làm tăng nhiệt độ hồ sẽ làm sản lượng sơ cấp giảm thêm 8%^[146]. Việc mất hơn một nửa chuỗi thức ăn cơ bản của hồ sẽ ảnh hưởng thế nào đến cá phía trên chuỗi? Quan trọng hơn, Campuchia sẽ bù đắp tổn thất về lượng cá đánh bắt như thế nào khi hồ có cá ít hơn? Vẫn chưa có đáp án cho những vấn đề đó, nhưng khuynh hướng tổn thất chất dinh dưỡng đang diễn ra khi dân số Campuchia, cả nông thôn lẫn thành thị, vẫn tiếp tục tăng lên.

Vì sản lượng cá đánh bắt hàng năm tiếp tục giảm, các tổ chức địa phương và quốc tế như IUCN đang nỗ lực hợp tác với các cộng đồng ở Tonle Sap để thành lập và quản lý các khu bảo tồn cá. Còn nhiều việc phải làm. Hơn nữa, Bộ Môi trường có quan điểm tiến bộ của Campuchia đã soạn thảo một bộ luật môi trường toàn diện, bổ sung thêm các biện pháp bảo vệ hồ. Tuy nhiên, không chắc các luật mới này, được gộp thành Bộ luật Môi trường, bộ luật đầu tiên thuộc loại này ở các quốc gia vùng sông Mekong,

sẽ được Quốc hội thông qua trong năm 2018. Bộ luật Môi trường bao gồm các luật mới để quản lý tài nguyên trong hơn một nửa khu rừng ngập của hồ Tonle Sap. Nhưng ngay cả khi được thông qua, luật này chỉ có hiệu lực nếu chúng có thể được thi hành, trong khi các cơ quan chính quyền của Campuchia đang thiếu nhân lực trầm trọng và bị trả lương rất thấp. Và những nỗ lực bảo tồn tốt nhất sẽ bị lãng phí nếu các con đập thượng nguồn quét sạch hệ sinh thái cơ bản tạo ra quần thể cá ở hồ.

Chính quyền Campuchia biết các đập thượng nguồn ở Lào và bất cứ đập nào xây ở phần sông Mekong trên đất Campuchia sẽ làm giảm lượng cá đánh bắt hằng năm do cắt đứt các dòng sinh thái quan trọng như cá, trầm tích và nước. Để bù đắp, Bộ Nông nghiệp Campuchia đang chuẩn bị thay thế một phần lượng cá bị tổn thất bằng cá nuôi và phần còn lại bằng protein từ đậu nành và các vật nuôi. Nhưng có sự khác biệt lớn giữa các nhà khoa học và quan chức chính phủ về sản lượng đánh bắt hằng năm bị giảm do các đập thượng nguồn. Như đã nêu ở phần trước, các cơ quan chính phủ thường tính thiếu số lượng ngư dân đánh bắt ở Tonle Sap, từ đó đánh giá thấp tổng lượng cá đánh bắt được. Việc đánh giá thấp sản lượng cá đánh bắt khiến các cơ quan chính phủ Campuchia suy nghĩ sai lầm về khả năng bù đắp lượng cá đánh bắt tự nhiên bằng cá nuôi và lượng protein từ các nguồn khác. Một tính toán sai lầm ở đây sẽ tạo ra sự thiếu thốn thực phẩm có thể gây ra nạn đói.

Ngay cả khi Campuchia đã nỗ lực điều phối thay thế phần lớn lượng cá đánh bắt tự nhiên hằng năm bằng các nguồn protein khác, sẽ cần loại hạ tầng nào để nỗ lực đó thành công? Trong một khu vực có các nguồn nước đang suy giảm, cần phải chuyển bao nhiêu nước từ các mục đích sử dụng khác để đổ đầy các ao cá, tưới cho các cánh đồng trồng đậu nành và cung cấp nước uống cho vật nuôi? Bao nhiêu cá và thức ăn chăn nuôi sẽ được

nhập khẩu hay sản xuất ở Campuchia để nuôi số gia súc đó? Và quan trọng là phải chuyển đổi bao nhiêu đất để mở rộng nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp? Một nghiên cứu của các học giả tại Đại học Quốc gia Úc cho rằng, để thay thế lượng protein từ cá đánh bắt ở hồ Tonle Sap bằng protein nuôi trồng, Campuchia phải tăng diện tích đất nông nghiệp hiện tại lên tới 63%! [147] Với lịch sử quản trị kém cỏi và hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn lực giúp đạt được kết quả đó, tương lai nghề cá ở Tonle Sap vô cùng mờ mịt.

Tuy nhiên, nếu khu vực này ngăn không để việc xây đập trên sông vượt qua điểm không thể dừng và sản xuất điện từ các nguồn khác như năng lượng mặt trời và gió, có thể Tonle Sap, trái tim rộn ràng của sông Mekong, sẽ tiếp tục phát triển. Để đạt được kết quả đó, chính quyền Campuchia cần phải giảm xem trọng việc sản xuất thủy điện ở nước họ, ngừng xây thêm đập ở khoảng giữa hồ Tonle Sap và thượng nguồn. Ngoài ra, chính quyền Campuchia cần thuyết phục Lào xây đập ở thượng nguồn ít đi. Gần đây, Hun Sen đã phát đi tín hiệu trái ngược qua việc tỏ ra quan tâm mua thêm điện của Lào. Mua điện của Lào có thể là một phần trong hướng đi bền vững, miễn là lượng điện đó được sản xuất từ nhiều trang trại năng lượng mặt trời và gió hơn, và có ít đập hơn, tác động ít hơn lên chu trình lũ và dòng trầm tích tự nhiên. Cách tiếp cận như vậy sẽ làm giảm áp lực to lớn đối với Campuchia trong việc chuyển đổi thói ăn cá tươi đánh bắt, với chi phí bảo tồn tương đối thấp. Giải pháp này khắc phục việc chuyển đổi tốn kém sang vùng đất mới và đầu tư vào hạ tầng bù đắp tổn thất của nghề cá. Không làm gì cả hay tính toán sai nhu cầu protein của nước này có thể đưa đến một cuộc khủng hoảng an ninh lương thực làm mất ổn định khu vực.

TƯƠNG LAI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tháng 4 năm 2016, tôi bay đến Cần Thơ, thành phố lớn ven sông ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long có dân số 1,2 triệu nằm cách nơi sông Mekong gặp Biển Đông của Việt Nam 90km phía ngược dòng. Trong những phút cuối cùng của chuyến bay, tôi nhìn xuống một trong những cảnh quan nhiều sông nước, kênh rạch nhất trên hành tinh, đồng bằng nông nghiệp bằng phẳng và phì nhiêu chằng chịt mạng lưới 30.000km sông và kênh đào. Những tuyến đường thủy này được đào trong hai thế kỷ vừa qua bởi các kỹ sư trong nước và từ các cường quốc thực dân Pháp và Mỹ xâm lược trước đó. Mùa xuân năm đó, đồng bằng sông Cửu Long, khu vực có diện tích cỡ Đan Mạch hay Tây Virginia, đã trải qua đợt hạn hán nghiêm trọng nhất trong 100 năm, nhưng các con sông và kênh rạch bên dưới vẫn đầy nước. Một kiểu thời tiết El Nino trong mùa mưa 2015 đã làm lượng mưa thiếu hụt trầm trọng, vì thế nếu không có lượng nước ngọt bình thường từ thượng nguồn đổ về biển, phần lớn nước quanh Cần Thơ trong mùa xuân đó đã là nước biển.

Tôi đến Cần Thơ tham gia một hội nghị thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên nước sông Mekong tại Đại học Cần Thơ, trường đại học đầu tiên ở vùng đồng bằng này và là nơi tập trung các học giả và chuyên gia về phát

triển bền vững sông Mekong, tất cả cùng nhau phản đối kịch liệt các con đập ở thượng nguồn sông Mekong. Tại hội nghị, các học giả đã quy trách nhiệm gây ra tình trạng hạn hán hiện tại ở vùng đồng bằng cho các con đập của Trung Quốc ở thượng nguồn cách đó 2.500km. Họ khẳng định nếu không có các con đập của Trung Quốc giữ lại lượng nước khổng lồ^[148], vào mùa khô sẽ có nhiều nước ngọt hơn làm giảm độ xâm nhập mặn và cung cấp nhiều nước ngọt hơn cho nông nghiệp ở đồng bằng này. Cáo buộc của họ có phần đúng, vì trong bất kỳ mùa khô nào, khoảng một nửa lượng nước ở sông Mekong chảy đến từ Trung Quốc. Trong 3 tháng đầu mùa khô năm 2016, nước xả từ các con đập của Trung Quốc ít chưa từng thấy. Sau đó, vào giữa tháng 3, chính phủ Việt Nam tại Hà Nội khẩn thiết đề nghị chính phủ Trung Quốc xả nước ở các đập thượng nguồn sông Mekong. Bắc Kinh đáp ứng bằng cách mở các đập tràn của đập Cảnh Hồng trong hơn một tháng. Truyền thông nhà nước Trung Quốc ca ngợi hành động của Bắc Kinh với những lời lẽ như, “Trong khi Trung Quốc và Việt Nam đứng trước các mối quan hệ khó khăn do tranh chấp Biển Đông, việc xả nước chắc chắn sẽ làm giảm căng thẳng giữa hai quốc gia”^[149]. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều tuyên bố chủ quyền đối với các phần chồng lấn trên Biển Đông. Bắt đầu từ năm 2014, hai nước ngày càng bất hòa khi chính quyền Trung Quốc tiến hành một chiến dịch lớn biến các rạn san hô vòng và đá trong khu vực chồng lấn này thành các căn cứ quân sự.

Tuy nhiên, trên thực địa ở đồng bằng sông Cửu Long sau hơn một tháng Trung Quốc xả nước, các học giả địa phương tham dự hội nghị thấy tình hình cải thiện không được bao nhiêu. Một số cáo buộc Thái Lan đã bơm một lượng nước lớn khỏi thượng nguồn sông Mekong để tưới cho vùng đông bắc khô cằn của nước này cũng bị ảnh hưởng bởi đợt hạn. Số khác cho rằng lượng nước xả không đủ để giải quyết tình hình. Tất cả đều khuyến khích tôi đi quanh vùng đồng bằng tự mình chứng kiến tình cảnh

khô hạn. Vì thế, sau khi hội nghị kết thúc, để biết kỹ hơn về đợt hạn hán 100 năm một lần này, tôi lên xe đi cùng Văn Phạm Đăng Trí, Trưởng Bộ môn Tài nguyên nước tại Đại học Cần Thơ và Terry Parnell, Giám đốc Open Development Mekong, một tổ chức phi chính phủ môi trường khu vực.

Ở Việt Nam, sông Mekong được gọi là sông Cửu Long vì nó đổ ra biển theo 9 cửa sông. Hai sông lớn, sông Hậu và sông Tiền, có nhiều nước nhất chảy từ Campuchia vào Việt Nam và chia ra thành 7 nhánh chạy 200km ra biển. Ở Campuchia, sông Hậu được gọi là sông Bassac, tách khỏi dòng chính sông Mekong ở Phnom Penh. Sông Hậu có nghĩa là “sông sau” trong tiếng Việt. Sông Tiền là dòng chính của sông Mekong và có nghĩa là “sông trước” trong tiếng Việt. Việc định vị “trước” và “sau” này hầu như chẳng có ý nghĩa gì khi nhìn vào bản đồ vệ tinh của vùng đồng bằng này, nhưng đối với người Việt Nam, sông Mekong luôn được xem là sân sau của Thành phố Hồ Chí Minh, tên cũ là Sài Gòn. Một du khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đi xuống vùng đồng bằng sẽ gặp sông Tiền trước và sông Hậu sau.

Terry, Trí, và tôi từ Cần Thơ đi xe theo hướng nam về phía biển trên con đường dọc sông Hậu to rộng của dòng Mekong. Con đường ven sông cao hơn hẳn con sông bên trái và ruộng đồng bên phải. Nó được xây dựng trên một con đê tự nhiên hình thành khi lũ sông hằng năm lắng đọng một lượng lớn trầm tích sát bờ sông. Những con đê tự nhiên hay “miệt vườn” theo cách gọi bằng tiếng Việt tạo thành một số vùng đất cao nhất và màu mỡ nhất vùng đồng bằng. Các thành phố lớn nhất vùng châu thổ như Cần Thơ, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Long Xuyên hình thành từ những khu định cư xa xưa trên những miệt vườn của người Khmer, người Hoa, và người Việt định cư ở đó. Chúng tôi đi qua những vườn cây ăn trái trồng trên các trầm tích đọng lại trên những con đê tự nhiên nhưng rõ ràng bị chậm phát triển trong

mùa này do hạn hán. Từ một miệt vườn cách Cần Thơ chỉ 10km về phía nam, con đường chạy vào một khu vực rộng được dành làm khu công nghiệp. “Vài năm trước khu đất này cũng là vườn cây ăn trái của người dân địa phương. Giờ nó được chuyển thành khu công nghiệp”, Terry nói. Cô chỉ vào nhà máy giấy vừa xây xong và nhà máy điện than đang xây dở. Cả hai đều của các nhà đầu tư Trung Quốc. “Đây là khu đất nông nghiệp tốt nhất ở đồng bằng này, và nó đã được bán đấu giá cho các nhà đầu tư nước ngoài và thiệt hại thì nông dân địa phương gánh chịu.”

Đi xa hơn về phía hạ nguồn, trước tiên chúng tôi dừng lại bên cạnh những cánh đồng cằn cỗi ở tỉnh Sóc Trăng. Đúng một năm trước, tôi đã đến khu vực này, vì thế tôi tìm bức ảnh trên điện thoại di động của tôi chụp tại chính chỗ đó với các đồng lúa xanh mơn mớn có những chồi lúa cao hơn một tấc đưa cho Trí và Terry xem. Bây giờ trước mặt chúng tôi là một sa mạc ruộng đồng khô cằn. Một số đã được cày xới chuẩn bị cho vụ mùa vẫn chưa đến, các cánh đồng khác chưa làm đất được phủ bằng rơm rạ khô của vụ gặt trước. Xa cuối chân trời, một hàng dừa cứng cáp là những cây sống sót duy nhất nhìn thấy trong tầm mắt. Các mương thủy lợi nhỏ đầy nước đọng màu xanh dọc theo các cánh đồng, tạo thành ranh giới giữa các thửa ruộng. Trí nói, “Nhìn xem, ở đây có nhiều nước, nhưng nông dân không dám bơm nó vào ruộng hay mở cửa cống tưới. Nước quá mặn không trồng lúa được. Nước sẵn xung quanh nhưng chúng tôi lại đang bị hạn”. Chúng tôi đi sâu hơn vào cánh đồng. Đất nứt nẻ dưới chân. Trí chỉ vào một chỗ đất màu vàng cam phơi ra. Theo đề nghị của Trí, tôi bốc lên một nắm thấy đầy cát và những vết khô màu vàng trên tay. “Đất này có hàm lượng phèn cao. Chất lượng đất thấp, cơ bản là độc hại”, anh nói.

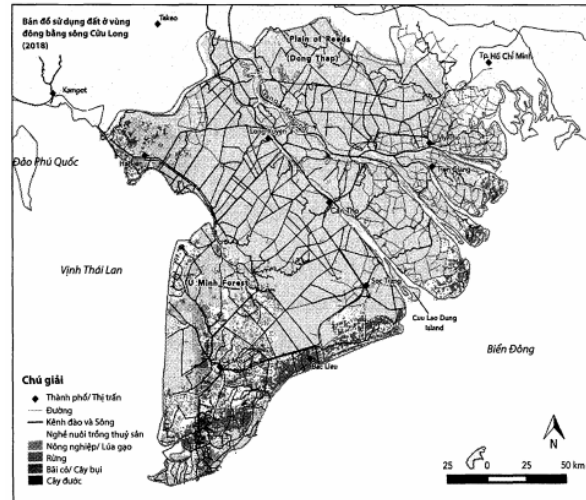
“Ngay cả trong điều kiện bình thường, làm sao cánh đồng này có thể trồng lúa nếu đất của nó bị nhiễm độc?”, tôi hỏi. Trí cho tôi biết hơn một

phần tư đất đồng bằng không thể trồng trọt được do hàm lượng phèn cao. Điều đó là vì đất vùng đồng bằng này chỉ mới hình thành trong vài thiên niên kỷ qua do sự rút lui của kỷ băng hà lớn cuối cùng và sự lắng đọng trầm tích từ các chu kỳ lũ lụt của sông Mekong. Đất trước đây dưới mặt nước có sẵn hàm lượng phèn độc hại cao.

“Tuy vậy ở một số nơi trong vùng đồng bằng, khi có mưa lớn hay lũ sông Mekong, độc tính trong đất sẽ trôi đi”, anh nói thêm. “Khi đó đất có thể trồng trọt. Một phần tư khác của vùng đồng bằng cũng thuộc loại này, và đồng ruộng chúng ta đang thấy cũng thế. Những lúc không có nước ngọt như thế này, chất lượng đất xấu đi”. Khi biết được một nửa vùng châu thổ này nhiễm độc ở nhiều mức độ, tôi khá ngạc nhiên vì tôi cứ nghĩ vùng đồng bằng này là một trong những nơi màu mỡ nhất thế giới. Vùng đồng bằng sản xuất hơn 40% sản lượng nông nghiệp của Việt Nam trên chỉ 12% đất^[150]. Và sản lượng đó không chỉ nuôi sống Việt Nam mà còn xuất khẩu ra thị trường thế giới. Đồng bằng này mỗi năm sản xuất 25 triệu tấn lúa gạo và phần lớn được xuất khẩu đáp ứng nhu cầu lương thực của Trung Quốc và châu Phi. Thu nhập của Việt Nam từ xuất khẩu gạo khoảng 7 tỷ đô-la hay 2% GDP nước này. Ngoài ra, đồng bằng này còn sản xuất 70% trái cây và ba phần tư tôm cá nuôi của Việt Nam.

Chúng tôi quay xe lại chạy về phía cửa sông đổ ra biển. Trong 30 phút tiếp theo, dọc đường chỉ có ruộng đồng khô hạn. Chúng tôi đã thảo luận về tình trạng khó khăn của nông dân bị hạn hán không nhận được trợ giúp thiết thực vì chính quyền Việt Nam có rất ít nguồn lực dự trữ để hỗ trợ người dân trong những lúc thế này. “Làm sao các anh nhận được sự giúp đỡ của quốc tế để cứu trợ hạn hán?”, Terry hỏi, dù biết không có câu trả lời. “Các đợt hạn tăng từ từ. Chúng không giống các trận bão hay lũ lụt bất ngờ, ảnh chụp bão lụt có thể thu hút sự chú ý của quốc tế và mang lại lượng lớn viện trợ

nhân đạo”. Cô chỉ ra điểm quan trọng là hạn hán năm 2016 ở vùng châu thổ Mekong không được quốc tế chú ý, bất chấp thực tế nó ảnh hưởng đến hầu hết 18 triệu dân vùng đồng bằng này.



Bản đồ sử dụng đất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Khi chúng tôi đến gần cửa sông Hậu, cách thức sử dụng đất thay đổi hẳn. Không còn những vườn cây ăn quả và đồng ruộng cần cỗi, chúng tôi đi qua những trại nuôi tôm để nhận biết vì ao nuôi khá nông. Đây là đoạn cuối hạ nguồn của vùng đồng bằng, nơi giao nhau của xâm nhập mặn ven bờ và nước sông tạo ra các điều kiện nước lợ hoàn hảo cho việc nuôi tôm. Trong thập niên qua, các công ty nông nghiệp và các nông dân nhỏ lẻ đã chuyển đổi phần lớn khu vực ven biển vùng đồng bằng này thành các trại nuôi tôm. Cũng như gạo, tôm của vùng châu thổ này xuất khẩu ra khắp thế giới. Nhưng không giống như gạo, một số loại tôm ở đồng bằng này đã vào được các thị trường cao cấp ở châu Âu và Hoa Kỳ. Sản phẩm có giá trị cao này mang lại mức thu nhập cao hơn so với trồng lúa, mỗi năm thu về 5 tỷ đô-la cho vùng đồng bằng. Tuy nhiên, hôm đó phần lớn ao nuôi tôm chúng tôi ngang qua đều khô cạn. Trí cho biết, “Do hạn hán, không đủ nước ngọt xung quanh để hòa với nước ven biển tạo ra nước lợ phù hợp. Các nông dân

ở đây chắc phải chờ vài tháng nữa đến khi mùa mưa bắt đầu để chứa nước vào ao và hoạt động trở lại.”

Con đường chạy dài rẽ sang phía tây nam, và chúng tôi bắt đầu đi dọc theo bờ biển của vùng đồng bằng cách xa con sông. Đây là nơi xa nhất tôi từng đi ở Cần Thơ trong những năm tôi thăm thú vùng châu thổ này, và quang cảnh hạn hán nặng nề xung quanh đã biến khu vườn địa đàng tươi tốt thành một nơi hoang tàn. Cảnh quan phía trước lại thay đổi lần nữa. Những luống rau thẳng tắp nằm dọc bên đường. Chúng tôi thấy những thửa rau diếp, bắp cải và dưa chuột đang lớn, và nông dân đang tập trung chăm sóc cây trồng của họ - ngay giữa đợt hạn hán tồi tệ nhất thế kỷ. Chúng tôi chạy xe theo một đường nhỏ đến nhà của một nông dân đứng trên cánh đồng cạnh nhà với hai người con còn trẻ. Cả ba cùng nắm một vòi tưới và bước đều tới trước tưới những luống rau. Để trao đổi với người nông dân kia, chúng tôi phải nói to vì tiếng nổ ầm ỹ của chiếc máy phát đặt trong nhà kho gần đó.

“Anh đang trồng gì thế?”, tôi hỏi.

“Củ cải trắng”, anh nông dân trả lời. “Tôi trồng nó cách đây một tháng rồi.”

“Đợt hạn này cũng đã một tháng”, Terry nói với anh nông dân. “Và anh vẫn trông dù biết sẽ gặp khó khăn?”

“Đúng thế”, anh nông dân tên Đức, nói, “Tôi không lo thiếu nước ngọt vì tôi có rất nhiều ở đây trong vườn của mình”. Terry và tôi nhìn quanh khu vườn, không thấy kênh nước nào. Đằng sau nhà Đức là chiếc thuyền nhỏ và cái ao cạn nước. Đức đưa vòi tưới cho con anh và dẫn chúng tôi tới nhà kho đặt máy phát. Ở đó anh tiết lộ bí mật của mình. “Sử dụng động cơ của chiếc

thuyền, tôi nối một máy bơm tưới tiêu với giếng của tôi. Như thế tôi có thể sử dụng nước ngầm để tưới hoa màu. Hạn hán chẳng ảnh hưởng đến tôi”. Hàng triệu nông dân khác ở vùng đồng bằng đứng trước thiệt hại kinh tế nặng nề trong đợt hạn mùa xuân 2016, nhưng Đức đã tìm ra cách để anh và gia đình tạm thời vượt qua khó khăn.

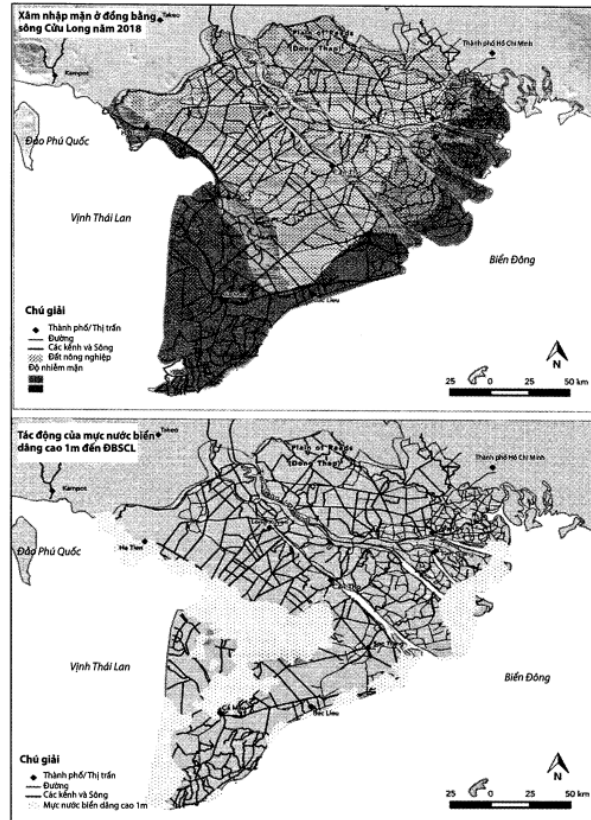
Sau khi rời nhà Đức, chúng tôi thấy hầu hết nông dân ở vành đai ven biển này cũng sử dụng nước ngầm để tưới hoa màu của họ. Trí cho biết giải pháp ngắn hạn này sẽ khiến đồng bằng này phải trả giá đắt trong dài hạn. “Khai thác nước ngầm quá mức khiến vùng châu thổ này sụt lún ở mức báo động. Nhu cầu tưới tiêu đã tăng hơn gấp đôi trong mười năm qua, và điều đó làm tăng áp lực lên các nguồn nước có sẵn”, anh nói. “Hầu hết nông dân đều quan tâm sinh kế của bản thân họ trước hết. Họ quan tâm đến loại cây trồng nào bán được và tính toán loại cây trồng nào sẽ có giá tốt hơn trong năm tới hay trong 3 tháng tới. Họ không nghĩ gì về 10 năm tới môi trường sẽ như thế nào, đó không phải là chuyện của họ.”

Do xâm nhập mặn ăn sâu hơn vào vùng châu thổ và tần suất hạn hán ngày càng tăng, nông dân vùng này đang lấy nước từ các tầng ngậm nước dưới đất. Các tầng nước ngầm giúp làm tăng khả năng nổi của vùng đất bên trên chúng, và khi nước đó bị lấy đi, trọng lực khiến đất sụt xuống. Vùng đồng bằng này hiện đang lún với tốc độ hơn 1cm một năm. Một số khu vực có mức khai thác nước ngầm cao nhất đang lún với tốc độ mỗi năm 2,5cm^[151]. Các chỏm băng và sông băng tan chảy đang khiến nước biển xung quanh vùng châu thổ cao lên mỗi năm khoảng 3mm, nhưng tốc độ sụt lún đất hiện gấp 3 đến 8 lần mức tăng mực nước biển.

Việt Nam chuyển sang nền kinh tế dựa trên thị trường vào năm 1986 với chính sách Đổi Mới. Do đó, thâm canh nông nghiệp, đô thị hóa, và công

nghiệp hóa đã tăng áp lực lên tài nguyên nước ngầm của vùng đồng bằng. Các nghiên cứu cho thấy vào đầu những năm 1990, các tầng ngầm nước của vùng này ở trong trạng thái không bị xáo trộn^[152]. Nhưng đến năm 1995, tốc độ khai thác nước ngầm cao đến nỗi nó đã vượt quá khả năng tự động nạp lại nước của tầng ngầm nước. *Mỗi ngày* 2,5 triệu mét khối nước hiện đang được rút khỏi tầng ngầm nước của vùng châu thổ^[153]. Sau 25 năm, vùng châu thổ này đã lún trung bình 18cm. Một số điểm nghiêm trọng ở tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu đã lún hơn 30cm. Thành phố Hồ Chí Minh tuy tương đối gần nhưng không thuộc đồng bằng sông Cửu Long cũng đã lún hơn một mét, nhưng hiện đang ổn định do chính quyền tăng cường công tác quản lý và xử lý nước của dòng chảy mặt để sử dụng công cộng.

Trong nhiều thiên niên kỷ qua, vùng châu thổ đã mở rộng với tốc độ mỗi năm 16km² hay khoảng 3.000 sân bóng đá. Bây giờ mỗi năm nó đang mất 430 sân bóng đá. Khi đồng bằng này sụt lún vì khai thác nước ngầm, đương nhiên nhiều nước biển sẽ xâm nhập sâu hơn vào nội địa. Điều đó, đến lượt nó, sẽ làm tăng nhu cầu khai thác nước ngầm. Vòng quay đó sẽ tiếp tục không nghỉ cho đến khi người dân buộc phải rời bỏ đất đai của họ, hay các chính quyền tỉnh thực hiện các biện pháp hạn chế việc bơm nước hay nông dân có thể tiếp cận được nước ngọt. Vùng đồng bằng này có 13 tỉnh và để kiểm soát hiệu quả công tác quản lý nước vùng đồng bằng cần có sự phối hợp chặt chẽ trong một đất nước vốn có thành tích phối hợp cực kỳ kém cỏi.



Sơ đồ tác động xâm nhập mặn và mực nước biển đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày nay, đồng bằng sông Cửu Long nằm trong 3 vùng đồng bằng sông dễ bị tổn thương nhất trên thế giới. Các tác động kết hợp của sụt lún đất và biến đổi khí hậu đe dọa hủy hoại nền sản xuất nông nghiệp mạnh mẽ của vùng đồng bằng và hàng thế kỷ thực hiện các chính sách kỹ thuật và tái định cư đã đưa gần 20 triệu người đến đây tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn của Việt Nam. Nông dân ở đồng bằng thường bàn về các hiện tượng biến đổi khí hậu, nói về mùa mưa ngắn ngủi và mùa khô dài hơn khiến nhiệt độ cao hơn. Đến năm 2050, nhiệt độ ở vùng đồng bằng ước tính tăng từ 0,8 đến 1,4°C. Một số nơi ở vùng này ước tính sẽ tăng 4 độ và một số chuyên gia dự đoán có tới gần nửa năm trên 35°C^[154]. Mùa khô kéo dài hơn cũng làm tăng nhu cầu khai thác nước ngầm, nhất là ở các khu vực gần biển, nơi vùng nước xung quanh bị mất phần lớn lượng nước ngọt.

Độ cao so với mặt biển trung bình của vùng đồng bằng này khoảng 1,5 mét, nhưng mặt cắt đứng độ cao địa hình của nó từ Campuchia ra biển không giảm dần. Các tỉnh gần thượng nguồn hơn của vùng đồng bằng như An Giang, Đồng Tháp và Long An đều nằm dưới mực nước biển. Trong mùa mưa ở sông Mekong, những khu vực này ngập lụt và đóng vai trò hồ chứa tự nhiên trữ nước cho mùa khô. Ở vùng Đồng Tháp Mười, phần lớn thuộc tỉnh Đồng Tháp và Long An, những đám sậy cao và các giống lúa trời hoang dã mọc cao từ 3 mét trở lên ở trên mực nước lũ trong mùa mưa. Chiều cao của chúng cho thấy độ sâu của những vùng nội địa sụt lún rộng lớn này. Trong suốt lịch sử, khu đầm lầy này là một kiểu “Zomia sông nước” nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền, là nơi ẩn náu của hải tặc, giáo phái khác thường, và các nhóm chống đối né tránh sự bành trướng của các thế lực nhà nước và thực dân xung quanh^[155]. Chẳng hạn, vào năm 1962, quân đội Việt Nam Cộng hòa cùng các cố vấn quân sự Hoa Kỳ đã chịu thất bại lớn đầu tiên ở Đồng Tháp Mười. Đi xuống hạ nguồn, các tỉnh ở giữa vùng đồng bằng này cao hơn và vườn tược của họ có đất thuộc loại tốt nhất để canh tác. Các tỉnh ven biển thấp hơn bị ảnh hưởng lớn nhất bởi xâm nhập mặn và hạn hán.

Nếu hoạt động chống biến đổi khí hậu ở cấp độ toàn cầu không thể làm chậm tốc độ dâng cao mực nước biển và chính sách địa phương không thể chấm dứt khai thác nước ngầm, phần lớn vùng đồng bằng này sẽ chìm dưới nước vào cuối thế kỷ. Các chuyên gia về biến đổi khí hậu dự đoán mực nước biển cao thêm 30cm vào năm 2050, chưa tính đến tác động của việc sụt lún đất. Với tốc độ dâng cao mực nước biển đó, vốn có thể xảy ra sớm trước năm 2050 nếu tính thêm tác động của việc khai thác nước ngầm, Ngân hàng Phát triển Châu Á tin rằng các tác động này vẫn vừa phải và có thể kiểm soát được. Một số tuyến đường trung thấp sẽ cần được nâng lên, và người nông dân có đất bị ngập hay bị xâm nhập mặn quá mức sẽ phải

chuyển sang ngành nghề khác. Khi mực nước biển cao thêm 50cm, mọi thứ bắt đầu khó khăn. Các thành phố, thị trấn và các khu công nghiệp cần phải được nâng lên hay bao kín bằng đê điều. Hiện nay, để chống lại biển xâm lấn, chính quyền Việt Nam có kế hoạch xây thêm 450km đê biển, 1.290km đê sông, và thêm 7.000km bờ kè thêm vào 7.000km bờ kè đã được gia cố dọc theo các con sông và kênh đào^[156]. Chi phí bảo trì những con đê sẽ tăng lên khi nhịp thủy triều và áp lực nước lũ mạnh hơn tác động lên và phá hủy phần móng của chúng. Khi mực nước biển cao thêm 50cm, việc mất đất do ngập nước và xói mòn sẽ hủy hoại nền kinh tế của vùng châu thổ, làm giảm mạnh sản lượng gạo, tôm, cua và trái cây hằng năm. Phần lớn thu hoạch mùa khô sẽ bị thiệt hại do xâm nhập mặn. Ngân hàng Phát triển Châu Á dự đoán sản lượng kinh tế sẽ giảm 20%^[157]. Ngoài ra, điều này rất khó nói - một số cho rằng mực nước biển sẽ cao thêm 1 mét vào cuối thế kỷ, và nếu điều đó xảy ra, vùng châu thổ này sẽ mất khoảng một nửa diện tích đất đai.

Kỷ Quang Vinh là chánh văn phòng công tác biến đổi khí hậu Cần Thơ vừa nghỉ hưu. Ông đã theo dõi những tác động của biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long trong 15 năm qua. Vinh trước tiên quan sát thấy nhiệt độ tăng dần khi nhìn vào các biểu đồ khí tượng của vùng châu thổ và cảnh báo các quan chức địa phương về tính cấp thiết của việc nhận thức được sự thay đổi khí hậu sẽ tác động thế nào đến vùng này. Năm 2007, ông đã kêu gọi Quỹ Rockefeller tài trợ thành lập văn phòng điều phối biến đổi khí hậu đầu tiên của nước này. “Lúc đầu, Chính phủ Việt Nam không nghĩ rằng quan sát của tôi đưa ra vấn đề gì lớn. Các quan chức cho biết chẳng có việc gì cấp bách cả. Họ cứ nghĩ đó chỉ là một cách để lấy được hỗ trợ của các chính phủ và các tổ chức nước ngoài”, ông nói. “Sau đó vào năm 2010, chúng tôi bị đợt hạn hán chưa từng có trong 80 năm, và những trận lũ kỷ lục theo sau. Tôi tiếp tục thu thập số liệu thống kê nhiệt độ. Năm 2014,

chúng tôi ghi nhận năm nóng nhất của trái đất trong lịch sử. Và sau đó vào 2015 và 2016, chúng tôi bị đợt hạn hán chưa từng có trong 100 năm. Bây giờ, các quan chức nhận thức rất rõ rằng những tác động đó là có thật, nhưng phản ứng của chúng ta có thể quá ít, quá muộn”. Các nhà khoa học dự đoán các đợt hạn hán và lũ lụt lớn trước đây 100 năm mới có một lần thì hiện nay cứ sau 15 đến 40 năm sẽ xuất hiện; các biến cố 20 năm mới có một lần nay chỉ sau 5 đến 10 năm sẽ xảy ra^[158]. Hiệu ứng tích lũy của các sự kiện thời tiết cực đoan đột ngột này có thể gây ra tác động lớn hơn so với sự tấn công từ từ của mực nước biển.

Thỏa thuận chung Paris được 196 quốc gia ký kết năm 2015 nhằm mục tiêu giữ nhiệt độ toàn cầu tăng dưới 2°C so với các mức trước thời đại công nghiệp. Việt Nam là một quốc gia tham gia ký kết. Ông Vinh tin rằng nếu tăng 2°C, phần lớn đồng bằng sông Cửu Long chắc sẽ biến mất. “Ngay cả khi chúng ta giữ mức tăng nhiệt độ chỉ 1,5°C, mục tiêu tham vọng nhất của Thỏa thuận chung Paris, tôi nghĩ chúng ta sẽ có hai kịch bản diễn ra ở vùng đồng bằng này. Thứ nhất, nếu chúng ta không làm gì khác với cách chúng ta hiện đang quản lý vùng đồng bằng này, nó sẽ bị chia tách thành các đảo vì sụt lún đất, tác động của các cơn bão thủy điện thượng nguồn, và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Nhưng nếu chúng ta thay đổi cách giải quyết và áp dụng hệ thống quản lý nước thông minh, đồng bằng sông Cửu Long sẽ tiếp tục tồn tại”. Tôi nhận ra có chút do dự trong giọng nói của Vinh. “Nhưng sẽ khó thực hiện việc chuyển đổi đó. Cách tiếp cận hiện tại nhằm bảo vệ sản lượng nông nghiệp, vì thế điều đó có nghĩa là ngăn nước lũ tràn vào vùng này và ngăn xâm nhập mặn khi bị hạn. Điều chúng ta nên làm là tìm cách trữ nước trong mùa mưa để dùng vào mùa khô”, ông Vinh nói. Ông đề cập đến chuyện các khu vực phía thượng nguồn thấp dưới mực nước biển ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Long An hiện có đê vây kín ngăn nước lũ, để mỗi năm nông dân có thể trồng ba vụ lúa. Phần lớn khả năng lưu trữ tự

nhiên của vùng Đồng Tháp Mười đã không còn. “Đó là một vấn nạn lớn của chúng tôi. Khi mùa mưa đến, thay vì tự động trữ nước ở thượng nguồn, nước ào ạt chảy xuống biển mạnh hơn bao giờ hết. Hiện nay chúng tôi mất ngay quá nhiều nước ngọt. Thật quá lãng phí.”

Hiện nay, mùa thu nào một phần khu trung tâm thành phố Cần Thơ cũng bị ngập lụt khi thủy triều dâng cao trong ngày. Khi các cơn lũ mùa mưa, với tốc độ và chiều cao tăng lên do có quá nhiều đê ở thượng nguồn, gặp nhịp thủy triều cao tại Cần Thơ ở giữa vùng đồng bằng, một phần của thành phố này hằng ngày bị ngập 4 đến 5 giờ. Các khu trũng thấp của thành phố, nơi những người nghèo nhất cư ngụ, là những nơi bị các trận ngập hằng ngày này ảnh hưởng nhiều nhất. Tháng 10 năm 2015, tôi đi bộ qua một khu như thế phía sau Đại học Cần Thơ cùng với một đồng nghiệp của Vinh, và thấy một số cư dân giàu có đã xây dựng các tường bao xung quanh nhà họ hay nâng nền để không bị ngập. Việc đó chỉ đẩy thêm nước vào các nhà xung quanh không có khả năng thực hiện các giải pháp ngăn ngừa như vậy. Tình hình càng tồi tệ hơn khi một quốc lộ được xây mà không có cống thoát nước lớn ở rìa phía bắc của khu vực này. Điều đó khiến các trận ngập hằng ngày, ở vài nơi sâu hơn 1 mét, rút chậm hơn. Ở thành phố Cần Thơ, càng nghèo càng phải gánh chịu nhiều hơn.

Khi tôi kết thúc cuộc trò chuyện với Vinh, ông lưu ý cách tiếp cận hiện nay nhằm đối phó với các tác động của biến đổi khí hậu dựa quá nhiều vào các dự án xây dựng và kỹ thuật. “Chiến lược hiện nay không hiệu quả để xử lý các khủng hoảng như lũ lụt và hạn hán. Chúng tôi thực sự thiếu tầm nhìn toàn diện để giúp các cộng đồng đối phó tốt hơn với biến đổi khí hậu và vì thế dẫn đến các vấn đề như khai thác nước ngầm quá mức.”

Các sử gia và những người vẽ bản đồ Trung Hoa trước đây đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỷ thứ 3 gọi đây là Vương quốc Phù Nam. Không biết được chính xác dân Phù Nam thuộc nhóm sắc tộc nào, nhưng hầu hết bằng chứng đều chỉ ra họ có liên quan với người Khmer hiện đại. Ngày nay sắc tộc Khmer chiếm khoảng một phần mười dân số vùng đồng bằng này. Trong nhiều thế kỷ, nhiều người Trung Hoa lũ lượt trốn khỏi các vương triều Trung Hoa sụp đổ, thiết lập các vùng cát cứ khắp bờ biển Đông Nam Á. Vào thế kỷ 18, những di dân Trung Hoa này được triều đình nhà Nguyễn của Việt Nam đóng ở Huế cho phép thành lập và cai quản các thành bang ở vùng đồng bằng này như Mỹ Tho và Sài Gòn^[159]. Lúc này, đồng bằng này được xem là một vùng biên giới hoang dã chưa được thuần hóa của Việt Nam đang mở rộng. Các đầm lầy, khu ven biển và một số khu vực miền núi ở vùng này là nơi ẩn náu của bọn cướp biển và các băng cướp hung hân. Việc dẹp bỏ những kẻ “ngang ngược” này là một thách thức chung của bất kỳ nhà nước nắm quyền nào, dù là Việt Nam, Pháp hay Mỹ, để “khai hóa” vùng châu thổ này.

Năm 1859, người Pháp xâm chiếm Sài Gòn và thành lập thuộc địa Nam Kỳ để làm trung tâm hành chính hết sức quan trọng cho sứ mệnh có vẻ ngoài là khai hóa Đông Dương. Thực ra, người Pháp chọn Sài Gòn do nó gần cửa sông Mekong, họ tin rằng sông Mekong sẽ là cửa sau để xâm nhập thị trường và tài nguyên của Trung Quốc. Ngay từ đầu người Pháp đã bị sa lầy do địa hình ẩm ướt và sự kháng cự của quân đội Việt Nam đến nỗi ngoài Sài Gòn, họ không mở rộng thêm được địa bàn nào trong nhiều năm. Người Pháp dần dần mở rộng *mission civilisatrice* (sứ mệnh khai hóa) của mình vào khu vực đồng bằng này với việc trồng các loại cây như cao su, bông và lúa để cung cấp cho các thuộc địa Đông Dương đang phát triển mạnh. Trước tiên, người Pháp phải phát quang đất đai ở đồng bằng này và dẹp yên hay thuyết phục lôi kéo những người chống đối tại địa phương. Nhưng

trong những thập niên đầu người Pháp chiếm đóng, trên hầu hết vùng này chẳng trồng trọt được địa bàn nào do đó rất khó khăn cho việc định cư. Đất quanh bờ biển vùng châu thổ quá mặn không canh tác được, và các khu vực đất liền ở bờ biển phía tây nhiều rừng sâu và đầm lầy không thể đi qua. Địa hình ở đây rất khó khăn, bán đảo Cà Mau ở góc phía tây nam vùng châu thổ này có tên như vậy vì trong tiếng Khmer tên đó có nghĩa là “nước đen” do khắp khu vực này nước đầy than bùn^[160].

Vì nhiều nơi ở vùng châu thổ này không thể chuyển thành các khu vực phù hợp với các chương trình canh tác và tái định cư của người Pháp, quân kháng chiến địa phương của người Việt rút khỏi các kênh đào và khu định cư do Pháp xây dựng ra sống dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú của đồng bằng. Tại đây, họ canh tác đất theo lối truyền thống, lấy rừng và đầm lầy làm nơi săn bắn và hái lượm thực phẩm và các sản vật có giá trị khác của rừng. Những nỗ lực này, kết hợp với nỗ lực của người Khmer và Trung Hoa đã sống ở đó hàng thế kỷ và thiên niên kỷ trước người Việt, đã tạo ra các kỹ thuật canh tác 500 giống lúa khác nhau. Quân kháng chiến Việt Nam sử dụng các khu vực không thể xâm nhập này phát động các cuộc phản công và chống lại quân Pháp xâm lược. Kiểu đánh này vẫn hiệu quả sau khi Pháp thất bại tại Việt Nam vào năm 1954 và tiếp tục được sử dụng trong cuộc chiến chống Mỹ. Lịch sử văn hóa phong phú của vùng châu thổ này có những bài ca và chuyện kể về quân nổi dậy, cướp biển, và các lãnh tụ tôn giáo đã đánh đuổi quân xâm lược nước ngoài.

Các bản đồ đầu tiên của Pháp về vùng đồng bằng vẽ ra một hệ thống kênh, đường thủy và đường dây điện báo nối các trung tâm hành chính ở vùng đồng bằng với Sài Gòn nhằm mục đích kiểm soát và bình định dân cư địa phương^[161]. Người Pháp tìm cách xây kênh rạch cho tàu pháo hạm tuần tra ven sông và cũng để tiến hành các hoạt động thương mại với các thương

nhân Trung Hoa làm trung gian trong mạng lưới nông nghiệp đang mở rộng của vùng đồng bằng. Vào đầu thế kỷ, người Pháp, đang dẫn đầu toàn cầu về kỹ thuật, khoa học và kiến trúc, đã xem thuộc địa của họ ở miền Nam Việt Nam là khu vực hoàn hảo để kết hợp những tiến bộ công nghệ với sứ mệnh khai hóa. Vùng đồng bằng là nơi hoang sơ để xây dựng các nông trường lớn, trường học, bệnh viện và các công trình công cộng khác. Các kỹ sư Pháp cần chuyển đất xây đê, đập thủy lợi ngăn lũ và đưa nước phục vụ nông nghiệp. Nơi nào thuê hay đào tạo lao động địa phương quá tốn kém, những chiếc tàu nạo vét chạy bằng hơi nước nhập về sẽ đào các kênh mới, nạo vét và mở rộng các kênh cũ. Dầm thép do các xưởng của công ty Gustav Eiffel ở Pháp sản xuất được dùng để xây rất nhiều cầu và một tuyến đường sắt mới từ Sài Gòn đi Mỹ Tho^[162]. Những công trình này giúp xe cộ chạy qua các đầm lầy và tăng mạnh tốc độ xâm nhập thương mại và thuộc địa vào vùng đồng bằng. Khi các cây cầu không thể bắc qua các kênh lớn của sông Mekong, các tàu thủy chạy bằng hơi nước nhập khẩu có thể giải quyết việc đó. Vùng đồng bằng hoang vu một thời được khai thác dưới ách nô dịch của các kỹ sư Pháp.

Việc du nhập công nghệ hiện đại và các kỹ thuật quản lý sử dụng đất và nước đã tạo điều kiện cho các dòng dân cư người Việt và người châu Âu mới đến vùng đồng bằng. Đầu thế kỷ, hầu hết các khu định cư trên khắp đồng bằng đã bị chiếm giữ bởi các quan chức thuộc địa và Binh đoàn Lê dương Pháp tuyển mộ binh lính từ các thuộc địa của Pháp khắp toàn cầu. Các nhóm du khách từ châu Âu đến hằng ngày. Lối canh tác nông nghiệp hiện thời của Việt Nam ở vùng đồng bằng hình thành khi người Pháp đưa máy bơm tưới và cửa cống để kiểm soát lưu lượng nước vào đầu những năm 1900. Điều đó đã khai mở thêm đất đai cho định cư nông nghiệp và tạo điều kiện cho hàng trăm ngàn và sau đó hàng triệu người trong thế kỷ 20 từ miền Trung và miền Bắc Việt Nam đến làm việc ở các đồn điền nông

nghiệp. Thuế bán nông sản và tiền thu được từ đánh thuế tiêu thụ thuốc phiện được chi cho việc thực hiện các công trình công cộng này.

Các máy móc mới và khả năng của chúng mạnh đến nỗi chúng đã loại chính trị ra khỏi quá trình này^[163]. Không ai có thể cưỡng lại, không ai có thể bác bỏ đây không phải là làn sóng của tương lai. Cũng không ai có thể thấy trước những vấn đề ngắn hạn và dài hạn mà việc ứng dụng công nghệ nước ngoài vào một cảnh quan sinh thái năng động như thế sẽ mang lại. Để đảm bảo sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng này phát triển, chính quyền Pháp đã duy trì nạo vét 19 giờ một ngày và bơm một lượng tài chính không kể xiết để duy trì vùng đồng bằng. Nhưng máy móc liên tục bị hỏng và cần sửa chữa bằng các phụ tùng nhập từ châu Âu. Nhiều người ngồi không hằng tháng trời chờ sửa máy. Nước và thiên nhiên bị người Pháp xem là mối đe dọa cần phải thuần hóa và kiểm soát. Các kỹ sư thuộc địa muốn loại bỏ nước triều xuống và nước triều lên ở vùng đồng bằng - tác động của lũ và thủy triều - và tạo ra các tuyến đường thủy yên tĩnh bởi vì thiên nhiên đe dọa đầu tư của Pháp vào các công trình công cộng^[164].

Do người Pháp không thể duy trì việc nạo vét và thiếu am hiểu các lực lượng sinh thái ở vùng đồng bằng, các kênh đào mới thường đầy bùn ngay sau khi hoàn thành. Đôi khi lũ lụt phá hủy các khu vực ở một bên kênh vì bờ đê của kênh chặn dòng chảy tự nhiên của nước lũ. Nhiều nguồn lực liên tục được ném vào để duy trì kênh rạch và các tuyến đường thủy. Trong cuốn sách tuyệt vời về lịch sử môi trường của đồng bằng sông Cửu Long, *Đầm lầy* (Quagmire), David Biggs^[165], học giả ở Đại học California, Riverside, đã mô tả chu kỳ đầu tư và bảo dưỡng triền miên này là “vấn đề của Penelope”, vợ của Odysseus trong tác phẩm *Odyssey* của Homer chung thủy chờ chồng trở về và đuổi những người kẻ cầu hôn bằng cách đêm đêm lại gỡ chiếc áo choàng ra rồi hôm sau dệt lại^[166]. Các kỹ sư người Pháp,

cũng giống như Penelope, đã thu được lợi lớn từ việc giữ cho vòng quay xây dựng và hủy hoại kéo dài mãi mãi.

Đến năm 1929, người Pháp đã khai khẩn 2,4 triệu héc-ta đất canh tác, khoảng hai phần ba diện tích đất trồng trọt ở vùng đồng bằng ngày nay. Họ còn tạo ra 1.500km đường thủy cho tàu bè đi lại và 3.500km kênh phụ^[167]. Lúc đó, hầu hết các khu rừng nguyên sinh của vùng đồng bằng đã không còn và cùng với chúng cũng biến mất rất nhiều loài động vật - cá mập, cá sấu, voi và các động vật lớn khác - từng được thấy khắp vùng châu thổ này. Khi cuộc Đại Khủng Hoảng xảy ra, nhu cầu xuất khẩu gạo toàn cầu không còn nữa, và phần lớn đồng bằng này bị bỏ hoang. Không có ai quản lý hệ thống cửa cống và kênh đào phức tạp, mùa mưa gây ra những trận lũ lụt khó lường vì nước tràn khắp các khu vực của vùng đồng bằng trước đó chưa bao giờ có kênh rạch chạy đến. Năng suất nông nghiệp giảm và sự sụp đổ hoàn toàn của vùng đồng bằng trong Thế chiến II đã góp phần gây ra nạn đói ở miền Bắc Việt Nam. Ước tính khoảng 2 triệu người đã chết^[168]. Suốt thời gian đó, vùng đồng bằng là nơi ẩn náu của những người Việt Nam kháng chiến chống lại người Pháp ở miền Nam bằng các cuộc đột kích và chiến thuật du kích được Hồ Chí Minh và quân đội của ông ở phía Bắc ủng hộ.

Năm 1954, quân đội Pháp bại trận Điện Biên Phủ ở vùng Tây Bắc Việt Nam trước quân đội của Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh. Một hiệp định hòa bình được ký kết tại Hội nghị Genève 1954 chia nước này thành hai, nửa phía Bắc được lãnh đạo bởi Hồ Chí Minh vốn đã nổi tiếng khắp nước và nửa phía Nam do một chính quyền miền Nam mới được người Mỹ và Pháp hậu thuẫn điều hành. Hiệp định này hứa hẹn các cuộc bầu cử toàn quốc sẽ dẫn đến thống nhất đất nước vào năm 1956. Các cố vấn Mỹ âm mưu làm cho các cuộc bầu cử toàn quốc sẽ không bao giờ xảy ra vì tổng

thống mới của Việt Nam Cộng hòa, Ngô Đình Diệm, chắc chắn sẽ thua Hồ Chí Minh. Vài năm trước, Mỹ bắt đầu chi tiền cho cuộc chiến tranh của người Pháp tại Việt Nam mỗi năm hơn 70 triệu đô-la. Chính quyền Truman và sau đó là chính quyền Eisenhower đã xem Việt Nam là quân bài domino quan trọng trong sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản toàn cầu. Chính quyền Hoa Kỳ bắt đầu dành nhiều nguồn lực hơn hỗ trợ các chính phủ chống Cộng ở Việt Nam và khu vực sông Mekong nói chung.

Các kỹ sư Mỹ và một số kỹ sư Pháp còn ở lại lập tức giành lại quyền quản lý đất và nước ở vùng đồng bằng. Hàng triệu người Việt Nam, nhiều người theo Công giáo, từ đồng bằng sông Hồng gần Hà Nội được tái định cư ở đồng bằng này sau cuộc chia cắt giữa miền Bắc và miền Nam năm 1954. Để củng cố thành công của nhà nước Việt Nam mới được thành lập ở miền Nam, đồng bằng sông Cửu Long một lần nữa được ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp. Lần này ký ức lịch sử mới mẻ về các trận lũ và nạn đói từ cuộc Đại Khủng Hoảng đến Thế chiến II đã khiến các kỹ sư Mỹ hướng lên thượng nguồn hình dung một thiết kế to lớn nhằm kiểm chế lũ lụt và giảm hạn hán bằng cách xây các đập lớn ở Lào và Campuchia. Có thể cho rằng tầm nhìn vào giữa thế kỷ 20 đó, được nêu chi tiết trong Chương 7, đã đặt toàn bộ lưu vực này vào con đường hủy diệt sinh thái nó đang đối mặt hiện nay.

Cuộc chiến của Mỹ ở Việt Nam kéo dài từ 1955 đến 1975 và trong thời gian đó, mô hình kênh rạch, tái định cư và bình định của Pháp được thực hiện mạnh mẽ ở vùng đồng bằng. Để đánh bật Việt Cộng ra khỏi rừng rậm và đầm lầy, Hoa Kỳ đưa trang thiết bị kỹ thuật thủy lợi để mở rộng và xây thêm nhiều kênh đào. Người Mỹ cũng sử dụng các chất làm rụng lá độc hại như dioxin, thường gọi là chất độc da cam ở vùng này, làm rụng lá cây và gây nhiễm độc đất trồng, để không ai có thể ẩn nấp. Di sản từ chiến lược

làm suy yếu đối phương này vẫn gây dị tật thai nhi ở một phần dân cư của vùng đồng bằng và trên khắp Việt Nam ngày nay. Một số trận chiến khốc liệt nhất của cuộc chiến đã diễn ra ở đồng bằng này và phần lớn đất đai người Mỹ giành được vào ban ngày sẽ bị chiếm lại khi đêm xuống bởi Việt Cộng vốn được người dân vùng đồng bằng ủng hộ và di chuyển mau lẹ trên các tuyến đường thủy ở đây.

Ở những nơi trong vùng đồng bằng người Mỹ đã bình định, họ đưa vào những thành tựu của Cách mạng Xanh. Việc này đã khiến nông dân và các nhà hoạch định của đồng bằng từ bỏ các tập quán nông nghiệp truyền thống, chuyển sang sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, máy kéo và các phương pháp canh tác công nghiệp nhằm đạt được năng suất ngày càng cao^[169]. Nhân viên bán hàng người Mỹ đưa động cơ thuyền cao tốc Kohler sang và người dân địa phương đã chuyển đổi thành máy bơm cấp nước cho đồng ruộng trong mùa khô. Đến năm 1974, một nghiên cứu của Hà Lan ước tính có 1 triệu máy bơm hoạt động tác động lên hướng chảy và lưu lượng nước ở vùng đồng bằng^[170]. Dù trong hoàn cảnh chiến tranh, vào giữa những năm 1970, đồng bằng này là nơi dẫn đầu sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Á.

Cuộc chiến tranh chống Mỹ kết thúc năm 1975 khi quân đội Bắc Việt tiến vào Sài Gòn. Việt Nam cuối cùng đã thống nhất và độc lập sau hơn một thế kỷ bị nước ngoài chiếm đóng. Tại Mỹ, cựu chiến binh và gia đình họ tiếp tục thương tiếc 58.000 binh sĩ thiệt mạng trong cuộc chiến thất bại hằn sâu đến nỗi và kêu gọi của các tổng thống Mỹ và giới hoạch định chính sách quốc phòng. Nhưng ở Việt Nam, cuộc chiến gây tổn thất lớn hơn nhiều, hơn 3,5 triệu binh lính và thường dân Việt Nam ở cả phe miền Bắc và phe miền Nam đã chết^[171]. Cuộc chiến đã làm nền kinh tế nước này tụt hậu gần nửa thế kỷ. Di sản chiến tranh và ký ức nạn đói đã gây ra những nỗi

bất an sâu sắc trong giới lãnh đạo Việt Nam. Sau chiến tranh, để giúp thống nhất trên cả nước, các nhà hoạch định Việt Nam từ bỏ sản xuất nông nghiệp dựa trên thị trường của miền Nam Việt Nam trước đây và đưa các phương thức sản xuất nông nghiệp tập trung cao độ từ đồng bằng sông Hồng phía bắc vào đồng bằng sông Cửu Long phía nam. Tương tự các thử nghiệm kinh tế kế hoạch hóa trong nông nghiệp trên thế giới, các nỗ lực của Việt Nam không mang lại được kết quả cao trong thập niên sau đó. Năm 1988, chưa đầy hai năm sau khi chính quyền thực hiện chuyển đổi dựa trên thị trường, hơn 3 triệu người Việt Nam một lần nữa lại bên bờ vực nạn đói.

Nguyễn Hữu Thiện, nhà sinh học bảo tồn và chuyên gia phát triển bền vững, cho rằng số phận của đồng bằng này gắn liền với các di sản của Chiến tranh Hoa Kỳ và chính sách của Hà Nội sau này, xem vùng đồng bằng là khu vực ưu tiên thực hiện an ninh lương thực. “Từ lâu lắm rồi đồng bằng này được cho là chịu trách nhiệm cung cấp lương thực. Đầu những năm 1990, chính quyền ban hành ‘Chính sách ưu tiên lúa’, kế hoạch dành 1,8 triệu héc-ta đất cho sản xuất lúa gạo”. Thiện, sinh năm 1968, nhớ đồng bằng này là nơi có hệ sinh thái hoạt động mạnh. Chiến tranh ít ảnh hưởng đến quê anh, ngôi làng cách Cần Thơ chỉ vài kilômét. “Tôi là một nông dân thực thụ. Tôi biết mọi thứ về trồng trọt trong làng và đánh bắt cá ở các con sông xung quanh. Tôi vẫn còn nhớ rõ về những ngày tháng đó”, anh nói. “Tôi nhớ hệ thống tự nhiên vận hành thế nào - đồng bằng này ngày xưa ra sao. Thời đó chúng tôi ăn rau dại hái từ các cánh đồng và bờ sông. Chúng tôi có những dòng sông trong xanh, mọi người đều tắm sông. Giờ không ai dám tắm sông nữa. Nước giờ chảy ra từ những cánh đồng ô nhiễm thuốc trừ sâu gây ngứa.”

Thiện học chương trình sau đại học tại Đại học Wisconsin vào những năm đầu thập niên 1990. Khi về lại Việt Nam, anh thấy hệ sinh thái vùng

châu thổ này trở nên tồi tệ hơn khi chính sách ưu tiên cho cây lúa được thực hiện. Lúc đầu, những người đến định cư khai khẩn trồng lúa, và khi đất đã được chuẩn bị, chỉ thị từ trên xuống buộc phải tăng mạnh sản xuất. Các mục tiêu sản lượng tăng lên, và nhiều hạ tầng kỹ thuật gồm cửa cống và máy bơm tưới được lắp đặt. Các chương trình hỗ trợ nước ngoài chỉ cho các khoản đầu tư này. “Tâm lý giống như người đi trên tuyết trong truyện *To Build a Fire* (Đốt Lửa) của Jack London. Sau 1975, chúng tôi đói. Chúng tôi thiếu lương thực. Vì thế đồng bằng này trở thành trung tâm sản xuất lương thực cho cả Việt Nam, bất chấp mọi giá”, anh nói.

Các mục tiêu sản xuất lúa gạo hằng năm tăng lên, số nông dân ở An Giang và Đồng Tháp bắt đầu xây đê cao quanh đồng ruộng của họ để hằng năm có thể trồng thêm vụ lúa thứ hai và thứ ba. Sản lượng lúa của vùng đồng bằng tăng từ một năm 5 triệu tấn vào năm 1986 lên hơn 25 triệu tấn vào năm 2017^[172]. Đến năm 2000, sản xuất lúa gạo ổn định, và Việt Nam bắt đầu xuất khẩu sản lượng bội thu. Một số nông dân bắt đầu tìm cách trồng thêm các loại cây trồng có giá trị cao hơn, nhưng lúa vẫn là số một. Một cơn sốt cuồng trồng lúa vụ ba lan khắp vùng đồng bằng.

“Khi dân làng ở Đồng Tháp nhìn thấy láng giềng đắp đê và thu lãi, họ yêu cầu chính quyền địa phương cấp tiền để họ xây đê. Vì sản lượng lúa tăng lên giúp quan chức địa phương hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, chính quyền địa phương đã đáp ứng, và hiện nay tỉnh này có 130.000ha có đê nhỏ bao quanh. Ngân sách nhà nước chỉ để việc đắp các con đê đó không ảnh hưởng đến giá thành sản xuất lúa”, Thiện nói. Đê nhiều hơn, đất khô ráo ở phía bên kia được cho là an toàn hơn, và do đó ngày càng có nhiều nhà xây lên, đầu tư nông nghiệp và công nghiệp cũng kéo đến những “vùng an toàn” này. Thiện nói tiếp, “Cá dần dần biến mất, người dân đổ lỗi cho việc đánh bắt quá mức và biến đổi khí hậu, và rồi chất lượng nước bắt

đầu xấu đi. Giờ đây, một khi anh ở bên trong những con đê cao, anh sẽ ở đó cùng với năm trăm gia đình khác. Người ta xây nhà thấp, dưới mực nước sông, và chôn cất ông bà của mình dưới nền đất thấp^[173]. Cho dù lợi nhuận đang giảm, chẳng ai đồng ý để nước sông chảy ngược vào ruộng vì điều đó có nghĩa đồng bằng sẽ lập tức bị ngập lụt. Vì thế họ bị mắc kẹt.”

Đắp đê được nhiều người ở đồng bằng này xem là cách để tăng năng suất. Dù sao vẫn có nhiều lúa được thu hoạch hơn từ cùng mảnh đất đó. Ngày nay, thu được vụ lúa thứ ba mang lại lợi nhuận cho nông dân ngày càng ít. Để sản xuất vụ lúa thứ ba, nông dân thường giảm sản lượng của vụ thứ nhất và thứ hai để đất mất ít chất dinh dưỡng hơn. Rồi họ chi rất nhiều cho phân bón ngày càng đắt do nhu cầu quá mức nên phải nhập khẩu phân bón. Trầm tích vốn có thể bổ sung đất từ nước lũ không bao giờ đến được phần đất bên trong đê^[174]. Không có nước lũ hằng năm, hệ thống ứ đọng này làm tăng khả năng gây ra bệnh tật và không tạo cơ hội đẩy chất độc ra khỏi đất có nồng độ phèn cao. Năm 2010, hơn một phần tư cư dân vùng châu thổ này dùng nước từ các kênh đào và sông bị ô nhiễm bởi chất thải của người và động vật.

Khi chất lượng đất bên trong đê giảm dần hằng năm, sản lượng lúa tiếp tục giảm. Năng suất lúa trên đồng ruộng phía bên ngoài đê vốn bị ngập lụt vẫn ổn định. Sản lượng giảm và chi phí phân bón, thuốc trừ sâu tăng lên làm giảm thu nhập của nông dân trồng lúa ở đồng bằng này. Thu nhập ở đồng bằng sông Cửu Long hiện thấp hơn 10% so với phần còn lại của cả nước. Năm 1999, thu nhập trung bình của đồng bằng này cao hơn 10% so với mức trung bình cả nước. Vài năm trước, Thiện tiến hành một phân tích tình huống về trồng lúa ba vụ. Anh phát hiện 10 năm trước, một gia đình 5 người ở tỉnh Đồng Tháp có thể sống với 1ha đất trồng một năm 2 vụ lúa. Ngày nay, cùng gia đình đó trên cùng 1ha đất đó, trồng 3 vụ lúa sẽ phải di

cư tìm việc làm ăn lương ở thành thị. Đơn giản là do chi phí canh tác và các chi phí sinh hoạt liên quan quá cao.

Trồng lúa 3 vụ đã gây ra phản ứng dây chuyền ở những nơi các tỉnh xây nhiều đê ở hạ nguồn để ngăn lũ vốn thường xảy ra ở thượng nguồn nếu không có đê cao được xây ở đó. Hầu hết các khu vực đô thị ở vùng đồng bằng đã có đê cao vây quanh chống ngập. Do tầm quan trọng của tỉnh An Giang và vùng Đồng Tháp Mười trong việc sản xuất lúa gạo, các kỹ sư Việt Nam hiện có kế hoạch bao quanh toàn bộ khu vực này để ngăn lũ lớn vì biến đổi khí hậu có khả năng gây ra lũ lụt cao hơn. Chỉ vài năm trước, khu này của vùng đồng bằng ban đầu được khoanh vùng làm khu vực được bảo vệ cục bộ để lũ lụt bồi đắp đất và cấp nước cho các tầng ngậm nước gần bề mặt. Thiện cũng khẳng định các chi phí sinh thái của việc đắp quá nhiều đê và trồng ba vụ lúa lớn hơn mọi lợi ích thu được. “Giờ đây toàn bộ đồng bằng bị đê phân chia ngăn cách, và các con sông chỉ hoạt động như những máng nước. Trừ sông Hậu và sông Tiền, hầu hết các con sông khác hoàn toàn bị bờ của chúng giam hãm gần suốt chiều dài đổ ra biển. Nước và bãi sông không còn kết nối với nhau nữa nên bị mất hẳn các lớp trầm tích.”

Năm 2017, Ủy hội Sông Mekong xác định tổn thất hằng năm do lũ lụt ở đồng bằng này từ 60 đến 70 triệu đô-la và lợi ích từ lũ lụt tự nhiên khoảng 8 đến 10 tỷ đô-la^[175]! Trầm tích do lũ lụt hằng năm của con sông mang lại là phần tạo lập cơ bản của đồng bằng sông Cửu Long. Không có nó, đất của đồng bằng này sẽ rã ra trong điều kiện tự nhiên, và với việc khai thác nước ngầm quá mức và mực nước biển dâng cao, tình hình sẽ nhanh chóng xấu đi. Dòng trầm tích đến vùng đồng bằng cũng thực sự quan trọng trong việc giữ bờ sông và các khu vực ven biển. Khi tốc độ nước chậm lại lúc dòng sông ra đến biển, các trầm tích nặng nhất lắng đọng dọc theo bờ sông và khu vực cửa sông ven biển, tạo nên nguyên một vùng đất. Trong 3.000 năm

qua, hằng năm sông Mekong đã vận chuyển khoảng 150 triệu tấn trầm tích trong hệ thống của nó đến đồng bằng này. Chương 2 của sách này đã đề cập việc các đập của Trung Quốc ở Thượng Mekong giữ lại hơn một nửa toàn bộ trầm tích trong hệ thống sông Mekong^[176]. Nhưng tác động của các đập trên các loại hạt trầm tích khác nhau cũng khác nhau. Chúng giữ lại các trầm tích nặng hơn kiến tạo nên vùng đồng bằng, và để các hạt trầm tích mịn hơn trôi đi. Do các trầm tích mịn hơn thường lơ lửng trên suốt đường ra biển, nên việc giảm 50% tải lượng trầm tích sẽ làm giảm nhiều hơn 50% lượng trầm tích lắng lại được trên đồng bằng này^[177]. Nếu tất cả 11 đập trên dòng chính sông Mekong được xây, cùng với một số đập trên sông nhánh, 96% trầm tích của sông Mekong sẽ bị giữ lại phía sau vách các hồ chứa^[178].

Chương trước về hồ Tonle Sap đã giải thích việc không còn trầm tích trong dòng chảy sông Mekong làm giảm tổng lượng cá trong hệ sinh thái sông Mekong. Việc trầm tích mất đi cũng tạo ra tình huống được các nhà thủy văn học gọi là “sông đói”, gây xói mòn ở lòng sông và dọc bờ sông. Để minh họa hiện tượng nước đói, thử hình dung dòng sông trong trạng thái hài hòa với tải lượng trầm tích bình thường lơ lửng trong dòng chảy của nó. Khi một phần lượng trầm tích bị mất đi, sự hài hòa đó bị đảo lộn, vì thế dòng sông sẽ tìm cách lập lại cân bằng bằng cách bóc đất bên bờ và đào sâu hơn vào lòng sông. Khi lòng sông sâu hơn, mực nước sông thấp xuống. Điều đó làm giảm tần suất và chiều cao nước lũ vốn rất quan trọng đối với thể trạng của đồng bằng này và hệ sinh thái Tonle Sap. Các con đập đã điều tiết lưu lượng nước khiến mực nước sông trong mùa mưa thấp xuống, vì thế với việc mất thêm trầm tích, các con đập gây ra trở ngại kép trong việc thúc đẩy kết nối giữa các bãi sông của vùng đồng bằng.

Các sông đói làm xói mòn bờ sông, kéo các công trình ven bờ sụt xuống sông và xé rách thảm thực vật giữ bờ sông nguyên vẹn. Là người say mê nghiên cứu các vấn đề của sông Cửu Long, tôi là độc giả thường xuyên của các báo Campuchia và Việt Nam. Cho đến nay, những câu chuyện được đăng nhiều nhất trên các báo này là sự mất mát tài sản - nhà cửa, gia súc, nông cụ - do xói mòn bờ sông. Vào cuối năm 2017, 1.200 gia đình đã được tái định cư ở vùng đồng bằng và chính quyền Việt Nam ước tính hơn 500.000 người sẽ phải chuyển khỏi các khu vực bị lở đất trong những năm tới^[179].

Thiện tin rằng cho đến nay, các hiện tượng đó là do việc can thiệp quá mức vào thiên nhiên. “Giờ đây hình thức can thiệp đó đang quay lại ám ảnh chúng tôi với tình trạng xói lở, sụt lún đất do khai thác nước ngầm và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Cần một độ trễ thời gian khoảng 20 đến 25 năm để mọi người thức tỉnh và nhận ra rằng ở đây đang có một vấn đề quan trọng”, anh nói. “Giờ với những con đập đang triển khai và việc khai thác cát diễn ra khắp nơi, mọi người nói về vai trò quan trọng của trầm tích, nhưng trước đây, chúng tôi xem việc đất đai đồng bằng này sẽ mãi mãi màu mỡ là chuyện đương nhiên.”

Khai thác cát cũng đe dọa sự toàn vẹn của đồng bằng này. Cư dân khắp lưu vực sông Mekong coi trọng trầm tích vì đóng góp to lớn của nó với đời sống trên toàn hệ sinh thái sông Mekong, nhưng trong thập niên vừa qua, cát sông bị xem là mặt hàng đáp ứng sự bùng nổ nhu cầu xây dựng của Đông Nam Á. Từ 2000 đến 2016, Campuchia đã bán 80 triệu tấn cát cho Singapore, bất chấp lệnh cấm xuất khẩu cát từ năm 2009. Số cát xuất khẩu đó trị giá 778 triệu đô-la. Cát chất lượng cao, như loại cát ở đồng bằng sông Cửu Long đang trở nên khan hiếm vì khu vực này sử dụng nhiều cát hơn, đổ nền các khu đô thị lớn và nâng cao hệ thống đường bộ. Những người

khai thác cát có thể bán được từ 5 đến 10 đô-la một tấn và giá tiếp tục tăng khiến việc làm ăn này rất béo bở. Năm 2016, công an Việt Nam bắt hơn 3.000 người nạo vét cát không có giấy phép hay khai thác cát tại các khu vực không được phép. Ở Việt Nam, thợ khai thác cát một năm có thể kiếm được hơn 10.000 đô-la - gần 50 lần so mức thu nhập trung bình cả nước^[180].

Các ước tính thận trọng nêu mức khai thác cát ở sông Mekong là 50 triệu tấn một năm. Những con số này dựa trên doanh số bán cát cho các nước được thống kê trong hệ thống theo dõi hàng hóa toàn cầu. Không ai thực sự biết lượng cát được sử dụng cho xây dựng và các dự án hạ tầng ở Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Campuchia và Việt Nam đều cấm xuất khẩu cát, nhưng khai thác cát để sử dụng trong nước vẫn không giảm. Các điểm ở Lào và Thái Lan khai thác lượng cát sông ít hơn tại mỗi địa điểm, nhưng số điểm khai thác nhiều hơn và hoàn toàn không bị kiểm soát. Ở Việt Nam, sở tài nguyên môi trường tỉnh cấp giấy phép khai thác cát trong tỉnh. Thiện cho biết việc đó được thực hiện hoàn toàn không cân nhắc đến các tác động hạ nguồn. “Họ nghĩ đơn giản là xói mòn chỉ xảy ra ở nơi bị khai thác cát. Họ bỏ qua thực tế dòng sông này là một hệ thống, khi anh lấy cát ra ở nơi nào đó, toàn bộ hệ thống, kể cả bờ biển, sẽ bị mất cân bằng”, Thiện nói thêm.

“Từ toàn bộ hoạt động không được kiểm soát và thiếu phối hợp ở thượng nguồn này anh có thể thấy rằng chúng tôi thực sự cần một tầm nhìn khu vực về phát triển, nhưng Việt Nam cũng cần có một tầm nhìn bao quát vùng đồng bằng”, Thiện nói. “Ngay từ đầu, chúng tôi cần một tổ chức bao trùm thiết lập tầm nhìn phát triển cho vùng đồng bằng. Thật không may vai trò đó lại giao cho các kỹ sư chỉ nhìn thấy ba thứ: sản xuất lúa gạo, quản lý nước ngọt và sử dụng đất đai”, anh nói. “Như thể vùng nước ven biển thuộc

trách nhiệm người khác - không nằm trong tầm nhìn của họ. Họ không xem nước lợ và nước mặn là tài nguyên. Theo quan điểm của họ, xâm nhập mặn là tai họa của vùng đồng bằng. Vì thế họ xây dựng đủ thứ hạ tầng giữ nước ngọt cho trồng lúa”. Anh cũng đề cập đến việc các kỹ sư hưởng lợi riêng từ các dự án do họ thiết kế và quản lý. “Các kỹ sư nghĩ theo lối đó bởi vì họ được dạy rằng con người là giới ưu việt. Họ được dạy rằng công nghệ có thể thay đổi thiên nhiên và bắt thiên nhiên phục vụ chúng ta. Những gì họ muốn rất hẹp hòi. Họ không tôn trọng quy luật tự nhiên và không trân trọng sự đa dạng tài nguyên ở vùng đồng bằng. Điều họ muốn là gạo nhiều hơn, và nhiều gạo hơn sẽ làm cho chúng tôi giàu hơn. Đó là lý lẽ của họ.”

Các kỹ sư ở Việt Nam cho rằng ranh giới giữa nước ngọt và nước mặn cần phải được kiểm soát bằng đê và cửa cống, nếu không nó sẽ dao động và gây thiệt hại cho việc trồng trọt phía trong đê. Nhưng các kỹ sư và thậm chí hầu hết các chính phủ đối tác phát triển giúp chính quyền Việt Nam trong việc lập kế hoạch đã loại trừ sự đóng góp của nước ven biển đối với hệ sinh thái năng động của vùng đồng bằng. Điều đó có nghĩa là nghề đánh bắt cá tự nhiên, tổng cộng mỗi năm từ 500.000 đến 730.000 tấn cá ở đồng bằng này gặp nguy vì các cửa cống chặn không cho cá đi vào các môi trường sống quan trọng - và khi cửa cống mở ra, các chất ô nhiễm do thâm canh lúa và tôm chảy vào vùng ven biển này.

Thúc đẩy kết nối là một cách nghĩ về việc duy trì và bảo tồn tính phức tạp của hệ sinh thái đồng bằng sông Mekong. Chương 9 nêu tầm quan trọng của việc giữ cho suốt chiều dài dòng sông được kết nối giúp quần thể cá di cư của dòng sông có thể sinh sản và tìm môi trường trưởng thành và trầm tích đi cùng những đàn cá đó hỗ trợ chúng tăng trưởng. Một cách khác để xem xét khả năng kết nối là nhìn khắp vùng đất và tìm hiểu việc lũ lụt đi qua nó cần thiết thế nào cho việc rửa phèn ra khỏi đất, cho việc lắng đọng

trầm tích để bổ sung đất và chất dinh dưỡng mất đi trong năm trước. Không có sự kết nối này, chất lượng đất vùng đồng bằng sẽ xấu đi, và đất ít lại, làm mặt đất sẽ thấp hơn so với mực nước sông và biển. Cuối cùng, một khía cạnh thứ ba của việc kết nối là kết nối giữa sông và tầng ngậm nước lưu trữ nước ngầm như một kiểu kết nối theo chiều thẳng đứng^[181].

Các công trình xây dựng như đê, cửa cống và đập phá hỏng kết nối ba chiều đó. Xây dựng và bảo trì chúng cũng rất tốn kém. Sau trận hạn hán năm 2016, chính quyền Việt Nam bắt đầu nói về tình trạng hạn hán như một điều bình thường mới, và các kỹ sư của vùng đồng bằng đưa ra các kế hoạch xây những công trình bổ sung trị giá 150 triệu đô-la ở xa hơn trên thượng nguồn và sâu hơn vào vùng đồng bằng. “Chúng tôi nói với họ vụ hạn hán El Nino năm 2016 là một sự kiện ngoại lệ khác thường”, Thiện nói, đề cập đến trao đổi của anh với các bộ tại Hà Nội. “Nó có thể xảy ra thường xuyên hơn, nhưng không phải năm nào cũng có”. Thiện lưu ý rằng những lời hoa mỹ chính trị về an ninh lương thực vẫn át hết các cuộc tranh luận. “Họ nói đồng bằng này hiện đang chịu trách nhiệm về an ninh lương thực của Việt Nam. Trong đợt hạn hán năm 2016, chúng tôi vẫn xuất khẩu gần 5 triệu tấn gạo. Nếu chúng tôi làm điều đó, sẽ không có an ninh lương thực ở đây. Mỗi năm chúng tôi sản xuất 25 triệu tấn gạo và xuất khẩu hơn một nửa số đó. Bốn mươi lăm phần trăm gạo xuất khẩu sang Trung Quốc. Đó rõ ràng không phải là an ninh lương thực. An ninh lương thực cần mang tính dài hạn và chúng tôi không phải lo cho thế giới. Chẳng có ai buộc chúng tôi chịu trách nhiệm an ninh lương thực *của họ* và chẳng ai cảm ơn chúng tôi về điều đó cả.”

Tôi hỏi Thiện cách thức anh thúc đẩy thay đổi nhằm đến những giải pháp phù hợp hơn cho những thách thức ở vùng đồng bằng. “Anh phải xem xét các giới hạn và tỏ ra có tính xây dựng khi đưa thông điệp đến các quan

chức chính quyền”, anh nói. “Trước đây không có nhiều cơ hội cho việc thảo luận, nhưng giờ đã thoáng hơn. Cách làm tốt nhất là biến các kiến thức khoa học khó nắm bắt thành các thông điệp dễ hiểu - và phải kiên trì. Có thể phải mất nhiều năm để công chúng và những người ra quyết định hiểu được một vấn đề.”

“Anh có thể cho tôi biết một kiến nghị đã thành công không?”, tôi hỏi.

“Mười năm trước chỉ trích việc trồng 3 vụ lúa là điều cấm kỵ. Không ai chịu nghe. Đầu tiên chúng tôi nói về các vấn đề nhỏ hơn và xây dựng lập luận chống lại việc trồng 3 vụ lúa. Các phương tiện truyền thông bắt đầu đảm nhận vai trò quan trọng khi chúng tôi đưa các phóng viên đi tham quan nhiều nơi ở vùng đồng bằng trong 5 ngày. Chúng tôi đã chỉ cho họ xem hệ thống tự nhiên của đồng bằng hoạt động thế nào. Chúng tôi yêu cầu các phóng viên phát hiện những vấn đề trên hiện trường và yêu cầu họ viết 10 bài báo về những gì họ thấy. Chúng tôi làm thế một năm hai lần, và bây giờ nhiều nhà báo đã biết rõ đồng bằng này”, anh nói. Báo chí Việt Nam dù sao vẫn là một lực lượng hiệu quả trong việc phổ biến thông tin về các tác động môi trường khắp cả nước. “Trước đây, mọi người nói về mực nước biển dâng lên là mối đe dọa lớn nhất, như thể đồng bằng này sẽ bị ngập vào ngày mai. Bây giờ anh hiếm khi thấy được chuyện đó nữa. Anh bảo họ bình tĩnh, có gì thì cũng 100 năm nữa, và đó là một quá trình từ từ. Và kịch bản tồi tệ nhất không phải là kịch bản dễ xảy ra nhất. Điều chúng ta cần lo lắng là đồng bằng này đang chìm nhanh và việc hủy hoại các dòng sông của chúng ta do hóa chất, do nước tù đọng. Tất cả là do khái niệm an ninh lương thực đã bị lạm dụng quá lâu”, Thiện nói.

“Chúng tôi đã nhận ra rằng vùng đồng bằng đang lâm nguy. Chúng tôi phải thay đổi điều đó, nếu không sẽ mất hết”, Thiện cảnh báo. Nếu sắp thứ

tự ưu tiên, Thiện sẽ đặt gạo ở vị trí thứ ba. “Trước hết, chúng tôi nên ưu tiên tối đa hóa giá trị kinh tế từ một diện tích đất đai, không phải tăng tối đa sản lượng thu hoạch. Và chọn các loại cây trồng hay cá hay tôm phù hợp nhất với diện tích đất đai đó. Thứ hai, chúng tôi cần cải thiện chất lượng sản phẩm và chuyển chuỗi giá trị lên”, anh nói. Trước đó, Thiện cho tôi biết hiện nay các gia đình giàu có ở vùng đồng bằng chọn ăn gạo nhập từ Campuchia vì chất lượng gạo đồng bằng này quá kém. “Thứ ba, chúng tôi nên tiếp tục sản xuất lúa, nhưng thôi làm nhiều vụ lúa một năm. Tăng thu nhập cho nông dân là điều quan trọng, nhưng giờ mọi người đang nói về công nghệ cao và áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến giống Israel, nhưng điều đó không thực tế đối với đồng bằng này. Anh phải học cách bước đi trước khi chạy”, anh kết luận.

Tôi hỏi Thiện liệu có quá muộn để chuyển đổi giảm bớt trồng lúa. “Điều đó không dễ dàng. Nhưng bây giờ Hà Nội có thể đưa mọi thứ đi đúng hướng với Nghị quyết 120, kêu gọi tôn trọng quy luật tự nhiên”. Thiện đề cập đến một tuyên bố gần đây của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tìm cách chuyển vùng đồng bằng từ chỗ là vựa gạo của thế giới sang đẩy mạnh nông nghiệp chất lượng cao và sử dụng đất linh hoạt. “Với Nghị quyết 120, chúng tôi hiện đang thiết lập đường hướng chiến lược đúng đắn. Thuyền trưởng đã đồng ý chuyển hướng con tàu lớn. Nhưng nó lớn quá nên sẽ khó chuyển. Phải mất 10 năm để đưa con tàu này vào đúng đường đi, và trên đường sẽ có những nhóm lợi ích quyết liệt chống lại.”

Cuối tháng 11 năm 2017, tôi có chuyến đi trong ngày đến Cù Lao Dung ở cuối sông Hậu. Tôi đi từ Cần Thơ, ngồi sau xe máy Nguyễn Minh Quang, Phó Giáo sư và là nhà bảo tồn chừng hơn ba mươi tuổi làm việc ở Khoa

Giáo dục của Đại học Cần Thơ. Vài ngày trước, tôi nhờ Quang đưa tôi đến những nơi trong vùng đồng bằng mà người dân đang thôi trồng lúa và chuyển sang loại hình sinh kế phù hợp với những vùng có mức xâm nhập mặn cao. Tôi muốn hiểu cách thức người dân địa phương đối phó với thay đổi. Đến gần trưa, chúng tôi lên phà đi Cù Lao Dung. Sông ở đây rộng hơn 3km - khoảng sông rộng nhất tôi từng được thấy, và chiếc phà, qua về con sông một ngày hơn 20 lần, mất khoảng 15 phút để qua đến bờ cù lao. Quang nói nơi chúng tôi đến là xã An Thành, ở gần cuối cù lao về phía Biển Đông của Việt Nam. Tôi nhắc Quang tôi rất muốn trò chuyện với những nông dân đã chuyển sang nuôi tôm và nhờ anh dừng lại dọc đường nếu thấy có ai như thế.

Đường đến An Thành, giống hầu hết con đường ở đồng bằng sông Cửu Long, đủ rộng cho hai chiếc xe máy chạy ngược nhau. Một mương thủy lợi, không đủ sâu cho cả những chiếc thuyền nhỏ nhất qua lại, chạy song song phía tây đường suốt 30km. Những cây dừa soi bóng ven đường, và khi chúng tôi đi xa hơn về phía nam, Quang chỉ tay vào những cánh đồng mía và khoai sọ dọc theo bờ bên kia đường. Khoảng 30 phút sau, chúng tôi dừng lại cạnh trại nuôi tôm nhỏ có 4 ao, mỗi ao rộng gần bằng một bể bơi Olympic. Dừng xe máy sau một chiếc SUV Lexus mới tinh, chúng tôi bước tới một cái lều tạm bợ gần đó hy vọng tìm thấy chủ chiếc Lexus mà chúng tôi đoán là chủ và điều hành trại tôm. Một phụ nữ trung niên bước ra khỏi lều hờ hững chào. Cô ta đi giày cao gót và tay đeo hai chiếc nhẫn kim cương lớn. Giày, nhẫn và chiếc Lexus thật chẳng hợp với cù lao xa vắng cuối dòng Mekong này. Quang đến gần hỏi liệu cô ta và chồng, người đang ở trần ngồi hút thuốc trong lều, có thể dành vài phút trò chuyện về những cơ hội và thách thức khi quản lý một trại nuôi tôm nhỏ. Từ cử chỉ tôi biết cô ta đã lịch sự từ chối. Sau khi chồng cô ta nói gì đó, Quang quay sang tôi nói, “Xin lỗi, họ không muốn nói chuyện. Chồng cô ta nói những người lạ như

anh và tôi lãng vãng quanh đây sẽ mang lại xui xẻo cho những con tôm. Dân ở đây rất mê tín và đề phòng quá mức”.

Tôi cười chào đôi vợ chồng và chúng tôi quay lại chỗ xe máy. Sau đó Quang giải thích một loạt các nhân tố như nhiệt độ tăng đột ngột hay rác ngập có thể làm hỏng toàn bộ vụ thu hoạch tôm. Anh cũng kể chuyện các gia đình thù ghét nhau ở vùng đồng bằng tìm cách phá hoại trại tôm của nhau. “Nông dân thường thỉnh các nhà sư cúng ở ao của họ và cử hành đủ loại lễ lạt mê tín vì có quá nhiều rủi ro. Có thể họ thận trọng thái quá vì anh là người nước ngoài”. Chúng tôi tiếp tục lên đường, và vừa ra khỏi An Thành, chúng tôi dừng lại trước cổng một ngôi nhà hai tầng lớn làm bằng gạch xám và nâu nhạt có các ao tôm lớn vây quanh ba mặt. Đặc điểm nổi bật của ngôi nhà này là một lối đi có mái vòm được đỡ bởi các cột kiểu Doric cao bao quanh ba mặt trước của ngôi nhà. Tại đây, chủ nhà dành nhiều không gian để tiếp khách và ăn uống ngoài trời. Quang và tôi nghe thấy tiếng cười của vài người tụ tập sau nhà, và vì cổng mở, chúng tôi bước vào tìm người nuôi tôm may mắn, hy vọng biết được bí mật thành công của anh ta.

Một thanh niên tên Linh ra gặp chúng tôi, và sau vài lời giới thiệu của Quang, trường Đại học Cần Thơ nơi anh giảng dạy rất có uy tín ở đồng bằng sông Cửu Long, Linh mời chúng tôi ngồi cùng bàn với cha của anh, một nông dân chừng hơn năm mươi tuổi tên Hoàng, và sáu người khác trong gia đình anh. Ngồi cạnh tôi là Vũ, anh của Hoàng, tự hào khoe khu nhà rộng lớn và giống hệt bên cạnh nhà này - cũng có ao tôm lớn vây quanh ba mặt - là của anh. Lúc đó là giờ ăn trưa, hai anh em và Linh đã uống gần hết một két bia 333. Hoàng khẩn khoản mời tôi và Quang ngồi xuống tham gia cuộc vui.

Trong một giờ sau đó, chúng tôi được biết Hoàng và anh trai chuyển đến Cù Lao Dung từ tỉnh Trà Vinh hơn một thập niên trước để thành lập trại nuôi tôm quy mô nhỏ thành công nhất vùng này. Ban đầu, họ thử các loại cây trồng, nhưng sau một vài vụ mùa thất vọng, họ quyết định chuyển sang nuôi tôm. “Đất quá mặn và ngày càng tệ, vì vậy chúng tôi phải làm gì khác đi”, Hoàng nói. Tôi hỏi anh và Vũ có vay nợ không. Anh trả lời, “Chúng tôi đầu tư bằng tiền tiết kiệm cả đời - chừng 6.500 đô-la. Người nuôi tôm giờ không được các ngân hàng chào đón nữa vì nuôi tôm hiện bị xem là một công việc nhiều rủi ro”.

“Có người bạn nào của anh nuôi tôm thất bại không?”, tôi hỏi.

“Nhiều lắm”, anh trả lời. Tôi tiếp tục hỏi tại sao trại nuôi tôm của họ thành công còn những người khác lại thất bại. Hai anh em bàn bạc trong vài phút rồi cho tôi một bài giảng ngắn gọn về ba yếu tố thành công: duy trì chất lượng nước và một môi trường lành mạnh tổng thể, chất lượng tôm giống mua trên thị trường và quản lý chặt chẽ trại tôm. “Chúng tôi đã tự tìm ra những yếu tố đó qua thực tiễn. Không ai dạy chúng tôi cả, và chúng tôi cũng sẽ không dạy ai. Đây là một thị trường cạnh tranh gay gắt.”

Hoàng đưa cho Quang và tôi vài con cá chiên giòn dài và mỏng như ống hút nhựa để nhắm cùng bia 333. Quang nói đó là đặc sản tự nhiên của vùng này. Hoàng cũng mời chúng tôi ăn thử một món vừa chiên xong mà lúc đầu tôi nghĩ là những con châu chấu lớn, nhưng sau khi xem kỹ, tôi nhận ra đó là món ếch chiên. Hoàng vỗ lưng tôi, đề nghị nâng ly, và nói, “Anh nên đến đây và mở một trại nuôi tôm! Sống khỏe. Ở đây mọi người đều hạnh phúc! Giá tôm hiện đang rất ổn định.” Nói về thu nhập và lợi nhuận ở Việt Nam là chuyện bình thường nên tôi hỏi về thu hoạch hằng năm của gia đình anh. “Mỗi năm chúng tôi nuôi ba lứa tôm. Chúng tôi có thể nuôi bốn, nhưng

chúng tôi cần nghỉ ngơi và trại cũng thế. Tổng cộng, chúng tôi thu hoạch từ 30.000 đến 36.000kg tôm”, ông nói. Tôm của đồng bằng sông Cửu Long bán với giá khoảng 5 đô-la một kg (100.000 đồng), vì thế với sản lượng thu hoạch đó, Hoàng và anh trai một năm cùng nhau kiếm được hơn 150.000 đô-la. Vũ thêm vào, “Chúng tôi là nông dân. Chúng tôi có thể tự làm mọi thứ và không cần phải thuê nhân công. Vì thế chi phí sản xuất thấp. Chúng tôi giữ được hơn một nửa số tiền kiếm được.”

Rõ ràng hai anh em đã rất thành công với khoản đầu tư của họ. Hoàng nói anh ấy đã có kế hoạch kinh doanh mới làm du lịch sinh thái ở cù lao này. Anh rất ấn tượng với các dịch vụ du lịch sinh thái anh đã trải nghiệm khi đi du lịch đến các vùng khác của Việt Nam trong những năm qua. Hoàng cũng hy vọng sẽ sớm đi du lịch nước ngoài và thăm thú thế giới. Trước khi chia tay, tôi nói tôi thường mua tôm của đồng bằng này tại các siêu thị ở Mỹ. Hoàng đề nghị giữ liên lạc để một ngày nào đó tôi sẽ đưa anh vào các siêu thị Mỹ xem tôm của anh.

Sau khi chào tạm biệt Hoàng, Vũ và gia đình họ, Quang và tôi chạy xe vào xã An Thành. Chúng tôi dừng lại ở một quán cà phê ven đường gần ngã tư chính của làng để trao đổi những ghi chép và quan sát trong buổi sáng. Chúng tôi ngồi xuống một cái bàn thấp dưới bóng cây sung lớn có ghé nhìn ra đường. Ghé ở nhiều quán cà phê bên đường đều sắp như thế trên khắp Việt Nam để bạn bè ngồi trò chuyện trong khi xem xe cộ chạy qua. Ngồi ở cuối bàn là một người đàn ông hơn sáu mươi tuổi đeo kính râm và mặc áo sơ mi trắng sờn cũ và quần xám. Quang bắt chuyện và nhanh chóng biết được người đàn ông tên Nguyễn Văn Diệp, là một nông dân trồng mía. Khi được hỏi về nghề nông trên Cù Lao Dung, Diệp nói “Trước đây ở vùng này chúng tôi trồng lúa nhưng giờ không trồng nữa. Vùng đất quanh đây còn mới và thường ngập nước nên chứa hàm lượng lưu huỳnh cao. Không trồng

lúa được. Mọi người trên Cù Lao Dung chuyển sang các loại cây trồng khác như mía, khoai sọ, ớt hay bí ngô. Còn những người giàu, có tiền, họ đào hồ nuôi tôm. Nhưng ở đây nhiều người nghèo nên không có khả năng làm điều đó”.

Tôi hỏi Diệp, ông làm gì kiếm sống, “Giống hầu hết mọi người trên cù lao, tôi trồng mía, nhưng thật khó tìm nhân công để thu hoạch vì giới trẻ thường lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc trong các nhà máy. Ở đây rất thiếu người làm. Số nhân công thấp đồng nghĩa với lương cao, đó là vấn đề”, ông nói với giọng tuyệt vọng. “Giá mía năm nay rất thấp. Tôi không thu được gì. Nhiều nông dân ở đây không có thu nhập vì chúng tôi thu được ít hơn số tiền chúng tôi đã đầu tư vào trồng trọt. Chúng tôi rất thất vọng.”

Diệp tiếp tục kể cho chúng tôi biết 5 năm trước, nông dân có thể kiếm được gấp đôi từ mía vì giá đường thế giới rất cao và chất lượng mía trồng ở cù lao này cũng cao. Khi có tiền, nông dân đầu tư thêm vào đồng ruộng và mua thêm đất để canh tác. Rồi mọi thứ nhanh chóng thay đổi khi xâm nhập mặn lần sâu hơn vào các cánh đồng trên cù lao, và mía mọc trên vùng đất bị ảnh hưởng đó mất chất lượng. “Tôi đã nghe về biến đổi khí hậu, nhưng tôi không biết đó thực sự là gì”, ông nói, “Tất cả những gì tôi biết là các công ty đường không muốn mua loại mía này với giá thị trường, và tôi không thể tìm được người thu hoạch mía”.

Tôi hỏi ông có nghĩ đến việc chuyển sang loại cây trồng khác, nhưng ông nói toàn bộ tiền bạc của ông đã bị kẹt lại trên những cánh đồng đầy mía không được thu hoạch. Thử vận may với tôm cũng không phải là một lựa chọn ông muốn. “Tôi già rồi. Để nuôi tôm tôi sẽ phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng. Một nửa bạn bè của tôi nuôi tôm đã thất bại. Sau đó họ mất đất của mình và không còn cách nào khác là vào

làm việc ở nhà máy. Đó là canh bạc tôi không muốn chơi. Vì thế hiện nay tôi chạy xe ôm. Đó là lý do tôi ngồi chờ khách ở ngã tư này”, ông nói.

Chúng tôi biết được ông Diệp từ tỉnh An Giang, ở thượng nguồn gần biên giới với Campuchia, chuyển đến Cù Lao Dung vào năm 2000. Vợ ông, dân cù lao này, được giao 180ha đất, rất lớn khi so với phần lớn hộ gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long có chưa đầy 1ha. Nhưng việc khai thác một khu đất rộng lớn không mấy mang lại lợi ích khi đất không tốt. Vợ chồng ông hiện kiếm được mỗi năm khoảng 1.000 đô-la, chưa bằng một phần tư thu nhập trung bình của Việt Nam cho hai người.

Vì quanh quẩn ở cù lao này trông trọt là một lựa chọn tệ hại, vợ chồng ông đã khuyến khích bốn người con, tất cả ở độ tuổi hai mươi, ba mươi, chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh.

“Con ông làm gì ở Thành phố Hồ Chí Minh?”, tôi hỏi.

“Ba đưa con gái của tôi làm việc trong các xưởng giày, con trai tôi làm việc trong nhà máy hàng điện tử. Đứa nhỏ nhất vẫn sống cùng chúng tôi”, ông Diệp nói. Tôi hỏi con ông có thường xuyên về nhà không. “Dù với chúng đi lại cũng không mất quá nhiều thời gian, nhưng chúng chỉ về nhà mỗi năm một lần vào dịp Tết. Thu nhập của chúng thấp, vì vậy chúng không về hoài được.”

Trong 25 năm qua, 1,7 triệu người đã rời bỏ đồng bằng này. Năm 2016, 300.000 người đã bỏ đi^[182]. Gần Thành phố Hồ Chí Minh, mức lương cao gấp 5 lần thu nhập trung bình của nông dân ở vùng đồng bằng, hơn một phần ba của 8,6 triệu dân thành phố là người di cư. Phụ nữ dưới 30 tuổi chiếm đa số trong số người di cư ở Hồ Chí Minh^[183]. Chính quyền Việt Nam đã cố gắng kiềm chế dòng người di cư bằng cách từ chối quyền lợi đối

với những người mới đến Thành phố Hồ Chí Minh và ban hành luật để tăng khả năng tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của vùng đồng bằng, nhưng những nỗ lực này chẳng mang lại mấy kết quả. Phần lớn người di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân lương thấp trong các khu công nghiệp của thành phố, hay trong các khách sạn và nhà hàng ở lĩnh vực dịch vụ. Những người mới đến không được hưởng các dịch vụ an sinh xã hội.

Giáo sư Dương Văn Ni ở Đại học Cần Thơ, một trong những nhà bảo tồn nhiệt thành nhất của vùng đồng bằng, cho biết do chênh lệch tiền lương giữa vùng đồng bằng và các nơi khác, di cư là điều không thể tránh khỏi. “Cần phải hành động nhiều hơn ở vùng đồng bằng này để đào tạo con người trước khi họ di cư. Chúng ta có thể giúp cho họ được học hành tốt hơn để có chuyên môn tốt hơn trước khi di cư và có thu nhập cao hơn”, Tiến sĩ Ni nói. Từ lâu ông đã nghiên cứu sự di cư ở vùng đồng bằng và nhận thấy hầu hết người trẻ lập gia đình và lên thành phố sống, để con cái ở quê cho ông bà chăm sóc. “Việc đó tạo ra sự đứt gãy dòng chảy văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ông bà không nuôi trẻ khéo như cha mẹ chúng, và điều đó sẽ tạo ra rủi ro cho cả sự phát triển xã hội và tự nhiên trong tương lai. Không có cha mẹ ở nhà, việc giáo dục trẻ em sẽ gặp khó khăn.” Tiến sĩ Ni tin rằng chính quyền và khu vực tư nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể hợp tác cung cấp các dịch vụ công cộng cho lao động nhập cư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của thành phố. “Chính quyền có thể ban hành các chính sách tạo điều kiện cho người lao động thu nhập thấp thuê hay mua nhà ở. Nếu chính quyền trợ cấp y tế và giáo dục, tôi tin rằng những bậc cha mẹ trẻ đó sẽ mang theo con cái của họ. Nếu thế, họ sẽ khỏi lo lắng chuyện con cái thất học hay sống trong bạo lực ở vùng đồng bằng. Họ có thể nhìn thấy con mình trưởng thành, thụ hưởng văn hóa và xây dựng quan hệ xã hội”.

Năm 2007, Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) xác định đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam là một trong ba điểm nóng toàn cầu về dịch chuyển dân số tiềm năng, và chắc chắn những người theo dõi vùng Mekong sẽ tự hỏi điều gì xảy ra với nền kinh tế đồng bằng này nếu dân số của nó giảm mạnh. Tuy nhiên, Tiến sĩ Ni có một ý kiến gây tranh cãi về việc di cư khỏi vùng đồng bằng. “Hãy để họ đi”, ông nói. “Từ ban đầu, động lực phát triển sản xuất nông nghiệp và tăng trưởng kinh tế chính là điều đã đưa rất nhiều người đến đây. Dân số vùng đồng bằng gần như tăng gấp đôi sau khi Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường vào năm 1986. Tăng trưởng bền vững phụ thuộc vào sự cân bằng dài hạn giữa tự nhiên và lợi ích kinh tế. Vì thế hiện nay, một trong những thách thức lớn nhất của chúng tôi là dân số quá cao. Trung bình người dân có chưa đầy 1ha đất. Với diện tích đất ít ỏi như vậy, người ta tin rằng cách nhanh nhất để có thu nhập cao hơn là thâm canh. Và khi thâm canh, người ta lơ đi chuyện bảo tồn. Với thâm canh quá mức - gạo, cá, rau, mọi thứ - người ta đẩy môi trường đến cùng cực. Vùng này không có đủ điều kiện để hồi phục.”

Tiến sĩ Ni đã làm việc với nông dân trong hai thập niên qua để chuyển đổi sản xuất lúa gạo sang các hoạt động khác có khả năng chống chịu được biến đổi khí hậu và các biến động kinh tế cũng như tạo ra mức thu nhập tương đối cao hơn. Ông là người ủng hộ nhiệt thành việc nuôi tôm ở vùng nước lợ, nhưng cảnh báo giống như thâm canh lúa, việc nuôi tôm quá mức cũng nguy hiểm. “Không nên bỏ toàn bộ trứng vào một giỏ. Tôm rất dễ bị tổn hại trước các biến động. Giá quốc tế có thể thấp, bệnh có thể lây đến ao hồ, hay nhiệt độ tăng đột ngột có thể xóa sạch toàn bộ trại tôm của anh”, ông nói. Thật vậy, những rủi ro này đánh dấu một khác biệt lớn giữa nuôi thủy sản với các loại vật nuôi khác cả ở đồng bằng này và toàn cầu. Các công ty bảo hiểm ở Hoa Kỳ, nơi ngành nuôi trồng thủy sản tương đối phát triển, rất thận trọng trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm cho nông dân vì

khả năng mất toàn bộ vụ thu hoạch có phần cao. Hiếm khi toàn bộ đàn bò hay lợn của một nông dân chết cùng một lúc, nhưng nuôi thủy sản thì khác. Một số nông dân dọc theo sông Mekong nuôi thủy sản trong các lồng hay lưới lớn và đã mất sạch khi bị bão bất ngờ hay lở đất vùi lưới xuống sông. Nếu những loài cá hay tôm thoát được tràn vào sông, chúng thường tàn phá đa dạng sinh học địa phương.

Tiến sĩ Ni cũng cảnh báo các tác động của việc nuôi tôm lên cảnh quan thiên nhiên vùng đồng bằng. “Đồng bằng này từng có một dải rừng được dày dọc theo bờ biển và các con sông giáp ranh. Các rừng được bảo vệ trước những cơn bão và nước dâng do bão, giúp giữ bờ biển và bờ sông nguyên vẹn. Không may, hiện nay người nuôi tôm đã chặt sạch rừng được lấy chỗ làm ao tôm”, ông nói. Rừng được cũng rất quan trọng đối với đa dạng sinh học vì nhiều loài động vật có vú, chim và bò sát được biết thường làm tổ ở những phần cây rậm trên mặt nước. Cá và các loài thủy sinh khác tìm thấy môi trường sống và dinh dưỡng trong hệ thống rễ chìm dưới nước. Trong hai thập niên qua, Tiến sĩ Ni đã huấn luyện nông dân và một thế hệ chuyên gia bảo tồn đầy triển vọng ở đồng bằng này về các kỹ thuật làm cho nuôi trồng thủy sản trở nên bền vững. Phó Giáo sư Nguyễn Minh Quang, người đi cùng tôi trong chuyến du lịch Cù Lao Dung, là học trò của ông.

Quang lớn lên ở rừng U Minh, một trong những rừng rậm nhiệt đới còn lại trên bờ biển phía tây nam thuộc tỉnh Cà Mau. Rừng U Minh nổi tiếng với sự đa dạng sinh học và mật ong rất tốt, nhưng đây cũng là một trong những nơi nghèo khó nhất ở đồng bằng này.

Ông bà của Quang theo Việt Cộng và ẩn náu trong rừng U Minh nên bị nhiễm chất độc màu da cam do máy bay Mỹ rải trong chiến tranh. Ngày nay, rất nhiều thành viên trong gia đình Quang vật vã với dị tật bẩm sinh.

Quang thấy mình may mắn khi không bị gì, và hôm nay anh đang trở thành một người ủng hộ nhiệt thành cho sự phát triển bền vững ở vùng đồng bằng. “Khi còn là học sinh tiểu học, tôi phải thức dậy lúc 4 giờ sáng để ăn sáng và đi bộ 6 cây số qua những cánh đồng lầy lội đến trường”, anh nói. “Tôi phải cõng quần ra trên đường đến trường để khỏi lấm bùn và đựng sách và bút chì trong túi nhựa. Tôi rất sợ ma. Trời rất tối và chúng tôi chỉ có cây đèn pin soi dọc những con đường hẹp. Có rắn, côn trùng và nhiều thứ đáng sợ khác. Bạn bè tôi sợ quá không dám đến trường, vì thế chúng đã bỏ học. Giờ họ đã đông con và làm nông ở U Minh. Nhưng tôi vẫn kiên trì, và giờ tôi mang những gì tôi đã học được ở Đại học Cần Thơ và ở châu Âu về lại làng quê mình.”

Năm 2017, anh thành lập Diễn đàn Môi trường Mekong, tổ chức phi chính phủ tập trung kết hợp các thực hành bền vững truyền thống và hiện đại rồi truyền bá cho nông dân ở vùng đồng bằng. “Chúng tôi cần chuyển nông dân sang lối sống có thể đối phó tốt hơn với khí hậu, ít phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào ngoại lai tốn kém, độc hại như phân bón hóa học và thuốc trừ sâu”, anh nói. Giải pháp của Quang là huấn luyện cho nông dân địa phương một kỹ thuật gọi là đa canh rừng ngập mặn, một hệ thống nông nghiệp quy mô nhỏ có nhiều loại thủy sản và nông nghiệp như tôm, cá, cua, rau và trái cây được một hộ gia đình nuôi trồng cạnh nhau. “Chúng tôi đào ao cho cá và tôm, nhưng thay vì dọn sạch chúng, chúng tôi trồng được làm môi trường nuôi thủy sản. Được tự động lọc nước, cung cấp chất dinh dưỡng, và giữ đất nguyên vẹn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt”, anh cho hay. “Những gì chúng tôi làm sẽ không giúp cho nông dân trở nên giàu sù, nhưng nhìn chung nếu họ làm tốt, họ sẽ hơn hẳn nông dân trồng lúa và không bị nợ nần hay phải di cư lên thành phố làm công ăn lương”. Đầu năm 2018, Quang đã nhận được một khoản hỗ trợ nhỏ từ bộ phận công vụ của Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh để thành lập các điểm

trình diễn và huấn luyện nông dân ở rừng U Minh - một cử chỉ ngoại giao thích hợp đã đến gần nửa thế kỷ sau khi các đội quân Hoa Kỳ tàn phá khu rừng này^[184].

Trong chuyến đi gần đây đến vùng đồng bằng, Quang giới thiệu cho tôi hoạt động đa canh tại một trại nhỏ của Lê Hoàng Thanh, cách trường Đại học Cần Thơ vài kilomet. Thanh đã chuyển đổi nửa héc-ta đất của mình thành một dự án đa canh gần hai mươi năm trước và cùng với Quang, ông huấn luyện những người nông dân khác thực hiện quá trình chuyển đổi. Thanh là một trong những nông dân thành công và giỏi giang nhất tôi gặp được trong tất cả các chuyến đi đến vùng Mekong. Ông bắt đầu cuộc trò chuyện với vài câu tiếng Anh học được từ lính Mỹ trong chiến tranh, rồi bắt đầu mô tả con đường phát triển bền vững của mình. “Về thu nhập, tôi có thu nhập ổn định hằng năm nhờ trồng trọt đa canh. So với những người chỉ nuôi tôm hay trồng lúa thì có khi họ thu được cao hơn nhưng cũng có khi họ thu được ít hơn. Thành công của họ hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường của một loại cây trồng hay thủy sản. Đôi khi giá của thứ họ nuôi trồng cao nhưng họ không có nhiều để bán. Và có lúc họ có một vụ sản lượng bội thu nhưng giá lại thấp”, ông nói. “Tôi rất may vì suốt năm trang trại tôi có nhiều thứ để bán. Khi giá cao tôi có thể tranh thủ, các loại vật nuôi và cây trồng trong trang trại bổ sung cho nhau. Đây là một hệ thống rất ổn định.”

Ông đưa chúng tôi ra sau nhà để tham quan trang trại có hai cái ao được cây đước bao quanh nuôi đầy cá chép, cá rô phi, ốc và bèo cái. Bao quanh các ao và ngôi nhà của ông là 80 cây trấu quả gồm bưởi, sầu riêng và dâu da - loại quả có vị chua, giống quả vải thiều, trồng tại vùng có khí hậu nóng ở Đông Nam Á. Mọi sản phẩm của trang trại bảo đảm là hữu cơ và hệ thống của ông hoàn toàn kín, nghĩa là ông không mang gì từ bên ngoài vào trang trại của mình, không có thuốc trừ sâu, phân bón hóa học, hay kháng sinh để

duy trì năng suất. “Cá và ốc ăn bèo cái - các loại cá đều ăn cỏ nên chúng sẽ không ăn ốc. Ốc của tôi có chất lượng hàng đầu và được các nhà hàng ở Cần Thơ săn lùng”, ông nói khi kéo vài con ốc to bằng quả bóng golf ra khỏi cây bèo cái lồi từ ao lên. Thanh chắt thêm bèo cái vào xe cút kít và kéo nó trên một ống bê tông dài 3 mét một đầu kín. “Đây là hệ thống phân hủy sinh học của tôi. Nó cung cấp toàn bộ khí gas chúng tôi cần để nấu và trang trải chi phí máy điều hòa trong mùa khô”, ông nói với chúng tôi khi đùn bèo cái vào cửa thùng phân hủy lọc sinh học bằng một cây sào dài. Bên trong thùng phân hủy sinh học, các vi sinh vật phân hủy bèo cái hay bất kỳ chất hữu cơ nào được nạp vào. Việc đó tạo ra khí mê-tan và được lưu giữ trong một thùng chứa. Khi thùng này đầy, khí được sử dụng. “Tôi từng nuôi heo và dùng chất thải của chúng nạp cho thùng phân hủy sinh học, nhưng giờ giá thịt heo thấp, vì vậy dùng bèo cái và cỏ cắt quanh nhà là được rồi”. Sau khi quá trình phân hủy kết thúc, Thanh dọn sạch chất hữu cơ còn sót lại trong thùng phân hủy sinh học và ném vào ao làm nền dinh dưỡng cho bèo cái nổi. Việc đó khép kín vòng tuần hoàn dinh dưỡng trong ao. “Hằng năm sinh viên Đại học Minnesota đến đây học phương pháp của tôi. Tôi dạy họ cách làm thùng phân hủy sinh học”, ông nói.

Quang thêm vào, “Cây trái của Thanh có quanh năm, cá và ốc thu hoạch lúc nào cũng được, vì vậy ông ta không thích lúa hay tôm chỉ bán được vài lần trong năm. Trung bình một năm ông ta kiếm được từ 5.000 đến 6.000 đô-la”. Con số này đặc biệt ấn tượng so với ông Diệp, người nông dân trồng mía ở Cù Lao Dung một năm chỉ kiếm được 1.000 đô-la từ 180 ha đất.

“Ông có vẻ rất thích hệ thống này, nhưng duy trì nó mất nhiều công sức”, tôi nói với Thanh sau khi ông cho chúng tôi thấy cách ông nuôi ốc và trứng cá mà ông đã lấy ra khỏi ốc và cá trong ao.

Thanh trả lời với một nụ cười tự hào, “Tôi thực sự thích hệ thống này, và cũng không có nhiều việc. Bây giờ hệ thống có thể tự vận hành. Có khi vài tuần tôi chẳng để ý đến nó.”

“Nhờ thế ông ấy có thời gian cùng tôi đi khắp vùng đồng bằng, dạy cho nông dân cách đa canh. Ông ấy cũng được thuê làm chuyên đó”, Quang nói. “Ông Thanh rất nổi tiếng ở vùng đồng bằng”. Thanh là một trong số 300 nông dân ở vùng ven Cần Thơ đã chuyển từ độc canh sang đa canh. Tầm nhìn của Quang là chuyển hệ thống vòng kín này sang các khu vực khác của vùng đồng bằng. “Có rất nhiều cách đa canh. Cách hiệu quả đối với ông Thanh quanh Cần Thơ có thể không hiệu quả ở Cà Mau hay ở các nơi khác của vùng đồng bằng. Tôi thiết kế các hệ thống để thích ứng với đất và nước mỗi nơi”. Nếu anh ấy và các nhà quảng bá đa canh khác thành công ở quy mô lớn hơn, sẽ có nhiều nông dân thôi làm lúa và các loại cây trồng một vụ và bán các sản phẩm đa canh hữu cơ có giá trị cao trên thị trường khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, việc mở rộng như thế đối mặt với một trở ngại lớn ở đồng bằng này: không có đường sá để đưa những hàng hóa dễ hư hỏng này đến các chợ xa xôi.

So với các vùng khác của Việt Nam, vùng đồng bằng này có ít đường sá hơn nhiều. Điều đó chẳng có gì ngạc nhiên khi xét tới việc hầu hết các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng của vùng đồng bằng đã được đổ vào xây đê và cửa cống để thúc đẩy sản xuất lúa gạo. Mạng lưới đường thủy hiện tại không được sử dụng đúng mức và thiếu một mạng lưới cảng để vận chuyển hàng hóa từ đồng bằng đến các nơi khác của khu vực. Đường và mạng lưới đường thủy cộng lại bằng 72% mức trung bình cả nước của Việt Nam. Giống thu nhập, hạ tầng giao thông đang tụt lại phía sau, và hai con số này có liên quan với nhau^[185]. Nhiều con đường hiện tại ở vùng đồng bằng bị ngập lụt hay không thể đi lại trong mùa mưa. Ngay cả trong mùa khô, đi

150km từ Cần Thơ đến rừng U Minh ở tỉnh Cà Mau có thể mất tới 6 giờ. Đến nay, chỉ có 4 cây cầu bắc qua sông Hậu và sông Tiền. Tất cả được xây trong thập niên vừa qua với sự tài trợ của Nhật Bản và Úc. Việc thiếu kết nối giao thông khiến các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài giàu có muốn đầu tư vào nông nghiệp giá trị cao hay các ngành khác tránh xa đồng bằng này.

Nhưng tất cả điều đó có thể sớm thay đổi khi Nghị quyết 120 ban hành vào cuối năm 2017 đề cập ở trên, thôi coi trọng việc sản xuất lúa gạo và kêu gọi các giải pháp căn cơ để chuyển vùng đồng bằng sang con đường phát triển bền vững hơn, bắt đầu có tác dụng. Một số ngôn từ chính thức của Nghị quyết rất đáng khích lệ và phù hợp với nhu cầu của vùng đồng bằng và khu vực nói chung. Ví dụ, sự phát triển kinh tế nên “phục vụ người dân” và tập trung vào “chất lượng thay vì số lượng”. Quan trọng hơn, nghị quyết đó yêu cầu một mô hình phát triển dựa trên “hệ thống sinh thái hài hòa với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa và con người, và quy luật tự nhiên”. Nó đòi hỏi sự kết hợp giữa “công nghệ hiện đại, tiên tiến và kiến thức bản địa” - một thay đổi đầy cảm hứng cho một khu vực mà nhà nước thường coi các tập tục bản địa là lạc hậu và thiếu văn minh^[186]. Tuy nhiên, một con đường cụ thể để thực hiện tầm nhìn đó chưa hiện rõ.

Sự thay đổi này diễn ra vào thời điểm đặc biệt khó khăn khi nước này đã đạt đến mức giới hạn của các ngân hàng đa quốc gia như Ngân hàng Thế giới hay Ngân hàng Phát triển Châu Á. Tư duy sáng tạo có thể chỉ ra cho các nhà quy hoạch ở vùng đồng bằng cách làm nhiều hơn với nguồn lực ít hơn là rất cần thiết. Đồ bê tông đê, xây cửa cống và tạo ra một hệ thống phức tạp điều phối nước chảy qua vùng đồng bằng sẽ chỉ làm tăng thêm rủi ro trong giai đoạn cạnh tranh giành giật tài nguyên nước, cả ở đồng bằng và trong khu vực, đang nóng lên. Đặt niềm tin vào một hệ thống công trình là

cho rằng một quốc gia có thể tiếp tục đối phó với các rủi ro biến đổi khí hậu tăng lên cùng với các chi phí bảo trì, chấm dứt, hay thất bại của các dự án đó. Rõ ràng vùng đồng bằng phải tránh xa “vấn đề Penelope” trong việc xây dựng và duy trì thêm đê và cửa cống ngay cả khi mục đích là chống lại mực nước biển dâng cao.

Để tìm ra hướng đi khôn ngoan cho đồng bằng này, Việt Nam có thể hướng đến thành công theo mô hình phát triển của Hà Lan. Phần lớn nước Hà Lan dưới mực nước biển và nằm trên đồng bằng các sông Rhine - Meuse - Scheldt. Hà Lan nổi tiếng với hệ thống đê biển rộng lớn giúp đồng bằng Hà Lan trở thành một trong những khu vực có nền kinh tế nông nghiệp giá trị nhất thế giới. Người Hà Lan là nhà xuất khẩu nông sản số hai toàn cầu và đạt mức thu nhập vào loại cao nhất thế giới một phần do chọn con đường này. Năm 2013, người Hà Lan đưa ra một Kế hoạch Đồng bằng Sông Cửu Long cho Việt Nam khuyến nghị nền kinh tế vùng đồng bằng chuyển sang sản xuất, chế biến và đóng gói nông sản có giá trị cao và sau đó vận chuyển tới các nơi ở Việt Nam và khu vực nói chung.

Kế hoạch của Hà Lan khuyến cáo tránh chiến lược đê đồng bằng này chỉ là một trung tâm sản xuất lương thực vì như thế, lớp trẻ tài năng của vùng đồng bằng sẽ tiếp tục bỏ đi và nhiều tài nguyên của vùng đồng bằng sẽ không được sử dụng thích đáng. Việc ưu tiên sản xuất lương thực sẽ tiếp tục tình trạng đầu tư quá mức vào đê, kênh đào và cửa cống sẽ làm tan nát hệ sinh thái của vùng đồng bằng. Ngoài ra, chỉ nông nghiệp sẽ không tạo ra tăng trưởng kinh tế đủ sức hỗ trợ việc đô thị hóa ở các thành phố của đồng bằng này^[187]. So sánh, việc ưu tiên sản xuất kinh doanh nông nghiệp sẽ tiếp tục tận dụng tài nguyên thiên nhiên phong phú của vùng đồng bằng và thúc đẩy người dân địa phương và người ngoài đầu tư làm tăng thêm giá trị và tạo ra các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Thay vì dành đất cho sản xuất lúa,

việc áp dụng các hệ thống sử dụng đất linh hoạt sẽ để cho thị trường quyết định sản phẩm nào mang lại giá trị cao nhất cho nông dân. Con đường này sẽ có hiệu quả hơn về chi phí và lợi ích sẽ được dành cho việc công nghiệp hóa và đô thị hóa ở vùng đồng bằng. Một nền tảng thu nhập thịnh vượng hơn ở đồng bằng này sẽ mang đến nhiều nguồn lực hơn để chống lại các đe dọa của biến đổi khí hậu^[188].

Trong thế kỷ tới, bao nhiêu phần trăm điều xảy ra đối với kinh tế và môi trường tại đồng bằng sông Cửu Long trong tương lai là trách nhiệm giải quyết của phần còn lại của thế giới? Suy cho cùng, mức tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch quá mức vốn đưa đến sự biến đổi khí hậu đe dọa vùng đồng bằng lại đến từ phương Tây phát triển. Điều đó giờ được chuyển sang các nước phát thải carbon lớn như Ấn Độ và Trung Quốc, nước ở ngay đầu nguồn sông Mekong. Hơn nữa, một phần cá, tôm, và gạo của đồng bằng này được bán khắp thế giới. Khi người tiêu dùng ở Hoa Kỳ, châu Âu, châu Phi và Trung Quốc mua các sản phẩm này, họ đang mua một phần nước và trầm tích của sông Mekong - hai dòng chảy môi trường quan trọng nhất hiện đang bị đe dọa trên toàn sông Mekong. Nếu ở quy mô toàn cầu và khu vực, một kết nối giữa thực phẩm vùng đồng bằng mà chúng ta là người ăn và một động lực để giữ cho vùng đồng bằng sống sót, thì các giải pháp để phát triển bền vững và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của nó có thể được đưa vào để hỗ trợ Việt Nam khi nông dân, các nhà hoạch định và các học giả nước này hướng vùng đồng bằng vào một lộ trình phát triển thông minh hơn và bền bỉ hơn.

Trong cuộc trò chuyện của tôi với Nguyễn Hữu Thiện, nhà sinh thái học đồng bằng sông Cửu Long, anh so sánh tâm lý của các kỹ sư vùng đồng

bằng với nhân vật chính xấu số trong truyện ngắn năm 1908 của Jack London, *To Build a Fire* (Đốt Lửa)^[189]. Trong truyện, nhân vật chính dò dẫm đi tới trong băng giá của vùng Yukon ở Alaska, bất chấp cảnh báo của những người khôn ngoan hơn quanh anh ta cố ngăn việc đi ra ngoài trời buốt giá. Anh ta ngạo mạn tiến tới hoàn toàn không chút tôn trọng, hiểu biết hay thấu cảm khung cảnh tự nhiên quanh anh ta. Đó là câu chuyện cổ điển về con người và thiên nhiên, và cuối cùng, dù đã cố gắng đốt lửa và sưởi ấm cơ thể, nhân vật chính vẫn chết vì hạ thân nhiệt. Tâm lý này không chỉ có ở các kỹ sư của vùng đồng bằng mà ở cả các quan chức, nhà đầu tư và giới chóp bu chính trị ở lưu vực sông Mekong đang đẩy sông Mekong đến chỗ hủy hoại sinh thái bất chấp hơn 15 năm cảnh báo từ các nhà khoa học, chuyên gia chính sách và các lãnh đạo cộng đồng. Hiện nay, chính hệ sinh thái Mekong đang đưa ra các dấu hiệu cảnh báo. Tuy nhiên, không giống như nhân vật chính của London, các nhân vật hiện đang thống trị tương lai của dòng Mekong dường như không cảm nhận được nỗi đau do những quyết định của họ gây ra. Những người này lại được sinh ra bởi hệ sinh thái phong phú của dòng Mekong và các cộng đồng dễ bị tổn thương sống trong đó.

Trong một cảnh báo gần đây, Ban Thư ký Ủy hội Sông Mekong đã đưa ra những phát hiện của bản “Nghiên cứu Hội đồng” của ban này, một công trình phân tích 4 năm tác động của phát triển thủy điện trên dòng chính và các sông nhánh của sông Mekong. Đó là nghiên cứu đầu tiên thuộc loại này được các chính phủ ở Hạ Mekong và các đối tác phát triển chi tiền để định lượng bằng đô-la các thiệt hại kinh tế, xã hội và môi trường do các con đập gây ra. Đúng như dự kiến, và phù hợp với hầu hết các nghiên cứu được thẩm định khác về các tác động này, các kết quả nghiên cứu đã dự đoán một tương lai thảm khốc cho hệ thống sông và những người sống dựa vào tài nguyên sông. Chúng thúc giục mạnh mẽ việc tìm ra các phương án thay thế

để tránh những cú sốc đó. Cho đến nay, Việt Nam, nước xa nhất phía hạ nguồn sông Mekong là quốc gia duy nhất đưa kết quả của “Nghiên cứu Hội đồng” vào quá trình lập kế hoạch.

Bất chấp cảnh báo, Lào vẫn tiếp tục xây đập trên dòng chính sông Mekong, đưa ra thông báo tháng 6 năm 2018 về đập Pak Lay, con đập thứ tư được xây trên dòng chính của sông Mekong. Ngoài ra, cũng vào tháng 6, chính phủ Lào công bố hai con đập sẽ được các công ty Thái Lan xây trên dòng chính Sekong, con sông cuối cùng trong các con sông 3S chưa có đập, bất chấp những nỗ lực của các nhà bảo tồn giữ cho sông Sekong không bị xây đập. Cát tiếp tục chảy khỏi sông Mekong, lấp vào các đầm lầy để phát triển đô thị ở tất cả các nước dọc sông Mekong. Nhà cửa ven sông tiếp tục rơi xuống sông Mekong và sản lượng cá đánh bắt tiếp tục suy giảm. Trung Quốc tiếp tục cho rằng các đập thượng nguồn của nước này ít gây thiệt hại sinh thái ở hạ nguồn. Mọi việc vẫn như thường tiếp tục tiến tới hiểm họa sinh thái trong lưu vực sông Mekong.

Mượn một ám chỉ mang tính văn học khác từ hơn một thế kỷ trước, các giai đoạn lịch sử khác nhau của đồng bằng sông Cửu Long giống như những bóng ma của quá khứ, hiện tại và tương lai đối với phần còn lại của lưu vực sông Mekong. Bắt đầu từ quá khứ, phần đầu sách này mô tả người dân vùng cao của sông Mekong là người Zomia, những người có thể dễ dàng lẫn tránh nhà nước và chọn cho mình sinh kế riêng với sự phong phú tài nguyên thiên nhiên quanh mình. Lật qua lịch sử vùng đồng bằng, người ta chắc chắn sẽ so sánh giữa bọn cướp đầm lầy và những kẻ chống đối ở vùng đồng bằng với các nhóm sắc tộc Mekong. Nhưng ngày nay, trừ người Khmer Khrom vốn cư ngụ ở đồng bằng này ngay từ đầu, họ đã hoàn toàn biến mất. Bộ máy kiến thiết nhà nước độc đoán gồm các kỹ sư, người nạo vét kênh đào và những người quản lý cửa cống hoàn toàn bao quát khắp

vùng đồng bằng. Nói chung, sự đa dạng sinh học một thời của đồng bằng này cũng đã không còn. Dân vùng đồng bằng từ 50 tuổi trở lên vẫn còn nhớ thời đầm lầy và các vùng đất ngập nước như là “siêu thị” của họ cũng như Khru Tee ở Tam Giác Vàng ngày nay nhắc nhở các cộng đồng ở đó rằng rừng của họ vẫn còn cung cấp lắm thứ.

Hiện nay, đồng bằng này đang phải đối mặt với cùng những tác động đó từ các con đập thượng nguồn, việc quy hoạch kém, và biến đổi khí hậu như hầu hết các nơi trong lưu vực sông Mekong. Vì đồng bằng của Việt Nam nằm ở cuối hạ nguồn, ảnh hưởng qua lại của các tác động từ thượng nguồn và biến đổi khí hậu là mạnh mẽ và phức tạp nhất. Đồng bằng này lại là khu vực đông dân nhất của sông Mekong. Tuy nhiên, dân số ngày càng tăng ở Lào, Campuchia và Thái Lan sẽ tiếp tục gây áp lực lên việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và nước. Vì đối với tất cả các quốc gia trong vùng Mekong, vấn đề này rất giống nhau nên chính phủ các nước và các bên liên quan khác cần hợp tác tìm ra các giải pháp chung. Nhưng thay vào đó, họ lại chọn cách cạnh tranh và gây khó khăn cho nhau trong việc tiếp cận các nguồn lực. Chỉ có một cuộc khủng hoảng chung như hạn hán nghiêm trọng, xung đột quân sự hay suy thoái kinh tế mới phôi bày những điểm yếu chung và đưa các nước đến với nhau, nhưng tất nhiên, ý kiến này cũng chỉ là suy đoán.

Hiện trạng của vùng đồng bằng cũng cho thấy một loại bóng ma tương lai trong phần còn lại của sông Mekong. Con sốt xây đập của Lào, mà nhiều người gọi là một ý tưởng tệ hại, đã thực sự khởi động với đập Xayaburi vào giữa những năm 2000. Chính sách Ưu tiên Lúa của Việt Nam, một ý tưởng tệ hại khác, đã xuất hiện vào giữa những năm 1980, hai thập niên trước đó. Cả hai sáng kiến phát triển này phụ thuộc nặng nề vào quy hoạch của các kỹ sư và các mục tiêu kinh tế được xác định một cách kém cỏi. Chính sách

Ưu tiên Lúa phá hoại sinh kế và nền tảng tài nguyên thiên nhiên vùng đồng bằng. Các kế hoạch của Lào chắc chắn sẽ hủy hoại sinh kế và nền tảng tài nguyên thiên nhiên hạ nguồn. Hàng triệu người hiện đang rời bỏ vùng đồng bằng do cạn kiệt tài nguyên và làm tan vỡ các dòng chảy môi trường cốt lõi. Hiện nay sau ba thập niên, Việt Nam đang cố gắng sửa chữa những sai lầm trong quá khứ bằng Nghị quyết 120. Liệu Lào có phải mất ba thập niên để nhận ra các kế hoạch “Nguồn điện của Đông Nam Á” là không thể thực hiện được và kêu gọi một sự điều chỉnh đường hướng? Vào thời điểm đó, liệu Lào hay Campuchia ở một vị thế tương tự, có đủ nguồn lực và kiến thức để tự mình chuyển sang một hướng đi hoàn toàn khác? Và với một giải pháp cho vùng đồng bằng hiện đang lấp ló ở chân trời, liệu có thực sự đáng để vượt qua những nỗi đau của việc tàn phá hệ sinh thái tuyệt vời của sông Mekong do việc xây quá nhiều đập ở thượng nguồn và cắt đứt kết nối khắp các nhánh quan trọng của dòng chính, các sông nhánh và hồ Tonle Sap?

Các công nghệ như năng lượng mặt trời, năng lượng gió và lưu trữ điện sẽ sớm đưa ra các giải pháp thay thế việc xây đập trên sông Mekong và đáp ứng nhu cầu năng lượng khu vực. Năng lượng tái tạo vừa có thể thay thế các con đập vừa giảm nhu cầu tìm kiếm các nguồn phát năng lượng ngoài nước của các nước như Thái Lan. Những chuyển đổi lớn trong sản xuất và phân phối năng lượng có thể đến sớm hơn dự kiến. Vào tháng 3 năm 2018, chính phủ Thái Lan đã gây sốc cho giấc mơ trở thành “Nguồn điện của Đông Nam Á” của Lào khi tuyên bố tạm thời dừng xây đập Pak Beng, đập thứ ba dự kiến cho dòng chính sông Mekong ở Lào. Đập Pak Beng đã trải qua quá trình tham vấn và thông báo của MRC vào năm 2017 và đã sẵn sàng động thổ khi việc đình chỉ được công bố.

Cơ quan điện lực quốc gia Thái Lan EGAT nói việc tạm dừng Pak Beng là để rà soát lại kế hoạch phát triển điện của Thái Lan. Bộ Năng lượng Thái

Lan đã viện dẫn nhu cầu tích hợp điện được sản xuất từ bên trong Thái Lan trước khi mua điện từ các đập ở Lào và Myanmar. Sự dư thừa ngày càng nhiều khí sinh học, năng lượng mặt trời và năng lượng gió bên trong biên giới Thái Lan đang thúc đẩy các ý kiến này. Ngoài ra, một cái nhìn mới về nhu cầu điện ở Thái Lan cho thấy trong tương lai cần ít năng lượng hơn. Do Lào không sử dụng điện tạo ra từ các đập chính và chỉ đề xuất khẩu sang khu vực lân cận, do không có thị trường điện nào khác trong khu vực muốn mua thủy điện của dòng chính sông Mekong, việc xây đập có thể bị dừng lại. Cách các nước trong khu vực phản ứng với sự đổi mới công nghệ năng động và nhu cầu năng lượng thay đổi trong 5 năm tới sẽ quyết định số phận của hệ sinh thái sông Mekong. Vì thế, không thời điểm nào tốt hơn lúc này để tham gia vào nỗ lực chung của vùng Mekong, áp dụng công nghệ năng lượng tái tạo và các biện pháp giảm tiêu thụ điện trên toàn khu vực này.

Nhưng hai xu hướng không có dấu hiệu lắng xuống là sự xâm lấn ngày càng tăng của Trung Quốc vào khu vực sông Mekong và sự đồng hóa triệt để các nền văn hóa Zomia vào lối sống và môi trường kinh tế hoàn toàn do các nước đồng bằng quyết định. Những xu hướng này liên quan với nhau vì các nhà đầu tư Trung Quốc ngày càng hăm hở trong việc đưa các sáng tạo công nghệ - đập, đường bộ, đường sắt, sản phẩm tiên tiến, và giờ là máy bay không người lái và trí tuệ nhân tạo - vốn sẽ làm giảm dân số ở vùng núi đồi hay ràng buộc hơn nữa những người chọn ở lại đó vào hệ thống kinh tế đồng bằng. Dòng chảy đầu tư hạ tầng, sự thâm nhập thị trường, lao động và du khách Trung Quốc đang làm thay đổi bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường ở sông Mekong với tốc độ chưa từng có trước đây bởi bất kỳ cường quốc bên ngoài nào. Nếu chất lượng của việc thay đổi khác đi, điều đó chỉ có thể được thực hiện bởi chính các đối tác Trung Quốc khi họ có trách nhiệm hơn và có ý thức hơn với các phẩm chất độc đáo của khu vực sông Mekong. Ngoài ra, các đối tác ở hạ nguồn có thể cùng nhau hợp tác tích cực

với Trung Quốc để thực hiện một tiến trình thay đổi. Các đối tác phát triển từ phương Tây có thể hỗ trợ cho cả hai vế của phương trình này. Nếu không làm được như vậy để ngăn chặn một sự suy thoái đột ngột trong vùng, các tổn thất do sự xâm nhập kinh tế của Trung Quốc vào Đông Nam Á gây ra sẽ không giảm đi.

Một điều tôi biết được khi trò chuyện với hàng trăm người làm việc trong cộng đồng, chính quyền và giới nghiên cứu là các cộng đồng ở vùng Mekong có thể giải quyết các vấn đề tại chỗ của chính họ nếu các thành viên có trong tay các công cụ và phương pháp phù hợp. Trong toàn khu vực, những cá nhân trong các cộng đồng đang cùng nhau làm việc, đôi khi có sự hỗ trợ từ các trường đại học, chính quyền địa phương, các đối tác phát triển quốc tế và khu vực tư nhân, để bảo tồn tích cực tài nguyên thiên nhiên quanh họ trong khi vẫn bảo tồn môi trường văn hóa độc đáo của làng bản riêng của mình bên dòng Mekong. Người Akha ở Vân Nam đang thực hiện điều đó. Các cộng đồng ở Tam Giác Vàng tiếp tục không chỉ phát triển văn hóa ở tỉnh Chiang Rai, mà Khru Tee và các đồng nghiệp của ông còn truyền đạt những bài học này cho các cộng đồng trên khắp Thái Lan. Những câu chuyện thành công cũng được tìm thấy tại các làng chài ở Tonle Sap và những người nông dân đa canh ở đồng bằng sông Cửu Long. Điều đó không xảy ra ở các cộng đồng sắc tộc dọc theo sông Nam Ou ở Bắc Lào hay thung lũng Nhĩ Hải ở tỉnh Vân Nam của Trung Quốc - vốn có một hệ thống cai trị trên-xuống, đã loại bỏ gần như tất cả ý thức tự giác của các cá nhân nhằm cải thiện số phận của mình và chất lượng của môi trường xung quanh. Các trường hợp thành công đều có chung một bối cảnh: các quy trình dân chủ và minh bạch cho phép sự thay đổi, và sự lãnh đạo mạnh mẽ, nhất quán hướng tới một tầm nhìn. Tuy nhiên, dù các cộng đồng có thể đối phó với sự thay đổi cục bộ, trong tương lai sự kiên cường của họ sẽ bị thách thức bởi các hoạt động cách xa họ hàng ngàn kilomet phía thượng nguồn

cũng như các tác động của biến đổi khí hậu. Nếu phần lớn trầm tích biến mất và dòng sông biến thành một loạt các hồ tù đọng hay đất đai của họ biến mất, giải pháp thay thế tốt nhất cho các cộng đồng vốn phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên của dòng sông là ra đi.

Trong vô số cách giải thích của cuốn sách này về cách hệ thống sinh thái của dòng Mekong hoạt động, tôi hy vọng khái niệm kết nối có sức mạnh gắn bó nhất với độc giả. Kết nối là một cách nghĩ về dòng sông như một hệ thống liên kết các sông nhánh với dòng chính của nó rồi với vùng đất xung quanh và với biển cả. Khi kết nối là điểm khởi đầu để suy nghĩ về cách để quản lý và bảo tồn hệ thống sông, các dòng chảy môi trường luôn là phần quan trọng nhất trong bất kỳ cuộc thảo luận nào. Kết nối không chỉ là một cách nghĩ về dòng Mekong mà còn là một mô hình hiệu quả cao để suy nghĩ về việc bảo tồn các dòng sông lớn nhỏ của thế giới. Sau cuộc trò chuyện với nhà sinh thái học đồng bằng sông Cửu Long Dương Văn Ni, trước khi chia tay, ông nhắc nhở tôi về tầm quan trọng của tính kết nối và xem sông Mekong là một hệ thống được kết nối.

Tiến sĩ Ni nói, “Dòng sông tự nó không có Thượng hay Hạ Mekong. Cả hệ thống này là một. Không có phần Thượng Mekong thì không có vùng đồng bằng. Không có hoạt động dọc theo dòng sông, đi qua Lào, qua Thái Lan, đến Campuchia, thì sẽ không có sự đa dạng sinh học phong phú của dòng Mekong. Tôi thích so sánh dòng sông với cây. Thân cây không tự phát triển một mình. Nó phát triển nhờ tán, lá, rễ. Khi nghĩ về sông Mekong, anh nên nghĩ nó giống như một cây xanh. Nếu nó chỉ là thân cây, thì dân ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia hay Việt Nam nghĩ rằng phần thuộc về họ là phần quan trọng nhất. Nhưng không phải vậy. Nếu người ta cắt tất cả các cành nhánh của cây, thân cây sẽ chết. Nếu người ta cắt rễ của cây, thân cây sẽ chết. Vì thế, nếu chúng ta muốn bảo tồn dòng Mekong

hùng vĩ này, chúng ta phải nhìn vào tất cả các phần của dòng sông vốn được kết nối thành một hệ thống”, ông kết luận. Nếu chúng ta không bắt đầu ngay hôm nay, xem dòng sông và cảnh quan xung quanh như một hệ thống kết nối và cùng nhau hành động để bảo tồn, ngày tàn của dòng Mekong hùng vĩ đã đến.

BẢNG PHIÊN ÂM MỘT SỐ ĐỊA DANH TRONG SÁCH

1. Dadu: Đại Độ
2. Dali: Đại Lý
3. Dianchi: Điền Trì
4. Erhai: Nhĩ Hải
5. Jinghong: Cảnh Hồng
6. Kunming: Côn Minh
7. Lancang: Lan Thương
8. Lijiang: Lệ Giang
9. Min: Mân
10. Xishuangbanna: Tây Song Bản Nạp
11. Yalong: Nhã Lung
12. Yangtze: Trường Giang

13. Yubeng: Vũ Bǎng

14. Yunan: Vân Nam

Chú thích

[1] Tên Zomia do nhà sử học Willem van Schendel đưa ra vào năm 2002, nhưng tác phẩm của Scott góp phần lớn vào việc phổ biến khái niệm địa lý Zomia. Scott, James C. *The Art of Not Being Governed*. Yale, New Haven. 2009.

[2] Hurtle, Kent. (2009). “Fishes of the Mekong - How Many Species are There?” *Catch and Culture*. 15.4-12.

[3] Mekong River at Risk. World Wide Fund for Nature. 2012. mobil.wwf.de/fileadmin/fm-wwf/Publikationen-PDF/WWF_factsheet_The_Mekong_River_at_Risk.pdf.

[4] Nguyên tác “average person”: ý chỉ người dân ở mức trung bình trong một đất nước. (BTV)

[5] www.Mekongeye.com/2017/03/03/mrc-ceo-hydropower-development-will-not-kill-the-Mekong-river/

[6] Hilton, James. *Lost Horizon*. Macmillan. 1933.

[7] www.revolvy.com/main/index.php?s=Kawagarbo.

[8] Osburg, John. *Anxious Wealth: Money and Morality Among Chinas New Rich*. Stanford. 2013. sinosphere.blogs.nytimes.com/2014/12/16/q-

and-a-john-osburg-on-the-angst-found-among-chinas-newly-rich/

[9] Jenne, Jeremiah. Cuộc phỏng vấn vào ngày 6 tháng 3 năm 2017. Jeremiah Jenne dạy lịch sử ở Bắc Kinh và thường xuyên viết cho *ChiaFile*, *World of Chinese*, và *Radii China*.

[10] Yu, Dan Smyer. *The spread of Tibetan Buddhism in China*. Routledge, 2011.

[11] sinosphere.blogs.nytimes.com/2014/12/16/q-and-a-john-osburg-on-the-angst-found-among-chinas-newly-rich/

[12] www.nature.org/ourinitiatives/regions/asiaandthepacific/china/placesweprotect/china-meili-snow-mountain.xml?redirect=https-301.

[13] Tài liệu đã dẫn.

[14] www.chinadialogue.net/article/show/single/en/4518-Vanishing-Shangri-La-1-.

[15] Bo, Wang. Phỏng vấn Wang Bo vào 19 tháng 3 năm 2018.

[16] www.npr.org/templates/story/story.php?storyId=17200108.

[17] Allison, Elizabeth (2015). “The spiritual Significance of Glaciers in the Age of Climate Change.” *Wires Climate Change*. 6. 5. Wiley.

[18] www.icimod.org/?q=18647.

[19] World Energy Outlook 2015. International Energy Agency.

[20] Eels, Mark. “Chinas Delicate Pursuit of Natural Gas.” *The Diplomat*. April 15, 2014.

[21] www.eia.gov/todayinenergy/detail.php?id=15531.

[22] bigstory.ap.org/article/f5f4735a01234f3aaa6c1ac0d41db961/coal-not-going-away-anytime-soon-despite-renewables-push.

[23] www.wri.org/blog/2015/07/doser-look-chinas-new-dimate-plan-indc.

[24] news.nationalgeographic.com/2016/05/160512-china-nu-river-dams-environment/

[25] Sách được xuất bản tại Anh lần đầu vào 2-2019 (BTV).

[26] www.chinadialogue.net/article/show/single/en/9760-Hydropower-boom-in-China-and-along-Asia-s-rivers-outpaces-electricity-demand.

[27] Bộ truyện thành công nhất của Kim Dung là *Xạ điêu tam bộ khúc* (Hong Kong Commercial Press, Hong Kong) xuất bản từ năm 1957 đến 1961. Đây là bộ phim võ thuật giả tưởng về sự trỗi dậy của người Mông Cổ cuối triều đại Nam Tống đến khi thành lập thời đại Mông Cổ. Lịch sử Đại Lý được nêu bật trong cuốn tiểu thuyết năm 1963 *Thiên long bát bộ* của Kim Dung (Hong Kong Commercial Press, Hong Kong).

[28] Thant Myint, U., *Where China Meets India: Burma and the New Crossroads of Asia*. Farrar, Strauss and Giroux. New York. 2012, tr 148.

[29] He, Liyi and Chix, Claire Anne. *Mr. China's Son: A Villagers Life*. Westview. 2002.

[30] Flahive, Colin. *Great Leaps: Finding Home in a Changing China*. Hudson River Press. 2015, tr 46.

[31] Siekman, Dan. “Kunming Deploying Invasive Species to Clean up Dianchi.” *GoKunming*. February 3, 2010. www.gokunming.com/en/blog/item/1354/kunming_deploying_invasive_species_to_clean_up_dianchi.

[32] Tang et al. (2013). “Status and historical changes in the fish community of Erhai Lake.” *Chinese Journal of Oceanology and Limnology*. 31: 712. doi.org/10.1007/ S00343-013-2324-7.

[33] Scally, Patrick. “Erhai Lake Quality Steadily Improving.” *GoKunming*. 16 tháng năm 2015. www.gokunming.com/en/blog/item/3506/report_erhai_lake_water_quality_steadily_improving.

[34] www.theguardian.com/world/2013/may/03/china-arrests-fake-meat-scandal.

[35] www.gokunming.com/en/blog/item/3517/chinas_national_meat_scandal_hits_yunnan.

[36] Pelley, Patricia M. *Post-Colonial Vietnam: New Histories of the National Past*. Duke University Press, Durham. 2002.

[37] Wang Jianhua (2013). *Sacred and Contested Landscapes: Dynamics of Natural Resource Management by Akha People in Xishuangbanna, Southwest China*. (Unpublished doctoral dissertation.) University of California, Riverside. California, tr 55.

[38] Scott, James C. *The Art of Not Being Governed*. Yale, New Haven. 2009, tr 116.

[39] Von Geusau, Leo Alting, “Akha Internal History: Marginalization and Ethnic Alliance System,” chapter 6 in Turton, Andrew (ed). *Civility and Savagery*. Routledge. 2000.

[40] Wang Jianhua (2013). *Sacred and Contested Landscapes: Dynamics of Natural Resource Management by Akha People in Xishuangbanna, Southwest China*. (Unpublished doctoral dissertation.) University of California, Riverside. California, tr 119.

[41] Scott, James C. *The Art of Not Being Governed*. Yale, New Haven. 2009, tr 192.

[42] Tài liệu đã dẫn, tr 278.

[43] Von Geusau, Leo Alting. “Akha Internal History: Marginalization and Ethnic Alliance System,” in Tuton, Andrew (ed). *Civility and Savagery*. Routledge. 2000, tr 130.

[44] James Scott phát triển khái niệm “vũ khí của kẻ yếu” trong tác phẩm nhiều ảnh hưởng *Weapons of the Weak: Everyday Forms of Peasant Resistance*. Scott, James C. *Weapons of the Weak: Everyday Forms of Peasant Resistance*. Yale. 1987.

[45] Wang Jianhua (2013). *Sacred and Contested Landscapes: Dynamics of Natural Resource Management by Akha People in Xishuangbanna, Southwest China*. (Unpublished doctoral dissertation.) University of California, Riverside. California, tr 177.

[46] Chen, Huafang et al. “Pushing the limits: Patterns and Dynamics of Rubber Monoculture Expansion in Southwest China.” *PLoSOne*. 11. 2. e0150062. journals.plos.org/plosone/article?id=10.1371/journal.pone.0150062

[47] Wang Jianhua (2013). *Sacred and Contested Landscapes: Dynamics of Natural Resource Management by Akha People in Xishuangbanna, Southwest China*. (Unpublished doctoral dissertation.) University of California, Riverside. California, tr 229.

[48] www.sjonhauser.nl/akha-swing-festival.html.

[49] Li Haiying (2013). *Neo-Traditionalist Movements and the Practice of Aqkaoqzanr in a Multi-Religious Community in Northern Thailand*. (Unpublished masters dissertation.) Chiang Mai University, Chiang Mai, Thailand, tr 3.

[50] Li Haiying (2013). *Neo-Traditionalist Movements and the Practice of Aqkaoqzanr in a Multi-Religious Community in Northern Thailand*. (Unpublished masters dissertation.) Chiang Mai University, Chiang Mai, Thailand, tr 147.

[51] Tài liệu đã dẫn, tr 149.

[52] Tài liệu đã dẫn, tr 7.

[53] Wang Jianhua (2013). *Sacred and Contested Landscapes: Dynamics of Natural Resource Management by Akha People in Xishuangbanna, Southwest China*. (Unpublished doctoral dissertation.) University of California, Riverside. California, tr 229.

[54] Tài liệu đã dẫn, tr 235.

[55] Li Haiying (2013). *Neo-Traditionalist Movements and the Practice of Aqkaoqzanr in a Multi-Religious Community in Northern Thailand*. (Unpublished masters dissertation.) Chiang Mai University, Chiang Mai, Thailand, tr 115.

[56] Scott, James C. *The Art of Not Being Governed*. Yale, New Haven. 2009, tr 177.

[57] Morton, M. F. (2013). “If you come often, we are like relatives; if you come rarely, we are like strangers”: Reformations of Akhaness in the Mekong Region. *ASEAS -Austrian Journal of South-East Asian Studies*, 6. 1. 29-59, tr 5.

[58] Tooker, Deborah (2004). “Modular Modern: Shifting Forms of Collective Identity among the Akha of Northern Thailand”. *Anthropological Quarterly*. 77. 2. 243-88.

[59] “Biến chiến trường thành thị trường” là khẩu hiệu được truyền bá bởi Thủ tướng Thái Chatichai Choonhavan, một lãnh đạo được bầu một cách dân chủ năm quyền từ 1988 đến 1991.

[60] Howe, Jeff (2013). “Murder on the Mekong.” *Atavist Magazine* 30.magazine.atavist.com/murderonthemekong.

[61] Tài liệu đã dẫn.

[62] Tài liệu đã dẫn.

[63] Sin City: Illegal Wildlife Trade in Laos' Golden Triangle Economic Zone. Environmental Investigation Agency (EIA). Tháng 3,2015.

[64] Tivasuradej, Areeya. “Unexpected Waters: How Sudden Water Changes in the Mekong are Affecting Local Thai Livelihoods.” 29/5/2014. Eastbysoutheast.com. www.eastbysoutheast.com/unexpected-waters-sudden-water-changes-Mekong-af-fecting-local-thai-livelihoods/#more-2030.

[65] news.nationalgeographic.com/news/2005/06/photogalleries/giantcatfish/index.html.

[66] www.rfa.org/english/news/laos/former-lao-deputy-pm-joins-monastery-07132016155004.html.

[67] www.globalconstructionreview.com/sectors/fears-little-laos-under-chinas-kun-ming-singapore-r.

[68] Người Lào không phát âm “s” cuối tên nước họ. Người Pháp cũng thế, số nhiều “s” không phát âm trong tiếng Pháp.

[69] Mayoury Ngaosyvanth and Pheuipanh Ngaosayvanth. Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam 1778-1828. Southeast Asia Program Publications, Ithaca. 1998, tr 50.

[70] Ivarsson, Soren. *Creating Laos*. NIAS Press, Copenhagen. 2008, tr 18.

[71] Tài liệu đã dẫn, tr 43.

[72] Tài liệu đã dẫn, tr 167.

[73] Pietrantoni, Eric (1953). “La population du Laos de 1921 a 1945.” *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*. 28. 1. 1953, p 34. As cited in Ivarsson, Soren. *Creating Laos*. NIS Press. Copenhagen. 2008.

[74] Tuck, p. *The French Wolf and the Siamese Lamb*, tr 63. (Dẫn từ Ivarsson, Soren. *Creating Laos*. NIS Press, Copenhagen. 2008)

[75] Tài liệu đã dẫn, tr 98.

[76] Dwyer, Michael B. “The ‘New’ New Battlefield: Capitalizing Security in Laos’s Agribusiness Landscape.” tr 196 in *Changing Lives in Laos: Society, Politics, and Culture in a Post Socialist State*. NUS Press, 2017.

[77] www.rfa.org/english/news/laos/governor-11222017133554.html.

[78] Evrard, Olivier and Ian Baird. “The Political Ecology of Upland/Lowland Relationships in Laos since 1975,” p 172. in *Changing Lives in Laos: Society, Politics, and Culture in a Post Socialist State*. NUS Press. 2017.

[79] Tài liệu đã dẫn, tr 174.

[80] Tài liệu đã dẫn, tr 178.

[81] Chúng ta sẽ thấy mô hình này lặp đi lặp lại ở mức độ lớn hơn nhiều trên hồ Tonle Sap ở chương sau.

[82] Osborne, Milton (2014). “Mekong States speak Out Against the Don Sahong Dam.” *The Lowy Interpreter*. January 22.

www.lowyinstitute.org/the-interpreter/Me-kong-states-speak-out-don-sahong-dam.

[83] www.worldwildlife.org/stories/say-no-to-don-sahong-dam.

[84]

laoenergy.la/admin/upload_free/cb0bfaff9558dld767476cca252b287d0dad-5c39alb262b8ce97b4c963686fefa7ec9d5704d9d2686823d68b5a2f9360don_sa-hong_made_simple2%20Q&A.pdf.

[85] Không dẫn chứng một tài liệu nào trong bản thông báo. Phản ứng này được đưa ra sau khi bác bỏ tiếng ồn do các vụ nổ dưới nước ảnh hưởng quần thể cá heo, vì không có vụ nổ dưới nước nào cả. Không câu hỏi nào đặt ra vấn đề nổ trên mặt đất hay gần vị trí đập.

[86] Các kênh khác có thể đã giúp cá đi qua trong mùa khô là những dòng suối nhỏ. Không có nghiên cứu “sâu rộng” nào được dẫn trong tài liệu này. Mega First đã không đưa ra hay thực hiện một nghiên cứu minh bạch về tính chất này.

[87] Đó là Thái Lan, Lào, Campuchia và miền Nam Việt Nam. Miền Bắc Việt Nam đã bị loại khỏi các ủy ban của Liên Hợp Quốc cho đến sau khi thống nhất đất nước vào năm 1975.

[88] www.youtube.com/watch?v=NSWQztZPMdg.

[89] Lilienthal, *David E. The Journals of David E. Lilienthal Vol 6: Creativity and Conflict*. Harper Collins, 1976, tr 377.

[90] Ecology and the Mekong Project United Nations Economic Commission for Asian and the Far East, December 1972, tr 4.

[91] icem.com.au/portfolio-items/sea-of-hydropower-on-the-Mekong-mainstream-summary-of-the-final-report/

[92] Giả định tỷ lệ chiết khấu 3% cho các tính toán giá trị hiện tại ròng. Ba phần trăm là một tỷ lệ chiết khấu thường được chấp nhận trong phân tích lợi ích chi phí tài nguyên thiên nhiên. Costanza, Robert et al. *Planning Approaches for Water Resources Development in the Lower Mekong Basin*. Portland State University. 2011.

[93] Ở đây một con đập lớn đủ điều kiện là trên 15 megawatt. Đó là tiêu chuẩn được chính phủ Lào sử dụng để phân biệt các đập lớn và các dự án thủy điện nhỏ.

[94] Ziv et al. (2002). “Trading-off Fish Biodiversity, Food Security, and Hydropower in the Mekong River Basin.” *Proceedings of the National Academy of Science*, tr 2.

[95] Orr et al. (2012). “Dams on the Mekong River: Lost Fish Protein and the Implications for Land and Water Resources.” *Journal of Global Environmental Change*.

[96] Na Uy, Bỉ, Pháp, Trung Quốc, Mỹ, Thái Lan, Việt Nam, Nga, Hàn Quốc, Malaysia và Lào.

[97] Baird, Ian G and Quastel, Noah. (2015) “Rescaling and Reordering Nature-Society Relations: The Nam Theun 2 Hydropower Dam and Laos-Thailand Electricity Networks.” *Annals of the Association of American Geographers*. August.

[98] Intralawan, A., Frankel, R., and Wood, D. *Economic Evaluation of Hydropower Projects in the Lower Mekong Basin*. Mae Fah Luang

University. 2017.

[99] Tháng 10 năm 2016, nhóm của chúng tôi đã công bố một báo cáo tập trung vào sự phát triển thủy điện ở Lào, bên cạnh những điều khác, báo cáo này đã thảo luận về việc trong những tháng trước đó, Ủy ban Sông Mekong đã cắt giảm quy mô tổ chức xuống một phần ba so với bình thường và đóng cửa văn phòng thư ký tại Phnom Penh vào năm 2016 như thế nào.

[100] Mekong Effort Fails after Year of Lavish Foreign Funding. Associated Press. 2016.

[101] Tài liệu đã dẫn.

[102] Lichtefeld, J., Haque, M., Guen-Murray, J. “Mekong River Commission at a Turning Point: Perspectives From Inside the Region.” (Unpublished.) Stimpson. 2017, tr 18.

[103] Tài liệu đã dẫn, tr 22.

[104] Opperman, Dr. Jeff, Grill, Dr. Gunther, and Hartman, Dr. Joergg. The Power of Rivers: Finding Balance Between Energy and Conservation in Hydropower Development, *The Nature Conservancy*. 2015. tr 21.

[105] Chinas Debt Surpasses 300 percent of its GDP. CNBC (TV channel). June 28, 2017. www.cnbc.com/2017/06/28/chinas-debt-surpasses-300-percent-of-gdp-iif-says-raising-doubts-over-yellens-crisis-remarks.html.

[106] Sông chảy liên tục cho phép dòng nước chảy qua nhà máy đập hay qua đập tràn. Dòng chảy của nó không thể ngưng để tăng lưu trữ trong hồ chứa. Những con đập này tạo ra một hồ chứa nhỏ hơn, nước chỉ được lưu

trữ trong một vài ngày hay vài tuần tùy thuộc vào kích thước con đập. Các đập sông chảy liên tục được quảng bá là một công trình đập bền vững hơn so với đập lưu trữ vì thủy văn tổng thể của dòng sông không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, đập sông chảy liên tục gây ra mối đe dọa tương tự đối với sự di cư của cá và giữ lại trầm tích như đập lưu trữ nước và vãn biến hồ chứa phía sau tường đập thành một hồ có dòng chảy tối thiểu, do đó thủy văn cục bộ của con sông xung quanh đập sẽ bị ảnh hưởng.

[107] Để có thêm thông tin về năng lượng tái tạo phi thủy điện sẽ thay thế thủy điện và năng lượng nhiên liệu hóa thạch ở Đông Nam Á xem *Mekong Power Shift: Emerging Trends in the GMS Power Sector*, được viết bởi Courtney Weatherby và Brian Eyler. Stimson. Tháng 5/2017.

[108] Phỏng vấn Franz Gerner, World Bank, tháng 3/ 2016.

[109] Eimer, David (2014). “Vann Molyvann: The Unsung Hero of Phnom Penh Architecture.” *South China Morning Post*. February 8.

[110] www.nytimes.com/2018/01/09/business/cambodia-real-estate.html.

[111] Tài liệu đã dẫn, tr 11.

[112] Tài liệu đã dẫn, tr 20.

[113] Sahmakum Teang Tnaut (2010). “A Home No More: Stories from Boeung Kak Lake.” *Facts and Figures*. 18. December, tr 6.

[114] Suyheang Kry (2015). “The Boeung Kak Development Project: For Whom for What?” *Cambodia Law and Policy Journal*. Tháng 7/2015, tr 38.

[115] Otis, Daniel (2013). “Phnom Penh’s most famous planner sees a city on the verge of collapse.” *Next City*. December 31. nextcity.org/daily/entry/phnom-penhs-famous-urban-planner-sees-a-city-on-the-verge-of-collapse.

[116] thingsasian.com/story/got-fish-its-prahok-season-cambodia.

[117] Baran, E. Cambodia Inland Fisheries: Facts, Figures and Context. WorldFish Center and Inland Fisheries Research and Development Institute, Phnom Penh, Cambodia. 2005, tr 4.

[118] Số liệu chính thức của Campuchia ghi nhận sản lượng hằng năm của Tonle Sap là 350.000 tấn, nhưng con số đó thấp hơn thực tế vì những lý do được nêu trong chương này.

[119] Fukushima, M., Jutagate, T., Grudpan, c., Phomikong, p., Nohara, s. (2014). “Potential Effects of Hydroelectric Dam Development in the Mekong River Basin on the Migration of Siamese Mud Carp (*Henicorhynchus siamensis* and *H. lobatus*) Elucidated by Otolith Microchemistry.” *PLoS ONE*. 9. 8. e103722. doi:10.1371/journal.pone.0103722.

[120] Baird, Ian, et al. (2003). “Rhythms of The River: Lunar Phases and Migrations of Small Carps (Cyprinidae) in The Mekong River.” *National Historic Bulletin of Siam Society*. 51.1. 5-36, tr 5.

[121] Tài liệu đã dẫn, tr 23.

[122] Sarkkula, J., Baran, E., Chheng p., Keskinen, M., Koponen, J., Kummu, M. Tonle Sap Pulsing System and Fisheries Productivity. (2004).

Contribution to the XXIXe International Congress of Limnology (SIL 2004),
Lahti, Finland, 8-14 August, tr 12.

[123] Baran, E. *Cambodia Inland Fisheries: Facts, Figures and Context*.
Trung tâm WorldFish và Viện Nghiên cứu và Phát triển Thủy sản nội địa,
Phnom Penh, Campuchia, năm 2005, tr 4.

[124] Evans, Patrick, T et al. *Flood Forests, Fish, Fishing Villages:
Tonle Sap Cambodia*. Asia Forest Network. 2004, tr 18.

[125] *Food and Nutrition Security Vulnerability to Mainstream
Hydropower Dam Development in Cambodia*. Viện Nghiên cứu và Phát
triển Thủy sản Nội địa, năm 2012.

[126] Baran, E. *Cambodia Inland Fisheries: Facts, Figures and Context*.
Trung tâm WorldFish và Viện Nghiên cứu và Phát triển Thủy sản nội địa,
Phnom Penh, Campuchia, năm 2005.

[127] Keskinen, Marko, et al. (2013). “Tonle Sap Future Now and in the
Future?” *Water and Development Publications*. March, tr 13.

[128] Tài liệu đã dẫn, tr 21.

[129] Baran, E. *Cambodia Inland Fisheries: Facts, Figures and Context*.
Trung tâm WorldFish và Viện Nghiên cứu và Phát triển Thủy sản nội địa,
Phnom Penh, Campuchia, năm 2005.

[130] Tài liệu đã dẫn, tr 8.

[131] Evans, Patrick, T. et al. *Flood Forests, Fish, Fishing Villages:
Tonle Sap Cambodia*. Asia Forest Network. 2004, tr 6.

[132] Cooperman, M. s., So, N., Arias, M., Cochrane, T. A., Elliott , V, Hand, T., Hannah, L., Holtgrieve, G. W, Kaufman, L., Koning, A. A., Koponen, J., Kum V, McCann, K. S., McIntyre, P. B., Min, B., Ou, C., Rooney, N., Rose, K. A., Sabo, J. L. and Winemiller, K. O. (2012) “A Watershed Moment for the Mekong: Newly Announced Community Use and Conservation Areas for the Tonle Sap Lake may Boost Sustainability of the Worlds Largest Inland Fishery” *Cambodian Journal of Natural History*. 101-6, tr 102.

[133] Fukushima, M., Jutagate, T., Grudpan, C., Phomikong, P., Nohara, S. (2014). “Potential Effects of Hydroelectric Dam Development in the Mekong River Basin on the Migration of Siamese Mud Carp (*Henicorhynchus siamensis* and *H. lobatus*) Elucidated by Otolith Microchemistry.” *PLoS ONE*. 9. 8. e103722. doi:10.1371/ journal, pone.0103722.

[134] McAnn, Kevin et al. *Food Webs and Sustainability of Indiscriminate Fisheries*. NRC Research Press. 2015, tr 7.

[135] Plov có vần giống với từ “low” trong tiếng Anh.

[136] Milne, Sarah. *Situation Analysis at Three Project Sites on the Tonle Sap in Cambodia*. IUCN. 2013, tr 14.

[137] Tài liệu đã dẫn, tr 24.

[138] Tác động của đập Hạ Sesan 2 được thảo luận ở chương 7.

[139] Ou, Chouly and Winemiller, Kirk. Seasonal Hydrology Shifts Production Sources Supporting Fishes in Rivers of the Lower Mekong Basin. NRC Research Press, March. 2016, tr 2.

[140] Keskinen, Marko et al. *Tonle Sap Future Now and in the Future? Water and Development Publications*. March. 2013, tr 27.

[141] Baran, E. et al. *Influence of Built Structures on Tonle Sap Fisheries. Cambodia National Mekong Committee and the WorldFish Center*. Phnom Penh, Cambodia. 2007, tr 23.

[142] Keskinen, Marko et al. *Tonle Sap Future Now and in the Future? Water and Development Publications*. March. 2013, tr 35.

[143] Ou, Chouly and Winemiller, Kirk. *Seasonal Hydrology Shifts Production Sources Supporting Fishes in Rivers of the Lower Mekong Basin*. NRC Research Press. March 2016, tr 2.

[144] Sarkkula, Juha et al. “Ecosystem processes of the Tonle Sap Lake.” Full paper for 1st Workshop of Ecotone Phase II, 2003 in Phnom Penh and Siem Reap, Cambodia, tr 3.

[145] Matti Kummu and Olli Varis. 2007. “Sediment-related impacts due to upstream reservoir trapping, the Lower Mekong River.” *Geomorphology*. 85. 3-4, tr 275-93. 1. Keskinen, Marko et al. *Tonle Sap Future Now and in the Future? Water and Development Publications*. March. 2013, tr 30.

[146] Keskinen, Marko et al. *Tonle Sap Future Now and in the Future? Water and Development Publications*. March. 2013, tr 30.

[147] Orr et al. (2002). “Dams on the Mekong River: Lost Fish Protein and the Implications for Land and Water Resources.” *Journal of Global Environmental Change*, tr 930.

[148] Năm 2016, sáu đập thượng nguồn của Trung Quốc, những con đập duy nhất hoạt động trên dòng chính của sông Mekong vào thời điểm đó, chứa 45,4km³ nước.

[149] www.globaltimes.cn/content/974022.shtml.

[150] Implementation Completion and Results Report on Integrated Water Management Program for the Mekong Delta. World Bank. 12/3/2018, tr 5.

[151] Minderhoud, p. s. J. et al. (2017). “Impacts of 25 Years of Groundwater Extraction on Subsidence in the Mekong Delta, Vietnam.” *Environmental Research Letters*. 12, tr 1.

[152] Tài liệu đã dẫn, tr 1.

[153] Tài liệu đã dẫn, tr 3.

[154] MacKay, Peter et al. *Climate Risks in the Mekong Delta*. Asian Development Bank. 2013, tr 8.

[155] Trong các bài viết và các bài diễn thuyết sau đó, James C. Scott đã mở rộng khái niệm Zomia ra khỏi những ngọn núi, đi vào vùng đất ngập nước và đầm lầy, trích dẫn đây là những khu vực mà nhà nước khó xâm nhập. Ông đã liệt kê các ví dụ về “Zomias ướt át” ở vùng đồng bằng trước Saddam Hussein Tigris / Euphrates Delta, Đầm lầy Đại tan vỡ trong thời kỳ nô lệ của Mỹ và đồng bằng Mississippi trong thời kỳ định cư châu Âu đầu tiên.

[156] Mekong Delta Central Connectivity Project on Rapid Climate Change Threat Vulnerability Assessment. International Center for

Environmental Management. September 2012, tr 10.

[157] MacKay, Peter et al. Climate Risks in the Mekong Delta. Asian Development Bank, 2013, tr 20.

[158] Mekong Delta Central Connectivity Project on Rapid Climate Change Threat Vulnerability Assessment. International Center for Environmental Management. September 2012, tr 61.

[159] Biggs, David. *Quagmire*. Silkworm Books, Chiang Mai. 2010, tr 16.

[160] Tài liệu đã dẫn, tr 18.

[161] Tài liệu đã dẫn, tr 30.

[162] Tuyến đường sắt hoạt động từ năm 1885 đến 1958, đóng cửa do ít sử dụng và bảo trì kém dưới thời chính phủ miền Nam Việt Nam.

[163] Tài liệu đã dẫn, tr 43.

[164] Tài liệu đã dẫn, tr 57.

[165] David Biggs, *Đầm lầy - Kiến tạo quốc gia và tự nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long* (2019), NXB Hồng Đức, Phanbook ấn hành.

[166] Tài liệu đã dẫn, tr 36.

[167] Tài liệu đã dẫn, tr 71.

[168] apjjf.org/2011/9/5/Geoffrey-Gunn/3483/article.html.

[169] Biggs, David. *Quagmire*. Silkworm Books, Chiang Mai. 2010, tr 207.

[170] Tài liệu đã dẫn, tr 209.

[171] Obermeyer, Ziad, Murray, Christopher J. L., Gakidou, Emmanuela (2008). “Fifty Years of Violent War Deaths from Vietnam to Bosnia: Analysis of Data from the World Health Survey Programme”. *British Medical Journal* 336. 7659.1482-86.

[172] Kontgis, C., Schneider, A., Ozdogan, M.. (2015). “Mapping Rice Paddy Extent and Intensification in the Vietnamese Mekong River Delta with Dense Time Stacks of Landsat Data.” *Remote Sensing Environment*. 169. 255-69. doi.org/10.1016/j.rse.2015.08.004

[173] Theo truyền thống, người Việt chôn cất tổ tiên ngay tại hoặc gần khu vực đất đã định.

[174] Các trầm tích tự nhiên châu thổ được ước tính cung cấp một phần ba tổng số cơ sở dinh dưỡng để trồng lúa ở đồng bằng. Mạnh, N. V., Dũng, N. V., Hùng, N. N., Merz, B., Apel, H. (2014). “Large-scale suspended sediment transport and sediment deposition in the Mekong Delta”. *Hydrology Earth Systems Sciences*. 18. 3033-53. doi.org/10.5194/hess-18-3033-2014.

[175] www.mrcMekong.org/topics/flood-and-drought/, accessed August 1, 2017, tr 11.

[176] Trước khi những con đập này được xây dựng, các hồ sơ từ trạm đo tại Chiang Saen, Thái Lan ở Tam Giác Vàng ngay phía nam biên giới Trung Quốc với Đông Nam Á cho thấy trung bình 84,7 triệu tấn trầm tích mỗi

năm ở sông Mekong. Vào năm 2014, tải lượng trầm tích đã giảm xuống còn 10,8 triệu tấn - một nửa tổng tải.

[177] Kondolf, G. Mathias (2018). “Changing the Sediment Budget of the Mekong: Cumulative Threats and Management Strategies for a Large River Basin.” *Science of the Total Environment*. 625, tr 121.

[178] Piman, Thanapon and Shrestha, Manish. Case Study on Sediment in the Mekong River Basin: Current State and Future Trends. Stockholm Environment Institute. November 2017, tr 2.

[179] news.nationalgeographic.com/2018/03/vietnam-Mekong-illegal-sand-mining/

[180] news.nationalgeographic.com/2018/03/vietnam-Mekong-illegal-sand-mining/

[181] Để thảo luận chuyên sâu về kết nối đa chiều này, hãy xem Kondolf, GM, Boulton, AJ, O’Daniel, s., Poole, GC, Rahel, FJ, Stanley, EH, Wohl, E., Bang, A., Carlstrom, J., Cristoni, C., et al. (2006). “Process-based Ecological River Restoration: Visualizing Three-dimensional Connectivity and Dynamic Vectors to Recover Lost Linkages.” *Ecology and Society*. 11. 5.

[182] Phỏng vấn Nguyễn Hữu Thiện vào ngày 26 tháng 5 năm 2018.

[183] *Migration, Resettlement and Climate Change in Viet Nam*. Liên Hiệp Quốc, tháng 3 năm 2014, tr 2.

[184] Kể từ khi quan hệ của Hoa Kỳ với Việt Nam được nối lại vào năm 1995, chính phủ Hoa Kỳ đã hỗ trợ Việt Nam hơn 1 tỷ đô-la để giúp sức phát

triển.

[185] Mekong Delta Plan: Long-term Vision and Strategy for a Safe, Prosperous and Sustainable Delta. Government of the Netherlands. 2013, tr 22.

[186] Để biết thêm thông tin về Nghị quyết 120, xem www.mekongdeltaplan.com/pm-resolution-120/

[187] Tài liệu đã dẫn, tr 45.

[188] Tài liệu đã dẫn, tr 45.

[189] London, Jack. “To Build a Fire,” in *The Century*. The Century Company. Tháng 8/ 2018.

Mục lục

Tác giả

DANH MỤC BẢN ĐỒ VÀ SỐ LIỆU

GIỚI THIỆU

1 VŨ BĂNG: THIÊN ĐƯỜNG HẠ GIỚI CUỐI CÙNG

2 XÂY ĐẬP TRÊN THƯỢNG MEKONG

3 THUNG LŨNG NHĨ HẢI

4 TỘC AKHA - NGƯỜI ZOMIA HIỆN ĐẠI

5 TAM GIÁC VÀNG ĐANG THAY ĐỔI

6 LÀO - KHÔNG GIAN TRANH ĐOẠT

7 XÂY ĐẬP Ở HẠ MEKONG

8 PHNOM PENH VÀ HỒ BOEUNG KAK

9 HỒ TONLE SAP

10 TƯƠNG LAI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

BẢNG PHIÊN ÂM MỘT SỐ ĐỊA DANH TRONG SÁCH

Chú thích